Tuyển Tập

SỐ 8

NHỚ HUẾ

Ấn Phẩm Kỷ Niệm

100 NĂM THÀNH LẬP TRƯỜNG QUỐC HỌC

1896 - 1996

K-T Furniture GALLERY

2775 W. Lincoln Ave. ▫ Anaheim, CA 92801

(Giữa Dale & Magnolia)

(714) 821- 4989

Với 15,000 sqft Showroom, chúng tôi có đủ loại bàn ghế, tủ, nệm từ Italy đến Hi-Tex. Tha hồ để Quý vị lựa chọn.

Tuyển Tập Nhớ Huế

Chủ Trương:

Hội Thân Hữu
Huế - Thừa Thiên

Chủ Biên:

Võ Văn Tùng

Ban Biên Tập:

Nguyễn Văn Y • Nguyễn Ngọc Thanh • Tôn Thất Tùng • Hoàng Giao • Nguyễn Khoa Thiều • Hồ Văn Phú • Nguyễn Đình Mô • Thái Bá • Thái Doãn Ngà • Hoàng Thi Thao • Hà Thúc Như Hỷ • Hoàng Tuấn Lộc • Hoàng Ngọc Trác • Dương Công Liêm

Kỹ Thuật:

Phan Đắc Khôi

Hình bìa & Trang Trí:

Thái Bá

Thư từ, bài vở, ngân phiếu ủng hộ, xin vui lòng gởi về:

Tuyển Tập Nhớ Huế
9559 Bolsa Ave., Suite D
Westminster, CA 92683
Phone: (714) 531-5754
Fax: (714) 531-5824

www.saigonline.com\ttnhohue

Những bài vở đăng trong **Tuyển Tập Nhớ Huế** không nhất thiết phản ảnh quan điểm của Nhóm Chủ Trương và do người viết hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Khải Định - Quốc Học và Huế

Nói đến Khải Định — Quốc Học, Đồng Khánh là nói đến Huế. Những sinh hoạt của người Huế hải ngoại phần lớn đã khởi phát từ một cái nhân là Khải Định — Quốc Học, Đồng Khánh và động lực là nỗi thiết tha với Huế miền đất mẹ yêu dấu.

Thuở sơ khai của Ban Tổ chức Ngày Nhớ Huế và Hội Thân Hữu Huế — Thừa Thiên cũng đã khởi đi từ một nhóm người đã dùng mẫu số chung Quốc Học, Đồng Khánh để thắp lên nhóm lửa hoài hương.

Hồi nhớ lại những ngày họp mặt QH/ĐK đầu thập niên 1980 và nhất là ngày kỷ niệm 90 năm thành lập trường ở Kono Restaurant, Santa Ana, tháng 10. 1986 do một số cựu học sinh QH/ĐK tổ chức với sự tham dự đông đủ của các thầy cô và cựu học sinh của hai trường, vẫn còn là những hoài niệm dịu dàng trong tâm tưởng mọi người.

Năm nay khi vừa nghe tin Hội QH/ĐK miền Bắc Cali xung phong tổ chức Đại Lễ 100 năm Quốc Học và 80 năm Đồng Khánh cho Hoa Kỳ và Hải ngoại, Hội Thân Hữu Huế — Thừa Thiên đã bày tỏ nhiệt tình yểm trợ với một lá thư đầy thiện chí hợp tác.

Liên khúc thơ nhạc Thiên Hùng Ca của Dân tộc Việt, thi vũ nhạc cảnh Kẻ Sĩ trên giòng Lịch Sử, một tiết mục chủ yếu của Đại lễ, là công trình sáng tạo và hòa âm cuả một người tài hoa đa dạng, anh Hà Thúc Như Hỷ, phó chủ tịch của Hội Thân Hữu Huế — Thừa Thiên. Sự tập dượt công phu của anh chị em trong ban hợp xướng của Hội cùng những đóng góp trên đã nói lên cường điệu của đồng thanh tương ứng trong giới QH/ĐK chúng ta.

Và cũng để chào mừng Đại Lễ, Tuyển Tập Nhớ Huế số 8 năm nay với chủ đề Kỷ niệm 100 năm Quốc Học và 80 năm Đồng Khánh, được phát hành ngay tại San Jose, là một đóng góp tinh thần của những đứa con thân yêu xuất thân từ hai ngôi trường cổ kính của xứ Huế.

Võ Văn Tùng

Với sự góp mặt của:

Bản Anh ■ Vĩnh Bội ■ Bồng Phạm Văn Thoại ■ Thái Bá ■ Huỳnh Hữu Cửu Nam Cát Bửu Hạp ■ Nhã Ca ■ Minh Vũ Hồ Văn Châm ■ Lê Thị Kim Cương ■ Trúc Chi Tôn Thất Kỳ ■ Hà Huyền Chi ■ Hoàng Bích Đào ■ Võ Văn Đạt ■ Trần Kim Đoàn Bùi Minh Đức ■ Hoàng Đức ■ An Nguyễn Kiều Mỹ Duyên ■ Nguyễn Mộng Giác ■ Hoàng Giao ■ Bùi Bích Hà ■ Bạch Thu Hà ■ Kim Hà ■ Tôn Nữ Hoàng Hoa ■ Tôn Nữ Hoài Hương ■ Nguyễn Văn Hưng ■ Hà Thúc Như Hỷ ■ Phượng Hàm ■ Phan Tôn Nữ Hà ■ Vân Hà ■ Nguyên Hà ■ Thế Hoàng ■ Võ Đình Hữu ■ Tôn Thất Hứa ■ Phan Mộng Hoàn ■ Nguyễn Thị Hiệp ■ Thái Văn Kiểm ■ Hồ Trọng Khôi ■ Đồng Sĩ Khiêm ■ Đoàn Khoách ■ Trần Trọng Khoái ■ Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh ■ Tâm Lạc T.T.D ■ Lê Văn Lân ■ Dương Công Liêm ■ Hoàng Liên ■ Nguyễn Khoa Diệu Lê ■ Duy Lam ■ Lê Phước Lộc ■ Thái Kim Lan ■ Thiên Thanh Như Lý ■ Nguyễn Văn Minh ■ Nguyễn Đình Mô ■ Mai Kim Ngọc ■ Trịnh Lâm Ngân ■ Lê Nguyễn ■ Nguyễn Ngọc Nhâm ■ Hồ Văn Phú ■ Nguyễn Huy Phước ■ Nguyên Pháp ■ Hoàng Phong ■ Nguyễn Khoa Diệu Phương ■ Trần Quang ■ Lê Khắc Ngọc Quỳnh ■ Bùi Văn Sớm ■ Tôn Thất Sơn ■ Võ Văn Tùng ■ Trần Dạ Từ ■ Chi Điền Hoàng Duy Từ ■ Nguyễn Phúc Vĩnh Tung ■ Nguyễn Lý Tưởng ■ Dạ Triều ■ Hương Thủy Hoàng Trọng Thược ■ Tôn Thất Tùng ■ Thanh Toàn ■ Trần Xuân Thời ■ Kiêm Thêm ■ Tôn Thất Thiện ■ Nguyễn Hữu Thứ ■ Nguyễn Ngọc Kiều Trang ■ Nguyễn Ngọc Quỳnh Trang ■ Nguyễn Ngọc Thùy Trang ■ Võ Long Tê ■ Hoàng Trúc Tiên ■ Nguyễn Phúc Bửu Tập ■ Nguyễn Khoa Thiều ■ Đinh Việt Thủy ■ Lê Quang Tiềm ■ Thân Trọng Tuấn ■ Tôn Thất Tuệ ■ Nhất Tuấn ■ Nguyễn Ngọc Thanh ■ Minh Đức Hoài Trinh ■ Thiên Tứ ■ Trần Thị Cẩm Tuyến ■ Tôn Lệ Vân ■ Hoài Việt ■ Nguyễn Văn Y.

Tuyển Tập Nhớ Huế xin chân thành cám ơn:

- ❄ Chị Hoàng Bích Đào (nhà sách Diễm Phương tại Paris)
- ❄ Chị Lê Khắc Ngọc Quỳnh tại Canada
- ❄ Anh chị Trần Đoàn tại Washington D.C
- ❄ Anh Tôn Thất Hứa ở Đức
- ❄ Chị Phan Mộng Hoàn ở San Jose
- ❄ Chị Tôn Kim Tri ở Texas
- ❄ Chị Dương Thủy Ngân tại Seattle
- ❄ Chị Tôn Nữ Duy Thạnh ở San Diego
- ❄ Các anh, các chị ở Los Angeles và Orange County

Đã giúp đỡ phổ biến Tuyển Tập Nhớ Huế đến tay bạn đọc ở địa phương.

Nội Dung

- Khải Định — Quốc Học và Huế *VÕ VĂN TÙNG* 1
- Trường Quốc Học, trường Đồng Khánh và Huế *NGUYỄN HỮU THỨ* 5
- Trường Khải Định 100 năm *VĨNH BỘI* 13
- Chuyện năm mươi năm cũ *TRÚC CHI TÔN THẤT KỲ* 17
- Để tưởng nhớ những người thầy khả kính *NGUYỄN PHƯỚC* 25
- Huế thành phố ấy không bao giờ ra khỏi đời tôi *NGUYỄN XUÂN HOÀNG* 27
- Kỷ niệm 100 năm trường Quốc Học Huế: 29
  Linh mục Nguyễn Văn Thích (1891-1979) *VÕ LONG TÊ*
- Trường Quốc Học - Đôi dòng lịch sử đáng nhớ *NGUYỄN ĐẶNG* 38
- Xóm Thượng Tứ *PHAN MỘNG HÒA — HOÀN* 45
- Bún bò Huế *TRẦN KIỂM ĐOÀN* 54
- Nụ Hồng *NHÃ CA* 67
- Hai lần cứu con *VÕ VĂN TÙNG* 74
- Nước loạn canh tàn khóc bể dâu *HƯƠNG GIANG THÁI VĂN KIỂM* 89
- Chơi Thai Bài Chòi *LÊ VĂN LÂN* 104
- Mo cơm bới *HOÀNG GIAO* 111
- Chùa Diệu Viên *Y LA NGỌC QUỲNH* 113
- Làm vợ vua *HƯƠNG THỦY* 115
- Huế đặc sệt *BÙI MINH ĐỨC* 119
- Lặn lội thân cò *MINH VŨ HỒ VĂN CHÂM* 123
- Ngỡ ngàng *DƯƠNG CÔNG LIÊM* 130
- Vua Gia Long với quyết định chọn người kế nghiệp *TRẦN ĐÌNH SƠN* 133
- Thạch Liêm lão hòa thượng và chùa Thiên Mụ ở Huế *NGUYỄN LÝ TƯỞNG* 136
- Sịa, khu thị tứ vươn lên từ vùng lau sậy *PHAN THUẬN AN* 139
- Tui đi "Xì Cút" *TÔN THẤT THIỆN* 142
- Về thăm Huế có hai ngày *LỆ VÂN* 143
- Thơ trào phúng trong Hương Bình Thi Xã *TRẦN THỊ CẨM TUYẾN* 147
- Một đời thương nhớ *VÕ ĐÌNH HỮU* 150
- Thu mong chờ người *LÊ PHƯỚC LỘC* 155
- Một kỷ niệm của cố thi hào Nguyễn Du *TÔN THẤT TÙNG* 159
- Ca dao và triều Nguyễn *TÔN THẤT HỨA* 163
- Tết Mậu Thân *NAM CÁT BỬU HẠP* 171
- Huế: Niềm nhớ không phai *KIM HÀ* 177
- Thư Tín 183
- Danh sách ân nhân ủng hộ Ngày Nhớ Huế & TTNH 216

THƠ:

- Giận lẫy Huế *KIÊM THÊM* 16
- Gởi về quê em *BỒNG* 21
- Sông Hương sáng dạo thuyền *THIÊN NHẤT PHƯƠNG* 24
- Lời muôn sau cho Huế *LÊ NGUYỄN* 44
- Chút nắng vàng của Huế *HỒ VĂN MẪN* 53
- Để lại tình ta: Núi với sông *PHẠM NGỌC TRÚC CHI* 65
- Kiêm Thêm đứng trước trường Đồng Khánh *KIÊM THÊM* 66
- Nhớ Xuân quê mẹ *HỒ TRỌNG KHÔI* 81
- Những đường trăng *HOÀNG BÍCH ĐÀO* 87
- Trên sông Hương *LỆ VÂN* 110
- Một ngàn ngày *HỒ VĂN PHÚ* 122
- Tri thiên mệnh *P.H* 129
- Đôi mắt Huế *THANH TOÀN* 149
- Hương giang *HÀ VIỆT VĂN* 154
- Hoài niệm chiều mưa *NGUYỄN HUY PHƯỚC* 157
- Sur la rivière ses parfums — Trên giòng Hương Giang *THÙY VIỆT LÂN* 162
- Hồi tưởng *LÊ ĐỨC PHÚ* 174
- Về một tuyển tập nhớ Huế *NGUYỄN HUY PHƯỚC* 180

HỘI THÂN HỮU HUẾ - THỪA THIÊN

Ngày 4 tháng 6,1996

Kính gửi Giáo Sư Hà Như Chi
Trưởng Ban Tổ chức
Đại Hội Kỷ Niệm 100 trăm thành lập Trường Quốc Học
và 80 năm thành lập trường Đồng Khánh Huế

Thưa Anh,

Chúng tôi đã nhận được thư anh và xin cám ơn anh đã có nhả ý mời cá nhân chúng tôi tham gia vào Ban Tổ chức của Đại Hội và làm Đại diện Vùng Nam California.

Như qúy anh đã biết, chúng tôi là một nhóm cựu học sinh có quá trình hoạt động hăng say cho Hội mang tên hai trường QH/ĐK ở vùng nây từ lâu .

Sau đó chúng tôi mỡ rộng tầm hoạt động đổi tên thành Ban Tổ chức Ngày Nhớ Huế .Gần đây vì vấn đề pháp lý chúng tôi đã giải tán Ban Tổ chức Ngày Nhớ Huế và thành lập Hội Thân Hữu Huế Thuà Thiên.

Vì phần đông thành viên của Hội chúng tôi là cưu học sinh của hai trường QH/ĐK nên khi được loan báo lời mời của qúy anh, chúng tôi rất hân hoan và sẽ sản sàng tham dự,đóng góp cho Đại Hội theo lời yêu cầu của Ban Tổ Chức như sau:

1.Thành lập một phái đoàn cựu học sinh QH/ĐK đông đảo lên San Jose tham dự Đại Hội
2. Tham gia tích cực vào chương trình văn nghệ. Chúng tôi sẽ trình diễn một màng hợp xướng và một tứ ca hoặc tam ca.
3. Góp phần triển lảm những Tuyển Tập Nhớ Huế từ số 1 đến số 7. Hội Aí Hữu Y Khoa Huế sẽ cùng hợp tác triển lảm những Giai Phẩm Xuân và Hè từ 1984-1996. Các nhà văn như Nhả Ca , Hoàng Trọng Thược,Hoàng Duy Từ. Lê Văn Lân v.v.sẽ triển lảm tác phẩm của mình.
4. Hội Thân Hữu Huế-Thuà Thiên xin phép được phát hành tại Đại Hội Tuyển Tập Nhớ Huế số 8 , 1996, ấn phẩm đặc biệt gồm nhiều bài vở rất đặc sắc để kỷ niệm 100 năm thành lập trường Quốc Học.

Trong niềm hân hoan và tinh thần đoàn kết chúng tôi xin hẹn gặp các cựu giáo sư và các bạn hữu cựu học sinh QH/ĐK tong kỳ Đại Hội sắp đến . Kính chào Anh và xin chúc Đại Hội được thành công tốt đẹp

Trân trọng,

Bác sĩ Võ Văn Tùng

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ Tịch Võ Văn Tùng
Phó Chủ Tịch
Tôn Thất Tùng
Nguyễn Khoa Thiều
Hoàng Giao
Hà Thúc Như Hỷ
Tổng Thư Ký Hoàng Tuấn Lộc
Phó Tổng Thư Ký Hoàng Ngọc Trác
Thủ Quỷ Bà Trần Tiển Khanh
Quản Trị Viên và Trưởng Ban
Thái Doãn Ngà
Nguyễn Đình Mô
Hoàng Thi Thao
Thái Bá
Nguyễn Văn Y
Nguyễn Ngọc Thanh
Hồ Văn Phú
Lê Bá Chư
Dương Công Liêm
Võ Đình Đắc
Võ Văn Đạt
Trang Kiên
Nguyễn Tấn Thọ
Bửu Lộc

CỐ VẤN
Thái Văn Kiểm - Hoàng Trọng Thược
Hoàng Duy Từ - Nguyễn Hữu Thứ
Hà Như Chi -Vĩnh Huyên
Lê Văn Lân -Bùi Minh Đức

ĐỊA CHỈ
9559 BOLSA AVE., SUITE D
WESTMINSTER, CA 92683
Phone: (714) 531-5754
FAX: (714) 531-5824

✦ **Kỷ Niệm Quốc Học 100 năm, Đồng Khánh 80 năm.**

Trường Quốc Học, Trường Đồng Khánh và Huế

Nguyễn Hữu Thứ

Huế là một công trình lịch sử của các Chúa, các Vua Dòng Nguyễn Phước: Trong thế kỷ XX, Huế trở thành một trung tâm văn hóa, giáo dục quan trọng của Việt Nam. Trường Quốc Học, Trường Nữ Trung Học Đồng Khánh có đóng góp gì cho sự phát triển của trung tâm ấy không ?

* Huế, sinh trưởng khó khăn

Năm Mậu Ngọ 1558, Chúa Tiên *Nguyễn Hoàng* (1525 - 1613) bắt đầu cuộc Nam tiến để thành lập Đàng Trong. Ông và những người kế vị đã chọn *năm vị trí* để dựng Phủ Chúa. Năm nơi đó là:

1. *Ái Tử* ở cách Huế 70 km về phía Bắc; Ái Tử được giữ trong 63 năm (1558 - 1626).

2. *Phước Yên* (hay Phúc An) nằm trên Sông Bồ, gần chợ Kệ, ở Bắc Huế 10 km, tuổi thọ 10 năm (1626 - 1636).

3. *Kim Long*, ở phía Tây Huế, nay sát nhập vào thành phố; tuổi thọ 51 năm (1636 - 1687).

4. *Bác Vọng*, ở phía Bắc Huế độ 15 km, không xa Phước Yên bao nhiêu; tuổi thọ được 26 năm (1712 - 1738).

5. *Phú Xuân*, nằm trong chu vi của Thành phố Huế hiện nay. Phú Xuân được chọn làm phủ Chúa hai lần. Lần đầu tiên, Chúa *Nguyễn Phúc Trăn* (1651 - 1691) lúc lên ngôi năm 1687 thiên đô từ Kim Long đến Phú Xuân. Nhưng con ông là Chúa Minh *Nguyễn Phúc Chu* (1675 - 1725) lên ngôi Chúa năm 1691, đến năm 1712 thì thiên đô về Bác Vọng, như vậy trong giai đoạn đầu Phú Xuân được giữ làm thủ phủ trong 25 năm. Năm 1738, cháu là *Nguyễn Phúc Khoát* (1714 - 1765) lúc lên kế vị cha là Nguyễn Phúc Trú (1696 - 1738) lại đưa kinh sư trở lại Phú Xuân năm 1738. Từ đó, mặc dầu có lúc Phú Xuân thay đổi nhà cầm quyền (Trịnh, Tây Sơn), Phú Xuân vẫn là Phủ Chúa (Nguyễn Phúc Khoát xưng Vương sau đó).

Tại Ái Tử, Phước Yên, Bác Vọng, Kim Long, về sau không tìm ra dấu vết của một kiến trúc nào cả như một bức thành, cột nhà, làm cho hậu thế nghĩ rằng các dinh thự đều được xây dựng với vật liệu nhẹ, không chịu đựng nổi với thời gian.

Về *Phú Xuân*, sách báo có nói rằng sau khi Chúa Ngãi Nguyễn Phúc Trăn chọn làm phủ Chúa lần đầu năm 1687, nhiều thành trì, cung thất được xây dựng, đường xá được sửa sang.

Năm 1738, Chúa Nguyễn Phúc Khoát đưa kinh đô từ Bác Vọng trở lại Phú Xuân rồi 6 năm sau, 1744, xưng Vương, sách báo nói rằng nhiều cung điện đủ loại đã được xây lên, không những ở Huế mà còn ở Dương Xuân, phía Tây Huế, đối diện với Kim Long ở bờ sông bên kia.

Thế mà lúc Vua Gia Long và các Vua khác Dòng Nguyễn Phước xây kinh đô Huế, không có tài liệu nào

nói về các cung điện ấy, ngày nay tại Huế, Dương Xuân, người ta không tìm thấy vết tích các kiến trúc thế kỷ 19. Nếu có gì kiên cố, vết tích thế nào cũng còn. Các *Kim Tự Tháp* ở vùng *Gizeh* (gần thủ đô Cairo, Ai Cập), *Vạn Lý Trường Thành* ở Trung Quốc, các đền đài của người *Aslèque, Maya, Inca* ở Trung Nam Mỹ, *Đế Thiên Đế Thích* ở Cao Miên... xây dựng từ nhiều thế kỷ, nhiều chục thế kỷ vẫn còn. Du khách đến La Mã thế nào cũng đến đấu trường Colisée xây dựng ở thế kỷ thứ I sau CN — cách đây gần 20 thế kỷ, thời Dòng *Flavien*, trị vì từ năm 69 đến năm 96 với những Vua Vespasien, Titus, Dominitien; đấu trường đó có thể chứa 50 ngàn khán giả, vẫn đứng vững để gần vài ngàn năm sau Lý Tiểu Long và Chuck Norris đến đấu một trận ngoạn mục trong một phim cỡ Tinh Võ Môn.

Như vậy Huế "ra đời" một cách khó khăn, phát triển một cách chậm chạp. Nghĩ mà phục *Lý Công Uẩn* có cái nhìn xa. Lên ngôi năm 1010 lấy tên *Lý Thái Tổ*, ông nhận thấy Hoa Lư khó phát triển nên thiên đô về *Đại La* rồi đổi tên ngay là *Thăng Long*. Đại La đâu có địa lý thiên nhiên quyến rũ bằng Phú Xuân; thế mà Chúa Nguyễn mất gần 200 năm (1558 - 1738) mới chọn Phú Xuân làm kinh sư!

*** Trường Quốc Học ra đời cũng khó khăn.**

Trong việc cai trị, cần những người có học; các Vua nhà Lý thấy việc đó. Năm 1010, Lý Thái Tổ lên ngôi. Sáu mươi năm sau, năm 1070, cháu nội Lý Thái Tổ là Nhật Tôn (1028 - 1072) lên ngôi là *Lý Thánh Tôn* lập *Văn Miếu* ở Thăng Long để thờ Khổng Tử, Chu Công, Tăm Sâm, Mạnh Tử, Tử Tư, Nhan Uyên... Lúc đầu chỉ có các hoàng tử mới được phép đến tu luyện văn chương ở đó. Về sau, các kỳ thi được tổ chức; Văn Miếu được mở rộng cho những con quan, con thứ dân học giỏi. Lúc đầu trường lập ra lấy tên là Trường Thái Học, sau đổi ra thành *Quốc Học Viện* rồi *Quốc Tử Giám*.

Hơn 15 thế kỷ sau, các Chúa Nguyễn tỏ ra kém hơn các Vua Lý về giáo dục. Vua Gia Long và các Vua kế vị cũng chỉ tổ chức các kỳ thi, cũng có Văn Miếu, trường Quốc Tử Giám mà không thành lập trường cho mọi người dân. Tuy nhiên, có điểm đáng nói ra là có đủ loại thi ở các cấp. Ở Huyện, có kỳ thi *"Khóa sinh Hán học"*, ai đỗ được gọi là *"Ông Khóa"* cũng tăng danh giá và được miễn "Công ích, tư ích" trong một thời gian ngắn.

Tỉnh có kỳ thi cao hơn; ai đỗ được gọi là *"Ông Học"*, "oai hơn" và thời gian "Miễn sai, miễn diêu" lâu hơn. Những người đỗ ở các kỳ thi cao hơn — hương, hội, đình — được đón tiếp trọng thể ở nơi cư trú — có thể là sinh quán luôn — nên có từ "đại đăng khoa".

*

Có cơ hội phát triển nền học vấn thuận tiện nếu các Chúa Nguyễn có cái nhìn xa là việc đặt ra *chữ Quốc Ngữ*, tức là việc La Tinh hóa chữ Nôm.

Ngay từ đầu thế kỷ 17, các nhà truyền giáo *Ky Tô* đã đến hoạt động ở Việt Nam đều đặn ở Đàng Ngoài, Đàng Trong — Vì nhu cầu công tác, Linh mục Ý *Francisco de Pina* đã học tiếng Việt để giảng đạo, dùng mẫu tự *La Tinh* để phiên âm tiếng Việt. Trong công tác này có L.M *Christophe Borri* — cũng người Ý tiếp tay. Công việc được hoàn thành bởi L.M *Alexandre de Rhodes* (1591 - 1660), người Pháp. Lẽ ra các Chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, các Chúa Nguyễn ở Đàng Trong phải nhận thức khả năng phong phú của việc La Tinh hóa chữ Nôm mà mở trường, nhưng không!

*

Vào hạ bán thế kỷ 18, *Nguyễn Phúc Ánh*, trong cuộc chiến đấu dành chính quyền, đã nhờ nhiều người Pháp giúp đỡ trong đó có L.M *Bá Đa Lộc* (Pigneau de Béhaine) (1741 - 1793, người đã ở cạnh Nguyễn Vương 10 năm, đã dẫn *Hoàng Tử Cảnh* qua Pháp vận động, đã ký thay Nguyễn Vương cùng Bá Tước *De Montmarin*, đại diện Vua Louis 16 (1754 - 1793) của Pháp Hiệp Ước *Versailles* ngày 28. 11. 1787

về viện trợ. Lúc Nguyễn Phúc Ánh thành công, L.M đã qua đời, song tinh thần duy tân theo lối Tây Phương lẽ ra thúc đẩy Vua Gia Long mở trường. Song, ông chỉ làm như các Vua Lý ở thế kỷ 11 là xây văn Miếu, mở Trường Quốc Tử Giám.

*

Các Vua kế vị Gia Long bảo thủ, lại không rõ thời cuộc mà ký với Pháp thời *Napoléon III* (1808 - 1873) yếu thế Hòa Ước Nhâm Tuất: 5 - 6 - 1862 nhượng 3 tỉnh Miền Đông Nam Kỳ (cắt liên lạc với miền Tây) và không có điều nào nói đến giáo dục tuy các đế quốc thực dân thường nói là khai hóa các nước chậm tiến.

Hòa Ước thứ hai ký ngày *15. 3. 1874 - Giáp Tuất* — có điều 4 nói rằng Pháp giúp Việt Nam mở một trường cao tiểu ở Huế, có điều 9, đoạn 8 nói rằng Việt Nam có thể mở ở Saigon một trường cao tiểu nếu muốn.

Hòa Ước thứ ba ký ngày *25. 8. 1883 - Quí Mùi* — có điều 24 nói rằng Pháp sẽ cung cấp các huấn luyện viên, kỹ sư, bác học mà Việt Nam cần.

Ngay năm 1862, Pháp đã mở Trường *Adran* (sau đó đổi thành Trường *Chasseloup Laubat*). Mặc dầu có nhiều khó khăn, Vua Tự Đức phải nghĩ đến việc duy tân mà mở trường theo lối Tây Phương. Chính ông đã cử nhiều người xuất ngoại qua Thái Lan,

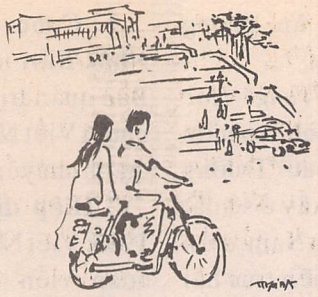

Hương Cảng, La Mã, Pháp như các ông *Phạm Phú Thứ, Nguyễn Trường Tộ, Trần Đình Túc, Lê Dinh, Bùi Viện*; chính ông *Phan Thanh Giản* cũng đã qua Pháp. Các vị đó, cũng như nhiều quan lại trong nước, đã đề nghị mở trường, phát triển ngoại thương, duy tân mọi mặt, nhất là quân sự; thế mà chẳng có gì cải cách cả, chứ đừng nói đến những biện pháp cách mệnh táo bạo theo kiểu *Mục Khâm Thiên Hoàng* (Mutso Hito) (1852 - 1912) của Nhật Bản, mà lịch sử ghi là *Minh Trị Thiên Hoàng* (Meigi Tenno).

Thành ra, trong lịch sử Việt Nam, có một khoảng trống lớn, kéo dài về giáo dục, cần lấp lại: *Trường Quốc Học Huế* chào đời ngày *26. 12. 1896* quá chậm để nhận một nhiệm vụ nặng nề. Nhưng các yếu tố đó lại tăng uy tín của Trường xem như trường trung học xưa nhất dành cho học sinh Việt Nam. Mãi *21 năm sau, 1917*, Trường Nữ Trung Học *Đồng Khánh Huế* mới chào đời, cũng quá chậm song đó là trường nữ trung học tuyệt đối xưa nhất của Việt Nam, của Đông Dương. Hai trường sẽ cùng nhau làm nhiệm vụ văn hóa lịch sử.

*** Lược sử hai Trường.**

Ở Huế, vùng tam giác Cầu Ga — Cầu An Cựu — Đập Đá ở hữu ngạn, bờ nam Sông Hương thường được gọi là *"phố Tây"* vì người Pháp muốn có tiếng nói về việc xử dụng đất đai vùng ấy để bảo vệ an ninh cho họ. Nguyên do là trong đêm 4 rạng 5. 7. 1885 *(27 tháng 5 năm Ất Dậu)* quân đội Pháp đã bị quân của ông Tôn Thất Thuyết đánh úp. Các cơ sở quan trọng — Tòa Khâm Sứ, Tòa Công Sứ, Phủ Doãn, bệnh viện... đều nằm trong vùng ấy.

Trường Quốc Học được xây ở *Tả Doanh Thủy Sư* ở phía Đông Tòa Công Sứ, phía Tây Phủ Doãn, mặt nhìn về phía Bắc, có con đường song song với bờ Sông Hương, giữa trường và sông có dẫy đất, có nước làm công viên, có nơi xây công thự. Trường tạm dùng một số nhà tranh của Tả Doanh, dựng vội vã một số nhà tranh khác vì từ ngày ký nghị cho phép mở trường — 18. 11. 1896 — đến ngày khai giảng — 26. 12. 1896 không đến 40 ngày. Phải đợi trên 20 năm Trường mới trở thành gần như trạng thái ngày nay để có thể nhận vào mỗi năm *100 học sinh*, có đủ các phòng học, ký túc xá,

nhà chơi, phòng ăn, phòng tắm, sân vận động.

Trường Nữ Trung Học Đồng Khánh, thành lập năm 1917, 21 năm sau Trường Quốc Học, được xây ở sở đất phía Đông Trường Nam, diện tích bằng nhau, kiến trúc hài hòa âm dương. Công viên trước hai trường có hoa mimosa, hoa ti-gôn, hoa giấy rất đẹp. Con đường trước hai trường tương đối rộng thẳng, đổ nhựa ở Huế trước nhất, là một trong những đường đẹp nhất Huế.

Cho đến niên khóa *1935 - 1936*, Trường Quốc Học có các lớp tiểu học, cao tiểu mà thôi. Trong niên khóa *1936 - 1937*, Trường Quốc Học có thêm *ban Tú Tài*, tức thêm 3 lớp: *"Seconde"* gọi tắt là *I.S* (Première secondaire) tương đương với lớp 10; *"Première"*, thường gọi là *II.S* (Deuxième secondaire), tương đương với lớp 11, học sinh cuối niên khóa thi *Tú Tài bán*, *"Philo"* tức Philosophie, Tú Tài Ban Triết Lý; *"Mathélem"* — tức Mathématiques élémentaires, Tú Tài Ban Toán — Hai lớp này gọi là *III.S* (Troisième Secondaire) — Học sinh các lớp 11, 12 này rút từ các Trường Albert Sarraut hay Trường Bưởi ở Hà Nội. Thành thử, cuối niên khóa 1936 - 1937, Trường Quốc Học (mới đổi thành *Lycée Khải Định*) có thể tổ chức kỳ thi Tú tài toàn phần, Tú tài bán phần.

Hai trường chịu ảnh hưởng của nhiều biến cố chính trị:

1. Cuộc đảo chính của Nhật Bản ngày 9. 3. 1945: Ban quản trị, giáo sư toàn là người Việt Nam; Việt ngữ trở thành chuyển ngữ.

2 Hiệp định Sơ bộ 9. 3. 1945: Việt Nam phải để đoàn quân viễn chinh Pháp xử dụng các cơ sở của trường Quốc Học, học sinh phải tiếp tục việc học ở Đại Nội.

3. Chiến tranh Việt Pháp xảy ra ngày 19. 12. 1946. Một phần giáo sư, học sinh di tản ra phía Bắc (Quảng Bình, Hà Tĩnh), phần còn lại, lúc hồi cư, 1947, học nhờ ở trường Thượng Tứ (Trường Paul Bert cũ) và trường Lê Lợi (Trường Chaignau cũ). Vì thầy thiếu, trường Quốc Học chỉ mở đến lớp 10 mà thôi. Nhưng trong niên khóa 1948 - 1949; trường Quốc Học xử dụng được trường ốc Việt Anh (Phủ Ủy Viên Pháp thuận hoàn lại) và nhà lầu phía Tây của trường Đồng Khánh (cô Hiệu Trưởng Hồ Thị Thanh nhã ý cho xử dụng).

4. Hiệp định Genève 20. 7. 1954. Pháp rút quân khỏi trường ốc Quốc Học và trường tái chiếm các cơ sở ấy, có thể hoàn lại nhà lầu phía Tây, mượn từ 1948, 6 năm trước, cho trường Đồng Khánh.

* Đóng góp của hai Trường cho Huế.

Hai trường trung học công lập nam, nữ đã có những đóng góp đáng kể cho Huế; chúng tôi chỉ xin dẫn một số điểm mà thôi.

- ***1. Đào tạo các nhà trí thức đủ cấp.***

Trường Quốc Học là trường cao tiểu xưa nhất Việt Nam. Trường không những nhận nam sinh Việt Nam mà về sau có cả người Pháp, người Lào nữa. Nữ sinh cũng có thể thi vào. Ông Nguyễn Hữu Hoằng (thân phụ của nữ sĩ Nguyễn Thị Hoàng) cựu học sinh, cựu Tổng Giám Thị Trường Quốc Học trong bài *"Những hình ảnh xa xưa của Trường Quốc Học" (1917 - 1946)"*. Đăng trong cuốn *"Ngàn năm xứ Huế"* của các ông Nguyễn Châu, Đoàn Văn Thông, nói rằng trong lớp ông — niên khóa 1917 - 1918, có hai nữ sinh là *Phạm Trần Thị Loan, Trương Thị Tỉnh*, ngoài nhiều nam sinh sau này nổi tiếng như các ông Phạm Doãn Điềm (Dược sĩ), Tôn Thất Tùng (Bác sĩ), Đặng Phúc Thông (Kỹ sư mỏ), Thân Trọng Phúc (Bác sĩ), Nguyễn Hoài (Tỉnh trưởng), Lê Khắc Giai (Trưởng ty Giáo Dục)...

Thời 1917, trường nữ Trung học Đồng Khánh mới ra đời với lớp năm nên hai cô Loan, Tỉnh nói trên phải thi vào trường Quốc Học. Cho đến 1945, trường ấy vẫn là trường nữ trung học độc nhất ở Trung Phần dành cho phái nữ.

Về sau, có thêm ba trường cao tiểu khác — ngoài trường Đồng Khánh — dành

cho người Việt ở Thanh Hóa, Vinh và Qui Nhơn. Nhưng phải đợi trên dưới 15 năm, nên trong một thời gian nào, Trường Quốc Học giữ độc quyền đào tạo thanh niên miền Trung để làm công chức, để tiến lên nền học vấn cao hơn. Cho nên có câu ca dao: *"Quảng Nam hay cãi, Quảng Ngãi hay co, Bình Định hay lo, Thừa Thiên xực hết"*.

Nên hiểu rằng nghĩa của câu ấy là các quan lại, các công chức miền Trung trước đây đều xuất thân từ Thừa Thiên Huế. Bằng *Thành Chung* — kết thúc cấp cao tiểu, tương đương với lớp 9 bây giờ — có giá lắm đến nỗi thời này có câu *"Phi Thành Chung bất thành phu phụ !"*

Trong niên khóa 1936 - 1937, trường Quốc Học có thêm *Ban Tú Tài*, đổi tên mới là *Lycée Khải Định* và vẫn là trường độc nhất ở Trung Phần cho đến năm 1945 có những học sinh đỗ Tú tài toàn phần — Vinh dự cho Huế !

Trường Nữ Đồng Khánh ra đời năm 1917, bắt đầu có những nữ sinh đỗ Thành Chung trong niên khóa 1925 - 1926, cũng là trường cao tiểu làm vinh dự cho Huế.

- ***2. Đôi bước tiền phong.***

Quân đội Nhật làm cuộc đảo chính hôm 9. 3. 1945. Ba hôm sau, do đề nghị của Thượng Thư Bộ Học Trần Thanh Đạt, Gs *Nguyễn Dương Đôn* được cử làm Giám Đốc Học Chánh Trung Phần, Gs *Phạm Đình Ái* được cử làm Hiệu trưởng Trường Quốc Học, Cô *Nguyễn Thị Thể* được cử làm Hiệu trưởng Trường Đồng Khánh.

Tiếng Việt trở thành *chuyển ngữ* trong giáo dục, bất cứ ở cấp nào — ở Bắc Nam một thời gian sau, tiếng Việt mới trở thành chuyển ngữ.

Ngày 17. 4. 1945, Nội các *Trần Trọng Kim* được Vua Bảo Đại đưa ra trình diện ở Điện Thái Hòa. Người đương thời cho rằng đó là nội các lý tưởng vì gồm toàn các vị khoa bảng nổi tiếng có đạo đức, có lòng yêu nước.

Bộ Trưởng Giáo Dục là Thạc sĩ Hoàng Xuân Hãn. Một trong những việc đầu tiên là soạn một chương trình giáo dục. Trong công việc này, ông Bộ Trưởng nhờ sự cộng tác của một số giáo sư của hai Trường ở Huế. Chương trình về sau mang tên *Chương trình Hoàng Xuân Hãn*. Nội các Trần Trọng Kim chưa có thì giờ làm bất cứ gì, song chương trình giáo dục tồn tại, làm căn bản cho các chương trình sau, kể luôn cả chương trình áp dụng thời Mặt Trận Việt Minh.

- ***3. Đón tiếp Giáo sư, học sinh Bắc di cư.***

Hiệp định Genève 20. 7. 1954 chia Việt Nam thành hai thành phần với những chính thể rất khác nhau. Áp dụng Hiệp định, một số người Nam tập kết ra Bắc, một số người Bắc — đông hơn — di cư vào Nam, định cư ở nhiều nơi trong đó có Huế. Để nâng đỡ người di cư, các học sinh ở Bắc học trường tư thục cũng được nhận vào trường công. Các giáo sư dạy trường tư thục ở Bắc nếu đủ điều kiện, cũng được bổ dạy ở trường công. Ở Huế, thời 1954 chỉ có hai trường trung học công là Trường Quốc Học (có ban tú tài), Trường nữ Đồng Khánh (cao tiểu mà thôi). Trường Quốc Học mới được quân đội viễn chinh Pháp trả trường ốc, như vậy cũng đỡ cho hai trường vì trường Quốc Học có thể cám ơn trả lầu phía Tây cho trường nữ để đón khách miền Bắc. Nhưng nam, nữ sinh ban tú tài quá đông nên ông Hiệu trưởng đương thời — GS *Nguyễn Văn Hai* (hiện định cư ở Hoa Kỳ)) vội vã đổi hai tầng lầu (trước 1945 dùng làm ký túc xá) thành phòng học, cấp tốc xin ngân quỹ để trang bị. Mặc dầu vậy cũng chỉ đủ phòng cho các lớp trung học đệ nhị cấp; các lớp trung học đệ nhất cấp vẫn để ở trụ sở Việt Anh, xem như phần phụ thuộc của Trường Quốc Học. Tình trạng này kéo dài 9 năm, đến niên khóa *1964 - 1965*, ông Hiệu trưởng *Nguyễn Ký* (Hiện định cư ở Canada) tổ chức thi tuyển vào các lớp trung học đệ nhất cấp, giao cho trụ sở Việt Anh số phận riêng. Trường này tách thành *Trường Trung Học Nguyễn Tri Phương*, dần dần cũng đủ các lớp trung học đệ nhị cấp (vài vị hiệu trưởng Trường này nay cũng

định cư ở Hoa Kỳ như các ông Hồ Văn Lê, Lê Vĩnh Kiến...)

Thời 1954, Huế thiếu giáo sư, cho nên số giáo sư đông từ Bắc vào được đón nồng nhiệt ở trường công, trường tư (lúc ấy đã có các trường Bình Linh, Bình Minh, Nguyễn Du, Bồ Đề Thành Nội...)

Số giáo sư, nam sinh, nữ sinh Bắc đông với giọng nói, tập quán khác, nét mặt hơi là lạ gây những cảm giác hay — Rồi có người trở thành dâu, rể xứ Huế sau khi rời Quốc Học, Đồng Khánh. Như vậy, cuộc tiếp đón cũng có những ý nghĩa hay.

- ***4. Đóng góp vào sự phát triển nền giáo dục ở Huế.***

Sau 1896, trong một thời gian lâu. Trường Quốc Học là trường cao tiểu độc nhất ở Trung Phần. Sau 1917, Trường nữ Trung học Đồng Khánh là trường cao tiểu công độc nhất ở miền Trung. Hai trường, trong một giai đoạn nào, chỉ nhận 50 học sinh mỗi năm, về sau được 100. Nhưng số thí sinh nạp đơn lên đến bảy, tám trăm, có lúc trên 1.000. Các thí sinh không gặp may sẽ học ở đâu?

Sự kiện đó đã dẫn đến việc mở những trường trung học tư thục. Trước 1945 Huế đã có nhiều trường loại đó. *Hồ Đắc Hàm, Jeanne D'arc, Nữ Giáo, Pellerin...*

Vì sao thanh thiếu niên ở Phan Thiết, Phan Rang, Nha Trang... không vào học ở Saigon mà đến Huế để mà học ? Vì xã hội Huế còn giữ đạo đức. Huế không lớn mà không nhỏ, trước 1945 cũng đã đến gần 200.000 người, song không có cảnh cao bồi, bạo động vì trong thành phố — có những mốc dễ nhớ, quen nhau nhiều nếu không phải là bà con thân thích. Các trường học có kỷ luật, nhiều trường tư cũng có ký túc xá đứng đắn như Jeanne d'Arc, Pellerin, Providence. Cha mẹ gửi con đến Huế có niềm tin vào kết quả tốt.

Sau 1948, nhiều trường tư cũ sống lại như Pellerin (đổi thành Bình Linh), Providence (hay dùng từ Thiên Hựu), Bình Minh (của các linh mục, Bồ Đề Thành Nội (của một số Phật Tử), Nguyễn Du (của một số giáo sư).

Thời gian sau 1954 là lúc có thêm các trường công lập hay tư thục rất nhiều. Các lý do chính là vì an ninh ở Huế khá hơn ở nhiều tỉnh khác.

— Các học sinh Trường Quốc Học bắt đầu từ niên khóa 1949 - 1950 đã có kỳ thi tú tài toàn và việc đi học ở Hà Nội, ở ngoại quốc xem ra dễ dàng, thuận tiện.

— Số giáo sư trung học từ Bắc vào đông và có nhiều người sớm nổi tiếng là giỏi.

Trước 1975, ở Huế có gần mười trường trung học công lập, đa số thuộc hạng trung học đệ nhị cấp: Ngoài hai trường Quốc Học, Đồng Khánh, có các trường: *Gia Hội, Hàm Nghi, Kiểu Mẫu, Nữ Thành Nội, Nguyễn Tri Phương, Quốc Gia Nghĩa Tử, Tây Lộc.* Các hiệu trưởng, nhiều giáo sư là cựu học sinh hai trường.

Số trường trung học cấp I tư thục lên đến gần 16; đó là các trường *Bán Công, Bình Linh, Bình Minh, Duy Tâm, Hưng Đạo, Mai Khôi, Nguyễn Du, Phan Sào Nam, Thiên Hựu, Việt Hương.* Các giáo sư cũng có thể là giáo sư trường công dạy thêm.

Các sự kiện trên cho thấy rằng quả Huế đã trở thành một trung tâm giáo dục đáng để ý; trong việc tiến triển trên, sự đóng góp của Trường Quốc Học, Trường Đồng Khánh không phải là ít.

- ***5. Trường Quốc Học và việc thành lập Viện Đại Học Huế.***

Thành lập Viện Đại Học Huế là một công trình của L.M Cao Văn Luận. Có người cho rằng có L.M họ Cao hay không thì cũng có Viện đó. Ý ấy cũng đúng trong phạm vi nào vì thường những gì phải đến sẽ đến. Nhưng có Viện Đại Học sớm, mau hoàn hảo thì lại là một chuyện khác. Pháp bắt đầu cai trị một phần Việt Nam năm 1862, cai trị toàn cõi Việt Nam năm 1854 mà mãi *1918* mới thành lập *Viện Đại Học Hà Nội* và một số trường cao đẳng. Năm 1946, lúc chính quyền Pháp bị quân đội Nhật lật..., Viện Đại Học Hà Nội ngoài các trường Cao Đẳng chỉ có hai phân khoa: Luật và Y Nha Dược với tổng số sinh viên là 1500 thôi.

Sau Hiệp Định Genève 1954, Việt Nam nghèo, bị chiến tranh 9 năm tàn phá; ngân sách eo hẹp, có lắm việc cần làm nên khó có quỹ để xây dựng một Viện Đại Học. Tuy có hiệp định, chiến tranh chưa chấm dứt hẳn, lại tái diễn theo lối du kích từ 1960 với việc thành lập Mặt Trận Thống Nhất Miền Nam và Huế chỉ cách vĩ tuyến 17 độ 100 km thôi. Chính phủ Saigon đâu dám đầu tư ở Huế về vấn đề học vấn. Thế mà L.M Cao Văn Luận đã làm một việc quá khó khăn, vượt qua mọi chống đối, trở ngại và chỉ ít năm, Viện Đại Học Huế đã trở thành lớn hơn Viện Đại Học Hà Nội thời 1945: nhiều phân khoa hơn; nhiều sinh viên hơn.

Vấn đề thành lập Viện được đặt ra với L.M họ Cao vào cuối tháng giêng 1957 ngày *1. 3. 1957* có ngay *Sắc lệnh 45/90* cho phép thành lập Viện Đại Học Huế. Đầu niên khóa *1957 - 1958*, Viện đã mở lớp năm thứ nhất của nhiều phân khoa, trường cao đẳng dự trù sẽ mở ngày *12. 11. 1957*; *Lễ khai giảng* Viện được tổ chức trọng thể, đó là một ngày lịch sử trong phạm vi giáo dục ở Huế.

L.M Cao Văn Luận đã kể lại việc thành lập Viện Đại Học Huế với những khó khăn, trở ngại cần vượt qua, các cuộc vận động quốc tế mà L.M đã thực hiện với GS Lê Thanh Minh Châu ở nhiều nơi trong cuốn *"Bên Giòng Lịch Sử Việt Nam 1940 - 1975"*. Đoạn liên hệ đến việc thành lập Viện ĐH được trích đăng trong *Tuyển Tập Đại Học Huế* do hội Thân Hữu Đại Học Huế tại Hoa Kỳ phát hành nhân buổi họp mặt vào tháng 7 năm 1990 tại San Jose để kỷ niệm 32 năm ngày thành lập Viện Đại Học Huế (từ trang 1 đến trang 13 Tuyển Tập).

Cuốn *Ngàn Năm Xứ Huế* (dẫn thượng) cũng có trích đăng đoạn trên từ trang 435 đến trang 455 của tác phẩm.

*** L. M Cao Văn Luận là ai? Vì sao L.M đến Huế để thành lập Viện Đại Học Huế ?**

Cha quê ở Đông Tràng tỉnh Hà Tĩnh — Đầu năm 1949, Cha từ Tòa Thánh Vatican về Việt Nam với nhiệm vụ do Tòa Thánh giao phó là phụ trách một giáo xứ ở Nghệ Tĩnh. Cha đến Huế để tìm cách đi đến nhiệm sở.

Thời đó, Trường Quốc Học đang cần một giáo sư dạy Triết cho niên khóa tới. Trước 1945, GS *Nguyễn Huy Bảo* (hiện ở Pháp) dạy môn triết ở Trường. Trong niên học 1948 - 1949, Trường mới có lớp 11 sau các biến cố 1945, 1946, 1947. Qua năm 1949 - 1950, Trường sẽ có lớp đệ tam chuyên khoa (tương đương lớp 12), cần thầy dạy Triết. Nhu cầu ấy, nhiều người biết, trong đó có mấy vị linh mục của Dòng Chúa Cứu Thế như các Cha Thanh, Thích, Thỉnh. Lúc L. M họ Cao ghé, tạm trú tại Tòa Tổng Giám Mục Huế, các Cha tin cho Trường Quốc Học hay, Trường bắt liên lạc và có ba lần gặp Cha. Cuộc đàm thoại thân mật, đậm tình tuy sơ ngộ. Cha tỏ ý cảm thông, gợi ý trong nhiều phạm vi, nhất là trong việc xuất dương du học. Rồi Cha lên đường ra Đồng Hới để tìm cách ra Nghệ Tĩnh. Nhưng Cha bị kẹt ở *Hướng Phương, Ba Đồn*, thị trấn Sông Gianh, điểm cực Nam của Đèo Ngang = nhà cầm quyền Nghệ Tĩnh không cho phép Cha ra. Các tu sĩ của Đồng Hới — Các Cha Tâm, Cần, Thành tin cho Dòng Cứu Thế Huế hay và Dòng liên lạc cùng Trường Quốc Học. Lập tức trường tới tấp gửi điện tín, văn thư và cuối cùng tin vui bất ngờ: *Tòa Thánh Vatican cho phép L.M Cao Văn Luận dạy ở trường Quốc Học*. Chính Cha cũng công nhận là các điện tín, các văn thư của trường Quốc Học đã hướng Cha đi một con đường mới.

Cha đã trở lại Huế, đã dạy ở trường Quốc Học, đã làm nhiều chuyện để học sinh của Cha năm 1950 có thể xuất ngoại du học. Cha làm việc tốt, hưởng ngay hiệu quả tốt: Năm 1957, lúc Cha mở các lớp của năm thứ nhất Viện Đ.H Huế, nhiều cựu học sinh Quốc Học thành tài ở ngoại quốc đã hồi hương để dậy giúp cha.

Việt Nam có những câu *"Ăn trái nhớ kẻ trồng cây"*, *"Uống nước nhớ nguồn"*. Chắc các nước khác cũng có những câu tương tự. Nếu các

câu ấy đúng — lẽ dĩ nhiên là đúng — thì dân Huế phải *cám ơn trường Quốc Học*. Lý do là L.M Cao Văn Luận lúc đầu chẳng có gì phải làm ở Huế cả khi Cha thi hành nhiệm vụ ở Nghệ Tĩnh. Nếu Cha không làm được nhiệm vụ ấy, Tòa Thánh Vatican sẽ cử Cha làm gì ở đâu đó trên trái đất. Song, Trường Quốc Học đã dùng đủ cách để "níu" Cha trở lại Huế cho nên Cha có cơ hội để tổ chức Viện Đại Học Huế.

Chúng tôi không muốn trình bày rằng Trường Quốc Học gồm những Tào Tháo kể công với Quan Vân Trường ở Trận Hoa Dung mà chỉ muốn thêm những chấm cần thiết trên những chữ "i", để các thế hệ sau ở Huế biết sự thật mà lấy làm hãnh diện về trường Quốc Học, có một dĩ vãng oai hùng, một truyền thống tuyệt vời bên cạnh một trường nữ tương đương.

- ***6. Những đóng góp khác của hai Trường.***

Trường Quốc Học, Trường Đồng Khánh đã tăng trưởng chung ra tốt đẹp, đã đóng góp nhiều về việc phát triển các trường công, tư, vào việc thành lập Viện Đại Học Huế. Số giáo sư, sinh viên, học sinh cùng gia đình là một con số lớn — Phục vụ số đó về ở, ăn, sinh sống nói chung là công việc phức tạp, tạo công ăn, việc làm cho dân Huế. Đó là đóng góp của hai trường về kinh tế.

Đường Lê Lợi ở bờ Nam Sông Hương chạy từ ga xe lửa về đầm mút Đập Đá có rất nhiều trường. Đại Học Luật Khoa, Quốc Học, Đồng Khánh, Hưng Đạo, Bán Công; Đại Học Văn Chương và Khoa Học, Sư Phạm, Kiểu Mẫu. Cho nên, hằng ngày đường Lê Lợi tấp nập một cách đặc biệt làm cho cảnh thành phố trở thành đẹp đẽ, nên thơ lắm. Cảnh ấy, có thể nhìn thấy từ xa, từ nhiều nơi.

Nhờ sự đóng góp — nghĩ kỹ, không nhỏ, của trường Quốc Học, trường Đồng Khánh, Huế đã trở thành một trung tâm giáo dục quan trọng. Huế có khả năng trở thành một thành phố giáo dục tuyệt vời hơn nữa, như nhiều thành phố khác trong thế giới ở Anh, *Oxford* với trên 100.000 dân, *Cambridge* với dưới 100.000 người, có những Viện Đại Học nổi tiếng. Ở Hoa Kỳ, *New Haven* ở T.B Connecticut với 150.000 người, có viện Đ.H *Yale*, *Cambridge* với dưới 100.000 dân, ở T.B Massachusetts có Viện Đ.H *Harvard*, *Princeton*, thị trấn nhỏ với 12.000 dân, có Viện Đ.H cùng tên; tất cả các Viện Đại Học trên đều được thế giới biết đến. Huế không dám hoài bão một cao vọng song có thể trở thành một trung tâm giáo dục trung, đại học tốt.

Huế có một thiên nhiên thuận tiện: sông đẹp, sạch, nước chảy nhẹ, không có gì nguy hiểm, biển gần, có nhiều bãi cát sạch, tốt, từ Thuận An đến Lăng Cô. Đồi núi thấp cao không xa, phần nhiều đẹp, từ Thiên Thai, Kim Phụng đến Bạch Mã. Có điều kiện thuận tiện để huấn luyện bơi lội, leo núi, giải trí như bóng tròn, quần vợt, đánh cầu...

Chỉ cần có cơ sở và đường lối giáo dục thích nghi: tuyển trạch sinh viên giỏi, dạy chuyên môn ở cấp cao, thực hành kỹ lưỡng, kỷ luật nghiêm khắc...

*

Nay Quốc Học được 100 tuổi, trường Đồng Khánh 80 tuổi, chúng ta làm bảng tổng kết thành tích hai trường trong việc đóng góp cho Huế, một thành phố nghèo song đẹp tuyệt vời đã để lại những ấn tượng sâu đậm trong tâm hồn mọi người đã sống tại đó. Huế, Quốc Học, Đồng Khánh luôn luôn ở bên nhau !

Canada, mùa Xuân 1996

Nguyễn Hữu Thứ

Trường Khải Định

100 Năm

Vĩnh Bội

Khách bộ hành khi đến Huế lần đầu tiên, không khỏi ngạc nhiên trước quang cảnh vui sáng của thành phố. Vừa bước ra khỏi ga là thấy ngay đường Jules Ferry thẳng tắp rợp bóng cây xanh mát.

Nhưng theo lời giáo sư Emile le Bris viết vào năm 1915, dọc theo bờ sông Hương, về phía tây nam, một dãy nhà lợp tranh thật chướng mắt, làm du khách tự hỏi không biết nhà kia dùng để làm gì? Phải chăng là những vựa lúa hay phòng chứa đồ? Thưa không, đó là trường Quốc Học, trường quốc gia lớn nhất của miền Trung. Lối đi vào, xây dựng theo kiến trúc Việt Nam gồm có hai bức tường hai bên, ở giữa là một cổng có lầu, lợp mái cong, được xây vào năm Thành Thái thứ mười (1898). Phía trước có bức bình phong ghi chữ "Pháp tự Quốc Học trường".

Bước lên từng trên của cổng trường bằng một cầu thang quanh co và rêu phong, chúng ta thấy một cái chuông nứt rạn, thỉnh thoảng vang lên vài tiếng rên rỉ và khô khan.

Thật ra trường Quốc Học gồm hai trường: trường Sơ đẳng tiểu học, và trường Sơ đẳng bổ túc, dạy chương trình Pháp. Các lớp học được dựng lên bằng cột gỗ lim, tường là những lớp phên nứa, và nền làm bằng đất nện, thật thuận lợi cho bầy chuột đào hang làm ổ. Tường phên nứa kia, mùa hè không che nổi ánh nắng gay gắt, mà mùa mưa lại càng không cản được những trận mưa lũ, chảy dọc theo vách xuống, làm ướt sũng sách vở học trò. Thật là một quang cảnh vui mắt cho các chú lười biếng, khi thấy bầy chuột chui khỏi tổ, nhảy tán loạn qua các bàn học.

Cho đến năm 1912, các thầy giáo Pháp, đôi khi vẫn phải đội mũ trong lúc giảng bài, hoặc dùng dù che, khi di chuyển từ lớp này qua lớp khác. Đợi đến khi bác sĩ Reboul, lúc bấy giờ là giám đốc cơ quan y tế Huế, làm tờ trình tuyên bố trường Quốc Học là một mối nguy hiểm cho cộng đồng, thì người ta mới chịu làm thêm một bức tường tre đan ở vài lớp. Cũng xin nhắc lại trước kia đây là trại lính thủy quân - - gọi là thủy sư của nhà Vua, đã tình cờ hóa thành trường học.

Đến năm Thành Thái thứ tám (1896), một nghị định nhà Vua, cho phép xây cất trường Quốc Học. Ông Ngô Đình Khả, với chức vụ Thái Thường Tự Khanh được phong làm giám đốc của trường. Với mục đích quảng cáo, trường được sơn màu đỏ tươi, làm người ta cũng bàn tán khá lâu về ngôi trường đỏ rực ấy!

Rồi một đêm vào năm 1902, tất cả các lớp bổ túc cháy rụi, và đến năm 1915 được phép phá hủy hoàn toàn, để xây lại trên nền cũ những dãy lầu đẹp đẽ mà ta thấy ngày nay; ấy cũng nhờ công của kiến trúc sư Lelong. Trên đây là những kỷ niệm về trường Quốc Học do giáo sư Lebris viết vào năm 1915.

Về sau trường Quốc Học được đổi tên thành trường Khải Định. Trước trường là sông Hương lượn quanh, trong sáng như chiếc gương soi dấu vết lịch sử hưng vong của trường. Các bạn cùng tôi hãy soi bóng trên

dòng Hương, dùng ký ức và chút tưởng tượng, đi lùi vào dĩ vãng, cũng định ngay được vị trí thời gian của mình gắn liền với trường Khải Định và viết thêm vào đây, để tập san được thêm phần linh động hơn.

Nhiều thế hệ đàn anh đã qua trường, trong đó có các ông Hồ Chí Minh (tên thật Nguyễn Sinh Cung), Ngô Đình Diệm, Võ Nguyên Giáp (học năm 1924), và riêng về Huy Cận thì anh nhắc thật nhiều về kỷ niệm lúc còn là học sinh trường Khải Định, nhất là về chiếc rương bằng gỗ thông sơn màu đỏ, mua ở cửa Thượng Tứ, nhân dịp tựu trường vào lớp đệ nhất trung học:

Giờ náo nức của một thời trẻ dại,
Hỡi ngói nâu, hỡi tường trắng, cửa gương.
Những chàng trai mười lăm tuổi vào trường,
Rương nho nhỏ, với linh hồn bằng ngọc.
Sắp hạnh phúc như chương trình lớp học,
Buổi chiều đầu họ tìm bạn kết duyên.
Trong sân trường, tưởng dạo giữa Đào Viên,
Quần áo trắng đẹp như lòng mới mẻ.
.....

Thuở ấy — lời anh nói — học sinh ký túc xá, cứ buổi sáng là ra cổng sau mua chịu sắn mụ Liên, những củ sắn nóng bỏng và thơm phức! Chưa kịp ăn xong thì cụ Cai Kiên, quần ống cao ống thấp, đánh trống là lập tức sắp hàng vào lớp.

Mỗi lần nhức đầu sổ mũi thì ra "Infirmerie" của thầy Bá. Ông này có một bà vợ đẹp lắm, tên là Ngọc Anh. Cứ chiều chiều, sau giờ làm việc, học sinh thấy bà Ngọc Anh ngụ trên chiếc xe kéo gọng vàng như bà hoàng, còn thầy Bá thì tay dựa trên gọng, thủng thẳng đi, thật là thơ mộng! Và từ trường Khải Định, anh mơ màng nhắc luôn đến những kỷ niệm về Huế (anh học, và ở đây, gần mười năm), về Mai Trung Thứ, một họa sĩ vẽ "portrait" rất đẹp, nhất là "portrait" bà Trần Văn Chương. Bà Trần Văn Chương đẹp lắm — anh nói — là con ông Thân Trọng Huề. Đến nỗi, khi thạc sĩ Phạm Duy Khiêm đến hỏi cô con gái của bà Chương, là cô Trần Lệ Xuân lúc ra về ngẩn ngơ, đã quên mất cô Lệ Xuân, chỉ còn nhớ đến bà Chương, như ông em Phạm Duy, đã bỏ quên cây đàn ở nhà người đẹp! Khi thế chiến thứ hai bùng nổ, thạc sĩ Khiêm đã gởi thơ lên Toàn Quyền Catroux, qua tờ "La Volonté Indochinoise", xin tình nguyện qua Pháp đánh Đức, với một câu bất hủ: *"Je veux payer ma dette de sang sur la ligne de feu!"* Trên chuyến tàu đi Pháp — hồi đó phải đi hơn một tháng — chưa kể những lúc phải tránh tàu ngầm Đức — ông đã viết những bức thư tình tuyệt tác, lấy nhan đề *"De Saigon à la Bastogne"* để tặng ai thì chắc quý vị cũng đoán được. Thật chỉ có những người xưa mới có những mối tình "platonique" như vậy!

Đã nói tới trường Khải Định là phải liên tưởng đến trường Đồng Khánh, đến sông Hương, đến Huế, như đó là những thành phần của một hình hài không thể tách lìa được.

Trường Đồng Khánh chỉ cách trường Khải Định bằng một con đường nhỏ. Học sinh Đồng Khánh thì khỏi nói, đẹp lắm; và nhất là mặc đồng phục màu tím — couleur du souvenir — cứ chiều thứ năm sắp hàng hai đi "promenade", sau núi Ngự Bình, về thu làm cả bầu trời trở nên tím ngát!

Huế tím chiều thu dậy ước mơ.

Ai mà không mơ được, khi thấy các nữ sinh, mặc dầu đi guốc gỗ, nhưng bước nhẹ đến nỗi không nghe tiếng,

Người đi bước nhẹ không nghe tiếng
Mà nặng lòng yêu biết mấy mươi!

Đặc biệt sông Hương thì quá đẹp. Nước chảy nhẹ đến nỗi im phẳng như mặt hồ, phải chăng vì lưu luyến bờ.

Sông không trôi bởi lưu luyến bờ.

Chàng thi sĩ thuở ấy mới mười lăm, nhưng đến mười tám hay mười chín đã bắt đầu nổi tiếng:

Mới hái mùa thơ giữa độ bông

mà nay, gần nửa thế kỷ sau, tự ví mình như con nhện về chiều:

Bâng khuâng nay nhện chiều giăng lưới...

Thi sĩ đã trở về Huế, đứng trước trường Khải Định, để xin lại tuổi trẻ:

Xanh mướt bờ cây Huế Huế ơi !
Cỏ cây đây đã hóa vườn trời.
Người đi, bước nhẹ, không nghe tiếng,
Mà nặng lòng yêu biết mấy mươi.
Huế hoa thiên lý mùi hương thoảng,
Huế tím chiều thu dậy ước mơ.
Mái đẩy, câu hò, ngân ánh nước,
Sông không trôi bởi luyến lưu bờ.
Tuổi nhỏ đời ta Huế giữ không ?
Cho ta xin lại những năm hồng,
Cho ta sống lại ngày xưa cũ,
Mới hái mùa thơ giữa độ bông.
Tình bạn, tình yêu, Huế khéo ươm,
Hoa xuân trái đầu tháng năm trường,
Bâng khuâng nay nhện chiều giăng lưới,
Bảng lảng lòng ai Huế vấn vương.

Còn anh? Anh có kỷ niệm gì với trường Khải Định không? Tôi giật mình: "Xin anh cho phép tôi soi bóng nước Hương Giang để thấy anh học trên tôi chừng bốn năm lớp — thời đại của Cao Văn Khánh (về sau mang danh hiệu là hùm xám Pleiku, thời chống Pháp) và Đoàn Huyên." Tôi vào Khải Định là học ngay:

Xuân đi học coi người hớn hở
Gặp cậu Thu đi ở giữa đàng.

Như vậy là lớp tư hay lớp ba chi đó. Tôi nhớ hồi đó, trường có lớp năm. Những năm vui nhất tôi có nhiều kỷ niệm, là khi trường Khải Định thành lập ban nhạc để diễn vở nhạc kịch "Thiên Thai". Các anh Tôn Thất Niệm và Nguyễn Văn Chương, tục gọi là Chương Mỹ, vì anh nói Anh ngữ rất hay, đóng vai Lưu Nguyễn, còn chị Hồng Hạnh bên trường Đồng Khánh thì đóng tiên nữ; trưởng ban nhạc có anh Nguyễn Hữu Thứ chơi violon,

các chị Thiều Anh, Lạc Nhân, Hương Liên, chơi piano; còn tôi thì chơi banjo, cùng với hai ba anh khác. Mỗi lần "trống đánh xuôi kèn thổi ngược", khi tiếng đàn "violon" của anh Thứ, bỗng dưng "cao vút tận mây mờ" thoát tục và luôn cả cung bậc, làm ban nhạc cũng như Lưu Nguyễn chạy theo gần đứt hơi thì anh dừng lại, lấy cây cọ khỏ nhẹ vào thành "piano", mà phán rằng: "Các anh chị đàn sai nhịp rồi, tập lại!" Về sau vì phải tập gấp rút, nên anh được bầu làm nhạc trưởng và anh Phạm Doãn Đệ chơi "violon" thật mê ly thắm thiết !

Vui nhất, là những lúc qua trường Đồng Khánh tập dượt, và để nghe anh Niệm và chị Hồng Hạnh hát. Anh Niệm hát thì khỏi nói, còn chị Hồng Hạnh thì chao ôi! người mô đẹp dữ rứa! Tôi khác nào như "le grand Maulnes" lạc vào rừng khuya để được thấy một đám cưới tiên nữ!

Tựu trường năm đó là "tan hết giấc mơ". Chúng tôi phải xa trường Đồng Khánh, xếp bàn ghế học trò lên "camion", để trở vô Thành Nội, dành chỗ cho Tàu Xanh, Tàu Vàng chiếm đóng.

Rồi ký ức cũng mờ dần theo thời gian, cho đến khi gần đây (nửa thế kỷ sau), trong buổi dạ hội Quốc Học Đồng Khánh, thì gặp lại chị Thân Thị Hảo một người bạn cũ ban Toán năm 1946, thì hình ảnh buổi học cuối cùng bỗng dưng hiện lên rõ rệt trong trí nhớ.

Nguyên năm ấy, vì Thành Nội thiếu chỗ, nên chúng tôi lại phải dời một lần nữa, khi mượn được "amphithéâtre" ở "Centre d'Accueil" do Cha Gagné đảm trách. Và ngờ đâu, đó lại là buổi học cuối cùng, để rồi về sau chia tay mỗi người một ngả, khi tiểu đoàn thiết giáp của tướng Leclerc đến chiếm đóng khách sạn Morin. Buổi học đó không buồn như buổi học cuối cùng (La dernière classe) mà cậu học sinh Pháp Anatole France viết, khi quân Đức sắp đánh qua làng — và thầy giáo đã buồn bã giảng bài về lòng yêu tổ quốc — nhưng lại tức cười là đằng khác !

Tôi còn nhớ dãy ghế hàng đầu dành cho các chị, trong số đó có chị Bích Tuyết, chị Thân Thị Hảo, chị A. v.v.. các dãy sau dành cho các anh, chừng 20 - 30 chi đó. Giáo sư là thày Cang, người Quảng Nam, giảng vật lý về bài "quả lắc" — một chữ mà thầy dịch từ Pháp ngữ: "le pendule". "Le pendule est un corps solide, qui peut tourner autour d'un axe". Thầy dịch là: quả lắc là một vật rắn chắc có thể lắc chung quanh một cái trục. Với giọng Quảng thuần túy, thầy đã thay tất cả vần "ắc" thành "éc" như quả "léc" "rén chéc" và nói chị A lập lại. Hồi đó có lẽ đang ở tuổi mới lớn nên giọng nói thay đổi, hay vì quá xúc động không chừng, nên chị đã nói ngọng (bây giờ giọng chị bình thường, nhọ nhẹ và dịu dàng) và với một giọng "Huế chay" chị đã đổi tất cả chữ "L" thành "N", làm bọn con trai ngồi sau cười khúc khích, và thầy Cang cũng ngạc nhiên không hiểu vì sao?

Nhìn lại, thoáng chốc mà tôi đã rời trường đúng nửa thế kỷ, và sau bao nhiêu năm chinh chiến, không biết nay bạn bè còn thêm những ai ?

Vĩnh Bội

Giận Lẫy Huế

tôi thật muốn tìm một cớ gì khi bỏ Huế mà đi
như giận Huế lụt hoài
như phượng nở đỏ quá trong trường Đồng Khánh
trách em mặc chi áo trắng hoài hoài
để người nhớ người thương
trách con Sông Hương nước trong xanh chi lạ quá
để khi xuống thuyền
thấy bóng hình em dịu dàng thế đó
trách tình làng nghĩa xóm
đã chào đón tôi, đã tiễn tôi đi
hai hàng nước mắt
không ngăn được
khiến khi rời bỏ Huế
tan nát một tấm lòng
trách tiếng gà gáy sáng trách tiếng chim kêu
dục tôi dậy
để chuẩn bị cho một chuyến đi
biết đâu là mãi mãi

ở đời ai cũng có một quê hương
tình sâu nghĩa nặng
mãi hoài chưa được đáp đền
ai cũng có một mối tình đầu
để ấp ủ
để chia xa
nếu trên đời mọi chuyện được vuông tròn
thì còn chi nói nữa
giận Huế chi lạ
ghét thời gian đi qua khiến tóc em nay đã bạc
thù hận vô cùng
Huế muốn níu chân tôi lại, bịn rịn khi tôi ra đi
đôi khi là vĩnh biệt

Kiêm Thêm

CHUYỆN NĂM MƯƠI NĂM CŨ

hay là Ban Nhạc Đầu Tiên của Đồng Khánh và Khải Định

Trúc Chi Tôn Thất Kỳ

Lời Người Viết: *Đọc lại những hàng chữ dưới đây, trước khi gửi cho Tuyển Tập Nhớ Huế, thấy mình đã phạm một lỗi nặng trong nghề viết báo. Tôi không cung ứng đầy đủ chi tiết về tên đất hoặc tên người đã nhắc đến trong bài. Những chi tiết đó, thuật ngữ của ngành truyền thông gọi là "tọa độ". Thật ra, không cần phải nắm vững kỹ thuật viết báo, người Huế vẫn thường tìm tọa độ qua một số câu hỏi: "Con ai? Mấy tuổi? Ở mô? Làm chi?" Có tò mò thật, nhưng mà không tọc mạch. Với lại, cũng tùy cách hỏi. Nghĩ lại, dăm kỷ niệm ghi vội ghi vàng ở đây không phải là một bản tin, lại càng không phải là một đoạn hồi ký về thời tôi mới có mười hai, mười ba tuổi. Nghĩ chi viết nấy. Nhớ đâu viết đó. Chắc chắn có đôi chỗ tôi nhớ sai. Ngay cả cái việc tôi cho rằng ban nhạc được thành lập sau ngày Việt Minh cướp chính quyền là ban nhạc đầu tiên của Đồng Khánh và Khải Định cũng có thể là một sự lầm lẫn, vì biết đâu trước đó lại đã không có một nhóm chuyên trình diễn nhạc cổ điển Huế của các bạc huynh trưởng đồng môn. Không có tài liệu để tham khảo, chung quanh lại cũng không tìm ra các vị cao niên thuộc lớp học sinh Đồng Khánh Khải Định vào những thập niên 30, 20 hoặc trước nữa, tôi không thể kiểm chứng điều đó được. Trong đại gia đình Đồng Khánh Khải Định có anh chị nào, bạn nào nếu đọc bài này mà thấy có điều lầm xin chỉ cho biết qua trung gian Ban Chủ Biên Tập San Nhớ Huế. Chân thành cảm tạ.*

T.T.K.

Cách đây mấy tháng, tôi đã gặp lại chị Hương Cúc. Một khoảng thời gian gần năm mươi năm trải dài ra giữa lần chót mà chứng tôi gặp nhau ở Huế và lần tái ngộ hôm ấy tại chùa Việt Nam ở California. Đấng Chí Tôn đã từng dạy chúng sinh rằng cuộc sống là vô thường. Mô Phật! Riêng đối với tôi, một kẻ tin vào giáo lý nhà Phật mà lại chưa bao giờ lạy được một lạy sám hối gọi là có, cái nguyên lý cơ bản ấy của đạo giải thoát, lẽ vô thường ấy, quả đã hiện rõ qua buổi gặp gỡ bất ngờ: Chúng tôi không nhận ra nhau. Cái nhìn xa lạ mà chị Cúc ném vào mớ tóc bạc của tôi, cái bỡ ngỡ của chính tôi khi nhìn chị, ngần ấy hẳn cũng đã đủ tả bao nhiêu đổi thay trên khuôn mặt của chúng tôi, nói chi đến những điều khác trong khoảng thời gian dài đến nửa thế kỷ. Máy điện toán nào mà đếm cho được những lớp sóng biến dịch trùng điệp, tính từ lúc biển xanh bên đất Việt hóa thành ruộng dâu nơi xứ Mỹ. Nhưng mà khi nhận ra nhau rồi, hàn huyên không thiếu chuyện.

— "Bây giờ chị còn hát nữa không?"

Chị cười hiền lành, e lệ, khiêm tốn:

— "Mấy chục năm rồi, chị có hát hò chi nữa mô em."

Người đàn bà ấy, bây giờ khoan thai trong chiếc áo tràng màu khói hương, lặng lẽ làm công quả trong bóng tối mờ mờ của bếp chùa, nơi trú ẩn của những cõi lòng không còn thiết tha gì nữa với ánh sáng của danh của lợi, người đàn bà ấy, một thời, đã có một giọng hát thật dễ thương, tự nhiên, láy gọn

gàng mà không uốn éo, ngân đều mà không run rẩy. Ít người biết đến giọng hát của chị vì chị ra sân khấu vỏn vẹn có một hai lần, mà lại là sân khấu của những người không chuyên nghiệp, những người đóng góp phần mình vào một số sinh hoạt chung lúc bấy giờ, góp tiếng đàn, góp giọng hát mà không bao giờ tự cho rằng họ là những con người nghệ sĩ, không bao giờ nghĩ rằng cuộc đời mắc họ một món nợ cầm ca: tôi muốn nói đến lớp thanh thiếu niên đã dự phần vào sinh hoạt của ban ca nhạc kịch đầu tiên của hai trường Đồng Khánh và Khải Định. Cái phần đóng góp chân thành và khiêm tốn đó, bây giờ, đem đặt nó giữa cái ăn thua đủ, cái tỵ nạnh, cái đố kỵ tràn đìa chung quanh mình kể từ lúc ô-rờ-voa cuộc đời học sinh, tôi thấy nó quí báu mà đẹp lạ lùng.

Tôi có cái duyên may được nghe giọng hát của chị Cúc vào một hai đêm trong mấy lần ban nhạc của trường trình diễn tại hội Quảng Tri (về sau gọi là nhà Đại Chúng), tại rạp Việt Nam Phim của ông Henri Richard ở Ngã Giữa, và ngay tại préau của trường Khải Định vào những năm 1946 và 1947. Sau đêm 19 tháng 12 năm 1947 (?), chiến tranh bùng nổ khắp nước, ban nhạc rã để rồi không bao giờ có dịp tụ họp nữa. Cung đàn, tiếng hát của cả một thời... ờ nhỉ... thế mà nay cũng đã thành ra chuyện ngày xưa mất rồi!

— "Hôm đó chị hát bài Trăng Mờ phải không chị?"

Tôi hỏi chị Cúc câu đó để thấy rằng dăm kỷ niệm mà trí nhớ của tôi còn giữ lại được về sinh hoạt của trường vào thời kỳ ấy nay cũng đôi phần mờ nhạt. Cái lưng hơi khòm của anh nhạc trưởng Cung Quang Chương học ban Toán, một tay ôm đàn guitare một tay đếm nhịp trong những lần tập dượt! Anh còn có thêm một cái tên nữa là Chương Lào. Bạn bè gọi anh bằng cái tên đó là vì trước khi vào Khải Định, anh học ở trường Auguste Pavie tại Vientiane. Gọi như vậy để khỏi lầm với anh Nguyễn Chương, cũng là một cây guitare của trường (Anh Nguyễn Chương về sau là giáo sư Anh văn ở Huế trong mấy chục năm trời). Hai bàn tay thoăn thoắt của chị Lạc Nhân lướt trên phím đàn dương cầm. Cái đầu tóc bao giờ cũng hơi xù xù của anh Phong gật lên gật xuống mỗi lần bàn chân của anh đạp vào cái trống đánh jazz độc nhất của ban nhạc, vẻ chăm chú của anh Vĩnh Bội vừa nheo mắt đọc nốt nhạc vừa đàn banjo... Những động tác đó của một vài người, cùng với tiếng cười, tiếng nói của họ khi tôi viết những giòng chữ này, thật ra cũng chỉ là dư ba, là ảo ảnh. Mà có lẽ chính vì vậy mà chúng càng thêm linh động. Trong không gian ba chiều, giờ này chúng đang sinh hoạt, nhảy múa trước một tấm phông không có màu sắc rõ rệt. Đó là tấm phông dựng ở cuối chiều sâu thăm thẳm của ký ức.

Ban nhạc ra đời từ lúc nào? Ai là người chủ xướng? Hỏi một đôi người hiện còn sống ở Mỹ vốn đã từng đóng góp nhiều vào sinh hoạt của ban nhạc Đồng Khánh - Khải Định, không ai nhớ rõ. Chỉ biết tất cả mọi người đều làm việc rất hăng say, có thể nói là quên ăn quên ngủ. Tôi nhớ có một lần trong một buổi tập tại nhà cụ Phạm Doãn Điềm ở Vĩ Dạ, các anh chị trong ban nhạc hẹn họp mặt buổi chiều, đàn hát cho đến lúc trăng lên đã cao mà không chịu nghỉ, mặc dù chị Thiều Anh nhiều lần nài nỉ họ nghỉ chân nghỉ tay vô ăn cơm. Cuối cùng rồi các nhạc công cũng phải nghe lời chủ nhà mà ngưng tập, nhưng lúc đó đã quá giờ cơm. Không hề gì! Bỏ một bữa cơm có ai chết đâu. Mọi người đều đồng ý như vậy. Và sau khi đánh đi đánh lại bài *Songe d'été* của Henri Marcel cho đến lúc đã thuần thục, họ gọi một gánh đậu hũ vào ăn thay cơm. Tôi ở cạnh nhà cụ Điềm, qua nghe đàn hát, cũng được dự phần vào cái màn đậu hũ thay cơm đó.

Mùi lá dứa thoang thoảng, vị đường cát vàng ngọt lịm lẫn với chất chua thanh mát của một vài giọt nước chanh tươi, màu đậu hũ trắng ngà, chất gừng vừa đủ the mà không cay... chén đậu hũ nào của Huế mà lại không vậy. Lâu lắm rồi, tôi không có dịp về thăm cố đô. Không có dịp ăn hàng vặt. *Vật hoán tinh di*

kỷ độ thu... vật đổi sao dời thu mấy độ. Bao chuyện buồn thương tang tóc cứ dồn dập đổ xuống Huế, dai dẳng ác nghiệt như những trận mưa dầm mùa lụt. Vậy mà không hiểu vì đâu tôi vẫn vững tin rằng chén đậu hũ ngày nay ở Huế vẫn còn đủ những hương vị của mùa xưa cũ. *Tang thương đến cả hoa kia cỏ này*... đã đành! Nhưng chắc là dâu bể không có len vào cái ghè đậu hũ, tôi hy vọng như thế, bởi tôi nghĩ rằng thói thường, người ta có thêm thắt thì thêm thắt vào những món cầu kỳ cao lương mỹ vị kia, ít ai xía vào cái thanh đạm, mà tôi cho là đã hoàn hảo, của một món quà nghèo.

Mà những chàng trai Khải Định, những nữ sinh Đồng Khánh ở trong ban nhạc hồi đó cũng nghèo lắm: anh Tùng phụ trách việc điều khiển ca đội thiếu niên, bấy giờ đang học ban Triết, mà luôn luôn mặc chiếc áo vải dù đã sờn vai, mang đôi guốc gỗ. Anh hiền lành, vui vẻ. Lũ trẻ trong ca đội (danh từ *ca đội* nếu tôi nhớ không lầm chỉ được dùng khoảng thời gian một hai năm mà cũng không được phổ biến rộng rãi, sau đó lần lượt thấy xuất hiện những chữ mới như *hợp xướng, đồng ca*) nếu có nghịch ngợm không chú tâm vào chuyện tập dượt, anh chỉ nói khẽ: "Mấy em có ưng hát thì phải hát cho tử tế." Có một anh học ban Toán, nói giọng Quảng, tôi không nhớ tên, lê mãi một chiếc xe đạp xọc xạch mà bánh đặc mòn đã gần chạm vành. Giọng anh thật tốt. Tôi biết là vì đã từng nghe anh trổ tài mỗi khi anh giúp anh Tùng hát đôi câu cho bọn tôi theo. Không bao giờ thấy anh ra sân khấu. Mấy chị trang phục cũng giản dị: áo dài trắng hoặc đen, thỉnh thoảng có đổi màu, lại chỉ là màu xanh đồng phục của trường Đồng Khánh. Dạo ấy hàng nhập cảng đã bắt đầu khan hiếm, trong nước chưa sản xuất được giây đàn — mà hình như cho đến bây giờ vẫn chưa — tôi thấy các anh lấy giây thắng xe đạp, rút ra từng sợi, lấy giấy nhám chuốt trơn, dùng vào đàn mandoline, guitare và banjo. Xài đỡ cũng được, nhưng loại giây ấy không đủ đàn tính, thường dễ đứt. Tôi cũng đã từng thấy những trục đàn, những con ngựa làm bằng đoạn cứng nhất của mắt tre già. Tiện, đẽo, chuốt... mỗi mỗi đều làm bằng tay cả. Hand made thứ thiệt một trăm phần trăm. Tôi đã thấy mặt chiếc trống lớn của anh Phong được vá bằng những đường may đều đặn không kém gì đường chỉ đột trứng rận trên áo cổ y. Vá với một miếng da heo to gần bằng bàn tay!

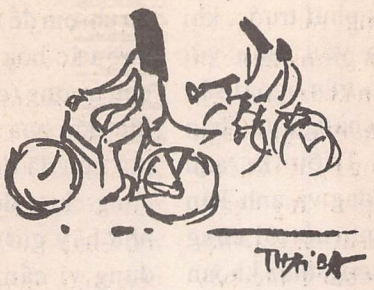

Vá víu vậy, phương tiện eo hẹp nghèo nàn như vậy, mà ban nhạc của trường xuất trận ba lần, lần nào cũng mang lại chiến thắng vẻ vang. Sau buổi trình diễn đầu tiên tại préau trường Khải Định anh Phan Diếp, học ban toán, dáng đi hơi khập khễnh vì hình như chân có tật, lúc đó là Trưởng Ban Khánh Tiết, đã nắm chặt lấy tay anh Tăng Hích, nói lớn: "Succès Fou" (thành công rực rỡ) mặc dù dạo ấy, vì thời cuộc, đa số đã bắt đầu *kiêng* nói tiếng Pháp. Anh Hích, biệt hiệu Trần Hoàn, lúc bấy giờ đã được nhiều người ở Huế biết tiếng nhờ vào nhạc phẩm *Hồn Nước*, nói gì với anh Diếp tôi không nhớ, chỉ thấy hai anh nhìn nhau cười hể hả.

Đặc sắc nhất là màn ca vũ nhạc kịch *Thiên Thai*, phỏng theo nhạc phẩm cùng tên của nhạc sĩ Văn Cao. Màn hạ rồi mà tiếng vỗ tay ran còn kéo dài mãi. Trong khi đó thì trong hậu trường, hai chị Hoàng Hạnh và Tạ Tố Phượng, thủ vai tiên nữ chính, cùng các nàng tiên phụ, hình như có cả các chị Bích Chi, Sa Châu..., nhảy nhót tưng bừng, trò chuyện tíu tít, khác hẳn với cái vẻ dịu

dàng uyển chuyển của họ cách đó mấy phút trước, khi họ thướt tha yểu điệu với mấy quả *đào tiên* ngoài sân khấu. Cả hai chàng Lưu Thần và Nguyễn Triệu là anh Nguyễn Chương và anh Tôn Thất Niệm, anh ruột tôi, cũng bỏ cả cái phong thái khoan thai đĩnh đạc của kẻ ẩn cư đi hái thuốc. Hai cái quạt lông hồi nãy được phe phẩy nhẹ nhàng mà củng cố (?) cho cái nghi biểu phi phàm của người thoát tục, bây giờ được dùng để quạt mồ hôi trán. Lưu Thần và Nguyễn Triệu cứ phất lia phất lịa như là quạt cù lao nước sôi. Hà Văn Trúc và tôi, phụ trách phần rắc giấy vụn màu đỏ để làm *cánh đào rơi*, lắc xắc, rắc nhiều quá và nhanh quá đến khi tiên ra sân khấu thì không còn cánh đào nào nữa. Bị anh Hích giục, Trúc và tôi nhìn nhau rồi nhìn anh mà ... cười trừ. Trúc ơi... phương trời nào đó... còn nhớ những ngày ấy không?

Đêm đầu tiên trình diễn tại trường, tất cả các anh chị có dự vào những buổi tập dượt trước đều có mặt. Ba tay dương cầm của trường thay phiên xuất hiện đầy đủ. Đó là các chị Hương Liên, Thiều Anh và Lạc Nhân. Chị Lạc Nhân là người đầu tiên ở đế kinh đạt giải nhất toàn quốc với nhạc phẩm *Học Sinh Vui Vẻ*. Ở Huế thời đó ai mà không biết tài năng của ba chị em con cụ Điểm, cho nên đã nhắc đến hai chị Thiều Anh và Lạc Nhân tất không quên được người em trai của họ là anh Phạm Doãn Đễ. Cả ba chị em đề tích cực tham gia vào các hoạt động âm nhạc của trường (danh từ *văn nghệ* lúc đó chưa được khai sinh, mà nếu đã được đẻ ra rồi thì cũng chưa được thông dụng như bây giờ). Anh Đễ thiện dụng vĩ cầm, ai có đi xem buổi trình diễn của trường tại hội Quảng Tri hẳn còn nhớ ngón đàn của anh trong bài *Souvenir*. Anh Niệm tôi lần đầu tiên ra sân khấu tại trường Khải Định với bài *Nhớ Chiến Khu* của Đỗ Nhuận, và lần thứ hai tại hội Quảng Tri với bài *Đêm Đông* của Nguyễn Văn Thương được khán giả đòi bis giữa một hồi vỗ tay vang cả rạp. Hai nhạc khúc đó đánh dấu ngày khởi hành của một chuyến đi trên đường nghệ thuật, nửa tài tử (1) nửa chuyên nghiệp, của anh tôi. Chuyến đi khá dài đó đã đưa giọng hát anh tôi qua các đài phát thanh Huế, Đà Lạt và Pháp Á. Chính cũng trong buổi tối hôm ấy mà tôi được nghe giọng hát của chị Cúc trong bài *Trăng Mờ* (tôi không nhớ tên tác giả). Cho đến bây giờ, loay hoay ngồi ghi lại dăm hình ảnh của chuyện năm mươi năm cũ, tôi vẫn còn mường tượng được dáng đi khoan thai khi chị bước ra sân khấu. Người con gái thời ấy hình như không được quyền dùng đến những động tác có phần hấp tấp vội vàng, mà không cứ là vì sợ cái số *gian nan không giàu*. Kể bây giờ ngồi nhớ cho hết tất cả mọi người trong ban nhạc cũng là một việc khó, bởi hồi đó tôi thuộc vào lớp thiếu niên trong ca đội, không trực tiếp tham dự vào hoạt động của các anh chị lớn. cứ như trí nhớ của tôi còn ghi lại được qua những hôm ngồi nghe các anh chị thảo luận, bàn cãi — sôi nổi nhưng không bao giờ mất hòa khí — thì có hai người giúp đỡ nhiều cho ban nhạc, đó là hai anh Hà Như Chi và Nguyễn Hữu Thứ. Anh Chi có lần phụ trách phần vẽ phông cho các màn nhạc cảnh. Riêng anh Thứ, không bao giờ bỏ lỡ một dịp truyền đạt cho lớp kém tuổi anh, những kinh nghiệm mà anh rút tỉa từ thời kỳ học Luật ở Hà Nội, lúc anh tích cực tham gia vào sinh hoạt của Tổng Hội Sinh Viên ngoài ấy.

Chính cái tinh thần dìu dắt nhau, giúp đỡ nhau, đoàn kết thực sự ở nơi các anh lớn đã khiến cho bọn thiếu niên trong ca đội chúng tôi thêm hăng say khi tập dượt, nói theo kiểu người lớn bây giờ, chúng tôi bắt đầu ý thức được trách nhiệm, dù chỉ là một phần trách nhiệm nho nhỏ trong ca đội. Trước ngày có một buổi trình diễn, chúng tôi tập một tuần đến năm sáu lần dưới sự điều khiển hoặc của chị Thiều Anh hoặc của anh Tùng. Không có ai la mắng rầy rà chi, mà rất ít khi có người bỏ một buổi tập. Tuổi trẻ thích ca hát đã đành, nhưng một phần cũng là vì ai nấy đều nghĩ rằng ca đội "quan trọng" như vậy, mình trốn một buổi tập thì...

"chết". Riêng màn nhạc kịch *Con Thỏ Ngọc* của Lưu Hữu Phước, trình diễn tại rạp Việt Nam Phim, (hoặc là Hội Quảng Tri, tôi không còn nhớ rõ), chúng tôi tập ngày tập đêm. Có bữa, đang hát thì điện bị cúp. Anh Tùng lớn tiếng:

— "Không can chi. Không thấy tay anh nhịp thì nghe anh đếm... allez.... một... hai..." Trong bóng tối, không mắc cỡ, không cần nhìn nhau mà cất tiếng, thành thử chúng tôi bắt vào bài đều hơn, hát cũng dõng dạc hơn? Được khen nhiều hơn thường lệ. Giải lao có gì đâu, một cái kẹo cau hoặc một chiếc kẹo gừng hoặc một miếng kẹo đâu phụng đường đen có bánh tráng. Tôi nhấn mạnh *hoặc* chứ không phải là *và*. Hát khô cổ rồi, ăn kẹo đậu phụng, tha hồ mà tốn nước máy. Vậy mà cũng mát cổ. Vậy mà cũng ngọt ngào.

Cái lạ, cái kỳ diệu của điệu ca, nét nhạc là tình cờ nhờ hát, nhờ nghe mà đôi khi bắt gặp được trong lòng những rung động, xúc cảm vốn hẳn đã có sẵn trong tiềm thức, nhưng không có môi trường làm cho chúng sống dậy. Chúng giống như cái mầm của một hạt đậu khô đã nhiều năm, không ai thấy, không ai ngờ rằng nó vẫn tồn tại, vẫn sống đấy. Chỉ cần vài giọt nước, một chút ấm áp, một chút ánh sáng là cái mầm đó nứt ra rồi trỗi dậy với cả một cuộc đời riêng, đầy đủ cá tính của nó. Một đôi người bạn cũ trong ca đội và tôi, không ngờ rằng mình mang sẵn cái mầm sầu sâu kính trong lòng, một chiều bên bờ Hương Giang, đã cảm thấy điều mà trong một vài bài luận tả cảnh thời trung học tôi vẫn gọi là nỗi buồn vô cớ!

Hôm ấy, vì lý do nào đó mà phòng Lý Hóa — nơi chúng tôi tập dượt - - bị khóa cửa, anh Tùng dẫn bọn tôi ra đài Chiến Sĩ Trận Vong (nay không còn nữa). Chiều hôm ấy trời nhiều mây, nhìn qua bên kia sông Hương, thành Nội im lìm để mặc cho những lớp mây xám rủ nhau về ghé thăm kỳ đài rêu phong, cô độc. Cảnh đã không tươi. Chúng tôi lại vừa tập xong bài *Thăng Long Hành Khúc Ca*, của Văn Cao, trong đó có câu *cột cờ còn kia, cột cờ còn đó, xác xơ hoàng hôn lạc loài*

THƠ BỒNG

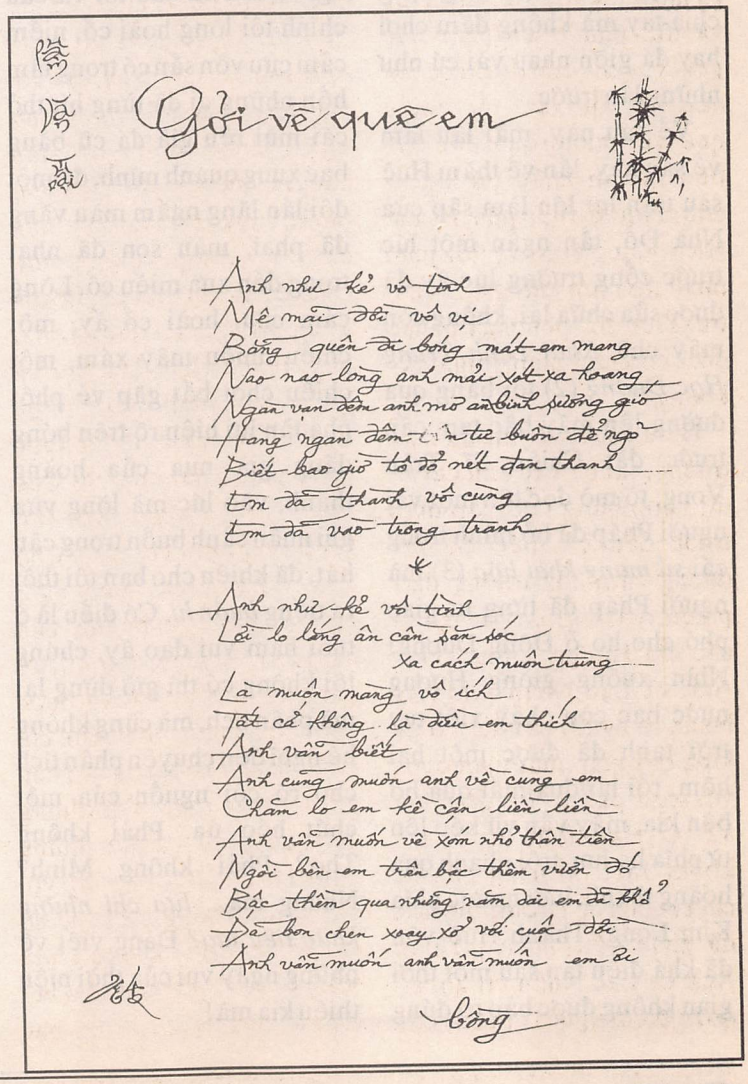

trên đài cao. Lúc ra về, cùng đi với Đoàn Minh, (con thầy Đoàn Nồng) và Nguyễn Đình Thọ, (anh ruột của anh Nguyễn đình Mô trong ban tổ chức Ngày Nhớ Huế hiện nay ở California) đến cầu Trường Tiền, ngoảnh nhìn lại Cột Cờ, Thọ hay Minh, tôi không nhớ, tự nhiên thốt ra mấy tiếng: "Buồn hí!" Điều lạ lùng là ngay lúc ấy chính tôi cũng cảm thấy một chút rười rượi trong lòng. Ba anh em chúng tôi chia tay ở trước tòa Khâm (nay cũng không còn nữa). Thọ và Minh qua phía bến Phố, tôi tiếp tục đường về Vĩ Dạ. Lẳng lặng chia tay mà không đấm chơi hay đá giỡn nhau vài cú như những lần trước.

Về sau này, mãi lâu lắm về sau này, lần về thăm Huế sau trận lụt lớn làm sập cửa Nhà Đồ, tần ngần một lúc trước cổng trường lúc ấy đã được sửa chữa lại, không còn mấy chữ *Khải Định Trung Học Đường* (2) tôi băng qua đường lên mấy bậc tam cấp trước đài Chiến Sĩ Trận Vong, tò mò đọc tên một vài người Pháp đã bỏ mình trong cái *sứ mạng khai hóa* (3) mà người Pháp đã từng tự giao phó cho họ ở Đông Dương! Nhìn xuống giòng Hương nước bạc còn chảy xiết tuy trời tạnh đã được một hai hôm, rồi lại đưa mắt qua bờ bên kia, mây vần vũ kéo lên từ phía hạ lưu, trôi nhanh qua hoàng thành, lướt ngược phía Kim Long. Thành Huế vốn đã khá điêu tàn sau một thời gian không được bảo trì đúng mức, lúc ấy trông càng hoang vắng giữa mùa lụt lội. Lòng tôi hơi se lại.

Rồi tôi chợt nhận ra rằng nỗi buồn nhè nhẹ thoáng gợn đó là mầm mống của cái sầu khi đứng trước tất cả những gì mà mình biết là đang biến dạng biến thể, xét về mặt khách quan thuần lý, mà mình biết đang suy vi, đang tàn lụi nếu nhìn ngắm với cái chủ quan của cảm tính.

Rồi tôi cũng chợt nhận ra rằng, bảy tám năm về trước, câu hát *xác xơ hoàng hôn lạc loài trên đài cao* vô tình đã đánh thức dậy trong lòng hai người bạn cũ của tôi và của chính tôi lòng hoài cổ, niềm cảm cựu vốn sẵn có trong tâm hồn những ai đã từng hít thở cái mùi rêu già đá cũ bàng bạc xung quanh mình, đã một đôi lần lặng ngắm màu vàng đã phai, màu son đã nhạt trong đền xưa miếu cổ. Lòng cảm cựu, hoài cổ ấy, một chiều nhiều mây xám, một chiều chợt bắt gặp vẻ phôi pha tàn lụi hiện rõ trên bóng dáng già nua của hoàng thành, vào lúc mà lòng vừa ghi nhận cảnh buồn trong câu hát, đã khiến cho bạn tôi thốt ra tiếng *buồn hí.* Có điều là ở tuổi ham vui dạo ấy, chúng tôi không có thì giờ dừng lại mà phân tích, mà cũng không hề nghĩ đến chuyện phân tích cho rõ cội nguồn của một chút héo úa. Phải không Thọ? Phải không Minh? Nhưng mà... *lựa chi những khúc tiêu tao?* Đang viết về những ngày vui của thời niên thiếu kia mà!

Kể, dạo ấy vui thật. Tôi nghĩ bạn bè cùng một lứa tuổi với tôi, vui vì cái mới, cái lạ xung quanh mình nhiều hơn là vì những diễn tiến, biến cố lịch sự đang xẩy ra lúc đó. Cái gì mà trước đó không lâu vừa nghe Thống Chế Pétain ân cần nhắn nhủ rằng *Nước Pháp với An Nam như dân quê với đất ruộng*, bây giờ lại nghe *Đả đảo thực dân Pháp?* Cái gì mà mới *nhờ sức hùng cường của hoàng quân Nhật nước Việt Nam ta lại xuất đầu lộ diện giữa trời Đông sáng sủa, nay lại Đả đảo phát xít Nhật? Nước non về tay quốc dân* rồi mà một buổi sáng đẹp trời bỗng thấy lính Pháp đứng gác trên cầu Trường Tiền. Mới *Rồng Tiên con cháu một nhà đó,* mới thấy ảnh các ông Hồ Chí Minh, Nguyễn Tường Tam tươi cười bên nhau ngoài Hà Nội, nay lại nghe lực lượng Việt Minh và Việt Nam Quốc Dân Đảng *xô xát dữ dội* ở ngoài Bắc! Bộ óc non nớt của tôi, thật tình không hiểu nổi. Nói như người Ăng Lê "Rather confusing, don't you think?" Nhưng mà vui vì thấy xung quanh, cả một lớp *các anh lớn* cả một lớp thanh niên có học vấn — tôi cố ý tránh tĩnh từ *trí thức* — hăm hở, hăng say tham gia vào phong trào này, chiến dịch kia. Ấn tượng mà họ tạo ra trong đầu óc tôi là hình ảnh những người đầy lý tưởng, không vụ lợi đã đành mà còn vị tha nữa là khác. Thấy đất nước có cơ hội nắm lấy chủ quyền, lòng ái quốc nhiệt thành của họ bừng

sống. Riêng tôi, tôi xem các anh chị lớn ở hai trường Đồng Khánh và Khải Định thời ấy, nhất là những người trong ban nhạc, như những tấm gương sáng. Họ làm việc chung, không nề hà khó nhọc, trong khi vẫn còn phải lo học lo thi. Đáng chú ý nhất là họ biết tự trọng và trọng kẻ khác. Do đó, không hề có chuyện gây gổ, hờn dỗi nhau vì bất đồng ý kiến không thể tránh được trong cái không khí sôi nổi lúc ấy. Cái *đức dục* giản dị mà sâu sắc của mấy quyển Luân Lý Giáo Khoa Thư mà họ đã hấp thụ được khi còn ở tiểu học, coi vậy mà quí thật. Không được chuẩn bị trước, nhồi nặn trước, tôi luyện trước về cách ăn ở cho nó ra con người, làm sao mà tự nhiên nước nhà có được cả một lớp người đáng yêu như vậy. Sức mấy mà có một người hoặc một nhóm người có thể tạo ra cái tinh thần phục vụ hăng say ấy trong một sớm một chiều. Thời cuộc đánh thức dậy cái tinh thần nghĩa vụ của họ đấy thôi! Không tin thì cứ nhìn mấy *ông ba mươi* đó, họ phục vụ hết mình đấy chứ! Chỉ khác một chút xíu xìu xiu ở cái động cơ thúc đẩy hành động của họ.

Bực mình! Là vì tôi sực nhớ năm ngoái tình cờ xem được một tạp chí xuất bản trong nước. Báo in đẹp mà chữ nghĩa cũng dễ hiểu, trong đó có một bài viết kỷ niệm hai mươi năm ngày "giải phóng" cái phần giàu có nhất của giải đất hình chữ S. Người nặn ra những giòng chữ nọ cho rằng lớp trẻ năm 75 chào đón "cách mạng" cũng tưng bừng không khác gì, không kém gì lớp thanh niên năm 45. Tôi đọc nhờ số báo đó ở nhà một người bạn, nay không có nguyên bản trong tay, nhưng đại để tác giả nói như vậy. Còn lâu!

Lúc đặt tờ bán nguyệt san nọ xuống chiếc bàn nhỏ đầy sách báo mà bạn tôi vừa đem từ Sài Gòn qua, tôi đã nghĩ rất nhiều về lớp thanh niên hồi 45. Tôi nghĩ đến anh Tùng nay đã không còn nữa, tôi nghĩ đến anh Phong nay cũng là người ngàn xưa (anh tự tử trong cảnh túng quẫn). Tôi nghĩ đến những người còn sống sót sau mấy chục năm đầy những biến cố trọng đại, kẻ ở trong, người ở ngoài nước. Cho đến năm 75, ở cả hai miền có người may mắn có được một cuộc sống bình thường không tên tuổi gì nhưng bản thân và gia đình được toàn vẹn, có người được trọng dụng, giữ những chức vụ cao cấp làm rạng danh cho trường cũ. Các anh chị mà tôi từng quen biết đã tự do lựa chọn hoặc buộc phải lựa chọn con đường họ đi trong một bối cảnh chính trị hết sức phức tạp. Trong giòng cảm xúc này, tôi không muốn len lỏi vào hai nẻo Nam Bắc trên con đường ấy. Nghĩ cho cùng ra, sống, ai mà không biện minh với chính bản thân mình, không ít thì nhiều. Có điều, luận điệu dùng để tự thuyết phục, thầm lặng mà suy gẫm thì luôn hợp tình, hợp lý, nhưng nói ra cho người khác nghe lại chưa chắc đã thuyết phục được ai.

Tôi suy nghĩ lẩm cẩm về điều hiển nhiên trên đây là vì tôi đang cố tưởng tượng ra một buổi hội ngộ, tái ngộ thì đúng hơn, của những người bạn cũ trong ban nhạc đầu tiên của Đồng Khánh — Khải Định dưới bóng mát của một đôi cành phượng rực nở bên bờ Hương Giang. Cho nó đẹp! Những cái đầu bạc ấy (tôi sực nghĩ đến cái đầu chải brillantine rất mượt của anh Dần đánh Hạ Uy Di) những nạn nhân của một cú chơi khăm của lịch sử, bây giờ ở giữa năm 1996 này, họ nói gì với nhau đây trong cái thế dở khóc dở cười của hoàn cảnh trùng phùng. Tôi nghĩ họ sẽ nói rất nhiều về hai điều. Một là *nay thì còn gì nữa mà nói* và điều thứ hai là *Trời! Có biết bao chuyện để mà nói với nhau.*

Nhưng gì gì đi nữa thì cũng có một lúc mà những con người đã một thời là đồng đội trong nốt nhạc, trong cung đàn, qua lời ca, qua tiếng hát, những người ấy tất thế nào cũng gợi lại cho nhau dăm kỷ niệm của cả một mùa hăng say của họ. Cả một mùa chớm yêu của họ nữa, biết đâu. Bởi vì biết đâu đã không có men say sưa của *rượu trong mắt với khi nhìn ướm thử* mà các anh các chị kín đáo gửi cho nhau, nhận của nhau trong những buổi tập dượt ngày xưa. Tất thế nào họ cũng nhắc đến cái vụng về của họ trên sân khấu của

trường, cái lúng túng trên sân khấu của cuộc đời ở tuổi ấy, ở thời ấy. Trong buổi họp mặt tưởng tượng ấy tôi nghĩ sẽ có đủ khóc cười.

Vì một cơn gia biến mà Kiều đi mất mười lăm năm. Vì một phen quốc biến mà hàng vạn nàng Kiều của thế kỷ hai mươi, trong số có cả một lứa học sinh Đồng Khánh Khải Định ở tuổi thanh niên — tuổi xanh — phải cách biệt nhau đến năm muươi năm, tính cho đến chiều nay. Một buổi chiều không gió không mưa không nắng ở California. Trời tức giông, nhiều mây trắng và xám, những vòm mây khiến tôi nghĩ đến những mái tóc hẳn đã bạc của lớp người ấy. Tôi nghĩ rằng trong buổi kỳ ngộ đó, những cái đầu sương gió kia sẽ tụm lại quanh một ghè đậu hũ mà nghe, mà kể chuyện ấm lạnh trong vòng nửa thế kỷ. Nửa thế kỷ mà khói lửa của một cơn lốc dai dẳng đã cuốn đi, thổi bạt đi cái hăng say của một thời hăm hở, cái ngọt ngào dịu nhẹ của một chút xao xuyến đầu tiên của họ. Tôi mong được làm người đầu tiên ghi lại những mẩu hàn huyên đó để có dịp chứng minh cho một giả thiết. Cải giả thiết là tình cảm chân thành thời thanh niên của các anh các chị vốn không có tuổi. Với lại, vì một lý do vị kỷ, ghi lại để làm chất liệu cho một bài khác trong Tập San Nhớ Huế kỳ tới!

✍ ***Trúc Chi Tôn Thất Kỳ***

Ghi chú:

(1) Tôi dùng chữ TÀI TỬ theo nghĩa thông dụng cách đây bốn năm mươi năm năm. Hồi đó, để diễn đạt khái niệm amateur trong tiếng Pháp, người mình vẫn thường dùng hai chữ TÀI TỬ. Vào cuối thập niên 40, đầu thập niên 50, chữ TÀI TỬ có nghĩa tương đương với hai chữ CA SĨ hiện nay. Đài Hà Nội dạo ấy vẫn thường giới thiệu một nhạc phẩm nào đó do tài tử Ngọc Bảo, tài tử Anh Ngọc trình bày. Nhưng lại chỉ giới hạn cho phái nam. Chẳng hạn khi giới thiệu ca sĩ Minh Đỗ, xướng ngôn viên lại nói bài... do cô Minh Đỗ trình bày không bao giờ nói do tài tử Minh Đỗ.

(2) Đây là năm chữ Hán, tô nổi bằng hồ, khảm sành vụn. Lúc mới ở trường Thế Dạ lên trung học, vốn liếng chữ Nho của tôi, thu thập được trong mấy giờ Hán Tự thú thật, nghèo nàn lắm. Nhưng mà cũng đọc được ba trong số năm chữ trên cổng trường. Chữ TRUNG thì dễ, nói dóc theo kiểu Huế mình là ... không học cũng biết. Chữ HỌC thì có học thật. Chữ ĐƯỜNG, tôi biết được nhờ đọc hàng chữ quốc ngữ trong tờ giấy quảng cáo chai dầu Nhị Thiên Đường. Hàng trên có năm chữ Hán, hàng dưới có năm chữ Nhị Thiên Đường Dược Phòng. Còn hai chữ KHẢI ĐỊNH thì tôi... đoán? Mà đoán trúng!

(3) Mission civilisatrice.■

Hương Giang Hiểu Phiếm

Nhất phái nguyên uyên hộ đế thành
Thanh lưu sấn tảo nhạ lương sinh
Ba bình xuân thủy lung yên sắc
Chu trục thần phong động lỗ thanh

Trích "Ngự Chế Thi Tập (Thiệu Trị)

Sông Hương Sáng Dạo Thuyền

Một dải sông sâu bọc đế thành
Dòng trong hây hẩy gió mai lành
Lặng yên sóng khói xuân lồng sắc
Xao tiếng chèo bơi gió giục nhanh.

Thiên Nhất Phương

ĐỂ TƯỞNG NHỚ NHỮNG NGƯỜI THẦY KHẢ KÍNH

Nguyễn Phước

Tôi đậu tiểu học năm 1940 nhưng đến năm 1941 tôi mới thi vô trường Quốc Học lúc đó gọi là Lycée Khải Định. Mặc dầu tôi có hai người anh ruột và bốn năm ông anh em cô cậu ruột đang học Khải Định và có cả ông cậu ruột làm Giáo sư tại đó và ai cũng khuyến khích tôi dự thi nhưng tôi vẫn một mực chối từ. Lý do tôi muốn đi chậm một năm vì tôi biết trường Khải Định là một trường chọn lọc học sinh ưu tú. Tôi tự lượng sức mình, chỉ vừa đủ điểm đậu "Ri-me" thì khó mà ganh đua để tên dính bảng vàng. Vì vậy tôi đầu quân vào Lycéum Việt Anh để dùi mài kinh sử với thầy Đào Đăng Vĩ, dưới quyền Hiệu Trưởng De Lafféranderie, nguyên Hiệu Trưởng Khải Định mấy năm về trước. Qua năm 1941 tôi mạnh dạn vác lều chõng tranh tài với mấy trự tân "Rime" nên năm đó tôi hân hoan bước vào cổng trường màu hồng thắm mà nhiều học sinh chốn Thần kinh mơ ước.

Trong bốn năm mài đũng quần ở mái trường thân yêu đó thì hai năm đầu vị Hiệu Trưởng là Délépine đã giữ chức vụ nầy từ trước. Một năm rưỡi Hiệu Trưởng kế nhiệm là Vincenti. Vị Hiệu Trưởng nửa năm sau cùng là thầy Phạm Đình Ái. Vào thời đó các Giáo Sư Việt Nam dạy ở Khải Định thì thầy Phạm Đình Ái đậu bằng Cử Nhân Khoa học và thầy Nguyễn Dương Đôn đậu bằng Cử Nhân Toán học ở Pháp. Trong ba vị Hiệu Trưởng trên đây thì ông Délépine là người có vẻ thực dân vì ông hay đứng trước cổng trường vào giờ tan học để bắt học sinh giở mũ cúi đầu.

Qua bốn lần phượng nở với bao kỷ niệm buồn vui, được nhiều thầy rèn luyện nhân cách, un đúc kiến thức khiến tôi trở thành người hữu dụng... cho bản thân và gia đình. Ơn sâu nghĩa nặng của quý thầy thì nhiều nhưng sau những tháng năm mòn mỏi, tuổi đời chồng chất, chỉ còn lại trong tôi hình ảnh bốn sư phụ khả kính và khả ái:

Trước tiên là thầy Nguyễn Dương Đôn dạy toán. Thầy người tầm thước, da dẻ hồng hào, dáng dấp khoan thai, áo quần lịch sự, âu phục màu sáng nhẹ vào mùa hè. Mùa đông thì màu xám đậm có cả gilet bên trong rất hợp thời trang. Bài thầy giải thường ngắn gọn không dài giòng. Trong lớp có Trương Xuân Mai rất giỏi toán nên thầy hay gọi Mai lên làm bài giải. Thầy nói tiếng Việt không bằng tiếng Pháp nên lúc nào nói chuyện với học sinh thầy cũng dùng tiếng Pháp. Trong thời gian học với thầy Đôn chỉ có một lần tôi được nghe thầy nói tiếng Việt, đó là vào một dịp Tết, một học sinh được anh em cử lên chúc Tết thầy bằng tiếng Việt, buộc lòng thầy phải đáp từ bằng tiếng mẹ đẻ nhưng có vẻ ngập ngừng, ngượng ngập không thao thao bất tuyệt như khi thầy nói tiếng Lang Sa.

Kế đến là thầy Vidal dạy lý hóa. Dáng người cao, thanh lịch, kính cận dày cộm như Kissinger, môi thắm tợ thoa son. Thầy soạn bài kỹ

nhưng không cà-kê dê-ngỗng như một vài thầy khác. Học sinh được thầy cưng nhất là Ngô Kế Chí vì Chí đứng đầu lý hóa trong lớp. Chính thầy Vidal đề nghị và vận động cho Ngô Kế Chí được hưởng Bourse entière d'internat, mỗi tháng lãnh được hai mươi bốn đồng bạc Đông Dương. Hồi đó ở Khải Định có hai cấp học bổng, cấp cao nhất như Ngô Kế Chí được hưởng là học bổng nội trú. Cấp thứ nhì là Bourse entiere d'externat, tức là học bổng ngoại trú, mỗi tháng chỉ được bốn đồng bạc Đông Dương. Sau khi đậu bằng Cao Đẳng Tiểu Học thì đến 19-8-45 Việt Minh cướp chính quyền rồi sau đó một số không ít học sinh Khải Định hưởng ứng phong trào "Xếp bút nghiên lên đường tranh đấu", trong đó có Ngô Kế Chí và tôi gia nhập Vệ Quốc Quân thuộc Trung đoàn Trần Cao Vân do Hà Văn Lâu chỉ huy đóng ở đồn Phan Đình Phùng, tức là đồn Sơn Đá cũ. Đêm 19-12-46 thì chiến tranh Pháp Việt bùng nổ, đầu năm 47 mặt trận Huế tan vỡ chúng tôi chạy lên làng Cổ Bi Hiền Sĩ, đóng quân tại đồn điền ông Thân Trọng Ngật, Trung đoàn Trần Cao Vân đổi tên thành Trung đoàn 101. Tháng 4-50 tôi "dinh tê" về Huế, Ngô Kế Chí ra Bắc gia nhập đảng Cộng sản, được đảng tin cậy cất nhắc lần hồi lên đến chức Giám Đốc nhà máy hóa chất Việt Trì.

Thứ ba là thầy Nguyễn Lân dạy sử. Để giúp học sinh dễ nhớ, thầy thường dùng phấn nhiều màu viết dàn bài trên bảng cho học sinh chép đề cương. Hình như hồi đó thầy Lân có ý thiên về chính trị nên thầy viết cuốn NHỮNG TRANG SỬ VẺ VANG và mang vô lớp cho học sinh chuyền tay nhau đọc. Năm 94 tôi về Sài Gòn rồi ra Hà Nội, nghe tin thầy Lân ở khu tập thể Kim Liên tôi tìm tới định bụng ghé thăm thầy nhưng rất tiếc hôm đó gia đình thầy đi trẩy hội chùa Hương nên tôi mất cơ hội gặp lại người thầy cũ kính mến.

Cuối cùng là thầy Đoàn Nồng dạy Pháp văn và sử. Dáng người đẫy đà, ăn nói có duyên, hay pha trò, má lúm đồng tiền. Trái với thầy Đôn, thầy Nồng ăn mặc rất đơn sơ. Mùa hè thầy hay mặc quần short màu kaki hoặc trắng, mang giày thể thao, bắp chân nổi lên nhiều gân xanh bằng con đỉa trâu mà học sinh thường khảo là "gân sinh lý", mùa đông thì thêm cái chandail bên trong, chiếc bành tô kaki bên ngoài, rất giản dị. Một điểm khác biệt nữa giữa thầy Đôn và thầy Nồng là thầy Nồng chỉ nói tiếng Pháp khi dạy học, lúc nào nói chuyện với học sinh thầy cũng nói tiếng Việt, lại hay kể truyện Tàu cho học sinh nghe. Có lần sau giờ sử thầy bảo học sinh đóng cửa phòng lại rồi say sưa kể chuyện anh hùng Lương Sơn Bạc thời Đông Châu Liệt Quốc. Năm 1942 thầy viết và xuất bản cuốn NGHỆ THUẬT HÁT BỘ (hát bội). Tôi còn nhớ vào dịp hè năm đó thầy kêu tôi tới nhà ngồi chép bản thảo (có thù lao) cuốn NTHB để đưa cho nhà in Đắc Lập của cụ Bùi Huy Tín ở gần hiệu tơ lụa Palais de Soirie trên đường Trần Hưng Đạo lúc đó mang tên Paul Bert in. Nghe đâu năm 1980 thầy cho tái bản sách nầy tại Sài Gòn nên năm 94 khi biết tôi sắp đi Việt Nam bác sĩ Thái Can có nhờ tôi tìm mua một cuốn nhưng lúc về bên đó tôi tìm khắp nơi không thấy.

Dạo đó thầy Nồng hoạt động trong hội Hướng Đạo và tham gia đảng Dân Chủ của Giáo Sư Đặng Thái Mai nhưng khi già Mai trở thành bố vợ Võ Nguyên Giáp thì thầy Nồng cũng bị lôi cuốn tình cảm với tổ chức Việt Minh. Do đó năm 1946 thầy kéo hết bầu đoàn thê tử ra Thanh Hóa rồi được Việt Minh đưa lên làm Giám Đốc Nha Bình Dân Học Vụ Liên Khu Tư. Sau khi về hưu và vợ chết thầy ra Hà Nội, đến khi miền Nam thất thủ thầy vô Sài Gòn. Lúc gặp tôi thầy ngỏ ý tổ chức một buổi nói chuyện với các học trò cũ hiện ở Sài Gòn nhưng Ban Quân Quản Sài Gòn không cho phép vì thầy không phải là người của đảng Cộng sản. Qua năm 1983 tôi nghe tin thầy quá vãng! Thầy có người con trai lớn hiện ở Ohio, nguyên Đại Tá K.Q. V.N.C.H. và cũng là cựu học sinh Khải Định. Người con thứ hai là Đoàn Quỳnh theo

thầy Nồng ra Bắc từ nhỏ nay là danh thủ đệ nhất toán học miền Bắc, đã từng dự thi toán quốc tế ở Pháp. Hiện Đ.Q dạy ở trường đại học Bách Khoa Hà Nội.

Trong số bốn vị thầy khả kính trên đây thì thầy Đôn và thầy Nồng là đôi bạn tâm giao nhất. Có thể vì cả hai thầy đều lấy vợ đầm. Vợ thầy Đôn là đầm Pháp lai Đức, vợ thầy Nồng là đầm Pháp lai Việt. Cô Nồng có một vẻ đẹp dịu hiền như Jeanne d'Arc với cái tên cũng rất ư dễ thương: Ninette Jean. Cô Ninette là ái nữ của ông Jean Chủ Sự Bưu Điện Huế. Em trai của cô là Pierre Jean, học sau tôi hai lớp. Năm 1946 Pierre theo gia đình chị và anh rể ra Thanh Hóa rồi Hà Nội. Nhờ có căn bản Pháp văn lại giỏi toán, Pierre được Hà Nội cho đi học ở Đông Đức đậu tiến sĩ Lý Hóa. Hiện Pierre dạy tại trường Đại Học Tổng Hợp Hà Nội dưới cái tên Việt Nam là Phạm văn Luyến, mặc dầu khuôn mặt Phạm văn Luyến rất Tây, Tây cỡ như tướng thiết giáp Phan Hòa Hiệp của Việt Nam Cộng Hòa trước kia vậy.

Hôm nay, sau nửa thế kỷ trôi qua với bao nhiêu vật đổi sao dời, tre tàn măng mọc, trường Quốc Học vừa tròn trăm tuổi đến với tôi như là những GIÂY PHÚT CHẠNH LÒNG!!!

Cali, cuối tháng 9 năm 1996

Nguyễn Phước

Huế thành phố ấy không bao giờ ra khỏi đời tôi

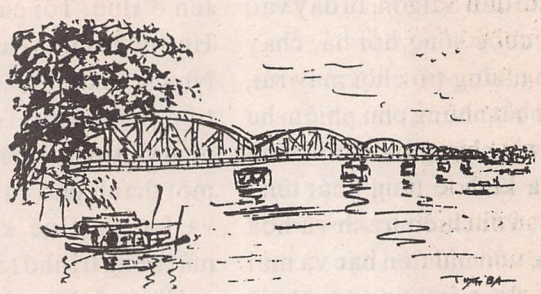

Nguyễn Xuân Hoàng

Mặc dù ra đời ở Nha Trang và lớn lên ở Đà Lạt, rồi Saigon, thế nhưng bao giờ Huế cũng là thành phố chiếm trong tôi một chỗ rất thiêng liêng, đằm thắm và... chua xót nhất.

Thiêng liêng, bởi vì Huế thuở đó đối với tôi là một vùng đất xa xôi và xa lạ... như thể nó thuộc về một hành tinh khác. Huế của Sông Hương và Núi Ngự. Huế của triều đình và hoàng phái. Huế là Hoàng cung, Hoàng triều. Huế là thành phố của những con người thuộc về một cấm thành trong đó nhốt những vương gia vọng tộc. Huế xa cách với dân đen. Huế với tôi thuở đó là một thành phố của tiểu thuyết.

Nhưng Huế với tôi cũng đằm thắm, dịu dàng, mật ngọt. Bởi vì tôi nhìn thấy Huế lần đầu tiên trong màu nâu kỳ lạ của đôi mắt em, là mái tóc dài đen mướt trói chặt trái tim tôi, là chiếc nón bài thơ che nửa mặt hoa, là tà áo trắng bay phất phới trong cơn mộng mị tôi, là tiếng gõ của đôi guốc gỗ tràn ngập trí nhớ tôi... Huế là giọng nói mang âm hưởng quyến rũ của người thiếu nữ lần đầu tiên làm tôi choáng váng, chết ngộp. Huế là thành quách của cung cấm đã nhốt trái tim vừa mới lớn của tôi.

Những cơn gió biển của Nha Trang dù trong mùa biển động cũng không cách chi xua tan được mùi vị của Sông Hương. Và sống giữa một Dalat với thác Cam Ly, hồ Than Thở, rừng Ái Ân, với khí lạnh của một vùng đất cao nguyên hoàng triều cương thổ, lúc nào tôi cũng tưởng chừng như mình đang

đi trên con đường Trần Thúc Nhẫn; đi ven hồ Xuân Hương mà tưởng chừng như đang bước trên con đường Đập Đá. Chính những con người Dalat cho tôi cái cảm giác mình đang thở một không khí Vĩ Dạ, Nam Giao.

Rồi đến Saigon, bị đẩy vào một cuộc sống hối hả, chạy theo những trò chơi may rủi, đuổi bắt những phù phiếm hư ảo, với những biến cố chính trị và kinh tế từng phút từng giây, với chiến tranh và hòa bình, với mùi tiền bạc và mùi chết chóc, với trung trinh và phản bội, với tin yêu và lừa đảo... Huế đã dần dần biến mất trong tôi.

Những người bạn mới đã kéo tôi ra khỏi cơn mê đồng thiếp của một thành phố thần thánh, đã đẩy tôi chạy tới những đam mê khác, quyến rũ hơn, ngọt ngào hơn, cay đắng hơn, và ma túy hơn... Và Huế của tôi một hôm bỗng nhiên ra khỏi đời tôi.

Không, tôi tưởng là như vậy thôi. Bởi vì, quả thật có lúc tôi không còn nhìn thấy Huế, không cách chi hình dung được khuôn mặt em, không cách chi nhớ lại được giọng nói ngọt ngào em. Tôi đã gỡ được những sợi tóc đen dài trói buộc đời tôi. Tôi đã không bị những cơn mộng mị chôn tôi xuống giòng Hương Giang. Nhưng không, tôi tưởng là như vậy thôi. Bởi vì làm sao tôi có thể thoát khỏi Huế, làm sao tôi có thể chạy khỏi cái bóng của tôi, làm sao tôi có thể chạy khỏi hệ lụy của đời tôi. Bởi vì Huế từ bao giờ đã trở thành một nửa hồn tôi.

Những người đất Thần kinh có lý do để nói Huế chỉ là thành phố đi xa để mà nhớ chứ không phải ở để mà thương. Còn tôi, tôi không phải là người chào đời và lớn lên ở Huế. Tôi chưa kịp gần Huế để mà tính chuyện đi xa. Nhưng bao giờ Huế cũng trong trí nhớ tôi. Tôi yêu Huế như yêu em. Huế với tôi là một thành phố của mộng mị và hư ảo. Huế không biến mất trong trí nhớ tôi.

Như một hòn sỏi rơi xuống đáy hồ, mặt nước đã khép lại chôn một quá khứ. Quá khứ kia vẫn còn đó. Và một hôm, bất chợt, không ngờ, Huế thức dậy trong tôi.

Chỉ là một giọng nói rất mơ hồ. Chỉ là một câu chuyện được kể lại của một người từng được sống ở Huế. Chỉ là một món ăn mang hương vị của một miền đất Trung kỳ. Chỉ là những câu thơ được đọc lên của một người bạn. Có những bài thơ trở thành tiếng gõ của những đôi guốc gỗ đi trên vai cầu Tràng Tiền làm sống dậy trong tôi Huế mà tôi tưởng đã quên:

Hãy quên những sợi tóc bạc
đừng nghĩ gì mai ta chia tay
một chút Sông Hương trong đôi mắt đó
ta mang theo cất giữ trong đời

(Kiêm Thêm — Như Huế, Như Em Ta Ngó Được)

em áo trắng tóc thề đùa với gió
tôi theo em lẽo đẽo kẻ si tình
....

Tôi đã đi qua nhiều thành phố của Việt Nam. Tôi đã chào đời tại Nha Trang. Tôi đã lớn lên ở Saigon. Tôi đã có những tháng năm đẹp đẽ nhất ở Dalat. Và Biên Hòa. Và U Minh. Và những nhà tù Kiên Giang, Rạch Giá. Tôi đã ở Bataan, Phi Luật Tân. Đã sống sung sướng trong những ngày đầu tiên tự do khi đặt chân xuống vùng đất Virginia. Đã ở California được mười năm. Đã uống chén đắng. Đã nếm rượu cay. Đã mòn chết. Đã nhìn thấy những thay đổi diễn ra từng phút từng giây nơi tôi, bạn bè tôi và quanh tôi. Tôi đã chặt bỏ không thương tiếc những hệ lụy bám lấy đời tôi. Tôi đã lóc đi những ước mơ. Đã dìm chết thứ dĩ vãng làm mốc meo đời tôi. Tưởng như vậy. Nhưng, mùa đông ở California đang qua. Mấy hôm nay trời lạnh vừa phải. Và một chút mưa xuân làm quà đã đánh thức tôi trở dậy.

Và Huế bỗng nhiên sống lại trong tôi.

Nguyễn Xuân Hoàng
California 20. 12. 1995.

Kỷ Niệm 100 Năm Trường Quốc Học Huế:

Linh Mục Nguyễn Văn Thích

(1891 - 1979)

Võ Long Tê

Cụ phó bảng Tiểu Cao Nguyễn Văn Mại (1858. 1945) là quản giáo chữ Hán tiên khởi của Trường Quốc Học Huế thành lập năm 1896. Người đầu tiên trong gia đình cụ Tiểu Cao tiếp nối sứ vụ mà cụ có thiện chí tự nhiệm đối với Trường Quốc Học, chính là người con trai thứ hai của cụ, quý danh là Nguyễn Văn Thích, thụ phong chức linh mục, được chính quyền triệu dụng làm giáo sư Hán văn tiên khởi ban Cổ Điển Viễn Đông, khai giảng từ niên khóa 1941 - 1942 tại Trường Trung Học Khải Định, tức là Trường Quốc Học cải danh kể từ năm 1936.

✧ I. THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP

• 1. Tên, hiệu, và bút danh

Linh mục Nguyễn Văn Thích chào đời tại phủ lỵ An Nhơn, tỉnh Bình Định, ngày 20 tháng 8 Tân Mão tức ngày 22. 9. 1891, thuở thân sinh làm Tri Phủ sở tại (1).

Trong Lô Giang Tiểu Sử, cụ Tiểu Cao ghi chép tên con không thống nhất: khi thì VĂN THÍCH (tr.65), khi thì NGUYỄN THÍCH (tr.132), khi thì HY THÍCH (tr.136, 171, 192). Còn trong gia phổ đính kèm LÔ GIANG TIỂU SỬ (2), tất cả con trai cháu trai cụ Tiểu Cao đều mang phức danh bắt đầu với chữ HY thay vì đơn danh với chữ lót VĂN như đã chép có lúc có nơi trong *LÔ GIANG TIỂU SỬ*. Riêng về trường hợp linh mục của chúng ta, thiết tưởng nên gọi là NGUYỄN VĂN THÍCH vì ba lẽ:

a. Sinh thời, cụ Tiểu Cao muốn con trai thứ nhất và thứ hai lưu tên hậu thế bằng đơn danh: tại tờ 10a thủ bản sách VIỆT NAM PHONG SỬ có ghi tên hai con đã phiên dịch nguyên tác Hán văn ra Quốc văn để dễ phổ biến như sau (xem phụ bản I và chú thích 25):

"Phiên dịch: Nam hàng đệ nhất Ấm sinh VĂN ĐỊCH Cát Khanh; Nam hàng đệ nhị Pháp Việt Trợ giáo VĂN THÍCH Sảng Đình".

b. Văn kiện chính thức của Giáo hội Công Giáo chép tên linh mục của chúng ta là NGUYỄN VĂN THÍCH, chẳng hạn cuốn VIỆT NAM CÔNG GIÁO NIÊN GIÁM 1964 (3).

c. Linh mục tự xưng danh là NGUYỄN VĂN THÍCH trong một số tác phẩm đã xuất bản, chẳng hạn tập khóa trình bằng Hán văn TRUNG DUNG ĐẠO LÝ THẬP NHỊ ĐỀ ghi rõ do "Đại học văn khoa giáo thụ Nguyễn văn Thích soạn" (Xem phụ bản II và chú thích 4).

Linh mục chọn hiệu là Sảng Đình cho nên đặt nhan đề thi phẩm xuất bản năm 1943 là SẢNG ĐÌNH THI TẬP, và thường dùng bút danh J.M. THÍCH hay, gọn hơn, J.M.T., do viết tắt tên thánh Giu-Se (Joseph) Ma-ri-a (Marie) và tên thực.

• 2. Từ cửa Khổng về nhà Chúa.

Sảng Đình học Hán văn rất sớm, mới bốn tuổi đã học bài ngũ ngôn tứ tuyệt XUÂN HIỂU của Mạnh Hạo Nhiên (5), lớn lên giồi mài kinh sử, từng thi Hương hai khoa (6)

nhưng hỏng tam trường, xoay sang tân học, học trường Quốc Học và Trường Pellerin do Dòng Sư Huynh Thiện Giáo mở tại Huế. Tốt nghiệp trung học và Sư phạm (7), Sảng Đình được bổ Trợ giáo Pháp Việt trường tỉnh Khánh Hòa trong tháng 2 năm 1911 (8). Đúng ngày 29. 6. 1911 Sảng Đình lãnh phép bí tích Rửa Tội tại nhà thờ Bình Cang (Nha Trang). Đó là hồng ân Thiên Chúa ban cho thầy giáo Sảng Đình sau "ba năm cầu nguyện":

"Muôn vàn cám đội công ơn Chúa,
Bao xiết cao rao phước phận tôi.
Mấy độ gian nan còn để dạ,
Ba năm cầu nguyện đã như lời" (9).

Năm 1911, vâng theo ơn thiên triệu làm linh mục triều, thầy giáo Sảng Đình vào học Tiểu Chủng viện An Ninh (Quảng Trị), đến ngày 1. 9. 1919 vào học Đại Chủng viện Phú Xuân (Huế). Thầy đại chủng sinh Sảng Đình chịu các chức nhỏ trong khoảng các năm 1920 - 1922, chức phụ phó tế ngày 22. 12. 1923, chức phó tế ngày 20. 12. 1924, và cùng với mười phó tế khác, thụ phong thánh chức linh mục ngày 18. 12. 1926 (10).

Cụ Tiểu Cao nhận định thế nào về đức tin Công Giáo của con trai thứ hai? Thoạt tiên, hẳn là cụ chống đối, nhưng về sau, cụ có thái độ khoan hòa của nhà nho chân chính nên đã viết lời tuyên ngôn trong LÔ GIANG TIỂU SỬ như sau: *"Trong lúc tự do tín ngưỡng ta cũng không cấm"* (sđd.tr.172).

- **3. Đời Linh mục.**

Giáo quyền đã lần lượt ủy thác linh mục Sảng Đình đảm trách các nhiệm vụ giáo sư, chánh xứ và tuyên úy. Thoạt tiên, linh mục làm giáo sư các trường Công giáo Huế: Trường Dòng Thánh Tâm, Trường Providence (Thiên Hữu) cho đến năm 1937 thì thuyên chuyển làm giáo sư Tiểu Chủng viện An Ninh.

Năm 1942, linh mục được điều động về Huế làm tuyên úy Trường Pellerin (Bình Linh), tuyên úy rồi tổng tuyên úy Hướng Đạo Công Giáo toàn quốc.

Năm 1946, linh mục làm chánh xứ Xuân Long (Huế). Bấy giờ Đức Cha Lemasle (Lễ), Đại diện Tông tòa Địa phận Huế qua đời. Tòa Thánh Vatican chưa kịp tấn phong một vị giám mục khác thay thế. Do đó, chiếu theo giáo luật, linh mục đoàn Địa phận Huế, đã bầu Sảng Đình làm Nhiếp chính cai quản địa phận cho đến năm 1948 khi có tân giám mục là Đức Cha Urrutia (Thi) nhận chức.

Tu trì theo tinh thần thơ ấu phúc âm và linh đạo hai bà thánh Tiên Sa, linh mục nhận thấy Giáo hội Việt Nam, tuy đã có nhiều hội dòng chuyên về giáo dục nhưng còn thiếu một tổ chức lo riêng cho trẻ em tuổi mẫu giáo. Đức giám mục bản quyền đã ban phép cho linh mục lập dòng "Á VƯỜN TRẺ". Lý thuyết về dòng này được linh mục trình bày trong sách GIÁC DỤC, ấn bản tiếng Pháp nhan đề là L'EDUCATION DES SENS có phép chuẩn ấn của Đức Cha Urrutia đề ngày 29. 1. 1951 (11). Sách giáo khoa có "Phần thầy dạy" là cuốn BÁNH TRẺ (12), gọi như vậy vì mỗi buổi học được bố trí như một bữa "tiệc". Một nhà tập tu Á Vườn Trẻ đã hoạt động một thời gian dưới bóng giáo đường họ Xuân Long, nhưng dự án lập dòng không thành công vì nhiều lý do khách quan. Linh mục Sảng Đình vẫn không nản chí, thực hành trong phạm vi nhỏ hơn, cốt để làm gương. Khi trở về làm tuyên úy Trường Bình Linh lần thứ hai, linh mục thiết lập trong khuôn viên trụ sở tuyên úy, ngay phía mặt cổng Trường Bình Linh, một trường mẫu giáo tên là Vườn Trẻ Hương Linh do linh mục đích thân điều khiển, với sự cộng tác của một số giáo viên thiện chí, tuy không tu dòng linh mục muốn thành lập, nhưng hưởng ứng phương pháp giáo dục do cha đề xướng và được tóm tắt trong tập MẪU GIÁO (13).

Từ năm 1961, trong phạm vi Tổng giáo phận Huế, linh mục kiêm nhiệm chức vụ tuyên úy Nữ sinh và tham gia các Ủy ban Ca Nhạc Kịch và Sách vở (14).

Năm 1970, linh mục về hưu trí tại Nhà Hưu Dưỡng Linh Mục cạnh Tòa Tổng Giám Mục Huế, tuy vậy vẫn tiếp tục dạy Hán văn và Triết học Đông Phương tại Đại Học Huế và

Sài Gòn cho đến khi chấm dứt chế độ Việt Nam Cộng Hòa ngày 30. 4. 1975.

Linh mục Sảng Đình về chầu chúa ngày 9. 12. 1979 tại Nhà Chung Huế, an táng tại Phú Cam, cải táng năm 1982 vào nghĩa địa các linh mục ở phía sau núi Thiên Thai do chính quyền chỉ định.

Bình sinh, linh mục Sảng Đình sống chí đạo, nêu gương khiêm hạ, bác ái và khó nghèo. Linh mục Stanilas Nguyễn văn Ngọc nêu chứng từ sau đây: *"Cha Thích khiêm tốn, khó khăn,* (lúc chết không còn một xu), *áo quần cho hết, có lần mặc quần đùi và áo dòng thôi"* (15). Chúng ta còn có nhiều chứng từ khác nữa về gương thánh thiện của linh mục Sảng Đình. Thầy dạy linh mục Sảng Đình tương lai trong niên khóa 1917 - 1918 tại Tiểu Chủng viện An Ninh là linh mục Henri Denis tức Cố Thuận (1880 - 1833), tổ phụ Dòng Xi Tô Thánh Gia Việt Nam, đã viết: *"Địa phận [Huế] sẽ được một linh mục thánh"* (16). Người viết xin nêu lời tiên tri này với tư cách một sử gia và với tinh thần vâng phục Giáo hội, chứ không có ý đi trước hay vượt quyền thẩm phán của Giáo hội.

- **4. Thành tích Văn nghệ.**

Mười năm sau khi nhận lãnh chức thánh, linh mục Sảng Đình sáng lập và làm Chủ bút tuần báo VÌ CHÚA, viết "bằng Quốc văn, Pháp văn, Hán văn", số 1 ra đời ngày 18. 9. 1936, xuất bản tại Huế, nhưng in tại nhà in Trung Hòa, Hà Nội. Chúng tôi nêu chi tiết này để thấy tài tổ chức bố trí công việc tòa soạn của linh mục, lúc đầu thì làm giáo sư ở Huế, về sau thì thuyên chuyển làm giáo sư ở Tiểu Chủng viện An Ninh (Quảng Trị) và mãi đến năm 1942 mới trở về Huế trong chức vụ tuyên úy Trường Bình Linh. Kể từ thập niên 40, tình hình kinh tế chính trị biến chuyển, không thể in báo Hà Nội dễ dàng nhanh chóng như trước và giấy báo càng khan hiếm và lên giá, linh mục phải đích thân làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút, đổi báo VÌ CHÚA thành tạp chí nguyệt san, đến năm 1945 khi xảy ra nhiều biến cố chính trị mới phải đình bản.

Không những được các giới Công giáo hoan nghênh ái mộ, báo VÌ CHÚA hân hạnh có nhiều trợ bút và độc giả trong các giới không Công giáo. Chúng tôi xin kể vài trường hợp tiêu biểu.

Cụ Sào Nam Phan Bội Châu (1867 - 1940) kết duyên văn tự với linh mục Sảng Đình (17), viết nhiều bài nghị luận và ký sự đăng trong VÌ CHÚA. Bài LỜI KÍNH CÁO ĐỒNG BÀO TA Ở NGÀY THÁNH ĐẢN ký tên thật Phan Bội Châu (18) chứng tỏ nhà chí sĩ họ Phan thấu triệt tín lý Công giáo và ý nghĩa mầu nhiệm Chúa Giáng Sinh. Trong bài thất ngôn bát cú Đường luật song ngữ THƠ MỪNG BÁO VÌ CHÚA CHU NIÊN (19), cụ Phan ca tụng đạo Công giáo và chúc lành báo VÌ CHÚA.

Hán Thoại:

Lô dã văn chương hà Chúa đào,
Nguyện tương chận lý chú đồng bào.
Cổ kim đại đạo thiên trường tại,
Âu Á tân trào nhạc bất dao.
Xích tử mãn hoài phương đãi bộ,
Hôn cù bỉnh chúc cảm từ lao.
Kim châu châu hựu lai châu đáo,
Xứ xứ chiên quần mộc thánh cao.

Việt thoại:

Văn chương lò bệ sẵn khuôn trời,
Chân lý đưa ra thảy đúc người.
Đạo ở xưa nay trời mãi mãi,
Sóng dầu Âu Á núi hoài hoài.
Bé con trước bụng đương chờ mớm,
Đuốc lớn đường khuya phải cố soi.
Đầy tuổi còn còn đầy tuổi nữa,
Bầy chiên khắp xứ tắm ơn ngài.

Thi hào Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu (1889-1939), tuy không theo đạo Công giáo và chưa đọc tất cả thơ của linh mục Sảng Đình đã cho hành thế, nhưng đã có cảm hứng dịch bài thơ nguyên tác chữ Hán VẬT LÝ SUY NGUYÊN ký Sảng Đình đăng tuần báo VÌ CHÚA. Thi hào Tản Đà đã trao cho bạn thơ

vong niên là Phạm Đình Tân bản Việt dịch ngay khi vừa hoàn thành. Khi họ Phạm tiết lộ cho nhà thơ núi Tản sông Đà biết rằng Sảng Đình là hiệu của linh mục Nguyễn văn Thích thì nhà thơ thích thú nói: *"Thảo nào! Nhà tu hành mới có những ý tưởng cao siêu ấy"*. Sau khi họ Phạm nhận xét rằng bản dịch là một thành công, nhà thơ thực tình tiếp lời: *"Đó cũng vì tác giả có những ý tưởng cao siêu, thấm thía làm tôi cảm động. Tôi có lần cũng đã nghĩ đến một Chúa tể càn khôn, nhưng không biết Đấng ấy là ai, kêu là gì cho đáng, là ông Trời, là Thượng Đế..."* (20).

Nguyên tác bài VẬT LÝ SUY NGUYÊN qua thư pháp của tác giả đã đăng báo VÌ CHÚA như sau:

.....

Phiên âm:

Vũ trụ y nhiên cố miến trung,
Thiên cao địa quýnh tứ vô cùng.
Nhứt luân minh nguyệt lai hoàn khứ,
Vạn cổ niên ba thu hựu đông.
Yêu ốc vô tri hân thảo mộc,
Phi tiềm đắc ý tiễn ngư long.
Tế suy vật lý quân tu ngộ,
Mạc đạo càn khôn vô Tạo công.

Việt dịch của Sảng Đình trong SẢNG ĐÌNH THI TẬP, sđd,tr.18: nhan đề là

"ĐỨNG GIỮA CÀN KHÔN"

Đứng giữa càn khôn thử nhắm trông,
Trời cao đất rộng tứ vô cùng.
Gương Nga đầy khuyết qua rồi lại,
Máy Tạo xoay vần hạ với đông.
Sinh trưởng vô tình vui thảo mộc,
Vẫy vùng đắc ý mặc ngư long.
Suy trong vật lý ta nên tỉnh,
Nhận biết trời trên có chủ ông.

Việt dịch của Tản Đà:

Nhìn quanh vũ trụ bao la,
Trời cao đất rộng biết là ra sao!
Một vừng trăng sáng treo cao,
Đi đi lại lại, dễ nào ai hay.
Trăm năm muôn thuở đổi thay,
Mới thu khi ấy mà nay đông rồi.
Cỏ cây chẳng biết sự đời,
Mà xanh mởn lá, mà tươi tốt cành!
Vẫy vùng biển rộng trời xanh,
Rồng kia cá nọ ra tình sướng sao!
Bầu trời suy xét tiêu hao,
Thử xem muôn vật ai nào biết chưa?
Càn khôn để lại từ xưa,
Có tay gây dựng chớ ngờ rằng không.

Báo VÌ CHÚA đình bản nhưng nhà báo Sảng Đình vẫn có mặt trên trường ngôn luận. Trong khoảng 1945 - 1946, Liên đoàn Công giáo xuất bản tại Huế tạp chí TỔ QUỐC: Linh mục Sảng Đình là cây bút chủ lực của một bộ biên tập hùng hậu gồm có các trí thức Công giáo Huế như Bùi Tuân, Trần Điền, Lê văn Vịnh...

Về sau, trong các báo Công giáo xuất bản tại Huế như nguyệt san VINH SƠN (1949 - 1958) do linh mục Nguyễn văn Lập chủ trương, nguyệt san NGUỒN SỐNG (1958 - 1961) của Địa phận Huế do kẻ viết bài này làm Tổng thư ký Tòa soạn, những bài xã thuyết ký Sảng Đình, với nội dung sâu sắc và văn phong cổ kính, luôn luôn được độc giả từng ái mộ VÌ CHÚA nồng nhiệt thưởng thức.

Giữa thập kỷ 50, hội Cổ Học thành lập tại Huế với mục đích chính cổ súy Nho học, do cụ Tiến sĩ Hán học Nguyễn Huy Nhu và linh mục Nguyễn Văn Thích làm Hội trưởng và Phó Hội trưởng. Một loạt bài của linh mục đăng trong CỔ HỌC QUÍ SAN, cơ quan ngôn luận của hội đã được nhiều giới độc giả thưởng thức.

Tiểu luận gia thâm thúy với các tác phẩm: LỜI HẰNG SỐNG (21) gồm những bài đã đăng báo VÌ CHÚA, CON NGƯỜI ĐẸP NHẤT gồm một số bài đã xuất hiện trong các báo, linh mục Sảng Đình nổi tiếng là nhà thơ tam ngữ Việt, Pháp, Hán với SẢNG ĐÌNH THI TẬP. Nhan đề thi phẩm đặc cách đơn giản tỏ rằng tác giả noi theo truyền thống nho gia. Thực ra, tác giả là người thuộc một thế hệ

mới, sống trong bối cảnh giao lưu văn hóa Đông Tây. Nếu chúng tôi không lầm, đây là thi phẩm tam ngữ Việt, Pháp, Hán đầu tiên trong thi sử Việt Nam, thấm nhuần đạo vị Công giáo.

Linh mục đã phiên dịch bi kịch POLYEUCTE của Pierre Corneille dưới nhan đề TUỒNG PHỔ LIỆT theo mẹo tuồng hát bội. TUỒNG PHỔ LIỆT in trong báo VÌ CHÚA năm 1940 và trích in tấn (scène) XIX trong SẢNG ĐÌNH THI TẬP (tr.124 - 126), đã nhiều lần công diễn và được quần chúng hoan nghênh. Đây là lần thứ tư kịch tác gia Pierre Corneille nói tiếng Việt, hai lần trước nhờ hai bản dịch TUỒNG LÔI XÍCH (1920) và TUỒNG HÒA LẠC (1923) của cụ Phạm Quỳnh, lần thứ ba nhờ TUỒNG LỘ ĐỊCH (1936) của cụ Ưng Bình Thúc Gia Thị.

Linh mục Sảng Đình còn là nhà sưu tập ca dao: tập CỔ VIỆT PHONG DAO in lần thứ nhất năm 1968 và tái bản năm 1995 (22), thiết yếu là một công trình phát huy giá trị của văn chương bình dân cổ truyền bởi vì, như linh mục đã phát biểu cảm tưởng ở cuối tập (sđd tr.82 - 83):

Văn chương quốc ngữ kém gì Trung hoa.
Nhưng đây lục bát dân ca,
Không dùng chữ Hán, toàn là chữ Nôm.
Song thất không phải thất ngôn,
Lục bát là điệu hùng hồn Việt Nam.

Về phương diện thực tiễn, đây là một tài liệu tiện dụng cho các giáo viên mẫu giáo soạn các bài dạy. "Tiệc" trong sách BÁNH TRẺ gồm có các mục "Câu hát" và "Thường thức": Câu hát thì chọn ca dao, còn về Thường thức thì linh mục dặn dò giáo viên trong tập MẪU GIÁO (sđd tr.8) như sau: *"Các món Thường thức, xin các giáo viên dùng sách CỔ VIỆT PHONG DAO (300 câu) mà dạy các bài như ý về THIÊN NHƠN và VẠN VẬT"*

Có biệt tài về cổ họa, linh mục là một diệu thủ nhiều nhạc khí cổ truyền và một soạn nhạc gia hữu danh, tác giả nhiều bài giáo ca ra đời từ thập kỷ 30, đến nay vẫn được nhiều ban phụng ca hát trong thánh lễ, chẳng hạn các bài TRỜI CAO ĐẤT THẤP GẶP NHAU, BAO GIỜ TÔI ĐƯỢC LÊN TRỜI... Nhạc đoàn Lê Bảo Tịnh tập hợp các soạn nhạc gia Công giáo, do nhạc sĩ Hùng Lân (1922 - 1986) sáng lập vào tháng 7 năm 1945 tại Sở Kiện, tỉnh Hà Nam, có sự tham gia nhiệt tình của linh mục Sảng Đình từ thuở ban đầu (23).

Do uy tín và sự nghiệp văn hóa giáo dục của linh mục, đại hội học giả, văn nhân, nghệ sĩ Thừa Thiên họp tại Huế năm 1956 đã bầu linh mục làm Chủ tịch Ủy Ban Văn hóa Thừa Thiên để chuẩn bị tham dự Đại hội Văn hóa Toàn quốc nhóm tại Sài gòn từ ngày 7 đến ngày 15 tháng 1 năm 1957. Trong dịp này, người viết bài này và giáo sư Lê Hữu Mục được bầu làm đồng Phó Chủ tịch để cùng với linh mục Sảng Đình lãnh đạo Ủy ban.

- **5. Giáo sư Hán văn và Triết học Đông Phương.**

Là "một vị tinh tu đắc đạo" (24), linh mục Sảng Đình đã tổng hợp trong đức tin Ky Tô Giáo tinh hoa nho học của Đông phương và văn hóa Hy La của Tây phương. Hơn nữa, linh mục là một giáo sư nổi tiếng dạy nhiều trường đạo và đời. Thiết tưởng vì thế nên chính quyền mời linh mục dạy một môn học cũ theo tinh thần một chương trình mới, tức là khai khóa môn Hán văn ban Cổ điển Viễn Đông tại Trường Trung học Khải Định kể từ niên khóa 1941 - 1942. Sau khoa thi Tiến sĩ Hán học tổ chức lần cuối cùng năm 1919, chữ Hán chỉ được dạy lấy có trong khuôn nhổ chương trình giáo dục, trước gọi là Pháp Việt, sau gọi là Đông Dương. Thoạt tiên, mỗi tuần dạy một giờ chữ Hán, về sau ở bậc Tiểu học thì giảm đi, chỉ còn dạy ở bậc Cao đẳng Tiểu học mà thôi. Rồi trong chủ trương chấn hưng truyền thống kể từ thập kỷ 40, chính quyền Pháp ở Đông Dương cải cách giáo dục: Ban Cổ điển Viễn Đông ở bậc Trung học được thiết lập thêm, lấy Hán văn làm môn học chính yếu giống như tiếng Pháp, tương đương như ban Cổ điển đã có, vốn thiên trọng văn hóa Tây phương, và lấy các tiếng Hy Lạp, La Tinh làm môn học chính yếu. Đây là một cuộc cải cách cục bộ, bậc Cao đẳng Tiểu học vẫn tồn tại và

dĩ nhiên còn dạy chữ Hán mỗi tuần một giờ. Do đó linh mục Sảng Đình kiêm dạy Hán văn cả ban Cổ điển Viễn Đông lẫn Cao đẳng Tiểu học.

Thời cuộc biến chuyển rất nhanh. Trong niên khóa 1944 - 1945, ban Cổ điển Viễn Đông được đến lớp chín thì xảy ra Nhật đảo chánh ngày 9. 3. 1945. Ngày 17. 4. 1945, vua Bảo Đại thành lập chính phủ Việt Nam độc lập đầu tiên, do học giả Trần Trọng Kim làm "Tổng Lý Nội Các" tức Thủ tướng. Giáo sư Hoàng Xuân Hãn, Bộ trưởng Giáo dục và Mỹ thuật, triệu tập một Hội đồng soạn thảo chương trình giáo dục mới, quy tụ nhiều nhà hoạt động văn hóa giáo dục danh tiếng trong toàn quốc. Linh mục Sảng Đình được mời tham gia hội đồng này và những đề nghị hợp lý của linh mục về địa vị chữ Hán trong chương trình giáo dục mới đã được chấp thuận.

Chương trình giáo dục mới kịp thời ban hành quy định có chín năm trung học chia làm hai cấp: Trung học Phổ thông, học trong bốn năm rồi thi lấy bằng tốt nghiệp và Trung học Chuyên khoa, học trong ba năm rồi chỉ thi một lần lấy bằng Tốt nghiệp tức Tú Tài, khác với học chế cũ quy định thi Tú Tài I và Tú Tài II. Trong số các ban Chuyên khoa có ban Cổ điển: Hán văn có địa vị chính yếu như Quốc văn trong khi Pháp văn thì dạy như là sinh ngữ.

Trường Trung học Khải Định đi tiên phong trong việc giảng dạy và tổ chức các khoa thi theo tinh thần chương trình mới ban hành, quen gọi là Chương trình Hoàng Xuân Hãn.

Chế độ chính trị thay đổi, nhưng Chương trình Hoàng Xuân Hãn vẫn được áp dụng trong thực tế trong niên khóa 1945 - 1946. Niên khóa 1946 - 1947 thì dang dở vì trường nhận lệnh phải di tản. Nhưng chính quyền quốc gia được thiết lập tại Huế và Trường Khải Định tái lập, và trong khi chờ đợi, vẫn dạy trong thực tế theo chương trình Hoàng Xuân Hãn. Mãi đến ngày 5. 9. 1949, Bác sĩ Phan Huy Quát, Bộ trưởng Quốc gia Giáo dục mới ban hành chương trình bậc Trung học chung cho toàn quốc. Chương trình này vẫn giữ ban Hán văn, nhưng tái lập chế độ thi hai bằng Tú Tài I và II. Trải bấy nhiêu biến động, riêng linh mục Sảng Đình vẫn tiếp tục dạy Hán văn tại Trường Khải Định và đào tạo rất nhiều học sinh đỗ Tú Tài ban Hán văn.

Hiệp định Genève qua phân đất nước thành hai miền, Trường Đại học Văn Khoa Việt Nam di chuyển từ Hà Nội vào Sài Gòn. Giáo sư tân khoa trưởng Nguyễn Huy Bảo mời linh mục Sảng Đình giảng dạy Hán văn và Triết học Đông Phương. Linh mục cũng phụ trách các môn này tại Viện Đại học Huế thành lập ngày 1. 3. 1957 và Viện Hán học Huế thành lập ngày 5. 10. 1959.

✧ II. THEO DÒNG KỶ NIỆM.

Trải qua một kỳ thi tuyển gay go, tôi vào học Trường Quốc Học sau khi, đã bốn năm qua, trường trở thành một trường trung học hoàn chỉnh, gọi là "lycée". Mấy ngày đầu, tôi ngạc nhiên nhận thấy cái Bình phong Long mã đồ không xây ở vị trí trung tâm mà gắn vào thành bao quanh trường phía bên phải cổng chính vào trường, phía có công xá dành cho giáo sư làm Giám học. Tôi tìm hỏi người lớn thì mới biết đó là di tích nhà trường thuở mới xây dựng. Khá lâu về sau, đọc thơ cụ Tiểu Cao do linh mục Sảng Đình trích dịch trong SẢNG ĐÌNH THI TẬP, tôi mới hiểu có sự nhất trí về một kiểu thức mỹ thuật trang trí nhà trường, xuất phát từ Kinh Dịch, giữa cụ Ngô đình Khả, Chưởng giáo tiên khởi kiêm Quản giáo chữ Pháp, và cụ Nguyễn văn Mại, Quản giáo tiên khởi chữ Hán.

Trong hai lớp đệ tam và đệ tứ, niên khóa 1942 - 1943 và 1943 - 1944, tôi học với linh mục Sảng Đình mỗi tuần một giờ Hán văn. Trước đó, tôi chẳng hề cảm thấy ý vị gì trong các giờ học Hán văn, xem như giờ nghỉ xả hơi để lấy sức học các môn khác. Tôi không có ý nói xấu, nhưng phải thừa nhận rằng phần lớn các thầy giáo được tuyển dụng tạm thời để phụ trách môn Hán văn không có khiếu sư phạm hay chưa qua một lớp huấn luyện sư phạm nào. Do đó, môn Hán văn không được phần đông học sinh coi trọng.

Nhưng ngay từ giờ đầu tiên tôi học với linh mục Sảng Đình, tôi và các bạn đều cảm thấy môn Hán văn có sức hấp dẫn lạ thường. Với dáng điệu khắc khổ nghiêm trang nhưng tự nhiên cởi mở, với lời giảng giải hàm súc và ngắn gọn, linh mục chinh phục sự chú ý của học sinh. Riêng tôi đã học ở linh mục cách học, do đó có căn bản để về sau tự học thêm ngõ hầu nghiên cứu văn, sử học Việt Nam ngay trong chính bản. Linh mục khéo truyền đạt cái hay của Hán học bằng cách trích giảng Tứ Thư Ngũ Kinh, Đường thi, Việt thi lịch triều. Linh mục chú trọng đến ngữ pháp tiếng Hán, giảng giải cách dễ hiểu nhớ lâu, bằng cách đối chiếu với ngữ pháp tiếng Pháp.

Tôi còn giữ cuốn vở trong đó chép bài Đường thi đầu tiên linh mục đã dạy, ấy là bài thất ngôn tứ tuyệt của Tư Không Thự nhan đề là **GIANG THÔN TỨC SỰ**, xin phiên âm như sau:

Bãi điếu qui lai bất hệ thuyền,
Giang thôn nhật lạc chính kham miên.
Túng nhiên nhất dạ phong xuy khứ,
Chỉ tại lô hoa thiển thủy biên.

Tôi và Tôn Thất Lượng, bạn thân cùng lớp, thích thú quá. Thuở ấy, chúng tôi đã làm thơ, bèn cùng chung sức dịch. Nay xét bản dịch còn có chỗ chưa đạt, nhưng tôi xin phép bạn Tôn Thất Lượng sao lục để ghi lại một kỷ niệm đời học sinh:

NÓI VIỆC XÓM SÔNG

Về nghỉ, thôi câu, thuyền chẳng buộc,
Xóm sông đêm xuống, ngủ bình yên.
Suốt đêm dẫu gió tơi bời thổi
Nước cạn hoa lau vẫn đậu thuyền.

Sau đây là đoạn tôi ghi chép một bài ngữ pháp linh mục đã dạy, trong đó tiếng Việt tiếng Pháp lẫn lộn, và vì lý do kỹ thuật ấn loát, các chữ Hán được phiên âm:

✧ MẸO DÙNG CÁC CHỮ: CHI, GIẢ, SỞ, KỲ

1. **CHI** đại danh từ làm túc từ (complément du verbe) như le, la, les, lui, leur. Ví dụ:

Hà lạc như chi: Vui nào bằng điều đó?

2. **GIẢ** đại danh từ, thường làm chủ từ cho một hay hai động từ, hoặc túc từ cho một động từ: celui qui, ceux qui, ce qui. Ví dụ:

— Độc giả: Kẻ đọc: celui qui lit.

— Cận chu giả xích: Cái chi (ce qui) gần son thì đỏ.

3. **SỞ** đại danh từ, làm túc từ cho hai động từ: ce que, celui que, celle que, ceux que, celles que. Ví dụ:

— Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân: Cái điều (ce que) mình không ưng thì không làm cho người.

— Cử nhĩ sở tri: Cử những kẻ (celui, ceux que) mầy biết.

4. **KỲ** đại danh từ hay adjectif possessif cho hết các personnes: mon, ton, son, ma ta, sa, notre, votre, leur, nos, vos, leurs. Ví dụ:

— Kỳ vị hương, kỳ sắc hữu hồng hữu bạch: Cái mùi của nó, cái sắc của nó có thứ hồng có thứ trắng.

Linh mục Sảng Đình có đức độ làm cho người đối thoại tự tín và thăng tiến, nhất là khi người ấy là học trò cũ. Đây là trường hợp của tôi. Dạy văn tại trường cũ kể từ niên khóa 1950 - 1951, tôi vui mừng tái ngộ linh mục nhưng vẫn giữ khoảng cách cần thiết theo lễ nghi đối với thầy cũ. Trái lại, linh mục có thái độ thân tình, cởi mở tự nhiên, thường trao đổi ý kiến về các vấn đề văn học, nghệ thuật và giáo dục. Tôi nhớ mãi những lần dự thánh lễ linh mục dâng tại giáo đường họ Xuân Long, những bữa cơm thân mật linh mục có nhã ý khoản đãi tại nhà xứ, những lần thỉnh giáo linh mục tại Vườn Trẻ Hương Linh.

Khoảng đầu năm 1973, sau khi gởi tặng linh mục ấn bản đặc biệt bản dịch VIỆT NAM PHONG SỬ (25) do Ủy ban Dịch thuật vừa xuất bản, tôi hân hạnh được linh mục quá bộ đến thăm tại nhà riêng ở Sài Gòn. Câu chuyện tập trung vào sự cần thiết phải in bản Việt dịch kèm với nguyên tác Hán văn như là một cách nhân ra nhiều bản các cổ thư đã hiếm hoi lại còn bị thời gian tàn phá. Linh mục có lời khen lối văn lưu loát của dịch giả

Tạ Quang Phát và rất mừng đọc lại nguyên tác của thân phụ được in offset kèm bản dịch.

Tôi nhớ đã thưa với linh mục rằng tôi vốn thích nghiên cứu ca dao, nhưng trước đó, cũng như phần đông độc giả, chỉ biết sách của cụ Tiểu Cao qua bài phê bình của Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến trong tạp chí NAM PHONG (26) hay qua phần trích dịch trong nguyệt san VÌ CHÚA. Niềm vui của tôi khi có trách nhiệm trong Ủy ban Dịch thuật là đôn đốc việc phiên dịch và xuất bản nhiều bộ sách quý, trong đó có tác phẩm đắc ý của cụ Tiểu Cao.

Dịp này, nói về báo chí, tôi ngỏ ý xin linh mục tái bản báo VÌ CHÚA. Linh mục viện lẽ tuổi già không thể kham được như trước. Tôi gợi ý nên có một nhóm thiện chí đứng ra chủ trương để làm sống lại một tờ báo đã đánh dấu thời gian. Linh mục đề nghị tôi đứng ra vận động thành lập nhóm thiện chí ấy, chúc lành cho nhóm và hứa sẵn sàng cộng tác với danh nghĩa chủ nhiệm sáng lập.

Không ngờ đó là lần cuối tôi hầu chuyện linh mục Sảng Đình, dưới dấu hiệu lòng tôn kính của cả hai thầy trò đối với một bậc thầy mở đường nghiên cứu ca dao trong liên hệ với lịch sử. Tôi xin phép lược thuật cuộc gặp gỡ ấy để kết thúc bài báo tôi viết để công khai bày tỏ tâm tình kính ái tri ân đối với cả hai vị ân sư.

Calgary, đầu tháng 11 năm 1995

VÕ LONG TÊ

CHÚ THÍCH

(1) LÔ GIANG TIỂU SỬ, sđd tr.65. Không hiểu sao trong sách VIỆT NAM CÔNG GIÁO NIÊN GIÁM 1964, Sài Gòn, Tủ sách Sacerdos xuất bản, 528 tr., lại in tại tr.216 rằng năm sinh là 1889: Có thể do sao chép sai hay phạm lỗi ấn loát. Về khoản năm sinh, LÔ GIANG TIỂU SỬ đáng tin cậy hơn.

(2) Gia phổ lập đến tháng sáu 1961, gồm 20 trang không ghi số thứ tự, in tiếp theo bản dịch LÔ GIANG TIỂU SỬ, sđd, không đề tên người thiết lập, chúng tôi đoán chính là dịch giả Nguyễn Hy Xước, con trai thứ năm của cụ Tiểu Cao.

(3) VIỆT NAM CÔNG GIÁO NIÊN GIÁM 1964, sđd trong chú thích số 18, tr.215,216,224.

(4) Sách không đề năm và nơi in, cứ kiểu chữ in đẹp thì đoán là một ấn phẩm thực hiện ở Sài Gòn, vậy tập này in khoản sau năm 1954 và trước 30.4.1975.

(5) "Et le quatrain de Mạnh Hạo Nhiên que j'ai étudié vers l'âge de quatre ans se présente à mon intelligence avec un charme mélancolique inconnu jusqu'alors" (p.51): Trích sách của linh mục Sảng Đình ký J.M.T. : L'EDUCATION DES SENS (Traduction du vietnamien "GIÁO DỤC"), Huế, 1951, 52 tr., có phép chuẩn ấn của Đức Cha J.B.Urrutia, Đại diện Tông tòa Địa phận Huế.

(6) LÔ GIANG TIỂU SỬ, sđd tr.172.

(7) Thư thủ bút của linh mục Stanilas Nguyễn văn Ngọc, sinh năm 1910, thuộc Tổng giáo phận Huế, viết tại Huế ngày 27.6.1990 gởi giáo sư Nguyễn Đăng Trúc, in offset làm phụ lục (tr.123-124) sách CỔ VIỆT PHONG DAO tái bản:

Sảng Đình Nguyễn văn Thích (sưu tập) 300 CÂU PHONG DAO (theo trang 3 ruột sách, do tác giả xuất bản lần thứ nhất tại Huế), Strasbourg (Pháp), 1995, Định Hướng Tùng Thư tái bản lần nhất, 128tr.

Nội dung sách gồm có:

— Nguyễn Đăng Trúc, DẪN NHẬP VÀO PHONG DAO (tr.5 - 16).

— Sảng Đình Nguyễn văn Thích, CỔ VIỆT PHONG DAO, BA TRĂM CÂU (tr.19 - 83).

— Nguyễn Lý Tưởng, HIỀN NHÂN CỦA THỜI ĐẠI: SẢNG ĐÌNH NGUYỄN HY THÍCH (tr.87-122).

— Phụ lục (in tiếp theo trang 122, tức là từ tr. 123 đến tr.126 nhưng sách quên ghi số thứ tự):

1. Thư thủ bút của Linh mục Stanilas Nguyễn văn Ngọc nêu trên.

2. Thư thủ bút của đạo diễn điện ảnh Thân trọng Kỳ viết từ trong nước ngày 26. 6. 1990 gởi giáo sư Nguyễn Đăng Trúc, in offset (tr. 125 - 126).

(8) LÔ GIANG TIỂU SỬ, sđd tr.136.

(9) Bài thơ SAU KHI CHỊU PHÉP RỬA TỘI, trong SẢNG ĐÌNH THI TẬP, của Sảng Đình Nguyễn văn Thích, Huế, 1943 tr.5.

(10) Sách VIỆT NAM CÔNG GIÁO NIÊN GIÁM 1964, sđd, tr. 216 ghi linh mục Nguyễn văn Thích thụ phong thánh chức linh mục năm và thư của linh mục Stanilas Nguyễn văn Ngọc nêu trong chú thích số 24 ghi rõ niên đại học đạo của tân tòng Nguyễn văn Thích từ khi chịu các chức nhỏ cho đến thánh chức linh mục.

Sách LÔ GIANG TIỂU SỬ, sđd tr. 192 chép: "Ngày [không ghi rõ] tháng tám [năm Giáp Tý, 1924] con trai là Hy Thích, học đạo tại tu viện An Ninh, được phong chức linh mục".

Thật ra, ngày 20.8.1924, thầy Nguyễn văn Thích lãnh chức phó tế (diacre), đến ngày 18. 12. 1926 mới lãnh thánh chức linh mục. Có lẽ trong sách LÔ GIANG TIỂU SỬ có sự ghi chép lẫn lộn giữa hai chức phó tế và linh mục (tư tế) chăng?

(11) L'Education des sens, sđd, xem chú thích số 5.

(12) J.M.T, Bánh Trẻ (Sách dạy lớp Ấu Trĩ), Huế 1952, Loại sách giáo khoa, Nhà in Thánh Tâm, 43 + IV + I - V tr...

(13) L.M (Linh Mục) J.M Thích, Mẫu Giáo. Lời trình bày của tác giả đề ngày 6. 8. 1968 và phép chuẩn ấn đề ngày 14. 8. 1969 của Cha Chính địa phận Huế P. Lê Văn Đẩu. Huế, 1969.

(14) Việt Nam Công Giáo Niên Giám 1964, sđd tr. 215, 224.

(15) Thư của Linh mục Stanilas Nguyễn Văn Ngọc viết tại Huế ngày 7. 6. 1990, dẫn trong chú thích số 7.

(16) Hạnh Tích Cha Benoit, R. P. Henri Denis (Cố Thuận), Tổ Phụ Chi Dòng Xi Tô Thánh Gia Việt Nam, do Dòng này biên tập và dẫn dịch thư của Cha Benoit gởi mẹ. Lời"Cùng độc giả" ký tên tập thể: "Phước Sơn F.M.E". Tựa của Đức Cha Hồ Ngọc Cẩn đề ngày 20. 6. 1943. Có phép chuẩn ấn của Đức Cha Simon Hòa Hiền, Giám Mục Sài Gòn đề ngày 15. 4. 1958. Giấy phép xuất bản của chính quyền đề ngày 24. 7. 1968. Sài gòn, 1968, Nhà in Hồng Lam 294 tr. Xin xem tr. 86.

(17) Võ Long Tê, Chí sĩ Phan Bội Châu Đọc Thơ của Thi sĩ Hàn Mạc Tử và Linh Mục Sảng Đình, đăng nguyệt san Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp, Sàigòn, số 8, 9 (tháng 1 và 2. 1970) tr. 42 - 43 và số 10 (tháng 3. 1970) tr 24, 25, 32.

(18) Tuần báo Vì Chúa số 14, ngày 18. 12. 1936 tr 2.

(19) Tuần báo Vì Chúa số 52, ngày 8. 10. 1937, tr 1.

(20) Phạm đình Tân, Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu với Bài Thơ "Vật Lý Suy Nguyên", đăng báo Văn Đàn, bộ mới số 1, ngày 25. 12. 1965, tr 9 - 12.

(21) J. M. Thích, Lời Hằng Sống. Huế, 1941, Nhà in Viễn Đệ, 192, tr.

(22) Cổ Việt Phong Dao, sđd trong chú thích số 7.

(23) Nhiều tác giả, Cung Thánh Tập 15, Saigon, 1962, Nhạc Đoàn Lê Bảo Tịnh xuất bản, 160 tr. Xem danh sách đoàn viên tr 7.

(24) Trích Lời Tự của cụ Phước Môn Nguyễn Hữu Bài đề ngày 1. 12. 1931 cho Sảng Đình Thi Tập, sđd tr III - IV.

(25) Nguyễn Văn Mại, Việt Nam Phong Sử, bản dịch của Tạ Quang Phát, Thủ bản nguyên tác số VNT 16 của Viện Khảo Cổ Sài Gòn in offset đính kèm. Sài Gòn, 1972, Tủ sách Cổ Văn Uỷ Ban Dịch Thuật Phủ QUốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa xuất bản, XXII125 - 303 + CCLXX tr, Lời Tựa của tác giả ở phần đầu sách tr. XIX - XXI.

(26) Tạp Chí Nam Phong số tháng 11. 1920 tr 415 - 425.

Phụ Bản I: Trang 10a thủ bản sách Việt Nam Phong Sử của cụ Tiểu Cao.

Phụ Bản II: Trang bìa sách Trung Dung Đạo Lý Thập Nhị Đề do Đại Học Văn Khoa giáo thụ Nguyễn Văn Thích soạn.

Phụ Bản III:

Nguyên tác bài Vật Lý Suy Nguyên, thủ pháp của tác giả.

Phụ Bản IV:

Linh mục Nguyễn Văn Thích, Chủ Tịch UBVH Thừa Thiên, bên phải là GS Võ Long Tê, Phó Chủ Tịch UBVH Thừa Thiên, cùng các thành viên khác trong UB dự buổi tiếp tân tổ chức tại hoa viên Dinh Độc Lập dịp Đại Hội Văn Hóa Toàn Quốc họp tại Sài Gòn từ 6 đến 15 tháng giêng năm 1957. ■

TRƯỜNG QUỐC HỌC

(26 THÁNG 10 NĂM 1896 - 1996)

Đôi dòng lịch sử đáng nhớ

Nguyễn Đặng

"Nhất giang lưỡng quốc nan phân thuyết
Tứ nguyệt tam vương triệu bất tường"

Tạm dịch:

Một sông hai nước mọi việc khó nên lời
Bốn tháng ba vua là điềm chẳng lành

"Thuyết" ám chỉ **Tôn Thất Thuyết**, Phụ chánh đại thần.

"Tường" ám chỉ **Nguyễn Văn Tường**, Phụ Chánh đại thần.

Đây là giai đoạn cực kỳ lộn xộn dưới triều Nguyễn. Tiếp đến đúng 8 giờ sáng ngày 05 tháng 04 năm 1885 tức ngày 23 tháng 5 năm Ất Dậu, Hàm Nghi nguyên niên, kinh đô Huế thất thủ và bà con Huế gọi là "ngày quẩy cơm chung" vì nhà nào cũng có người bị bọn Pháp bắn chết.

Sau ngày "Thất thủ kinh đô, Tây qua giăng giây thép, học địa đồ Việt Nam", các phong trào chống Pháp thực dân ngày càng rộng. Cuộc kháng chiến đầu tiên do nhà vua lãnh đạo, tiếp đến các thế hệ nho sĩ khác yêu nước, đến nho sĩ cấp tiến áp dụng đường lối lúc ôn hòa hay cần bạo động để đấu tranh giành chủ quyền quốc gia trong tay người Pháp. Trước sức tấn công ồ ạt của quân Pháp và nền văn hóa mới trong lúc lớp sĩ phu chưa có đường hướng mới nên lớp trí thức Việt Nam đành quay ra tìm hiểu nền văn hóa của Pháp đang đe dọa truyền thống đấu tranh của dân tộc Việt Nam.

☆ VĂN KIỆN CĂN BẢN THÀNH LẬP TRƯỜNG

Năm 1896 tức Thành Thái thứ 6, đạo dụ ngày 23 tháng 11 của nhà Vua đã ra đời với mục đích nêu rõ sự cần thiết cải tổ nền giáo dục quốc gia như sau:

"Nay ngoài những Thánh kinh, Hiền truyện ở Trung Hoa, lại còn nhiều sách trước tác ở các nước khác, và trách nhiệm của người đại diện phát ngôn trong khi giao thiệp trên đường Quốc tế rất là quan trọng. Vả lại phát triển giáo dục là phương tiện duy nhất để mở mang trí thức, để đào tạo đầy đủ tài năng, hầu giải quyết những vấn đề chánh sự và hành chánh và điều hòa giáo dục đúng phương pháp, lại là phương tiện để khai thông dân trí, đào tạo nhân tài.

Trong tình hình hiện tại không thể xem thường những nhận xét trên đây được bởi vì ở nước ta việc giáo dục theo sách vở Khổng giáo từ trường Quốc Tử giám ở kinh đô đến các trường công ở tỉnh, phủ. huyện lỵ tuy rất phổ cập và hoàn toàn nhưng việc giảng cứu những môn học Tây phương đến nay vẫn còn thiếu sót, nên cần phải được bổ cứu".

Tiếp theo đạo dụ ấy, cụ Ngô Đình Khả, sau chuyến công du học hỏi ở Pháp về, đã có vận động với Toàn quyền Đông Dương và Khâm sứ Trung Kỳ ở Huế về việc thiết lập tại Huế

một ngôi trường dạy 3 ngôn ngữ: Hán-Việt-Pháp lấy tên Quốc Gia Học Đường.

Là người có tiếng trung trực, đề nghị của cụ Ngô Đình Khả được chính phủ bảo hộ và chính phủ Nam triều chấp thuận.

Năm 1896, 3 văn kiện hành chánh được ban hành để thiết lập trường Quốc Học:

— Nghị định của Toàn quyền Đông Dương.

— Nghị định của Khâm sứ Trung kỳ.

— Đạo dụ của vua Thành Thái ấn định các thể thức và chi tiết về việc thi hành các nghị định căn bản nêu trên (các văn kiện này đăng ở Trung Kỳ Công Báo Bulletin asministrative de l'Annam quyển chót do Tòa Khâm sứ Trung kỳ xuất bản năm 1896).

☆ TRƯỜNG ỐC

Trường được thiết lập trên khoảng đất của Dinh Thủy sư cũ (đồn Thủy quân Hoàng gia) vì ở Huế có Vệ Long Thuyền.

Trường gồm hai dãy nhà tranh, chạy theo bờ đường nay là đường Lê Lợi từ nhà ga xuống Đập Đá (đường Jules Ferry). Trước trường có chiếc cổng với lối kiến trúc rất cổ kính, có hai tầng bằng gỗ, mái lợp theo kiểu Trung Hoa. Trên tầng lầu cổng ra vào có treo một chuông lớn để điểm giờ học. Chung quanh trường có tường sơn màu đỏ đậm. Trên cổng có một tấm biển chạm, sơn son thếp vàng ghi sáu chữ Hán: *Pháp Tự Quốc Học Trường Môn*. Tấm biển này hiện còn treo ở phòng giáo sư của trường.

Năm 1936 thời kỳ Pháp lúc trường mang tên Trung Học Khải Định (Lycée Khải Định) cổng ra vào được xây dựng theo kiểu tân thời giống các cơ quan công quyền hồi bấy giờ...

Năm 1956 để sửa soạn cho lễ kỷ niệm 60 năm thành lập trường Quốc Học, cổng ra vào được xây dựng theo kiểu xưa nêu trên. Điều đặc biệt vật liệu là gỗ nhẹ thiết kế theo mô thức cửa lúc thành lập đầu tiên và sau đó được phá đi làm bằng vật liệu nặng, bê tông cốt sắt, dùng ngói âm dương và đây là hình thù hiện nay.

Phía bên phải cổng vào có Bình phong Long Mã, làm bằng vôi đá. Ở bình phong có ghi hoài niệm ngày thành lập trường.

Đến niên khóa thứ ba (1899-1900) vì số học sinh tăng quá nhiều nên chính phủ cho dựng thêm hai dãy nhà dọc gồm 46 gian, kiến trúc sơ sài gồm mái tranh cột gỗ, phên tre.

Vào năm 1902, dãy nhà của các lớp bỗng nhiên bị cháy rụi và sau đó được làm theo kiểu cũ.

Kiến trúc sơ sài, khí hậu Huế mưa nắng bất thường và nhất là "mưa Huế làm cho thúi đất", trường sở bị hỏng và không chịu nổi thời tiết dù trường được xây dựng trên khuôn đất khá cao so với những địa điểm Huế bị lụt ngập nặng. Có những hôm, giáo sư và học sinh phải đội nón (lúc đó ít người dùng mũ) vì dột nên ánh sáng mặt trời xuyên qua hay giọt mưa rơi xuống, nước chảy dài trên các bờ tường, nước chảy róc rách trên các tập vở... còn các chú chuột lang thang trong lớp mà giáo sư Lebris đã mô tả khá ngộ nghĩnh trong bài "Le Quốc Học".

Đứng xa trường Quốc Học trông như nhà chứa lúa không hơn không kém.

Đến năm 1915 do nhà thầu khoán Leroy của Pháp điều khiển, dãy nhà tranh trên u buồn, lụp xụp được xây dựng lại bằng hai dãy lầu xinh xắn đầy đủ tiện nghi theo kiểu Âu Tây và ai đã viếng Pháp có thể so sánh trường Quốc Học nay giống như những trường trung học Pháp. Các lớp nhà trệt ngả phía sau và một số lớp trệt được xây dựng sau này.

Giữa kinh thành uy nghi đầy cổ kính, ven bờ sông Hương Giang trầm lặng mơ màng, trường Quốc Học vẫn đứng vững làm nhiệm vụ giáo dục cho thanh thiếu niên phục vụ cho xứ sở và nhiệm vụ chủ yếu là chọn lựa nhân tài thật sự cho nhu cầu phát triển quốc gia. Đó là triết lý giáo dục thời bấy giờ vì mỗi chế độ có triết lý giáo dục của chế độ đó.

☆ BAN GIÁM ĐỐC

Lúc đầu tiên **Cụ Ngô Đình Khả**, với hàm Thái Thường Tự Khanh, được bổ làm Chưởng Giáo (như Hiệu Trưởng bây giờ).

Dưới quyền Chưởng Giáo có các ban:

- **Ban Quản Giáo** gồm quý cụ:
  Nguyễn Văn Mai — Tạ Tương — Trần Đạo Tiềm.
- **Ban Giáo Sư** gồm quí cụ:
  Nguyễn Hữu Mân (dạy lớp Nhất)
  Nguyễn Tấn Cương (dạy lớp Nhì)
  Nguyễn Văn Tương (dạy lớp Ba)
  Nguyễn Văn Phiếm — Nguyễn Hữu Xuân
  Nguyễn Hữu Nguyên — Phan Khai
  Hoàng Cang và Hoàng Thông.
- **Ban Kiểm Khán** gồm quí cụ:
  Trương Tố — Từ Hán — Hồ Đình Mậu.
- **Môn học chính:** gồm Pháp văn, Hán tự và Khoa học Tây phương. Đây là trường Pháp Việt chính yếu của toàn xứ Trung Kỳ.
- **Học sinh — Lớp học:**

Niên khóa đầu tiên năm 1987, số người nộp đơn thi hơn 200, nhưng chỉ 50 người được tuyển chia ra nhiều lớp:

— Lớp Tôn Ấm (có quí Cụ Ưng Dự, Cụ Tôn Thất Quảng)
— Lớp Tuấn Tú (có Cụ Hồ Đắc Hàm)
— Lớp Khoa Mục (có Cụ Ưng Dinh)
— Lớp Hành Nhơn (có Cụ Trần Văn Tư).

Các lớp trên chỉ có học mà không có thi cử gì.

Niên khóa sau 1898-1899, Cụ Chưởng Giáo chọn 30 người xuất sắc trong các lớp để lập nên một lớp mang tên *"Quan Viên Tử Đệ"*.

Bắt đầu từ niên khóa này các học sinh phải học để dự thi tốt nghiệp gọi là "Cours gradué" có quí cụ: *Đào Nguyên Phổ — Phạm Liệu — Nguyễn Tự Dư — Nguyễn Đình Hiến — Kỳ Ngoại Hầu Cường Để — Ưng Dinh — Bùi Hữu Hưu — Bùi Hữu Thứ — Nguyễn Trọng Tịnh — Đặng Văn Oanh — Đặng Văn Hướng.*

Kỳ thi tốt nghiệp đầu tiên mở vào năm 1900 có 3 thí sinh trúng tuyển. Đó là quí cụ Hồ Đắc Hàm — Ưng Dư và Chiêm Thiết.

Quí cụ này sau đó được bổ làm trợ giáo tại trường.

☆ QUỐC HỌC DƯỚI THỜI PHÁP ĐÔ HỘ

Kể từ năm 1902 cho đến ngày Nhật đảo chánh Đông Dương (9 tháng 3 năm 1945), trường Quốc Học do người Pháp điều khiển.

Hiệu trưởng thực thụ đầu tiên điều khiển là ông Nordeman (trước ông này có ông Dieudonnat, cộng tác với Cụ Chưởng Giáo Ngô Đình Khả từ 1896-1902).

Ông Nordeman có tuyển một vị giáo sư chữ Nho là Cụ Đào Đăng Hưng và trường càng ngày càng phát triển.

Sinh hoạt giáo dục trường hoạt động bình thường cho đến năm 1927. Ngày 25 tháng 11 năm 1925, Cụ Phan Bội Châu về trú tại Bến Ngự, trường trải qua cơn sóng gió khơi động lòng yêu nước và tự ái dân tộc của học sinh Quốc Học.

Ngày 6 tháng 4 năm 1927, lấy cớ có sự khiếm nhã của một số giáo sư người Pháp, học sinh Quốc Học đã tự động bãi khóa để đòi hỏi một số giáo sư người Pháp đầy óc thực dân, khinh bỉ dân Việt và đòi bình đẳng... Cuộc bãi khóa ảnh hưởng rất lớn đến các phong trào quốc gia và khêu gợi lòng ái quốc dân tộc.

Năm 1936 thêm vào các lớp phổ thông (lớp đệ Nhất niên đến đệ Tứ niên — tức lớp 6 đến lớp 9 bây giờ) trường mở thêm các lớp chuyên khoa (tức Đệ nhị cấp) và trường Quốc Học nay đổi tên mới: **Trung Học Khải Định** do Ô. Lafferranderie là Hiệu trưởng.

☆ TRUNG HỌC KHẢI ĐỊNH DƯỚI THỜI NHẬT

Ngày 9 tháng 3 năm 1945, đảo chánh Nhật xảy ra ở Đông Dương, cướp chính quyền trong tay thực dân Pháp. Trung Học Khải Định tạm nghỉ một thời gian ngắn.

Ngày 12 tháng 3 năm 1945, Cụ Thượng Thơ Trần Thanh Đạt, cựu Bộ trưởng Bộ Giáo Dục của chính phủ Nam Triều, bổ nhiệm giáo sư Phạm Đình Ái làm Hiệu trưởng, người Việt Nam đầu tiên làm Hiệu trưởng Trung Học Khải Định và cho soạn thảo ngay một chương trình trung học lấy tiếng Việt Nam làm chuyển ngữ, chữ Pháp - Anh làm sinh ngữ.

Vì học sinh chưa quen tiếng Việt nên sau ngày 9 tháng 3 năm 1945, học sinh vẫn được phép dùng tiếng Pháp và tiếng Việt chung trong các bài thi. Đề thi cũng vừa tiếng Pháp và tiếng Việt.

Ngày 14 tháng 4 năm 1945, chương trình học và thi Tú Tài và Thành Chung được chính thức ban bố. Đó là chương trình đầu tiên, trước khi có chương trình Hoàng Xuân Hãn được công bố vào mùa hè năm ấy. Thành phố Huế là nơi duy nhất trong cả nước, đã tổ chức thi Tú Tài phần 2, khóa 1 năm 1945 và văn bằng cấp phát vào tháng 7 năm 1945 cũng là văn bằng Tú Tài đầu tiên của nền giáo dục Việt Nam.

Một thời gian rất ngắn sau đó, chương trình Hoàng Xuân Hãn ra đời, và các nhà giáo dục thường gọi quen chương trình trung học được áp dụng từ 1945 là chương trình Hoàng Xuân Hãn.

Thật ra chương trình ấy được soạn thảo do một Hội đồng Giáo sư đặt tại Nha Học Chánh dưới sự chủ tọa của Ông Hoàng Xuân Hãn lúc bấy giờ là Bộ trưởng Giáo Dục trong chính phủ Trần Trọng Kim.

Các giáo sư đã tham dự Hội đồng gồm có:

Giáo sư Phạm Đình Ái (Lý Hóa) — Các giáo sư Nguyễn Thúc Hào và Nguyễn Dương Đôn (Toán) — Giáo sư Tạ Quang Bửu (Vật Lý) — Giáo sư Hà Thúc Chính (Anh văn) — Giáo sư Ưng Quả (Pháp văn) — Linh mục Simon Nguyễn Văn Hiền và Giáo sư Nguyễn Huy Bảo (Triết) và một số giáo sư học giả như Hoài Thanh Nguyễn Đức Nguyên...

Giáo sư Hoàng Xuân Hãn đã ký nghị định ban bố chương trình trung học đầu tiên và chương trình đó do một nhóm học sinh trường Bưởi xuất tiền ra cho Nha Trung Học ấn loát.

☆ TRUNG HỌC KHẢI ĐỊNH DƯỚI THỜI VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Ngày 19 tháng 8 năm 1945, nền quân chủ được thay thế bằng chế độ Dân Chủ Cộng Hòa. Một số học sinh đang học hô hào bãi khóa "xếp bút nghiên lên đường tranh đấu" chống thực dân. Trung Học Khải Định vẫn tiếp tục sứ mạng giáo dục cho đến 6 tháng 3 năm 1946, Pháp và chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ký Hiệp Định Sơ Bộ. Rồi Hội nghị Dalat và Fontainebleau thất bại, Tạm Ước Ba Lê cho quân Pháp chiếm thành phố trong thời hạn 5 năm. Thế là quân đội viễn chinh Pháp có mặt tại Việt Nam theo qui định của Tạm Ước và trường Trung Học Khải Định bị buộc phải nhường cơ sở cho thực dân.

Kể từ đây bắt đầu chuỗi ngày lang thang: lúc thì xuống Tư Thục Việt Anh (nay Trung Học Nguyễn Tri Phương), lúc vào Đại Nội dùng Điện Thái Hòa và Điện Cần Chánh làm các phòng học. Công việc giáo dục thật khó khăn, cam go thiếu thốn trong 5 tháng.

Tới ngày 19 tháng 12 năm 1946, chiến tranh Việt Pháp bùng nổ khắp nơi và toàn quốc bắt đầu cuộc kháng chiến. Dân chúng ở các đô thị bỏ chạy về quê theo kế hoạch "tiêu thổ kháng chiến, vườn không nhà trống". Trung Học Khải Định dời ra Hà Tĩnh được phân phối 2 nơi: chi nhánh Đệ nhất cấp đặt tại Hiệp Phố (Hương Khê), chi nhánh Đệ nhị cấp lần lượt đặt tại Đồng Quang (Đức Thọ), Chợ Bông (Hương Khê), Đông Thái (Đức Thọ) và cuối cùng ở Bạch Ngọc (Nghệ An).

☆ TRUNG HỌC KHẢI ĐỊNH SAU HỒI CƯ (1947)

Đầu Xuân năm Đinh Hợi (1947), được lệnh của Hội Đồng Chấp Chánh Trung Kỳ, một số

nhân viên và giáo sư trở về Huế, một số ra Nghệ An theo kháng chiến, một số ở lại Quảng Bình ở Lệ Thủy.

Ngày 2 tháng 6 năm 1947, trường khai giảng lại với một số học sinh lưa thưa tại trường tiểu học Thượng Tứ và Lê Lợi (gần bưu điện Huế) dưới sự điều khiển của Giáo sư Hiệu trưởng Phạm Văn Nhu — gồm các lớp Đệ nhất cấp và lớp đệ Tam (lớp 10 sau này). Đây là lớp cao nhất. Số học sinh hồi cư ngày càng đông nên các lớp phải dời cơ sở của Xã dân Công tác (Tư thục Thuận Hóa cũ). Ít sau trường đổi về Tư thục Việt Anh. Ngày 5 tháng 6 năm 1948 trên một chiến hạm bỏ neo tại Vịnh Hạ Long, Bollaert, Cao Ủy Pháp tại Đông Dương tuyên bố thừa nhận Việt Nam độc lập trong khối Liên Hiệp Pháp và một chính phủ lâm thời do Thiếu tướng Nguyễn Văn Xuân điều khiển, Hội Đồng Chấp Chánh Lâm Thời Trung Kỳ vẫn đặt cơ sở tại trường Đồng Khánh.

Sau đó Hội Đồng Chấp Chánh Trung Kỳ dời trụ sở đi nơi khác, Trung Học Khải Định mượn nửa trường Đồng Khánh, dãy tay phải và đưa một số lớp Đệ nhị cấp về đây.

Dù phải lưu vong khó nhọc, trường vẫn duy trì hoạt động để đào tạo nhân tài cho đất nước.

Sau hồi cư, các lớp Đệ nhất cấp hoạt động điều hòa. Niên học 1947-48 có các lớp đệ Tam (lớp 10), niên khóa 1948-49 có các lớp đệ Nhị (lớp 11), niên khóa 1949-50 có các lớp đệ Nhất (12). Cuối niên khóa này các học sinh dự thi Tú Tài toàn phần đầu tiên (5-1950). Đặc biệt các học sinh này không có dự kỳ thi Tú Tài 1, khoảng 30 - 40 học sinh được trúng tuyển. Một số ra Hà Nội, vào Saigon hay sang du học tại Pháp. Số còn lại bị động viên để học Võ Bị Thủ Đức. Nói chung đa số học sinh lớp này đã đóng góp rất lớn cho đất nước trong mọi ngành nghề.

Ngày 29 tháng 1 năm 1955, sau ngày quê hương Việt Nam bị chia cắt, hơn 9 tháng sau (20/7/54 - 29/4/55) học sinh trường Khải Định mới được đoàn tụ dưới mái trường lịch sử đã làm gian truân sau 10 năm xa cách. Quân đội viễn chinh Pháp vừa được lệnh rút đi, học sinh Quốc Học (đang học tại trường Đồng Khánh) vội vã mang ghế, bàn, bảng đen hăng hái "tái chiếm" cơ sở cũ dưới sự điều khiển của Giáo sư Nguyễn Văn Hai.

☆ TRUNG HỌC KHẢI ĐỊNH MANG TÊN TRUNG HỌC NGÔ ĐÌNH DIỆM

Từ niên khóa 1955-56, Trung học Khải Định trở về khuôn mặt uy nghi cố hữu như mô hình của một niềm tin son sắt vào tương lai dân tộc. Trong thời gian này, trường chỉ có các lớp Đệ nhị cấp (lớp 9 - 12), còn các lớp Đệ nhất cấp chuyển xuống trụ sở Việt Anh do một Giám học điều khiển (sau này là Trung học Nguyễn Tri Phương).

Trường với các lớp Đệ nhị cấp mang tên vị Tổng thống **Ngô Đình Diệm**. Niên khóa này nam sinh đồng phục trắng, mang cà vạt màu thanh thiên, màu hy vọng của tuổi trẻ còn nữ sinh cũng áo dài màu xanh, quần trắng.

☆ TRƯỜNG QUỐC HỌC

LỄ KỶ NIỆM ĐỆ LỤC THẬP CHU NIÊN QUỐC HỌC (26-12-1956) BIA KỶ NIỆM

Thể theo lời yêu cầu của một số nhân sĩ Thần Kinh, các cựu học sinh Quốc Học, Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa chấp thuận tham dự lễ Kỷ Niệm Đệ Lục Thập chu niên tổ chức ngày 26 tháng 12 năm 1956 do Giáo sư Hiệu trưởng Nguyễn Đình Hàm tổ chức.

Cũng ngày đó, ngôi trường cổ kính lấy tên lịch sử của mình "Trường Quốc Học".

Lễ kỷ niệm tổ chức rất lớn và trọng thể. Một khán đài được dựng phía trước cổng trường. Cổng trường được kiến trúc lại như xưa và tên Quốc Học lại rạng ngời trong nét đẹp cổ kính của lối kiến trúc cổ điển. Buổi lễ gồm có:

— Viếng Bình Phong Long Mã phía phải cổng trường.

— Khánh thành dựng bia đã ghi công vị sáng lập trường: Cụ Ngô Đình Khả.

— Triển lãm các tác phẩm văn hóa, văn học, báo chí, tranh ảnh của các cựu học sinh

Quốc Học. Buổi tối có trình diễn văn nghệ của học sinh Quốc Học rất đặc sắc dưới sự điều khiển của các giáo sư trong Ban Văn Nghệ nhà trường.

Năm 1963 trường Quốc Học trải qua một cuộc biến động. Học sinh hưởng ứng phong trào chống độc tài bị bắt.

Cách mạng 1 tháng 11 năm 1963 bùng nổ, số học sinh được giải thoát về đoàn tụ dưới mái trường thân yêu.

Sau đó các cuộc biểu tình tuần hành và buổi sáng sau khi làm lễ chào cờ, tấm bia kỷ niệm trên được đập thành những mảnh vụn.

Kẻ bàng quang suy nghĩ đến lẽ thịnh suy hưng phế vô thường của mọi vật trên cõi đời này ý thức rằng: *"Nhất đán vô thường, vạn sự hưu"* tức một sáng vô thường, mọi vật tiêu tan như mây khói. Trong cõi thế gian này tất cả đều lưu chuyển, biến dịch, không có gì gọi là thường trú, bất biến. Có sanh ắt phải có diệt, có thành ắt có hoại. Tấm bia trên là một bài học đáng cho ta suy ngẫm và chúng tôi mong con người sớm tu tỉnh.

Đầu năm 1965, trường đã vận động và thành lập Hội Phụ Huynh Học Sinh nhằm mục đích nối kết liên lạc giữa gia đình và học đường để việc giáo huấn thập phần hoàn hảo.

Ngày 6 tháng 7 năm 1969, một buổi họp các cựu học sinh Quốc Học được tổ chức tại phòng Khánh Tiết Quốc Học với mục đích làm sống lại sinh hoạt của Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Quốc Học đã được thành lập năm 1958. Từ niên khóa 1965-75, sau các biến cố 1968, 1972, trường Quốc Học vẫn hoạt động mạnh mẽ nhờ sự cố gắng không ngừng của tất cả giáo sư, nhân viên, phụ huynh học sinh và học sinh.

☆ NHẬN XÉT

Cho đến nay trường Quốc Học đã đứng vững một thế kỷ. Bao nhiêu nhân tài xuất thân từ mái trường uy nghiêm, cổ kính bên bờ Hương Giang thầm lặng, đang hăng hái phục vụ quê hương, trên khắp các nẻo đường đất nước và trên các quốc gia tân tiến trên thế

PHỤ BẢN:

Kể từ ngày thành lập trường cho đến năm 1975, chức vụ Hiệu trưởng đã lần lượt giao cho quý vị sau đây:

1. Cụ Ngô Đình Khả 1896-1902
2. Ô. Dieudonnant 1896-1902
3. Ô. Nordeman 1902-1907
4. Ô. Chouquet 1907-1908
5. Ô. Griffon 1908-1909
6. Ô. Logiou 1909-1910
7. Ô. Rivaud 1910-1912
8. Ô. Old 1912-1913
9. Ô. Délétie 1913-1915
10. Ô. Daydé - Pinet 1915-1922
11. Ô. Maillard 1922-1923
12. Ô. Patris 1923-1924
13. Ô. Serrugue 1924-1925
14. Ô. Bourotte 1925-1928
15. Ô. Le Breton 1928-1929
16. Ô. Dieudonnat 1929-1932
17. Ô. Le Breton 1932-1934
18. Ô. De Fautereau Vassel 1934-1936
19. Ô. Villemejane 1936-1937
20. Ô. De Lafferranderie 1937-1938
21. Ô. Délépine 1938-1943
22. Ô. Vincenti 1943-1945
23. Ô. Phạm Đình Ái 1945-1947
24. Ô. Phạm Văn Nhu 1947-1948
25. Ô. Nguyễn Hữu Thứ 1948-1950
26. Ô. Huỳnh Hòa 1950-1954
27. Ô. Nguyễn Văn Hai 1954-1956
28. Ô. Nguyễn Đình Hàm 1956-1958
29. Ô. Đinh Qui 1958-1963
30. Ô. Dương Thiệu Tống 1963-1964
31. Ô. Nguyễn Ký 1964-1971
32. Ô. Nguyễn Văn Lâu 1971-1973
33. Ô. Phan Khắc Tuân 1973-1975

giới. Bao nhiêu mầm non tổ quốc đamg đào luyện nơi đây.

Đã đành rằng dưới chế độ thực dân Pháp, trường Quốc Học đã áp dụng chương trình giáo dục mô phỏng theo triết lý giáo dục Pháp cũ, đã đành rằng kể từ thời kỳ Việt ngữ làm chuyển ngữ chính (1945-75) chương trình giáo dục lại vay mượn, cóp nhặt chương trình các nước khác — chưa có một chương trình riêng biệt của nước Việt Nam — chưa đáp ứng đủ nhu cầu hoàn cảnh của nước Việt ta — người dù khó tánh đến đâu cũng phải công nhận khen thầm đội ngũ giáo chức rất đáng ca ngợi: Thầy ham dạy — Trò ham học — Nhân viên ham làm. Còn phụ huynh học sinh thích đóng góp cho Nhà Trường ngày càng phát triển.

Nói đến đây chúng tôi không khỏi bồi hồi nhớ đến Quý vị Giáo sư, nhân viên khả kính của trường Quốc Học đã đóng góp cho trường Quốc Học mạnh tiến. Một số giáo sư, nhân viên trong trường nay đã thành người thiên cổ hay còn sống ở quê nhà hay ở nước ngoài? Họ là ai? Là những người nặng tinh thần dân tộc, rộng lượng với học sinh tinh nghịch, đem tất cả kiến thức của mình thành thật truyền đạt cho thế hệ tiếp theo, sống cuộc đời có thiếu thốn về vật chất nhưng lại giàu về tinh thần.

Nói tóm lại, nghĩ cho kỹ, trường Quốc Học cách đây đúng một thế kỷ, trong cuộc trường kỳ đối kháng của văn học dân tộc chống trào lưu văn hóa ngoại lai, trường đã xuất hiện đúng lúc để đảm nhiệm vai trò lịch sử của mình — và giờ đây Quốc Học là nơi duy trì tình tự quê hương của Huế — vì xứ Huế muôn đời vẫn Huế thôi — đóng góp công đắc lực cho việc xây dựng ngày mai huy hoàng của đất nước.

Nguyễn Đặng

Tài liệu tham khảo:
— Đặc San Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Quốc Học

lời muôn sau cho huế

Huế vẫn đó — dòng Hương trong nắng sớm
Kỳ đài ngất cao đông gội mưa chiều
Lầu Phú Vân nhìn Thượng Tứ thân yêu
Dường im sững giấu buồn vui năm tháng...

Vẫn Huế đó - qua mưa dài, nắng hạn
Đò vọng câu mái đẩy lặng tim người
Giờ tan trường Đồng Khánh nhoẻn môi tươi
Chết điếng nửa hồn chàng trai xứ Quảng !

Kể sao xiết tình em bên nghĩa bạn
Đêm cao thiêng, ngày Huế quá dịu hiền
Giữ dùm tôi chút kỷ niệm thần tiên
Mùa hương bưởi không bao giờ phai nhạt !

Ta nhớ mãi tới muôn đời — đôi mắt
Bờ môi khô, giọt đắng buổi lên đường
Huế và em — ôi, cả một trời thương
Huyền diệu nỗi đau — tim sầu rỉ máu !

Cánh vạc lẻ loi mơ tìm bến đậu
Hay mênh mông mộ tuyết sẽ vùi thây ?
Xin gởi cố hương một chút tình hoài
Niềm khát vọng tin yêu cùng với Huế!

Lê Nguyễn

Xóm Thượng Tứ

Phan Mộng Hòa — Hoàn

MÙA TRĂNG THÁNG 6 ÂM LỊCH

Khi tôi lớn lên thì Cửa Thượng Tứ đã loang lổ màu thời gian. Tôi chỉ mường tượng được những dịp Hoàng Đế Bảo Đại về nước, ngự xe hơi đen bóng lộn vận bộ đồ tây trắng, mắt đeo kính râm to bản tiến vào cửa thành Thượng Tứ... Có lẽ vì thế mà theo ý tôi Cửa Thượng Tứ là cửa lớn nhất trong bốn cửa thành (?), dành để đón vua chúa quan quyền.

Cửa thành Thượng Tứ còn có tên là Đông Nam kiến trúc theo kiểu Vauban như các cửa kia (Cửa Ngăn, An Hòa và Đông Ba), cũng có một chiếc cầu cong cong đồ sộ xây bằng gạch bắc qua con đường Thượng Tứ trước khi vào Thành Nội. Dưới cầu là dòng nước lặng lờ, trôi theo hồ nước uốn khúc với những hào sâu chạy quanh quất vòng đai của Hoàng Thành, mà bốn mùa sen hồng nở thắm, sen trắng tinh khiết tỏa hương thơm ngát đất trời. Mùa mưa lá sen như đan kín mặt hồ nhiều hơn, chen lẫn có hoa súng đỏ tía và hoa bèo tím nhạt nhòa. Hình như trời mưa xứ Huế triền miên, dầm dề ẩm ướt kéo dài suốt ba tháng mùa đông, vẫn không cách chi thấm ướt nổi những tàu lá sen xanh thẫm, xòe ra như những chiếc dĩa lớn bằng men sứ Nhật Bản.

Cửa Thượng Tứ xa xưa có hơn cái thời vô vi của tôi ra sao, đến nay tôi vẫn mơ hồ bởi tôi không hề mất công tìm hiểu. Nhưng nếu nói đến cái thời tôi bắt đầu nhớ được, thì con đường Thượng Tứ khó lòng xóa nhòa trong ký ức tôi dù cho bao năm tháng đã qua đi.

Cửa Thượng Tứ đối diện với Nhà Thương Bạc, có vườn hoa Nguyễn Hoàng thanh lịch nằm bên bờ sông Hương phía Hữu Ngạn. Từ Nhà Thương Bạc ngó xéo về hướng tay phải là Trường Hậu Bổ, lúc trước đây là cơ sở đào tạo các quan chức tương lai. Nhưng lúc tôi đã có trí khôn, tôi nhớ Hậu Bổ chỉ là một khuôn viên đổ nát, tường sập hoang tàn với cây đa cổ thụ dễnh dàng tỏa bóng âm u, là chỗ cư ngụ của những con người cùng khổ. Họ sống lây lất bằng gánh quà khiêm tốn, o bán chè, thím vịt lộn mà ngọn đèn dầu leo lét trong xó khuya chiếu lập lòe như ma trơi; khiến mỗi lần phải qua đó buổi đêm bọn trẻ con chúng tôi thường ù té vừa chạy vừa la hét như bị ma đuổi. Hàng cây bút bút rũ bóng với những tua rễ phụ đong đưa theo chiều gió trước Trường Hậu Bổ nay không còn nữa. Tôi nhớ vào khoảng thời gian tôi lên Trung học thì tại địa điểm Hậu Bổ xưa một tòa nhà uy nghi đẹp đẽ đã được dựng lên lấy tên là nhà Hát lớn Trần Hưng Đạo. Từ đó người ta không còn nhớ nơi đây từng một thời vang bóng với xênh xang áo gấm lọng vàng... Theo con đường tráng nhựa êm ái ở ngã ba Cửa Thượng Tứ nếu đạp xe chừng năm phút lên hướng tay phải sẽ gặp ngay nhà mát Phú Văn

Lâu với Kỳ Đài cao ngất đứng đàng sau.

Ngay ngã ba đầu đường Cửa Thượng Tứ tọa lạc Trường Paulbert, thời Tây đô hộ dạy toàn tiếng Pháp, sau này khi Tây về nước trường đổi ra tên Trường Thượng Tứ, cấp Tiểu Học, nổi tiếng nhất là Thầy Đàng Hiệu trưởng. Thầy Hiệu trưởng cao lớn đáng nể, thầy có cái mũi phúc hậu đỏ như quả cà chua không ngọt lắm, nhưng khí thế thì không ai bì. Góc Trường Thượng Tứ là góc mở đầu của bức thành dài của các lớp học, chiếm hẳn một nửa chiều dài con đường Thượng Tứ ngắn gọn. Cuối bức tường dài là ngõ rẽ vào xóm sau, một thời đã thấy phân chia rõ rệt hai giai cấp: một bên là lao động thuộc xóm Ao Hồ, một bên là thành phần tiểu tư sản, trung lưu chiếm mặt tiền của hai dãy phố đằng trước.

Tôi xin kể từ trong cổng thành đi ra, trước nhất là nhà ông Thị Bốn, với khu vườn xanh um nhiều cây ăn trái, có cây vú sữa tàng lá sum xuê, bóng im mát đổ xuống mặt hồ yên tĩnh. Vườn ông Thị Bốn còn có chỗ nuôi ong mật nữa, cùng những chuồng chim Bạch yến, Họa mi, bầy chim ăn no rửng mỡ suốt ngày thi nhau hót líu lo nghe vui tai quá chừng. Tôi thường theo bầy tiểu yêu trong xóm kéo đi chọc phá. Hoặc vòng từ ngã sau xóm Ao Hồ đột kích vào khu vườn hấp dẫn đó để chia phiên nhau leo lên bức tường thành và hái "trứng cá". Những trái trứng cá tròn xinh to cỡ đầu mút đũa có màu đỏ tươi óng ánh, chín mùi, chúng tôi còn không tha cả lũ trái mới ươm hồng, ơi răng mà ngọt ngào quá sức! Đôi khi tôi cùng đứa em kế còn hứng chí rủ nhau tới đây leo lên ngành cây an toàn để say sưa đọc thiểu thuyết của cánh Tự Lực Văn Đoàn.

Bà mẹ nghệ sĩ của tụi tui cho các con đọc "thả cửa", nhưng ba tôi thì lại nghiêm cấm chỉ toàn ra lệnh bắt phải ngốn mớ sách "Đạo" khô khan khó nuốt. Tủ sách gia đình ở trên lầu nhà chúng tôi ăm ắp những cuốn dành cho người lớn như "Đối ngoại của Tòa Thánh Vatican", "Con đường huyền nhiệm" v.v... rứa mà ông bố "lý thuyết" của tôi cứ áp đảo bắt bầy nhóc chưa tới mười, mười hai tuổi phải nhồi nhét! Trong lúc đó hình như "ông cụ" không hề đọc tới dù cho vài hàng! Tủ sách vắng bóng những cuốn tiểu thuyết lãng mạn, dễ thương, dễ hiểu mà chắc chắn đang ở lứa tuổi non nớt anh chị em chúng tôi vẫn đủ sức "ăn tươi nuốt sống" như thường! Đó là những tác phẩm với tôi là "bất hủ", những tập truyện ngắn tuyệt vời "Hoa Vông Vang", "Dọc đường gió bụi", "Thế rồi một buổi chiều..." v.v... đã vỡ lòng cho tuổi thơ của tôi niềm khát khao đi vào con đường tập tành làm thơ, viết văn.

Ngồi trên bờ thành cạnh vườn nhà ông Thị Bốn thì dễ chịu vì gió từ mặt hồ phả lên mát rượi và kín đáo bởi cành lá um tùm che khuất mắt thế nhân! Rứa mà có lần tôi nghe tiếng ba tôi kêu tìm, đứa em gái lẹ làng tót xuống mái nhà tôn và tuột xuống gốc mít, con nhỏ không quên chuồi cuốn truyện ra sau lưng quần. Cô ta còn cẩn thận đóng tuồng nữa, hấn vờ vĩnh bám vào trái mít lớn gần gốc nhất rồi co chân đu qua đu lại, làm như đang giỡn chơi trong vườn và nhất là để mong thoát khỏi đôi mắt "hành sự" gắt gao của bố già. Nhưng không ngờ vì hấn nặng ký hơn trái mít nên đã làm cho trái mít rụng cuống, kéo theo luôn con nhỏ tròn quay như hột mít té bịch như trời giáng, may không hề hấn chi! Sau kỷ niệm nhớ đời đó, cả hai chị em tôi đều bị một trận đòn nên thân. In như hôm đó hai đứa đã bỏ không đi nhà thờ để "chầu Nhà Thánh" của chiều thứ năm đầu tháng bởi ham đọc tiểu thuyết "bậy bạ" theo ý của ba tôi vẫn buộc tội!

Ông Thị Bốn là chủ một dãy ba, bốn căn nhà kế tiếp nhau, sau này căn bìa mở thành tiệm ảnh Đông Nam do người con gái của ông Thị, tuổi lỡ cỡ và xinh đẹp đứng trông coi. Căn thứ ba của ông bán lại cho cụ Võ Truy, nhạc phụ của Bác sĩ Lê Khắc Quyến, cũng là một nghệ sĩ tài hoa với ngón đàn tranh tuyệt diệu bậc nhất nhì chốn Cố đô. Ông bà Võ Truy sản xuất các người đẹp có hạng, tôi quen miệng gọi họ bằng dì vì kêu theo mấy đứa bạn

con bác Đốc Quyến. Cô chị cả là dì Thạnh tức dì Đốc, điệu đàng quý phái, đến dì Tăng Vinh thanh bai, Dì Thái hiền thục, Dì Lộc nhỏ nhắn xinh như cô búp bê Nhật, dì Hậu cao lớn như đầm và dì Nguyệt là cô gái út tươi tắn nhanh nhẹn, tôi nghi là trẻ mãi không già. Tôi không nhớ ông bà Võ Truy có nhiều con trai không mà chỉ nhớ mỗi cậu út tên Ngọc.

Sát nách nhà ông bà nhạc là nhà của bác Đốc Quyến, tay thầy thuốc chữa bệnh cho toàn bà con Huế và Thừa Thiên thần sầu quỷ khốc, bác sĩ Quyến từng cứu chữa cho hằng vạn con bệnh trầm kha thoát tay tử thần. Ông bà đốc Quyến có 10 cô cậu, đó là Thanh Túy, Th Lô, Th Chân, Th Hoài tức Chim Yểng và theo sau, Trâu, Bò, Ụt, Ngạ, Sơn Ca và cu Nhàn. Trước khi bác sĩ Quyến dọn tới, đây là nhà của ông "Xì Gà", tôi nhớ mấy đứa con trai con ông đều có cái sọ dừa ít tóc và to quá cỡ, rồi đến cô Phú.

Ngay bên cạnh Phòng Mạch bác sĩ Quyến là hiệu ảnh của "Maria Mộng Hoa", nhà của chúng tôi. Bạn bè thân của gia đình ưa nói đùa, ba má "Hoa Hường" của tôi đã vẽ luôn liền tù tì 12 tác phẩm sống, chúng tôi đều mang tên bằng chữ Hát đứng đầu. Con trai đệm Văn và con gái lót Mộng. Nhà chúng tôi gồm hai căn lầu gỗ, vốn là gia tài của ông nội để lại cho hai bác anh của ba tôi, vì ba tôi là con trai út đã được trút gia tài với ngôi Từ Đường lớn nằm tít trên miệt vườn Phường Đúc. Một ông bác là nhà văn đã chết năm 1939, một ông bác là linh mục coi rẻ thế sự nên ba tôi được trọn quyền khai thác làm ăn trên cơ sở này.

Nhà chúng tôi đã lắm phen thay đổi "sinh hoạt", như có lần mở "Salon de coiffure" chuyên cúp tóc kiểng cho các tài tử và nghệ sĩ như "mệ" Vĩnh Phan, anh Võ Đức Duy... có thời mở quán ăn nghệ sĩ và quán trọ "Hương Bình Lữ Quán", từng là nơi cho tao nhân mặc khách dừng bước giang hồ, hay lui tới họp mặt để trao đổi thơ văn, âm nhạc và hội họa. Tôi nhớ lúc đó anh em chúng tôi còn nhỏ xíu nhưng bạn bè đứng đắn của gia đình đã phẩm bình rằng nhà có con gái mà lại mở quán ăn quán trọ, sợ sẽ ảnh hưởng xấu đến nền nếp gia phong. Do đó "Hương Bình Lữ Quán" liền dẹp tiệm ngang xương dù ba má tôi đang lúc hốt bộn bạc! Sau đó ba tôi liền quay sang mở tiệm bán đủ máy ảnh, phim ciné Charlot, phim Hoạt hình, bán máy quay phim nhập thẳng từ bên Pháp về. Nhưng đặc biệt là bán dĩa hát tân và cổ nhạc, đó là thời nổi tiếng của đĩa hát hiệu Asia. Ngoài ra còn bán máy hát phono hiệu "Con Chó" có cái cần cổ cong cong mà anh Hiệp tôi và chị em chúng tôi vẫn ra đó phụ ba ra sức quay đĩa cho khách hàng tới mua nghe thử đĩa và cho họ thuộc bản nhạc. Hằng trăm bản nhạc hay thời tiền chiến của nhà xuất bản Tinh Hoa đều do một tay cậu họa sĩ Phi Hùng, anh kế má tôi vẽ vời, treo la liệt giăng hàng khắp cửa hiệu. Mấy anh em vì rứa đã thuộc lòng "Cây Đàn Bỏ Quên", "Hòn Vọng Phu", "Mối Tình Trương Chi", "Em Tới Thăm Anh Một Chiều Mưa", "Kiếp Hoa", "Dư Âm", "Xuất Quân" v.v... và còn vui thú ư ử ca vọng cổ theo nghệ sí Út Trà Ôn với làn hơi ngọt ngào mùi mẫn. Tuồng "Tô Ánh Nguyệt" gây xúc động vì mối oan tình; mặc dù nếu phân tích kỹ sẽ thấy vô lý vì ho lao gần chết nhân vật chính vẫn gân cổ ca một hơi dài 6 câu vọng cổ tuyệt cú mèo! (đến bật đèn đỏ!), vở "San Hậu" rồi "Xử Án Bàng Quí Phi" v.v... Chúng tôi đã vô tình làm quen và đâm ghiền hết thảy những thứ nghệ thuật tân cổ giao duyên nhờ cửa tiệm buôn rất chi tài tử này. Vì đã làm "business" mà ông bố "công tử bột" của chúng tôi không thèm biết trời trăng hay chịu khó nghiên cứu kỹ lưỡng gì! Phải nói như rứa để tiếp theo tôi có thể kể là ba tôi đã bị "bankruptcy" không chút oan uổng! Trong lúc đó căn nhà bên cạnh, má tôi vẫn cần cù hoạt động vừa vẽ chân dung vừa chụp hình nghệ thuật, vẫn không vớt vát nổi tình trạng ế ẩm và nợ nần do tài kinh doanh trời ơi đất hỡi của bố già chúng tôi! Cuối cùng một căn nhà đành bán cho ông đốc Quyến để trả bớt nợ, căn này về sau là hiệu sách "Kim Cúc" rồi đổi chủ thuê thành "Nắng Mới." Căn

còn lại của gia đình họ Phan đã cải biến để cho thuê thành Văn phòng Luật sư Trần Tấn Việt, rồi chuyển giao cho luật sư trẻ tuổi đẹp trai Nguyễn Khoa Kiêm. Anh Kiêm vốn là bạn đồng lứa với ông anh thi sĩ của chúng tôi, đã bị V.C lùa bắt đi rồi chôn sống cùng lúc với ông thân sinh là chánh án Nguyễn Khoa Hồng dịp biến cố tàn ác Tết Mậu Thân!

Căn lầu bìa cạnh nhà tôi là hiệu ảnh Tôn Thất Dung, ông chủ tiệm gốc hoàng phái này chuyên khai thác chân dung các em bé, khóc, cười, mếu, bò, lật, đứng, ngồi rất là ngộ nghĩnh. Về sau đổi chủ sang cho vợ chồng anh "Ái Mỹ" Tàu chay trăm phần trăm, là bố mẹ của con Phan con Mý. Năm Mậu Thân tôi nghe kể chuyện chị Ái Mỹ xinh đẹp như nữ tài tử Lâm Đại một tay dắt díu hai con thơ, một tay dìu anh Ái Mỹ lúc đó đã mang bệnh mù chạy giặc sang bên kia cầu Trường Tiền. Đến trước năm 75 và gần đây khi quay về thăm cố hương, tôi thấy một dãy khách sạn nhếch nhác đã trám chỗ mấy căn nhà bìa xinh xắn bên phía chúng tôi. Ôi! cuộc đời đúng là dâu bể đến đau lòng.

Bên kia đường Thượng Tứ tôi không sao quên được từ trong thành kể ra là nhà bác Mối thợ mộc, với râu tóc bạc phơ như tiên ông, là một tấm gương lao động không ngừng để con cháu noi theo. Ngay đầu xóm vào "xưởng" của ông có một cái máy nước công cộng, vì hồi đó nước chưa bắt vào tận nhà dân chúng. Một thời từng là nơi cho các nàng "mari sến" đến gánh nước, để liên tục xảy ra những trận ác chiến và chửi lộn tưng bừng bên bờ hồ. Nguyên nhân từ những chuyện tình tay ba rắc rối hoặc những mẩu thư tình lâm li bi đát đã "tam sao thất bổn" khiến làm sứt mẻ tình cảm và tự ái của các nàng mari phông-ten cùng những chàng rô-be cúp tóc!

Dãy nhà bên đường này đầy đủ hình ảnh gắn bó với cuộc sống bình dân, hầu như tôi đã thuộc nằm lòng từng tên bảng hiệu đến tên của mỗi gia đình. Ba má tôi không giàu nứt vách đổ tường, không làm quan chức cao cấp, nhưng vẫn được bà con lối xóm ở cửa Thượng Tứ gọi bằng "cô, thầy" gần như với một cảm tình đặc biệt mà người gieo rắc nhiều nhất có lẽ là má chúng tôi. Má tôi không giao du thân mật với các chị hàng rong, hàng bún, anh xe kéo, xích lô, nhưng ai ai cũng niềm nở đón rước chào mừng. Con đường Thượng Tứ với dãy bên kia đường có các ông các bà khoảng tuổi ba má tôi hay nhỏ hơn vài tuổi vẫn được chúng tôi gọi thận mật là "anh, chị".

"Anh" An Thành hớt tóc có tiệm hớt tóc nhỏ nhưng hớt khéo, tôi thường theo ba tôi qua đó để ngồi chơi và để lôi giây cho cái quạt bằng vải to cỡ cái cửa lớn đặt nằm ngang lơ lửng trên trần nhà. Vừa lôi quạt cho ba tôi mát, tôi vừa thích thú ngắm "anh" An Thành bôi xà bông trắng xóa đầy mặt ba tôi, xong "anh" lấy dao cạo sắc lẻm có cán xếp, cẩn thận cạo mặt. "Anh An" thấp người có các cô con gái là bạn đồng tuổi anh em tôi "Nga, Nhạn, Oanh, Yến". Đứa mô cũng xinh đẹp như má tụi nó, "chị" An Thành mình dây, tuy con nhà lao động và đã đứng tuổi mà sao tôi thấy "chị" duyên dáng và đẹp ghê!

Khi chúng tôi lớn thì "Anh" An bán nhà cho bác "Quảng Phong", nhà kinh doanh thuốc lá Cẩm Lệ Quảng Nam. Tôi nhớ bác Quảng Phong có hai cô con gái cỡ tuổi chị em tôi, là Châu và Lễ và tên đứa con trai là Nghi, chắc bác còn nhiều con cái nữa nhưng tôi không biết tên tụi hắn. Nhà bác Quảng Phong tấp nập thợ vác thuốc, vác những bành thuốc khổng lồ, và đầy thợ xắt thuốc bằng máy xắt tay to bản. Bác Quảng Phong có rất nhiều "ái thiếp" để tiện mở những nhà tứ giác bán thuốc an toàn, khỏi sợ thất thoát tiền bạc, nhưng cho đến lúc bác chết, in như bác vẫn chưa một lần biết đi xem hát là gì, mặc dù bác hay vui vẻ giúp mua vé Từ Thiện, cúng cho quỹ này quỹ nọ.

Hình dáng bác Quảng Phong lại làm tôi liên tưởng đến bác Ba Lựu, có Phòng ngủ "Trường Xuân". Bác Ba Lựu thấp một khúc như Yến Anh Thừa Tướng. Ba tôi mỗi lần qua mua Bia Bông Hường

bên nhà bác, để tránh chữ "bia lùn" ba tôi nói: Ông Ba ơi bán cho tui một chai bia "không cao"! Rứa là khiến cho bác Ba Lựu giận đến tím mặt vì cho là ba tôi nói xỏ. Phòng ngủ Trường Xuân về sau để lại làm tư thất cho ông chủ Lạc Thành, một tiệm ăn lớn ở cửa Thượng Tứ. Quán Lạc Thành nổi tiếng với những món Mì Xào Dòn, Y Phù Hoành Thánh, Xúp Tôm Cua bột bán v.v... "Anh chị" Lạc Thành sinh hạ một bầy con nhiều ngang cỡ ba má tôi và trạc tuổi tụi tui. Đó là Đàn, Định, Xứng, Thọ, Hòa.. v.v...

"Bên kia đường" này còn có nhà "Phước Thọ Đường" bán thuốc Bắc, có Rô là con trai cỡ tuổi anh tôi. Còn nhớ có lần khi chạy qua đó mua táo tàu tôi đã bị má "thằng" Rô sửa lưng vì đã ăn nói thiếu phép tắc. "Thưa, bán cho Má nửa ký lô..." Bà chủ tiệm thuốc Bắc phốp pháp đậm người liền trợn mắt nói: "Cô MH là Má mi chơ má tau à!"

Nhà "Anh Khả" sửa xe đạp, con cái nheo nhóc một lũ nhưng đặc biệt có hai đứa sinh đôi tên Mai và tên Mót. Mai "đẻ" buổi sáng tưởng hết, té ra sau đó "lòi" thêm một "thị" nữa nên được kêu là Mót. Hai chị em hắn giống nhau y đúc, lúc chơi Trốn tìm đạp mạng, bạn bè nhiều phen chưởi nhau ỏm tỏi, vì "đá" con Mai, con Mai không chịu ra không chịu "chết", mà con Mai còn tỉnh khô chạy ra "đá lon" đứa khác. Té ra con bị "đá" hồi nãy là con Mót! Anh Khả nhờ siêng năng làm ăn rồi cũng dựng vợ gả chồng cho con cái vào nơi tử tế và nhà cửa lần lần khá giả.

Nhà "Bác Thân" sát cạnh nhà Anh Khả chuyên sửa xe gắn máy. Nhà cửa đầy dầu nhớt và tối hù, thợ thầy ai cũng lấm lem. Nhưng Bác là con người liêm chính, ăn nói khuôn vàng thước ngọc, biệt tài của Bác là mở được tất cả những tủ bị hư khóa trong thành phố chỉ bằng một khúc giây kẽm đơn giản.

Sát vách nhà Bác Thân là tiệm giày Bùi Khán, chuyên trị đóng và sửa giày. Bác chủ tiệm dành một góc cho "Anh Tứ" chuyên sửa đồng hồ và còn thêm một góc khác dành bán thuốc Bắc và đồ tạp hóa lẻ tẻ. Bác làm việc thâu đêm, chợt thức giấc nửa khuya tôi vẫn còn nghe tiếng đóng giày lóc cóc vẳng trong đêm sâu thanh vắng.

Ngay cạnh tư thất Lạc Thành là clinic của bác sĩ Quyến, bệnh viện dành cho những con bệnh nan y ở xa và cần đến sự theo dõi của vị "Biển Thước" tái sanh này. Tôi nhớ nhà bệnh rất đông khách và bên ngoài sao có vẻ thiếu vệ sinh.

Dăng hàng bán quà vặt ở đàng trước là những gánh quà sáng bình dân của O Bưởi bán bún bò gánh từ An Cựu sang, tô bún bò có 3 đồng bạc vẫn hấp dẫn vì có đầy đủ giò, gân, huyết nóng hổi ngon lành. Đến thím bán bún khô ưa bán bún tươi ăn với tương ớt đỏ chói và cay đến xé họng. Chỉ cần ăn hai tô mỗi tô một đồng bạc là mình no đến giấc cơm trưa! Ngoài ra còn gánh cơm hến, gánh xôi bắp, gành cháo hoa gạo đỏ ăn kèm cá bống thệ kho rim màu nâu đỏ như sơn mài... tha hồ cho bà con xóm Thượng Tứ thay đổi bữa điểm tâm. Món mô cũng rẻ tiền nhưng chừ nhớ lại tôi đều quay quắt thèm đến riệu nước miếng!

Tiếp theo là nhà sách Ái Hoa, sau đổi chủ là người Tàu, tiệm đông khách vì có người đẹp Yên Cơ đứng trông coi. Yên Cơ dáng người mỏng mảnh như chuồn chuồn kim, cô yểu điệu thục nữ và làm nhiều chàng trai Huế ở trong kia nội thành thầm yêu trộm nhớ đặc biệt vần vũ lui tới là nhóm "Phi Cơ Trực Thăng".

Cho tới nay căn "nhà" tôi không làm răng quên được là "nhà" của Mụ Xoài: Bán nước chè xanh. Gọi là nhà nhưng thực ra đó chỉ là do hai vách tường xéo, nhỏ hẹp nối

tiếp giữa quán Billard của anh Nuôi, người Y tá giỏi của bác sĩ Quyến, anh Nuôi chữa bệnh mát tay không kém chi ông thầy, với nhà Lạc Thành. Phía trước "nhà" Mụ Xoài bày sạp gỗ tạp ọp ẹp, vuông vức bề một thước, trên đó đặt lỏng chỏng ấm nước chè xanh thơm nồng vị gừng ấm cay, với mấy cái tô sứt miệng, thêm vài nải chuối sứ, cùng chiếc thau nhôm móp méo đựng đầy nước thả mấy miếng dừa già màu trắng tươi, cắn tới nghe ngọt bùi và dòn tan. "Quán" chè xanh của Mụ Xoài đắt khách nhờ đám mấy chú xe kéo và xích lô, trong lúc nghỉ chân đã ghé lại giải khát cho đỡ mệt.

Tôi còn nhớ như in kỷ niệm về Mụ Xoài. Đó là năm Huế phát động phong trào chống Phong Kiến Nhà Nguyễn và ủng hộ "Triều" Cụ Ngô. Học sinh công tư toàn thành phố ngồi đầy nhóc trên những chiếc xe Buýt màu xanh dương hay xe nhà binh GMC. Bọn học trò chúng tôi được chở đi cổ động bỏ phiếu cho chí sĩ Ngô Đình Diệm. "Xanh bỏ giỏ, đỏ bỏ bì". Xe lớp lớp chạy lòng vòng khắp mọi xó xỉnh của cố đô. Một đứa lớn họng hét to: "Đả đảo Bảo Đại" hoặc "Ủng hộ Ngô Đình Diệm" rồi cả bầy hăng bò xít hét theo mà đả đảo hay ủng hộ. Tuổi trẻ máu nóng bốc đồng thi nhau hò hét đến khan hơi rát cổ. Khi xe chúng tôi chạy ngang đường Thượng Tứ, một bạn la to khẩu hiệu: "Ai bán nước?" để cả bầy còn lại đồng thanh đáp: "Bảo Đại!", thì đã thấy Mụ Xoài xóm tôi le te chạy tới. Cái cằm móm xọm dài ra hơn khi Mụ Xoài cười toe toét trả lời đon đả: "Có đây! Có đây! Có Mụ Xoài bán nước đây!" rồi một tay cầm cái ấm chè xanh thơm nức mùi gừng tay kia cầm cái tô sâu lòng cứ rứa mụ bưng mời thiên hạ đi biểu tình giải khát hết sức sống động và nhiệt tình! Cuộc đời Mụ Xoài thiệt hom hem như thân xác gầy gò của mụ, nhưng tôi thấy khi mô Mụ Xoài cũng cứ vui vẻ bán buôn, suốt ngày chạy ngược chạy xuôi và bay lượn qua lại trên con đường Thượng Tứ. Có bữa ế hàng mụ lại ghé vô nhà má tôi để yêu cầu cô MH mua ủng hộ hết mớ cùi dừa nhai dòn tan và nải chuối sứ ăn trệu trạo vì đầy hột, mấy anh em tụi tui vừa ăn vừa phun hột vào nhau hoan hỉ, còn Mụ Xoài thì te tái chạy về "nhà" để lo nấu buổi cơm chiều cho ông lão vô tích sự nhà Mụ.

Bên kia đường còn có hiệu Photo của cậu Phi Long tôi mà mợ tôi, một thời nổi tiếng là người đẹp Kim Long, đứng chủ tiệm. Cậu tôi là anh thứ nhì của má tôi sau ông cậu cả là Phi Hổ cũng họa sĩ, tính nghiêm khắc. Cậu Phi Long là họa sĩ chuyên vẽ những tấm áp phích khổng lồ dùng để quảng cáo của Phòng Du Lịch Huế. Cậu bận làm công chức nên hiệu ảnh giao cho mợ tôi phụ trách. Tôi nghe người lớn trong nhà kháo nhau vài mẩu chuyện vui về mợ nhưng không hiểu có thực hay là do ác ý bày đặt. Mợ tôi vốn là cô gái quê mùa ít học nhưng rất xinh đẹp mà má tôi nhân một buổi đi vẽ ngoài trời với các ông anh họa sĩ, đã khám phá ra người mẫu tuyệt vời ẩn hiện sau vườn dâu Kim Long. Má tôi sau đó đã đi chạm ngõ cô gái rồi thừa thắng đứng ra lo hỏi cưới luôn dùm cho người anh tài hoa nhưng hiền lành của mình. Vậy mà chỉ một thời gian sau, hai anh em gồm cậu và má tôi đã thay nhau kiên nhẫn vỡ lòng chuyện học hành và kiến thức sơ đẳng cho cô dâu, mợ tôi đã dần trở nên cô chủ nhân xinh đẹp bặt thiệp. Thời đó lúc Tây chưa về nước, lính Pháp thích chụp ảnh kỷ niệm đã ghé tới hiệu ảnh mợ Phi Long, một chàng sĩ quan Pháp sau khi được bà chủ chụp ảnh đã lịch sự xin phép được hôn người đẹp. Mợ tôi nghe lơ mơ không hiểu rõ câu tiếng Tây mà vẫn "oui" một cái ngon lành, rứa là chàng trai Pháp liền hôn đánh chụt lên gò má ửng hồng của mợ tôi. Mợ tôi ngơ ngác vì ngạc nhiên nhưng lập tức sau đó đã tát tai một cú rờ ve đau điếng tên người Pháp hỗn láo kia!

Về sau nhờ tài quán xuyến của mợ tôi, gia đình cậu tôi tậu được căn nhà lầu ba tầng ở đường Trần Hưng Đạo khúc trước vườn hoa Nguyễn Hoàng. Và hiệu ảnh ở cửa Thượng Tứ sang tay anh Phi Phước con trai lớn của cậu Phi Hổ với mợ Cả Quảng, con mợ Cả Bắc là bà hai sinh

ra các chị Phi Hồng, Phi Yến, anh Phi Lộc, Phi Lân, Khi các bà mợ cả và hai không còn nữa ông cậu họa sĩ còn gân này liền bước thêm bước nữa và "lão bạng sinh châu" ra anh út Phi Ngọc, lúc đó cậu tôi ngót nghét gần 80 cái xuân xanh! Anh Phi Phước hình như chịu tính di truyền nên cũng đa mang hai bà và có tới 23 mụn Phi, con cái anh đều lót chữ Phi cả.

Kế bên có nhà "cô Chủ" bán tạp hóa tôi không nhớ chi nhiều, chỉ nhớ vài lần tới quán này để mua cục ô mai chua lét chua lè mút hoài mà không chán. Cạnh đó là nhà anh Lạc Thiện em ruột "Anh" Lạc Thành. Quán bánh khoái Lạc Thiện những năm 60 trở đi nổi tiếng số 1 ở Huế. Bánh chiên dòn tan, nhụy tôm tươi với nấm hương ướp thấm thía, rau sống ăn kèm sạch sẽ và đủ loại nhất là nước tương chấm bánh thiệt là bách chiến bách thắng, đã ngon lại còn được chủ nhân yết bảng "Rau và nước tương tha hồ ăn không tính thêm tiền".

Sau hết là tiệm may Áo Dài Mỹ Lệ ở cuối đường Thượng Tứ gần ngã ba cột đèn, hai vợ chồng trẻ măng và vui tính nên khách hàng nườm nượp kéo tới làm họ may không kịp hở tay. Trước đó mấy chị em tôi quen xuống phố Trần Hưng Đạo chỗ thợ may Hùng lừng danh nhứt Huế, cắt may không chỗ chê chỉ phải tội ông chủ vừa là tay thợ chính ít khi hở miệng và mặt mũi thì lầm lì khó chịu!

Đàng trước tiệm Mỹ Lệ là chỗ khoảng xế trưa thường xuất hiện gánh Bún Bò Giò Heo Mụ Béo, ngon tuyệt cú mèo, tôi e là vô địch của Huế! Gánh bún số dzách này do hai chị em "Mụ Béo" thay nhau từng buổi gánh đi, khi thì bà chị mập ú phúc hậu, khi thì bà em cao lớn tươi cười, họ gánh nhẹ nhàng gánh hàng kĩu kịt nặng trĩu và thơm lừng mùi sả, khi mô nước lèo cũng trong veo, trên mặt bồng bềnh lớp màn đỏ au đầm thắm và nhất là khi mô cũng nóng hôi hổi khói bốc hương ngào ngạt suốt dọc hè phố họ ngang qua. In như Mụ Béo ở trong Thành Nội nhưng lại ra bán ngoài thành. Bắt đầu ngày từ dưới phố Ngã Giữa họ đi dần thong thả lên phía cửa Thượng Tứ của tôi. Đố có ai ăn bún họ mà dám mở lời chê dù là nửa tiếng! Khi có tiền làm hoanh ăn tô đặc biệt 5 đồng đầy đủ giò tròn hay giò móng với gân bò nhai sừng sực thấm tận cõi đời mỹ vị, nhưng khi hết tiền chỉ cần mua 1 đồng nước bún có rắc chút hành ngò để chan húp ăn với cơm vẫn cứ ngất ngây hương vị bún bò như thường!

Điểm xuyết thêm vô những món quà rong, xóm Thượng Tứ còn nổi danh mụ Hộ bán bún dấm nuốt, nhưng không thường xuyên vì chỉ bán khi tới mùa nuốt tươi. Tô bún sợi nhỏ đan quyện màu trắng trong veo của tai nuốt dòn chon thái nhỏ, rau xắt rối đủ vị thơm, cay chát chát dễ chịu, nước lèo đậm đà "ơi cuộc đời răng mà hạnh phúc" nói như kiểu thi sĩ say mê ẩm thực Tản Đà vẫn chủ trương. Mụ Hộ khi còn thiếu nữ từng làm mẫu vẽ cho má tôi, hình ảnh o bán chè ban đêm nơi vỉa hè, duyên dáng má ửng hồng vì phản chiếu ánh đèn dầu tỏa lên. Ngoài thực tế Mụ Hộ khi đứng tuổi tóc buộc cao trong tấm khăn tím buồn, xách hai tay hai gióng chè nghi ngút bốc hương. Chè đậu ván nước, nước trong ngọt thanh, hạt đậu nấu mềm mà không nát. Chè đậu ván đặc, bột trong sánh lại những hạt đậu óng ánh mới nhìn đã ngon mắt. Chè bọc lọc nhân đậu phụng bùi, nhân dừa béo, dòn khi nhai tới nghe kêu vui tai. Vài buổi mụ Hộ chịu khó đổi gam qua chè nếp có lẫn khoai môn sáp vàng, hay tăng cường hấp lực với chè bọc lọc bọc thịt quay. Chè mô của o bán chè xóm Thượng Tứ vẫn ngon nhất xứ.

Buổi tối giấc khuya nếu còn thức học thi mấy đứa tui thường được má tẩm bổ cho tô phở Trọc, tên đặt cho chú phở gánh bình dân có cái đầu quả trứng của tài tử lừng danh Yul Brynner, chú Trọc có tài múa đũa thần sầu, nấu tô phở khô thiệt lẹ làng, bánh nhiều, thịt loạn thêm hành giá béo ngậy, ăn vô là mắt sáng trưng cứ rứa chong ra mà gạo lon tộn chờ tới ngày "lều chõng" ứng thí.

Tuổi nhỏ ham ăn ham chơi nhờ rứa mới đủ sức lo chuyện tương lai học hành! Cho nên trong mảng ký ức về Con

đường của Xóm nhỏ thời thơ ấu này tôi hay nghiêng qua chuyện "ăn chơi đàn đúm" dễ thương của mình. Và còn nhiều nữa, nhưng tôi sẽ không quên nhắc tới ở đây là: Sau hai dãy nhà lầu san sát với vườn rộng thành cao ở phía đằng trước Cửa Thượng Tứ còn có những mái tranh nghèo nơi cư ngụ của những con người thật nghèo. Họ tồn tại nhờ vào đủ loại nghề lao động chân tay đầy khó nhọc. Phần lớn những gia đình này gồm những người dân chạy loạn thời Nhật đảo chánh đến thời Việt Minh cướp chính quyền, khi hồi cư họ không trở về thôn xóm cũ mà từ các nơi tụ tập về đây để sống chen chúc trên rẻo đất mé ao hồ của Hoàng thành cổ kính. Gia đình nào cũng có con gái đi "ở đợ" nhà người ta để bớt tốn cơm gạo cho cha mẹ, đi làm thuê cho thiên hạ, đàn ông sức vóc lo chạy xe kéo, đạp xích lô.

Tôi nhớ rõ mồn một tên những người này. Anh Bụi cao ròm da xám đen, một thời oanh liệt anh ở trong đội đá banh, từng là lính đánh thuê của Tây. Khi tôi lên trung học phải vào nội trú trường bà xơ, má tôi lâu lâu kêu anh Bụi tới trường đón mấy đứa tui về nhà bằng xe tay còn gọi là xe kéo, tôi thấy anh còn cứng cáp mạnh khỏe. Nhưng tới thời xe kéo bị xếp xó nhường chỗ cho xích lô "văn minh nhân đạo" hơn thì anh Bụi coi như về "hưu" hết xài, bị ho hen, người còm nhom tóc tai rụng hết ngó như ông lão. Anh Bụi có hai đứa con tên thằng Gió, con Mưa cả hai đều ốm tong teo có lẽ do thiếu ăn.

Anh Con nhưng người lại to ngang, lính Tây giải ngũ, là cha tụi thằng Trắng thằng Đen, mấy đứa con gái mặt mày tươi tắn dễ coi, tên Giàn, tên Yên và thằng Út tên Phanh. Tên tụi hắn mang toàn bộ niềm mơ ước giản dị của gia đình người phu xe này. Khi tôi gần xong trung học thì anh Con mở được một mái lều bên hông hẻm Thượng Tứ bán toàn dụng cụ xe đạp, xe xích lô và lũ con anh đang đứng phụ cha bán và sửa xe lai rai.

Anh Bòn hiền lành không "bòn" được mụn con nào, Mụ Bòn đen nhưng có duyên ngầm, bệnh suyễn nặng tự chữa trị bằng phương pháp tàn nhẫn vì sát sanh loài vật. Nhiều hôm đang cười nói vui vẻ thì tự nhiên đùng đùng lên cơn suyễn, thở hổn hển thiệt tội. Nhưng tôi nghe ai nhắc: Tề ở trên cột nhà tề! Và Mụ Bòn nhanh nhẹn chỗi dậy nhảy phắt lên, chụp ngay con thằn lằn rồi trong chớp mắt há miệng to thả cho con vật còn ngo ngoe chạy tọt vào cái cổ họng đang kêu như lò rèn bể...

Cửa Thượng Tứ là đó, tất cả là đó. Ngày xưa còn có hàng cây im mát tỏa bóng hai bên đường. Bây giờ phong quang nhưng tiêu điều trải qua bao mưa nắng. Thời gian trôi đi với cuộc nội chiến gây nên lắm phong trần. Cửa Thượng Tứ vẫn còn đó, ngậm ngùi mà thương "lối xưa xe ngựa hồn thu thảo". Ngày xa xưa ấy qua cầu có bóng ngựa, bóng cờ xí, bóng tàng lọng, quan quân... Xóm Thượng Tứ còn nhớ chi nữa? Chắc còn nhiều, nhiều lắm. Như nhớ kỷ niệm của những cặp trai thanh gái lịch hẹn hò, lấy "cột đèn Mộng Hoa" là điểm gặp gỡ. Hoặc câu chuyện chàng si trong đêm khuya lắc khuya lơ đi ngang qua đó mà nghe "Trên lầu ai kia ngất cao, vang tiếng dương cầm thiết tha", cứ ngỡ rằng đó là tiếng đàn của chị em nhà Mộng hay nhập nhòa kế bên của các cô tiểu thư dòng họ Thanh... Nhưng chàng si đâu có ngờ đôi khi đó là tiếng đàn của phu nhân bác sĩ Quyến!...

Xóm Thượng Tứ còn ghi đậm hình ảnh mùa lụt năm 53, con rắn thần đã dâng mực nước sông Hương tràn ngập cả thành phố Huế. Nước lụt đỏ ngầu lút quá nửa cửa thành Thượng Tứ, nước vui đùa cuốn phăng theo bao nhiêu rác rến bập bềnh trôi, cùng cột kèo rui mái của những căn lều xóm nghèo đằng sau xóm Ao Hồ. Huế làm răng quên được gương hy sinh của một chàng học trò Quốc Học, anh đã quên cả nguy hiểm và mệt mỏi, suốt ngày đêm khi cơn lụt kinh hoàng xảy ra, anh đã thức trắng dầm mưa lội lụt đã cứu vớt bao nhiêu người thoát chết, đưa họ từ dưới chân cửa thành lên tạm trú trên thượng thành an toàn. Cuối cùng vì quá lao nhọc anh đã sẩy chân

chết thảm, giữa đêm khuya sóng nước sông Hương hung dữ đã dìm xác anh xuống lớp bùn đen tanh hôi nào? Mùa lũ lụt năm Quý Tỵ tôi làm răng quên được hình ảnh cười ra nước mắt của nhạc sĩ Ngô Ganh, người nghệ sĩ nổi tiếng mỉa mai hài hước, từng một thời là Giám Đốc Đài Phát Thanh Huế, là bạn thân của gia đình tôi, "chàng" rét run cầm cập trên chiếc xuồng nhỏ vừa chống vừa chèo từ phía trong thành nội ra ngoài thành đến nhà chúng tôi, "chàng" suýt chết đuối vì nước xiết nơi cổng thành. Và khó quên kỷ niệm về mấy anh học trò nhởn nhơ kéo nhau đi lội lụt, có anh vô tới cửa thành rồi vẫn còn ham ngoái lui nhìn người đẹp thấp thoáng sau lớp rèm hồng, khiến cho nước lụt kéo anh hụt chân rơi xuống cống, trôi cả gậy, suýt đi đời, mà cả bọn vẫn vui vẻ cười ngắc nga ngắc ngoẻo trong làn nước lũ xoáy lôi tưng bừng...

Xóm Thượng Tứ xa xưa vẫn còn đó, sẽ còn mãi mãi với thời gian cho "người đi nhớ kẻ về". Và nếu muôn ngàn sau Huế vẫn còn thì chắc chắn Cửa Thượng Tứ vẫn tồn tại để điểm tô cho danh lam thắng cảnh cố đô thơ mộng mãi mãi mộng mơ...

Phan Mộng Hòa - Hoàn
San Jose — Saigon,
Hè 1996.

chút nắng vàng của huế

Cho tôi xin chút nắng vàng của Huế
Những sợi nắng vàng óng ả kiêu sa
Để sưởi ấm mùa đông lạnh ở phương xa
Mà nhung nhớ trải dài về quê cũ.
Huế của tôi có một trời phượng đỏ
Thắm sân trường vương gót nhỏ chân chim,
Có vành nón nghiêng nghiêng bên mấy nhịp Trường Tiền
Có trăng sáng dòng Hương, thông reo đỉnh Ngự.
Huế của tôi còn có em nữa đó
Nên tôi xin chút môi hồng còn dính ở trên tay,
Chút thơm tho tóc em xõa vai gầy.
Vùng kỷ niệm ươm đường xưa xanh lá
Tà áo mân mê trên lối về Vỹ Dạ
Buổi tan trường, em chẳng dám sánh hàng đôi
Người ta nhìn, thấy "dị" lắm anh ơi!
Tình tuổi học bâng khuâng ngày cuối hạ...
Chiều nay thật buồn, nghe đông về lạnh giá
Nhìn tuyết rơi rơi bao thương nhớ đong đầy
Tôi ngỡ rằng tà áo trắng em bay
Trên phố Huế thân thương một chiều xưa gió lộng...

Ottawa, tháng giêng 96
Hồ Văn Mẫn.

Bún Bò Huế

Thân tặng thầy lang Khảo Thực Lê Văn Lân và cựu học sinh Quốc Học & Đồng Khánh

Trần Kiêm Đoàn

Bún không phải chỉ đơn thuần là một món ăn truyền thống của Huế, nhưng đối với người Huế, bún còn là một phần lối sống *"Kiểu Huế"*. Kiểu Huế là nghèo mà vẫn muốn sang, vui rộn rã mà vẫn man mác buồn, ngoài mặt phẳng lặng mà trong lòng dậy sóng, không soi bóng mình trong gương mà soi bóng mình trong đôi mắt của người thương, bè bạn, xóm giềng. Người ngoại quốc như ông Foulon cũng nhận xét về sự mâu thuẫn của Huế: *"Tóc tang cười nụ, vui mừng thở than!"* (Lê Văn Lân dịch).

Huế mâu thuẫn từ buổi mới vào đời, đài các từ ngày mới có tên. Tên đất thì nhỏ như nốt ruồi son: Ô, Rí, Huế... mà tên người lại dài lướt thướt như mái tóc mây dài chấm gót: Công Tằng Tôn Nữ Thị Sông Hương, Nguyễn Khoa Hoàng Thành, Tôn Thất Quỳnh Phương... Huế quá trầm lặng và chật như cái bể cạn mà phải chứa những tâm hồn bão nổi sông hồ, nên dân Huế ngoài mặt hiền khô mà trong lòng cưu mang những bến bờ viễn xứ, sẵn sàng phản kháng và rực lửa đấu tranh "dấy loạn" như Lục Vân Tiên *"ra đường thấy việc bất bằng chẳng tha"*. Cái dấy loạn bão liệt nhưng nên thơ và lý tưởng quá đà của những tâm hồn lãng mạn kiểu Huế chỉ làm cho Huế thành đất dấy nghĩa nhưng không thể nuôi lớn Huế thành căn cứ địa hay chiến khu như Tân Sở, Ba Lòng. Xưa vua Hàm Nghi và vua Duy Tân chỉ có những phút huy hoàng và chợt tắt ở Huế, để rồi suốt canh thâu le lói ở nơi mô.

Tô bún bò Huế cũng là một biểu hiện của văn hóa Huế vì đây cũng là một sự "dấy nghĩa" trong truyền thống nấu ăn khi cho bò nổi heo chìm trong cùng một nồi, trộn lẫn hai tính chất mâu thuẫn "bò nấu thì teo, heo nấu thì nở" thành một thể hài hòa. Huế đã dùng sả để "chuyên trị" thịt bò chứ không dùng ngũ vị hương để chuyên trị như truyền thống lâu đời ở Trung Hoa và miền Bắc. Tô bún Huế mang hương vị "rất Huế" để mà cảm nhận và thưởng thức như cảm nhận và thưởng thức mùi khói sóng buổi chiều trên sông Hương, tự nhiên như: *"Nó ngon thì tại nó ngon. Có chồng thì phải nuôi con, thương chồng"*. Cái dễ giận nhất của người Huế khi nhận xét là "mình cảm thấy..." mà không cần lý luận. Bởi vậy, hình như càng đem lý tính để phân tích các món ăn Huế, cái hiểu về hương vị thực tế càng soãi cánh bay xa...

*** Bún Bò Huế**

Ai ở xa nghe như thể Huế là vùng đất thổ sản của bò, giống miền Nam Mỹ Texas. Thật ra, tìm một trại bò trên

đất Huế cũng khó như tìm lá Diêu Bông của Hoàng Cầm. Tô bún bò Huế cũng là phản ảnh cái tham vọng thu nhỏ của người Huế vì muốn dùng cái "lượng" giới hạn để đạt tới cái "phẩm" vô cùng. Bởi vậy, ngoài những chất liệu cay chua ngọt bùi của trần gian, tô bún Huế còn được "nêm" thêm ít nhiều gia vị vô hình của cái tâm chủ quan và cái "linh" của hoàn cảnh.

*** Bà Bún**

Suốt cả thời thơ ấu, tôi sống ở làng, quanh năm chỉ có *"Đây xóm nghèo quê tôi khi nắng lên..."* là đẹp nhất.

Hàng năm, sau dịp Tết, người trong làng lại bắt đầu chuẩn bị lễ đầu năm. Mẹ tôi lễ vào ngày 19 tháng giêng để kịp ngày 20 đi coi giò gà và dự lễ tế Bà Bún tại làng Vân Cù.

Mỗi năm, tôi được ăn bún khá nhiều lần nhưng hai lần trọng đại nhất và ngon nhất là trong dịp lễ đầu năm của mẹ tôi và trong ngày lễ tế Bà Bún tại Vân Cù.

Làm sao tôi quên được những buổi sáng hai mươi tháng giêng. Từ sáng tinh mơ còn lạnh cóng, mẹ tôi đã cẩn trọng nhúng bộ giò gà khô queo trong tô rượu trắng, gói trong giấy bổi, lâm râm cầu nguyện rồi chuẩn bị lên đường bói quẻ đầu năm. Tôi là con trai út, nên được thương nhất nhà và thường bị gọi là "cái đuôi của mạ" vì mẹ tôi đi đâu tôi cũng lon ton đòi chạy theo.

Sau vụ coi giò gà tại nhà thầy Kiên ở Hương Cần thì mặt trời đã lên quá đọt tre. Mẹ tôi tiếp tục cuộc hành hương cuốc bộ đầu năm về làng Vân Cù. Từ Hương Cần về Vân Cù phải qua một cánh đồng lúa rộng, tôi phải chạy lúp xúp theo mẹ mướt mồ hôi, mặc dầu trời tháng giêng trên quê tôi lạnh đến nỗi "giêng hai cắn tay không ra máu!". Sau nầy tôi bỗng khám phá ra thêm một bí mật về cái ngon tuyệt vời của bún sáo Vân Cù trong ngày lễ Bà Bún, một phần cũng là do cánh đồng trống nầy vì vượt qua cho được dặm trường thiên lý nầy thì cái bụng đã trống trơn.

Muốn nói đến *Bún Bò Huế* thì đừng quên trước hết phải nói đến *con bún*, vì tô bún là một tổng hợp hài hòa giữa *con bún* và *nước bún*. Thiếu một trong hai là kể như có Adam mà không có Eva, có Phạm Lãi mà thiếu Tây Thi! Và, nói đến *con bún Huế* thì không thể không nhắc đến chiếc nôi của bún là làng Vân Cù. Làng Vân Cù nằm cạnh sông Bồ, là con sông ăn thông với sông Hương qua nhánh sông Đào. Vân Cù cách Huế chừng 10 cây số về phía Tây Bắc. Từ xưa, Vân Cù là lò bún tập thể cung cấp bún cho cả Huế, Thừa Thiên, ra tới Quảng Trị và có khi vào đến Quảng Nam, Đà Nẵng. Hầu hết người làng Vân Cù tuy sống về nghề nông nhưng ai cũng có lò bún trong nhà.

Cũng như rất nhiều nghề thủ công khác ở Huế như nghề Thợ Rèn ở làng Hiền Lương, nghề Đan Thúng Mủng ở làng Bồ La, nghề Thợ Vàng ở làng Kế Môn, nghề Nuôi Tằm ở làng Dương Sơn, nghề Chằm Nón ở làng Hương Cần, nghề Đan Nôi Bội ở làng Liễu Hạ, nghề Gạch Ngói ở làng Nam Thanh, nghề Đồ Gốm ở làng Đột Đột... nghề Làm Bún ở làng Vân Cù là một công việc làm ăn truyền thống và độc đáo riêng của từng đơn vị sản xuất gia đình trong làng, có tính cách cha truyền con nối từ đời nầy qua đời khác. Tất cả dây chuyền sản xuất đều làm bằng tay với những dụng cụ thô sơ, nhưng thành phẩm thường đạt đến mức tinh luyện mà người khác làng khó lòng bắt chước nổi.

Thủy tổ của nghề làm bún tại Vân Cù là một bà, tục gọi là Bà Bún. Thời gian đã xóa nhòa danh sách của những người muôn năm cũ nên chẳng còn ai nhớ tên thật của Bà Bún. Trong những câu chuyện dân gian truyền miệng về cuộc đời của Bà Bún, tôi còn nhớ mãi chuyện kể của bác Cửu Am với mẹ tôi rằng:

Vào một thời xa lắc xa lơ, khi có những người Đàng Ngoài theo chân chúa Tiên Nguyễn Hoàng vào Nam lập nghiệp, có một nhóm người đến định cư trong vùng những Tháp Chàm cổ xưa đã đổ nát nên sau nầy có tên là làng Cổ Tháp, thuộc huyện Hương Điền. Trong số đó có một người thiếu nữ đẹp, có lẽ cũng mắt lá răm, môi cắn chỉ,

má lúm đồng tiền... nên rất được nhiều người mến chuộng. Trong lúc mọi người chuyên sống bằng nghề canh tác làm ruộng thì người thiếu nữ nầy miệt mài chuyên nghề làm bún. Bún nàng ngon quá hay vì nàng xinh quá mà làm cho bao người ăn mê mẩn quên cả đường về. Rượu không say bún say mới ngại... Vì vậy nên nhiều người ganh tỵ. Rồi một dạo dân trong vùng bị mất mùa liên tiếp 3 năm. Người ta cúng, tế cầu thần linh cứu giúp. Gặp cơ hội nầy, kẻ xấu bụng tung tin rằng, mất mùa là do thần linh quở phạt vì Cô Bún đã đem gạo là *"hạt ngọc của Trời, phơi mao ngậm sữa"* ra mà ngâm, mà chà, mà xát, mà nghiền nát ra để làm bún. Thế là nhà nông bắt đầu nổi giận. Hội Đồng Thị Tộc của làng họp bàn và ra lệnh cho Cô Bún phải bỏ nghề làm bún hay sẽ bị trục xuất ra khỏi làng, nhưng Cô Bún quyết sống chết với nghề nên chấp nhận ra đi.

Vì bản chất hiền lương và thuần hậu nên Cô Bún được làng ban ân cho phép chọn lựa hướng đi và cử năm người thanh niên mạnh nhất trong làng theo áp tải. Mỗi thanh niên sẽ cõng cái cối đá làm bún của Cô đi một chặng đường cho đến khi mệt đuối sức thì người khác tới thay cho đến hết người thứ năm là vùng đất mới của Cô Bún. Cứ thế, đoàn người đi về hướng Đông cặp theo sông Bồ không nghỉ. Nơi người trai làng thứ năm khuỵu xuống với cái cối đá trên vai là làng Vân Cù sau nầy. Nơi đây đã trở thành "đất lành chim đậu" cho Bà Bún lập nghiệp và truyền nghề làm bún đời đời qua bao nhiêu biến cố thăng trầm của đất nước và dân tộc.

Người ta thường ví von "mềm như bún" nhưng cái mềm Đông Phương lại là cái dẻo dai bền bỉ để sống còn trên bước đường vạn dặm. Thân gái dặm trường, Bà Bún đã vượt Hoành Sơn vào Huế. Chim đã về núi, Bà đã về đất nhưng Bún Huế vẫn còn tươi rói với nhân gian như có người đã hát nửa chơi, nửa thiệt: *"Hoành sơn nhất đái chim về cội. Vạn đại dung thân đọi bún bò"*.

Một "xưởng bún" điển hình ở làng Vân Cù thường gồm một cái cối lớn bằng gỗ hay đá có chày đạp, lò nấu, chảo lớn, rây bột, khuôn bún và một số dụng cụ để khuấy, vớt, đong, đựng bột và bún trong từng chặng đường sản xuất.

Từ hột gạo măng tơ biến ra con bún nõn nà cũng phải cần đến bàn tay, không phép mầu nhưng cũng phải khéo léo và cần cù, của bà tiên lao động. Sợi bún bắt đầu từ hột gạo. Gạo trắng ngâm nước lạnh qua đêm sẽ "mục" ra và được đem giã nhuyễn thành bột. Tiếp theo, bột gạo được *"rây"* để lọc ra phần mịn nhất tinh bột của gạo. Bột gạo nguyên chất được rưới nước sôi để nhồi thành một khối bột gọi là *"trái bột"*. Trái bột gạo được luộc chín sơ, rồi vớt ra và đem trộn với bột lọc theo tỷ lệ cứ 30 lon gạo (khoảng 10 ki-lô), trộn với 2 ki-lô bột lọc. Tổng hợp bột gạo và bột lọc nầy lại được giã, trộn rất nhuyễn cho tới khi trái bột đạt tới mức "vừa dai, vừa dẻo" là được. Giai đoạn cuối cùng là khối bột mượt mà và dẻo quẹo được đưa vào khuôn bún. Dưới sức ép, những đường bột tuôn ra theo lỗ đục sẵn dưới đáy khuôn bún, rơi vào nồi nước sôi và chín thành bún. Bún được vớt ra, xả sạch với nước lạnh và sẵn sàng để ăn.

Bún tự nó đã là một món ăn thanh đạm của người Huế, nhất là vùng quê. Bún Vân Cù được làm ra dưới ba hình thức: *Bún con, bún lá* và *bún mớ*.

Bún con hay *bún vắt* là một lọn bún quấn lại với nhau, dài vừa nắm tay như cuộn chỉ thêu, rất tiện lợi cho việc ăn uống đơn giản và đạm bạc trên nương, ngoài đồng, giữa đường. Chỉ cần một chút nước mắm ớt và năm, bảy con bún vắt thì bác nông phu trên đường về, chị chủ quán rộn ràng giữa chợ, em bán hàng rong lang thang... có thể tay cầm con bún chấm vào nước mắm ăn ngon lành ngay trên "hiện trường" vừa ngon miệng, vừa ấm lòng, vừa khỏi lơ là công việc.

Bún lá là một lớp bún trải trên lá chuối tươi, cuộn tròn cỡ bằng cái bánh tráng trung bình. Bún trắng nổi trên lá xanh mang vẻ đẹp trinh nguyên nên vừa bắt mắt, vừa bắt miệng. Bún lá thường là

đơn vị bún cho cá nhân và gia đình: *Mỗi người một rá, mỗi lá một tô.*

Bún mớ, còn gọi là bún *"ngảo"* hay bún kí-lô. *"Ngảo"* là cái rổ nhỏ thường dùng như một đơn vị đo lường ở các vùng quê của Huế trong khi *"kí-lô"* là đơn vị đo lường mới xuất hiện sau này. Bún mớ là bún sản xuất đại trà với số lượng lớn để buôn bán, đổi chác trên thị trường.

Thật ra cả ba loại bún cơ bản là giống nhau, đều có màu ngà đục khi sống và màu trắng trong khi đã luộc chín. Người ta thường dùng danh từ *"bún tươi"* để chỉ bún mang trực tiếp ra từ lò và *"bún luộc"* để chỉ con bún được luộc chín từ bún khô. Con bún Huế điển hình có độ dai vừa phải, không "đai hoai" như bột lọc nhưng cũng không bở rệt như bột gạo. Thường người ta dùng đinh 3 phân (khoảng 1/8 inch) để đục lỗ thoát trong khuôn bún hay để ước lượng độ lớn của con bún. Bún nhỏ là bún kim để làm bún khô hay bún Tàu để nấu canh và bún to hơn là bún thô dùng để xào trộn thức ăn trong những dịp giỗ, Tết. Bún con và bún lá thường được cho là ngon hơn có lẽ vì được sản xuất đầu nước nên láng lẩy và tươi tắn hơn: *"Bún đầu nước thì ngon, con đầu nước thì dại (?)"*.

*** Bún Bò Huế**

Ngoài cơm và khoai sắn, có thể nói rằng, bún nói chung là món ăn truyền thống được phổ biến rộng rãi nhất đối với người Việt Nam ở trong nước cũng như khắp năm châu. Các loại bún truyền thống miền Bắc thì có bún riêu, bún thang, bún mọc, bún ốc... Bún từ Đàng Ngoài đã theo bước chân Nam tiến đi vào Đàng Trong, rồi chọn đất Thuận Hóa làm nơi nghỉ bước và đâm chồi nẩy lộc thành bún Huế. Bún Huế gồm nhiều loại, mỗi loại có một lịch sử và tính chất độc đáo khác nhau: Bún nước mắm, bún mắm nêm, bún giấm nuốc, bún riêu, bún sáo, bún măng, bún thịt nướng, bún chả tôm, bún bò, bún giò... và bún bò giò heo. Bún bò Huế, tức là bún bò giò heo được ưa chuộng và phổ biến nhất.

Theo thời gian và không gian, bún bò Huế có lúc và có nơi chỉ còn là một cái tên nhưng phẩm chất, đặc tính, mùi vị... đã hoàn toàn biến đổi. Nhiều người vẫn tẩn mẩn tự hỏi, không biết tô bún bò Huế thời vua Gia Long lên ngôi năm 1802 và tô bún thời vua Bảo Đại thoái trào năm 1954 có gì khác nhau trong cung đình và ngoài phố chợ. Có điều rõ ràng là khách ăn bún Huế sẽ cảm thấy tô bún An Hòa khác hẳn tô bún An Cựu; tô bún Kim Long lạ hơn tô bún Chợ Dinh. Nơi nầy có thêm lát chả, nơi kia có thêm miếng huyết, nơi nọ có chút rau thơm và chuối cây xắt mỏng lơ thơ. Càng đi xa, tô bún ở Đà Nẵng không giống tô bún Sài Gòn; tô bún Huế Ca-Li khác xa tô bún Huế Texas.

Trước 1975, tôi có một người ông bà con, quê ở làng Lương Quán, Nguyệt Biều. Mọi người kêu ông là "Ôn Tứ", có lẽ vì ông làm quan tứ phẩm của triều đình. Cứ một năm vài ba lần, ông sai tôi chở qua cung An Định để vấn an "Đức Từ", đó là bà Từ Cung, thân mẫu của cựu hoàng Bảo Đại. "Ôn Tứ" tuổi trên 70 mà vẫn còn đẹp lão như một tiên ông với da dẻ hồng hào và tóc trắng như mây, nhưng hễ cứ mỗi lần tôi khen ông là ông lại nói với giọng nửa như tự hào, nửa như ăn năn:

— Ôn sống thọ đây là tại trời đày vì tội phạm thượng, dám ăn đồ ăn của vua!

Ai cũng biết thuở trước, ông là cận thần thân tín của vua Bảo Đại từ Việt Nam qua đến Pháp. Tôi nghe lạ, hỏi ông, ông giải thích:

— Ngài Ngự làm vua, nhưng là người Tây học. Ngài xử sự công bằng và lịch sự với tất cả mọi người. Hồi còn ở trong Đại Nội, thường có các cận thần hay hoàng thân quốc thích nấu đủ món sơn hào hải vị dâng lên Ngài ăn khuya. Ngài nhận, nhưng sau đó sợ bị mập nên Ngài cứ đưa hết cho ôn ăn. Con coi, ôn ăn hoài cao lương mỹ vị của hoàng đế, "tội to" như rứa mà Trời không phạt răng được!

Trong những lần ngồi đợi ông vấn an đức Từ Cung, trong cái mát lạnh thâm u của cung An Định, tôi có dịp nghe các cuộc mạn đàm của giới thân cận cung đình về các món ăn Huế mà giới quý tộc quan tâm. Bún bò Huế vẫn thường được nhắc đến nhiều nhất. Đặc biệt là cuộc thi nấu các thức ăn đem ra đấu xảo tại chợ Tết Gia Lạc dưới triều vua Khải Định. Chợ Gia Lạc mở tại địa điểm gần chợ Mai ngày nay. Đây cũng là vùng đất của Tùng Thiện Vương và Tuy Lý Vương — *Thi đáo Tùng Tuy thất thịnh Đường*. Chợ Gia Lạc mở vào ba ngày mồng một, mồng hai và mồng ba Tết Nguyên Đán. Đây là phiên chợ của hàng con vua cháu chúa, nhưng đồng thời cũng mở rộng ra cho bàng dân thiên hạ đến vui Xuân. Trong một cuộc thi tổ chức long trọng, món bún bò giò heo của Mệ Lựu đã chiếm giải nhất và được phê là *"Thập toàn. Ngũ đắc"*. *Thập toàn* là mười điều hoàn thiện của một món ăn ngon, đại khái như: ngọt ngào, thơm tho, đậm đà, bổ dưỡng, tinh khiết, bắt mắt, khéo chọn, khéo tay, khéo nấu, khéo bày. Bún bò Huế còn được đánh giá cao là vì tính chất bình dân và phổ thông trong bá tính: Mọi người ai cũng biết được, ai cũng ăn được, ai cũng nấu được, ai cũng tìm được vật liệu ngay tại địa phương, ai cũng có thể có dịp mua được *(ngũ đắc)*. Phải chăng bún bò giò heo cũng mang tính truyền thống dân gian như bánh chưng, bánh dày thuở trước.

Nếu gặp một người Huế nào đó ở vào lứa tuổi trung niên hoặc già hơn mà hỏi thăm thế nào mới thật là bún bò Huế và bún bò nơi mô ở Huế là ngon nhất, chắc chắn sẽ có hơn chín mươi phần trăm trả lời là: "bún bò Mụ Rớt".

"Bún bò Mụ Rớt có nêm sâm nhung quế phụ vô hay răng mà ngon dữ rứa?". Một lần nào đó đã có người tò mò lên tiếng. Rồi cũng có người đáp lại, "Có chi mô, mụ Rớt cũng ra chợ Đông Ba mua rau, mua thịt như mình nhưng mụ nấu ngon vì có hoa tay". Hoa tay? Hoa tay của ông đồ Vũ Đình Liên là để thảo những nét chữ như rồng bay, phượng múa, nhưng hoa tay của mụ Rớt là để nấu những tô bún bò thanh nhã, ngọt ngào "ăn ngậm mà nghe".

Chừ ri hỉ:

Cứ tưởng tượng mình đang ở Huế, vừa thức dậy sau giấc ngủ trưa, *một buổi trưa không biết ở thời nào, một buổi trưa nhè nhẹ trong ca dao, có cu gáy và bướm vàng nữa chứ...* Và, có tiếng ve đất cuối mùa kêu sau vườn nhưng nghe như xa lắc. Nắng xế cuối mùa của Huế thường phai như màu tóc muối tiêu. Rồi có tiếng xe đạp của ai đó phanh lại trước sân, ba bốn đứa bạn thân rủ nhau đi ăn bún. Con đường Chi Lăng dẫn về Gia Hội chen giữa hai hàng phố cũ với những căn nhà xưa kiểu Tàu pha một căn hai chái, cột mệ cột con đề huề trông thâm nghiêm nhưng thấp bé một cách tội tình. Trước khi rẽ qua đường Ngự Viên đi ngang "mã ông trạng" sau lưng chùa Diệu Đế, hãy ghé lại một căn nhà dãy phố bên phải: Đó là tiệm bún bò Mụ Rớt. Huế làm ăn theo lối "hữu xạ tự nhiên hương", không bảng hiệu, không quảng cáo mà chỉ cần nghe tiếng tìm vào.

Khách vô tiệm tự nhiên và lặng lẽ như ghé lại bến đò. Cứ tìm bàn nào trống, ngồi xuống trên chiếc ghế đẩu không có chỗ dựa lưng, ngó một loáng bâng quơ người quen và người lạ, sẽ có người hỏi:

— Mấy o, mấy cậu thời bún chi?

Khách chỉ có lựa chọn giữa bún khô và bún nước:

— Dạ, cho mấy tô bún nước.

Lát sau, mấy tô bún bò giò heo bốc khói, mùi thơm tỏa ra dìu dịu, được bưng ra đặt trên bàn. Bún được nấu nướng từ sau bức tường của dãy nhà

ngang trông vào có vẻ phòng the hơn là bếp núc.

Tô bún bò Huế mới thoạt nhìn, có vẻ đạm bạc và thanh lịch như chiếc áo dài phin trắng nõn nà. Tô bún chỉ lớn bằng hai bàn tay búp măng bụm lại. Nước bún trong để lộ những tép bún trắng nằm sóng soãi vươn lên miệng tô. Nước bún không mỡ màng, không bị vẩn đục vì gia vị. Vài loáng ớt màu đỏ nhạt, quyện với dầu sả nổi đốm sao trên mặt tô không che được miếng giò heo búp, mỏng bằng hai phần lóng tay. Miếng giò heo trắng ngả màu vàng với lớp da mỏng, ôm khoanh thịt nạc và mảnh xương tròn ở giữa như nhụy hoa nằm bắt mắt và mời gọi, nửa chìm nửa hở trong tô bún. Che mái cho tô bún là ba bốn lát thịt bò bắp xắt mỏng, những lát bò bắp với thớ thịt chắc nịch nâu đỏ và những đường vân vàng nhạt của nạm, gầu, gân, sách.

Trên bàn đã có sẵn đũa tre, muỗng sành, nước mắm, ớt tương và rau hành chanh múi. Một dĩa nhỏ hành củ trắng phau và hành lá, rau thơm xanh mướt điểm thêm ngò ta xắt mỏng để rắc lên mặt tô bún cho thêm nồng nàn hương vị. Rau hành của bún không phải giống như rau sống của phở, rau chỉ đóng vai trò *"chút hương hoa trên má em hồng"* cho tô bún. Bún bò không thể thiếu dĩa ớt tươi xắt lát. Cái cay của ớt tươi là đậm đà, mọng nước, đủ sức khống chế những cao thủ ớt đã nếm đủ vị giang hồ mà vẫn còn thấy nhạt. Cạnh đó là dĩa ớt tương nhỏ xíu màu huyết dụ; ớt tương của bún bò Mụ Rớt cũng được liệt vào hàng "gia vị bún bò bắc đẩu", nhìn thì có cái vẻ mềm như nhung với màu đỏ sẫm, điểm những hột ớt vàng hoe nhưng nếm vào mới biết thế nào là cái "hiền" của Huế. Gắp một tí ớt tương đầu múi đũa bỏ vào tô là ớt từ từ bung ra như nhụy hoa trên mặt nước bún. Hoa hồng thường có gai, nên nhụy hoa bún cũng làm cho biết bao người cay giọt ngắn, giọt dài!

Cung cách nêm tô bún trước khi ăn cũng thể hiện phần nào phong thái của người ăn. Vẻ e dè chờ đợi của khách mới, dáng khoan thai của giới nhàn du, sự xông xáo của người đói bụng, cách lịch lãm của kẻ từng quen... là những biểu hiện thường tình trước tô bún.

Khi đã nêm xong, húp một muỗng nước bún khai vị để cảm nhận được cái chất ngọt thanh pha đủ mùi gia vị. Mùi sả, mùi ruốc, mùi xương hầm, mùi thịt luộc, mùi chanh, mùi rau, mùi tiêu hành nước mắm... đã biến chất, đã quyện vào nhau tạo thành mùi bún bò có sức hấp dẫn lạ lùng riêng của nó. Miếng giò heo thanh nhã trong tô bún với lớp da mỏng có bìa da úp quanh miếng thịt nạc như đài hoa chưa nở nên thường gọi là giò "búp". Cắn miếng giò, những sợi thịt trắng vừa béo, vừa ngọt vẫn còn thơm mùi thịt tươi mới chín nhẹ nhàng bốc hơi trên hai cánh mũi. Gắp lát thịt bò bắp. Lát thịt bò mỏng với những đường gân, sớ thịt và viền mỡ dòn tan giữa hai kẽ răng và vị ngọt béo miên man trên đầu lưỡi. Tô bún bò Huế vơi dần nửa như thách thức, nửa như mời gọi khách rằng, chưa cạn hết tô chưa gác đũa.

Tô bún bò Mụ Rớt được xem là đặc trưng cho tô bún Huế là vì nó mang những nét thanh đạm và đơn giản. Có thể nói cái thanh của bún Huế ví như những nét đan thanh của tà áo trắng, tà áo dài mỏng manh cửa đóng then gài ngỡ như là tử cấm thành của phái đẹp Thần kinh, nhưng lại kín đáo phô bày trọn vẹn những nét đẹp trên thân thể của người mặc. Người mặc áo Kimono của Nhật chỉ cần một khuôn mặt đẹp, nhưng người mặc áo dài Việt Nam khó mà che dấu được những nét mỹ miều hay thô thiển của thân hình. Cũng tương tự như vậy, một hỏa đầu quân nấu bún tài tử có thể nấu một tô bún thập cẩm với tấp nập thịt thà rau cải rềnh rang như chiếc áo Kimono, nhưng lại khó có thể nấu một tô *"bún-bò-áo-trắng"* kiểu Huế, thoạt nhìn, tưởng như là quá đơn giản mà ẩn dấu lắm công phu. Hầu như những món ăn được coi là ngon của Huế đều mang chung tính chất là "thanh": *Bánh bèo, bánh ướt, bánh nậm gió thổi cũng bay. Nem, chả, tré lá nhiều hơn ruột. Chè bắp, hột sen chưa nhai đã tuột. Cơm*

hến, bún bò chưa nuốt đã cay! (Đinh Miên).

Linh hồn của tô bún bò Huế là nước bún. Nước bún là nước được hầm từ xương heo, xương bò, gà tươi, và có khi là cây, củ... Phần khó nhất trong việc nấu nước bún là giữ cho nước trong, ngọt thanh, không mỡ màng, không lềnh bềnh gia vị. Những "trường phái" bún bò khác nhau ở Huế thường dấu bí quyết nấu nước bún vừa trong vừa ngọt, nhưng tất cả đều có điểm cơ bản khá giống nhau là cách chọn xương hầm, cách luộc tái rồi đổ nước đầu tiên, cách vớt và loại bỏ bọt thải đúng lúc, đúng điệu, thường là yếu tố quyết định trình độ cao thấp của "tay nghề".

Bún sợi thật sự là bún tươi, trắng ngà, có độ dẻo và độ lớn vừa phải.

Thịt heo trong tô bún chỉ đơn giản một lát giò có đủ da, đủ nạc và xương. Giò luộc vừa chín, không quá lửa làm cong queo, mềm nhũn, thoang thoảng gia vị vừa ăn; thơm nhưng không mất mùi thịt heo nguyên thủy.

Thịt bò trong tô bún là bò bắp luộc vừa chín, xắt lát mỏng, xào nhẹ lại với đồ màu và tránh tình trạng quá lửa làm "bò teo, heo nở".

Gia vị chủ lực của bún bò Huế là sả, ruốc và ớt, nước mắm. Tinh dầu của cây sả có mùi thơm rất nồng, đủ mạnh để làm trung hòa mùi ruốc và giúp cho mùi thịt trộn tiêu hành nước mắm trở nên dịu và ngào ngạt hơn. Dầu sả nhẹ hơn dầu mỡ nên làm cho nước bún nổi sao óng ánh, tránh được những váng mỡ nặng nề làm cho người ăn ái ngại. Một cây sả tươi cần chọn đoạn giữa vừa thơm, vừa phong phú tinh dầu. Đừng quên sả gốc nồng và chát, sả ngọn ít thơm và dễ làm cho nước bún nhiễm màu xanh của lá.

Trong nồi bún, nếu sả quyết định cho hương thì ruốc quyết định cho vị. Ruốc phải đánh loãng và thải hết chất bã. Ruốc nêm lúc nước còn lạnh để khỏi nặng mùi. Ruốc nêm đúng phân lượng sẽ làm cho nước bún có vị ngọt đậm đà và phảng phất mùi thơm quen thuộc của gia vị trong thức ăn Việt Nam. Ruốc nêm thiếu, nước bún sẽ *"ỏn"*, nghĩa là lạt lẽo, kém vị, thiếu mùi như nước ốc. Ruốc nêm thừa, nước bún sẽ *"hăng"*, nghĩa là mùi vị nặng nề, không tỏa ngát quanh tô bún mà có vẻ như chìm lỉm trong nồi nước bún.

Bên cạnh kỹ thuật và kinh nghiệm của người nấu, chất liệu cũng đóng một vai trò quan trọng cho hương vị của tô bún Huế. Chẳng hạn như thịt heo nấu bún Huế thường lấy từ thịt heo cỏ. Đó là giống heo nhỏ nuôi bằng rau, chuối nấu với cám gạo cốt để vừa lấy phân, vừa lấy thịt. Heo càng lớn càng dài ra và thịt rắn lại chứ không phát triển "sồ sề" như giống heo mẹo nuôi trong kỹ nghệ lấy thịt sau nầy. Giò heo do đó vừa chắc, vừa thơm, vừa ít mỡ. Giò heo lý tưởng cho tô bún là giò sau: *"Nấu giò sau, cho nhau giò trước"*.

Ngoài ra, rau hành, gia vị... thường được các bà Huế nêm theo kiểu "luyện công" nên mọi thứ đều được tính toán chi li vừa đủ phân lượng cần thiết. Có dịp nhìn một bà Mỹ vào bếp với dáng kích động như muốn nhảy "Disco" với soong chảo, một bà Nam nếm đồ ăn trên lò, miệng chưa tắt nụ cười vui sau câu cải lương mùi mẫn... mới thấy được hình ảnh tay cầm đũa, mắt đăm đăm, môi chút chíp nêm đi nếm lại như đang "truyền tâm ấn" của một bà Huế trước nồi bún đang sôi là "thục nữ thần kinh". Chính yếu tố địa phương, hoàn cảnh và tâm lý đã làm cho tô bún bò Huế trở thành ngon và độc đáo hơn vì nó được chuẩn bị, phục vụ và thưởng thức trong mức độ vừa đủ về lượng cũng như về phẩm.

Sự dễ dãi về hoàn cảnh sinh hoạt và phong phú về điều kiện vật chất có vẻ như có một tác dụng nghịch chiều cho tiến trình tạo nên cái vẻ thanh nhã truyền thống của tô bún bò Huế. Bún bò Huế càng tiến về Nam càng được thêm thắt như tà áo trắng biến thành áo gấm với phượng vẽ rồng thêu. Bún Huế chỉ cần vượt đèo Hải Vân vào Đà Nẵng là đã đổi khác: Tô lớn hơn, mỡ màng và thịt, gân, rau hành nhiều hơn. Bún Huế tiến vào Sài Gòn thành tô "phở bún" xe lửa tàu bay với nước béo, rau sống, giá sống, thịt chả ê hề. Chính bún bò Mụ Rớt Huế

vào Nam cũng đã chuyển mình thành "bún bò Mụ Rớt Nam Bộ". Bún bò Huế càng được chiếu cố rộng rãi chừng nào, sự "sáng tạo" và biến thể càng nẩy mầm trăm hoa đua nở chừng đó. Đến nỗi, một người thích "khảo" về các món ăn miền Trung gần đây như ông Đinh Miên đã phải lên tiếng "xóa óa" khi nhắc về bún bò Huế tại Mỹ trong bài "Cơm Việt, Quê Người": *"Đi đâu cũng nghe bún bò Huế chính gốc mà không biết gốc gì, nên gốc gì cũng đặng!"* (Việt IX - 95). Ông Đinh Miên thuộc về trường phái "chịu chơi" khi luận về bún Huế. Ông cởi mở đón nhận sự chuyển mình của tô bún với vẻ cười cợt hồn nhiên như người đã biết là không thể tắm hai lần trên cùng một giòng sông. Cũng có người muốn "ngồi lại bên cầu thương dĩ vãng" lên tiếng cho rằng, tại sao những món ăn truyền thống của thế giới như Pizza của Ý, Cabob của Ba Tư, Taco của Mễ, Kentucky Fried Chicken của Mỹ, Mì Tiều Châu của Tàu... đi đâu cũng nghe cùng một hương vị, mà Bún Bò Huế lại có người nấu Sở kẻ nêm Tần như vậy, sợ một ngày kia "mất giống" tìm đâu!? Có lẽ không ai trả lời được câu hỏi đó vì món ăn là một phần của văn hóa mà gốc của văn hóa là con người. Khi đất nước và con người còn đó thì ngại gì tô bún đổi thay.

*** Huyền thoại quanh tô bún**

Tuổi già của Huế thích lui về sống ẩn dật với quê hương, gần gũi với bà con làng xóm và mồ mả tổ tiên, nhưng tuổi trẻ lại thích bay xa tới những phương trời mơ ước. Niềm ước mơ của một đứa trẻ lớn lên sau lũy tre làng như tôi là làm sao được lên Huế học. Thành phố Huế cách làng tôi chưa đầy một giờ đi xe đạp nhưng đối với tôi thời nhỏ nó vừa thực vừa mộng như một vùng đất hứa. Có những buổi chiều đứng đầu ngõ nhìn những người lên Huế sắm hàng với các món đồ gói trong giấy, trong hộp đầy màu sắc gọi là "đi Dinh mới về", tôi ước chi mình sẽ được lên Dinh.

Tuy không có quy định thành văn nhưng con đường duy nhất để được lên Dinh đối với tuổi trẻ ở làng như tôi là phải thi đậu *"Càng Cua"* (concours), đó là kỳ thi tuyển học sinh vào lớp đệ thất trường công mà trong toàn tỉnh Thừa Thiên chỉ có thành phố Huế mới có. Mẹ tôi thường nhắn gởi: "Chuyến ni mà con thi đậu 'càng cua', cực mấy mạ cũng gắng lo cho con lên Dinh học".

Mẹ tôi dắt tôi lên Huế hai ngày trước khi thi "càng cua", đi qua đi lại trước trường Hàm Nghi (ngày xưa là Quốc Tử Giám) nhiều lần cho quen đường đi nước bước. Tôi ở lại nhà bà chị ở đường Ô Hồ. Buổi sáng ngủ dậy, chị kêu gánh bún vào ăn điểm tâm. Gánh bún õng ẹo trên đôi vai o gánh bún, có khói và hơi bốc nhè nhẹ xung quanh như một đầu máy xe lửa xuống đèo. Nghe chị đặt hàng, tôi có cảm giác hơi là lạ:

— O múc cho tô "trung", bún vừa, nước xắp xắp thôi. Cho giò nạc búp, thêm cái ngoéo. Bỏ huyết thêm chả. Khoát bớt ớt màu, bỏ hành rau răm rươi rươi thôi, ớt tương nước mắm bỏ riêng...

Người bán bún chừng như đã quá quen thuộc với lối đặt hàng rắc rối đó nên làm thinh múc bún. Nồi bún nóng thân tròn, miệng uốn trông như chiếc lư đồng không nắp không chân, đặt trên lò lửa riu riu đỏ. Tay o cầm cái vá cán dài, quây một vòng trong nồi bún với dáng tay nhẹ nhàng và điệu nghệ như cô vũ nữ Thái múa điệu cánh sen. Cái vá dừng ở đâu trong nồi nước bún là "bắt" được ngay miếng thịt, miếng giò đang cần, chính xác như ra-đa tìm thủy lôi.

Một lát sau o mới hỏi:

— Ai ăn rứa?

Chị tôi trả lời một cách hãnh diện:

— Thằng em tui dưới làng lên ở lại thi "càng cua".

Tự nhiên o bán bún coi bộ quan tâm:

— Nì, nói chuyện vô duyên chớ học trò đi thi không nên ăn giò búp: búp hoài không nở thì mần ăn chi nữa. Để tui múc cho một cặp giò ngoéo: ngoéo trước, ngoéo sau thì rớt đi mô được, thi đậu chắc nụi!

Chị tôi coi bộ cảm động ra mặt vì gặp được "Thầy"...

bún, nên nhiệt liệt ủng hộ ngay:

— May có o nhắc chớ không thì khổ em tui rồi. Rứa! Múc ngoéo vô đi o!

Thật tôi không ngờ bún Huế "linh" như vậy, nên hôm đó ăn tô bún Huế mà cảm thấy trân trọng và ngất ngây như uống rượu thánh.

Ở làng, tôi thường ăn bún với nước mắm ớt. Mẹ tôi có mấy lu ruốc bự bành ky để ở nhà dưới, nước mắm nhĩ trong vắt nằm một lớp trên mặt. Đem lúa đổi lấy bún vắt hay bún lá, rồi múc nước mắm nhĩ từ trong lu ruốc, ra vườn hái ớt xé vào. Bún tươi chấm với nước mắm nhĩ pha thêm ớt trái mùa Xuân ăn ngon "nhức răng". Thêm vào đó, một năm đôi ba lần được ăn bún với nước sáo lòng gà, thịt bò nên chú bé quê trong tôi cũng đã bằng lòng lắm với cuộc đời đầy đãi ngộ nầy rồi. Nay được ăn tô bún Huế với những thịt thà thơm phức, với cách nấu bún công phu, cách múc bún điệu nghệ... làm cho tôi cảm thấy được "lây" cái văn minh sang cả của người thành phố.

Ngày đi thi, tôi dậy sớm trước khi gà gáy lại, hồi hộp chờ trời sáng để tới trường thi, nhưng trong lòng cũng cảm thấy thinh thích khi nghĩ đến tô bún Huế với cặp giò ngoéo có lớp da mềm mềm bao quanh những thớ gân dòn tan như ăn ổi đỏ ở làng. Hình như mới có hai buổi sáng trôi qua mà tôi nghe như đã bị phố phường cám dỗ. Buổi sớm tôi nghe mẹ tôi bàn bạc to nhỏ với chị tôi, rồi tiếp theo đó có người gánh gánh xôi vào trước hiên. Nhìn dĩa xôi đậu xanh chấm muối mè bày ra trước mặt, tôi bắt đầu hoang mang. Mẹ tôi hối:

— Ráng ăn xôi đậu muối mè đi con!

Khi tôi ngao ngán ngáp dài kêu mệt quá và muốn ăn bún chứ xôi đậu, muối mè khô khan quá nuốt không vô, mẹ tôi dịu dàng an ủi:

— Con thi xong rồi, ưng ăn bún cả gánh mạ cũng cho. Con đi thi "càng cua" mà ăn bún vô trơn, nói trời không nghe lỗ miệng, chớ nó truột đi thì thi hỏng mất! Lúc trước mấy cậu con thi chi hỏng nấy là vì không nghe lời mệ ngoại, cứ dè ngày thi cử mà ăn bún không kiêng cử nên thi trợt tuốt luốt, phải xếp sách vở về quê đi cày. Chừ con gắng ăn xôi đậu, xôi muối mè dính mô chắc nấy, trời mới cho con đậu.

Tôi rướn cổ nuốt cho hết dĩa xôi mè vì thương mẹ hơn là sợ thi trượt. Tới ngày treo bảng, nghe loa đọc tên nhưng tôi không tin là mình đậu "càng cua" thứ nhì trường Hàm Nghi trong số hơn một nghìn thí sinh dự tuyển và có hai trăm trúng tuyển năm đó.

Suốt một đời, tôi không làm sao quên được hình ảnh mẹ tôi với hai hàng nước mắt sung sướng chảy dài trên đôi má phong trần vì lặn lội gieo neo nuôi con. Mẹ tôi nói như đã nắm được bí mật cuộc đời:

— Chộ chưa! Con nghe lời mạ, ăn xôi đậu nên mới thi đậu. Còn thằng Tý xóm Bàu, thằng Rô xóm Cụt, thằng Lúi Lò Rèn to béo xắp hai con, nghe nói mỗi đứa ăn hai tô bún để đi thi nên trượt tuốt luốt.

Tôi muốn nói cho mẹ tôi biết bọn thằng Tý, thằng Rô, thằng Lúi... suốt cả mùa Xuân trốn học, thu sách vở trong bụi tre lá ngà đầu làng đi chơi; trong khi tôi học thuộc cháo sách Sử Ký của Trần Đình, giải hết 1000 bài toán đố của Một Nhóm Giáo Viên, đọc nhuyễn 50 Bài Luận Mẫu và Tâm Hồn Cao Thượng của Hà Mai Anh... Thế nhưng nghĩ sao tôi lại thôi, vì mẹ cũng có một khung trời riêng của mẹ mà tôi chỉ dám núp sau áo mẹ để lặng im chiêm ngưỡng chứ không dám thả cánh chim lý luận làm huyên náo khung trời đó và làm mẹ buồn lòng.

Từ đó về sau nầy, tôi thường cố "cử" ăn bún mỗi lần có thi cử. Ngay cả hơn 30 năm sau, trên bước đường lưu lạc ở quê người, có những lần đi thi chuyên môn, đi phỏng vấn việc làm, đi thi tốt nghiệp trong trường đại học Mỹ, tôi vẫn "kiêng" ăn bún nhưng chỉ tìm cách né tránh âm thầm chứ không dám nói ra vì sợ bị chọc quê. Thật ra, mỗi lần đụng đến thi cử là tôi lại nhớ mẹ đến quặn lòng, nên tôi cử ăn bún để được cái cảm giác ấm áp thiêng liêng như hôm đó mình đang có mẹ thật gần.

Đến khi lên Huế học, những huyền thoại về bún bò Huế càng có vẻ mọc cành mọc lá xum xuê hơn. Thế

giới học trò cũng nhỏ bé và xinh xinh như thành phố. Phía sau trường Hàm Nghi của tôi là Viện Bảo Tàng và nhà thờ Nguyễn Phước Tộc hay là Tôn Nhân Phủ. Bên kia đường là cửa Hiển Nhơn vào Đại Nội. Kế đó, có hai trường văn nghệ nhất Huế, đó là trường Quốc Gia Âm Nhạc và Cao Đẳng Mỹ Thuật mà lũ học sinh nghịch ngợm của chúng tôi thường chọc mấy anh chị sinh viên bằng cách gọi là "Trường Kèn" và "Trường Cọ". Sinh viên hai trường Kèn Cọ thường la cà ở quán cà phê Tôn, nơi đó, thật ra chỉ là một chiếc xe kiểu xe sinh tố đặt mé trái trước Tôn Nhân Phủ do vợ chồng bác Tôn đứng bán bún bò và cà phê. Giới nghệ sĩ lang thang thường bàn luận một cách công khai rằng, ngày nào vợ chồng bác Tôn không cãi nhau là ngày đó bún bò không ngon vì thiếu đi cái "tinh thần hào sảng" của cặp vợ chồng bác Tôn khi nấu bún.

Giới văn nghệ sĩ cà phê Tôn còn đi xa hơn khi kháo nhau rằng nếu lỡ một mai kia, lịch sử thành thơ đưa họ lên làm lãnh tụ, thì họ sẽ đặt tên con đường từ Vỹ Dạ lên Ga Huế là "Đường Cơm Hến" và đường từ cầu An Cựu lên cầu Trường Tiền là "Đại Lộ Bún Bò" vì mỗi buổi sáng tinh sương, dọc trên con đường nầy có cả đoàn bún gánh phát xuất từ An Cựu tỏa ra khắp thành phố Huế. Khói xanh đun nồi bún bay phơ phất trên đường như một sự mời gọi êm đềm: *Bún bò An Cựu, cơm hến Đò Cồn, trứng lộn Chợ Dinh, bánh canh Nam Phổ*... Cũng may hay cũng buồn, lịch sử không phải là thơ nên tuy Huế có những con đường tình cảm mang tên kỷ niệm và giai nhân bất thành văn như đường Hàng Me, đường Áo Trắng, nhưng vẫn chưa có tên đại lộ Bún Bò.

Bản thân tôi từ một vùng quê ruộng đồng lên tỉnh học, sau mấy năm học đòi văn hóa Huế, cũng bị nhiễm bún bò rất nặng. Tôi đã ưu tư nhiều về sự hiện diện của bún bò giò heo kể từ khi làm quen với một cô hàng xóm nhân dịp cô đi xe đạp, vạt áo dài tung bay phất phới và cuốn theo chiều gió mà quấn vào trong giây "sên", trong "ổ líp". Tôi bèn ra tay cứu khổn phò nguy gỡ áo em ra và không quên bôi thêm dầu sên lên tay lên mặt cho ra vẻ lấm liệt, can trường. Tên cô là Mộng Hoàng, tất nhiên có cái họ đi trước rất chi là thế gia vọng tộc. Chỉ mới cái tên thôi cũng đủ biến tôi thành Trương Chi bên cạnh Mỵ Nương đi xe đạp mất rồi. Ở làng, tôi đi từ xóm trong ra xóm ngoài để sưu tầm những tên giai nhân đẹp nhất thì cũng chỉ có những Nguyễn Thị Gái, Trần Thị Chất, Lê Thị Dẹp... đào đâu ra có Mộng, có Hoàng.

Những buổi sáng, tôi và Hoàng vẫn đạp xe đạp song song chung đường từ Thành Nội, qua cầu Trường Tiền, rồi Hoàng vào Đồng Khánh và tôi vào Quốc Học. Đôi ba lần Hoàng quay sang phía tôi cười, một phiến ớt màu bún bò tí ti đỏ chói nằm trong góc chiếc răng khểnh trắng nõn nà của Hoàng. Tự nhiên tôi cảm thấy hơi mất đi cái cảm giác thanh thoát khi nhìn sự hiện diện vô duyên của ớt màu nằm trên chiếc răng khểnh duyên dáng đã làm tôi xao xuyến bao lần. Tôi lên tiếng, nhẹ nhàng như nắng, sợ làm vỡ những giọt sương tình cảm long lanh. Rồi cả hai đứa dừng lại, đứng khuất sau gốc cây long não, tôi xé mảnh giấy trắng nhất trong tập vở học trò, vo lại thành cây tăm và nín thở khêu chút ớt màu bún bò vô tình nằm chênh vênh không đúng chỗ. Hai đứa nói nhỏ như ngại hàng long não đứng nghe. Hoàng vùng vằng sợ tôi nhìn sâu hơn đáy mắt:

— Ngó dữ chưa tề, dị chết!

Tôi thanh minh như Vương Tử Trực:

— Coi tề, không ngó chộ mô mà khêu!

Khi lên xe đạp đi tiếp, Hoàng phàn nàn, cái phàn nàn mà tôi cho rằng đáng lẽ ra là một sự biết ơn:

— Me phiền dễ sợ! Sáng mô cũng bắt Hoàng ăn bún bò ớn phát sợ luôn.

Cái "ớn phát sợ" của Hoàng lại là cái ước mơ ngoài tầm tay của đám học trò nghèo như tôi. Cứ tưởng tượng mỗi buổi sáng, khi trời Huế còn lành lạnh mà được ăn một tô bún bò giò heo, có váng mỡ vàng mơ ngã hồng trên mặt, nêm thêm một

"múi đũa" ớt tương màu huyết dụ chắc sẽ sáng mắt sáng lòng mà học một nhớ mười. So với một chén cháo gạo với muối trắng của tôi hay một chén cơm chan chút nước mắm ớt của tụi bạn cùng hoàn cảnh ăn điểm tâm trước khi đi học, tự nhiên một cảm giác hơi buồn buồn pha chút tủi thân lặng lẽ dâng lên trong lòng. Bún bò tự nó không có giai cấp, nhưng giai cấp tự nó có bún bò: *Phận nghèo bấm bụng nằm co. Giàu thời nem chả, bún bò giò heo!*

Tuổi trẻ của Huế êm đềm và dễ hòa dịu sống như giòng sông Hương. Tôi đã quên rất nhanh hình ảnh tô bún bò của Hoàng và chén cháo gạo của tôi. Hai đứa chưa bao giờ dám nói thương nhau mà chỉ lửng lơ nói chuyện đã cùng "thương con đường đi học". Mỗi cô gái Huế đều có một bà chúa trong hồn và mỗi cậu con trai Huế đều có một ông hoàng trong bụng. Bà chúa thì thích sang mà ông hoàng thì thích ngọt, cho nên tôi đã nhẹ dạ nghe Hoàng dỗ ngọt mà hẹn hò lần đầu lên chùa Thiên Mụ và về ăn bún bò Kim Long. Chúng tôi đã phạm vào hai điều tối kỵ làm tan vỡ bao nhiêu mối tình đầu đẹp như mơ của Huế: Đó là hẹn hò lần đầu không được lên chùa Thiên Mụ và không được ăn bún. Bà lão Thiên Mụ linh thiêng nhưng chưa biết yêu đương, ghét chuyện ân tình hò hẹn, nên bà thường ra tay chia lìa những mối tình mới chớm. Còn ăn bún là trơn tru, không níu kéo như gừng cay muối mặn, nên cuộc tình rồi cũng theo bún mà trôi đi! Rất có thể bà Linh Mụ đã nhìn thấy tôi và Hoàng hò hẹn, cho nên mới "xui" về Kim Long ăn bún. Bởi vậy, nên tới Hè, Hoàng giã từ Đồng Khánh, chuyển qua Jeanne d'Arc để chuẩn bị đi Tây.

Kỷ niệm chia tay cũng êm đềm mà nhức buốt như những cơn mưa phùn tháng Giêng của Huế. Hoàng gởi cho tôi cuốn sổ lưu bút có giấy pơ-luya màu xanh, màu trắng, màu hồng; có thắt nơ tím với câu thơ tiếng Tây quá quen thuộc với tuổi học trò của Huế ghi nắn nót ở trang đầu: *"Partir, c'est mourir un peut!... Ra đi là chết trong lòng một ít. Biết nói sao bây giờ?!"*. Tôi là học trò ban B nên trong đầu lúc nào cũng lùng bùng toàn là đạo hàm và ẩn số của thầy Trần Tuệ và thầy Hồng Giũ Lưu. Huế lại là vùng đất ưa hò vay trả. Đào đâu cho ra chút văn chương man mác nòi tình mà đáp lại cho Hoàng đây. Tôi bỏ cả việc đi trại Hè để cố đào cho ra dăm câu thơ nếu không "ác liệt" thì ít ra cũng có vẻ môn đăng hộ đối với Hoàng. Bên tê dẫn thơ Tây thì bên ni phải trích thơ Mỹ. Tôi vô thư viện, tìm mục thơ tình lãng mạn để kiếm vài câu làm thuốc. Thơ tình chết tiệt rủ nhau trốn đâu mất cả. Bí quá, bỗng vớ được vài câu thơ đề tựa cuốn sách của Helen Steiner Rice, tôi thấy như mở cờ trong bụng: *"Somebody loves you than you know. And will always be with you wherever you go!" (Ai nào thấu hết tình ai. Chân mây góc biển thương hoài ngàn năm).* Và, để phụ đề Việt ngữ tôi chọn hai câu thơ của Hàn Mặc Tử, đọc đi đọc lại đắc ý nổi da gà: *"Người đi một nửa hồn tôi mất, Một nửa hồn tôi bỗng dại khờ!"*. Kèm với thơ thẩn là cái lược bằng gỗ trầm hương, vật kỷ niệm của mẹ, tôi xin và tặng lại cho Hoàng mà bỗng tự cảm thấy mình sâu sắc như một người tình trong chuyện thần thoại Hy Lạp. Năm 1992 về lại con đường cũ, đọc thơ Xuân Hoàng mà nhớ bâng khuâng đốm ớt bún bò và nét cười răng khểnh:

Tôi đi trên đường Lê Lợi
dọc sông Hương
Nắng trong suốt lọc qua hai
hàng long não
Đất nước đổi thay qua bao
mùa giông bão
Con đường xưa vẫn dáng
dấp diệu kỳ...

Hơn mười năm, tôi mới có dịp trở lại chen chân trên đường phố Huế vào một buổi chiều 29 Tết. Đi trong nắng cuối Đông dìu dịu thương quen của Huế mà cứ ngỡ như mình mới xa Huế hôm qua. Nghĩ đến mai xa Huế tự nhiên tôi có cảm giác như mình là kẻ phụ tình với Huế. Huế vẫn lặng lẽ chờ đợi như người tình trăm năm mà tôi thì cứ dứt áo ra đi lang bạc kỳ hồ.

Rồi quả đất cũng tròn và thế giới nầy cũng nhỏ nên "những kẻ phụ tình với Huế" vẫn có lúc gặp nhau ở quê người như một sự tình cờ của định mệnh. Hơn 30 năm sau, rất tình cờ, tôi gặp lại Mộng Hoàng ở Little Sàigòn, Quận Cam Ca-li. Tôi nhận ra Hoàng, bà chủ tiệm ăn có tên vừa Tây vừa Huế, nhờ chiếc răng khểnh "thương bất chết" vẫn tô điểm cho nụ cười duyên dáng ngày xưa. Tất nhiên, tôi từ phương xa ghé vào đây cũng vì món "bún bò Huế chính gốc". Nhắc chuyện cũ, cả hai đứa cùng cười ngặt nghẽo. Giọng Hoàng tuy phảng phất một chút âm vang trời Tây nhưng vẫn chưa phai màu Huế:

— Thời nớ, răng tụi mình dễ thương dễ sợ hí!

Tôi cười cười nhắc lại:

— Sau nớ, còn ai khêu ớt trên răng cho Hoàng nữa không?

Mắt Hoàng bỗng thoáng một chút trầm tư *"nhắc làm chi sương khói thuở xa xăm"* và ánh lên màu kỷ niệm:

— Lạ chưa tề. Nhắc chi nữa, dị chết!

Tôi nhìn Hoàng. Mắt bâng quơ đậu trên vài ba sợi tóc lòa xòa điểm bạc. Hoàng biết và ngúng nguẩy che đi. Hoàng nói thật bất ngờ, giọng trang đài như đọc câu thơ tình thời cổ:

— Chải lược trầm hương nên sớm thành tóc bạc!

Tôi hiểu Hoàng nói gì nhưng phản ứng như anh học trò cả ngố:

— Thơ của ai rứa Hoàng?

Hoàng trả lời "làm đày":

— Thơ ai? Thơ ông cai bến đò!

Đàn bà Huế mà đã làm đày thì Tần Thủy Hoàng cũng phải biết rằng mình đã lỡ vô tình, cần lẳng lặng chui vào ổ rơm nằm ngủ qua đêm.

Rứa đó! Dân Huế suốt đời vẫn là những đứa trẻ thơ mỗi lần nhớ Huế, nhớ những kỷ niệm đã thiu thiu ngủ trong ký ức và trên quê mẹ của mình.

Xa quê, rủ nhau ăn một tô bún bò Huế nấu bằng heo Mỹ, bò Anh, ruốc Tàu, bún Nhật... Miếng ăn có thể khác nhau vì ngon hay dở, nhưng nỗi nhớ quê nhà thì vẫn hiu hắt giống nhau trong cùng thẳm của mỗi tấm lòng. Bún bò Huế đã vượt sông Mỹ Chánh ra Bắc, vượt đèo Hải Vân vô Nam, vượt trùng dương sang Âu tới Mỹ. Giữa những phố phường xa lạ quê người, đọc trên một tấm biển của một tiệm ăn nào đó có ghi "Bún Bò Huế", người Việt tha hương nào mà khỏi thấy lòng mình ấm lại. Bún Bò Huế không còn là riêng của Huế mà hương sả nồng, vị ớt cay, mùi ruốc mặn đã thấm vào mạch đất quê hương và lòng dân tộc Việt đầy yêu thương nhưng cũng lắm đoạn trường đang mơ ngày sum họp.

Trần Kiêm Đoàn
Sacramento, Hè 1996

để lại tình ta: núi với sông

(Riêng tặng người em gái An Cựu nhân ngày Hội Nhớ Huế 10.9.95)

Mấy chục năm rồi, em ở đâu?
Bao nhiêu thương nhớ bấy nhiêu sầu
Nhớ người em gái năm xưa ấy
Dẫu cách xa rồi vẫn yếm âu.

Có một thu nào em nhớ không?
Ngự Bình năm ấy dưới rặng thông
Trăng mờ chênh chếch bao năm đợi
Để lại tình ta: "Núi với Sông" (1)

Phạm Ngọc Trúc Chi
10.9.95

(1) Sông Hương, núi Ngự Bình

Kiêm Thêm đứng trước trường Đồng Khánh

bây giờ hơn bốn mươi năm sau
cho anh nói một lần, một lần thôi, rồi hết
chuyện sông cạn đá mòn
chuyện vàng phai mấy lá
mãi mãi xanh như con sông Hương, thẫm như núi Ngự Bình
chan chứa trong lòng, nói năng không được
có phải đây là chuyện
sống để dạ thác mang đi
ước mơ đời sau
chuyên như Kim, Kiều tái hợp

*

trách là trách con đường đưa em đi học quá gần
làm sao anh tỏ bầy hết được
ngàn chuyện ấn dấu trong lòng không dám nói năng
giận là giận mấy cây phượng đỏ thắm trên lối đi qua
và con sông Hương cứ nhìn chúng ta mãi
khiến anh dị
không cầm tay em một lần
khiến anh trễn
không dám mở miệng nói tiếng yêu em
đợi cho ai khuất sau mấy vi tường
tiếc than thì quá muộn
trách áo ai trắng quá
làm sao anh hiểu thấu trong em
đất trời lao xao
vời vợi thương nhớ
ai chép mấy bài thơ cũ
ép mấy lá khô sắt son ngắm nhìn trong đêm khuya khoắc
quên chuyện thi cử học hành.
ghét mấy hàng chè tàu chi lạ quá
thù những cây ngải cứu, giận mấy khóm tường vi
đã che khuất em
mỗi chiều anh đưa em đi học về
ngóng đợi cho đến khi ngọn đèn phòng em mở sáng
anh mới bịn rịn quay đi
vụng dại ơi là thuở học trò
bây giờ thì mọi chuyện đã xong xuôi
cuốn vở đã khép lại
chắc em nay cũng đã đoán ra
tại sao hơn bốn mươi năm trước
anh làm ... (?)
đứng trước trường Đồng Khánh

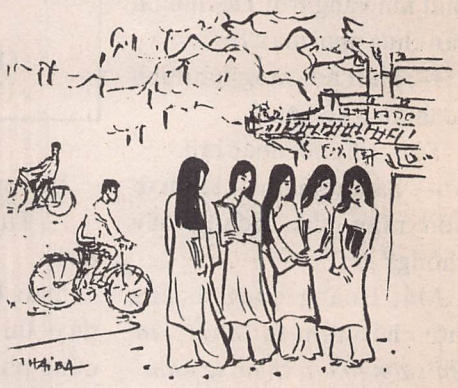

Kiêm Thêm 96

Nụ Hồng

Nhã Ca

Lúc bước xuống đường, để sang bên kia trạm xe bus, ông cụ hoảng quá. Đèn bật xanh lè, cụ lụm cụm chạy.

Tuổi già tệ thiệt, cụ chạy mà không bắt kịp mấy người cùng băng sang đường với cụ. Bước chân họ như dài gấp đôi bước chân cụ. Soạch một cái, cụ bị rơi lại đằng sau. Đèn chớp vàng cùng với cái bảng cấm chớp đỏ lên cùng lúc. Ông cụ còn quýnh quáng hơn, muốn vấp té. Đã vậy, một chiếc xe hơi vọt tới, như muốn đâm thẳng vào người ông. Ông cụ nhắm mắt, tưởng giây phút về chầu tổ tiên đã tới. Nhưng khi mở mắt, thấy khoảng cách lề có một bước chân, cụ vội nhảy đại lên. Giờ mới yên tâm thở được.

Ngồi xuống ghế, hít thở đã đời, cụ vẫn chưa hết cơn sợ hãi bàng hoàng. Cái xứ Mỹ này lạ đời, không giống ai. Xe ở đâu mà nhiều vô số, còn hơn cả châu chấu ở quê cụ mỗi lần có nạn mất mùa. Đường trong, đường ngoài, xa lộ, ôi thôi, cái giòng xe chạy miết không bao giờ có khoảng đứt đoạn. Khúc đường này, ngay trung tâm phố, mà kìa. Cụ ngó. Xe chạy loạn xạ. Mấy cậu thanh niên đi đâu mà như ăn cướp. Lạng qua, lách về, vèo một cái là mất biệt. Con gái lái xe cũng dễ sợ như đàn ông con trai. Chiếc xe hàng chở gì mà to kềnh, dài ngoằng, cụ vừa thấy cái đầu tóc vàng hoe. Mắt có quáng gà không? Con gái rành rành. Vậy mà xe vòng chữ U, nhanh như con rắn cong thân, bắn về phía trước. Hoa cả mắt. Hai tay ông cụ đang để trên đùi bật run lên.

Trên chiếc ghế đợi cụ ngồi một mình, bây giờ đã có thêm hai người. Một người đàn ông da đen và một phụ nữ Mễ. Người đàn bà tới trước, đặt mình cái bịch ngồi bên cạnh ông cụ. Đàn bà xứ này coi cũng kỳ. Cái vẻ e dè, kéo vạt áo hay váy trước khi ngồi xuống của phụ nữ Á Châu vẫn có cái vẻ dịu dàng, dễ thương mà vô cùng quyến rũ. Còn bà ta, con mụ này, chắc ăn uống cũng bạo lắm nên người tròn vo, như cái keo đựng mỡ. Không biết cả ngày làm việc, đụng độ những gì mà mặt mũi khó đăm đăm.

Người đàn ông da đen tới sau một lát, anh ta không ngồi mà đứng, tựa vào cái cột đèn mé hông ghế. Anh này coi bộ vui vẻ, thấy phụ nữ là cười chào liền. Người đàn bà Mễ chẳng hề có cái nhếch môi đáp lại, mà còn lầu bầu. Gặp đôi mắt ông cụ nhìn, hắn ta lại cười, chào nữa. Còn nhún vai, ra cái điều người đàn bà này đáng chê quá. Ông cụ gật đầu, đồng ý. Ông cụ nghĩ đáng ra mình phải chào thành tiếng, như nói đại: Hai. Nhưng rồi ông không mở miệng được. Sang Mỹ đã năm năm, mỗi lần ông cụ hay bà cụ mở miệng xài thử vài tiếng Mỹ học lóm được thì mấy thằng cháu nội sửa lưng liền: Ông (hay bà) nói sai rồi. Nhiều lúc ông bà cụ nghe con cháu nó sửa lưng, ngó nhau, tẽn tò lắm. Có lần ông cụ nói chuyện nước Mỹ với bà cụ: Chỉ có xứ Mỹ này mới dùng cái xe mút-sơ-lin được vì đường sá nó rộng mênh mông. Hai thằng cháu nội cười đến chảy

nước mắt. Thằng con trai chen vô:

"Ba không biết thì đừng có nói tiếng Mỹ, Khổ quá, xe Lin-mu-din chớ không phải mút-sơ-lin. Tệ nhất là lúc nhà có khách, ba đừng xổ tiếng Mỹ có được không?"

Hai ông bà già tủi thân và buồn dễ sợ luôn. Nếu còn ở Việt Nam, con của cụ có dám mở miệng với cụ vậy không? Tội nghiệp ngày bà cụ còn sống, vẫn canh chừng, nhắc nhở ông:

"Thôi ông ơi. Mình đã bỏ quê cha đất tổ mà đi. Mình mất cái gốc rồi. Ông đừng bực mình tụi nó làm chi, cứ như câm như điếc là xong. Nhà bà cụ Lài kìa, đánh thằng cháu có cái tát, nó biết quay số điện thoại gọi cảnh sát, ông cụ vô tù, thấy chưa? Nhịn đi ông."

Con giun xéo lắm cũng quằn. Tức quá cũng có lúc phải chửi cha thằng con lên. Thì thằng cha phải chửi cha thằng con chớ ai vô đó nữa. Thằng con thấy cha mình bị lôi ra chửi, cũng đau:

"Ba chửi vậy mà nghe được. Không thấy kỳ cục gì hết sao? Buồn cười. Ba nghĩ coi, lúc ba má còn ở Việt Nam, con cũng có thư về nói rõ đời sống bên này. Không phải ra đầu đường đút cái thẻ vô rồi tiền nó chạy ra cho mình tiêu như mấy thằng lưu manh về Việt Nam nói dóc để lừa gạt đâu. Đi cày còn hơn trâu nữa. Ba má cũng nghĩ cho chúng con, cả vợ cả chồng đi làm từ sáng sớm tới tối mịt. Ngày nghỉ cũng ráng đưa ba má đi chùa. Thế thôi, còn chúng con có chút nghỉ ngơi nào không? Đời sống ở đây nó sòng phẳng tàn nhẫn. Một tháng tụi con không đủ đóng tiền nhà là nhà băng nó lấy nhà ngay. Ba má hiểu cho tụi con thì mới sống được."

Còn nói gì nữa. Đêm, hai bộ xương già ôm nhau khóc. Bà cụ: "Biết vậy ở Việt Nam cho xong." Xong đâu được với ba thằng Cộng sản, nhà cửa ruộng vườn của nhà nước lâu rồi. Trẻ còn sức lao động, làm trí mạng không đủ ăn, huống chi già. Con cái nó gửi thùng quà về, cũng đau lòng lắm. Có chút hơi hám quà Mỹ là anh em, mẹ con, thân quyến cũng lừa đảo, trở thành kẻ thù của nhau. Thì Cộng sản nó muốn cả nước như vậy, cứ để ý dòm ngó nhau, để nó tiện bề cai trị, dễ bề vơ vét. Dễ ẹc.

Tiếng thở dài trong đêm khuya của ông từ hồi đó như còn kéo dài tới bây giờ. Hồi nãy, khi ngồi bên mộ bà cụ, thắp nhang, ông có lâm râm khấn và nói chuyện với bà: "Bà đi trước mà sướng, bà có biết không? Còn tui, mới thiệt là côi cút, trơ trọi." Ông nhìn thấy ở dãy mộ bên cạnh, một người đàn ông Mỹ đặt một bó hoa lên một mộ bia. Ông cũng mủi lòng lắm. Nhiều lần, đã tính dừng chân lại ở ngoài ngã tư, có một thanh niên Mễ đứng bán hoa, muốn mua. Chỉ có ý định, rồi thôi. Hoa hòe là lối tình tự thời còn trẻ trung. Ở đây, bà đã khô héo mà chết, bỏ ông đơn độc ở xứ lạ quê người. Tình già nó kỳ cục lắm. Ông đã không giận bà bỏ ông mà đi trước khỏe re thì thôi, còn đặt một bó hoa lên để cám ơn chắc?" Nghĩ vậy thôi, ông cụ cũng thấy lòng bần thần ân hận, còn một ẩn ức khác trong đời ông, ông dấu bà mãi.

"Bà cứ ngồi đại xuống đi. Còn phải chờ lâu. Bà ngó gì mà ngó hoài vậy?"

Tiếng Việt. Ông ngẩng lên nhìn. Đúng là hai bà cháu rồi. Thảo nào cô cháu phải nói tiếng Việt. Bọn con nít ở đây quên tiếng mẹ đẻ hết trơn. Vô một nhà toàn mũi tẹt da vàng, ăn cơm thì phải có rau muống mà con nít chỉ rặt nói bằng tiếng Mỹ, còn cha mẹ ông bà thì ngồi như phỗng đá. Ông cụ đang có cảm tình với đứa cháu nhỏ này đây. Bà cụ, người ở đâu mà trông phương phi quá. Người như thế này, lúc trẻ đẹp phải biết. Coi cái kiểu ké né ngồi xuống, tuy không có vạt áo dài để vén sang một bên, bà cụ vẫn còn giữ nết na thời con gái. Quần đen, áo tơ màu lam sáng, có thêu những cánh hoa nhỏ đồng màu, sang mà dản dị, bà cụ có một dáng dấp thanh nhã, dễ gây tình.

Chỗ bà cụ ngồi sát phía bên ngoài, một chỗ ngồi thì rộng mà hai chỗ thì chật cứng, nên cô cháu đứng. Bà cụ cũng cứ nhích tránh xa, sợ đụng chạm với người ngồi chung. Mỗi lần né xích, môi bà cụ mỉm cười như muốn lời xin lỗi. Ông cụ đoán chừng bà cụ này mới từ Việt Nam qua, thấy mắt nhìn, còn tò

mò, còn nhiều ngạc nhiên, làm gì không biết.

"Ở đây đi đường không như bên nhà nghe ngoại. Muốn qua đường phải chờ đèn xanh, đi đúng lằn vạch, mà phải đi thật mau. Đi qua đường ngoài lằn vạch là bị phạt, mà xe đụng chết còn phải bồi thường cho người đụng xe nữa đó ngoại."

"Xứ gì mà kỳ. Trên đường hoãn xe, để cho người ta đi băng qua. một chỗ qua đường muốn xuội chân rồi."

"Luật là luật. Xứ Mỹ đông như kiến, ai muốn làm gì thì làm là loạn. Với lại đi ra đường, ngoại đừng nhìn lung tung. Đi trong parking cũng cẩn thận, xe ra vô ào ào. Ở xứ Mỹ này, phải có bốn con mắt, hai con mắt nhìn không đủ gì hết."

"Ờ, thì cũng phải một thời gian ngoại mới quen. Ngoại có hai con mắt mà mắt già rồi cũng như đui, cháu."

Bà cụ nói chuyện ngộ quá. Không phải ông cụ vì có cảm tình mà nói đại đâu. Anh chàng Mỹ đen nghe không hiểu ất giáp gì hết trơn mà cũng ngó ngó hai bà cháu nói chuyện. Chỉ có người đàn bà Mễ là cứ nhìn mông lung ở đâu, trong mắt đầy vẻ nôn nóng. Đàn bà mà, họ có ưa nhau bao giờ đâu. Ông cụ nghĩ vậy.

"Con không có nhiều thì giờ đưa ngoại đi đây đó đâu. Con còn đi học, đi làm. Mai mốt ngoại phải tập đi xe bus, đi đâu ngoại phải đi một mình. Ngoại cũng phải biết sơ tiếng Mỹ mới đi ra đường một mình được."

"Học ba cái tiếng Mỹ, thôi con ơi, ngoại không còn chỗ nào để nhét vô nữa hết."

Ông cụ muốn bật cười. Ngộ thiệt là ngộ. Cái lối nói chuyện này sao đối với ông chẳng xa lạ gì hết. Ông đã có nghe. Trong đời, gặp gỡ, quen biết, giao thiệp, đàn bà cũng đếm số không hết, chắc chắn giọng nói này cũng đã có trong số. Người giống người cũng có. Giọng giống giọng cũng có. Vậy mà lạ chưa, ông cứ bị kéo về cái giọng, cái vẻ của bà cụ. Chờ một lúc cho bà cụ với đứa cháu gái hết chuyện nói, ông mới từ từ hỏi han:

"Chị ở Việt Nam mới qua phải không?"

"Dạ. Mới qua, bác."

"Ở bên, người ta qua cũng đông. Mà ở đây về bển cũng đông, phải không chị?"

"Dạ. Việt kiều người ta về đông lắm. Thôi mua nhà cửa, làm ăn hà rầm."

"Vậy sao chị không ở bển mà qua đây làm chi? Ở đây, chị biết rồi đó, tuổi già như mình nó buồn lắm."

"Dạ thì cũng biết vậy. Nhưng nhà tui có năm đứa con, đều ở nước ngoài hết. Hai đứa ở Mỹ, một đứa ở Úc, một Canada, còn thằng út thì được tàu Na Uy vớt, bác. Tui ở bển một mình cũng không được."

"À, ra vậy. Xin lỗi chị, ở bển, chị ở vùng nào?"

"Sài gòn, bác."

"Cũng xin lỗi nữa, trước quê chị ở đâu?"

"Đà Lạt. Bác. Nói là Đà Lạt, nhưng chỗ chính là Tùng Nghĩa. Ông bà già có trại rẫy ở đó."

Ông cụ hơi giật mình. Đà Lạt rồi Tùng Nghĩa. Cả hai nơi đều vừa nhắc nhở ông, và giòng máu gần khô đặc trong người ông vừa loãng ra, tỏa nhiệt. Còn bà cụ, như có người để khơi dậy thời trẻ trung, vui vẻ tiếp:

"Hồi đó tui lên Đà Lạt học. Được vài năm, có chuyện bỏ học về dưới ở. May chỉ hai ba tháng, dọn về Sài gòn, mua nhà cửa rồi ở luôn. Năm đứa con khai sanh ở Sài gòn hết, bác. Quên hỏi bác, ở bên nhà, bác người vùng nào?"

Ông cụ mắt còn sáng lắm mà bỗng hấp hem. Hai bàn tay giật giật. Bà cụ tươi cười hỏi tiếp:

"Bác cũng người Sài gòn?"

"Hồi trẻ tui cũng ở Đà Lạt. Tui là học trò trọ học. Sau đó đi tùm lum, bôn ba lắm, chị."

Bà cụ quay người lại nhìn ông cụ chăm chú:

"Hỏi không phải, hồi đó bác có học trọ ở căn biệt thự "Hoa Hồng" không?"

Không có con kiến nào cắn mà ông cụ cũng nhổm đít lên một chút. Khuôn mặt ông cụ gầy gò mà xanh quá, khó biết ông cụ có xúc động gì không. Bà cụ hỏi xong, nghiêm mặt chờ câu trả lời.

"À không. Nhưng tui biết khu nhà trọ đó. Tui cũng thường tới lui chơi với bạn hữu. Chị cũng trọ học ở đó à?"

Bà cụ chớp mắt, một thời xa xưa đã kéo màn mây vẩn đục.

"Tui trọ ở nhà bà con, nhưng tui biết ngôi biệt thự đó. Người ta đồn có ma."

"Cái gì. Ở đâu ma, ngoại?"

Đứa cháu gái nãy giờ ngóng xe bus tới, giật mình, hỏi. Mắt con bé tròn vo. Bà cụ cười.

"À, ngoại nói chuyện hồi trước, khi ngoại mới lớn. Xưa rồi."

Cô cháu gái nhím mày, tiếp tục nhìn ngóng phía đầu đường vẻ nôn nóng sốt ruột. Ông cụ ngồi im lặng một hồi lâu, ra điều suy nghĩ lung lắm, rồi quay sang bà cụ:

"Xin lỗi, hồi đó chị có biết một người tên là Nụ Hồng không?"

Bà cụ khi không nắm hai bàn tay lại, bà cụ ngó ông cụ, trong đôi mắt bà, dĩ vãng như vừa lóe sáng.

"Dạ xin lỗi, ông anh đây là... có phải...?"

Ông cụ lại bị kiến cắn, muốn nhẩy nhổm:

"Dạ chị có tưởng nhầm tui với ai không? Bị hồi đó nội cái tên Nụ Hồng cũng đủ các cậu hâm mộ rồi, không có thi hoa hậu mà mọi người đều ngấm ngầm bầu người đẹp là hoa khôi... đó chị."

Bà cụ cúi mặt:

"Dạ, nhưng tiếc không phải là tui. Tui là bạn chơi rất thân của Nụ Hồng. Bây giờ còn chắc cũng đầu bạc răng long hết rồi anh ạ."

"Vâng, thời gian mà chị. Xin lỗi ông anh có sang Huê Kỳ không?"

"Dạ không. Tui còn một mình." Bà cụ cười, hơi nghiêm mặt.

Chiếc xe buýt đồ sộ dừng lại. Đứa cháu gái kéo tay bà cụ dẫn lên, người đàn bà Mễ tranh bước trước. Người đàn ông da đen lễ phép nhường bà cụ. Ông cụ lên xe sau cùng. Trên xe họ ngồi cách nhau một ghế. Phía sau, ông cụ nhìn tới, thấy nguyên cái đầu tóc trắng như cước của bà cụ. Ông cụ lắc đầu, nuốt nước bọt. Không thể lầm được đâu. "Em à, cái nụ cười của em, trăm năm sau có gặp, anh vẫn nhận ra." Tệ quá, mình đã có lỗi với bà ấy, suốt trong cuộc sống chồng vợ êm ấm, nhiều lúc mình đã lẫn lộn nụ cười của vợ là của Nụ Hồng.

Xin lỗi. Bàn tay ông vẫn đặt trên đầu gối, bỗng lại rung lên. Chiếc xe buýt đang chạy băng băng. Trời chiều muộn vì nắng còn ngập ngừng chưa muốn tắt. Trong đôi mắt đục, lờ đờ, bỗng xa xôi đầy hình bóng của kỷ niệm.

...

Mưa xối xả. Nước từ trời dội xuống, chia thành hai nhánh, chảy siết như hai giòng suối nhỏ ở hai lề đường. Chiều mùa đông ở Đà Lạt, thường bị mưa và bóng tối nuốt rất sớm. Những tàng thông xanh đang thu thành những chùm bóng bí mật, dọa dẫm. Đường phố như không còn ai, chỉ có hai người. Họ đang đi lên con dốc dẫn tới biệt thự Hoa Hồng. Cả hai cùng mặc áo mưa màu sậm nên càng lẩn trong bóng chiều xẫm màu.

"Hai chân em như đang ngâm trong nước đá. Nó sắp tê cóng hết rồi, anh. Thích quá."

Họ là một cặp trai gái. Người con trai cao hơn cô gái nhiều. Họ đi sát vào nhau. Cô gái trông càng thấp hơn vì đi phía bên trong, quần xắn cao, chân đi guốc gỗ, đang lội trong giòng nước chảy ngược xuống dốc.

"Em đừng nghịch nước nữa. Thấy không, bắn ướt hết anh rồi."

"Không sao. Ướt mát."

"Thôi mà, bé. Anh đang rét run lên đây."

"Bộ anh lạnh lắm hả? Tội anh quá. Anh đi sát vào em đi. Ấm. Ấm chưa."

"Ái chà. Em lừa anh. Ác."

Cô gái cười dòn tan. Tiếng nước bắn tóe lẹt xẹt. Chiều trốn vội vàng không báo

trước. Cả hai chìm mất trong bóng tối.

"Anh. Em không thấy đường đi. Tối thui à."

"Đi bằng mắt của anh. Níu tay anh, đừng sợ."

"Mưa hoài. Chắc mưa suốt đêm quá."

"Anh mong vậy. Mưa suốt đêm."

Hai người đi lên gần hết con dốc. Họ dừng lại trước một khối đen khổng lồ. Nhìn kỹ lắm, mới thấy có vài đốm lửa lung linh, tòa biệt thự và cây cối nổi lờ nhờ. Họ đứng sát vào nhau. Cơn mưa vẫn ào ạt, dữ dội.

"Em vào với anh nhé? Vào một chút, anh pha cà phê."

"Muộn quá. Em sợ..."

"Mưa mà. Em về nhà trọ trễ đâu có sao. Nói trú mưa."

"Chỉ uống một ly cà phê thôi nghe."

"Không đủ thì giờ để anh hong suối tóc cho em. Tóc em ướt hết nè."

Người thanh niên đẩy chiếc cổng gỗ. Một tiếng kêu khô khốc, chìm lỉm mất trong tiếng rào rạt của mưa. Cô gái rùng mình, đeo cứng chàng trai. Con đường đá, trơn trượt, họ dìu nhau thận trọng từng bước một. Chưa có một cơn mưa nào dữ dội, cộc cằn mà dễ thương như cơn mưa đêm nay. Ngọn đèn nhỏ trên bàn học tỏa chiếu ánh sáng vàng đục, không đủ soi hết căn phòng trọ. Họ có hai ly cà phê nóng và họ ngồi ngó nhau... Lâu lắm, người thanh niên mới kéo được cô gái vào vòng tay ôm của mình. Lúc cả hai ngồi trên chiếc giường nhỏ, cô gái khóc.

...

Cô gái vùng vằng ném nụ hồng lên mặt cỏ xanh, ngồi trên phiến đá và quay lưng lại. Cô khóc. Họ giận nhau đã một tuần lễ và mới gặp lại nhau buổi chiều hôm nay. Chàng đã làm lành bằng cách mua một nụ hồng đem lại cho nàng. Nhưng nàng vẫn không nguôi. Hoa hoét gì nữa. Lòng dạ nàng đang mê man đây. Cái đêm mưa gió quỷ quái hơn tháng trước đã để lại một hậu quả không lường tính được. Khi nghe người yêu báo tin, chàng đã như bị sét đánh, ngất ngư.

"Phải làm sao bấy giờ, anh?"

Chàng cà lăm luôn:

"Anh... anh... anh..."

"Anh không biết tính sao phải không?"

Nàng cắn môi muốn bật máu, cố nén tiếng nấc.

"Được, em thu xếp lấy."

Mấy lần gặp gỡ, khóc lóc, gây gổ, dỗ dành. Lần này này, coi bộ đến hồi quyết liệt.

"Em hãy cho anh thời gian để tính. Gia đình anh ở xa, khi nghe tin chắc khó chấp nhận."

"Mình bỏ thành phố này trốn đi..."

"Em biết anh không có tiền. Mỗi tháng gia đình gửi tiền ăn, học vừa đủ. Làm thế nào mình nuôi nhau?"

"Em đi làm. Người ta sống được mình sống được. Anh biết đó, gia đình em đã nhận lời xin cưới của đằng trai, mà xin cưới gấp vì anh ấy phải đổi về Sài gòn. Anh cứ lần lữa hoài. Em biết, anh chỉ lợi dụng... "

Cô gái chà hai chiếc dép xuống cỏ. Con suối lượn lờ chảy trước mặt cô an lành. Nước trong đến có thể soi mặt được, còn lung linh hai khuôn mặt chập chờn bên nhau những lần hò hẹn trước.

"Em hiểu cho anh. Để anh viết thư về xin nhà..."

"Nhà anh? Thôi khỏi đi. Anh biết chắc không được mà còn xin?"

"Má anh rất khó..."

"Má. Má. Anh lớn rồi, sao chuyện gì cũng má, má... Anh im đi. Biết vậy sao còn..."

Cô gái nức lên, đưa tay ôm lấy mặt. Gió vùng lên cùng cơn giận của cô, đẩy một quả thông rơi tõm xuống giòng suối. Nước nhăn mặt bất bình. Chàng thanh niên ngẩng mặt nhìn bầu trời đang muốn mưa. Mưa nữa! Đứng như trời trồng. Đứng như cây cối. Hồi lâu, cô gái đã dịu cơn khóc. Cô rút chiếc khăn tay nhỏ xíu trong chiếc ví da, lau nước mắt. Mắt cô đỏ hoe, đã hiện ra nhiều tia gân máu đỏ li ti của nhiều đêm thao thức. Cô đứng lên, từ tốn đến trước mặt chàng thanh niên, thở ra một hơi dài cho vơi bớt khí uất trong người, nói:

"Thôi, để em tự giải quyết. Anh không xứng đáng để em oán trách. Ba má ở Tùng Nghĩa mới lên hôm qua. Em tính hôm nay hẹn anh để anh gặp ba má em. Bây giờ

không cần nữa. Bây giờ thì em biết, em hiểu rồi. Anh chỉ là một thằng hèn. Anh hèn lắm. Anh biết không?"

"Em. Anh rất yêu em... Anh có thể vì em mà..."

"Hừ, anh còn tính nói hưu nói vượn gì thế? Thôi, anh để tôi tự thu xếp lấy đời tôi..."

Cô gái lại nức lên. Hai tay lùa vào bấu mớ tóc. Bầu trời cau mặt sa sầm xuống. Vài giọt mưa bắt đầu rơi. Chàng thanh niên khổ não nhìn người yêu. Mặt nàng ướt đẫm lệ. Anh đưa tay lên, không biết để làm gì, lại buông thõng xuống. Anh đã câm. Bầu trời biến đổi đột ngột, quần quại tiếng ì ầm của cơn giông. Lòng cô gái cũng giông bão. Cô nghiến răng, quắc mắt. Định nhảy tới cắn xé kẻ phụ tình chăng? Không, chỉ tội nụ hoa hồng, bị gót dép củq cô chà nát bét. Nụ hồng, như tên cô, như cô, cùng tan nát. Mưa bắt đầu nặng hột. Chàng trai nhìn khuôn mặt người yêu. Anh đau đớn kêu: "Nụ Hồng". Nước mưa muốn xóa những giọt lệ không ngừng trên mặt cô, sủng ướt cả quần áo. Chàng thanh niên nhào lại, muốn ôm, muốn hôn, muôn gật đầu liều lĩnh cùng sống chết. Nhưng cô gái đã xoay người, bỏ chạy và biến mất trong cơn mưa ào ào, hung dữ. Chàng thanh niên đuổi theo. Trong mưa, tiếng gọi "Nụ Hồng. Nụ Hồng" không ngớt. Tiếng gọi càng lúc càng nghẹn ngào, vô vọng, chìm lỉm.

"Tha thứ cho anh, Nụ Hồng. Thằng hèn hạ. Khốn nạn, ma cô, ma cạnh. Khốn nạn. Tha thứ cho anh!"

Chàng thanh niên quỳ trên cỏ ướt. Chàng khóc. Nước mắt cùng nước mưa, bất tận.

...

Một buổi tối khác, trong khu vườn đầy đặc cây cối, bên ngoài cánh cửa sổ đóng kín, chàng thanh niên nép mình trong bóng tối, nghe tiếng người yêu la khóc. Mỗi lần tiếng roi quất vụt rít lên, chàng thanh niên lại đưa tay lên miệng cắn chặt.

"Con gái mất nết. Đánh chết mày cũng chưa hết tội. Đồ ngựa vía. Voi dầy. Mày có nghe lời không?"

"Đau quá má ơi. Con lạy má. Con nghe rồi. Xin má đừng bắt con làm điều đó. Con sẽ không sống nổi đâu... Má nói gì con cũng nghe, bảo lấy ai con cũng lấy, nhưng đừng... con sợ lắm má ơi."

"Biết sợ? Thôi đi cô. Cô bôi cứt lên mặt mẹ cha rồi còn gì nữa. Được. Ngày mai về dưới, làm đám cưới liền, không học hành gì nữa. Trời ơi, sao mày quá quắt, sao mày... Mày chết đi. Chết đi..."

"Ôi, đau quá má ơi. Con biết rồi. Má nói gì con cũng nghe. Đám cưới. Dạ. Ôi, đau. Dạ, con bằng lòng."

Giọng cô gái yếu dần như sắp tắt hơi:

"Má bảo gì cũng được, con chỉ xin đừng bắt con làm điều đó. Má giết con cũng được, con đáng tội chết má ơi..."

"Được, muốn chết thì cho chết. Lì lợm. Này lì. Lì..."

Hôm sau, chàng trai ra bến xe đợi. Thấy nàng lên xe đò cùng cha mẹ. Nàng có trông thấy mình không? Chắc có. Chàng trai ra bờ suối, nơi nàng đã dí nát nụ hồng. Không còn dấu vết gì, cơn mưa hung dữ ngày nọ đã xóa hết dấu vết. Giòng suối lạnh lùng như không còn biết chàng ta là ai. Chàng ngồi trên phiến đá cho tới lúc đêm xuống.

Hai tháng, sau ngày cưới, vì phải lên Đà Lạt, thu dọn đồ đạc để theo chồng đi xa, họ có gặp nhau. Cả hai đều xơ xác, nàng mới xẩy thai, còn chàng, đêm không ngủ, ngày biếng ăn, hốc hác, tiều tụy. Người thanh niên nhanh nhẹn, đầy sức sống, mới đây, tâm tính đã thay đổi hẳn. Thâm trầm, cay chua. Họ nhìn nhau nhiều hơn là nói. Lúc chia tay, chàng hỏi nàng:

"Em còn oán anh không?"

Nàng lắc đầu. Nụ cười buồn:

"Bây giờ thì em đã bình tĩnh lại rồi, nhất là khi em mất đứa nhỏ, em cảm thấy không còn mất mát nào lớn hơn, không có chuyện nào làm em khổ hơn được nữa."

"Anh mong em hạnh phúc. Quên anh đi."

Nàng gật đầu. Vẫn nụ cười buồn. Chàng nói thêm:

"Em à... Nụ cười của em, trăm năm sau có gặp lại, anh vẫn nhận ra."

Nàng lại gật đầu. Vẫn bộ dạng quay đầu để hất mái tóc đẹp bớt lòa xòa xuống trán.

Họ phải chia tay nhau vì chẳng có lời gì để nói thêm. Chàng lầm lũi bước trên đường một mình, có cảm tưởng như tất cả bước chân của chàng, của nàng, của kỷ niệm cùng thức dậy, đang nhịp bước theo.

Chàng trai hát nhỏ bài Chiều của Hồ Dzếnh:

Trên đường về nhớ đầy
Chiều chậm đưa chân ngày
Tiếng buồn vươn trong
mây...

Mây Đà Lạt mùa đông thường thấp, nên vướng chung nỗi buồn với người. Vườn hồng nhà ai xơ xác, tiêu điều qua trận mưa gió đêm qua. Không còn một nụ hồng nào nữa.

...

Chuyện xưa, hồi tưởng, nhanh như cái chớp mà người xưa tóc bạc trắng vẫn còn giữ nguyên được nụ cười. Ông cụ nao lòng quá. Bà ấy đâu còn nhận ra mình là ai? Lời thốt năm xưa, dù trăm năm sau, gặp lại ông vẫn nhận ra nụ cười của bà. Bà ấy làm sao biết được, bao năm rồi, những lần nhìn những nụ hồng, lòng ông vẫn bồi hồi nhớ. Những sinh nhật của con cháu, nến, những bó hồng thắm tươi, lúc nào cũng lẫn lộn một nụ hồng của riêng ông. Nụ hồng nhỏ bé, ngậm tăm, chỉ héo úa đi, không bao giờ nở.

Thay vì thở ra, ông cụ nuốt xuống. Ông cụ nhìn bàn tay nhăn nheo của mình rồi nhìn mái tóc bạc của cụ bà ngồi phía trước. Thời gian kinh khiếp làm sao. Mới ngày nào, tay này đây, vuốt ve mái tóc còn đen dày, xõa dài xuống lưng. Coi nào. Ông cụ lắc đầu. Tóc bà ấy chỉ còn lưa thưa, mà trên đỉnh đầu còn hói nữa. Chà, vẫn thói quen làm dáng ngày nào, còn cố kéo mớ tóc uốn loăn xoăn che khoảng da đầu muốn lộ thiên. Áo quần vẫn những màu sắc thanh nhã. So với các cụ bà khác, bà cụ Nụ Hồng của ông vẫn còn gọn thon, chưa có chỗ nào trên thân thể phì nhiêu một cách quá đáng.

Bà nhà mình khi về chiều không được như vậy đâu, cụ bà cứ nung núc thịt, nhất là khi sang đến Mỹ, bà cụ cứ tròn vo, ngắn dần đi. Chỉ tới lúc sắp bỏ ông mà đi, thì lại gầy chỉ còn da với xương. Lúc nãy cụ cũng ngắm rồi, người xưa, tuy già, cách đứng, dáng đi vẫn còn thong dong lắm.

"Đến trạm này, mình xuống, bà. Bà cố nhớ nghe bà, lần sau bà đi một mình..."

"Chẳng nhớ. Bà thấy đường nào, chỗ nào cũng giống y chang nhau. Đi một mình là lạc."

Ông cụ lại nuốt nữa. Tội không, khi trẻ lạc đường tình rồi, nay già, thêm cái khờ khạo lạc đường phố nữa. Chưa bao giờ ông thấy xe buýt chạy nhanh quá vậy. Vèo một cái, chiếc xe đã tấp vô lề đường. Khách quan vội vã xuống trạm. Khi ngang qua, bà cụ có nhìn, gật đầu chào. Ông cụ đã sửa soạn câu nói văn vẻ về một nụ cười, nhưng luýnh quýnh có mở miệng ra được đâu. Cho tới khi chỉ còn nhìn thấy cái lưng của bà cụ, ông mới thốt ra lời:

"Bà cụ ơi, một trăm năm sau..."

Ông cụ chỉ nói tới chừng đó lại tắc ngang họng. Cô cháu gái đi sau lưng bà cụ quay lại nhìn ông cụ, ngơ ngác. Bà ấy có nhìn lui không? Không, nhưng rõ ràng ông thấy bà đứng khựng lại, và cô cháu đẩy lưng bà, kêu:

"Đi xuống nhanh, bà ơi. Sao bà đứng giữa lối đi vậy?"

Trên xe buýt cũng có kiến chắc. Ông cụ nhỏm lên. Ông nhìn phía cửa sổ xuống đường, không thấy gì hết. Cho tới khi xe chạy ông cũng không nhìn thấy gì hai bên đường. Cái xứ gì kỳ cục, chiếc xe buýt làm vừa to vừa cao. Bực mình.

Một anh chàng da đen đã ngồi vào ghế bà cụ lúc nãy. Anh ta dúi mặt vào tờ báo đọc lấy đọc để.

Xe chạy qua mấy trạm nữa, ông cụ nhắm mắt, ngủ gà ngủ gật. Tuổi già nó tệ vậy, khi nào buồn là thấy ngay cơn buồn ngủ.

Nhã Ca

1. Hai lần cứu con

Võ Văn Tùng

Philadelphia... tháng 9, 1981

Bố thương yêu của con,

Bố ơi! Anh Thắng con đã chết rồi! Anh ấy đã bỏ con.

Cháu Hà còn nhỏ dại, mới ba tuổi đầu tội tình chi đã sớm mất cha...

Chồng con mới chết hôm qua. Xác anh ấy hiện còn nằm trong nhà quàn. Thảm khốc lắm Bố ơi. Con bối rối lắm. Con không biết phải làm gì bây giờ nên con lấy giấy ra viết thư cầu cứu Bố. Ước chi có Bố bên cạnh con lúc nầy thì an ủi cho con biết chừng nào.

Bố có qua đây với con được không? Chỉ có Bố bên cạnh con mới thấy bớt cô đơn sầu tủi, con mới sống được.

Mẹ con thì Bố quá biết, con nhà khuê các, tuổi không còn trẻ để lao động và chưa đủ già để được hưởng trợ cấp. Mới di tản qua xứ Mỹ nầy tai nghe còn rõ nhưng chẳng khác gì điếc vì tiếng người ta nói mình không hiểu. Mắt còn sáng nhưng chẳng khác gì mù, đọc Anh ngữ không ra thì làm sao Mẹ giúp con đây!

Bố hãy cứu con!

Bố ơi! Bố con mình chưa hề gặp nhau nhưng con nghĩ tình phụ tử chắc phải là thiêng liêng lắm. Mẹ kể cho con nghe rất nhiều về Bố. Không hiểu xa cách lâu ngày rồi Bố có còn thương Mẹ như xưa không?

Mẹ nói với con từ khi con mới lớn lên và bắt đầu hiểu biết là Bố đã biệt tích, có thể đã chết ở miền Bắc từ hồi 1954. Thế rồi Mẹ khóc. Nhiều khi Mẹ trách tại sao sau khi hiệp định Genève chia đôi đất nước được ký kết, Bố không kịp theo anh em binh sĩ chạy về Hải Phòng để cùng mẹ con di cư vào Nam như Bố đã hẹn. Lý do Bố bị kẹt lại ở miền Bắc vẫn là một thắc mắc, một oán hờn với Mẹ trong bao nhiêu năm qua... Con thường hay bênh Bố mặc dù con chưa bao giờ được gặp mặt Bố và chẳng biết sự thật đã xảy ra như thế nào. Bố đã bỏ con từ thuở con mới lên ba, Bố đã làm cho Mẹ lỡ thời thanh xuân. Bây giờ Bố hãy nghĩ lại mà qua đây để gia đình mình chung sống với nhau trong những ngày còn lại của đời Bố.

Đã hai mươi mấy năm chờ đợi... Nợ Bố phải trả vì Bố đã lấy Mẹ, Bố sinh ra con mà chưa lo cho vợ con chu toàn...

Con cô đơn lắm. Nhận được thư nầy Bố ráng thu xếp qua với con nghe. Con có đường giây lo cho Bố vượt biển và có đầy đủ giấy tờ bảo lãnh qua Mỹ, miễn sao Bố hứa với con là Bố chịu bỏ nước ra đi.

Chồng con chết không kịp nói với con một lời từ giã. Anh ấy là một người tốt, yêu vợ thương con vô cùng. Vậy mà giờ đây thân xác nằm lạnh giá, để lại vợ con côi cút. Tại sao trời lại để cho một người có lòng chết một cách oan uổng như vậy!

Bố ơi! Nước mắt con không làm sao cầm lại được. Trong đêm tối, một mình con, con

chỉ mong nương dựa vào Bố, người cha mà từ lâu con hằng khao khát được gặp.

Bố ơi, Bố ráng qua với con!

Thanh Liên.

Viết xong lá thư cho cha thì đêm đã khuya, Liên nằm xuống nghỉ. Chợp mắt được một hai tiếng đồng hồ trong lúc này cũng giúp cho đầu óc Liên quân bình trở lại nhưng Liên không tài nào ngủ được. Cuốn phim tai nạn cứ quay đi quay lại trong đầu. Chuyện xảy ra quá đột ngột.

Đêm càng về khuya, không gian yên tịnh một cách ghê rợn. Liên đang lúi húi bỏ lá thư vừa viết cho cha vào phong bì thì giật mình khi nghe tiếng Mẹ từ buồng bên vọng qua:

— Đến gần sáng bét mắt mà con không ngủ. Khổ quá, phải giữ gìn sức khỏe để mà lo công chuyện con ơi! Này, lát nữa phải xuống phố Tàu mua hương đèn để cúng, mua hai dung vải trắng để xé làm khăn tang. Tính sao cho đủ, không được mua thừa, người ta kiêng lắm. Nhớ mua một hộp trứng nữa.

Nghe mẹ dặn Liên buột miệng hỏi:

— Mua trứng làm gì hả mẹ?

— Thì để ngày mai khi tẩm liệm cho anh Thắng xong, mình phải đặt một bàn thờ nhỏ cúng cỏi đàng hoàng theo nghi lễ bên mình. Trước hòm con nhớ để một lư hương, một bát nước, một chén cơm và một quả trứng.

Liên lau nước mắt, rửa mặt thay quần áo đi ra đầu phố. Vết thương bên cạnh sườn còn đau nhức, làm dáng đi của Liên không được tự nhiên. Đi giữa đường, cố nén mà nước mắt vẫn cứ trào ra. Nàng tìm mua tất cả mọi thứ rồi về nhà chít khăn tang lên đầu mình và lên đầu con. Hà ngây thơ, thích thú vì được mang khăn mới.

Bà Long đã chuẩn bị đồ đạc xong, đợi Liên về là ra nhà quàn. Bà vẫn mang vòng số 8 chung quanh lưng và cổ vì khi tai nạn xảy ra bà bị gãy xương quai xanh.

Liên khóc ngất khi nhìn lại khuôn mặt thương yêu của chồng đang được đặt ngay ngắn trong chiếc quan tài đánh vec-ni màu gạch, nửa nắp hòm phía trái mở cao để thân nhân được thấy hình hài người chết lần cuối. Khuôn mặt máu me của Thắng đã được rửa sạch sẽ, da thịt khá hồng hào vì đã được nhà hòm tô son đánh phấn để mất vẻ tái nhợt của xác vô hồn. Liên không cảm thấy sợ hãi như nàng tưởng, trong lòng tràn ngập đau đớn và yêu thương. Nàng cúi xuống đưa tay nâng niu má chồng. Hơi ấm từ má từ môi chàng đâu rồi, chỉ thấy toát ra một làn hơi lạnh lẽo trên da thịt cứng ngắc. Mặc kệ, Liên vẫn đặt một nụ hôn trên vầng trán cao bất động. Nàng nghẹn ngào thủ thỉ bên tai chồng:

— Anh ơi, anh bỏ mẹ con em thật rồi sao! Em không tin... Thắng ơi!... Con mình còn nhỏ quá, em làm sao nuôi nấng, dạy dỗ nó nên người khi vắng bóng anh!

Nàng tưởng tượng đôi môi chàng đang mấp máy trả lời nàng, nhưng không, chàng đã thành tượng đá. Nàng lại âu yếm vuốt mặt chàng.

Bà Long kéo con dậy.

— Đừng khóc nữa. Con làm rớt nước mắt trên mặt anh con là không nên.

Liên đấm ngực kêu oan ức:

— Trời ơi! Sao lại thế nầy... Anh Thắng ơi! Anh đừng nằm vậy, anh trở dậy với vợ, với con đi! Anh nói đi anh. Em muốn nghe giọng nói tình tứ dễ thương của anh. Anh còn đây, anh chưa chết đâu anh. Trời ơi! Mới hôm qua còn cười cười, nói nói, còn hôn nhau mà giờ đây đành vĩnh biệt.

Tiếng khóc từ trong ruột gan tan nát, thoát ra khỏi cổ, thảm thiết như con vật bị chọc tiết sắp rẫy chết.

Bà Long thấy cảnh tượng quá thương tâm.

— Con à. Con phải bình tĩnh để lo cho chồng con. Con khóc rồi ai lo đây!

Nàng chế ngự được đôi chút vì than khóc khản cổ cũng vô ích, Thắng đã yên giấc ngàn thu rồi, chỉ còn là cái xác nằm đó cô quạnh.

Nghĩ đến thân phận mình Liên lại than thở:

— Tôi có tội tình gì mà phải nhận thảm cảnh nầy, ở xứ lạ quê người làm sao đây!

Bà Trinh khuyên mãi nàng mới bình tĩnh lại. Liên vâng lời mẹ.

— Con ra lạy anh con đi, lạy hai lạy thôi.

— Tại sao không lạy bốn lạy hở mẹ!

— Mẹ không biết, có thể vì xác chưa chôn nên xem như người còn sống.

Liên nhìn bàn thờ chồng đơn sơ quá liền hỏi mẹ:

— Sao cúng gì mà nghèo thế này, chỉ có một chén cơm và một quả trứng thôi. Chồng con thích ăn ngon. Để con về nhà xào thêm một đĩa thịt bò, kho một khúc cá, nấu một tô canh rau để cúng cho đủ 3 món như thường ngày mình ăn. Con muốn nấu thêm một tô bún bò nữa. Anh ấy thích ăn bún bò lắm.

Bà Long ôn tồn khuyên con:

— Không nghèo đâu con, mình cúng là cúng tượng trưng thôi chứ chồng con đã chết rồi còn ăn uống gì được nữa đâu.

— Thế thì tại sao lại phải cúng một quả trứng?

— Mẹ nghe nói theo tục lệ người mình, chén cơm là tượng trưng cho sự sống, còn quả trứng là tượng trưng cho luân hồi. Cúng như vậy để tin tưởng anh con một ngày kia sống lại và trở về!

— Thế hả mẹ, nhưng khi anh ấy về đâu còn thấy con nữa hoặc khi ấy chắc con già và xấu xí anh đâu có chịu.

Tuy trong lòng bối rối trăm bề, nhưng nghe mẹ nói sẽ gặp lại chồng, Liên tự an ủi phần nào. Trái tim Liên như một nửa lành lại, nàng nghiêng đầu cúi xuống thì thầm với chồng:

— Anh ơi, mình hẹn nhau kiếp sau nghe anh!

Liên cắn môi đến rớm máu suy nghĩ. Trong quan tài kia Thắng chỉ là cái xác, còn linh hồn chàng ở đâu. Có lẩn khuất quanh đây không, có nhìn thấy sự đau khổ của vợ không!

Càng nghĩ càng thương chồng. Tối hôm ấy Liên về nhà quyết định nấu một mâm cơm thật đầy đủ để sáng hôm sau cúng trước khi hạ huyệt.

"Lúc còn sống, anh thích gì, lúc chết em sẽ nấu nướng cúng anh. Một tô bún bò phải không! Em sẽ nấu thật cay, xé gan xé ruột. Anh nói anh ăn cay "đã lắm", anh người Huế mà... Ớt nào mà ớt chẳng cay, đáng lẽ em ghen anh mới phải, anh lại ghen em... khủng khiếp! Anh nói vậy sao nỡ bỏ em lại một mình..."

Liên nói như điên khùng. Mẹ Liên thấy vậy không nỡ ngăn cản con gái, lẩm bẩm nói một mình:

— Tội nghiệp thằng rể tôi nó hiền lắm. Nó người miền Trung thật thà, chất phác lại con nhà gia giáo, thương cha thương mẹ vô cùng. Hôm qua con rể tôi vừa nhận được lá thư gia đình gửi qua, nó nói với tôi:

"Mẹ ạ, Ba mạ con nhờ ơn trên vẫn mạnh giỏi, chỉ mạ con nhớ con là khóc hoài. Em con bị đi cải tạo mút mùa lệ thủy nên mạ con thương nó lắm, may nhờ có nhận đủ quà bên này gửi về để lo thăm nuôi nên cũng được an ủi phần nào. Còn bà con họ hàng ai cũng sống lây lất qua ngày, tương lai đen tối, tội lắm."

Bà nhớ rõ khi ấy mặt mày Thắng buồn hiu.

"Chuyện đâu hãy còn đó. Con ở xa, có muốn lo cũng không được. Con ráng học, một năm nữa ra trường, hành nghề trở lại là cuộc sống khá giả. Tình hình sẽ yên ổn, biết đâu con còn có cơ hội về lại thăm cha mẹ."

Bà nói thêm:

"Hay là con này, ngồi ở nhà buồn vô ích quá. Mình ra hồ chơi cho cái đầu nó dãn ra, cho bớt suy nghĩ đi con."

Nghe mẹ vợ nói có lý, Thắng liền gọi vợ con, tất cả 4 người lên xe đi ra hồ hóng mát. Ở Tiểu bang Pennsylvania, mùa đông lạnh lẽo khủng khiếp, gặp mùa hè là y như mọi người muốn ra giữa trời nằm phơi nắng chứ không chịu làm việc. Chung quanh vùng nầy có nhiều hồ nhỏ. Thắng giở bản đồ ra và chọn một chỗ tương đối gần nhà, chỉ cần lái xe độ 20 phút.

Vợ Thắng lấy khăn ra trải dưới bóng cây cổ thụ sát bờ hồ. Không khí trong lành thật dễ chịu. Gió hiu hiu thổi, đưa hơi nước rười rượi mát trên mặt mọi người. Vợ chồng con cái xuống hồ vọc nước. Hà quấn quýt bên cạnh cha, đòi cha bồng, hai chân đạp nước trắng xóa bay tung toé. Tiếng cười thích thú của bé Hà vang động một khoảng không gian

đang yên tĩnh. Mải vui quên cả trời đã chiều, mọi người vội vàng lên xe ra về.

Trời gần tối, đường nhỏ, xe cộ vắng tanh. Thắng cầm tay lái. Liên ngồi trên ghế bên cạnh chồng. Hai bà cháu ngồi phía sau. Xe bắt đầu leo lên một con dốc thoai thoải, tầm nhìn xa phía trước bị giới hạn. Vừa qua khỏi một đoạn đường ngắn có một bảng Stop, có thể trong đầu óc Thắng đang bận tâm về lá thư nhà nên lơ đãng, không để ý, xe cứ thế vượt qua. Không ai ngờ lúc đó, trên con đường dài vắng vẻ nằm ngang trước mặt, có một chiếc xe Van đang chạy vụt tới rất nhanh.

Người lái xe không kịp thắng, đâm sầm vào phía trái xe của Thắng, ngay chỗ chàng ngồi. Chiếc xe bị tông ngang lật quanh một vòng. Qua cơn hãi hùng, Liên là người tỉnh lại đầu tiên. Thật là phước đức, Liên bị văng ra ngoài nhưng chỉ bị xây xát nhẹ ở mặt, tay và hông bên trái. Vừa tỉnh hồn, nghe tiếng bé Hà khóc thét Liên nhào lại bế con lên, rờ khắp người. Bé Hà cũng chỉ bị xây xát nhẹ. Còn Bà Long mặt mày nhăn nhó kêu đau bên vai vừa gượng ngồi dậy, vừa la bải hải:

— Trời ơi! Thắng sao vậy con!

Liên thả con xuống, chạy lại bên xe. Thắng nằm bất động, tóc tai mặt mày đầy máu. Liên la hét, kêu cứu, cố mở cửa xe để đưa chồng ra, nhưng Thắng không còn cử động được, bất tỉnh và hôn mê từ đó. Mười lăm phút sau xe cứu thương mới đến...

Bà Long bị gãy xương quai xanh được băng bó rồi cho về nhà. Riêng Thắng bị chấn thương rất nặng ở não bộ và xuất huyết ngầm ở ngực và bụng. Mặc dù đã được giải phẫu và chạy chữa với tất cả mọi phương tiện của y khoa hiện đại, hai ngày sau Thắng từ giã cõi đời không một lời trăn trối.

2.

Gia đình Thắng gồm Thanh Liên vợ chàng, mẹ vợ là Bà Long nhũ danh là Trinh và Ngọc Hà đứa con gái cưng đầu lòng, bồng bế qua Mỹ từ năm 75.

Hồi còn ở Việt Nam Thắng từng là một dược sĩ mở một dược phòng khá đông khách ở Long Thọ. Liên phụ với chồng ngồi ghế thu ngân. Sang Mỹ, gia dình Thắng may mắn được một người sponsor cùng nghề bảo trợ về Philadelphia. Nhờ ông nầy quen biết lớn trong ngành Dược nên Thắng may mắn được nhận ngay vào trường Đại học Temple School of Pharmacy, chỉ cần học thêm hai năm để lấy lại bằng cấp dược sĩ Hoa Kỳ. Thật là trường hợp hiếm có lúc bấy giờ. Tương lai khá huy hoàng đã thấy ở cuối đường hầm, hai vợ chồng mừng lắm.

Thanh Liên là con gái cưng độc nhất của Bà Long, cha bị biệt tích từ năm 54.

Liên sống với mẹ, được mẹ cưng chiều, chung quanh có cậu và dì đùm bọc. Liên có một nét đẹp thùy mị, dịu dàng, mẹ nói "Liên có nhiều điểm giống cha lắm". Bản tính thích văn thơ và nhạc, nàng chọn ngành Văn khoa. Vừa đẹp vừa học giỏi, tính tình năng động Liên tham gia mọi sinh hoạt của trường. Hồi đó không có vụ sinh viên xuống đường biểu tình nào mà Liên không tham dự. Chính trong những lần tranh luận ở Tổng hội sinh viên, Liên và Thắng đã có dịp quen nhau và từ đó nẩy nở một mối tình tuyệt đẹp.

Người con trai đất Thần kinh bị tiếng sét ái tình làm choáng váng mặt mày.

Chàng yêu Liên, mê từ làn da, hơi thở, giọng nói, đến đôi mắt duyên dáng quyến rũ. Tình yêu chân thành của

chàng được người đẹp đáp lại.

Thắng quyết định viết thư về nhà xin phép lấy vợ. Tuy nhiên chàng hơi ngại trong lòng vì người yêu của mình không phải cùng xứ, sợ cha mẹ không bằng lòng.

— Mẹ em thì không sao, Liên nói, "Anh là người miền Trung mẹ em lại càng quý vì ông ngoại em gốc gác người miền ngoài... nớ."

Nàng kéo chữ "nớ" thật dài, thật dễ thương để trêu chàng.

Thắng là con trưởng trong gia đình. Cha mẹ Thắng chỉ muốn con học xong trở về Huế sinh sống làm ăn cho được gần gũi gia đình. Ông bà muốn chàng lấy một cô vợ Huế, con nhà khá giả, môn đăng hộ đối càng tốt. Bất thình lình ông bà Phán nhận được thư của Thắng báo tin cho biết đang yêu thương một cô gái Bắc. Ông Phán nhận được tin không tỏ ra vui lắm, còn bà Phán thì mặt mày tái xanh, gần xỉu. Ông vội khuyên:

— Thôi Mạ mi đừng có buồn nữa, chuyện mô còn có đó, để tui mua vé máy bay vô Saigon xem ra răng cái đã.

Bà đáp lại:

— Ba mi nói rứa chớ tui đoán thằng Thắng thương cô nớ rồi mới viết thư về báo tin cho mình. Tui chắc là chuyện đã rồi. Ba có muốn đi thì đi, hỏi con cho rõ thôi.

Thế là ông Phán ra đường Trần Hưng Đạo mua vé máy bay E Việt Nam vào Saigon.

Hai cha con gặp nhau vui mừng. Thắng kể cho cha nghe về người thiếu nữ trẻ đẹp, rất dễ thương, con nhà tử tế lại là con một, ở với mẹ, cha biệt tích từ 54, không biết còn sống hay đã chết. Thắng xin phép đem người yêu lại giới thiệu với cha. Ông bố chồng tương lai quan sát cô con dâu hơi kỹ, thấy người con gái mặt mày phúc hậu dễ thương, dáng dấp quý phái rất cân cặp với con mình thì mừng thầm trong bụng. Liên ăn nói lễ phép, đi đứng, cười chào khiêm tốn. Tiếng vâng, dạ dịu dàng của người con gái Bắc đã chiếm được cảm tình của ông.

Ông hỏi đùa:

— Bác hỏi cháu một chuyện cho vui. Nếu như sau nầy cháu lấy chồng, chồng cháu đi mô lập nghiệp cháu có đi theo không?

Liên nhanh nhẹn trả lời:

— Dạ thưa Bác, anh Thắng thường dạy con hò Huế như... ri nì:

Đi mô cho thiếp đi cùng,
Đói no thiếp chịu, lạnh lùng thiếp theo.

Ông già cười hả hả và gật đầu chịu ngay

— Giỏi, giỏi lắm.

Mặt Liên đỏ nhừ, còn Thắng lộ vẻ sung sướng ra mặt.

— Ba chịu không Ba?

— Mi thiệt hết nói. Ba chịu thua con rồi!

Trở về lại Huế, ông Phán kể chuyện với vợ rồi nói:

— Thôi rứa cũng tốt, miễn hai đứa hắn thương nhau là được. Ăn thua là phước đức nhà mình còn, không có răng mô. Chừ mình có ngăn cản cũng vô ích. Lỡ ra nó không chịu nghe lời mình, tụi nó vẫn lấy nhau. Về sau con dâu mình nó biết được chuyện ấy đâm ra thù hằn. Đã mất con dâu, biết đâu con trai mình nghe theo vợ nó, mình mất luôn cả đứa con trai nữa, có uổng không!

Hai vợ chồng bàn qua tính lại, ngấm ngầm ưng thuận.

Đầu hè 1972, Thắng tốt nghiệp Dược sĩ. Hai tháng sau ông bà Phán vui mừng chọn ngày lành tháng tốt vào Saigon cưới vợ cho con rồi rước dâu về Huế. Thắng và Liên từ đó sống một cuộc đời êm đềm hạnh phúc bên giòng Hương Giang thơ mộng.

3.

Cha của Liên tên Nguyễn Văn Long. Ông Long xuất thân nhà giáo, trước làm giáo sư trung học. Đến năm 1953 bị động viên đi học sĩ quan, ra trường cấp thiếu úy. Vì không có thần thế nên bị đổi ra Bắc, bổ sung vào một binh đoàn lưu động hỗn hợp Pháp Việt đóng ở miền rừng núi, gần nơi Trung úy Bernard con của Đại tướng De Lattre de Tassigni tử trận.

Ông Long đã lập gia đình. Xa vợ con, đồn trú tận nơi sơn lâm cùng cốc nên Long buồn

nản. Đồn Pháp đóng ở lưng chừng một ngọn núi đá vôi. Xa xa, dưới chân núi là những làng mạc hẻo lánh, dân cư thưa thớt. Đàn ông bị bắt đi kháng chiến chống Pháp từ lâu. Trẻ con vừa lớn lên đã bị lùa vào chiến khu. Dân làng còn lại toàn là người già, góa phụ, con gái và con nít. Thiếu úy Long và binh sĩ Việt ngoài việc canh gác, tuần tiểu xung quanh đồn chẳng có gì để giải trí. Thỉnh thoảng chàng đem quân "đóng chốt" gần các nhà dân. Những lúc ấy chàng cảm thấy vui trong lòng vì có dịp được tiếp xúc với đồng bào.

Dân chúng trong làng rất mến khách. Họ không tỏ vẻ thù hằn với "lính đánh thuê" như lời tuyên truyền của Cộng sản. Lính trong đồn, phần đông trong Nam ra, đều vui tính, bặt thiệp. Thông thường chỗ nào có quân đội đóng là nơi đó có trao đổi hàng hóa, có quán ăn rộn rịp. Vui nhất là đám con gái mới lớn lên, rất dễ kết thân. Binh sĩ dưới quyền chàng tha hồ tán tỉnh, bồ bịch lung tung. Những người đàn bà trung niên, chồng con họ đã ra đi biệt vô âm tín từ hơn chục năm nay, phải tự lo cày sâu cuốc bẫm để nuôi thân. Còn những người già cả thì cực khổ vô cùng.

Long lại được biết vì nạn trai thiếu gái thừa nên đàn bà ở đây rất thực tế. Chuyện chửa hoang không còn là chuyện vô luân, bị phỉ nhổ hoặc đem ra chế riễu như trước.

Thế mới biết giá trị đạo đức cũng thay đổi tùy theo hoàn cảnh của con người.

Sau nhiều chuyến công tác dân vận, tình cờ một hôm Long làm quen được với một cô giáo trong làng. Long vừa gặp đã có cảm tình ngay với người con gái có đôi mắt đen nhánh, đượm vẻ buồn buồn.

Ngày tháng trôi qua rất chậm làm cho tinh thần binh sĩ đóng quân nơi miền biên ải có lúc giao động.

Một hôm đi tuần tiểu Long tình cờ gặp lại cô giáo làng. Nàng cất tiếng trước:

— Lâu quá không gặp Thiếu úy, mời Thiếu úy vào nhà chơi.

Nói là nhà nhưng thật ra chỉ là một chòi tranh. Bàn ghế tuy nghèo nàn, chắp vá, nhưng sắp xếp tương đối ngăn nắp, sạch sẽ hơn những nhà bên cạnh.

Từ đó mỗi lần có dịp đi tuần tiểu Long đều ghé thăm cô giáo tại nhà hoặc tại trường làng. Mỗi khi gặp gỡ anh chàng thiếu úy còn trai trẻ, cô gái cảm thấy trong lòng rạo rực. Nét mừng không dấu được trên gương mặt hiền hòa, mộc mạc.

Một hôm Long chia lính đi công tác, chỉ còn một mình anh ngồi chơi sau nhà của cô giáo. Hai người có dịp chuyện trò khá lâu.

Mặt cô giáo đỏ bừng, hai mắt cúi xuống e lệ, nàng than thân trách phận:

— Thiếu úy thấy tụi em ở đây toàn là đàn bà. Đời sống quá cực khổ, khi đói khi no không làm sao vươn lên nổi. Trẻ thì vậy, khi về già còn khổ hơn nữa, không làm lụng gì được mà cũng không có con cháu để nhờ vả. Nhiều người phải đi ăn mày. Chết thì xác bó chiếu vùi lấp bên bụi bên bờ, không ai thừa tự.

Long ngồi nghe, lòng hơi xúc động, nhìn nàng với đôi mắt đầy cảm tình như khuyến khích nàng thổ lộ tiếp:

— Em cũng như bạn gái trong làng đều ao ước có được một mụn con để nuôi mình khi về già.

Thấy câu nói có vẻ sỗ sàng, cô giáo cúi xuống tỏ vẻ mắc cở, nói bâng quơ:

— Mười mấy năm như vậy rồi... Chiến tranh đã cướp hết đàn ông trong làng, lấy đâu mà sinh đẻ!

Nàng ngồi im lặng thở dài.

Người đối diện cảm thấy xót xa nhưng không có ý kiến, bỗng cô giáo nói tiếp:

— Em quen Thiếu úy mới đó đã được mấy tháng, nghe nói Thiếu úy sắp sửa được thuyên chuyển đi chỗ khác!

— Vâng, nhưng cũng còn lâu.

Nàng ngập ngừng:

Em... Em muốn Thiếu úy giúp em...

Dừng lại một chốc để thu hết can đảm, nàng lập lại:

— Ở đây ai cũng muốn có con mà làng thì hiếm có đàn ông...

Long nghe nói bán tin bán nghi.

— Cô giáo nói thật hay đùa?

— Em không dám đùa đâu.

Long vẫn chưa tìm được câu trả lời thì nàng tiếp:

— Em không muốn phá tan hạnh phúc gia đình của ai cả. Em hứa sẽ dấu kín và không gây phiền hà cho Thiếu úy sau này...

— Tôi ngại lắm và không muốn dây dưa tình cảm vì tôi đã có gia đình.

— Em biết. Em đã chọn vì em thấy... anh... là người đàng hoàng đứng đắn. Anh giúp em...

Long nghe người con gái đổi giọng thân mật, tâm sự một cách thực tế nhưng không thiếu chân thành, đâm ra thương hại.

Tuy nàng đã ưng thuận nhưng chuyện tình cảm không phải dễ, cần có thời gian.

Lửa gần rơm lâu ngày mới bùng cháy. Đêm hôm ấy trăng sáng lắm, người con gái nơi quê mùa hẻo lánh đã đem thân hiến cho Long mà không hề đòi hỏi một sự đền bù hay ràng buộc nào cả. Còn Long tuy là người đã từng trải nhưng trong giây phút này vẫn thấy hồi hộp. Với kinh nghiệm sẵn có cùng người vợ hiền trong đêm tân hôn, chàng không còn là một trai tân ngờ nghệch với những cử chỉ lụp chụp, vụng về hấp tấp mà thong thả chia thời gian thành nhiều giai đoạn để được tận hưởng trọn vẹn trinh tiết của người con gái trời dành cho. Cô giáo cũng nhờ vậy mà không bị sợ hãi hoặc đau đớn nhiều để mất bớt phần lạc thú.

Và người trinh nữ lần đầu tiên mới thấy đàn ông ngượng quá, che mặt lại, tim đập loạn nhịp, tai nóng bừng. Nàng sung sướng đón nhận những cảm giác đê mê, chới với từ bàn tay ấm áp và đôi môi nóng bỏng của Long như những giòng điện nửa tê dại, nửa êm ái chuyển vào cơ thể mình. Theo bản năng tự nhiên, nàng ôm siết lưng chàng...

Long khoan khoái cám ơn người con gái đã cho mình cái gì quý nhất của nàng.

Nhìn những vết đỏ còn đọng lại trên manh chiếu, nước mắt tự nhiên trào ra, nàng đã khóc và khóc thật sự không phải vì đau đớn mà vì nhớ tới công ơn cha mẹ sinh thành. "Nếu không có chiến tranh tàn bạo, ai lại cho không... như thế nầy."

Cô gái nói qua hơi thở đứt quãng:

— Bây giờ em đã thành người đàn bà rồi. Nếu thầy mẹ em còn sống mà biết chuyện nầy, ông bà sẽ đánh em đến chết.

Những ngày sau không thấy Long xuống chơi, cô giáo buồn, nhờ người nhắn nhe. Long lại cầm lòng không đậu, quên vợ quên con xuống núi băng đồng tìm người bạn gái như ngựa quen theo đường cũ...

— Có khi nào anh khinh bỉ vì em hiến thân cho anh không!

— Không, chắc chắn không, vì anh đã hiểu được hoàn cảnh và ý muốn của em.

— Cám ơn anh. Là người, chúng em cũng khao khát được làm mẹ như bất cứ ai trên trái đất nầy. Do đó chúng em rất thực tế, bất cần dư luận.

Nghe nàng tỉ tê, Long tự thấy mình bớt mặc cảm tội lỗi, ráng sức thỏa mãn người con gái nằm trong tay mình để giúp cho nàng có mụn con. Còn cô giáo làng, được ở bên cạnh một chàng đẹp trai trí thức, thân hình tráng kiện, cô nàng ngây ngất, đắm say trong tình chăn gối. Máu của Long đã tràn qua thân thể nàng. Nàng co người lại, cố giữ lấy không để rơi ra một hạt.

Hai tháng sau cô giáo thụ thai. Nàng sung sướng nói:

— Anh đừng lo cho em. Trời sinh trâu trời sinh cỏ. Mai mốt thuyên chuyển đi nơi khác, anh khỏi cần bận tâm đến mẹ con em nơi quê nghèo nầy.

Thời gian qua, chiến tranh bớt ác liệt vì hòa bình đã ló dạng. Hiệp định Genève sắp được ký kết. Gia đình binh sĩ đua nhau đi thăm chồng con để biết rõ tình hình. Long và các bạn được gặp lại vợ con mừng lắm.

Lúc bấy giờ là khoảng cuối năm 54. Binh sĩ trong đồn là đơn vị cuối cùng đang chuẩn bị lên đường về Hải Phòng để từ đó lên tàu vào Nam. Trung úy Phillip dặn dò quân sĩ đợi lệnh triệt thoái bất cứ lúc nào.

Tối hôm ấy một đám người cầm đèn tiến về phía đồn. Bị chặn lại, họ nhờ nhắn gấp với Thiếu úy Long, cô giáo đang đau bụng đẻ, bị băng huyết gần chết, muốn gặp ngay chàng. Nghe tin, Long bất chấp lịnh trên vội chạy xuống làng. Đến nơi thấy cô giáo mặt mày tái xanh, hơi thở chỉ còn thoi thóp, cái thai trong bụng không còn đập mạnh nữa. Máu phía dưới cứ tiếp tục tuôn ra không ngừng, có thể là triệu chứng của nhau bám quá thấp và bị lóc quá sớm. Long hốt hoảng kêu cứu nhưng chốn quê mùa làm gì có phương tiện cứu chữa.

Tội nghiệp, vài giờ sau hai mẹ con cùng chết oan ức. Long quá xúc động, đưa tay vuốt mắt cho người xấu số, hai hàng lệ rơi trên gò má.

Vì chút tình nghĩa Long không nỡ bỏ cái xác người mẹ mang thêm xác đứa con của mình. Chàng phải ráng ở lại, hối hả lo đi mua hòm và cùng dân làng làm ma chay. Quân đội trong đồn rút đi lúc nào chàng không hay, kịp đến khi Long trở lại thì thấy không còn bóng dáng ai nữa. Long bèn vừa đi vừa chạy, cố bắt kịp đoàn quân. Qua bao nhiêu gian truân chỉ còn cách Hải Phòng một đoạn đường ngắn, bỗng nhiên Long bị một toán dân quân tự vệ chận lại. Họ đưa chàng vào làng trong. Dân chúng tụ họp, nam phụ lão ấu kéo ra tuyên truyền.

— Giờ nầy hòa bình đã trở lại trên quê ta, đồng chí nên ở lại với nhân dân, chúng tôi sẽ ân cần tiếp đón và lo cho đồng chí đủ mọi thứ.

Thế là Long bị kẹt. Nghe hai chữ đồng chí Long sợ quá, biết gặp trở ngại rồi. Đến khi năn nỉ để được phép lên đường về Hải Phòng thì chẳng may thời hạn chót di cư vào Nam vừa chấm dứt. Long đành miễn cưỡng ở lại trên miền đất nước không phải do mình lựa chọn theo quy định của hiệp ước Genève.

Và từ ngày đó cho đến năm năm sau chàng phải ra sức lao động mới đủ nuôi thân, mong chờ ngày Hiệp thương được ấn định vào năm 1956 để đoàn tụ với gia đình nhưng đợi mãi.... Ngày ấy không bao giờ có! Thương nhớ vợ con kể sao cho xiết. Tâm sự gói kín trong lòng.

Qua năm 1961, một sắc lệnh do nhà cầm quyền miền Bắc ký đã đưa Thiếu úy Long và hàng ngàn cựu chiến binh, cựu nhân viên của chính phủ Bảo Đại cùng những phần tử bất mãn với chế độ vào các trại tập trung học tập cải tạo.

Mãi đến năm 1966 Long sống sót ra tù, bị đưa về an trí ở vùng rừng sâu nước độc Sơn La, Hòa Bình. Nhờ có hoa tay nên chàng sống tạm bằng nghề vẽ tranh trang trí

nhớ xuân quê mẹ

Lao xao chim én bay về,
Người ơi, ta nhớ Xuân quê não nùng.
Rã rời rồng phượng hoàng cung,
Điện đài rêu phủ, lạnh lùng khói hương.

Phú Xuân ơi, mấy thê lương,
Trơ vơ non Ngự, dòng Hương bẽ bàng.
Trường Tiền đứt đoạn, lìa tan,
Phu Văn Lâu hỡi, đò sang sóng nhòa.

Tìm đâu ngày cũ gấm hoa,
Xuân nào, một thuở, phôi pha mất rồi.
Tang thương tím thẫm ven trời,
Chừ đây, Xuân đến, quê ơi, hãi hùng!

Đàn xưa long phím, tơ chùng,
Hương xưa tan loãng, mông lung phương nào...
Xuân về, nhìn bóng mây cao,
Người ơi, thương nhớ, biết trao ai cùng!

Hồ Trọng Khôi
Paris, Xuân Bính Tí (1996)

bán cho dân quê người Mường dùng để thờ phụng.

Hy vọng trở về với vợ con ở miền Nam quá mong manh, lại phần tuổi già chồng chất không ai lo săn sóc cơm nước nên chàng đành lập gia đình với một người đàn bà cùng tuổi làm cán bộ nông thôn. Hai người ăn ở với nhau được một đứa con gái. Nhiều đêm ra đứng ngõ sau, nhìn về phương Nam, nhớ vợ thương con lòng quặn đau như cắt.

Tháng 4, 1975 miền Nam bị sụp đổ. Nương theo giòng người chiến thắng, Long lặn lội vào Saigon tìm vợ con ngày trước.

Nhìn lại thành phố thân yêu sau 20 năm xa cách, lòng chàng rộn lên bao nỗi hân hoan. Saigon mới chính là quê hương của mình, đúng vậy không nơi nào đẹp bằng quê hương. Chỉ vì một phút lỗi lầm, chàng đã đánh mất cuộc đời. Chỉ vì một chút tình người, chàng đã trả một giá quá đắt. Giờ đây lạc lõng trong lòng thủ đô sầm uất, chàng mới thấy thấm thía hậu quả của chuyện mình đã làm.

Việc đầu tiên của Long là đến cơ quan hỏi thăm về tin tức, vợ con, gia đình, bạn bè. Thật không ngờ, sau một thời gian ngắn Long đã được giúp đỡ tìm ra địa chỉ của hầu hết người thân. Chàng tìm đường về Gò Vấp gặp ông chú mới biết vợ con chàng đã may mắn được di tản kịp thời. Tuy buồn không được gặp lại người thương nhưng Long mừng cho vợ con đã thoát được cuộc đời tăm tối. Dưới mắt của bà con, Long là người cán bộ miền Bắc, họ mong được chàng che chở. Họ có ngờ đâu chàng chỉ là một người cựu tù cải tạo. Long cố dấu hết mọi tung tích của mình và khi mục đích tìm tin tức vợ con đã thành công, chàng ra ga xe lửa trở về lại Hà Nội buông theo định mệnh....

Long lại tiếp tục công việc hằng ngày của mình, đi dạy vẽ tại một trường trung học ở ngoại ô. Nhìn gia đình hiện tại sống nheo nhóc, Long thấy chán nản vô cùng. Bỗng chàng hình dung đến hình ảnh vợ đẹp con thơ năm xưa... Long đắn đo suy nghĩ và quyết định viết thư cho Trinh và Liên.

Thư của Long đã đến tay người con gái trong một ngày đầy tuyết bão ở Philadelphia. Nhìn bì thư từ Việt Nam, Liên hết sức ngạc nhiên. Khi đọc đi đọc lại tên người gửi nàng không tin, tưởng mình nằm mơ. Liên vừa chạy kiếm Mẹ vừa hét to:

— Có thư của Bố, thư Bố này, Bố còn sống...

Nghe tin như sét đánh, bà Trinh không kịp xỏ dép, chân không từ phòng trong chạy ra.

— Ủa.... Sao.... Trời ơi, bố con còn sống à!

Bà Trinh mừng quýnh cả người.

Hai mẹ con hấp tấp mở thư. Bà quên cặp kính lão trong phòng nên nôn náo bảo Liên đọc lớn:

Em và con thương yêu,

..... Anh đã suy nghĩ kỹ trước khi viết thư cho em. Tháng 8, 75 anh trở về Saigon tìm em và con thì anh được biết mẹ con đã bỏ nước ra đi tìm tự do.....

Từ dạo mình thương yêu nhau, rồi qua đến xứ lạ quê người, em vẫn một lòng chung thủy chờ đợi, anh càng thấy xấu hổ với em và con.

Bà Liên không cầm được lòng:

— Bố mày thiệt lẩm cẩm. Cái gì mà xấu hổ....

Trinh à. Ngày Nam Bắc chia cắt anh đã không về kịp Hải Phòng để đón em cùng con di cư vào Nam như chúng mình đã bàn định....

Trong những dòng kế tiếp Long kể rõ tất cả sự thật vì sao bị kẹt lại ở miền Bắc.

Bà Long mặt mày nhợt nhạt. Trái tim mới vừa hồng lên đang đập nhịp yêu thương thì bao nhiêu máu trong người đều tản ra hết. Những tình cảm sôi sục lúc đầu khi được tin chồng còn sống dần dần nguội lạnh.

— Mẹ biết mà.... cũng chỉ vì dan díu với mấy con đàn bà.

Liên liền bênh vực cha.

— Mẹ! Mẹ bình tĩnh để con đọc nốt cho mẹ nghe.

Lá thư dài lắm. Ông Long đã kể lể nỗi niềm của mình. Những ngày tháng bị khổ ải trong tù, những ngày bị đày lên rừng thiêng nước độc, đau yếu suýt bỏ mạng. Vì hoàn cảnh phải lấy vợ một lần nữa...

Bà Long không nén được tiếng thở dài, dường như không muốn nghe nữa.

— Mẹ à. Vì hoàn cảnh thôi mẹ. Bố viết tội lắm, mẹ nghe nầy:

Chỉ có một phút nông nổi, lỡ lầm mà gia đình ta phải ly tán trong bao năm nay. Em phải ở vậy nuôi con với bao cực khổ, hy sinh. Anh là kẻ đã phạm tội. Anh đã phá hoại đời em... Anh đã bị lương tâm dày vò, cắn rứt. Anh đã khóc không biết bao nhiêu đêm. Xin em và con hãy tha thứ cho anh....

Cuối thư ông nói không bao giờ quên mối tình đầu và ước mong được trở lại với vợ con cũ. Nghe đọc xong lá thư của chồng, mặt bà lạnh như tiền. Liên nghĩ là vì mẹ còn thương chồng nên còn hờn giận. Riêng phần Liên thấy cha đã ăn năn hối hận thì rộng lòng tha thứ ngay. Nàng hy vọng thời gian sẽ làm cho vết thương lòng của mẹ lành lặn lại.

Liên đợi Thắng đi học về đưa thư của cha cho chồng xem. Thắng mừng lắm, ngỏ lời chia vui với gia đình vợ. Bà Long gượng vui với con cái.

Liên liếng thoắng hỏi mẹ:

— Hồi trước chắc mẹ thương Bố lắm hả?

— Thương lắm chứ. Bố con cao to, đẹp trai, người hiền hậu.... Vậy mà, ai ngờ phản bội mẹ.

— Thế Mẹ có muốn Bố bỏ hết sang đây không?

— Hoàn cảnh bây giờ khác rồi, mỗi người một ngã, hơn nữa người ta có vợ mới rồi. Thôi ai ở đâu yên đó. Bố con theo Việt cộng để cho ông theo luôn. Mẹ con mình ôm nhau mà sống ở cái xứ tuyết lạnh nầy một thời gian nữa xem sao.

— Mẹ tha thứ cho Bố đi!

Bà Long im lặng trầm ngâm.

Liên lại tíu tít hỏi chuyện mẹ.

— Hồi đó Bố thương con lắm hả mẹ?

— Bố nâng niu con như nâng trứng, hứng như hứng hoa. Khi con còn nhỏ bé, thỉnh thoảng mẹ có bồng con ra tận đồn thăm Bố, lần cuối cùng sau khi Hiệp định Genève ký kết. Mẹ con mình được đại úy trưởng đồn đón tiếp nồng hậu, cho mình ở luôn trong đồn hai ba ngày với Bố vì sợ ra ở ngoài có thể bị bắt cóc làm con tin để giữ lính lại.

— Rồi sao Bố không cùng đi với Mẹ?

Thắng xen vào hỏi bà mẹ vợ.

— Lúc ấy binh sĩ trong đồn đang nhộn nhịp sửa soạn chờ lệnh di chuyển vào Nam. Mẹ có người bà con ở Hải Phòng nên ông đại úy đề nghị mẹ nên về đấy trước, ở tạm chờ Bố. Vài ngày nữa, chắc chắn đoàn quân của Bố đến Hải Phòng, Bố sẽ tìm mẹ rồi lên tàu di cư vào Nam một thể.....

Bà Long mất ăn mất ngủ mấy ngày vì lá thư. Vừa mừng nghe tin chồng còn sống, vừa hận vì biết đang lúc này ông đang sống với người đàn bà khác.

Bà nhớ lại khúc phim dĩ vãng, những ngày cuối ở Hải Phòng, hai mẹ con bà chờ đợi ông đến cả tháng trời chẳng thấy tăm hơi. Ngày hết hạn di cư bà bồng con lân la xuống bến tàu hỏi tin, ai ngờ được biết đơn vị của chồng đã lên tàu vào Nam đầy đủ, chỉ thiếu một mình ông. Thiếu úy Long được kể như mất tích. Bà hoảng hốt, vội ẵm con chen chúc lên chuyến tàu cuối như người mất hồn.

Về đến Saigon, một thân một mình bơ vơ, bà Long mang tên hồi con gái là Trinh, lo đi kiếm công ăn việc làm chứ không còn ngồi

chờ đồng lương của chồng như xưa.

Nhờ có mảnh bằng Tú Tài, Trinh xin được vào dạy học ở một trường xa xôi miệt Phú Lâm, an phận thủ thường, mong nuôi con qua ngày.

Mới hai mươi chín tuổi, gái một con trông mòn con mắt làm cho biết bao chàng trai yêu trộm nhớ thầm.

Ngày tháng trôi qua trong cô đơn buồn tẻ. Nhiều đêm Trinh đánh phấn thoa son, trang điểm cho mình rồi ngồi tự soi gương thấy mình vẫn còn thon đẹp, khêu gợi và hấp dẫn. Tuổi xuân phôi phôi bị lãng phí một cách oan uổng. Nàng uất ức, oán hận về sự mất tích một cách vô lý của người chồng để nàng phải chịu cảnh cô đơn lạnh lùng. Câu hỏi ấy lập đi lập lại trong trí nàng suốt 20 năm qua.

Tiếp đến biến cố tháng Tư đen 1975, Trinh theo gia đình của con rể di tản sang Hoa Kỳ. Được định cư nơi xứ văn minh tự do, Trinh cảm thấy thích thú, vui sống và yêu đời. Ở tuổi hồi xuân, nàng trở lại mơ mộng nhưng hết sức cố gắng kềm hãm tình dục trong một cuộc sống thiên về vật chất, đầy rẫy phim ảnh sách báo khiêu dâm.

4.

Thắng và Liên vừa dọn về Philadelphia chưa đầy một năm thì xảy ra tai nạn thương tâm. Đám tang của Thắng được cử hành đơn sơ nhưng rất cảm động. Chàng nằm yên nghỉ nơi mộ phần ven thành phố, để lại vợ dại con thơ. Hai mẹ con được cơ quan xã hội Philadelphia tìm đến giúp đỡ. Bạn bè và giáo sư người Mỹ trong lớp rất thương Thắng, đã quyên góp được một số tiền nhỏ giúp Liên. Thêm nữa, Liên cũng được hãng bảo hiểm trả một phần, tuy lỗi về phía người lái. Nhờ đó nàng có được một số vốn nhỏ. Bây giờ Thắng đã chết, vấn đề cư ngụ ở Philadelphia không còn cần thiết nữa. Hai mẹ con nghe theo bạn bè quyết định dọn về Cali sinh sống vì khí hậu dễ chịu và lại được gần đồng hương cho đời sống bớt cô quạnh.

Nhờ vốn liếng Anh văn giỏi và bằng cấp cũ Liên được nhận vào làm thông dịch viên cho tòa án. Bà Long đi làm assembler. Ba mẹ con bà cháu thuê một căn nhà ba phòng trong khu Villa Park trên đường Westminster, gần trường Bolsa Grande High School, nơi có hàng trăm gia đình Việt Nam mới qua trú ngụ.

Ngày đi làm, cuối tuần hai mẹ con thường dẫn bé Hà đi Chùa Việt Nam làm phật sự.

Liên còn trẻ đẹp lại có duyên nên bị nhiều kẻ nhòm ngó. Hồi mới qua Cali, đêm nào cũng có người điện thoại hỏi thăm. Nhiều người kêu nói chuyện bậy bạ, lắm lúc tống tiền tống tình nhưng Liên bình tĩnh trả lời phải trái, dần dà không còn ai quấy phá nữa.

Nàng vẫn thương chồng nên cố gắng giữ gìn. Mặc dù được nhiều người mến mộ tán tỉnh, Liên vẫn ngoảnh mặt làm lơ.

Thư của Liên viết cho cha, nhờ bà con ở Saigon chuyển ra, mấy tháng sau ông Long mới nhận được. Ông hết sức xúc động về hoàn cảnh đau khổ hiện tại của đứa con đầu lòng. Tiếng kêu cứu của con văng vẳng bên tai. Nhiều đêm nghĩ đến con, ông không ngủ được rồi ông chạnh lòng nghĩ đến người vợ cũ. Hai mẹ con có sự trùng hợp kỳ lạ, cùng một hoàn cảnh cô đơn trong cùng một lứa tuổi và cùng có một đứa con gái duy nhất. Ông quy lỗi tất cả về mình.

Nhìn người vợ sau, lấy nhau vì hoàn cảnh chứ không hề yêu thương, nay đã già nua yếu ốm, tới đứa con gái nói năng rặt giọng xã hội chủ nghĩa ông muốn chạy trốn... nhưng vì luân lý đạo đức mà đành phải suy nghĩ. Ông đọc đi đọc lại thư con nhiều lần, thấy chuyện ra đi như lời yêu cầu của con không phải dễ dàng. Dù sao ông vẫn đội lốt là người của miền Bắc Cộng sản, khó ai tin mình là cựu tù cải tạo. Qua Mỹ hay "quy mã", với một lý lịch mập mờ như vậy, dân di cư miền Nam sẽ đối xử với ông như thế nào. Lại còn chữ Anh không có, nghề nghiệp chuyên môn cũng không, tuổi trên sáu mươi, không còn làm ăn gì được, sang tới bên đó chỉ thêm một gánh nặng cho con mà thôi.

Tuy vậy, cuối cùng ông đã nhất quyết. Thư ông viết trả lời cho con không dám gởi từ Hà Nội mà phải chờ có người thân tín đi Saigon mới nhờ đem bỏ vào nhà bưu điện, Liên đọc thư của cha hết sức cảm động, còn bà Trinh thì tuy mừng vì chồng chịu qua Mỹ nhưng không mấy phấn khởi.

Liên vội nhờ bạn bè tìm được mối lái ở Santa Ana chuyên đưa người vượt biển. Nàng lo đóng trước tiền cọc và hứa sẽ đóng đủ số khi thân nhân đến đảo như lời cam kết.

Nửa năm sau ông Long khởi hành vượt biển từ Rạch Giá. Ngày tháng ông lên tàu Liên đều biết và hồi hộp trông chờ tin tức từng giây từng phút. Hai mẹ con thường rủ nhau lên chùa cầu nguyện. Một tháng sau Liên vui mừng nhận được tin ông Long đã đến đảo Galang. Cuộc hành trình hết sức vất vả và nguy hiểm. May mắn thay, trong số những người sống sót đến được đảo có ông.

Ngày ông Long đến phi trường Los Angeles cả nhà ra đón. Chồng vợ, cha con ôm lấy nhau, giọt lệ xa cách thương nhớ đầm đìa trên má. Trinh hồi hộp, rộn ràng nhìn mặt chồng cố tìm lấy những nét dễ yêu thời son trẻ. Long hôn nhẹ trên má vợ nay mái tóc đã điểm bạc, quanh mắt đã viền nét nhăn, rồi khẽ nói:

— Trinh! Anh bao giờ cũng thương em... Anh xin lỗi em. Em tha tội cho anh.

Chỉ một câu nói ngắn ngủi mà bao nhiêu oán hận trong lòng Trinh tiêu tan hết. Bà sung sướng nắm tay chồng nghẹn ngào nói:

— Thôi, bỏ hết chuyện cũ đi.

Gia đình ông Long được đoàn tụ. Bà Long làm tiệc mời bà con đến chia vui. Ông Long hăng say kể chuyện bên nhà, chuyện vượt biển suýt bỏ thây trên biển cả.

Liên thấy càng thương cha thêm, nàng bật khóc.

— Bố đã vì mẹ con mà suýt chết. Con xin cám ơn Bố. Con vui quá, bây giờ con cảm thấy bớt cô đơn rồi.

Ông Long âu yếm nhìn đứa con gái cách xa mấy chục năm, bây giờ mới rõ mặt. Tự nhiên ông thấy yêu thương vô bờ, ông xoa đầu con, ôm con vào lòng như không muốn rời. Liên cũng vậy âu yếm nhìn cha và nói:

— Bố đã cứu con.

Thật vậy, từ ngày gặp được người cha sau bao năm trời xa cách, Liên khuây khỏa nỗi đau mất chồng. Nàng dần dà lấy lại được nụ cười trên nét mặt trẻ trung.

Bà Long vui cái vui của chồng con, nhưng sau đó Liên thấy mẹ hơi buồn buồn, bèn hỏi nhỏ lý do và được mẹ trả lời:

— Bố nói bây giờ sức lực yếu kém vì lao tù cực khổ, lao động phí sức, bệnh tật nhiều lắm, cần phải kiêng cữ... và muốn tìm thầy thuốc chạy chữa. Bố con khổ tâm về chuyện nầy lắm...

Bà tủi thân thở dài:

— Lá rụng đã về cội nhưng lá đã tàn úa.

Liên ngậm ngùi cảm thương cho mẹ.

Những ngày đầu tiên ở Mỹ dem lại cho ông Long nhiều ngạc nhiên. Ông quan sát thấy trong nhà không thiếu một thứ gì. Thực phẩm tràn đầy. Ăn uống thì phí phạm. Điều ông tiếc nhất là các loại bao ny-lông và hộp giấy mới dùng xong lại vứt bỏ thùng rác, chả bù ở quê nhà một miếng giấy cũng không có, vệ sinh phải dùng bằng lá cây.

Hai mẹ con đi làm, cuối tuần nghỉ, thường chở ông đi đây đi đó cho biết nơi xứ lạ quê người. Ông thích nhất thăm khu phố Bolsa, vào các siêu thị của người Việt.

Thỉnh thoảng hai mẹ con còn đưa ông đi shopping tại South Coast Plaza, nơi nào ông cũng tấm tắc khen ngợi đời sống ở đây quá văn minh.

Ông quen dần nếp sống mới, không còn ngỡ ngàng, quê mùa như lúc đầu. Liên đem báo chữ Việt về cho ông đọc. Ông say mê theo dõi thời sự thế giới, tin tức Saigon, Hà Nội. Ông thở dài, chạnh lòng xót xa nghĩ đến quê hương.

Mặc dù khi ra đi ông nguyện dứt khoát chuyện cũ, bây giờ được quá sung sướng khiến ông nhớ đến đứa con riêng và thương hại người vợ sau già nua, ốm yếu. Một thời gian ăn không ngồi rồi, ông cảm thấy mình quá vô dụng.

Ông Long là người có học, thông minh cho nên bắt đầu hội nhập vào đời sống Hoa Kỳ rất nhanh. Ông liên lạc với bạn bè cũ khắp nơi. Họ bày vẽ cho ông nhiều chuyện rất hữu ích. Ông ghi tên học ở Golden West College về ngành hội họa ông rất thích mà trước đây không có hoàn cảnh để học hỏi. Ông vừa học lại vừa có tí tiền nhờ xin được Pell grant, làm work study. Ông còn biết cách vay thêm "loan" nữa. Nhờ đó tháng tháng ông có thêm lợi tức, không cần phải nhờ vả vợ con. Ông mới tìm cách âm thầm gửi tiền về cho con ở miền Bắc, giúp cho ông bớt mặc cảm tội lỗi đã bỏ rơi con riêng. Ông say mê vẽ tranh, tạc tượng được thầy khen, bạn mến. Ông hăng say làm việc quên ăn quên ngủ.

Một hôm ông ra chợ Phát Tài ở đầu đường mua bao thuốc lá, tình cờ gặp người thanh niên trông thấy quen quen.

Ông chưa nhớ ra tên tuổi thì chàng thanh niên đã vội chạy đến ôm vào cổ ông.

— Bác Long phải không?

— Cậu Thanh. Đúng cậu Thanh rồi.

Ông Long đã nhớ ra người quen cùng chuyến vượt biển.

— Bác còn nhớ ra cháu. Hay quá. Gặp lại bác cháu mừng lắm. Hồi đó không có bác thì cháu đã tiêu mất rồi.

Chàng thanh niên đang vui bỗng nghiêm mặt lại. Chiếc ghe vượt biển bị hải tặc cướp, vợ và con trai bị giết, Thanh bị đánh đập dã man rồi bị thả

trôi giữa biển. Ông Long cũng ôn lại dĩ vãng. Tàu cướp vừa quay mũi, ông thấy Thanh còn thoi thóp vội vàng nhảy xuống vớt lên nên Thanh mới sống sót. Sau đó ghe lại bị hư gần chìm, nước uống không có, thực phẩm đã cạn, tử thần đã ở kề bên, may mắn được tàu ngoại quốc kịp cứu. Thanh đã mấy lần muốn tự vẫn theo vợ con. Ông Long đã khuyên can và canh giữ Thanh cho tới ngày đến đảo.

— Hồi đó rồi sau cậu đi đâu?

— Khi bác đi Mỹ rồi, cháu được nhà thờ bảo lãnh về Texas. Cháu mới về đây được gần 5 tháng, đang theo học lớp luyện thi E.E tại thư viện trường Đại học UCI dành cho mấy người dược sĩ Việt Nam lấy lại bằng tương đương. Lớp học được tổ chức do một nhóm anh chị em đồng nghiệp đi trước giúp người tới sau. Lá lành đùm lá rách, họ tốt lắm bác ạ.

— Bây giờ cậu ở đâu để khi rảnh rỗi bác lại thăm.

— Hiện cháu đang ở trọ nhà người bạn gần đây, trong khu Villa Park.

— Thế là ở cùng khu với bác rồi, vui nhỉ.

Ông Long mừng quá, hai người cùng đi bộ về. Tiện đường ông Long mời Thanh ghé nhà chơi.

Vừa tới cửa, Thanh bắt gặp ngay Liên vừa đi làm về.

Ông Long chưa kịp giới thiệu con gái thì Thanh đã nhanh miệng hỏi:

— Ủa ai giống như Thanh Liên vậy hè! Tôi là Thanh đây.

Liên reo lên:

— Anh Thanh, chào anh, lâu ngày quá nhỉ.

— Chị nhớ tôi với Thắng là cặp bài trùng ở trường Dược không?

— Anh nhắc thì Liên nhớ ngay, hồi ấy chỗ nào có Thắng là có Thanh như hình với bóng.

Tôi còn biết hai ông cùng đi "cua" bồ chung nữa kìa. Gớm lắm!

Ông Long ngẩn ngơ, đứng nhìn hai người nói chuyện, thấy Thanh có quen biết với con gái mình nên mừng lắm. Ông cho rằng "quả đất thật tròn", vội kéo tay Thanh vào nhà.

Vừa ngồi xuống ghế Thanh nói liếng thoắng:

— Xin lỗi chị nhắc lại chuyện cũ cho vui, tôi nhớ hồi đó tôi dọa Thắng là mày không lấy Liên ngay là tau nhào vô liền. Thắng sợ tôi làm thiệt, vì Thắng dư biết tụi

tôi cùng một gout đàn bà, nên hắn quỳ gối xin cưới chị ngay năm đó phải không?

Liên cúi đầu e lệ. Thắng tiếp tục nói:

— A... mà quên hỏi, Thắng đâu rồi chị?

Liên không trả lời, lủi thủi bỏ đi vào buồng trong.

Thanh nhìn khắp phòng khách, bất chợt nhìn ảnh của Thắng lộng kiến nằm trên bàn thờ. Chàng khựng người lại thương cho bạn mình vắn số.

Biết mình lỡ lời, đợi mãi không thấy Liên trở ra, Thắng vội đứng dậy xin phép ông Long thắp nén hương cho bạn và hẹn khi khác sẽ qua thăm vì nhà gần.

Từ đó Thanh hay qua chơi nhà ông Long. Hai người nói chuyện rất tương đắc. Thanh thỉnh thoảng có dịp gặp Liên. Ban đầu Liên giữ vẻ xa cách, về sau vì hai người cùng một hoàn cảnh, kẻ góa chồng người vợ chết nên rất dễ kết thân. Ngoài những ngày tháng mặt gặp mặt, họ đã dùng điện thoại để trao đổi tâm tình. Thanh quên dần cảnh tượng hãi hùng cũ, nhìn Liên là người con gái hợp ý mà trong trí mình đã có lần manh nha ý đồ tranh dành với Thắng. Còn Liên dần dần tìm thấy hình ảnh đẹp của Thắng qua Thanh. Lúc trẻ nàng cũng có lần để ý đến Thanh, con người vui vẻ bặt thiệp.

Sống một thời gian, ông Long thấy con gái mình thông minh, nết na và hợp với ý mình nên sung sướng hãnh diện. Ông lại thấy Thanh và Liên có nhiều cảm tình với nhau, ông rất muốn vun xén tình yêu cho hai người.

Hai năm sau từ ngày gặp Thanh, ông Long thấy sức khỏe yếu hẳn, ông bắt đầu sụt cân, ho đêm khò khè, khó thở, ăn không còn ngon miệng. Bác sĩ đầu tiên định bệnh ông bị sưng phổi. Ông được nhập viện để thử nghiệm thêm và khám phá ra ung thư phổi. Tuy thế, vừa chữa bệnh ông vẫn cố đi học, mục đích có tiền gửi về cho đứa con gái. Trong lúc ông đau Liên thương cha lắm, ngày đêm lo cơm nước và mọi thứ ông muốn. Thanh túc trực bên cạnh, lo săn sóc thuốc men vì chàng đã là "lưỡng quốc dược sĩ." Thanh và Liên có dịp gặp nhau nhiều hơn, hai người tình trong như đã mặt ngoài còn e.

Đến lúc hết thuốc chữa, tóc tai rụng hết vì ảnh hưởng chemotherapy, đi đứng khó khăn, ông Long mới chịu nghỉ học, nằm nhà.

Những Đường Trăng...

Tặng Hồ Trọng Khôi và Diệu Khánh.

Ta thầm gọi Em, sông Hương ơi !
Lòng rạt rào, thương nhớ xa vời
Nhớ chén ly bôi buồn rưng rức
Hồn say, thu lạnh, gió mây trôi

Hà Liêm ơi, sông nước về đâu ?
Đã mấy mùa trăng thổn thức sầu
Chiều An Cựu, một trời quá khứ
Lau lách này bàng bạc thương đau

Ta say rồi... trần gian lịm mất...
Mây mù khơi, nước mắt vô thường
Chiều tha hương, sầu lên chất ngất
Đò chờ ai, buông mái vấn vương...

Ta mơ rồi... sương khói lâng lâng
Dấu chân trên cát xóa mờ dần
Lấp lánh đường trăng soi bóng liễu
Ai về bên ấy, dáng bâng khuâng...

Huế xa rồi... dang dở đường tơ
Nắng vỡ trên sông lạnh đôi bờ
Lạc nẻo quê hương sầu vạn kỷ
Hồn lơi cung bậc tháng năm mơ...

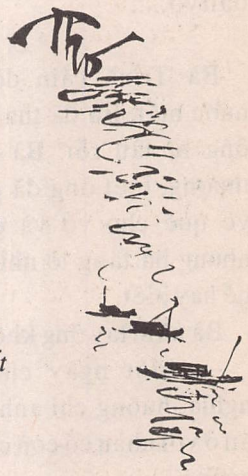

Hoàng Bích Đào - California mùa nhớ Huế 96

Những ngày cuối cuộc đời, ông vẫn còn minh mẫn. Biết mình sắp chết ông gọi Thanh và vợ con đến bên giường.

Ông cố gượng ngồi dậy, lấy hơi tàn nắm tay Liên đặt lên tay Thanh rồi giữ lại trong đôi bàn tay khẳng khiu của mình, thều thào nói:

— Bố vui mừng thấy Bố bỏ nước ra đi... không vô ích lắm. Bố đã cứu Thanh, và bây giờ muốn làm được điều Bố mong ước cho con... Liên. Bố muốn kết hợp hai con. Hai con hãy hứa với Bố đi.

Thanh và Liên cảm động không nói, lệ ràn rụa trên má, cùng gật đầu.

Ông xoay qua cầm tay bà Trinh:

— Em tha thứ cho anh môt lần nữa. Anh có nhiều lỗi lầm với em quá.... thêm chuyện dấu vợ.....

Bà Trinh cảm động, ứa nước mắt. Bà đã tha thứ cho ông từ lâu rồi. Bà rất cao thượng, biết ông đã gửi tiền về quê cho vợ và con sau nhưng bà tảng lờ như không hề hay biết.

Bà nắm tay ông khóc:

— Một ngày cũng tình nghĩa, huống chi anh với tôi ăn ở với nhau có con cái đàng hoàng.

Anh đã biết hối hận chuyện mình làm sai. Em tu rồi, không còn oán giận anh nữa. Anh hãy yên tâm, thanh thản ra đi, đừng bận tâm vợ con nữa. Hễ thấy nơi nào có ánh đạo vàng sáng nhất thì tìm tới. Anh nghe em, niệm Nam Mô đi.

Ánh mắt ông Long bỗng sáng rực lên một giây, đảo qua đảo lại tìm vợ con, nhìn chung quanh phòng lần cuối. Đôi mắt dại dần. Môi ông mấp máy mấy tiếng Nam Mô A Di Đà Phật rồi đi vào hôn mê và dần dần tắt thở. Trong khi đó bà Long bình tĩnh đọc kinh Tiếp dẫn đạo sư cầu nguyện....

Thanh nắm chặt tay Liên. Liên siết mạnh lại, gục đầu vào vai Thanh khóc vùi.

— Em có linh tính thế nào cũng có ngày Bố cứu em nữa... Bố đã cứu đời em....

Bốn mắt nhìn nhau trìu mến.

— Anh cũng vậy, Bố đã cứu anh một lần, bây giờ nếu không có Bố thì làm sao chúng mình có duyên gặp nhau.

Hai người quá thương ông Long, cùng khóc tiễn biệt người vừa nằm xuống bây giờ là vị cha chung.

Bà Long nhờ bạn đồng tu lên chùa báo tin cho Thầy biết và xin ngày giờ tốt để tẩm liệm. Trước ngày phát tang bà tự mình làm theo ý nguyện của chồng. Bà đi bộ băng qua đường Westminster, đến tiệm bánh Bảo Hiên Rồng Vàng lo đặt bánh và thuê khăn quả.

Liên thấy vậy lấy làm ngạc nhiên hỏi mẹ, Bà Long trả lời:

— Con biết làm gì không? Để ngày mai lo đám cưới chạy tang cho con.

Liên tròn xoe đôi mắt:

— Me, sao sớm vậy. Đâu có thể được, bố còn nằm đó...

— Mẹ biết, nhưng nếu không, theo tục lệ bên mình, con phải chờ đến hai năm nữa, mãn tang mới được lấy chồng.

Bà Long qua Mỹ mấy năm rồi mà vẫn giữ lễ nghĩa, phong tục nước nhà.

Thanh Liên cảm động thấy mẹ bao giờ cũng lo cho mình, ôm mẹ hôn cám ơn rồi xoay qua quàng vai Thanh. Hai người im lặng, tỏ vẻ vâng lời mẹ.

Mấy ngày sau, trong một nghĩa trang trên đường Bolsa, góc đường Beach, có một cặp vợ chồng mới cưới đi viếng mộ cha. Thanh đốt nhang và Liên đặt bó hoa hồng lên mộ.

Họ ngồi thật lâu cho tới lúc chiều tắt nắng mới về. Trước khi từ giã người con gái thầm nói với cha:

— Bố yên nghỉ nhé, Con thương Bố nhiều lắm. Con cám ơn Bố đã hai lần cứu con.

Liên và Thanh âu yếm nắm chặt tay nhau cho tới lúc lên xe mới chịu buông.

Võ Văn Tùng

Cali đầu tháng 10, 1996.

Lời tác giả: Đây là câu chuyện giả tưởng. Nếu có sự trùng hợp về tên tuổi, nơi chốn hay sự việc xin độc giả xem đó là một sự ngẫu nhiên, tác giả xin đa tạ.

■

Nước Loạn Canh Tàn Khóc Bể Dâu

Hương Giang Thái Văn Kiểm

Từ đầu năm 1988 tới đầu năm 1995, thấm thoát năm đã trôi qua và được đánh dấu bởi việc *Hội Văn Hóa Hải Ngoại* (Association Culturelle d'Outre Mer, ACOM), địa chỉ: 14 - 16 Avenue Pierre Vermeir, Antony 92.160 Antony, France, xuất bản bộ *Việt Sử Khảo Luận* do ông Hoàng Cơ Thụy biên soạn.

Bộ sử này gồm cả thảy 11 quyển bao trùm từ thời Thượng cổ tới thời kỳ hiện đại. Trong 8 năm qua, nhờ những cố gắng vượt bực của soạn giả, mà 11 quyển đã ra đời, như thế là trung bình cứ tám tháng thì biên soạn và ấn hành xong một quyển. Nay chỉ còn chờ một quyển 12 nữa nói về thời kỳ Độc Lập Quốc Gia sau Đệ nhị Thế chiến và những Biến Chuyển Chính Trị kế tiếp.

Theo tôi biết, cách thức làm việc biên sử của họ Hoàng là tra cứu rất nhiều sử sách và tài liệu, rồi phân tích những sử liệu ấy, sắp xếp và biên soạn, trình bày mỗi giai đoạn, mỗi sự việc quan trọng thành một tổng lãm (vue panoramique), gồm có nguyên nhân, diễn tiến, chung kết và hậu quả, kèm thêm hình ảnh và đồ bản, nhằm làm sáng tỏ vấn đề, khiến cho người đọc theo dõi sự việc như cùng "sống" với thời sự.

Đúng như đề danh của Bộ Sử, họ Hoàng không những dày công biên khảo mà còn luận bàn những sự kiện đã xảy ra trong mấy ngàn năm qua trên đất nước chúng ta. Như thế, bộ *"Việt Sử Khảo Luận"* đã được quan niệm và thực hiện theo những ý niệm mới mẻ (concepts nouveaux), khiến cho Bộ Sử thành ra linh động và hấp dẫn trong hai chiều: Không gian (vũ) lẫn Thời gian (trụ).

Ngoài ra tôi nghĩ rằng, sau khi hoàn thành Bộ Sử, họ Hoàng cũng nên nghĩ tới việc soạn lập những Mục Lục (Index) Nhân danh, Địa danh và Sự việc, theo thứ tự ABC. Hơn nữa, tôi cũng được biết nhiều Nhân sĩ ngoại quốc đã gợi ý với sử gia họ Hoàng nên trù tính việc phiên dịch ra Pháp Ngữ và Anh Ngữ, với sự trợ giúp tài chánh của các Cơ quan Văn Hóa Quốc Tế như Unesco, Asia Foundation, Vietnam Heritage v.v....

Riêng về quyển 7 mới xuất bản, tôi đã đọc xong và xin phép Hoàng Sử Gia cho góp bàn thêm vài ý kiến, bổ túc vài điểm bên lề, hoặc bên trong Lịch Sử chính thống, tạm gọi là *"les à côté de l'Histoire"*, hay là *"la petite Histoire"* có tác dụng "ôn cố tri tân", ôn lại việc cũ để biết thêm việc mới.

♦ 1. Vua Hàm Nghi:

Vua Hàm Nghi bị tên Mường Trương Quang Ngọc phản bội, do sự bố trí của đại úy Boulangier, trưởng đồn Đồng Ca, nơi rừng sâu của huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, giáp giới với Ai Lao. Năm 1942 tôi có đi thám hiểm Động Phong Nha và tôi cũng có đi lên Minh Cầm, Tân Ấp, Ban Na Phao, xuyên qua con đường giây sắt Téléphérique La Trọng chạy trên những núi đồi trùng điệp, đầy hang động thâm sâu và bí mật. Vùng này chạy dài ra tới Hương Sơn, Hà Tĩnh, nơi dãy núi *Giăng Màn* mà Đại Nam Nhất Thống Chí gọi là

Khai Trướng Sơn. Và vùng này về sau sẽ là nơi hoạt động, trú ẩn và luyện tập của quân du kích Cần Vương do Cụ Phan Đình Phùng và Cao Thắng lãnh đạo.

Chúng ta nhắc lại cái đêm mồng 1 tháng 11 năm 1888, lúc 10 giờ đêm, giữa núi rừng âm u, Trương Quang Ngọc và Nguyễn Đình Tình, dẫn 10 tên lính Mường vào bao vây cái lều tranh vách tre của Vua Hàm Nghi ở trên bờ khe Tả Bao (Bèo). Nghe phía ngoài có tiếng động thì lập tức có hai người thân cận nhà Vua chạy ra ngay: đó là Thống Chế Nguyễn Túy và con trai của ông, 45 tuổi, giữ chức Tham Biện Nội Các, cả hai cha con đều bị tên Ngọc đâm chết liền tại chỗ. Còn lại Tôn Thất Thiệp (con út Tôn Thất Thuyết), sĩ quan cận vệ của nhà Vua, cầm gươm nhảy ra, cũng bị một lính Mường phóng một ngọn giáo vào ngực chết.

Nhìn thấy thảm cảnh ba người thân cận của mình bị bọn phản tặc giết chết, vua Hàm Nghi, mặc dầu rất đau lòng, vẫn cố gắng giữ bình tĩnh, bước ra khỏi lều, tay cầm gươm chỉ vào mặt Trương Quang Ngọc mà nói: *"Mi giết ta đi còn hơn là mang ta ra mà nộp cho Tây"*.

Vua Hàm Nghi chưa nói dứt lời thì một tên lính Mường khác nhảy vào giật lấy gươm của nhà Vua và ôm choàng ngang lưng, vác Vua lên đặt vào võng khiêng xuống thuyền. Thế là Vua Hàm Nghi đã bị thực dân Pháp bắt lúc mới 17 tuổi. Ba ngày sau, 14 tháng 11 năm 1888, Vua nước Nam được đưa về Thuận Bài bằng thuyền. Đồn này ở phía Bắc sông Gianh, bên kia phà Quảng Khê.

Theo hồi ký của một đình thần triều Nguyễn thì: "Khi nhà Vua từ dưới thuyền bước lên, quân đội Pháp do một Thiếu tá chỉ huy, cử nhạc và bồng súng chào mừng thì Vua Hàm Nghi liền kéo khăn che mặt lại. Đến khi viên Thiếu tá đọc lời chúc từ thì Vua nói: *"Tôi không dám nhận những lời chúc mừng của ông, vì tôi chỉ là bề tôi của Vua Hàm Nghi. Vua chúng tôi hiện ở trong rừng. Nếu tôi không bị ốm nặng thì tôi đã tẩu thoát được với nhà Vua rồi."* Ý nhà Vua không muốn tự nhận mình là Vua Hàm Nghi, nhưng viên Thiếu Tá cũng thừa biết rằng Ngài đích thị là Vua đó rồi."

"Được tin Vua Hàm Nghi tới Thuận Bài, các quan lại ở địa phương đến bái hạ nhà Vua giả làm như không nhận biết ai cả. *Nhưng đến lúc thấy trong đám người đó có ông Nguyễn Nhuận là thầy học cũ của mình thì Vua Hàm Nghi lại cúi đầu vái chào một cách hồn nhiên.* Từ phút ấy, bọn Pháp hiện diện mới tin là chúng đã nắm chắc trong tay *ông Vua bé nhỏ mà to gan*, đã cho quân đội Viễn Chinh hao tổn không biết bao nhiêu là xương máu trong gần bốn năm trời..."

Từ Thuận Bài, Vua Hàm Nghi được đưa về cửa Thuận An, khi thì bằng võng, khi thì bằng ghe, khi thì bằng tàu thủy. Tàu đi mấy ngày thì đến cửa bể Thuận An, thuộc tỉnh Thừa Thiên. Tại đây, các quan lớn, cùng đi với Khâm sứ Rheinardt (Lê Na) từ Huế ra Cửa Thuận để đón chào nhà Vua. Lúc đầu Vua cáo ốm (bệnh) không tiếp. Sau vì quần thần nằn nì và chẳng muốn phụ lòng những người thân cận đã hết lòng tận tụy với mình, nhà Vua bằng lòng tiếp Khâm Sứ Lê Na, nhưng cuộc tiếp xúc đã diễn ra trong bầu không khí lạnh nhạt. Khi Lê Na cho nhà Vua biết rằng bà Hoàng Thái Hậu Từ Dũ đang ốm và hỏi: *"Nếu nhà Vua muốn thăm Ngài, tôi sẽ cho tàu về Huế đón Ngài ra đây"*, thì Vua Hàm Nghi đáp:

"Tôi đây, thân đã tù, nước đã mất còn dám nghĩ chi đến cha mẹ, anh em, chị em nữa". Nói thế rồi nhà Vua cáo từ, lánh vào phòng ngủ...

Thế là tàu nhổ neo, rời cửa bể Thuận An đi ra biển Nam Hải, tiến vào Nam Kỳ, trước khi sẽ bị lưu đày biệt xứ nơi đất khách quê người và sẽ không bao giờ trở lại Quê Hương yêu quí.

Tới Alger ngày 13/ 1/ 1889, Vua Hàm Nghi lúc đầu không chịu học tiếng Pháp, nhưng về sau Ngài nhận thấy bất tiện trong lúc giao dịch với người địa phương, bèn tích cực học chữ Pháp, Văn chương và Mỹ thuật Tây Phương. Nhà Vua đã trở thành một nhà hội họa có tài năng và có quen thân nhà điêu khắc Rodin, giáo sư Trường Cao đẳng Mỹ thuật Pháp, số 11 bến Sông Seine, gọi là Quai Malaquais, Quận VI với phương danh Saint

Germain des Prés, đã được Việt hóa thành *"Thánh Giác Minh Đồng Quê Gió Cuốn"!*

Tôi có nghe kể rằng Chính phủ Pháp đã cho phép Vua Hàm Nghi sang Pháp mấy lần, để thăm ông bạn quí Auguste Rodin (1840 - 1917) chuyên dạy Điêu khắc, tác giả bức tượng *Le Penseur* lừng danh thế giới. Và cũng là một sự may mắn hy hữu cho tôi, sau ngày thất thủ Sàigòn năm 1975, tôi đã được vào làm Quản thủ Thư viện Trường Cao đẳng Mỹ thuật Pháp Quốc, trong 12 năm, từ năm 1976 cho tới cuối 1987 là năm hưu trí.

Người ta kể rằng lúc đến thăm trường, Vua Hàm Nghi vẫn để tóc búi và trang phục Việt Nam, giữ vững truyền thống Dân Tộc. Đó là điểm son quí báu, sáng chói nền trời Âu Tây. Và người ta cũng kể lại rằng: Trong những lần viếng thăm đó, Ngài ưa tới sân trong của trường để chiêm ngưỡng kiến trúc và hai cây dâu (murier) cổ thụ đã sống từ mấy trăm năm, từ khi các Giáo sĩ thuở xưa mang từ Á Châu về trồng nơi này, vốn là đất họ Đạo vùng Thánh Giác Minh. Cho tới ngày nay, hai cây dâu này vẫn còn xanh tươi với thời gian và được săn sóc trong khuôn viên trung tâm Trường Cao đẳng Mỹ thuật Paris.

Vua Hàm Nghi mất tại Alger ngày 13/2/1943 nơi biệt thự El Biar, chung quanh có trồng thông. Gió biển Địa Trung Hải thổi vi vu quanh năm, như mang lại cho Ngài hồn nước và hình ảnh Quê Hương xa thẳm. Hai Công Chúa Như Ý và Như Mai lật đật rời đất Pháp, sang Alger, đưa xác Ngài về mai táng nơi làng Thomac, thuộc quận Dordogne 24, kế cận Sarlat là nơi cư ngụ của Nữ sĩ Vân Nương Lê Ngọc Chấn, tác giả *"Con Đường Lý Tưởng"*, trường ca đạo lý theo Kinh Hoa Nghiêm, trên 5 ngàn câu thơ, được đúc kết trong hai câu:

"Tâm hồn cao khiết viên dung,
Lâng lâng thoát tục, hòa chung đất trời"

♦ 2. Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết.

Từ khi Vua Tự Đức mất, nước ta bước vào một thời kỳ rối loạn không thể tả. Các Vua kế tiếp phải chịu áp lực của Bảo Hộ Pháp, thêm vào đó có sự tranh quyền giữa các hệ phái Hoàng Tộc và các quan Phụ Chánh gồm có ba vị là: Trần Tiễn Thành, Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết, vì lẽ các Vua phần nhiều còn nhỏ tuổi. Trong số các quan Phụ Chánh có ông Trần Tiễn Thành là bậc lương tể được trọng vọng nhất. Nhưng ông là cái gai mà hai ông kia phải nhổ đi để tiện hành xử mọi việc chốn Triều Đình. Các ông đã gởi tay chân tên là Hầu Chuyên tới nhà ông Trần Tiễn Thành, 133 đường Gia Hội và đã ám sát ông này. Cháu ruột của ông là bà Trần Thị Như Mân, vợ của học giả Đào Duy Anh. Còn một người cháu lớn nữa là Luật sư Trần Tiễn Tranh, con rể của Bác sĩ Đặng Ngọc Trọng ở Tân Sơn Nhứt, Sàigòn.

Thế là hai ông Phụ Chánh còn lại mặc sức làm mưa làm gió. Các ông sẽ tung hoành dùng bá đạo làm quốc kế. Các ông sẽ lập phế và thủ tiêu nhiều Vua trong một thời gian ngắn. Sử ta gọi hành động man rợ đó là "lũ thí", nghĩa là "giết cả bọn, thí bỏ cả lũ" (massacre en série) dễ dàng như trở bàn tay! Và trong thâm cung bí sử thời đen tối ấy, cũng đã có những âm mưu trà trộn con thơ, mà Sử gọi là *"ly miêu hoán chúa"*, nghĩa là "dời mèo mà thay vào ấu chúa sơ sinh", nhằm đổi họ, đổi dòng mà không ai hay biết! Thêm vào đó những tranh chấp giữa dòng cả bị loại với dòng thứ được truyền ngôi, đã gây nhiều loạn lạc và thanh toán kể từ đời Vua Minh Mạng.

Cụ Phó Bản Cư, đã viết nhiều báo trong Nam, kể lại cho tôi nghe rằng: sinh tiền, Vua Tự Đức ưa đi thăm dân, viếng làng xã, có lần Ngài theo sông Ô Lâu đi thuyền đến làng Vân Trình, thuộc huyện Phong Điền. Ngài từ Phá Tam Giang đi ngược lên, xảy gặp mưa to gió lớn, bèn ra lệnh ghé bến Vân Trình, thì vừa thấy trên bờ sông một thiếu nữ kiều diễm đang núp mưa dưới một lùm tre. Vua rất lấy làm vừa ý, liền hạ lệnh tuyển vào Cung, phong là "tài nhơn", về sau được phong "tam giai phi". Bà này tên *Yến*, tức là bà *Học Phi* trong sử sách. Sự việc này đã khiến cho dân làng Vân Trình đặt câu phong dao:

Trời xui có trận mưa giông,
Khiến con chim én vào trong đền vàng.

Về sau này, có sự cấu kết giữa Nguyễn Văn Tường và Bà Học Phi là người đã đưa chén thuốc (nấu theo toa của Nguyễn Văn Tường và tự y đã thêm chất hồng hoàng vào) ép Vua Kiến Phước uống, rồi sáng hôm sau thì Vua chết!

Riêng về cá nhân Nguyễn Văn Tường, quê quán làng An Cư, phủ Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, vốn không có lý lịch rõ ràng và tự xưng là con riêng của Vua Thiệu Trị. Nhờ thời cơ đưa đẩy và học vấn vững vàng mà ông đã từng làm Tri Huyện Do Linh (cùng tỉnh). Hồi đó, ông thường vượt sông Hiền Lương, lui tới nhà ông Bá Hộ Lộc ở Chợ Huyện. Ông này có cô con gái khá xinh mà ông Huyện Tường có ý định cưới về làm hầu, nhưng ông được thăng liên tiếp trong ba năm từ Án Sát, Bố Chánh, đến Tuần Vũ, nên ông bỏ lơ luôn, không lai vãng nhà Bá Hộ Lộc nữa. Về sau có lần ông đi kinh lý qua Chợ Huyện, cô con gái ông Bá Hộ đang ngồi giặt áo dưới sông, ngước mắt lên trông thấy ông Tường, bèn hát một câu mà dân Quảng Trị còn truyền lại như sau:

Hỡi người mặt trắng râu xanh!
Phải người Chợ Huyện bạn mình đó không?

Quả thật ông Tường có tướng mạo phi thường: mặt trắng mà râu xanh, biểu trưng cho giống người phản trắc, lắm mưu nhiều mẹo, không ai tin được.

Về sau, khi lên làm Phụ Chánh, bị thất thủ Kinh Đô (5/7/1885), Tường đã thừa lệnh Bà Từ Dũ, mà cũng hợp với thâm ý của mình, giao phó Vua Hàm Nghi cho Tôn Thất Thuyết đưa ra Tân Sở, còn mình thì trở lại, đi về phía Kim Long, tìm Đức Cha Caspar ở Nhà Thờ Kim Long, để xin Ngài làm trung gian hòa giải với Pháp.

Trong những lúc đàm luận với Giám Mục Caspar, có lần Tường thổ lộ tâm tình như sau: *"Cả hai chúng tôi (Tường và Thuyết), thật là xứng hợp, một bên là dân sự, một bên là quân sự làm nên một món xà lách lý tưởng. Tôi thì quá hiền lành, thật thà, tôi là dầu, còn ông ta (Tôn Thất Thuyết) như là giấm thanh!"* Sự thật thì Tường không hiền lành tí nào, trái lại là con người vừa tráo trở, vừa nham hiểm!

Bây giờ chúng ta hãy nói tới ông Tôn Thất Thuyết (1835 - 1913). Cũng như Nguyễn Tri Phương và Hoàng Diệu, Tôn Thất Thuyết nêu cao tinh thần chống thực dân Pháp. Ông là con thứ hai của ông Tôn Thất Đính, làm quan Triều Nguyễn đến chức vụ Đề Đốc Thừa Thiên Phủ, viện hàm "Quang Lộc Tự Khanh" (3.1), từng tham gia kháng chiến tại Nam Kỳ. Sau biến cố Ất Dậu (4 - 5/7/85) Tôn Thất Đính theo hộ giá Vua Hàm Nghi ra Tân Sở ở Quảng Trị. Giữa đường Tôn Thất Đính bị quân Pháp bắt và đày sang đảo Tahiti ở Thái Bình Dương, cùng một chuyến tàu với Nguyễn Văn Tường. Tàu này có ghé ngang Côn Đảo (Poulo Condor), từ đó khởi hành đầu tháng 2 năm Mậu Tý 1888, trên đường đi Tahiti thì ông Phạm Thận Duật chết trên tàu, thủy thủ phải bỏ thi hài xuống biển. Còn ông Tường thì ở Tahiti được 5 tháng, rồi bị bệnh ung thư cổ họng (cancer à la gorge) mà chết đau đớn, nhằm ngày 30/7/1888. Khi thi thể đem về tới cửa Thuận An thì Vua Đồng Khánh cử một viên quan Bộ Hình ra tận Cửa Thuận, chờ quan tài đưa xuống đất liền, thì quất roi hình phạt tượng trưng, rồi mới cho thân nhân nhận về, đem mai táng ở quê quán An Cư, Triệu Phong (Quảng Trị).

Riêng về ông Tôn Thất Đính cũng được Pháp cho phép cùng về trên chiếc tàu ấy với nhiệm vụ đưa thi hài Nguyễn Văn Tường về tới Quảng Trị, lo việc mai táng với thân nhân họ Nguyễn. Mãi về sau đến lượt ông Tôn Thất Đính mất ở Huế, thì con cháu Nguyễn Văn Tường từ Quảng Trị vào Huế, tự động xin thọ tang cùng với con cháu Tôn Thất Thuyết.

Tôn Thất Thuyết xuất thân võ tướng, tánh tình nóng nảy, chuyên hét nạt ra lửa. Trong *Tự Đức Thánh Chế Văn* (quyển IX - XV 1973, Sàigon) đã nhận xét Tôn Thất Thuyết *"Học vấn còn ít, song có trí dũng, lại giỏi về việc binh"*. Năm 1875, tại Tuyên Quang, quân Cờ

Vàng của Hoàng Sùng Anh hoạt động rất mạnh. Lúc này, Thuyết đảm nhiệm chức vụ Tán Tương Quân Vụ tỉnh Sơn Tây. Ông dàn quân đánh một trận tại làng Châu Thượng, phủ Vĩnh Tường. Và Hoàng Sùng Anh đã bị Tôn Thất Thuyết bắt sống tại trận.

Cũng theo *Tự Đức Thánh Chế Văn*, năm 1881 Vua phong chức Thượng Thư Bộ Binh cho Tôn Thất Thuyết. Ngày tháng 3 năm Nhâm Ngọ, 25/4/1882, thành Hà Nội bị quân Pháp tấn công và triệt hạ. Dũng tướng Hoàng Diệu, gốc Quảng Nam và tiên tổ của cố hữu Huỳnh Hòa, cựu Đổng Lý Văn Phòng Bộ Quốc Gia Giáo Dục ở Sàigòn, dưới thời Tổng Trưởng Nguyễn Dương Đôn (Vốn là Thày dạy Toán của chúng tôi ở Trường Quốc Học Huế), đã dùng chiếc khăn xanh đang chít trên đầu mà tuẫn tiết.

Cảm thông cái chết của Hoàng Diệu, dũng tướng Tôn Thất Thuyết đã cảm tác đôi câu như sau:

"Nhất tử thành danh, tự cổ anh hùng phi sở nguyện,
Bình sinh trung nghĩa, đương nhiên đại cuộc khả vô tâm".

Dịch là:

Một chết nên danh, đâu phải chí anh hùng từ trước,
Suốt đời trung nghĩa, không thẹn nhìn đại cuộc ngày nay.

Theo hồi ký của ông bạn Tôn Thất Tuân, công chức Kho Bạc Huế thời Pháp thuộc, hậu duệ của Tôn Thất Thuyết thì: "Vào lúc gần 50 tuổi, ông Tôn Thất Thuyết có thân hình vạm vỡ, béo tốt khỏe mạnh. Ông khác ở chỗ bụng dưới hơi to, tóc ngắn, không thể búi tó như người đương thời. Ông nóng tính, ăn mặc giản dị, đơn sơ".

"Tôn Thất Thuyết rất mộ đạo Phật, có lẽ vì vậy mà không ưa người Công Giáo, tránh gặp người Tây. Khi làm Tổng trấn Thanh Hóa (ngày trước gọi là Thanh Hoa, vì tránh tên bà vợ Vua Minh Mạng là Hồ Thị Hoa, quê quán

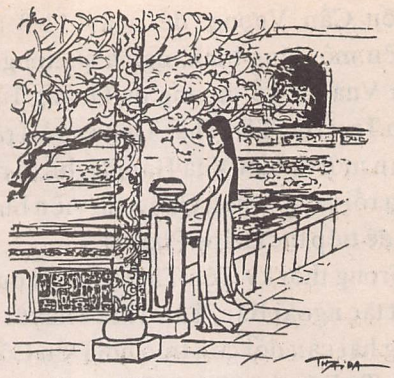

Thủ Đức, Nam Việt), ông có lập một ngôi Chùa lớn nơi đây, vốn là linh địa của Nguyễn Triều. Lúc về Huế, ông thường vãn cảnh các chùa chiền, miếu vũ và thường lui tới Chùa Phổ Quang. Mặc dầu bận nhiều việc triều đình, các ngày chạp giỗ, Tôn Thất Thuyết vẫn về Từ Đường ở làng Vân Thê (Thang Mây) phía đông Cố Đô Huế, làng bà ngoại của chúng tôi." Địa danh này rút từ hai câu thơ xưa:

Học hải vô nhai cần thị ngạn,
Thanh vân hữu lộ chí vi thê.

mà Thầy tôi đã dịch như sau:

Biển học vô bờ, lấy chuyên cần làm bến,
Mây xanh có lối, dùng chí cả làm thang.

Từ buổi thiếu thời cho tới ngày lão lai tài tận, chúng tôi vẫn ghi lòng tạc dạ hai câu này như là một phương châm học vấn và lập nghiệp trên đường đời.

Trên đường phò vua cứu nước và khi biết rõ Nguyễn Văn Tường đã tìm gặp Giám Mục Gaspar để xin đầu thú Pháp, Tôn Thất Thuyết trước mặt Vua Hàm Nghi, đã sai một gia nhân về Huế đốt nhà riêng của Tường, trong Kinh Thành, gần cửa Đông Ba (nguyên gọi là Đông Hoa, rồi vì kiêng cữ tên Hoa mà phải đổi ra Đông Ba, vì lý do đã nói trên kia). Nhà của Quận Tường phát cháy dữ dội đêm 24 tháng 7 năm 1885, tức là 20 ngày sau khi thất thủ Kinh Đô.

Tôn Thất Thuyết đưa Vua Hàm Nghi từ căn cứ Tân Sở ra tận miền núi Quảng Bình và Hà Tĩnh, tới Ấu Sơn, Hương Khê, rồi thảo

chiếu Cần Vương, đề ngày 11/8 âm lịch, chiêu mộ dũng binh, nghĩa sĩ, xong rồi mới đưa Vua trở về thượng du Quảng Bình. Sau trận Trại Na, Tôn Thất Thuyết và Trần Xuân Soạn mới từ biệt Vua Hàm Nghi, đi ra Thanh Hóa rồi sang Trung Quốc xin viện binh và vũ khí để tiếp tục kháng Pháp.

Trong thời kỳ Tôn Thất Thuyết dụng binh diệt tặc ngoài Bắc, Tôn Thất Thuyết có dâng tặng hai câu đối còn treo nơi Đền Cổ Loa, từ năm Tự Đức thứ 27 (1863):

Tặc đáo Loa Thành tùy diệt một,
Điện vô quy nỗ dũ oai linh!

Nghĩa là:

Giặc đến thành Cổ Loa liền bị tiêu diệt ngay,
Điện không có nỏ rùa mà lại càng oai linh!

Trước khi lên đường rừng đi Trung Quốc, Quan Tướng Tôn Thất Thuyết đã trao việc phò Vua giúp nước cho hai con là Tôn Thất Đạm (19 tuổi) và Tôn Thất Thiệp (15 tuổi), cùng với Đề Đốc Lê Trực, danh sĩ Nguyễn Phạm Tuân và nhiều đình thần khác.

Ông Thuyết đơn thương độc mã sang Vân Nam, rồi từ Vân Nam đi Quảng Tây, cách Lạng Sơn 50 cây số. Ông gặp một viên Quan nhà Thanh trước có theo quân Cờ Đen là Dương Cảnh Tùng. Ông này cho Thuyết biết: Tình trạng Trung Quốc cũng rối ren bi thảm, không thua chi nước An Nam! Thuyết cũng có gặp Lý Hàm Chương (anh ruột Lý Hồng Chương) làm Tổng đốc tỉnh lớn Quảng Đông. Ông này cho Thuyết biết rằng đừng chờ mong chi nơi Trung Quốc. Sau đó thì triều đình Mãn Thanh bác khước lời yêu cầu xin viện binh, vũ khí và lương thực, vì đã có sự vận động bí mật và cản trở của Pháp, khiến cho Lý Hồng Chương, Toàn quyền Đại thần, tâu lên bà Tây Thái Hậu cho an trí Thuyết tại La Đình, sau đưa về huyện Thiên Quan. Lúc này, Thuyết rất ưu phiền, hối hận và tuyệt vọng vì biết mình đã tính sai nước cờ.

Trong thời gian lưu vong ở Trung Quốc, Tôn Thất Thuyết có liên lạc với Nguyễn Thiện Thuật ở trong nước và phong trào Cần Vương, còn bên ngoài thì có Lưu Vĩnh Phúc lãnh tụ Quân Cờ Đen giúp sức, chiêu mộ binh sĩ, trao đổi thổ sản, lấy vũ khí đạn dược, tiếp tế cho nghĩa quân hoạt động vùng biên giới Hoa Việt.

Tháng 3 năm 1895, Thuyết đã tổ chức mấy cuộc tấn công vào tỉnh Cao Bằng, nhưng vì là quân ô hợp, lại có sự tranh giành của bọn thổ phỉ Tàu, nên chi không đưa đến kết quả mong muốn.

Khi nghe tin Pháp đã đặt xong nền đô hộ trên xứ sở thương yêu của mình, Thuyết đâm ra cuồng trí. Ông bèn cất một chòi tranh trên ngọn đồi Long Châu và suốt ngày hết khóc lại cười, chửi mắng om sòm, rồi vác gươm chém chặt tứ tung, lại ưa chặt lia lịa vào một tảng đá, như để trút hết mối hận vong quốc tràn lên tới cổ họng. Những người Tàu trông thấy cảnh bi ai, bèn gọi ông là *"Tả xẹt lũ"* (đả thạch lão), có nghĩa là *"Ông lão chém đá"*, chém mãi cho tới năm 1913 mới rã rời thân xác, nơi núi cao rừng rậm xứ người, rên than thoi thóp như con chim bị đạn của Thầy Tăng Tử:

Điểu chi tương tử, kỳ minh giã ai,
Nhơn chi tương tử, kỳ ngôn giã thiện.

Con chim sắp chết, kêu lên tiếng bi ai, con người sắp chết thốt ra lời hiền lành! Lời nói cuối cùng của người anh hùng mạt lộ lúc lâm chung, may ra chỉ có Trời Đất nghe thấu cho chăng?

♦ 3. Vua Thành Thái.

Vua Thành Thái (1889 - 1907) tên Bửu Lân, vua thứ 9 triều Nguyễn, là con Vua Dục Đức (Thoại Quốc Công Ưng Chân), lúc 10 tuổi, đang bị giam với mẹ, được rước ra và tôn lên làm Vua, với những sự kiện hi hữu ít người biết.

Sau khi Vua Đồng Khánh băng hà ngày 28 tháng 1 năm 1888, thọ 25 tuổi, làm Vua được 3 năm, các quan Cơ Mật Viện sang sông Hương tới Tòa Khâm gặp viên Khâm sứ để

hòi ý kiến. Trong số các quan đại thần, chắc có hai ông Phụ Chánh Nguyễn Trọng Hợp và Trương Quang Đản.

Lúc bấy giờ có viên thông ngôn Tòa Khâm là Diệp Văn Chương, người Nam, làm nhiệm vụ phiên dịch, được xem là nhân vật nòng cốt trong việc bang giao Việt Pháp.

Cuộc hội đàm Việt Pháp nhằm mục đích chọn ai lên làm Vua thay Vua Đồng Khánh. Diệp Văn Chương cố ý phiên dịch không đúng cho cả đôi bên, nhằm lái cuộc hội đàm vào việc Lưỡng Tôn Cung là Bà Từ Dũ (mẹ Vua Tự Đức) và Bà Học Phi (vợ Vua Tự Đức và cũng là mẹ nuôi Vua Kiến Phước) đã có ý chọn hoàng tử Bửu Lân (con Vua Dục Đức), nhưng còn phải tham khảo ý kiến của Bảo Hộ Pháp. Viên Khâm sứ nghe nói như thế tỏ ý bằng lòng, nhưng Diệp Văn Chương thì dịch một cách khẳng định rằng:

— Theo ý tôi thì nên chọn hoàng tử Bửu Lân là hợp lý hơn cả.

Sở dĩ có sự phiên dịch ngắn gọn như vậy là vì: Diệp Văn Chương là chồng cô ruột của hoàng tử Bửu Lân, tức là Công Nữ Thiên Niệm, chị Vua Dục Đức.

Từ Tòa Khâm ra, các Quan đến thẳng Dục Đức Đường, nơi cấm cố hai mẹ con, nhằm lúc mẹ là Hoàng Hậu Tư Minh đi vắng. Cậu bé Bửu Lân tỏ vẻ sợ hãi nói:

— Các ông đến đây mầng chi? Đến bắt tôi à! Các ông muốn mầng chi thì mầng, nhưng phải đợi ả tôi (mẹ tôi) về đã.

Bỗng chốc bà Tư Minh về, nghe chuyện rước con mình đang bị cấm cố, đem đi "Mầng Vua" thì bà òa lên khóc và nghẹn ngào nói:

— Lạy các quan! Xin các quan tha cho mẹ con tui! Tui không bao giờ quên cái chết thê thảm của chồng tui. Tui cũng không quên rằng các Vua Hiệp Hòa và Kiến Phước đều bị uống thuốc độc mà chết và Vua Hàm Nghi đã bị tù đày.

Các quan và hàng xóm phải năn nỉ và khuyên lơn mãi, Bà Tư Minh mới chịu để cho người ta kiệu con mình đi với võng lọng. Và chỉ trong vòng 3 giờ sau, hoàng tử Bửu Lân đã trở thành Vua Thành Thái.

Vua có tư khiếu thông minh và hiếu học, ưa đọc sách Thánh Hiền, Tàu, Nhật và Tân Thư của Tây Phương đã dịch ra Hán Tự. Ngài thích gần dân và ưa đi thăm dân cho hiểu rõ sự tình. Ngài ưa giả dạng vi hành như Vua Càn Long hạ giá Vân Nam thuở xưa. Ngài cũng không quên lo việc hốt cốt của cha mình mà đem chôn cất đàng hoàng, xây lăng mộ cổ kính nơi An Lăng, gần An Cựu.

Một đình thần triều Nguyễn kể lại: Một hôm Vua Thành Thái đi dạo trên cầu Gia Hội thì sắp gặp một người dân vác mấy cây tre, lính hầu vội chạy lên dẹp để Vua đi qua. Nhưng nhà Vua bảo: *"Cứ để cho người ta đi"*. Rồi Ngài nói thêm: *"Mình, dân không phải là dân, Vua không phải là Vua gì hết! Tại sao dẹp người ta mầng chi?"* Ý Ngài nói mình chỉ là bù nhìn!

Có một lần Vua Thành Thái đi săn bắn ở Cổ Bi, phía nguồn sông Bồ, Ngài vô làng thăm dân và cho trải chiếu ngồi xuống đất. Dân làng trông thấy lính tráng hộ vệ, biết là Vua, bèn chạy tới xem. Lính tráng thì cản trở. Ngài bảo: *"Cứ để cho dân đến với ta"*. Ngài hỏi dân: *"Ưa xem cái chi?"* Dân trả lời: *"Ưa xem Vua bắn chim"*. Thế là ngài xách súng, nhắm vào ngọn cây tre bắn rớt một con chim, rồi Ngài nhắm về phía sông Bồ bắn chết mấy con cá lớn.

Một lần khác, Ngài vi hành về phía Kim Long, Kẻ Vạn, Dương Xuân. Nơi này có Chùa Thiên Mụ với cảnh trí thần tiên, với chuông ngân bảy dặm cho tới Thọ Xương Vĩ Dạ, lại có:

Văn Thánh trồng thông,
Võ Thánh trồng bàng,
Ngó xuống Xã Tắc:
Hai hàng mù u.

Đi mỏi chân, Ngài dừng lại nơi quán bán mía và nước chè xanh. Ngài nói lái:

Kìa mấy cây mía!

Rồi bảo các quan hầu cận đối lại. Các quan ú ớ, chẳng ai đối được cả. Ngài bèn xuất khẩu

đối liền khi nhìn thấy nơi mái hiên mấy chiếc vò đựng nước:

Có vài cái vò!

Người ta cũng gán cho Ngài hai câu thơ còn truyền tụng:

Kim Long có gái mỹ miều,
Trẫm thương Trẫm nhớ Trẫm liều Trẫm đi!

Cái óc lãng mạn và trào lộng đó có thể che đậy một tâm sự bất mãn và phức tạp, đang bị dồn ép bên trong, một nỗi lòng uất hận vô biên của nhà lãnh đạo bị truất hết quyền hành, bị bó tay trước thời cuộc, khóc hổ ngươi cười ra nước mắt! Vì nước đã mất vào tay ngoại bang! Đó là tâm trạng của hầu hết những bậc sĩ phu và những kẻ tài hoa phải sống trong một thời đại nhiễu nhương và rối loạn! Một tâm trạng u hoài được thể hiện trong Thi phẩm *"Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca"*

Vận đời còn chửa hanh thông,
Nước non để hận anh hùng ngàn thu!

Vua Thành Thái có óc Duy Tân nhưng chẳng làm gì được vì sự canh phòng và ngăn cản của Bảo Hộ Pháp. Triều đình thì nhu nhược, cũng dựa thế ngoại bang mà chẳng còn kỷ cương, thể thống gì nữa!

Vua Thành Thái nhận thấy mình hữu danh vô vị, đâm ra chán nản và bao nhiêu uất hận không còn dồn ép bên trong được nữa, đến lúc phát hiện ra ngoài bằng những cử chỉ và hành động ngỗ nghịch, chướng tai gai mắt, mà nhà cầm quyền Pháp xét đoán và cho là *loạn óc* (Insanité), bất bình thường và mất cả lý trí. Vì lẽ đó, và sau khi khánh thành xong cầu Tràng Tiền (1907), mà dân ta gọi là *cầu Thành Thái* với:

..... sáu vài mười hai nhịp,
Em qua không kịp tội lắm anh ơi!

Vua ta đã bị Bảo Hộ Pháp ép phải thoái vị cuối năm Đinh Vị, 1907 và đưa đi an trí tại Ô Cấp (Cap Saint Jacques), mãi cho đến năm 1916 thì Ngài bị đày sang đảo La Réunion ở Ấn Độ Dương, cùng một lần và trên một chuyến tàu với Vua con là Duy Tân, sau sự thất bại 1916 chống thực dân Pháp.

Trong thời kỳ còn trị vì, Vua Thành Thái đã công du Bắc Việt, viếng Thăng Long và dự lễ khánh thành cầu Long Biên, hồi đó Tây gọi là Pont Doumer, phía Bắc Hà Nội, chúng tôi không nhớ năm nào. Nhân dịp này, Vua Thành Thái có cảm tác bài thơ sau đây:

Võ võ văn văn trước cẩm bào,
Trẫm vì thiên tử độc gian lao.
Tam bôi hồng tửu quần lê tuyết,
Sổ trản thanh trà bách tánh cao.
Dân lụy lạc hà dư lụy lạc,
Ca thanh cao dã, khấp thanh cao.
Hưu đàm thử hội can qua tịnh,
Họa phúc tương lai phó nhĩ tào.

đã được Cụ Cử Tu Trai Nguyễn Tạo dịch thơ:

Kẻ áo gấm hai hàng văn vũ,
Ta làm Vua gian khổ biết dường nào!
Trà rượu kia là dân huyết dân cao,
Thấy xanh đỏ uống sao không khổ chí?
Dân rơi lụy ta đây cùng rơi lụy,
Tiếng hát vang, tiếng khóc cũng ầm vang!
Chớ rằng nay qua giúp tạm an,
Họa phước đến mưu toan trao mấy gã.

Bị lưu đày nơi quê người mãi đến tháng 5 năm 1947 cựu hoàng Thành Thái mới được trở về nước, ở đường Pellerin Sàigòn, rồi 7 năm sau, 1954, mới mất và được gia đình đưa về mai táng ở An Lăng, gần An Cựu, Huế. Cả ba vị Vua Dục Đức, Thành Thái và Duy Tân đều được thờ nơi Điện Long Ân ở An Cựu.

Lễ mai táng đã được cử hành trọng thể với sự hiện diện của đông đủ thân hào nhân sĩ và các người con rể là: Luật Sư Vương Quang Nhường, BS La Cẩm Tuyền, DS Tạ Ngọc Liên, BS Phan Văn Hy (Chánh Y sĩ tỉnh Quảng Trị) cựu Bộ Trưởng Cựu Chiến Binh, các ông Lê Quang Phước, Lê Quang Thiết và

Lê Quang Túc, Công Chúa Lương Linh, ông hoàng Vĩnh Trân (danh cầm Ngũ Đại) là anh ruột của Vua Duy Tân, cùng với con cháu Diệp Văn Chương và con là ký giả Diệp Văn Kỳ.

Dưới thời Cụ Thủ Hiến Lê Quang Thiết, tôi có ghi chép bài thơ mà Vua Thành Thái đã cảm tác trong thời Pháp câu thúc Ngài ở Vũng Tàu:

Sống thừa nào có biết hôm nay,
Nhìn thấy non sông đất nước này.
Sừng ngựa chưa quên câu chuyện cũ,
Ruột tằm đòi đoạn mối sầu "tây".
Xuân thành nghìn dặm mây mù mịt,
Bể Cấp bốn bề sóng vỗ vây.
Tiếng súng ngày đêm nghe nhạc khúc,
Dẫu cho sắt đá cũng chau mày!

Ngoài ra, nữ sĩ Thái Ngộ Khê ở Paris cũng còn ghi nhớ bài thơ sau đây, do bà Nguyễn Thị Khanh, ái nữ Kinh Lược Nguyễn Hữu Độ, và cũng là phi tần của Vua Thành Thái, cảm tác và gởi cho Cụ Thân Trọng Huề là người rất ái mộ giai nhân:

Từ thuở bé thơ mãi đến chừ,
Bây giờ mới biết chữ tương tư,
Ngâm câu biệt hận đà xơ xác,
Thắt giải đồng tâm vẫn chắc khư.
Ngàn hộc tình đong, đong vẫn thiếu,
Một thành sầu chất, chất còn dư.
Mảnh trăng thề với người tri kỷ,
Dẫu nát tan thân há dám từ!

Nhận được bài thơ này, Cụ Thân Trọng Huề đã hiểu rõ tâm sự thầm kín của một phi tần nhà Nguyễn, gối loan trằn trọc thương nhớ lang quân bị lưu đầy biệt xứ, mặc cho ong bướm bay lượn màn the, mà vẫn giữ được tấm lòng son đối với nước non và người xa vắng, như được diễn tả tài tình trong hai câu thơ của Bà Tương Phố;

Má hồng phận mỏng cay son phấn,
Nước loạn canh tàn khóc bể dâu!

Như trên kia đã trình bày, ông bà chúng ta, từ vua quan đến dân dã, đã chịu đựng bao nhiêu nỗi đắng cay và đã trải qua một thời đại nhiễu nhương nhất trong Lịch sử nước ta. Thời kỳ này bị đánh dấu bởi cuộc đụng độ giữa Đông và Tây, một cuộc đụng độ nảy lửa trong nhiều lãnh vực: chính trị, quân sự, văn hóa và kinh tế, với những phương tiện rất là chênh lệch, khiến cho nước ta phải rơi vào quỹ đạo của Tây Phương và nền đô hộ của Pháp.

Bài *"Nước Loạn Canh Tàn Khóc Bể Dâu"* lấy đầu đề nơi một bài thơ của Nữ sĩ Tương Phố, nhũ danh Đỗ Thị Đàm (1897 - 1973), bài thơ mang tên *"Sau Cơn Mưa Gió"*, trích từ Thi tập *"Mưa Gió Sông Tương"*:

Ba sinh lỡ dở mối duyên đầu,
Chiếc bách lênh đênh bể thẳm sầu,
Yên trí sang ngang gây lại phúc,
Đau lòng dấn bước vướng thêm sầu.
Má hồng phận mỏng cay son phấn,
Nước loạn canh tàn khóc bể dâu.
Mưa Gió Sông Tương thơ đẫm lệ,
Đoạn trường ai cảm khách qua cầu.

Tương Phố tự bạt.

♦ 4. Cái chết của Nguyễn Văn Tường.

Trước tiên, tôi xin trả lời một độc giả rõ về cái chết của Quận Công Nguyễn Văn Tường, theo tài liệu của Linh Mục Adolphe Delvaux trình dẫn trong Bulletin des Amis du Vieux Huế, số 4, 1923:

"Quân Tường đến Tahiti tháng hai 1886, ở đây chỉ được 6 tháng. Ông sống một cách kín đáo, ít người để ý tới ông, ngoại trừ bảy, tám người tùy tùng".

Linh mục Delvaux đã căn cứ trên một lá thơ phúc đáp, ghi ngày 26/12/1922 của Giám Mục Hermel, Cai quản Địa phận Tahiti. Thơ này nói thêm:

"Theo lời một thân hữu của tôi là Bác sĩ Chassaniol, người đã điều trị cựu Phụ Chánh (Ex Régent) cho tới ngày chết, thì Quận Tường (Prince Tường) đã chết vì bệnh ung thư nơi cổ họng (cancer à la gorge).

Chúng ta cũng được biết thêm:

1. Chiếc tàu chở các ông Nguyễn Văn Tường, Phạm Thận Duật và Tôn Thất Đính (thân sinh ông Tôn Thất Thuyết) từ Côn Đảo sang Tahiti tên là La Clochesserie.

2. Chính Phủ Pháp đã thuận cấp số tiền dinh dưỡng 30.000 quan hàng năm cho Quận Tường.

3. Một sắc lệnh Nhà Vua đã thâu hồi tất cả bằng sắc và huy chương mà Triều đình đã ban thưởng cho Quận Tường, chưa kể quyết định tịch thu gia sản, nhưng quyết định này bị thu hồi bởi dân tâm không tán thành (Cette confiscation, ayant produit un effet déplorable, fut rapportée).

4. Bệnh ung thư cổ họng khiến Quận Tường không ăn uống gì được, rồi thở cũng không được, cho nên phải chết, như một người bị thắt cổ (L'ex-Régent, ne pouvant plus rien avaler, est mort littéralement de faim. De même, la respiration devenant de plus en plus embarrassée, il a du mourir étouffé, faute d'air, come ceux qu'on étrangle. Delvaux).

Theo Công Báo của Tahiti, 5 Aout 1886, trang 202, thì:

"Nguyễn Văn Tường, cựu Tể Tướng Vương Quốc An Nam, đến Tahiti hồi tháng hai năm nay, trên chiếc tàu Scorff, đã tạ thế tại Papeete ngày thứ sáu 30 tháng bảy, lúc 4 giờ rưỡi sáng.

Thi hài, đặt vào *bốn cái hòm lồng nhau* (renfermé dans un quadruple cercueil), đã được tạm để vào hầm (caveau), chờ ngày di chuyển về Huế".

Cũng theo Công Báo của Tahiti, ngày 9 Décembre 1886, thì "Thừa lệnh Bộ Thuộc Địa Pháp, ghi ngày 20 Octobre 1886, cho phép di chuyển thi hài Quận Tường về xứ An Nam, Thống đốc các Thuộc Địa Pháp ở Océanie, tên là Th. Lacascade, đã ký Nghị quyết ngày 9 Décembre 1886 cho phép đưa quan tài ra khỏi hầm, với sự hiện diện của Trưởng Sở Y Tế và Trưởng Sở Cảnh Sát, y viên có nhiệm vụ lập biên bản dịch vụ".

Ngoài ra, chúng ta cũng được biết: Trong sổ bộ Hộ Tịch, số 60, của Thị Xã Papeete, cũng có ghi rõ ngày tạ thế 30 tháng 7 năm 1886 của Quận Công Nguyễn Văn Tường (Décés de: Prince Nguyễn Văn Tường. Le 30 Juillet 1886), lúc bốn giờ khuya (quatre heures du soir), hưởng thọ khoảng 65 tuổi (âgé de soixante cinq ans environ).

Xuyên qua những tài liệu kể trên, chúng ta nhận thấy có sự khác biệt nơi tên chiếc tàu đã chở ông Quan An Nam từ Côn Đảo sang Tahiti: Theo báo l'Avenir du Tonkin và báo l'Union Indochinoise ra ngày 22 Octobre 1885 thì tên tàu là La Clochesserie, còn theo Công báo Tahiti, 5 Aout 1886, thì tên tàu là Scorff. Chúng ta đoán có thể có sự đổi tàu giữa đường đi chăng?

♦ 5. Trần Tiễn Thành và người Minh Hương.

Như chúng tôi đã nói trong bài trước, học giả Đào Duy Anh là cháu rể của Phụ Chánh Trần Tiễn Thành. Sau thời hoạt động cách mạng trong Đảng Tân Đại Việt tại miền Trung, Đào Tiên sinh và một số đồng chí đã mở trường dạy học lấy tên Thuận Hóa, phía tả ngạn Sông Hương (theo phương hướng từ cửa sông lên nguồn, nghĩa là từ Đông lên Tây, như quan niệm cổ truyền Á Đông, vốn trái ngược với Tây Phương). Trường này cũng gần giống như Trường Phú Xuân ở Xóm Gia Hội (hữu ngạn Sông Hương) là nơi qui tụ của nhiều giáo viên như các ông Cao Văn Chiểu, Bùi Ái, Tôn Quang Phiệt, Đào Đăng Vỹ... đã từng có một thời hoạt động chống chế độ thực dân.

Riêng học giả Đào Duy Anh, ngoài việc dạy học, còn cặm cụi biên soạn Tự Điển với sự khuyến khích và hiệu đính của *Hãn Mạn Tử* là mật hiệu của cụ Phan Bội Châu (1867 - 1940). Ông chủ trương *"Quan Hải Tùng Thư"* theo quan niệm của Mạnh Tử:

Quan ư hải giả, nan vi thủy!

Đại ý nói rằng: Khi ta nhìn biển rộng, ta cảm thấy khó mà làm phận sự của nước! Nói một cách khác, vai trò của người trí thức trong

thời buổi quốc phá gia vong thật là khó khăn và mênh mông như nước đại dương không bờ không bến. Đại dương có nhiều thủy vật để nuôi sống loài người, mà đồng thời sóng đại dương cũng có thể lật úp ghe thuyền như chơi, nhất là những ghe thuyền tràn đầy lòng tham vô đáy như ghe của Nguyễn Hữu Chỉnh vượt bể Thần Phù! Cho nên về sau, Cụ Nguyễn Công Trứ, rút kinh nghiệm người xưa, lúc kinh doanh nơi Kim Sơn Tiền Hải, nhìn ra biển rộng mà than rằng:

Duy thâm giã hoạn hải,
Ba đào vô nộ tái không chu!

tạm dịch là:

Biển quan quyền sâu thẳm vậy,
Sóng đại đương chẳng giận chiếc thuyền không!

Mặc dầu thế, Phụ Chánh Trần Tiễn Thành, tuy suốt một đời công minh chính trực, vẫn bị thời cuộc nhiễu nhương và hung thần hãm hại. Theo một bài biên khảo của Đào Duy Anh đăng trong tạp chí *Đô Thành Hiếu Cổ* (BAVH), số 2 năm 1944, chúng ta được biết: họ Trần sinh ngày 14 tháng 12 dương lịch 1813, giờ Canh Thìn, ở làng Minh Hương (Thanh Hà), huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên. Tổ tiên gốc Phúc Kiến, làng Ngọc Châu, huyện Chương Châu, Phủ Long Khê, đã tránh nạn xâm lăng của người Mãn Châu làm suy sụp nhà Minh, bèn di cư sang nước Nam, định cư ở làng Thanh Hà, tục danh *Phố Lở*, để buôn bán làm ăn. Bà mẹ của họ Trần nhũ danh Lâm Thị Phúc Châu là ái nữ của Huấn Đạo Lâm Nhật Thăng cũng là Minh Hương. Hai chữ *Minh Hương* này được Trịnh Hoài Đức (1765 - 1825) viết trên đôi liễn treo nơi Đền Minh Hương ở Quận 5 Chợ Lớn:

- Minh đồng nhật nguyệt diệu Nam thiên,
Phụng chữ lân chầu Gia cẩm tú,

- Hương mãn càn khôn linh Việt địa,
Long bàn hổ cứ Thạnh văn chương.

Chúng ta nên chú ý nơi ba cặp chữ đối nhau là: *Minh Hương, Nam Việt* và *Gia Thạnh*, danh từ kép *Minh-Hương* thường đi đôi với *Gia-Thạnh* để chỉ định danh xưng cư điểm đầu tiên của Hoa Kiều cư ngụ ở miền Nam. Minh Hương có nghĩa là Làng Xã của những người trung thành với nhà Minh. Còn Gia Thạnh có nghĩa là Tốt Đẹp và Thạnh Vượng. Những người Minh Hương phần nhiều là dòng dõi các danh sĩ và tướng lãnh miền Lĩnh Nam thuộc đại tộc *Bách Việt* ngày xưa, gồm các tỉnh Triết Giang (Việt Đông), Phúc Kiến (Mân Việt), Quảng Đông (Nam Việt) và Quảng Tây (Tây Âu, Âu Việt). Họ có học vấn cao và khí phách hiên ngang, không chịu phục tùng nhà Thanh từ Mãn Châu sang đô hộ nước Tàu. Họ là những người thuyền nhân (boat people) đầu tiên trong lịch sử cận đại Á Đông, đã cả gan vượt sóng đi tìm tự do và đất sống. Họ đã tiến về Nam theo *qui luật trường kỳ của Đại Tộc Bách Việt là Nam tiến*, mà các sử gia Tây Phương, trong đó có Giáo sư Bernard Lafont của Đại Học Đường Sorbonne, quen gọi là *"une constante de l'Histoire"*. Họ mạnh dạn tiến về biển Nam Hải để tìm những người anh em dòng họ đã từng đi trước từ các thế kỷ xa xưa, như Sĩ Nhiếp, như Mâu Bác, nhà thông thái đã có công truyền bá Phật Giáo từ cổ thành Luy Lâu, Bắc Ninh. Họ đã được dẫn dắt bởi các nhà lãnh đạo cỡ lớn như Mạc Cửu, Trần Thượng Xuyên và Dương Ngạn Địch. Họ đã được Chúa Nguyễn giao phó sứ mạng mở mang và khai phá miền Nam nước Việt, vốn hoang vu sầm uất, trở thành một giải đất xinh đẹp, phì nhiêu vào bậc nhất nhì ở Đông Nam Á.

Từ thuở xa xưa đó, các họ Mạc Trần Dương Lâm, Trịnh Thái Hoàng, Quách Phan Chu đã chấp nhận nước Việt Nam là Quê hương của họ. Họ đã lập những chiến công hiển hách, họ đã sáng tạo thi văn, chiêu hiền đãi sĩ nơi Chiêu Anh Các, qua *Hà Tiên Thập Vịnh*.

Lúc chạy sang nước ta, Mạc Cửu đem theo viên ký lục họ Lâm, tức là tổ tiên của Đông Hồ Lâm Tấn Phác (1906 - 1969), còn Bà Đông Hồ Thái Mộng Tuyết là dòng dõi của

bà mẹ Tổng Binh Mạc Cửu, mà dân Hà Tiên còn thờ phụng với phương danh Thái Bà Bà.

Cùng một thời tao loạn tiếp xúc Đông Tây, trong Nam có Cụ Phan Thanh Giản (1796 - 1867) thì ngoài Trung có Cụ Trần Tiễn Thành cả hai ông đều gốc Minh Hương. Thân sinh của Thành tên Trần Triều Đức xuất thân là giáo viên trường Làng. Lúc Thành lên 9 tuổi thì Thân sinh được Trịnh Hoài Đức đề bạt vào chức quan Hàn Lâm Viện Điển Bộ, rồi được cử ra Thăng Long hành sự. Ba năm sau thì ông được trở về Huế. Năm 1824 ông được cử vào Nam giữ chức Tri phủ Tân Bình ở Gia Định. Chưa đầy một năm thì ông thọ bệnh mà mất vào ngày 10 tháng 8 năm 1825, hưởng thọ 50 tuổi. Bà mẹ lúc bấy giờ mới 41 tuổi phải trở về Gia Hội buôn bán tần tảo nuôi 5 con dại.

Lúc Trần Tiễn Thành được 17 tuổi thì đến học tại dinh của cậu là cụ Trần Khoa Minh, Lễ Bộ Thượng Thư. Tới năm 22 tuổi thì Thành nhập Trường Quốc Tử Giám, có khả năng đặc biệt về thi phú. Năm 23 tuổi thì cưới vợ là con gái quan Thượng Thư Bộ Lễ tên Lương Tiến Tường. Năm 25 tuổi Thành đậu Cử nhân, Khóa Đinh Dậu, 1837, do Hà Tôn Quyền làm Giám khảo và Phan Thanh Giản làm Phụ khảo. Năm sau. 1838, Thành thi đậu Tiến sĩ Đệ Tam Giáp (Điện thí), do ba đại thần Phạm Hữu Tâm, Trương Đăng Quế và Hà Duy Phiên sát hạch. Liền năm đó, Thành được cử giữ chức Hàn Lâm Viện Biên Tu.

Đến thời Vua Thiệu Trị, Thành đã lên tới chức Án sát tỉnh Thanh Hóa. Đến năm 1849, đời Vua Tự Đức, Thành được cử đi công tác Hà Nội, tên mới của thành Thăng Long từ đời Vua Minh Mạng. Nơi đây, ông đã cưới cô vợ hầu mới 17 tuổi, tên Hoàng Thị Giám, cũng gốc Minh Hương. Bà này sẽ sinh hai con: người con đầu tên Trần Tiến Hối, về sau sẽ làm Tổng đốc Nghệ An.

Tháng tư, năm thứ sáu triều Tự Đức (1843), Vua ban tên mới là *Tiễn Thành* (đi ngay thẳng) cho ông, thay tên cũ là *Thời Mẫn*. Năm 1863 ông được Vua Tự Đức chọn làm Thượng Thư Bộ Binh, lúc đó ông vừa đúng 50 tuổi, cái lứa tuổi biết rõ mạng Trời (ngũ thập tri Thiên mạng, theo sách Luận Ngữ).

Năm Tự Đức 32, 1879, Vua Tự Đức vì cảm mến đức độ và văn tài đã nâng ông lên chức *Văn Minh Điện Đại Học Sĩ*, hàng ngũ vĩ vọng trong Tứ Trụ Triều Đình. Lúc đó ông được 66 tuổi. Ông là người đã tiến cử Nguyễn Văn Tường, xuất thân làm chức Bang Biện huyện Thanh Hóa, tỉnh Quảng Trị. Ông đã từng đem Tường theo ông lúc ông được cử vào Nam công tác đặc biệt năm 1857. Sau đó Tường đã được đưa ra Bắc phụ tá cho Hoàng Kế Viêm để dẹp loạn. Không ngờ về sau này, chính Tường là người chủ mưu ám hại Trần Tiễn Thành, ân nhân của y. Ám hại trong trường hợp nào? Đó là điều mà nhiều độc giả muốn biết rõ hơn. Tôi sẽ đi vào chi tiết, kể lại những nguyên do xa và gần đã dẫn tới cái chết thê thảm của một công thần lương mình chính trực, bị bọn gian thần bất nhân ám hại.

♦ 6. Biến loạn trong Triều Đình và nơi Cung Cấm.

Những năm cuối triều Vua Tự Đức là những năm đen tối nhất của Lịch Sử Việt Nam. Trong triều ngoài quận đã xảy ra quá nhiều việc rối ren, khiến cho nhà Vua buồn phiền, lo âu, không những phải đề phòng với Bảo Hộ Pháp mà còn phải đối phó với họ hàng âm mưu tranh dành ngôi báu. Nhà Vua đã dùng những biện pháp cứng rắn, có thể gọi là bất nhân, ngay với người anh ruột của mình là Hồng Bảo phải chết đói trong ngục tù một cách thê thảm!

Tâm sự phức tạp của nhà Vua vừa ăn năn, vừa thú tội, được chính mình phơi bày trong hai tài liệu quan trọng của Chính sử: *Một là mộ bia của Vua nơi Khiêm Lăng* kể lể tỉ mỉ những bịnh hoạn từ thuở bé, cho đến lúc khôn lớn đã 20 tuổi mà còn mắc phải bịnh đầu trời (variole), khiến cơ thể bị suy yếu, sinh ra vô hậu (stérile), rồi thêm những biến loạn dồn dập từ thủ đô ra tới biên cương, từ Nam chí Bắc, còn quần thần thì bạc nhược, tài năng thì kém cỏi, làm sao cả Vua lẫn quan gánh nổi việc nước trước nạn xâm lăng? Hai là bản *Di chúc của Vua Tự Đức* khởi đầu bằng sự nhắc lại sứ mạng cao cả chăn dân giữ nước, do các bậc Tiên Đế giao phó theo mạng Trời, nhưng

vì sức yếu tài hèn mà lúc nào cũng e ngại bất kham, mặc dầu rất chăm lo quốc sự.

Vì các thứ bịnh nghiệt nghèo mà Vua Tự Đức là người bất lực, dù lấy nhiều vợ mà vẫn không có con. Vua bèn nuôi ba người con của hai em mình, làm con nuôi, với khả năng được truyền ngôi:

1. *Ưng Chân*, tức là Vua Dục Đức, con Thoại Thái Vương,

2. *Ưng Đường*, tức là Vua Đồng Khánh, con Kiến Thái Vương,

3. *Ưng Đăng*, tức là Vua Kiến Phúc, con Kiến Thái Vương.

Trong Di chiếu, Vưa Tự Đức đã chỉ định truyền ngôi cho Ưng Chân, lúc bấy giờ đã 31 tuổi, xem như Trưởng nam, nhưng trong di chúc có ghi mấy câu: *Dục Đức có tật nơi con mắt, lâu ngày có thể sẽ mù, tính lại hiếu dâm, rất không tốt, chưa chắc đảm đương nổi việc lớn, nước đang cần có Vua lớn tuổi, nếu bỏ Hoàng tử trưởng thì biết lấy ai?*

Vua Tự Đức băng hà ngày 17 tháng 7 năm 1883, trước khi mất, Vua đã chỉ định ba vị Phụ Chính Đại Thần, theo thứ tự là: Trần Tiễn Thành, Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết. Vua cũng cho các ông xem bản Di chiếu. Sau khi xem, Trần Tiễn Thành đồng ý với hai ông kia, đã tâu với Vua nên bỏ những câu bất lợi cho Vua Dục Đức, nhưng nhà Vua không chịu, nói: *"Cứ để nguyên văn như rứa để răn dạy!"* Thái độ cứng rắn và thiếu tâm lý của Vua Tự Đức là mầm mống những rối loạn sau này trong Triều đình và Dòng họ.

Trước ngày đăng quang, Dục Đức gọi ba vị Phụ Chánh vào Cung để bàn về việc không nên đọc toàn bản di chiếu, nên bỏ mấy đoạn kể trên vì phải bảo vệ uy thế cho vị Nguyên thủ Quốc gia. Cả ba đều đồng ý. Nhưng hôm sau, trong buổi đại lễ tại Triều, lúc Trần Tiễn Thành đọc đến đoạn ấy, thì hạ giọng xuống để cho không ai nghe được, thì Tường và Thuyết nổi cơn thịnh nộ, bèn yêu cầu Nguyễn Trọng Hợp đọc lại thật to, rồi Nguyễn Văn Tường truyền đánh trống bãi chầu.

Ngày 21/7, hai ông Tường Thuyết lập sớ tâu lên Hoàng Thái Hậu Từ Dũ, công khai buộc tội Dực Đức ba khoản sau:

1. Cắt bớt một đoạn Di chiếu của Vua Cha.

2. Tự tiện đưa vào Hoàng Thành một giáo sĩ Đạo Thiên Chúa để làm việc riêng cho mình.

3. Mặc áo màu xanh, thích ăn chơi mặc dầu có quốc tang.

Bà Từ Dũ chuẩn y bài Sớ và chấp nhận lập trường của hai ông Tường Thuyết là *loại bỏ Ưng Chân*, đồng thời có ý *chọn người em Vua Tự Đức là Hồng Dật* (Lãng Quốc Công), đã nhiều tuổi, lên làm Vua. Trong phiên họp tại Triều, hai ông Tường Thuyết thay phiên trình bày lý do phải loại bỏ Thụy Quốc Công Ưng Chân. Phụ Chánh số 1 Trần Tiễn Thành muốn lên tiếng can thiệp nên thi hành đúng Di chiếu, nhưng liền bị ông Thuyết quát mắng: *"Ông cũng phạm nhiều lỗi lớn không thua chi, còn muốn nói năng cái gì?"* Thế là cả Triều đình đều câm mồm, ngoại trừ quan Khoa Đạo Phan Đình Phùng (1847 - 1895) cả gan lên tiếng, phản đối kịch liệt việc bất tuân Di chiếu. Ông liền bị bắt nhốt. Về sau nhờ sự can thiệp của ông Nguyễn Trọng Hợp với ông Thuyết mới được tha, nhưng phải chịu truất lột tất cả chức tước, phẩm hàm và đuổi về nguyên quán là làng Đông Thái, tổng Việt Yên, huyện La Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Sau buổi thiết triều Đại Lễ này thì Dục Đức bị đưa về giam trong một phòng nhỏ, kín mít, vừa mới được xây cấp tốc bên trong Dục Đức Đường ở Thành Nội. Hằng ngày Dục Đức chỉ được phần cơm nhỏ đưa vào lỗ cửa, còn người lính gác nhìn thảm cảnh, động lòng bèn lấy chiếc áo rách thấm nước nhét vào khe cửa để Vua vắt lấy nước mà uống, nhờ vậy mà sống lây lất được một tháng, rồi cũng chết một cách thê thảm và lặng lẽ, không có quan tài khâm liệm, chỉ được chôn sơ sài trên ngọn đồi và chẳng có người nào dám đi đưa đám cả! Và phải chờ cho đến đời Vua Thành Thái (1889 - 1907) mới được cải táng, đưa về nơi an nghỉ cuối cùng, ở An Lăng, gần An Cựu. Vua Thành Thái là con thứ 7 của Vua Dục Đức, bấy giờ được tôn lên "Cung Tôn Huệ Hoàng Đế".

Thế là Lãng Quốc Công lên ngôi với danh hiệu Hiệp Hòa. Ngày đưa đám Vua Tự Đức

tới Khiêm Lăng nhằm tháng tám âm lịch 1883, trời u ám lạ thường: Buổi sáng thì màu xanh lá cây, buổi chiều thì mờ đục như nước gạo, đình thần đều cho là triệu bất tường. Có thể hiểu là hiện tượng Trời bất bình mà cảnh cáo vua quan. Phụ Chánh Trần Tiễn Thành bàn với hai ông Tường Thuyết lập sớ dâng lên Tân Vương Hiệp Hòa xin cải tổ chánh sách và khuyến dụ quần thần các cấp chăm lo việc nước việc dân, để yên lòng Trời! Riêng Trần Tiễn Thành thì tự cho mình bất lực và có lỗi, xin được treo ấn từ quan. Ông xin mãi mới được rời khỏi Bộ Binh và chức Phụ chánh, để chỉ trông coi Khâm Thiên Giám và Tổng Tài Quốc Sử Quán!

Vua Hiệp Hòa lên ngôi ít lâu, nhận thấy hai ông Tường Thuyết lộng quyền, bèn trọng dụng những người trong Hoàng tộc như Hồng Phì (con trai Tùng Thiện Vương) và Hồng Sâm (con trai Tuy Lý Vương) sung biện Nội các. Cả hai người này lập mật sớ xin giết Tường và Thuyết. Đọc xong mật sớ, vua Hiệp Hòa liền phê: *"Giao Trần Khanh phụng duyệt!"* rồi bỏ vào một cái trắp giao cho viên Thái Giám Trần Đạt mang ra nhà Trần Tiễn Thành ở Chợ Dinh, Gia Hội. Đạt vừa ra tới cửa Nhật Tinh thì gặp Nguyễn Văn Tường đi vào (ông này lâu nay được đặc quyền Nhập Nội Hành Khiển, xuất nhập bất cấm ngày đêm, ai cũng khiếp sợ). Tường chận Đạt lại, hỏi mang trắp đi đâu? Đạt đáp: Mang trắp sớ ra nhà Cụ Trần Tiễn Thành. Tường bèn giật lấy cái trắp đựng sớ và nói: *"Ta cũng là Phụ chánh, đưa đây ta xem cũng được"*. Miệng nói, tay mở trắp lấy sớ ra xem. Theo Hồi ký của một đình thần triều Nguyễn thì lúc đó Tường biến sắc mặt, liền hô lính cận vệ bắt Đạt giam một nơi. Còn Tường thì lên xe kéo đến gặp Tôn Thất Thuyết, tuy đã mất chức Binh Bộ Thượng Thư mà chưa chịu bàn giao quyền hành và vẫn giữ công thự mà ở như không có thay đổi gì cả!

Đọc tờ sớ chưa xong, Quan Tướng thét ra lửa: *"Kéo quân đi giết chết bọn chúng ngay"*, nhưng Tường khuyên nên ôn tồn và nên triệu tập đình thần tại Bộ Binh. Tại đây Tường vạch tội của Hiệp Hòa, Trần Tiễn Thành, Hồng Phì và Hồng Sâm, cùng nhau âm mưu dựa trên thế lực Bảo Hộ Pháp mưu toan giết hại hai vị lương đống của Triều đình nước Nam! Có chứng cớ hẳn hoi, không thể tha thứ được! Hai ông đề nghị các quan ký vào tờ sớ này để dâng lên Đức Từ Dũ Hoàng Thái Hậu xin phế Vua Hiệp Hòa, lập Vua khác.

Lấy chữ ký các quan xong, Tường Thuyết dẫn nhau vào Cung Diên Thọ dâng sớ lên Bà Từ Dũ, đồng thời họ sai hai ông Ông Ích Khiêm và Trương Đăng Đệ dẫn 50 lính *"Phấn nghĩa đội"* có trang bị "mã tấu" vào Điện Càn Thành, ép buộc Vua Hiệp Hòa phải chấp nhận *"Tam ban triều điển"* gồm có: thuốc độc, giải lụa và đoản kiếm, để tự chọn mà tự xử theo tội hình dành cho vương hầu khanh tướng! Vua còn mơ màng giấc điệp, nghe ồn ào mở mắt nhìn thấy một bọn đầu trâu mặt ngựa ào ào xông vô. Quá khiếp sợ, Vua quấn chăn lăn vào phía tường run lẩy bẩy. Bọn *"Phấn nghĩa đội"* cứ thế mà khiêng Vua Hiệp Hòa đưa về Dục Đức Đường trên chiếc võng, trông thật là thê thảm! Tại đây đã sắp sẵn trên chiếc bàn con ba món vật giết người đã kể trên.

Ông Ích Khiêm và Trương Đăng Đệ liền quì xuống trước mặt Vua Hiệp Hòa, vừa khóc vừa nói:

"Vâng lệnh của Hoàng Thái Hậu và của Triều đình, xin Đức Ông chọn lấy một trong ba vật này mà tự xử cho đi".

Giây lâu, nhà Vua cũng không biết xử sự ra sao, cứ thoái thác kêu oan, khiến cho bọn *"Phấn nghĩa đội"* tuân lệnh hai ông Khiêm Đệ, ép Vua phải uống thuốc độc mà chết ngay tại chỗ! Hôm ấy nhằm ngày 29 tháng 11 năm 1883, Hiệp Hòa làm Vua được 4 tháng, thọ 36 tuổi.

Sau khi Vua Hiệp Hòa bị bức tử, Tôn Quan Tướng cùng trong đêm ấy, sai một toán "Phấn nghĩa đội" có giáo mác, do Hồng Hàng, Hồng Chức và Hồng Tế (cả ba đều thuộc Hoàng tộc) đến chợ Dinh (Gia Hội) ập vào nhà của Phụ chánh Trần Tiễn Thành, lên lầu, có mang theo trắp sớ, tức là bản án kết tội, liền gặp họ Trần nơi thang gác đang đi xuống. Cả bọn xông lên đâm chết Cụ Phụ

chánh họ Trần, ngay nơi nhà mang số 131 - 133 đường Gia Hội, phía Đông Nam Kinh Thành Huế.

Thi hài của Cụ được thân nhân đưa về mai táng nơi làng Thanh Hà, xã Minh Hương, bên kia Bao Vinh, dọc theo Sông Hương chảy về cửa bể Thuận An.

Trong cuộc tiếp xúc Đông Tây, ngoài Cụ Phan Thanh Giản, còn có Cụ Trần Tiễn Thành, là hai người đã sớm ý thức về Tây Phương tiến bộ hơn Đông Phương, đã nhìn xa thấy rộng hơn bọn quan lại lạc hậu, chỉ biết bàn ra tán vào, tranh giành chức tước nhỏ nhen, thi nhau ngâm vịnh, học vẩn từ chương, đến khi hữu sự thì Vua quan trở tay không kịp.

Cụ Trần Tiễn Thành là vị đại thần đã tiến cử và khuyến khích các danh sĩ Nguyễn Trường Tộ (1828 - 1871) chủ trương canh tân quốc gia với *"Tế Cấp Bát Điều"* và rất nhiều Điều trần lợi ích về mọi phương diện. Họ Trần cũng đã tiến cử danh sĩ *Nguyễn Lộ Trạch*, đồ đệ của Nguyễn Trường Tộ, lên Vua Tự Đức với bản Điều trần *"Thời Vụ Sách"*. Vì mến tài đức của Nguyễn Lộ Trạch, và mặc dầu ông này là người Công Giáo như Nguyễn Trường Tộ, họ Trần đã gả con gái tên Trần Thị Nhàn cho Nguyễn Lộ Trạch.

Nguyễn Lộ Trạch là một thanh niên tuấn tú, con trai Tuần Phủ Nguyễn Quốc Oai là bạn thân của Trần Tiễn Thành. Ông đọc nhiều sách Tây Phương đã được dịch sang Hán Ngữ như Dinh hoàn chí lược, Thiên hạ quân quốc lợi binh thư, Bác vật tân biên, Hàng Hải kim châm v.v... Năm 1877, lúc ông 25 tuổi, ông đã nhờ nhạc phụ dâng lên Vua Tự Đức quyển *"Thời Vụ Sách"* bàn về quốc kế dân sinh, canh tân cải tổ nước Đại Nam. Sách này gồm sáu mục chính yếu như sau:

1. Đặt thêm một *thủ phủ ở Thanh Hóa* là nơi đất rộng dân giàu, để có thể tiếp tục trường kỳ kháng chiến.

2. Khai khẩn đất đai với binh đội theo chủ thuyết cổ truyền *"động vi binh, tịnh vi nông"* và tổ chức ngoại thương.

3. Tổ chức quy mô *Quân đội* hùng mạnh và tân tiến.

4. Nghiên cứu và thực tập *Khoa học* và *Kỹ thuật* Tây Phương.

5. Tổ chức *Hải quân* và *Hàng hải* dân sự.

6. Mở rộng *Bang giao Quốc tế*, kết thân với các cường quốc khả dĩ giúp nước Đại Nam phát triển quốc nội và góp mặt trên trường quốc tế.

Hội đồng Cơ Mật đã họp để xét bản *Thời Vụ Sách* của Nguyễn Lộ Trạch, rồi đề nghị lên Vua Tự Đức nên gởi Nguyễn Lộ Trạch sang Hương Cảng học ngành Kỹ thuật như một sinh viên thường! Vì việc nước rối loạn, Vua Tự Đức không còn thì giờ để xem kỹ bản điều trần, rồi Ngài chỉ phê có một câu: *"Tại sao nói chuyện cao siêu như vậy!"* Thế rồi ít tháng sau thì Vua mất, mọi việc đều xếp lại để lo việc tống táng và kế vị, trong Triều ngoài quận rối loạn cả lên, chẳng còn ai thật sự lo việc dân việc nước, khiến cho kẻ sĩ như Tùng Thiện Vương *"Tóc bạc gấm mây sầu Xã Tắc"*.

Người ta kể lại rằng: Trong một bữa tiệc Vua Tự Đức cắn phải lưỡi. Vua bảo quần thần làm thơ với đề tài *"Xỉ giảo thiệt"* (Răng cắn môi). Có một vị đường quan ứng khẩu làm bài thơ sau đây, ám chỉ việc Vua Tự Đức đã diệt bào huynh là Hồng Bảo:

Ngã sanh chi sơ,
Nhữ sanh chi hậu, ngã vi huynh,
Nhứt đường cộng hưởng trân cam vị,
Hà nhẫn tương vong cốt nhục tình!

Bài này có thể là của Cao Bá Quát, nhưng cũng có người cho là của Đinh Nhật Thận, hoặc Nguyễn Hàm Ninh, hoặc Nguyễn Đăng Giai. Và ông bạn Vũ Tùng Chi đã dịch thơ như sau:

Tớ đã ra đời, mày chửa sanh,
Mầy sanh sau tớ, tớ là anh
Ngày nay chung hưởng mùi ngon ngọt,
Cốt nhục vì sao nỡ dứt tình!

Paris, Mạnh Xuân Bính Tý

Hương Giang Thái Văn Kiểm.

Chơi Thai Bài Chòi

Lê Văn Lân

Thai Bài Chòi là một lối chơi tập thể vừa có tính chất cờ bạc ăn thua, vừa pha lẫn đặc thù văn nghệ hò hát, thường được tổ chức vào những ngày Tết ở vùng thôn quê miền Trung, đặc biệt là ở Thừa Thiên (Huế) khoảng trước 1945 (nghĩa là nửa thế kỷ cách đây).

Lấy thời điểm năm 1945 là vì kể từ cái năm lịch sử này, đất nước ta bắt đầu chìm đắm vào khói lửa chiến tranh liên miên nên khắp vùng quê không còn không khí thái bình an ninh để vui chơi vào dịp Xuân.

Sở dĩ gọi là *"Thai Bài Chòi"* là vì cách chơi cốt yếu dựa vào sự giải đoán những câu đố trên những lá hay con bài của bộ *Bài Chòi*. Đoán trúng thì ăn, đoán trật thì thua.

Thai theo chữ Nho là nghi ngờ, là câu đố. Cũng như trước đây ở miền Nam có cách chơi đánh *Thai Đề* 36 con hay 40 con vào những năm thập niên 50 do sòng bạc Kim Chung của nhóm Bình Xuyên tổ chức công khai để thâu lợi kinh tài.

Đánh *Thai Đề* về sau bị cấm khi ông Ngô Đình Diệm về nước chấp chánh, chủ trương bài trừ cờ bạc đĩ điếm. Lấy lối chơi *Đề* 36 con làm ví dụ, thì Đề có 36 con số, mỗi con số là hình một con vật (Số 1 là con cá trắng, số 2 là con ngỗng và số 35 là con dê v.v...) Một con số được chọn ra và cất kín trong một cái hộp niêm kỹ đậy lại rồi treo lên cao (do đó có chữ Huyền Đề... Huyền là treo lơ lửng về sau đọc trại là Huyện Đề). Ban tổ chức sẽ bán những vé đề cho những người chơi — vé có in con số mà người chơi muốn đặt tiền, và kèm theo một hình vẽ nhăng nhít và câu thơ chữ Nho khó hiểu. Nếu chơi đề 40 con thì khi xổ một đồng đặt trúng ăn 36 đồng. Có đủ loại vé khác nhau từ vài cắc đến một hai đồng nên giới bình dân máu mê tùy túi tiền có bao nhiêu thì nướng sạch bấy nhiêu... Vì giới bình dân không hiểu ý nghĩa chữ Nho của các câu đề thì họ có thể nhờ các ông thầy đề giảng cho... Ví dụ hình trên vé đề vẽ Võ Tòng đả hổ thì đánh con gì, vẽ Trạng Nguyên mang hia đội mão thì đánh con gì v.v... Phần lớn thì người dân dựa vào điềm chiêm bao để đánh số... hoặc mua báo nhật trình dò coi trang hí họa gọi là tranh giải đề để đánh số... Nói chung, đánh *Thai Đề* có tính chất tuyệt đối là trông vào sự rủi may.

Ngược lại, chơi *Thai Bài Chòi* vui hơn vì pha lẫn màu sắc văn nghệ hơn tuy rằng cũng có sự ăn thua tiền bạc. Sự ăn thua làm tăng thêm phần hào hứng hơn là sự sát phạt đến sạch túi.

Bộ Bài Chòi là gì? Đó là điều cần biết qua để đi đến sự nắm vững thể lệ của cách chơi *Thai Bài Chòi*.

Bài chòi là lối đánh bài ở Miền Trung ngồi trên những chòi tre như ngoài Bắc chơi Tổ Tôm Điếm. Chòi chỉ là tiếng Nôm cho chữ Điếm. Nói Chòi canh hay Điếm canh cũng được. Nhiều lúc không dựng chòi được, đánh bài này ngồi trên ghế thì gọi là *Bài Ghế*.

Ở Huế, bài này nếu chơi trong nhà ngồi quây quần trên chiếu thì gọi là *Bài Tới*. Sở dĩ nói là Tới là vì bộ bài được chia đồng đều cho các tay chơi rồi ai bắt đủ cặp trước thì gọi là Tới tức là Thắng cuộc. Xin ví dụ về một cách chơi giản tiện như sau:

Bắt đầu một ván bài thì có một người đánh ra cây bài đầu tiên gọi là "Đi Chợ" — Chẳng hạn người đi chợ bèn rao:

"Đi chợ con Tám Tiền".

Một người khác có con "Tám Tiền" trên tay thì rút ra để vật xuống chiếu mà nói "Đây" để bắt cặp với con Tám Tiền rồi người ấy bèn đánh ra con bài khác, miệng lại rao:

"Tám Tiền đi Tứ Cẳng".

Cứ như thế, đánh qua đánh lại, ai bắt đủ cặp cho những quân bài của mình có trong tay gọi là Tới, tức là thắng ván đó.

Bộ bài Tới có 36 con, chia thành 3 hàng mỗi hàng 10 con gọi là Hàng Văn, Hàng Sách, Hàng Vạn. Ngoài lối chơi BẮT CẶP để tới, thì cũng bộ bài này có thể dùng để chơi những lối chơi khác như:

Bài Cọc, Bài Trùng, Bài Uện, Bài Oác, Phá Trận, mà tôi xin miễn đi vô chi tiết, đại khái thì ăn thua tùy theo số Nút của lá bài (tức là con số), hoặc rút bài, rồi cộng lại được chín nút là lớn hơn cả, rút quá từ 10 trở lên thì gọi lá Oát thì thua v.v...

Về lối chơi Thai Bài Chòi (hay Thai Bài Tới) thì hoàn toàn khác hẳn. Một con bài trong bộ bài 30 con được nhà cái kín đáo chọn ra rồi dấu trong một cái hộp như chơi đánh đề vậy. Rồi nhà cái dựa vô tên gọi hay ý nghĩa của lá bài này rồi rao lên dưới hình thức một câu đố bằng thơ. Các tay con tùy theo sự nhận định của mình mà giải đoán rằng nhà cái ám chỉ con gì qua câu rao mà đánh. Vì câu rao bài được hát hay hò lên nên lối chơi này còn gọi là *Hò Bài Thai.*

Đứng trên phương diện may rủi đỏ đen thì một con bài đánh ra có 1/30 xác suất để trúng, vì phải chọn một trong tổng số 30, nhưng trong lối chơi bài Thai thì nhờ những câu đố được hò ra, người chơi có thể ít nhiều tập trung sự giải đoán của mình mà chọn một số lá bài liên hệ ít hơn con số 30 thôi. Không phải vì thế mà dễ trúng đâu, vì những câu hò có thể đánh lạc hướng người chơi... vì nhà cái phải cố gắng chơi trác các tay con...

Do đó, chơi Hò Bài Thai là một trò chơi Động Não (Brain Storming Game) vì muốn ăn... phải vận dụng trí óc của mình. Nhà cái có thể đánh đòn tâm lý, biết các tay con hay giỏi chữ nghĩa quá thì đưa ra những câu đố hiểm hóc rắc rối nhắm vào những sự việc rất bình dị bất ngờ... Hoặc ngược lại, nhà cái có thể cho ra những câu đối thâm hiểm khúc mắc, chơi chữ để trác các tay con.

Ví dụ như trong trường hợp đầu:

Nhà cái rao hò như sau:

Đò Tư Hiền băng qua Sông Đại Hải
Dường có gập ghềnh thì xin chịu khó đi băng
Khổ chơ chàng ơi!
Chàng đi mô mà trời tối không trăng
Em sợ quàng cây vấp đá, rồi trách em răng
không dặn dò...

Các nhà con có thể suy nghĩ đủ chuyện nào là Chàng với Em hai người ở hai nơi xa cách thì ta đánh con Trường Hai (chia hai).

— Nào là suy đoán rằng: Quàng cây vấp đá tức là chàng đi hấp tấp không coi đường coi sá nên chân bị vướng vào sợi dây chăng ra nên đánh con *TÁM DÂY* (hay GIÂY). Nhưng đoán trật lất hết vì nhà cái lại giải thích rằng:

Trời tối... quàng cây vấp đá... thì đương nhiên chàng bị té... Mà té thì kêu cái rầm... tức là *Ông ẦM* vậy.

Lẽ tất nhiên nhà con thua thì kêu lên oai oái phản đối... nhưng nhà cái biện bác nghe cũng có lý và vui... thôi thì chịu thua mà nghe được một câu hò thú vị... cùng thỏa cái vong linh máu mê của mình... vả lại cãi chi cho lắm thì cũng dưa cải chấm nước mắm. Con bài được nhà cái chọn thì dẫu sao cũng được nằm sờ sờ trong cái hộp chứ phải con bài nào khác đâu, luật chơi thì phải thỏa thuận trước giữa nhà cái và các nhà con... Trúng thì ăn, thua thì cắn răng mà chịu...

Còn trường hợp sau là nhà cái dùng chữ nghĩa mà đưa ra một câu hò hóc hiểm như:

Ờ ơ hơ Tiết Thanh Minh Kiều đi tảo mộ.
Đường du lộ Trọng mới lần qua.. à.. ơ... ơ
Bởi vì ai mà bóng xế với trăng tà.
Sự tình lăng líu, xin Trọng phân qua... ơ.. ơ
cho Kiều tường.

Ái chà cái gì mà rắc rối vậy... cái gì mà "sự tình lăng líu... xin Trọng phân qua cho Kiều tường".

Đương nhiên là chẳng nhà con nào đoán trúng vì nhà cái đã đi một đường rắc rối như sau:

Chàng Kim Trọng phải tự giới thiệu danh tính mình cho Thúy Kiều biết.

Kim Trọng là hai chữ Kim và Trọng đi cặp đôi, nhưng theo chữ Nho:

Kim . . . ráp với Trọng . . . thành chữ CHUNG . . .

nghĩa là cái chuông, cái chung, cái đấu để đong lúa gạo ngày xưa... như trong câu thơ của Tú Xương: "Chung đấu nhờ lưng một mẹ mày".

Như vậy, con bài là *con ĐẤU*.

Những nhà con thua tiền nhao nhao phản đối "Chơi chữ gì mà kỳ cục vậy, khó bỏ cha bỏ mẹ đi"... Nhưng rồi suy đi nghĩ lại, không có lý đầu năm đi đánh bạc lấy vui... chẳng lại đi *Đấu Khẩu* cãi vã lôi thôi, biết đâu lại đi đến chuyện *Đấu Sức* thượng cẳng chân, hạ cẳng tay, u đầu, sứt trán, rồi bị phú lít bỏ bót. Biết họ xấu thì thôi bỏ đi đừng chơi nữa là xong (Câu chuyện Kim Trọng này tôi ghi lại là theo lời học giả Đoàn Khoách).

Trên một phương diện ăn thua, đen đỏ, lối chơi Bài Thai này ở Huế ít nhiều cũng giống như *Chơi Thả Thơ* ngày xưa.

Trong lối thả thơ, ví dụ nhà cái chọn (tức là đưa ra) câu thơ sau:

"Trống Tràng Thành Lung Lay Bóng Nguyệt,
Khói Cam Toàn Mờ Mịt Thức Mây".

Nhà cái bèn dấu chữ Thức đi nên câu thơ sẽ để trống và "thả" để người ta đánh như sau:

"Khói cam toàn mờ mịt (Vòng) mây".

Chỗ trống gọi là Vòng... Rồi nhà cái thả ra 5 chữ: *Sắc, Áng, Dáng, Lớp, Thức.* Các nhà con phải chọn một trong 5 chữ thả trên mà đánh. Nếu đánh chữ Thức thì trúng (1 đồng ăn 3 đồng).

Các câu thơ thả phần lớn lấy từ trong những bộ sách và thơ cổ, ai thuộc thơ xưa nhiều thì dễ trúng... nhưng nhiều khi già đoán quá lại thua, vả lại có nhiều câu thơ xưa trùng hợp lẫn lộn với nhau mà nhà cái cố tình chơi trác nên giỏi chữ nghĩa lắm lại dễ thua. Đọc cuốn *Vang Bóng Một Thời* của Nguyễn Tuân, qua hai chuyện *Đánh Thơ* và *Thả Thơ*, chúng ta sẽ hiểu thế nào là sự thú vị và rắc rối của lối cờ bạc giải trí đầy văn nghệ tính của một thời xa xưa.

Trong lối chơi Thai Bài Chòi, vấn đề chính là người chơi phải **thuộc mặt và tên gọi của những lá bài** vì những câu thai được dựa trên đó mà đưa ra để người chơi đoán. Do đó, trong lối *chơi Thai Bài Chòi ở Thừa Thiên Huế, phải thuộc lối gọi tên theo tiếng Thừa Thiên, Huế mới được.* Sở dĩ phải nói như vậy, vì cách gọi tên ở Thừa Thiên Huế có nhiều lá gọi khác cách gọi ở Quảng Nam hay Bình Định. Để quý bạn tham khảo, tôi tạm đưa ra một bản tương đương về tên gọi tùy địa phương với vài dấu hỏi ở điểm nghi ngờ, (nếu có điểm sai sót, xin quý vị cao minh chỉ giáo bổ khuyết).

(Xem bảng so sánh trang sau)

Do theo bản so sánh trên, ta thấy phần lớn thì cách gọi tên bộ bài gần như tương đương với nhau ngoại trừ vài điểm sai biệt rõ rệt giữa Huế và Bình Định như Sáu Tiền đối với Sáu Miếng, Tư Giáng với Tứ xách, Tứ Hương với Tứ Ghế, Bảy Dọn với Thất Vung... Những điểm sai biệt này còn có thể xảy ra ngay trong cùng một tỉnh như trên những vùng khác. Do đó, còn có nhiều tên khác như Đổ Ruột, Ngũ Dít, Tám Dông v.v... như giữa hai làng quê của Quách Tấn và Võ Phiến. Có nhiều sự giống nhau giữa cách gọi của Bình Định và Quảng Nam.

Trở về với lối chơi Thai Bài Chòi Huế, thì người chơi phải dựa theo cách gọi tên những lá bài ở Huế...

☆ Nguyên tắc về sự cấu tạo những câu thai đố có thể theo nhiều cách:

— dựa theo âm của tên gọi,
— dựa theo ý nghĩa của tên gọi,
— dựa theo sự suy diễn xa xôi gợi ý, gợi hứng, gợi âm.

PHO VĂN

HUẾ	BÌNH ĐỊNH	QUẢNG NAM
○ **Bài Thường**		
Tuyết (Bạch Tuyết)	Chín gối	Nhất gối
Hai (Trường Hai)	Nhì Bánh	(Như Bình Định)
Ba (Trường Ba)	Ba Bụng	- nt -
Voi (Bốn Voi)	Tứ Tượng	- nt -
Rún (Năm Rún)	Ngũ Rún	- nt -
Sáu Tiền	Sáu Miểng	Sáu Xưởng
Liễu (Bẩy Liễu)	Bẩy Liễu	-nt-
Tám Tiền	Tám Miểng	-nt-
Xe (chín Xe)	Chín gan (?)	Chín Cu
○ **Bài Hoa**		
Tử (Thái Tử)	Thế Tử	Thang (Thái Tử)

PHO SÁCH

HUẾ	BÌNH ĐỊNH	QUẢNG NAM
○ **Bài Thường**		
Đượng (Nọc đượng)	Nhất Nọc	(Như Bình Định)
Nghèo (Hai nghèo)	Nhì nghèo	,,
Gà (Ba gà)	Ba gà	,,
Giáng (Tư giáng)	Tư xách	,,
Sáu hột	Ngũ Dụm	,,
Sưa (Bẩy sưa)	Bảy thua (?)	Sáu hương
Giày (Bảy giày)	Sáu bường	Bẩy hột
Tám giây	Tám giây	Tám điều
Chín gối	Cửu điều	(như Bình Định)
○ **Bài Hoa (in dấu đỏ)**		
Mỏ (Đỏ mỏ)	Đỏ mỏ	Chi (Bạch Huê)

PHO VẠN

HUẾ	BÌNH ĐỊNH	QUẢNG NAM
○ **Bài Thường**		
Trò (nhứt trò)	Nhất trò	như Bình Định
Đấu (Hai đấu)	Nhì Bí	Nhì Bí
Quăn (Ba Quăn)	Tam Quăng	(như Bình Định)
Hương (Tứ Hương)	Tứ ghế	Tứ móc (ghế)
Ngũ (Ngũ trưa)	Ngũ trợt	(như Bình Định)
Xơ (sáu xơ)	Lục chạng	Lục trạng (chạng)
Dọn (Bảy dọn)	Thất vung	(như Bình Định)
Bồng (Bát Bồng)	Bát Bồng	(như Bình Định)
Thầy (Cửu Thầy)	Cửu chùa	(như Bình Định).
○ **Bài Hoa**		
Ông Ầm	Ông Ầm Lão	(ông Ầm)

- **1. Dựa Theo Âm Của Tên Gọi.**

Thông thường trong tên gọi của một lá bài có thể gặp nhiều sự đồng âm: Như *BỒNG* có thể hiểu là Quả Bồng, Bồng Bế, Gối là cái Gối hay cái Đầu Gối v.v...

Trong sự đồng âm, không nhất thiết phải đúng hoàn toàn về chính tả. Như Quăn (quăn queo) có thể đồng âm với Quăng (quăng ném). Như Giày (Giầy dép) đồng âm với Dày (Dày Mỏng). Như Ngủ đồng âm với Ngũ.

Một ví dụ về câu đố dựa vào sự đồng âm để đánh lừa người ta như câu:

Đêm nằm gối gấm không êm
Gối lụa không mềm bằng gối tay em.

Giải là con *QUĂN* (hay Quăng). Gối lụa không mềm thì *Quăng* phứt nó đi để gối tay người yêu chứ!

- **2. Dựa Vào Ý Nghĩa Của Tên Gọi.**

Lấy câu sau làm ví dụ:

Làm thân con gái chẳng lo
Ngủ trưa đứng buổi dậy đo mặt trời
Áo quần thì rách tả tơi
Lấy rơm mà túm mỗi nơi một đùm.

Câu giải là con *"NGHÈO"* vì ham ngủ trưa không dậy lo làm ăn nên Nghèo và áo quần thì rách bươm xơ mướp.

Hay câu khác:

Thạch Sanh có Phật chứng minh
Cứu con vua Thủy một mình dưới hang

Được giải là con *TỬ* (Thái Tử) vì Thạch Sanh cứu được công chúa thì được nối ngôi vua trong chức vị Thế hay Thái Tử. Hoặc câu khác:

Đi mô cắp sách theo hoài
Cử nhân không có, Tú Tài cũng không?

Giải là con *HỌC TRÒ*.

- **3. Dựa theo sự suy diễn xa xôi.**

Cách suy diễn có thể dựa theo âm hay theo nghĩa hay lẫn lộn hai cách. Cái lô-gíc của sự suy diễn đôi khi không bắt buộc phải theo luận lý chặt chẽ hay theo mạch tư tưởng hay bắt liên hệ từ nhân đến quả. Ví dụ như trường hợp chữ *Đại Phong* được giải là lọ tương. Vì Đại Phong là gió lớn, gió lớn thì chùa có thể xập, nên Tượng phải Lo, Tượng lo mà lái lại thì thành lọ tương. Muốn nắm được tinh thần của sự suy diễn người giải đoán phải rành về câu chuyện, bối cảnh, nếp suy nghĩ và ngôn ngữ, âm sắc của địa phương ra câu đố: Như câu chuyện bối cảnh là chuyện *Chú tiểu* được sư ông sai đi xuống phố mua đồ ăn và nếp suy nghĩ là phải liên quan đến cái chùa và tượng Phật, tương chao. Và tương được đựng trong lọ chứ không phải đựng trong hũ, trọng vịm v.v....

Ta thấy câu đố về con *ẦM* ở trên đã nói là một loại suy diễn dựa theo âm. Quàng dây vấp đá thì phải té... mà té thì kêu cái *Ầm*.

Và một ví dụ khác về sự suy diễn trên ý tưởng liên hệ:

Thiếp gặp chàng như rồng mây gặp hội
Chàng gặp thiếp như chim Phụng gặp cội cành ngô
Mấy lâu kẻ Hán người Hồ
Nay chừ hữu duyên thiên lý ngộ,
Tội chi mô mà không nâng niu cho thiệt tận tình.

Xin giải là con *BỒNG* vì trai gái gặp nhau thì Loan ôm lấy Phượng, Phượng *bồng* lấy Loan còn chuyện chi nữa.

Nhìn chung, những câu thai Bài Chòi là những câu thơ bình dân đặt ra cốt để đố trên những tên lá bài. Vì con số tổng cộng những lá bài là 30 nên số những câu đố cũng chỉ giới hạn từng đó mà thôi, tuy nhiên nhà cái có thể nặn óc chế biến nhiều câu khác thêm thắt.

Vì là trò chơi của giới bình dân cho nên tính chất của câu đố đương nhiên không đi vào sự cao siêu, uyên áo mà chỉ dựa vào những điều thực tế trước mắt hay các món vật quen thuộc

trong sự sống hằng ngày. Trong các câu đố, người ta nhận thấy tính chất trữ tình bình dị của những câu thơ nói về tình yêu ở thôn quê và người ta cũng gặp được tính chất châm chọc khiêu khích đầu óc tục khi ám chỉ về bộ phận hay hành động về tình dục, cốt để gây thành những trận cười ồ ạt tinh quái ranh mãnh của quần chúng.

Người viết trân trọng cám ơn ông Võ Phiến về bài viết chơi bài chòi ở Bình Định và ông Đào Đức Chương về bài viết về bài chòi ở Quảng Nam (?). Tôi ước ao mong được sự chỉ giáo tận tình của quí vị độc giả cao minh, giầu kinh nghiệm về phong tục văn hóa của quê hương.

★ VÀI CÂU THAI ĐỐ Ở THỪA THIÊN:

1. Ơ ờ ơ hơ Tiết Thanh minh Kiều đi tảo mộ
Đường du lộ Trọng mới lần qua a ơ ơ
Bởi ai mà bóng xế với trăng tà
Sự tình lăng líu, xin Trọng phân qua cho Kiều tường.

- (Con **Đấu:** Kim + Trọng = Chữ Chung).

2. Năm ngoái trồng khoai khoai không có cổ
Năm ni cấy ló, ló lỗ mất mùa
Thôi đừng nói chuyện hơn thua,
Bỏ ló chi trợt, như tay bản điền làm ruộng mất mùa thì thôi.

- (Con **Dọn:** Dọn mỏ nói dóc).

3. Ờ... ơ... hơ Một khoan, hai khoan, ba bốn xin khoan, mời nàng ở lại,
Có điều chi không phải, cho tôi phân giải đôi lời... ờ... ơ
Quen nhau chưa ráo mồ hôi,
Chưa xong cối gạo, đã nỡ chia đôi... ơ... ơ.. nẻo đường.

- (Con **Xơ**: vì mới quen sơ sơ).

4. Ờ... ơ... hơ... Chiếc kim xuyết trao cho người bạn ngọc,

Khăn vuông hồng xếp để cầm tay.. ờ... ơ..
Số Thúy Kiều là sống đọa với thác đầy,
Đất Liễu Dương ơi chàng Kim Trọng, có hay... ờ... ơ.. ơi hỡi chàng...

- (Con **Liễu**: Liễu Dương có biết đoạn trường thiếp không).

5. Ờ... ơ... hơ... Thiếp trông chàng như nhang trông lửa,
Chàng mà trông thiếp như đại hạn trông mưa.. ơ... ơ...
Chán chi nơi loan rước phượng đưa,
Răng bằng tình cũ nghĩa xưa... ơ... ơ.. mặn nồng.

- (Con **Bồng**: trông cho gặp nhau mà bồng nâng niu).

6. Thiếp gặp chàng như rồng mây gặp hội,
Chàng gặp thiếp như chim phụng gặp cội cành ngô
Mấy lâu ni kẻ Hán người Hồ,
Nay chừ hữu duyên thiên lý ngộ, xin quyết yêu nhau cho tận tình...

- (Con **Bồng**)

7. Sen xa hồ thì sen khô hồ cạn,
Lựu xa đào thì lựu ngả đào nghiêng,
Tài chi anh xa em mà không đêm thảm với ngày phiền,
Nó khác chi Thúy Kiều xa Kim Trọng, biết giải mấy niên cho hết sầu...

- (Con **Tám Giây**: dây dưa hoài).

8. Đôi đứa mình như Nguyệt Nga ngày trước,
Đã trao lời nguyện ước với Vân Tiên.
Liều mình qua cống Tây phiên
Vai mang bức tượng, giữ lời nguyền không phai...

• (Con **Xe**: se duyên).

9. Đĩa ông tiên đơm xôi cúng Phật
Chén long ẩn múc nước thờ Thân
Bởi vì em giàu anh khó không cân,
Có chi trung dung như bạn, thì kết nghĩa Châu Trần đã lâu...

• (Con ??)

10. Đò Tư Hiền băng qua sông Đại Hải,
Đường có gập ghềnh thì xin chịu khó đi băng.
Khổ chơ chàng ơi, chàng đi mô mà trời túi không trăng,
Em sợ quàng cây vấp đá, rồi lại trách em răng không dặn dò.

• (Con **Ầm**: té cái Ầm).

11. Cây bát bát leo quanh hòn núi chén
Chim chìa vôi đậu mén ngọn lục bình
Em muốn vô làm dâu thảo cho phụ mẫu mình
Trước coi gia cang bề thế, sau nấu đôi bình nước khuya.

• (Con **Xơ**: nói sơ sơ chưa đậm đà). ■

trên sông Hương

Bến Hương Giang đèn sao thấp thoáng
Đờn êm êm thoang thoảng du dương
Bên ai nguyệt thẹn hoa nhường
Tiếng ai réo rắt sầu vương tấc lòng

Đường tơ dứt lặng ngừng giây phút
Để con tim nao nức bồi hồi
Màu thời gian tạm ngừng trôi
Nổi chìm non nước xa xôi dặm ngàn

Hồn bâng khuâng trăng tàn thổn thức
Mối sầu dâng hiu hắt từng khi
"Nước non ngàn dặm ra đi...
cái tình chi... cái tình chi... nợ duyên gì..."

Đêm về khuya lâm ly đưa khách
Tiếng đờn ca xênh phách ngưng theo
Con đò thôi đã gác chèo
Lòng sao còn muốn xin neo chốn này

Lệ Vân

mo cơm bới

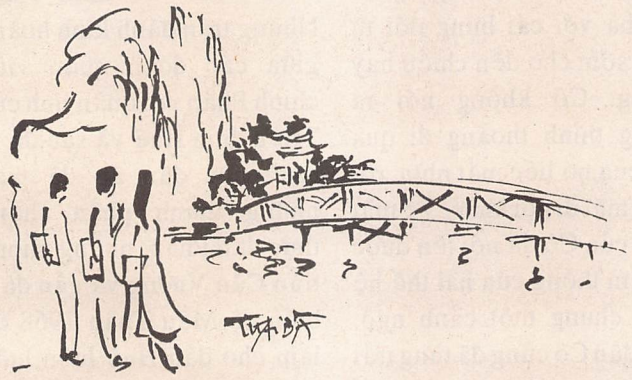

HOÀNG GIAO

"Mùa đông thiếu áo, mùa hè thiếu ăn" đã diễn tả đúng tình cảnh của người dân miền Trung, đặc biệt là mấy tỉnh từ Thanh Hóa vào đến Thừa Thiên. Dân nghèo, đất đai cằn cỗi mà quanh năm còn chịu biết bao nhiêu thiên tai lụt lội, bão tố, hạn hán v.v... Cuộc sống người dân miền Trung quả thực cơ cực không đâu sánh bằng. Nhưng lạ thay, dân miền Trung vẫn ngang nhiên sống, vẫn cố vươn lên để khắc phục mọi hoàn cảnh éo le. Và cũng có lẽ nhờ đó mà người dân miền Trung không sờn lòng, không thất vọng mỗi khi phải đương đầu với những khó khăn trong những giai đoạn ngặt nghèo vì thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu tất cả tiện nghi tối thiểu của cuộc sống hàng ngày.

Lớn lên trong thời ly loạn, từ cuộc Đệ nhị thế chiến, trải qua bao nhiêu biến cố thăng trầm của thời đại, tôi đã chứng kiến những cảnh đói khổ cùng cực của dân Huế. Tôi đã trông thấy tận mắt những người không có cơm ăn, kể cả khoai sắn hay các nông sản khác. Tôi đã trông thấy tận mắt những người không có đủ áo quần để mặc, trên mình chỉ có tấm vải rách che thân. Tôi đã trông thấy nhiều người vì thiếu ăn, chỉ còn da bọc xương, đi không nổi, nằm la liệt trên hè phố. Và tôi cũng đã từng thấy nhiều nông dân, sau mấy tháng trời trồng trọt cực khổ, đến cuối mùa chỉ mang về nhà vỏn vẹn có mấy rổ khoai, sắn hay vài bó rơm rạ cho trâu ăn.

Thế nhưng họ vẫn cố gắng chịu đựng để chờ đến vụ mùa kế tiếp, may ra hoa màu khá hơn. Cuộc sống như thế kéo dài đời này qua đời nọ. Người dân Huế chỉ được trông thấy ánh sáng mặt trời le lói trong chốc lát rồi bị áng mây khác che lấp. Người dân đã hết sức cầu Trời, khẩn Phật, kêu gọi tình thương của Thượng đế nhưng dường như những lời kêu gọi ấy chưa bao giờ được đáp ứng.

Ngay tại thị xã Huế, nơi mà thành phần dân chúng tương đối có mức sống khá giả hơn, tôi cũng vẫn trông thấy nhiều cảnh đau lòng diễn ra mỗi ngày. nếu so sánh với người dân miền Nam, đất đai ruộng vườn trù phú, thì cuộc sống của người dân hai miền quả thật cách biệt quá xa về mặt vật chất. Nhiều người cứ tưởng nói lên sự cực khổ của dân Huế chỉ là tưởng tượng, nhưng họ có biết đâu đó là những chuyện khó tin nhưng có thật. Tuy vậy, đa số người dân Huế đều tự hào là không sờn lòng khi phải phấn đấu với mọi bất công và thiệt thòi và khi bị lôi cuốn bởi những phồn hoa đưa con người đến sa đọa.

Ngày nay, nhìn lại những hình ảnh lớp học sinh trẻ được cha mẹ nuôi nấng đầy đủ, hàng ngày chỉ biết cắp sách đến trường nhưng trong thâm tâm không bao giờ nghĩ đến sự hy sinh và công lao của cha mẹ, rồi nhớ lại hình ảnh của những học sinh xứ Huế, phải "lội bộ" qua cầu Trường Tiền dưới cơn mưa tầm tã, gió lạnh rét buốt mà chỉ có một mảnh tơi lá — một loại áo che mưa làm bằng lá của dân miền Trung — vừa

đủ để che thân, có khi đã rách tả tơi, đi chân không hoặc mang chiếc guốc gỗ mức đã mòn hết gót, người ta không khỏi ngậm ngùi thương cho số phận hẩm hiu của giới trẻ miền Trung qua suốt mấy thế hệ. Nhiều học sinh, nhà ở xa thị xã, phải dậy từ sáng sớm mới đến trường kịp giờ. Buổi chiều khi về tới nhà thì trời đã tối đen, nhất là những ngày trong mùa mưa.

Tôi còn nhớ có một lần một đứa bạn, nhà ở tận Kim Long, trưa nào cũng phải ở lại trường vì đường xa. Bữa cơm trưa vỏn vẹn chỉ có mo cơm bới — tức là cơm gói trong mo cau — một ít muối mè hay cá khô và một vài củ khoai luộc. Hôm đó trời mưa to, trên đường đi đến trường, mo cơm bị rớt xuống đường dính đầy bùn không còn ăn được nữa. Thế là trưa hôm đó, nó đành nhịn đói, nằm kê đầu lên mấy quyển vở ngủ một giấc ngon lành. Lúc tỉnh dậy thì học sinh đã bắt đầu vào lớp để tiếp tục lớp học buổi chiều. Chẳng ai biết được cái lý do thầm kín khiến cho nó phải lặng lẽ đánh một giấc ngủ trưa ngon lành như vậy. Đến khi cô giáo vào lớp, trông thấy vẻ mặt nó buồn xo nhưng vẫn cố gượng cười như không có gì khác thường xảy ra, hỏi nguyên nhân mới biết rõ là mo cơm dính bùn đã khiến cho nó phải nhịn đói.

Cô giáo biết được sự thật nhưng cũng chỉ ngậm ngùi nuốt nước mắt. Chẳng biết làm sao hơn, vì chính Cô, Cô cũng không có tiền mua cho đứa học trò của mình một chút gì ăn đỡ đói để tiếp tục học xong lớp buổi chiều, chờ đến giờ về nhà. Chắc Cô cũng thầm nghĩ, liệu nó có đủ sức để học cho xong buổi chiều và đủ sức để lội bộ trở về nhà với cái bụng đói từ sáng sớm cho đến chiều hay không. Cô không nói ra nhưng thỉnh thoảng đi qua bàn của nó liếc mắt nhìn, rồi quay mặt đi nơi khác. Vẻ mặt ưu tư của Cô đã nói lên được sự cảm thông của hai thế hệ cùng chung một cảnh ngộ. Biết đâu Cô cũng đã từng trải qua những giây phút như thế lúc Cô còn cắp sách đến trường, hoặc biết đâu những đứa con của Cô cũng đã một lần gặp chuyện éo le như vậy. Vả chăng với đồng lương chưa đủ sống của nhà giáo lúc bấy giờ, Cô cũng chẳng biết làm gì hơn, dù Cô không phải là dân quê sống bữa no bữa đói...

Hình ảnh nói trên cho đến ngày nay tôi vẫn còn nhớ rõ và mỗi lần nhớ tới, tôi vẫn tự nhủ, không biết tại sao người dân miền Trung lại có thể kéo dài cuộc sống cơ cực như vậy suốt bao thế hệ mà vẫn không có phương cách nào để cứu vãn. Thế mà trời vẫn chưa để yên. Dân Huế còn phải sống trong những cảnh đọa đày, tang tóc suốt mấy chục năm do chiến tranh gây nên. Chết chóc, ly loạn đã đến với dân Huế từ ngày quân Pháp đặt chân đến kinh đô nhằm thôn tính đất nước Việt Nam vào năm 1885. Những trận đánh kinh hoàng giữa các đoàn quân viễn chinh Pháp với quân lính của Triều đình Huế và sau đó là các cuộc đàn áp dã man những thành phần chống thực dân Pháp; những phong trào Cần Vương và gần đây, biến cố Mậu Thân 1968 đã làm cho dân Huế luôn luôn sống trong tâm trạng kinh hoàng và đói khổ.

Đau đớn hơn nữa là vì phải thua trận, cho nên suốt mấy chục năm trời làm dân của một nước thuộc địa, người dân Huế phải một thời tôn vinh những viên tướng viễn chinh Pháp mà tên tuổi đã được dùng để đặt tên cho các đường sá, trường học, dinh thự. Ngày nay các vết tích đó không còn nữa nhưng vẫn để lại cho một hai thế hệ nối tiếp nhiều ngậm ngùi, đắng cay.

Ký ức về những năm 1946 và 47

✍ ***Hoàng Giao***
California, tháng 8 -1996

Chùa Diệu Viên

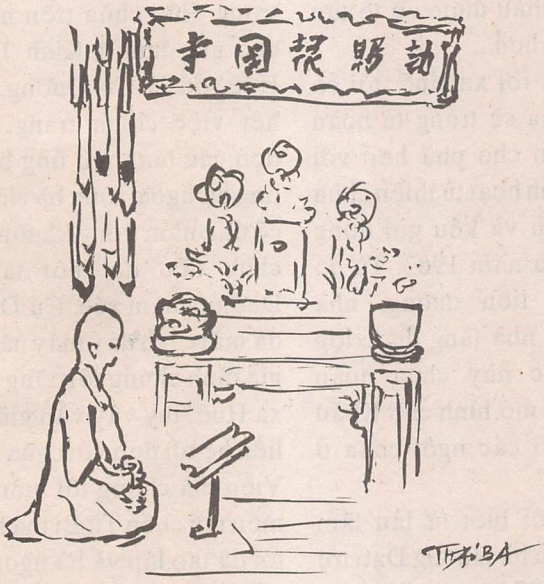

Y La Ngọc Quỳnh

Quê ngoại cho tôi nhiều kỷ niệm. Một trong những nơi làm cho tôi gắn bó nhiều nhất, mỗi lần kỷ niệm của ngày thơ ấu trở về với trọn vẹn thơ mộng, tươi vui... đó là Chùa Diệu Viên.

Chúng tôi hãnh diện có một ngôi chùa gia đình. Chùa được sáng lập do cụ bà Ưng Dinh, khuê danh là Hồ Thị Thể Anh, chúng tôi gọi bằng bà Dì vì cụ bà là chị ruột của bà ngoại tôi: Cụ bà Hồ Thị Thể Vân - - Cụ bà Ưng Dinh không có con nên suốt chuỗi ngày sinh tiền Cụ bà dồn hết vào việc thực hiện những công tác giúp đỡ những người khốn khó chung quanh. Ngày còn bé lắm, tôi nhìn bà Dì tôi như hình ảnh một mệnh phụ với dáng dấp khoan thai quý phái mà đức độ khoan dung khiến mọi người kính phục thương quí. Để phù hợp với đường hướng từ thiện của vị sáng lập, từ lâu chùa cố gắng xây dựng những cơ sở cho công tác giúp đời, thực thi một khía cạnh của triết lý đạo Phật: Nhập thế để tích cực giúp đỡ những người khốn khó. Chùa có tổ chức giúp trẻ mồ côi, người già cả đơn chiếc; chú trọng đến việc giáo dục trẻ em và huấn nghệ cho người lớn. Vì tôn chỉ sinh hoạt của chùa đầy tình người như vậy nên hầu hết cư dân quanh vùng đều là Phật tử và đạo hữu của chùa. Chùa nằm ở chân núi Ngự Bình thuộc địa phận làng Thanh Thủy thượng, xã Thủy Dương; chùa nằm phía đông triền núi Ngũ Phong, nhìn ra quốc lộ I, cách thành phố Huế độ 5 km.

Chùa được thành lập năm 1924. Những ngày xưa mỗi lần được theo mẹ lên chùa bằng xe kéo gọng dài, tôi tưởng như được du lịch một chuyến đi dài, quan trọng và đầy thích thú... Quang cảnh chùa vẫn còn in trong trí tôi, một hình ảnh nên thơ, thanh lịch từ cổng vào chùa đến cảnh trí bên trong.

Cổng vào chùa kiến trúc theo hình vòm có cây leo chằng chịt, xanh tươi như tên gọi là Thanh Trúc Động vì trông từa tựa một cửa động có hai tầng, bên trên có tượng Đức Thế Tôn và tầng giữa có tượng Đức Quan Thế Âm, uy nghi và thanh thoát giữa vòm lá quấn quít mơn mởn; bên dưới là đường vào chùa có hàng thành đá ghép như hàng núi giả. Chùa có nhiều gốc cổ thụ mà dưới mỗi gốc cũng có nhiều đá sắp xếp mỹ thuật làm cảnh trí là lạ và đẹp mắt.

Noi theo gương vị sáng lập đầy đức độ, bà ngoại tôi cũng là một phật tử thuần thành và rộng ra con cháu luôn cố gắng học theo hạnh Từ Bi của bà Dì tôi để xử thế. Đặc biệt là lòng quý mến thương yêu và xem con cụ bà thứ thất như con của mình và vì vậy liên hệ giữa các dì và mẹ tôi thật tốt đẹp thân thương, khắng khít và tôi còn nhớ mãi những cái tên rất đẹp của những bà dì tôi quý mến: Công Tôn Nữ Hạ Huyền, Minh Nguyệt, Lạp Kim...

Các dì tôi nay đã trọng tuổi, có người đã tạ thế nhưng tình cảm với gia đình mẹ và các dì ruột của tôi vẫn bền đẹp như những ngày xưa khi tôi còn bé lắm... Huế là nơi thiên tai bão lụt luôn, lại thêm địa điểm của chùa tọa lạc gần đường lên sân bay Phú Bài nên chiến tranh cũng tàn phá nhiều. Chùa đã bao lần trùng tu và mỗi lần lại mở rộng và xây dựng theo quy mô tốt đẹp hơn. Ngày mới thành lập, chùa chỉ là một thảo am nhỏ và một miếu thờ giữa vùng đồi núi hoang vu u tịch.

Năm 1927, Cụ Bà hội chủ đã vận động quyên góp thêm để xây chính điện lợp ngói và nhà trai lợp tranh. Chùa vẫn giữ kiến trúc khiêm nhường này cho đến năm 1953, mới trùng tu qui mô hơn để có thêm thiền thất. Năm này, tôi trở lại Huế để theo học lớp Đệ Tam Trường Khải Định vì Nha Trang chưa có trường trung học đệ nhị cấp, vì vậy tôi được theo mẹ dự lễ khánh thành chùa. Mẹ chân thành làm lễ tạ Trời đất. Sau bao nhiêu năm nhìn lại ngôi chùa cũ, lòng lâng lâng nhớ lại ngày nào còn nhỏ dại theo chân Ba Mẹ, các cậu dì trong những buổi "picnic" tại khuôn viên chùa, bên lăng bà Dì tôi có mái che và lót granito mát rượi và từ đó cũng thấp thoáng nhìn thấy hình dáng một vài ni cô trẻ trong tràng y màu khói hương thanh thoát nhẹ nhàng đang nhặt những trái khế chín để thêm vào sửa soạn cho buổi trai chay. Chùa đã khang trang hơn trước nhưng tôi nghe mẹ tôi lâm râm khấn trước di ảnh của bà Dì tôi được rọi lớn treo trước chánh điện, cầu xin chùa được xây cất rộng lớn hơn cho giòng họ, con cháu được về tề tựu đông đảo hơn...

Khi đã rời xa Huế, tôi có nghe chùa sẽ trùng tu hoàn chỉnh hơn cho phù hợp với những sinh hoạt từ thiện chùa đảm trách và kêu gọi đóng góp, đó là năm 1963. Từ đó chùa có tiền đường, nhà khách và nhà tăng được lợp ngói. Lúc này chùa hoàn chỉnh với mô hình chữ Khẩu như đa số các ngôi chùa ở Huế.

Theo tôi biết từ lâu lắm chùa do sư bà Hướng Đạo trụ trì, năm 1974 sư bà viên tịch và đệ tử là sư bà Chơn Thông kế sự cho đến ngày nay. Chùa được thiết trí thờ tự với tượng Đức Thế Tôn chạm khắc tinh vi, thếp vàng rực rỡ trong nét từ bi thanh thoát, khoan dung. Khảm thờ được chạm cẩn xà cừ, đường nét nhẹ nhàng uyển chuyển, tất cả làm cho không khí nơi điện trang trọng mà thanh nhã. Đến nay chùa vẫn giữ được lớp sinh hoạt xã hội như tâm nguyện của vị sáng lập và trở thành cơ sở từ thiện quan trọng của Huế — mọi tổ chức đều do các ni cô của chùa đảm nhiệm. Chùa là cơ sở đạo hạnh của gia đình nên sự liên hệ của gia đình chúng tôi đối vối chùa cũng luôn được nhắc nhở. Việc đóng góp trùng tu cũng được con cháu tùy tâm hưởng ứng. Trong giai đoạn chiến tranh, đường từ Huế lên chùa mất an ninh, chúng tôi cũng luôn liên lạc với sinh hoạt của chùa qua một gia nhân thân tín — là một gạch nối quan trọng giữa chùa trên núi và của gia đình ở Kinh Thành Huế, đó là Cụ Dưỡng. Hầu hết việc chỉnh trang, quét dọn các lăng mộ ông bà cố, ông bà ngoại, ông bà chú bác cô dì... nằm trong khuôn viên chùa đều do một tay cụ Dưỡng chăm sóc. Cụ Dưỡng đã mất cách đây mấy năm và gia đình chúng tôi cũng đã đi xa Huế, tuy vậy vẫn giữ mối liên hệ tốt đẹp với chùa Diệu Viên mà chúng tôi luôn yêu mến nơi chốn Từ Bi mà bà Dì tôi đã tạo lập và bà ngoại tôi cũng dày công tu bổ để cho đời sống của con cháu đẹp mãi nét từ tâm.

Những ngày hôm nay, xa Huế đến nghìn trùng... Trên xứ người, chúng tôi vẫn luôn cố gắng giữ lòng hướng về đạo, cầu xin cho tâm thành vững chãi để giữa những điên đảo của cuộc sống, với văn hóa khác biệt trên đất khách duy trì được một tấm lòng Việt Nam sáng suốt biết tìm đến ánh đạo vàng của Đấng Từ Bi cao cả.

Y La Ngọc Quỳnh

Tháng 3, 1996
Giữa Mùa Kiết Hạ.

Làm Vợ Vua

Hương Thủy.

Thời trước, Vua nước ta, cũng như Vua nước Trung Hoa, thường tuyển rất nhiều phi tần, cung nữ làm vợ. Thí dụ, đời nhà Tần bên Trung Quốc, vua Tần Thủy Hoàng (246 - 209 trước D.L), có trên 3.000 cung nữ. Còn ở Việt Nam, đời nhà Lý, Vua Lý Thái Tông (1028 - 1031) quy định số hậu phi và cung nữ như sau: hậu và phi là 13 người, cung nữ 18 người và nhạc kỹ 1.000 người.

Ở Việt Nam, vợ chánh của Vua gọi là "Hoàng Hậu", nhưng kể từ Vua Minh Mạng lên ngôi, chức vị Hoàng Hậu bị bãi bỏ. Vì sợ bị tiếm mất ngôi, Vua Minh Mạng đặt ra *"Ngũ Bất Lập"* là:

— Bất lập Hoàng Hậu,
— Bất lập Đông Cung,
— Bất lập Tể Tướng,
— Bất phong Vương,
— Bất tuyển Trạng Nguyên.

Từ đó, cấp bậc các bà vợ Vua được chia ra làm "cửu giai", từ trên xuống dưới là:

— Đệ nhất giai Phi,
— Đệ nhị giai Phi,
— Đệ tam giai Tân,
— Đệ tứ giai Tân,
— Đệ ngũ giai Tiếp Dư,
— Đệ lục giai Tiếp Dư,
— Đệ thất giai Thục Nhân,
— Đệ bát giai Mỹ Nhân,
— Đệ cửu giai Tài Nhân.

Cũng như các cấp bậc của ngạch quan lại được chia ra làm cửu phẩm. Người đứng đầu trong cửu giai gọi là Hoàng Quý Phi. Đến đời Vua Bảo Đại mới lập lại chức vị "Hoàng Hậu" (tức là Nam Phương Hoàng Hậu).

Vì số phi tần cung nữ rất đông, nên Vua phải cho xây cất "Tam Cung" và "Lục Viện" để cho họ có đủ chỗ ở, mỗi người được cấp một phòng riêng đầy đủ tiện nghi.

- ***A. Tam Cung gồm có:***

1. Cung *"Diên Thọ"* dành cho các bà Hoàng Thái Hậu, Thái Thái Hậu, tức là các bà vợ các vị vua đã "thăng hà" (chết). Cung này ở trong một khu đất khá rộng, có hồ và có một ngôi nhà dành cho các Thái Giám ở.

2. Cung *"Trường Sanh"*, gồm có nhiều lâu đài nối bởi những hành lang và xây thành hình chữ "vương", nên có cái tên *"Vương Tự Điện"* (điện xây hình chữ "vương"). Cung này dành cho một số vợ vua đang tại ngôi. Các bà Lệ Thiên, vợ Vua Tự Đức, và Từ Minh, vợ Vua Dục Đức, đã từng ở tại cung này.

3. Cung *"Khôn Thái"*, ở gần điện "Càn Thành" (nơi Vua ở), dành cho các bà Hoàng Quý Phi. Cung này có một cái điện chính là điện "Cao Minh Trung Chính" xây năm Gia Long thứ ba (1804). Phía đông của điện có một nhà hát để nội cung hát cho vua xem, gọi là viện "Tịnh Quan".

- ***B. Lục Viện gồm có:***

1. Viện Thuận Huy, ở giữa điện Càn Thành và điện Cao Minh Trung Chánh. Phía Tây viện Thuận Huy có:

2. Viện Đoan Thuận,
3. Viện Đoan Hòa,
4. Viện Đoan Huy,
5. Viện Đoan Tường,
6. Viện Đoan Trang, dành cho các cung nữ tân tuyển.

Trừ cung Diên Thọ, tất cả các Cung và Viện kể trên đều dành cho các cung phi, mỹ nữ vợ Vua đang tại ngôi và hầu hết đều ở cả trong "Tử Cấm Thành", nơi mà trừ các Thái Giám ra, không có một người đàn ông nào có quyền đặt chân đến.

Các phi tần, cung nữ thường được tuyển chọn trong hàng các cô con gái con các quan Đại Thần, hoặc cũng có khi trong hàng các cô con gái con nhà thường dân nếu có nhan sắc xuất chúng. Khi mới được tuyển vào cung, các cô ấy được đưa đến "Đoan Trang Viện" để học tập cách ăn mặc, các nghi lễ trong cung và các danh từ riêng thường dùng trong đó: Ví dụ như Vua ăn cơm, thì nói "Vua ngự thiện", Vua ngủ thì nói là "Vua ngơi", Vua thức dậy thì nói là "Vua tánh", Vua bị bệnh thì nó là "Vua se" v.v..

Một khi đã được tuyển vào cung, các phi tần, cung nữ không còn được phép gặp mặt bất cứ ai ở bên ngoài nữa, dù là người thân, kể cả cha mẹ và anh chị em ruột, họa hoằn trong những trường hợp đặc biệt, Vua cho phép cha mẹ được vào Nội thăm con, thì chỉ được nói chuyện với con qua một bức sáo mà thôi, chứ không được phép nhìn thấy mặt con. Vì vậy, ở Huế, người ta nói "đưa con vô Nội" là có ý nói mất đi đứa con rồi đó.

Ở "Tam cung lục viện", ngoài các thị nữ (đầy tớ gái) phục dịch các phi tần, cung nữ, còn có các "Thái giám" có nhiệm vụ trông nom và săn sóc họ. Các vị quan này còn có nhiệm vụ kiểm soát các hành động của họ nữa, và mỗi khi Vua ngự đến ăn nằm với người nào, thì lo ghi chép ngày giờ cho đúng để tránh sự "lộn sòng" về sau.

"Thái giám" chia ra làm hai hạng: một là "giám sanh" tức là trời sanh ra phi nam phi nữ, không có ngọc hành hoặc âm hộ, và hai là "giám lặc" tức là giám tự lặc (thiến) ngọc hành của mình đi để được tuyển làm Thái giám.

Thời xưa, tại làng nào có "giám sanh" ra đời, thì cha mẹ phải đi trình làng để làng trình lên Bộ Lễ. Bộ này sẽ cho nuôi nấng và dạy dỗ đứa trẻ theo nghi lễ trong cung, để khi nó lớn lên, thì đưa vào Nội làm Thái giám, người ta thường gọi đứa trẻ ấy là "ông Bộ".

Thời ấy, làng nào sản xuất ra được "ông Bộ" thì được coi như là có phước, vì khi "ông Bộ" được cung tiến, thì làng đó được Vua cho miễn thuế trong ba năm. Do đó, các bà nội trợ lúc bấy giờ, khi đi chợ gặp phải thực phẩm bán giá quá cao, thì hay nói: "Ăn đẻ ông Bộ cho làng nhờ".

Phi tần, cung nữ thì đông, sức Vua thì có hạn, nên có nhiều cô không bao giờ được Vua chiếu cố, đến nỗi có trường hợp Vua đã thăng hà rồi mà vẫn còn trinh.

Tương truyền rằng mỗi khi Vua giá lâm đến Tam Cung, Lục Viện, thì thường dùng xe do dê đực kéo. Hễ dê kéo xe vào phòng nào là Vua ở phòng đó. Vì vậy cho nên các phi tần, cung nữ thường cho mua sắm sẵn các thứ cỏ hay lá cây thuộc loại mà dê thích ăn (như lá dâu hay lá sầu đâu v.v...) đem rắc trước cửa phòng của mình để nhử dê của Vua kéo xe vào. Do đó, trong khúc *"Cung Oán Ngâm"* của Ôn Như Hầu, mới có câu:

"Phải duyên hương lửa cùng nhau,
Xe dê lọ rắc lá dâu mới vào".

Lại theo sử Tàu, thời Vua Hy Tôn (879 - 887) nhà Đường, có một cung nữ tuyệt sắc tên là Hàn Thúy Tần sống cảnh cô đơn buồn thảm trong cung cấm. Một hôm, nàng nhặt một chiếc lá đỏ (hồng diệp), đề bốn câu thơ vào đó rồi thả xuống ngòi nước ngự cho trôi ra ngoài nhân gian. Thơ rằng:

"Lưu thủy hà thái cấp,
Cung trung tận nhật nhàn
Ân cần tạ hồng diệp
Hảo khứ đáo nhân gian".

Nghĩa là:

Nước chảy sao mà vội?
Cung sâu cả buổi nhàn
Ân cần nhờ lá thắm
Đi quách tới nhân gian.

Lúc bấy giờ, có người môn khách của quan Tể Tướng Hàn Vinh, tên là Vu Hựu vốn là một văn nhân, hào hoa phong nhã, một hôm đi dạo chơi thơ thẩn ngắm dòng nước ngự, bỗng trông thấy chiếc lá có bài thơ liền vớt lên xem, cảm thông tác giả bài thơ chàng cũng hái một chiếc lá, đề một bài thơ vào đấy,

rồi đợi khi dòng nước chảy ngược vào cung, thả lá xuống. Thơ rằng:

"Sầu kiến oanh đề liễu nhữ phi,
Thượng đương cung nữ đoạn trường thì.
Tư quân bất cấm đông như thủy,
Diệp thượng đề thi ký ả thùy?"

Ông Phan Như Xuyên dịch:

Nghe oanh thấy liễu chạnh lòng thương,
Thương kẻ trong cung lúc đoạn trường
Chiếc lá đề thơ trôi mặt nước,
Gởi cho ai đó nói không tường.

Cung nữ họ Hàn đang ngồi nhìn dòng nước chảy, bỗng bắt được chiếc lá chở bài thơ của người không quen biết, bèn đem cất vào rương.

Ba năm sau, nhà vua sa thải một số cung nữ, trong đó có Hàn Thúy Tần. Nhờ có họ với quan Tể Tướng Hàn Vinh, nàng đến ở tạm dinh quan Tể Tướng họ Hàn để chờ ngày trở về quê cũ. Hàn Vinh thấy đôi trai tài gái sắc, xứng đôi vừa lứa, bèn làm mối gả Hàn Thị cho Vu Hựu.

Đêm tân hôn, Vu Hựu mở rương của vợ, chợt thấy chiếc lá của mình ngày xưa. Lấy làm lạ, chàng cũng đem chiếc lá mình vớt được cho vợ xem. Thì ra cả hai người đều giữ hai chiếc lá của nhau. Đó quả thật là duyên trời định.

Hàn Thúy Tần bèn làm bài thơ sau đây để kỷ niệm:

"Nhất liên giai cú tùy lưu thủy.
Thập tải ưu tư mãn tố hoài
Kim nhật khước thành loan phượng lữ
Phương tri hồng diệp thị lương môi".

Nghĩa là:

Một đôi thi cú theo dòng nước,
Mười mấy năm qua nhớ dẫy đồng
Mừng bấy ngày nay loan sánh phượng,
Cũng nhờ lá thắm khéo làm mai.

Tích này được cụ Nguyễn Du nhắc lại trong tác phẩm *"Đoạn Trường Tân Thanh"* bằng hai câu thơ sau đây:

"Thâm nghiêm kín cổng cao tường,
Cạn dòng lá thắm, dứt đường chim xanh".

Cụ Long Châu Tôn Thất Sa, họa sĩ kiêm điêu khắc gia, người đã từng nặn tượng Vua Duy Tân, có cho tôi hay rằng một bà Hoàng Quý Phi, vợ Vua Khải Định, vì cảm thấy quá cô độc ở trong cung cấm, nên đã ký thác tâm sự chua xót của mình vào mấy vần thơ sau đây, có giọng của *"Cung Oán Ngâm Khúc"* của Ôn Như Hầu:

"Hạt mưa đã lọt vào đài các,
Những mừng thầm cá nước duyên may
Càng lâu càng lắm mùi hay
Cho cam công kẻ nhúng tay thùng chàm.
Ai ngờ thế; một năm một lạt,
Nguồn ái ân không tát mà vơi
Suy đi âu cũng cơ Trời,
Bỗng không mà hóa ra người vị vong!"

Lại còn thêm một cái họa này nữa: là sau khi vua thăng hà và chôn ở lăng tẩm mà nhà vua đã cho xây cất lúc sanh tiền, ngoại trừ các Hoàng Quý Phi, một số cung nữ phải lên ở thường xuyên tại lăng để hôm sớm dâng hương và tụng kinh niệm Phật trước bàn thờ vua. Họ phải ở đấy cho đến chết để hầu hạ như là khi vua hãy còn sống. Đối với tục lệ này, họ còn may mắn hơn các bà vợ của vua Chiêm Thành, vì khi vua Chiêm chết, các bà vợ phải hỏa thiêu chết theo vua.

Các nhà thơ Vân Bình Tôn Thất Lương và Quách Tấn trong các thi phẩm của họ, đã nói đến các cung nữ Việt Nam như sau:

"Dâng hương đầu bạc bốn năm cô,
Quét lá áo xanh ba bốn chú"

Vân Bình Tôn Thất Lương
(trích ở bài thơ trường thiên "Cung chiêm Hiếu Lăng" tức là lăng Vua Minh Mạng).

Tình Khiêm Cung (tức là lăng Vua Tự Đức)

Xe rồng mấy áng nẻo Khiêm Cung,
Lạnh lẽo đài câu lá rụng hồng,
Thương chị phi tần nương bóng xế,
Hồ thu hương đọng ngấn hoa dung.

Quách Tấn
(trích ở thi tập "Đọng Bóng Chiều").

***

Theo sử Tàu, một câu chuyện "Thái giám giả mạo" đã xảy ra dưới triều vua Tần Thủy Hoàng như sau:

Lã Bất Vi là người đất Dương Dịch ở nước Triệu đời Chiến Quốc, nhờ mưu mẹo "buôn bán Vua" mà được làm Thừa Tướng nước Tần. Vì là người có sức khỏe phi thường nên được mẹ của Tần Thủy Hoàng là Trang Tương Hậu yêu lắm. Tương Hậu tên là Triệu Cơ trước vốn là hầu thiếp của Vi, nay gặp lại nhau ở Tần, nên Vi thường ra vào cung cấm. Đến khi Tần Thủy Hoàng khôn lớn, thông minh hơn người, Lã Bất Vi có ý sợ. Nhưng Tương Hậu ngày càng đa dâm, thường cho đòi Vi vào cung Cam Toàn để vầy cuộc mây mưa ân ái. Vì sợ lâu ngày, việc đổ bể thì họa đến thân, nên muốn tìm một người sức lực thay mình để làm vừa lòng Tương Hậu.

Lúc bấy giờ có tên Lao Ái có dương vật to khác thường. Các phụ nữ đa tình trong vùng nghe tiếng, tranh nhau để được gần Ái. Nhưng một hôm, Ái phạm tội gian dâm, quan bắt trị tội. Lã Bất Vi hay tin, liền can thiệp xin tha để làm xá nhân trong phủ.

Nước Tần có tục khi làm mùa xong, trong nước mở cuộc vui chơi ba ngày để giải lao. Kẻ nào có cái hay cái khéo gì là cứ phô bày. Lã Bất Vi lấy gỗ bảo người làm bánh xe, sai Lao Ái xỏ dương vật vào giữa bánh xe biểu diễn. Bánh xe quay tít mà dương vật của Ái vẫn không hề hấn gì. Người xem cười ầm lên, lắc đầu le lưỡi cho là khó có kỳ phùng địch thủ.

Tương Hậu nghe chuyện, hỏi Bất Vi như có ý thích. Bất Vi nói:

— "Thái Hậu muốn thấy người ấy không? Nếu muốn hạ thần sẽ tìm cách đưa hắn vào đây".

Tương Hậu bèn lấy một trăm nén vàng giao cho Bất Vi, ân cần dặn bảo cố gắng làm cho được việc. Bất Vi ra lệnh đem Lao Ái ra thiến dương vật về cái tội dâm của hắn trước kia, nhưng đem vàng đút lót cho viên quan hành hình, lấy dương vật của một con lừa bôi máu vào giả là thiến thật, rồi giơ lên cao cho mọi người xem. Ai cũng tin là thật. Lao Ái bấy giờ được tuyển làm hoạn quan. Bất Vi đem dâng tân Thái Giám cho Thái Hậu để hầu hạ trong cung. Đến đêm Lao Ái hầu ngủ, Thái Hậu thích quá, ngày đêm giữ hắn luôn luôn bên cạnh mình.

ít lâu sau, Thái hậu có thai, sợ khi sinh nở, việc sẽ đổ bể, bèn sai người đem vàng bạc đút lót cho thầy bói nói dối là trong cung có ma, Thái Hậu phải nên tránh ra ngoài 200 dặm ở phương Tây.

Trước đó, Vua Tần đã có ý nghi Lã Bất Vi thông dâm với Thái Hậu, nay Thái Hậu xin đi ở xa, Vua đồng ý ngay, vì như thế, sẽ chấm dứt sự đi lại giữa hai người.

Thái Hậu dọn ra ở cung Đại Trịnh ở Ung Thành, đem theo quan Thái Giám Lao Ái. Ở đấy, trong vòng hai năm, Thái Hậu sinh được hai trai, đem nuôi giấu trong một ngôi nhà kín.

Để tưởng thưởng công lao hầu hạ đắc lực của quan Thái giám. Thái Hậu xin vua phong Lao Ái làm Trường Tín Hầu và cấp cho hắn đất Sơn Dương nữa. Được ưu đãi như vậy, Ái lên mặt hống hách với các người hầu hạ Thái Hậu, nên có kẻ bí mật tố cáo Ái là Thái giám giả mạo. Do đó, Vua Tần đích thân đến cung Đại Trịnh mở cuộc điều tra, thì quả thật, Ái vẫn có dương vật. Vua lại tìm thấy hai đứa con của hắn ở nhà kín, Vua liền ra lệnh quật chết hai đứa nhỏ, xử phân thây Lao Ái và tru di ba họ của hắn.

Hương Thủy Hoàng Trọng Thược

HUẾ Đặc Sệt

BÙI MINH ĐỨC

Người Huế xa Huế đã lâu, khi nói chuyện với người khác thường có xu hướng xử dụng "văn chương bác học" hơn là "văn chương bình dân" với những từ ngữ đặc biệt của Huế. Lâu ngày, "chữ nghĩa" Huế quên dần và chính mình cũng không còn hiểu được ý nghĩa của những chữ Huế đặc thù, những chữ mà người Huế thường nôm na khôi hài gọi là "chữ Huế Sịa".

Với ngày tháng trôi nhanh, nhất là ở xứ người như xứ Hoa Kỳ mà chúng ta đang định cư, chắc chắn con cháu chúng ta không thể nào nhớ hết các từ ngữ như chúng ta đã dùng. Để giữ gìn gia tài những từ ngữ Huế của ông cha ta ngày trước, chúng tôi xin cố gắng ghi lại ngày hôm nay những chữ đặc biệt Huế mà chúng tôi còn nhớ được.

Chúng tôi kỳ vọng những chữ "đặc Huế" này có ngày sẽ được vài người trong đám hậu thế căn cứ vào để đi tìm nguồn gốc của cha ông chúng ta trong bước đường Nam tiến định cư ngày xa xưa.

Chúng tôi sẽ chú thích ý nghĩa của những chữ nêu ra, nghĩa bóng hoặc nghĩa đen, nhưng sẽ không cố gắng nêu lên nguồn gốc của từng chữ, ví dụ gốc Chàm, gốc Môn, gốc Hán, gốc Nam Dương hay gốc Tây Tạng v.v... Công trình đi tìm nguồn gốc này chắc chắn sẽ đòi hỏi rất nhiều ngày giờ nghiên cứu của các nhà ngữ học và Việt học trong tương lai.

Danh sách tiếng Huế đặc thù này dĩ nhiên còn nhiều thiếu sót. Rất mong các vị thức giả Huế sẽ cùng chúng tôi góp sức bổ sung trong tương lai hầu có được một danh sách hoàn hảo hơn để làm điểm tựa cho các khảo cứu về tiếng Huế trong những ngày sắp đến.

- ẦƯ = ừ (em ầư một tiếng cho anh mừng!)
- ẤY = anh, chị (thân mật)
- BA BỊ = ông ăn mày bắt cóc (dọa con nít)
- BA CĂN HAI CHÁI = nhà điển hình ở Huế
- BA LÀNG BẢY XÓM = mọi người chung quanh
- BÁNH BÈO = bánh tròn dẹp như cánh bèo
- BÁNH NẬM = bánh bột gạo, lép
- BA TRỢN = trợn trạc, hấp tấp
- BA XÀM = BA LÁP = nói không đâu vào đâu
- BÃM = nhiều
- BẤT KINH = khủng khiếp
- BÀU = chỗ trũng nước chảy vào
- BẦY QUÂN = bầy trẻ, con cái
- BỆN = sợi dây se lại (bện dây thừng)
- BÔ = Cha
- BÔN = bông hoa
- BỒN = vườn nhỏ nhô cao (bồn trầu)
- BỘN = nhiều (bộn tiền)
- BỤ = cái vú
- BỰA LỢ = bữa ăn phụ buổi chiều
- BƯA RỒI = vừa rồi, đủ rồi
- BỤI = vui (bui quá, thiệt là bui!)

- CÁ BỐNG MỦ = cá bống mập, có trứng
- CÁ PHÁT LÁT = cá nhỏ dẹp, nhiều xương hơn thịt
- CÀ TÀNG = điên điên, liều liều
- CÁI BẼM = cửa mình
- CÁI CÙI ĐÂY NÀY = "Tôi không sợ đâu!"
- CÁI LU = vạc, chum lớn đựng nước
- CÁI LỤC LẠC = chuông nhỏ đeo chân trẻ em
- CÁI LÙNG TUNG = trống nhỏ chơi, phát tiếng khi quay
- CÁI MỎ = cái mồm

- CÁI MƠN = cái muỗng
- CÁI NI = cái này
- CÁI NỚ = cái đó
- CÁI NƠM = dụng cụ bằng tre để chụp cá
- CÁI OI = cái giỏ
- CÁI TRA = trần nhà xứ Huế
- CẠP = khởi, ăn
- CẮT RỚ = đưa lưới cá lên
- CÂY BI LỜI = cây có trái nhỏ trồng hàng rào
- CÂY BÚT = cây viết
- CHA MI = tiếng mắng yêu
- CHẠC BA = CHẠNG BA = rẽ ba
- CHẢNG BẢNG = phình rộng
- CHÀNG BẾP = khung treo trên bếp
- CHÀNG HẢNG = mở rộng chân
- CHẸP BẸP = bị ép mỏng
- CHI LẠ RỨA = sao lạ thế
- CHỘ = thấy
- CHỢ XÉP = chợ nhỏ Huế
- CHỌC = diễu, trêu ghẹo
- CHỒN = chồng lên
- CHỜN = giường
- COI = xem
- CÁI CẢU = cái rổ nhỏ
- CÁI CÚI = mồi lửa rơm để giữ lửa thôn quê
- CON CUI = dương vật
- CON CẤY = con gái
- CON KHUYẾT = tôm nhỏ làm ruốc
- CUA = đi cua, đi ve gái, đi tán gái
- CÚ LOI = cái đấm (vào mặt)
- CỦI = tủ đựng đồ ăn
- CƯƠI = sân (trựa cươi = giữa sân)

- DẤM NUỐT = món ăn như gỏi sứa
- DƠ CÁI CÙI = không còn gì hết
- DỐC = làm cao
- DÓI = gọi to, kêu to lên
- DÔN = ông chồng
- DỰA TRƯA ĐỨNG BÓNG = giữa trưa

- ĐA = da (ngoài da)
- ĐAM = con rạm, cua nhỏ (Bầu-Đôn)
- ĐẪN = ăn
- ĐÀNH HANH = lì lợm
- ĐẠP LÓ = đạp lúa cho ra hột
- ĐẠP NƯỚC = đạp quay bánh xe đưa nước vào ruộng
- ĐÂY VỚI ĐÓ = anh và em (mùi mẫn khi đi ve kiểu Huế)
- ĐỆT = đần độn
- ĐI ĐỒNG = đi đại tiện
- ĐÍA CON CÁ = nói dóc
- ĐÌA = ao nuôi cá
- ĐỢ = đỡ tạm, tạm bợ
- ĐO NƯỚC MẮM, ĐẾM CỦ HÀNH = bủn xỉn, không rộng lượng
- ĐOẢN HẬU = không nghĩ tình, không nghĩ về sau
- ĐỜI TÙ HU TÙ HUÝT = đời xa xưa
- ĐỌI = cái tô
- ĐỚN = ớn, chán (mặn mặn lạt lạt ăn không ngon)
- ĐŨA MUN = đũa bằng gỗ mun tốt
- ĐÚT TRỐT VÀO = đưa đầu vào, nhập cuộc

- GÀ BƯƠI = vất bừa bãi, nhớp nhúa, lộn xộn
- GÀ LÊN CHÀNG = chạng vạng gần tối
- GẠO LON TỘN = chăm chỉ (học hành)
- GIANG NẮNG = đi chơi phơi nắng
- GIỐNG = như hệt

- HAI ÔN MỤ TRA = vợ chồng già
- HÁT BÀI TẨU MÃ = chạy trốn
- HẦM BÀ LẰNG = lẫn lộn
- HÓI = rạch
- HON = treo cho khô
- HUẾ ĐẶC = HUẾ CHAY = Huế chính cống
- HUI = húc
- HÚI = cắt
- HUN = hôn nhau

- KHẢM = vừa đủ (khảm vốn = vừa đủ vốn)
- KHẺ TIỀN = đòi tiền, vòi tiền
- KHÔNG NGẠ = không xuể (đếm không ngạ)

- LÀM BỘ LÀM TỊCH = làm cao, tự cao, tự đại

- LÀM ĐÀY LÀM LÁO = làm dốc, lên mặt hỗn xược
- LÀM NHƯ MÈO QUÀO = làm giả dối, phớt qua, quệt quyệt
- LẬM = thâm thủng (lậm vào vốn)
- LÉO TỚI = xuất đầu lộ diện tại chỗ
- LỠ CHOẠC = lỡ trớn, đi quá mức
- LỖ MÔ = chỗ nào
- LỖ NẸ = lỗ nứt, chỗ sinh
- LÓ = lúa
- LOI = thụi, đấm (loi vào mặt vì nóng giận)
- LỎN LẺN = lỏng lẻo
- LÔN = trồng cây (trồng cây ăn trái)
- LỜN = coi thường (lờn mặt)
- LƯA LẠI = trừa lại
- LỤC LÁT = giỡn mà chơi

- MẦN = làm
- MẤN = váy đàn bà xưa
- MỀN = mình (mền đi chơi = ta đi chơi)
- MỄN = cửa mình
- MI TAU = anh và tôi, bạn thân gọi nhau theo lối Huế
- MIỀNG = mình (hoặc mền, hoặc mèng)
- MÒ TÔM = ngâm nước (tra tấn ác độc = cho đi mò tôm)
- MÔ = ở đâu
- MÓI = muối (gừng cay mói mặn xin đừng bỏ nhau)
- MỜN = mừng (mờn rơn = mừng quá sức)
- MÚ = mập ú
- MUN = tro trong bếp sau khi đốt
- MỤ TRA = bà già
- MỤ, MỆ = đàn ông dòng vua, dòng Tôn Thất
- MUỒI = đủ rồi (chín muồi)
- NA VỀ = đem về (na về chi cái của quỷ đó!)
- NÁC = nước (uống nác nhớ nguồn)
- NÁI = cái, mái
- NẰM THẲNG CẲNG = nằm dài ra
- NẰM CHÈO QUEO = nằm một mình, cô đơn
- NẰM CHỘ = nằm mơ
- NẮNG CHANG CHANG = nắng gay gắt
- NÂY = bụng dưới
- NẬY = cao lớn thêm (thằng này mau nậy)
- NGÂM TÔM = dìm lâu ngày
- NGẪNG = tinh nghịch
- NGHE = nhé (mai tụi mình đi phố nghe)
- NGHÈO RỚT MỒNG TƠI = nghèo sát đất, nghèo quá đỗi
- NGON TRỐT = ngang đầu
- NGỰA = phản, giường nằm bằng ván ghép
- NGỰA THƯỢNG TỨ = gái thích theo trai
- NGỦM CÙ ĐÈO - chết
- NGỤM NƯỚC = miếng nước
- NGỤM RAU = nhúm rau
- NGỦM TRỌN = ăn trọn
- NGÙNG NGẰNG = vùng vằng không chịu
- NHƯ SANH NHƯ SỨA = dai dẳng
- NIA = đựng gạo bằng tre, nhỏ hơn nống
- NOÁI = nói
- NÓI HÀNH NÓI TỎI = chỉ trích dai dẳng
- NÓI CẠNH NÓI KHÓE = nói bóng nói gió
- NỐN = cái nống tre đựng lúa, to hơn nia
- NÓT = nuốt (buồn quá, nót không trôi)
- NỐT = đò (chống chiếc nốt đi coi lụt)
- NƯƠNG = vườn
- O = mẹ
- Ở ĐỢ = ở nhờ, ở tạm, giúp việc
- Ở GỞI RỂ = chồng ở nhà bên vợ
- ỐC MƯU = ốc to bằng nắm tay nhỏ
- ỎM CỦ TỎI = ồn ào, nhức óc
- ƠN NGHĨA CHỢT ĐA = giả dối, bề ngoài
- ỐT DỘT ỐT DẠT = người ta chê cười

- RĂNG = thế nào
- RĂNG RI = vì sao thế này
- RĂNG RỨA = vì sao như thế
- RÀO = phá ở biển; hàng rào
- RẦU THÚI RUỘT = rầu quá đỗi
- RI = thế này
- RỨA = đó
- RỨA TỀ = rứa đó
- RUI MÈNG = bằng gỗ hoặc tre làm mái nhà để lợp
- RƯỢNG = gái thích theo trai
- RƯỜNG NHÀ = sườn nhà xứ Huế

- SẢY LÓ = tách rơm khỏi hột lúa
- SỢ THẤY MỒ = sợ quá muốn ngất xỉu
- SỢI LÒI TÓI = dây tre cuộn
- SỆT SỆT = đặc đặc

- TẮC HỒ = tiếng điều khiển trâu
- TAM BÀNH = nổi giận
- TẦM BẬY TẦM BẠ = không đúng cách thức
- TẦM PHÀO = không đâu vào đâu
- TAM ĐỢI = tam đại, ba đời
- TÁT ĐÌA = tát nước khỏi đầm nhỏ để bắt cá
- TỀ = kia
- THÂM CĂN CỐ ĐẾ = rễ ăn sâu
- THẲNG CÒ O NGÓN = đi thẳng không về để mẹ ngóng trông
- THẲNG LỤC TẶC = thẳng tào lao
- THẦY MẰNG = người chữa trật xương
- THÉT = em bé ngủ
- THỜI = người lớn ăn
- THỤI = đấm đá
- TỘN = đánh đập
- TỞN ĐẾN GIÀ = sợ đến già
- TÓT = cuống rạ, cuống rơm
- TRA = già
- TRẠI RA = tránh ra (nói trại khác đi)
- TRẺ = phơi bày ra
- TRÊN DINH = trên phố, trên chợ
- TRẾN = đi vào, đưa vào
- TRẾN = trêu chọc
- TRỐT = cái đầu
- TRỰA CƯƠI = giữa sân
- TRỪA LẠI = chừa lại, để dành lại, còn lại
- TUI = tôi (tụi tui mần rứa = chúng tôi làm thế)
- TÙM LUM TÀ LA = lộn xộn

- ƯNG = muốn, yêu thương (anh ưng em quá đi!)
- VE = tán gái (anh đi ve)
- VỌC = rờ nghịch phá
- VỚI CHẮC = với nhau
- XỤT BỆ THỢ RÈN, THỤT BỆ THỢ RÈN = lôi thôi lếch thếch
- U MÊ = ngu ngốc
- YÊN = ENG = anh (đọc trại)

Như ta thấy, các chữ đều được nêu trên có chữ là chữ Việt chung nhưng đọc khác đi, hoặc có nghĩa khác và cũng có chữ chỉ có dân Huế mới dùng, chữ đặc thù của Huế.

Chắc chắn danh sách còn dài, nhất thời chúng tôi không ghi hết được, trong tương lai còn cần có sự điểm xuyết của tất cả con cháu xứ Huế để được hoàn thiện hơn.

Sau này, như đã trình bày, nếu có công trình nghiên cứu nào về tiếng Huế đặc thù đưa vào bản góp nhặt nhỏ bé này thì mục đích của chúng tôi ngày hôm nay xem như đã đạt được.

BÙI MINH ĐỨC
9/9/96

Một Ngàn Ngày

Tiễn Ba lòng nặng trĩu
Con về với quạnh hiu
Ba năm trời chưa ~~chịu~~ dịu
Buồn mất mát thương yêu.

Thức giấc giữa cô liêu
Thoảng nhớ chuyện về thăm
Lòng nao nao khó hiểu
Chắc tại xót xa nhiều

Tâm sự cả một trời
Chưa một lời trao gởi
Ôi mười bảy năm đợi
Một ngàn ngày chơi vơi

Tâm tư đành khép kín
Xin hẹn đến mai sau
Nơi cảnh giới yên bình
Cha con mình tâm sự.

Hồ Văn Phú
1995.

✦ Tùy Bút

Lặn lội thân cò

Minh Vũ Hồ Văn Châm

Con cò lặn lội bờ sông,
Gánh gạo nuôi chồng tiếng khóc nỉ non.
(Ca dao)

Tôi không thể hình dung cảnh con cò gánh gạo nuôi chồng vất vả cơ cực như thế nào đến nỗi phải nỉ non kể lể như vậy, nhưng tôi có thể đoan chắc với bạn đọc rằng tình cảnh những bà vợ tù cải tạo cơm đùm gạo bới đi thăm nuôi chồng ở các nhà tù và các trại tập trung tại Việt Nam sau năm 1975 thì quả tình là muôn phần vất vả cơ cực. Vất vả là vì phải cùng một lúc, hoặc lần lượt trước sau, giải quyết một số vấn đề mà trước đây chưa từng đã gặp hoặc không phải là những công việc mà mình phải bận lòng. Cơ cực là vì phải cúi luồn, phải bon chen, phải vận động, phải năn nỉ, phải lanh lợi, phải mưu trí, phải gan dạ, phải nói những lời không từng quen nói, phải làm những việc không từng quen làm. Thân phận con cò lặn lội nuôi chồng vất vả cơ cực muôn phần như vậy, lại còn vất vả cơ cực muôn vạn lần hơn nữa, nếu không may cò lại thuộc vào một trong mười loại chúng sinh mà thi hào Nguyễn Du đã làm văn tế cô hồn :

"Nào những kẻ màn loan trướng huệ,
Những cậy mình cung quế hằng nga.
Một phen thay đổi sơn hà,
Mảnh thân chiếc lá biết là về đâu ?"

Về đâu thì chưa biết, chỉ biết thân phận hiện giờ là bơ vơ, lạc lõng, là lá xa cành, là cây xa cội, là mình xa ta, mà mình xa ta thì còn đâu là cảnh cũ quen thuộc, người xưa thân thương để "ngày ngày núp bóng tùng quân, tuyết sương che chở cho thân cát đằng"! Bởi vậy, bằng mọi giá, phải tìm cho được nơi chồng đang bị giam giữ, để rồi cơm đùm gạo bới mang đến tận nơi thăm nuôi chồng. Không phải là ngày ngày, tháng tháng, mà năm này sang năm khác, trong quá trình chuyển biến lâu dài của nếp sinh hoạt mới, xuyên qua nhiều trạng huống đổi đời thấm đượm đắng cay, chiếc lá, một là sẽ bị cuốn theo cơn lốc thời thế, hai là sẽ cương cường vươn ra trước gió bão, quyết tâm sống chết tranh đấu cho sự sống còn của bản thân, của cành lá, của cội cây, để rồi thân phận cát đằng trở thành gốc lớn đại thụ.

Cái cảnh các bà vợ bà mẹ tù nhân cải tạo lặn lội đi thăm nuôi chồng con là một hiện tượng phổ biến. Sau tháng tư đen, khoảng ba trăm nghìn công chức và hơn một triệu quân nhân cùng một số người thuộc các giai tầng xã hội khác nhau như tôn giáo, đảng phái, văn nghệ sĩ, tư sản mại bản, học sinh sinh viên, phải chịu đi tù, hay nói theo ngôn từ thời thượng là bị lãnh án tập trung cải tạo. Thời hạn giam cầm ngắn dài tuy có khác nhau, mức độ khắc nghiệt trong cách đối xử tuy không đồng nhất, hình thức giam cứu và chế độ lao động tuy thiên hình vạn trạng, nhưng dấu ấn để lại trong lòng những người phụ nữ lặn lội đi thăm nuôi chồng con thì không khác biệt gì mấy cả. Ngày nay, một số còn ở lại Việt Nam, một số tản mác sinh sống khắp năm châu bốn biển, những thân cò ngày ấy,

dù vẫn xác xơ còm cõi hay tươi tốt mỡ màng hơn trước, chắc hẳn không bao giờ quên được những vất vả cơ cực ngày nào lặn lội gánh gồng, cơm đùm gạo bới, băng rừng vượt suối đi thăm nuôi chồng con. Những ai may mắn lanh chân lẹ cánh thoát đi khỏi Việt Nam năm 1975 thì tuy không hiểu thấu được nông nỗi đắng cay cơ cực này tận tường trong chân tơ kẻ tóc, nhưng cũng ít nhiều có nghe nói qua, có được kể lại, có đọc trên báo, có thấy trên truyền hình, nên cũng phần nào cảm thấy thảng thốt, hãi hùng, thấy mình may mắn thoát được trong gang tấc cái thân phận bất hạnh của những người bị kẹt lại, mặt khác, không khỏi cảm thấy xót thương cho những thân cò trong bao nhiêu năm tháng lặn lội gánh gạo nuôi chồng nuôi con đang phải chịu cảnh giam hãm đọa đày trong các nhà tù và các trại tập trung cải tạo.

Nhà văn Thế Uyên có viết trong một tác phẩm của anh xuất bản năm 1989 tại Mỹ về nông nỗi vất vả cơ cực của các bà vợ, bà mẹ đi thăm nuôi chồng con bị tù. Những điều anh viết là những điều anh và thân nhân của anh đã kinh qua trong thời gian anh phải đi cải tạo, hoặc là những điều anh được nghe kể lại sau này khi anh vượt biên thoát ra khỏi Việt Nam và có dịp trở về thăm quê hương. Nhà văn Duyên Anh, trong các hồi ký *Nhà Tù* xuất bản năm 1987, và *Trại Tập Trung* xuất bản năm 1988, cũng tại Mỹ, tuy chuyên chú nói nhiều về các mặt sinh hoạt của tù nhân, nhưng cũng phần nào có đề cập tới tình cảnh những người mẹ, người vợ lặn lội đi thăm nuôi chồng con. Những điều các anh viết về các bà mẹ, bà vợ tù nhân là rất trung thực, và những ai thuở ấy đã từng làm thân cò lặn lội gánh gạo đi thăm nuôi chồng con sẽ thấy được một phần nào hình bóng và tâm tư của mình trong các tác phẩm của Thế Uyên và Duyên Anh. Người viết chỉ bổ túc thêm một số tình tiết xuyên qua quá trình thụ án của bản thân có liên hệ đến người bạn đời tấm cám của mình để những bạn đọc may mắn lanh chân lẹ bước thoát đi khỏi Việt Nam năm 1975 có thêm được một chút ý niệm khái quát về tình cảnh điêu linh mà rất đáng tự hào của một lớp người đã vì tình yêu và nghĩa vụ mà can đảm chấp nhận số kiếp thân cò.

Tôi bị bắt vào đầu tháng sáu năm 1975. Người ta đưa tôi vào T3, ở số 3 Bạch Đằng, tức là Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo lúc trước, cho ăn cơm trưa, sau đó đưa qua An ninh Nội chính Bộ Nội vụ, tức là Tổng Nha Cảnh sát cũ, làm thủ tục tống giam, rồi giải vào khám Chí Hòa, nhốt ở khu xà lim AB. Vợ tôi chứng kiến tận mắt cảnh tôi bị hai người cán bộ có võ trang dẫn đi, một người dí súng lục vào đầu tôi, một người thúc súng AK vào lưng tôi, nên hãi hùng lắm. Trong trí tưởng tượng của vợ tôi lúc đó, người ta đang đưa tôi đi xử bắn. Những ngày tiếp theo, vợ tôi đi đến các cơ quan an ninh các cấp của chính quyền chiếm đóng, ai chỉ cho biết ở đâu là lần mò đến đó, để thăm hỏi tin tức của tôi. Ở đâu, người ta cũng lịch sự nhẹ nhàng khuyên nhủ an ủi vợ tôi, rằng "thì là đừng có lo", tôi không phải bị bắt giữ, tôi đang được ở một nơi rất an toàn, được bảo vệ chu đáo, và việc cán bộ võ trang đưa tôi đi ở một nơi riêng biệt chưa tiện tiết lộ chẳng qua chỉ là biện pháp bảo vệ an ninh cho tôi, để tránh sự phẫn nộ căm hờn của quần chúng, có phương hại cho sinh mạng của tôi. Những lời an ủi đó đương nhiên là không làm cho vợ tôi bớt lo sợ, ngược lại, càng làm cho vợ tôi nghĩ rằng tôi đã bị bắn chết. Về sau, vợ tôi không còn nằn nì xin gặp mặt thăm nuôi mà chỉ xin cho biết xác tôi ở đâu để lãnh đem về chôn cất. Lại vẫn những lời an ủi khuôn sáo, những luận điệu động viên nghe mãi vợ tôi đâm ra thuộc nằm lòng, do đó vợ tôi lại càng tin chắc là tôi đã bị thủ tiêu, nên cuối cùng vợ tôi cũng không còn nằn nì xin biết nơi chôn xác tôi mà chỉ xin cho biết ngày giờ tôi bị giết chết để viết bài vị thiết lập bàn thờ. Vợ tôi đã vì tôi mà phải trải qua những tâm trạng hãi hùng, khắc khoải, lo âu, rồi tuyệt vọng, lại thêm sau đó bị xét nhà vào lúc nửa đêm, của cải cũng có phần bị thất thoát, cho nên ngoài cái buồn cái lo chồng tuyệt tích không biết sống chết ra sao, lại thêm cái lo cái sợ con đông nhà nghèo, biết trông cậy vào đâu mà xoay trở. Lúc đó, vợ tôi đang mang thai bốn tháng, và vì quá lo nghĩ

đến độ tuyệt vọng, vợ tôi đã bị sẩy thai. Bị băng huyết do sót nhau, vợ tôi phải đi nằm bệnh viện gần cả tháng trời. Ra khỏi nhà thương, vợ tôi trở thành con người khác hẳn, thân tàn ma dại không ai nhận ra. Còn tôi, tôi chỉ ở cách đó có mấy con đường, trong bốn bức tường đá xà lim, nào tôi có biết gì.

Bốn tháng sau, trong lúc phần lớn tù nhân ở Chí Hòa được chuyển đi các trại khác thì tôi được bố trí ở riêng một xà lim và bắt đầu bị hỏi cung. Tôi có đưa ra một yêu cầu để dọ dẫm, là xin viết thư về nhà để lấy cái kính đeo mắt, nhiên hậu mới viết các bản khai báo được, và yêu cầu của tôi đã được chấp thuận. Tôi được viết cho vợ tôi một lá thư ngắn, và mấy hôm sau khi người cán bộ chấp pháp trở lại với cái kính đeo mắt đúng là của tôi thì tôi biết chắc là tôi không bị xếp vào loại tù phải bị thủ tiêu. Nếu là thành phần tù cần phải thủ tiêu thì không bao giờ người ta cho liên lạc với gia đình hoặc cho gia đình biết tin tức. Hỏi thăm tình hình sức khoẻ của vợ tôi, tôi được người cán bộ liên lạc cho biết là vợ tôi đã gần ngày sinh, bụng rất lớn nhưng người vẫn nhanh nhẹn hồng hào. Tôi biết là người cán bộ nói không đúng sự thực, vợ tôi xưa nay có mang là bị thai hành dữ lắm, làm thế nào mà nhanh nhẹn hồng hào được, tuy nhiên tôi vẫn không nghĩ là vợ tôi đã sẩy thai. Trong thư gửi đi, tôi đã dặn vợ là nếu sinh con trai thì đặt tên là Sỹ Đạt, còn sinh con gái thì đặt tên là Tú Anh cơ mà. Vợ tôi không được phép viết thư cho tôi, nhưng được gửi cho tôi mấy thứ cần dùng và một ít thức ăn. Qua các thứ gửi vào, tôi vẫn nhận thấy được sự chăm chút của vợ tôi, nhưng tôi không tài nào hình dung được tình hình sinh hoạt của vợ con tôi lúc này ra sao. Các thức ăn gửi vào rất đạm bạc, tôi lo lắng không biết các con tôi no đói thế nào. Mãi về sau tôi mới biết mọi người ở Sàigòn lúc đó đều nghĩ rằng tiếp tế cho thân nhân phải thật đơn sơ đạm bạc thì thân nhân sớm được cứu xét tha cho về, chứ lòng tôi lúc đó thật là ngổn ngang trăm mối. Sỡ dĩ tôi lo lắng cho vợ con như vậy là vì trong thư gửi đi, tôi đã nhắn nhủ vợ tôi là trong tình thế khó khăn hiện tại, chấp kinh phải tòng quyền, phải đặt nghĩa vụ lên trên tình yêu, phải lo cho con cái trước đã, do đó, nếu tình hình bắt buộc thì cũng đành phải hy sinh tình riêng đôi lứa để nuôi đàn con dại khôn lớn nên người. Chúng tôi quen biết nhau khi vợ tôi hãy còn nhỏ tuổi, chúng tôi cưới nhau khi vợ tôi chưa đủ tuổi làm thẻ kiểm tra. Từ bấy đến nay, vợ tôi chỉ biết quanh quẩn trong nhà, vui cảnh chồng con, nào có biết gì công việc ngoài đời. Người thiếu phụ vốn là học trò con quan, phu nhân vợ quan, không quen tháo vát, không phải tảo tần, giờ đây, trước giông tố bão bùng của thế giới đổi đời, làm sao đứng vững một mình mà chở che cho một đàn con nhỏ dại tám đứa. Bởi thế, trong thư gửi đi tôi đã khuyên nhủ vợ tôi rằng trong cái thế chẳng đặng đừng thì hãy can đảm tìm người tử tế mà nương tựa để đưa đàn con vượt qua khó khăn, để có điều kiện nuôi dạy chúng nên người. Nổi dằn vặt con thơ vợ dại rồi cũng dần dần chìm lỉm trong cái lê thê của cuộc đời tù hãm giữa bốn bức tường đá xà lim, mà tin tức gia đình thì không vang không bóng, quá khứ thì mông lung hư ảo như là vọng về từ muôn kiếp xa xưa, và tương lai thì hoàn toàn chìm ngập trong bóng tối mịt mùng, không tài nào tìm thấy con đường tiến lên phía trước. Và cứ như thế kéo dài đằng đẵng gần hai năm, qua các xà lim khu AB rồi khu ED, rồi trở lại khu AB, mà "đêm thì không ánh trăng sao, còn ngày thì chẳng ánh mặt trời."

Cuối cùng thì chúng tôi cũng được ra khỏi khu biệt giam khám Chí Hòa để được chuyển qua khu tập thể AH, 55 người ở chung một phòng, 3 tháng một lần được gia đình gửi thức ăn vào nuôi, một năm một lần được thân nhân vào thăm gặp 15 phút. Lần thăm gặp đầu tiên, lòng tôi rộn rã nhưng vẻ mặt thì cố giữ bình thản, chuẩn bị tinh thần để đón nhận tình huống bất lợi nhất. Gia đình có còn đông đủ, hay xiêu lạc mỗi người một nơi? Liễu Chương Đài, cành dài có còn chốn cũ hay đã chuyền vào tay ai rồi? Chúng tôi mỗi người được bố trí vào một ô "chuồng chim", có cán bộ đứng sau lưng, gia đình đứng trước mặt, ngăn cách bởi một tấm lưới thưa mắt cáo bằng kim loại. Vợ tôi "mười phần xuân cũng đã gầy năm

bảy phần", duy đôi mắt thì lại long lanh láng mướt như ngày còn con gái. Các con tôi, đứa nào cũng gầy, và có lớn hơn chút đỉnh so với ngày tôi xa chúng. Riêng đứa con nhỏ nhất thì lớn phỗng và xinh xắn lạ thường, tôi cơ hồ không nhận ra. Nó cũng e sợ nhìn tôi như nhìn người lạ. Ngày tôi xa nhà, nó chỉ mới biết đi chập chững. Trông quanh không thấy còn đứa bé nào khác, hỏi ra mới biết vợ tôi đã bị sẩy thai, đứa con trông đợi đã không được làm người. Trông nét mặt vợ tôi có vẻ hờn dỗi, tôi nghĩ là vợ tôi còn oán hận tôi đã nhận định chủ quan khiến cho toàn bộ gia đình bị kẹt lại, chịu cảnh đắng cay cơ cực như thế này. Lúc tôi động viên các con hãy cố gắng học hành, vợ tôi đã gay gắt: "Anh đừng có nói chuyện học nữa, tụi con mình bây giờ là tính chuyện đi cày". Biết vợ đang giận, tôi không nói gì. Tôi thừa nhận là tại vì mình tính sai nước cờ mà vợ con mang lụy, nên bị vợ giận tôi đành chịu trận vậy. Nhưng tôi đã lầm. Sau này tôi mới biết là vợ tôi không giận tôi về chuyện cả nhà vì tôi mà bị kẹt lại, mà giận tôi là vì chuyện lá thư tôi viết gửi về nhà năm trước khuyên nhủ vợ tôi nếu hoàn cảnh bắt buộc thì hãy lấy chồng khác để nuôi con, và thái độ lạnh nhạt của tôi khi được ra thăm nuôi lần đầu, được gặp mặt vợ con sau hai năm trời bặt tăm âm tín. Vợ tôi đã trách tôi là trong lúc ai ai cũng hớn hở tươi cười gặp gỡ gia đình mà tôi lại mang bộ mặt xa lạ thản nhiên như đối với người dưng nước lã. Vợ tôi đâu có biết là con người tôi lúc đó bên ngoài trơ trơ như gỗ đá nhưng bên trong thì tình cảm sôi sục như dầu sôi lửa bỏng. Vợ tôi đâu có biết cùng với việc chuẩn bị tinh thần, tôi cũng cần có tư thế thích nghi để phù hợp với những tình huống khó khăn, cay đắng, để tránh đột ngột bị bẽ bàng.

May mắn cho tôi là đã không xảy ra chuyện gì đắng cay bẽ bàng cả. Từ đó, cứ ba tháng một lần, chúng tôi được viết thư về nhà, thư không được viết quá một trang giấy học trò, nội dung gồm 3 phần: báo tin sức khoẻ, thăm hỏi vợ con, và liệt kê nhu cầu. Thư ấy được cán bộ phòng, cán bộ khu duyệt xét xong, chuyển cho cán bộ giáo dục đóng dấu "Được phép thăm nuôi" lên phong bì, và được gửi về cho gia đình tù nhân. Người nhà đem phong bì có đóng dấu ra cơ quan phường để xin phép, chạy tiền chạy gạo sửa soạn thức ăn, rồi mang vào Chí Hòa giao cho cán bộ thăm nuôi soát xét, xong chuyển lại cho tù nhân. Các giỏ "quà tiếp tế" này là lẽ sống của tù nhân, vì cơm trong tù đã kém cả phẩm lẫn lượng lại còn độn khoai sắn, bột mì, bo bo, thức ăn trong tù thì ngoài những ngày tư ngày tết chỉ gồm giản đơn có nước muối pha loãng mà thôi. Không có quà tiếp tế của gia đình thì tù nhân sẽ chết dần chết mòn vì các chứng bệnh thiếu dinh dưỡng và thiếu sức đề kháng. Nhưng mặt khác, các giỏ quà tiếp tế lại là những gánh nặng cho những thân cò lặn lội đi thăm nuôi chồng con. Thư tù nhân gửi về nhà như là những bill đòi nợ. Thực phẩm thì khan hiếm, đắt đỏ, phải mua chui, mua rúc ở thị trường đen. Đối với phần đông các bà mẹ, bà vợ, lại còn vấn đề phải xoay xở tiền nong, cả nhà phải nhịn ăn nhịn uống hàng tháng mới đủ tiền sắm sửa một giỏ quà đi thăm nuôi. Lại còn vấn đề "lễ tiết" đối với cán bộ trại giam, cán bộ phường xã, thưa gửi phải ngọt ngào, thái độ phải cung kính. Làm sao nói cho hết được nỗi niềm đắng cay cơ cực của những ai đã từng vì tình yêu và nghĩa vụ đối với chồng con mà cam tâm chấp nhận làm thân cò.

Thư tù nhân gửi về nhà đã có khuôn mẫu, ai không theo đúng sẽ biết ngay hậu quả. Gặp lúc được phép viết thư nhằm vào dịp kỷ niệm ngày cưới, tôi đã gửi tặng vợ mấy câu thơ gọi là "cho có chút tình", thay cho tờ giấy thăm hỏi và liệt kê nhu cầu tẻ nhạt:

HỌP MẶT TẤT NIÊN BÍNH TÝ

Cuối năm nhớ tham dự Họp Mặt Tất Niên Bính Tý do Hội Thân Hữu Huế - Thừa Thiên tổ chức vào chiều ngày 2-2-1997 nhằm ngày 25 tháng Chạp năm Bính Tý tại nhà hàng Seafood World, Westminster, California.

Liên lạc: (714) 531-5754.

Ta nhớ kinh kỳ ngày đầu thu năm ấy,
Đường Lê Thái Tổ rải hoa nắng lung linh.
Bím tóc đong đưa xuôi bờ vai nhún nhẩy,
Theo bước chân em, lòng ta rợn ngợp men tình.

Ta nhớ kinh kỳ ngày Nguyên tiêu năm ấy,
Đường Nam giao in bóng hai ta theo mẹ lên chùa.
Hồn ta chơi vơi theo làn gió xuân hây hẩy,
Chuyện yêu thương, nói mấy cũng chưa vừa.

Ta nhớ kinh kỳ đêm cuối hè năm ấy,
Hiên nhà em lặng nghe hai ta thủ thỉ chuyện tâm tình.
Tay trong tay, vai kề vai, môi tìm môi run rẩy.
Trời trong, sao sáng, đêm quê hương như đồng lõa với chúng mình.

Bao nhiêu năm rồi, tình ta không mảy may thay đổi,
Yêu em, ta vẫn yêu tha thiết như thuở ban đầu.
Đời hai ta như keo sơn gắn liền thành một khối
Không thể chia lìa, mãi mãi đến muôn vạn ngày sau.

(Kỷ niệm ngày cưới)

Đương nhiên là vợ tôi đã không nhận được bài thơ và tôi đã phải chịu "đói" 6 tháng. Những ai đã từng bị đói mới thấm thía trọn vẹn ý nghĩa cuộc đời. Ngày trước, Khái Hưng có viết một truyện ngắn diễn tả tâm trạng con người bị cái đói dằn vặt, nhưng những điều Khái Hưng viết ra chẳng thấm vào đâu so với thực tế phũ phàng mà các tù nhân cải tạo đã phải đối đầu trong các trại giam do cái đói mà ra. Có đói mới hiểu vì sao dân quê ta có đầu óc xôi thịt. Có đói mới hiểu vì sao nhiều người lại cam tâm làm những việc hèn hạ. Khi người ta bị cái đói ngày đêm dằn vặt, có lẽ trong đầu ai cũng như ai, ai cũng nghĩ tới cái ăn, ai cũng ao ước được ăn. Cái khác nhau là hành vi, là thái độ biểu hiện bên ngoài. Mà điều này là do giáo dục gia đình, và khuôn phép xã hội, đã uốn nắn, đã rèn dũa, đã tích lũy từ rất nhiều năm tháng trước đó, đã ẩn sâu, đã dấu kín trong tiềm thức, để giờ đây giúp cho con người đang bị cái đói hành hạ có thể vận dụng được lý trí đè bẹp bản năng đấy mà thôi.

Hết hè lại sang thu. Nghĩ đến chuyện về, đường đi chỉ là mộng mị, mờ mịt lắm. Vợ con biết ngày nào được gặp mặt đây. Tường đá, nền xi măng lạnh lẽo, chăn đơn gối chiếc phong phanh. Qua chấn song sắt, đêm khuya đối cảnh trăng chiếu sương sa, người nhậy cảm tránh sao khỏi động lòng:

Sương giáng lâu tiền thu nguyệt quang,
Tư qui, mộng nhiễu lộ man man.
Thê nhi tái kiến tri hà nhật ?
Trường dạ cô miên chẩm đạm hàn.

Đến Tết năm sau, chúng tôi lại được gặp mặt gia đình. Lần này thì trại không tổ chức thăm gặp ở địa điểm chuồng chim khó kiểm soát, mà tổ chức trong các phòng nhỏ thường ngày dùng để hỏi cung. Mỗi phòng tùy theo kích thước mà được dành cho một hoặc hai gia đình. Trong phòng kê một chiếc bàn, hai bên là hai chiếc ghế dài, một bên dành cho tù nhân ngồi, bên kia dành cho thân nhân ngồi đối mặt; đầu bàn kê chiếc ghế gỗ là chỗ của cán bộ. Mọi người nói chuyện phải nói thật lớn để cán bộ theo dõi nghe cho rõ. Hai tay tù nhân cũng như của thân nhân phải được đặt trên bàn. Thời gian gặp gỡ là 15 phút. Xong là nhận quà và chia tay. Trời hôm đó âm u, buồn chi lạ. Vợ tôi xanh xao, gầy gò; các con tôi hom hem, đen đũi. Giờ phút chia ly, vợ tôi khóc như mưa. Tôi an ủi vợ mà không biết đã nói những gì, vì không được phép nói nhiều và phải nói lớn tiếng để mọi người cùng được nghe. Tôi đã viết tối hôm đó:

Ngày gặp mặt cuối năm,
Ta nom em gầy gò ốm yếu.
Em nói với ta những lời hiền dịu,
Ta thương em ruột quặn tơ tằm.
Được gặp nhau một khắc,

Đã đến rồi cái phút thứ mười lăm !
Ủ tay con chưa ấm,
Nhìn mặt vợ đăm đăm,
Ta lại phải trở về nơi có những hàng song sắt.
Trời cuối năm hiu hắt,
Thoáng đâu đây cánh én lạc đàn.
Râm ran lời giã biệt.
Nắm tay em, ta nghe tiếng lòng em thảm thiết.
Nước mắt em buồn lả chả tuôn rơi.
Sầu thương chi lắm em ơi !
Vật đổi sao dời,
Ai tránh khỏi cảnh hồng nam nhạn bắc.
Sông có khúc, người có lúc.
"Hoan bi ưu lạc điệt vãng lai,
*Nhất vinh nhất tạ hoàn tương tục." **
Hẹn em ngày tái hợp.
Nắng xuân hồng, nắng ấm, xuân tươi.

(Thăm gặp cuối năm)

* Hai câu này của Nguyễn Trãi.

Qua các buổi thăm gặp định kỳ ngắn ngủi đó, tôi cũng biết được phần nào cuộc sống của vợ con ở nhà. Tôi và vợ tôi đã trao đổi với nhau bằng những ngôn từ chỉ riêng hai chúng tôi hiểu mà thôi. Trong lúc tôi ngày ăn hai bữa rồi nằm yên một xó trong khám Chí Hòa thì vợ tôi đã phải đương đầu với bao nhiêu sóng gió bão bùng. Trong năm 1977, gia đình tôi được xếp vào loại "dãn dân", phải chuẩn bị đi kinh tế mới. Tổ dân phố, Phân hội Phụ nữ, Công an Khu vực, Cán bộ Phường, Cán bộ Quận, lần lượt đến động viên gia đình tôi đi kinh tế mới, đi sớm khai phá sớm, đi sớm thu hoạch sớm, đi sớm thắng lợi sớm, đi sớm chồng được tha về sớm. Vợ tôi cứ gan lỳ bám trụ. Hết động viên đến hăm dọa, vợ tôi cũng không nao núng, cứ một mực xin thả chồng về rồi sẽ đi kinh tế mới. Bị thúc bách quá mức, vợ tôi đâm liều, xin cán bộ cho mấy mẹ con mỗi người một viên đạn. Cuối cùng rồi cũng thôi. Lại thêm con trai lớn không được thi vào đại học, con trai nhỏ không được vào lớp 10. Qua năm 1978, con trai lớn "trúng tuyển" nghĩa vụ quân sự, Phân hội Phụ nữ, Tổ dân phố đến chúc mừng. Kỳ thực thì con tôi bị cưỡng bức đi thanh niên xung phong, đưa lên tập trung ở nông trường Lê Minh Xuân, chuẩn bị sang Campuchia lao động chiến trường, tải gạo tải đạn. Vợ tôi đã tổ chức cho con trốn trại, đưa lên Thủ đức ẩn náu mấy tháng rồi vượt biên trốn ra nước ngoài. Cũng cùng thời gian này, vợ tôi cho đứa con trai không được vào lớp 10 vượt biên đi Mỹ, và gả chồng cho con gái lớn, rồi đầu năm 1979 cho cả hai vợ chồng vượt biên đi Canada. Qua năm 1980, đến lượt hai đứa con gái tiếp theo vượt biên đi Mỹ. Mỗi năm vào thăm gặp, gia đình tôi cứ ít người dần dần. Để giải thích sự kiện đó, tôi đã nói cho mọi người biết là hai con trai lớn ra Thuận hải làm garage, con gái lớn lấy chồng trên Đà lạt, hai đứa con gái tiếp theo thì cho ra Tuy hòa ở với chị tôi. Anh chị tôi ngoài Tuy hòa không có con nên nhận nuôi hai cháu. Mọi người đều tin lời tôi, không ai thấy có gì là bất thường trong việc sắp xếp như vậy. Mãi cho đến cuối năm 1982, khi chúng tôi bị chuyển ra trại trừng giới Xuân phước ở Phú khánh, tôi thấy không cần phải dấu diếm nữa, mọi người mới biết sự thực và các bạn tù đã tíu tít chia vui với tôi, đồng thời khen ngợi vợ tôi không tiếc lời. Phần tôi, ngày trước thấy vợ thụ động, mọi chuyện nhất nhất đều tùy thuộc vào mình nên không biết được tài tháo vát của vợ, tôi đã lo lắng băn khoăn không biết vợ tôi sẽ xoay trở ra sao trước sóng gió của cuộc đổi đời. Nay thì quả tình tôi thấy người phụ nữ Việt Nam thật là tuyệt vời về cả hai khía cạnh đức hạnh và tài năng:

Ngày xưa,
Anh ví anh như mây mùa thu,
Anh xem em như khói trong lò.
Nay mây mùa thu thôi không bay,
Khói trong lò thoát ra thay vào đó.
Em thay anh nuôi đàn con nhỏ.
Không có em, ai nuôi dạy chúng nó nên người.
Yêu em nhiều, và cảm phục em lắm em ơi.

Tôi và vợ tôi đã tính toán với nhau là vợ tôi cùng ba đứa con nhỏ còn lại sẽ vượt biên vào

cuối năm 1980. Tôi đã đổi địa chỉ viết thư thăm nuôi gần cả năm trời. Vợ tôi cũng đã đóng lộ phí vượt biên cho chủ tàu. Thế mà, chỉ còn năm hôm nữa lên đường, vợ tôi lại đổi ý. Vợ tôi không nỡ bỏ tôi mà đi. Vợ tôi thu xếp cho hai đứa con kế tiếp vượt biên đi Mỹ, còn vợ tôi cùng con gái út tiếp tục ở lại Việt Nam chờ ngày tôi về. Dạo đó, ngày về còn xa lắc xa lơ. Tôi còn bị chuyển trại mấy lần nữa, hết A30A, A30B, A30C, Xuân phước đến Z30A Xuân lộc, trải qua đủ mọi giai đoạn của qui chế cải tạo tập trung, từ biệt giam, kiên giam, đến lao động cải tạo rồi lao động tự giác. Thế là, cứ ba tháng một lần, năm này qua năm khác, "cây khiêng và chiếc giỏ", vợ tôi tiếp tục lặn lội đi nuôi chồng. Cháu tôi là Hồ Văn Mẫn, cảm thương cho người con gái học trò năm nào giờ đây mang kiếp thân cò, đã tặng thím bài thơ *"Lối nào đi thăm anh"*, tôi chép lại ở đây để thay lời kết:

Giòng đời cuồn cuộn chảy
Nắng mai đã dậy rồi
Lối nào đi thăm nuôi.
Xích lô. Cầu Công lý.
Còn thiết gì hoa mỹ,
Điệu buồn trên nét mi
Niềm vui giữ nụ cười.
Cây khiêng và chiếc giỏ
Trọn tình trao anh đó
Chắt chiu bàn tay em
Còn thức nào mang thêm ?
Phố phường hờ hững quá,
Riêng em buồn chi lạ.
Hàng cây dài chia vui,
Thương cho ai ngậm ngùi.
Cầm thư anh, suy nghĩ.
Nhớ về thư ngõ ý
Nét chữ hiền, thương nhau
Bâng khuâng nụ hôn đầu.
Em không nhìn thiên hạ,
Gặp anh là tất cả.
Như ngày xưa học trò
Bài thuộc vẫn còn lo.
Thăm nuôi giờ cũng thế
Ngại còn chi khó dễ
Cho tương biệt cơ cầu
Xa cách vợ chồng ngâu..
Bước qua lòng cổng nhỏ
Anh ra từ trong nớ.
Gặp anh, gặp anh rồi...
Lát nữa về chia phôi
Cô đơn mềm vai áo.
Nhớ anh, em thầm bảo
Nắng giữa trời lên cao
Tình ta vẫn ngọt ngào...

(Lối nào đi thăm anh. 9/82)
Ottawa, tháng sáu, 1996

✍ ***Minh Vũ Hồ văn Châm***

tri thiên mệnh

"Ngũ thập tri thiên mệnh":
Biết số ta làm nên
Vợ hiền sinh hiếu tử
Gia đình được ấm êm

Lợi danh ta đã thấy
Nay nhường vợ lo thay
Chuyện nhà hết chợi vợi
Yên vui theo tháng ngày

Thấy hay đâu cũng tới
Ai hợp ta theo chơi
Tránh nghe lời sân hận
Cho đời thêm thảnh thơi

Sáng nay thức giấc dậy
Tuổi được năm tám đầy
Ta mừng sinh nhật ta
Chúc ta mãi thế này

P.H. 10 - 1996

NGỠ NGÀNG

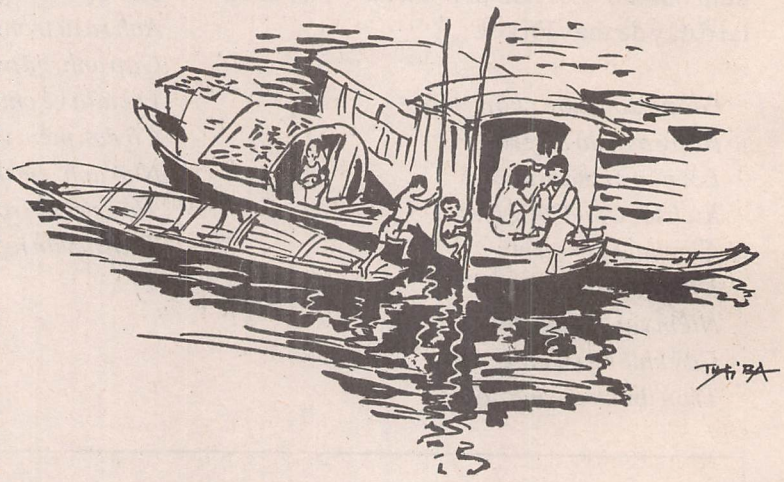

Dương Công Liêm

Khách sạn Hương Giang một buổi chiều đầu hạ. Bên ngoài inh ỏi tiếng ve kêu, một điệu ve sầu gợi lại trong lòng người nỗi buồn xa vắng. Trên sông Hương xanh biếc những con đò thong thả nhịp chèo. Xa xa về hướng Phú Văn Lâu những hàng phượng đỏ rực làm Trung hồi tưởng lại những mùa thi trong những năm Trung Học và Đại Học tại cố đô này. Thời gian trôi nhanh, hai mươi năm qua mà tưởng như mới hôm nào, đôi tình nhân trẻ tuổi đèo nhau bằng Honda lên chơi chùa Thiên Mụ hay núi Thiên Thai. Cả một trời dĩ vãng hiện về và suốt đêm qua Trung không tài nào chớp mắt bởi một cuộc gặp gỡ bất ngờ làm Trung cứ chập chờn tưởng mình đang ở trong một giấc mơ.

Thuở ấy Trung là một sinh viên trường Luật và Hằng là sinh viên trường Dược thuộc Viện Đại Học Huế. Hai người quen nhau qua những buổi sinh hoạt của tập thể sinh viên rồi đi đến yêu nhau trong một mối tình trong sáng và cao đẹp. Họ hẹn nhau sẽ làm đám cưới vào năm 1976 khi cả hai đều tốt nghiệp. Gia đình Trung quê ở Quảng Trị, bố Trung là sĩ quan quân đội làm việc ở Tiểu Khu Thừa Thiên, còn bố Hằng là công chức Trưởng Ty Thuế Vụ nhà ở Vỹ Dạ. Hai gia đình đều đã chấp nhận sự kết duyên này, do đó hai trẻ chỉ một mực lo ăn học đợi ngày ra trường là xây dựng hạnh phúc bên nhau. Ngờ đâu miền Nam sụp đổ sau 30/4/75, Hằng theo gia đình sang định cư ở Pháp nhờ có người anh cả trước đây du học ở Pháp đã bảo lãnh cho cả gia đình sang đó. Gia đình Trung bị kẹt lại và bố Trung phải đi học tập cải tạo. Sau nhiều lần vào tù ra khám vì tội vượt biên, cuối cùng Trung đã đến được Mỹ vào 1989. Trung vừa đi làm vừa đi học, tiền bạc dành dụm hàng tháng gởi về cho mẹ đi thăm nuôi ba. Mấy năm sau Trung tốt nghiệp Cử nhân về Kế toán và được ngân hàng Citibank tuyển dụng. Trung làm việc cho 3 chi nhánh của ngân hàng này ở Mỹ và từ hồi năm ngoái được bổ nhiệm làm ở chi nhánh Hong Kong. Gần đây Citibank mở thêm chi nhánh ở Hanoi nên Trung được cử làm thông dịch viên cho vị Giám đốc trong giai đoạn đầu. Hôm nay trong chuyến tháp tùng ông Giám đốc vào Saigon, trên đường về bắc Trung xin phép được ghé lại Huế vài hôm để thăm bạn bè cũ và bà con còn lại. Gia đình Trung đã được qua Mỹ theo diện HO và hiện định cư tại San Diego.

Tối hôm qua các bàn ăn trong khách sạn Hương Giang đã có đầy khách ngoại quốc. Trung đang một mình ngồi ăn cơm tối tại một góc

phòng thì có 3 người đi vào ngồi bàn bên cạnh. Họ nói chuyện với nhau bằng tiếng Pháp, một phụ nữ Việt, một phụ nữ Pháp và một đàn ông Pháp. Trung chú ý và nhìn lén một hồi rồi tự xác định người phụ nữ Việt chính là Hằng. Đợi đến lúc họ dùng cơm xong Trung mới tới chào và xin phép được hỏi: Xin lỗi cô, Có phải cô là cô Hằng không?

— Vâng, chính tôi! Trời ơi! Anh Trung, Anh Trung! Trời đất nào xui khiến cho Hằng gặp lại anh ở đây hôm nay.

Hằng liền giới thiệu Trung với hai người Pháp. Qua vài câu trao đổi xã giao, hai người kia xin phép cáo từ về phòng ngủ trước. Còn lại Trung và Hằng, cả hai xúc động nghẹn ngào nói không nên lời, có lúc Hằng nắm chặt tay Trung nước mắt tuôn trào. Trung cố giữ bình tĩnh xin Hằng kể lại cuộc sống từ ngày bỏ nước ra đi đến nay ra sao?

Anh Trung ơi! Từ ngày đến Pháp em chỉ ngày đêm cầu nguyện cho chúng ta gặp lại nhau vì nhớ bao nhiêu điều thề non hẹn biển em không thế nào quên anh được. Vào năm 1976 em được tin anh đã mất tích trong một cuộc vượt biên bằng ghe, em viết thơ về Việt Nam hỏi thăm gia đình thì không được trả lời, em nghĩ ba má anh không muốn cho em biết được tin buồn. Em đau khổ suốt một thời gian dài. Sau đó em đi làm cho một dược phòng ở Toulouse. Tại đây em đã gặp một người Việt Nam bạn cùng sở. Thấy anh luôn luôn tỏ vẻ chiều chuộng và săn sóc em, điều này đã dẫn em đến một cuộc sống vợ chồng và em sinh được một cháu gái. Anh ơi! thật đúng khi ở đời người ta thường nói: "Đi lâu mới biết đường dài..." Các sự cãi cọ trong gia đình đến các bất đồng chính kiến, anh ta có khuynh hướng thân Cộng, cuối cùng là tan vỡ. Mẹ con em lại dọn về ở lại với ba má em ở Bordeaux. Cháu năm nay đang học Trung học. Công ty dược phẩm của em đang có kế hoạch giao dịch thương mãi với Việt Nam. Em đi theo hai vợ chồng ông Giám đốc thám sát thị trường. Công việc xong xuôi ở Saigon, họ yêu cầu em dắt họ ra thăm cố đô Huế từ 3 ngày nay và đến sáng mai tụi em sẽ đi phi cơ rời Huế, đến ngày kia thì trở về Pháp.

— Trời ơi! Ngày mai em lại đi và ngày kia em rời Việt Nam! Hai mươi năm trước nếu không có ngày 30 tháng 4, chúng mình đã là vợ chồng. Phải không em? Bây giờ gặp nhau lại cũng để chia tay.

— Em tiếc quá, trong 3 ngày qua em có nhiều thì giờ rảnh, ước gì lúc đó có anh, chúng ta cùng nhau trở lại thăm các ngôi trường cũ, các nẻo đường xưa, ôn lại với nhau những kỷ niệm của một thời đầm ấm yêu thương. Còn anh cuộc đời anh như thế nào, hãy kể cho em nghe với. Sự dở dang này do chính anh là người có lỗi vì đã không tìm cách liên lạc để biết tin tức nhau.

— Em ạ! Thật là duyên số bẽ bàng. Em trách anh cũng đúng nhưng nên hiểu là sau tháng 4/75 ở trong nước chế độ kiểm duyệt thư từ gửi ra ngoại quốc rất nghiêm ngặt nhiều khi còn bị Công an thẩm vấn đủ điều. Phần anh qua những giai đoạn vất vả hiểm nguy lúc vượt biên rồi đến thời gian sống trong trại tỵ nạn ở đảo thuộc Indonesia anh đã gặp một phụ nữ trước là sinh viên Đại Học Văn Khoa Dalat, đã cùng chia sẻ với anh những vui buồn tủi nhục của kiếp ly hương. Hai người đều được đến Mỹ vào cuối năm 80. Anh vừa đi làm vừa đi học. Mấy năm sau anh lấy được bằng BS về Accounting. Cô ta vẫn sống chung với anh nhưng dần dần căn bản dân tộc biến mất. Không hiểu được bản chất cô ta thích ăn diện đua đòi chạy theo nếp sống Mỹ hay vì xã hội Mỹ có quá nhiều cám dỗ cuốn hút cô cô ta làm cô ta trở nên mất gốc. Phải chăng như J.J Rousseau đã nói: *"Con người sinh ra vốn tốt, chỉ vì xã hội đã làm họ hư hỏng"*. Cô trở nên khó chịu khi thấy anh để dành tiền gửi về giúp đỡ gia đình ở Việt Nam mà không để cho cô may mặc chưng diện. Đến một ngày anh phải có sự lựa chọn vì gia đình là trách nhiệm lớn lao đối với anh, nên không còn con đường nào khác. Anh đã thôi ở với cô ta từ 5 năm nay.

Vì chưa có con và không làm hôn thú nên vấn đề cũng dễ giải quyết thôi.

Hằng vội ngắt lời hỏi tiếp:

— Từ đó anh vẫn ở vậy hay đã có người bạn gái nào khác?

— Em ạ! Mối tình đầu với Hằng không trọn, mối tình thứ hai là một cuộc phiêu lưu tình cảm không ra gì. Thành thật mà nói tự nhiên anh cảm thấy lòng mình đã dửng dưng với phụ nữ. Có phải tim anh đã khô cằn hay không có ai như Hằng để yêu thương xứng đáng?

— Anh có dự định gì trong tương lai, anh có thể cho em nghe chút đỉnh?

— Từ ngày bỏ xứ ra đi, anh chỉ có một điều tâm nguyện là cầu xin cho đất nước mình không còn Cộng sản để có một chế độ tự do dân chủ, cho đời sống nhân dân được cởi mở tươi sáng hơn, rồi mình có thể trở về làm gì theo khả năng để phục vụ đất nước quê hương. Đành rằng sống trên đất Mỹ, mình cũng có công ăn việc làm tiện nghi vật chất đầy đủ nhưng vẫn thấy thiếu thốn tình quê hương dân tộc. Còn em thì sao?

— Ở Việt Nam em không còn ai là thân nhân ruột thịt nhưng em đồng ý với anh là không đâu đẹp bằng quê hương, không phải đẹp nhờ phong cảnh thiên nhiên hay tập tục cổ truyền mà đẹp trong lối suy tư và hành động thích hợp của mỗi con người.

— Vâng, vẫn như xưa hai chúng mình thường có cách nhìn và cách nghĩ giống nhau. Hai mươi năm sau gặp lại em, qua những cơn dâu biển của cuộc đời, trong anh, em vẫn là một hình bóng dáng quý đáng yêu không thế nào quên được. Em có nghĩ rằng vào một dịp khác chúng ta có thể gặp nhau lại hoặc ở Việt Nam hoặc ở Pháp?

— Vâng, Anh vui lòng cho em địa chỉ và số điện thoại chúng ta sẽ liên lạc nhau sau. Bây giờ đêm đã khuya xin lỗi anh, em phải về phòng nghỉ và chuẩn bị mai dậy sớm xuống sân bay Phú Bài cùng hai vợ chồng ông bà Giám đốc của em.

Trung rút ví lấy tấm danh thiếp trao cho Hằng và hai người đứng dậy cáo từ nhau.

Trung cứ trằn trọc hoài không tài nào chợp mắt. Một người yêu cũ một mối tình đầu bỗng nhiên không hẹn mà gặp lại tại một thành phố đầy kỷ niệm này.

Đến khoảng 1 giờ sáng có điện thoại reo ở đầu giường, Trung vội vàng bốc máy, bên kia đầu giây tiếng Hằng hỏi nhẹ: "Sao anh ngủ chưa?"

— Chưa Hằng ơi. Không cách nào nhắm mắt vì hình ảnh em cứ lởn vởn trong đầu.

— Em cũng thế. Muốn nói với anh thật nhiều nhưng cứ lúng túng mãi. Duyên kiếp lận đận này rồi chẳng biết đi về đâu?

Trung nghẹn ngào nói: Hằng à. Ai chẳng phải ngượng ngùng khi mỗi đứa mỗi ngả đã đi quá xa trên một chặng đường dài của cuộc đời, nhưng mà thôi anh còn đây, em còn đó, tình đời quả thật có nhiều ngang trái chúng ta hãy để cho định mệnh đưa đẩy, giờ đây anh xin chúc em đêm nay ngủ ngon để sáng mai lên đường.

Hằng đáp:

— Em cũng chúc anh như vậy. Hẹn gặp lại sau.

Bên ngoài cửa sổ trăng sáng vằng vặc, đường Lê Lợi đi về Đập Đá đã vắng hẳn tiếng xe. Trên sông Hương tiếng hò mái nhì mái đẩy từ những con đò vọng lại như than van, như kể lể. Đêm về khuya, tiếng hát xa dần...

Cali tháng 7/96

Dương Công Liêm.

Vua Gia Long Với Quyết Định Chọn Người Kế Nghiệp

Trần Đình Sơn

Cuối Đông năm Kỷ Mão, Kinh đô Huế chìm đắm trong nỗi âu lo, căng thẳng tột cùng. Tin Hoàng Đế "siết" nặng, từ hoàng cung truyền ra các phủ đệ, dinh thự rồi lan rộng đến dân gian.

Tại điện Trung Hòa, các ngự y đã tiến dâng đủ phương thuốc nhưng vô hiệu. Vị Hoàng Đế một thời thanh gươm yên ngựa, tung hoành khắp non nước, nếm đủ mùi gian khổ, vinh nhục của kiếp người, giờ đây như ngọn đèn cạn dầu sắp tắt.

Ngày 18, nhà Vua bỗng tỉnh táo, truyền đòi Thái Tử Đảm, Tả Quân Quận Công Lê Văn Duyệt đứng đầu võ ban, Lễ Bộ Thượng Thư Phạm Đăng Hưng đứng đầu văn ban vào bệ kiến. Tất cả đến trước sập ngự, quỳ tấu xin Vua tĩnh dưỡng, bớt phiền nghĩ, để mong thánh thể được an khương, tăng thêm tuổi thọ.

Vua bình thản ban lời: "Sống chết có mệnh Trời, bọn ngươi đừng kiêng sợ. Phàm truyền ngôi là việc lớn xưa nay. Ngày nay còn sáng suốt, nói được mà không nói, ngày khác chết đi, làm sao nói kịp nữa". Nhìn thẳng vào Thái Tử, Vua dạy tiếp: "Công xây dựng cơ nghiệp rất gian nan, con từng trông thấy. Nay việc lớn thiên hạ đã định, ta yên lòng chẳng cần dặn gì thêm. Duy một điều con cần ghi nhớ, ngày sau phải cẩn thận, tránh gây sự với ngoại bang".

Rạng ngày 19 tháng 12 (khoảng 2 - 3 giờ sáng), Vua băng hà thọ được 58 tuổi (ngày 2/2/1820).

Sự việc tưởng chừng như đơn giản, theo nguyên tắc cha truyền con nối bình thường. Nhưng không, đó là quyết định sau gần 20 năm suy nghĩ, đắn đo thu xếp của Vua Thế Tổ triều Nguyễn...

Bước vào tuổi ngũ tuần, nhà vua cảm thấy mỏi mệt dần với quốc kế, dân sinh. Để chính danh và yên lòng người, các đại thần nhiều phen tâu xin Vua cho lập ngôi "trừ nhị" (người kế vị). Công luận có vẻ nghiêng về hoàng đích tôn Đán. Không hiểu sao Vua vẫn làm ngơ chưa quyết?

Đán sinh năm 1796. Con trưởng của Anh Duệ Hoàng Thái Tử Cảnh và Vương Cơ Tống Thị Quyên. Cháu đích tôn của Vua và Hoàng Hậu Thuận Nguyên Tống Thị Lan. Hoàng Hậu là con gái công thần Tống Phước Khuông, người vợ tao khang đã cùng với Vua trải qua bao nỗi hiểm nguy, góp phần đắc lực trong sự nghiệp trung hưng. Đông cung Cảnh mới lên ba tuổi đã phải lìa xa cha mẹ, theo giám mục Bá Đa Lộc (Evêque d'Adran) sang Pháp quốc cầu viện. Mười ba tuổi được tấn phong Nguyên Soái Quận Công, nắm quyền Tả Quân Dinh. Từ đó theo cha chinh chiến lập nhiều công huân. Năm 1801, hai mươi hai tuổi, giữ quyền nhiếp chính tại Gia Định, bị bệnh đậu mùa rồi mất (ngày 17/2 năm Tân Dậu).

Để tạo hậu thuẫn cho Đán, và gây áp lực với Vua, Tiền quân Quận Công Nguyễn Văn Thành tổ chức tiệc rượu tại tư dinh, mời các đại thần đến dự, công khai tuyên bố: "Hoàng đích tôn xứng đáng

được nối ngôi. Tôi sẽ tâu xin Vua lập làm người kế nghiệp". Các quan đều sợ oai N.V.T nên im lặng. Chỉ có Lại Bộ Thượng Thư Trịnh Hoài Đức phát biểu: "Đấy là việc hệ trọng của Nhà Nước, quyết định do ý của Vua. Nếu bề tôi định kế riêng, tham lấy công to thì tội càng nặng". Có người đem chuyện, mật tâu với Vua. Vua rất giận bảo: "Hắn muốn lập người nhỏ tuổi để dễ khống chế. Ngày sau có thể chẹt họng, vỗ lưng chăng? Ta há tối tăm, nhầm lẫn, không biết đắn đo, để vội nghe lời hắn mà không vì xã tắc chọn người sao?"

Nhằm thăm dò ý kiến, một hôm bãi chầu, Vua kêu riêng N.V.T vào hỏi: "Nay đích tôn của ta là Đán còn nhỏ. Trong các con ta, ai xứng đáng nên

lập làm Thái tử?" N.V.T không hài lòng, thẳng thắn tâu: "Theo lẽ nên lập Đán, là đích tôn thừa trọng mới đúng. Nay Bệ Hạ muốn chọn người khác, thì biết con không ai bằng cha, chúng tôi không dám dự biết đến".

Tháng hai năm Giáp Tuất (1814), Hoàng Hậu Thuận Nguyên băng hà tại điện Khôn Nguyên. N.V.T tâu xin Vua cho hoàng tôn Đán đứng chủ tang lễ, giữ việc thừa tự. Vua bác đi và dụ: "Hoàng Tử Đảm đã được Hoàng Hậu nhận nuôi làm con từ lúc ba tuổi có khoán ước rõ ràng, nên giao cho làm chủ tang lễ. Đây là việc hệ trọng của Nhà Nước, không thể câu nệ theo nghĩa đích tôn thừa trọng ngoài dân gian được".

N.V.T tâu: "Nếu để hoàng tử Đảm chủ tang lễ thì lời xưng hô trong văn cúng tế không thuận".

Vua gắt: "Con phụng mạng cha để cúng tế mẹ, danh cính ngôn thuận, có điều gì dám bảo không hợp". Từ đó mỗi lần N.V.T tâu xin việc gì, Vua chỉ im lặng.

Tháng ba năm Bính Tý (1816), Vua triệu tập tôn nhơn, đình thần họp tại diện Cần Chánh, N.V.T không được tham dự vì đang liên can đến vụ án của con trai là Nguyễn Văn Thuyên. Vua bảo Trịnh Hoài Đức viết: Sắc lập hoàng tử thứ tư là Đảm, làm Đông Cung Hoàng Thái Tử. Ai đồng ý phải ký tên vào.

Tất cả quỳ tâu: "Nay trên thánh ý đã quyết định, thật là phước lớn của Nhà Nước. Chúng tôi xin hoàn toàn tuân mạng". Vua rất hài lòng.

Sau buổi họp đó, N.V.T bị tước hết binh quyền, thu lại tướng ấn. Vụ án Nguyễn Văn Thuyên được giao cho Quân Công Lê Văn Duyệt, một đối thủ của N.V.T tra xét.

Năm sau (1817), N.V.T và toàn gia quyến bị bắt giam vào quân xá Thị Trung. Triều đình họp tại Võ Công Thự xử chung thẩm.

Hỏi N.V.T: Có âm mưu tổ chức tạo phản không?

N.V.T đáp: Không.

Hỏi: Có biết việc con trai là Nguyễn Văn Thuyên âm mưu tổ chức tạo phản không?

N.V.T đáp: Không.

Trở về quân xá, gặp Thống chế Huỳnh Công Lý, N.V.T than thở: "Tội của tôi đã kết xong rồi. Nay Vua bắt tôi phải chết, nếu bề tôi không chết là bất trung". Ông bèn dùng thuốc độc tự tử.

Thế là sau cái tang Thuận Nguyên Hoàng Hậu và cái chết của N.V.T điểm tựa vững chắc của Đán hoàn toàn bị sụp đổ. Vua Gia Long chuẩn bị những điều kiện thuận lợi và an toàn nhất cho người nối ngôi: Hoàng Tử Đảm do Hoàng Phi Trần Thị Ngọc Đương (sinh năm Tân Hợi 1791). Nguyên Đán năm Canh Thìn (15/2/1820), tuân theo di chiếu của tiên đế được triều đình tôn lên ngôi, cải nguyên Minh Mạng.

Tuy đã chính vị, Vua Minh Mạng vẫn cứ băn khoăn về đích tôn Đán, một khuôn mặt sáng chói phản chiếu hào

quang và huyền thoại của Đông Cung Hoàng Thái Tử Cảnh, còn làm quyến cố lòng người. Nhất là ở Nam Kỳ Lục Tỉnh, miền đất long hưng của họ Nguyễn Phước.

Năm Giáp Thân (1824) Vua Minh Mạng ra lệnh cho phế Đán và bắt con cháu làm thường dân, xóa tên trong Hoàng Tộc.

Năm Bính Tuất (1826), em trai của Đán là Kính (Mỹ Thùy) cũng bị kiện và truy tố. Trong lúc chờ đợi định nghị, Kính quá lo lắng, buồn rầu sinh bệnh chết, chưa có con nối dõi. Tất cả quyền lợi, danh dự của dòng Hoàng Thái Tử Cảnh mất trắng. Đối thủ đáng sợ nhất đã bị loại hẳn ra khỏi "triều đường", từ đây ngai vàng sẽ do con cháu đế hệ (dòng Vua Minh Mạng) truyền nối mãi...

Nhưng vì duyên cớ nào mà đích tôn Đán, với những ưu thế sẵn có của bà nội, của cha, của đệ nhất công thần... kết quả lại mất quyền "thừa tự", để phải kéo dài cuộc sống với bao nỗi khổ đau, tủi nhục cùng cực, cho đến chết (năm Tự Đức thứ 2 Kỷ Dậu, 1849) (2).

Có phải vì nhỏ tuổi chăng? Lúc Vua Gia Long quyết định chọn lập người kế nghiệp (1816) thì Đán đã hai mươi tuổi, tương đối trưởng thành. Hay có nguyên nhân thầm kín khác mà chính sử không ghi? Chính bức thư của Bá Đa Lộc, gởi ông Letondal ngày 17/8/1789, đã phần nào giải thích sự việc:

"Từ ngày Đức Đông Cung trở về nước (3) và đã từ chối không làm lễ bái trước bàn thờ chư vị tiên đế, tôi đã mất một phen phân trần, giải thích lại với đức lịnh muôn năm. Hoàng Thượng tỏ vẻ xúc động nhiều về cử chỉ kỳ lạ của Thái Tử. Ngài phán cho tôi biết rằng, Ngài lấy làm ngạc nhiên vì sao đạo Gia Tô có thể dung túng cho tín đồ quên hết ông bà tổ tiên đi làm vậy..."

Sau khi lắng nghe sự giải thích, biện minh hết lời của Giám Mục B.Đ.L, Vua khẳng định:

"Duy ta nhứt quyết tôn trọng tục lệ thờ phượng cha mẹ, ông bà. Ta cho đó là việc cần thiết và đúng theo như Ta đang bàn luận cùng Thái Phó (B.Đ.L), việc ấy không có chi là lố lăng, đáng cười. Vả lại đó là cổ tục cốt yếu của Quốc Gia dạy cho đứa con từ bé thơ phải biết thờ cha, kính mẹ, như vậy mới là "hiếu tử". Giúp cho cha mẹ có quyền trị gia, nếu không thì trật tự trong gia đình không còn và sẽ rối loạn mất. Sự trọng kính cha mẹ ông bà, phải được phổ biến công khai, bành trướng rộng và ăn sâu tận gốc rễ" (Bản dịch của Vương Hồng Sển, trọng khảo về Đ.S.M.L Huế, quyển hạ, từ trang 90 - 94. Nhà xuất bản T.p H.C.M 1993).

Hiện nay công luận đang tìm hiểu, đánh giá lại triều Nguyễn một cách khách quan. Nhân kỷ niệm 175 năm ngày mất của Hoàng Đế Gia Long, xin cung cấp một vài sử kiện góp phần nhìn nhận đúng đắn, trung thực về nhân vật số một của lịch sử Việt Nam vào đầu thế kỷ 19. Chính con người đã khai sáng nên triều Nguyễn, tồn tại gần 150 năm.

Trần Đình Sơn.

Tài Liệu Tham Khảo:

— Đại Nam thực lục chính biên - Đệ I, Đệ II Kỷ.

— Đại Nam liệt truyện.

— La Geste Francaise en Indochine (G. Taboulet)

— Khảo về đồ sứ men lam Huế (Nhà xuất bản T.p. H.C.M, 1993. Vương Hồng Sển).

1. Vua Minh Mạng phân chia đế hệ và phiên hệ. Do đó đổi tên của Đán và Kính (có bộ Nhật) thành Mỹ Đường và Mỹ Thùy.

2. Sau khi Mỹ Đường (Đán) chết, nhờ có đại thần Võ Xuân Cẩn và Tạ Quang Cự, hết lời tâu xin thống thiết, Vua Tự Đức cảm động tha tội cho Lệ Chung (con trai của Đán) và ân phong làm Cảm Hóa Quân Công, giữ việc thờ cúng Anh Duệ Hoàng Thái Tử Cảnh. Con cháu được liệt vào hoàng tộc và cấp dưỡng lương bổng.

3. Đông Cung Cảnh theo G.M Bá Đa Lộc sang Pháp năm 1784. Theo tàu Méduse trở về Việt Nam vào ngày 28/7/1789.

■

Thạch Liêm Lão Hòa Thượng và Chùa Thiên Mụ Huế.

Nguyễn Lý Tưởng.

Chùa Thiên Mụ ở Huế là biểu tượng cho văn hóa lịch sử của xứ Huế cũng như Chùa Một Cột ở Hà Nội là hình ảnh của văn hóa lịch sử miền Bắc Việt Nam. Đặc điểm của chùa này không những có một địa điểm sông núi hài hòa, phong cảnh hữu tình, nên thơ, mà còn là nơi tàng trữ cả một kho tàng văn hóa với những bản gỗ để in sách chữ Nho đời xưa, nơi có những kỷ vật của nhà sư Thạch Liêm, một trong những vị sư tổ từ Trung Hoa đến mở mang đạo Phật ở xứ Đàng Trong thời các Chúa Nguyễn.

Người dân Huế, nhất là giới Phật tử hãnh diện về chùa Thiên Mụ, một trong những danh lam thắng cảnh của đất Thần kinh thì các nhà sư ở Huế cũng hãnh diện về sư tổ Thạch Liêm lão hòa thượng. Có lẽ không có một nhà sư nào có một hành trang đặc biệt như Thạch Liêm và cũng không có nhà sư nào có nhiều tài ba và danh tiếng như Ngài. Nói đến chùa Thiên Mụ thì ai cũng biết, nhưng nói đến cuộc đời của nhà sư Thạch Liêm thì ít người biết, ngoại trừ những người nghiên cứu lịch sử Việt Nam và lịch sử Phật giáo.

Chùa Thiên Mụ và Thạch Liêm lão hòa thượng có nhiều gắn bó với nhau, chùa sở dĩ được danh tiếng là vì có Thạch Liêm tu ở đó. Thạch Liêm sở dĩ được sử sách nhắc nhở đến là vì Ngài có một người đệ tử danh tiếng. Đó là Chúa Nguyễn Phúc Chu, một vị Vương vừa giỏi về chính trị quân sự lại văn hay chữ tốt, nổi tiếng là một nhà thơ vương giả và đạo hạnh. Ông đã quy y với nhà sư Thạch Liêm và đã có công xây dựng chùa Thiên Mụ đẹp đẽ trong tinh thần nhớ ơn sư phụ... Chùa Thiên Mụ là nơi Vua, Chúa thường đặt chân đến, có ngự chế đề thơ, có đúc chuông, đúc tượng để lưu lại cho đời sau...

Chùa Thiên Mụ được khởi công từ thời Chúa Nguyễn Hoàng (Chúa Tiên) vào năm 1601. Tương truyền Chúa Nguyễn đã từng đi quan sát vùng này, gặp một bà mặc áo đỏ, tay cầm bó nhang đang cháy. Bà này đã chỉ đường cho Chúa Nguyễn tìm đến một vùng đất tốt đẹp mà sau này là kinh đô Huế. Nguyễn Hoàng đặt tên là chùa Thiên Mụ (Bà từ trời xuống) và con sông Hương (Bà cầm bó nhang đang cháy tỏa hương thơm). Chùa được trùng tu nhiều lần qua nhiều đời Chúa. Chúa Nguyễn Phúc Chu (1691 - 1725) đã mời nhà sư Trung Quốc từ Quảng Tây đến để giảng giáo lý nhà Phật. Chúa Nguyễn đã quy y với nhà sư này, nhà sư Thích Đại Sán còn gọi là Thạch Liêm lão hòa thượng. Chúa Nguyễn đã tặng cho sư phụ y bát và các đồ dùng quý giá. Chùa được xây trên một ngọn đồi phía Tả Ngạn sông Hương. Phải leo lên nhiều bậc cấp mới đến được sân chùa. Chùa có tháp Phước Duyên bảy tầng, cao 21 mét, trên tháp có để các bảo vật. Ngày xưa phải có giấy phép của Bộ Công và Bộ Hình mới được lên tháp. Bộ Công giữ cái thang, Bộ Hình giữ

chìa khóa lên Tháp. Chùa có chuông cao 2,5 mét, đường kính 1,4m, nặng 2052 kg do Vua, Chúa tặng trên đó có khắc những bài thơ của Chúa Nguyễn. Có bia đá do Chúa Nguyễn Phúc Chu làm năm 1715 khắc sự tích chùa. Vua Thiệu Trị (1840 - 1847) rất yêu thích phong cảnh chùa này. Vua đã làm nhiều bài thơ cho khắc vào chuông để tại chùa.

Như đã nói trên, biết đến chùa Thiên Mụ mà không biết đôi nét về nhà sư Thạch Liêm thì thật là một thiếu sót. Theo Đại Nam Liệt Truyện Tiền Biên, một bộ chính sử của nhà Nguyễn được hoàn thành vào năm 1852 dưới thời vua Tự Đức, ở quyển thứ sáu, trang 24a, (bản Hán văn do Trần Vinh Anh, Lê Ngọc Bích, Nguyễn Đức Cung và Nguyễn Lý Tưởng phiên dịch và chú thích) có phần ghi chép về nhà sư Thạch Liêm như sau:

"... Thạch Liêm hiệu là Đại Sán Hán Ông, người tỉnh Chiết Tây, nhà Thanh (Trung Quốc), là người bát nhã, khôi ngô, phàm các môn tinh tượng, luật dịch, diễn xạ, lý số, triện lệ (viết chữ), đan thanh (vẽ), môn nào cũng thông hiểu, lại giỏi làm thơ.

Cuối đời nhà Minh, người Thanh vào làm chủ Trung Quốc, Liêm giữ tiết nghĩa, không chịu làm tôi, bèn từ giã mẹ già, cắt tóc đi tu chống gậy rong chơi mây gió (vân du), phàm những nơi danh lam thắng cảnh, dấu chân hầu đi khắp.

... Hoàng Đế Anh Tông ra lệnh cho Tạ Nguyên Thiều qua Trung Quốc mời cao tăng... Hoàng Đế Hiển Tông hay mời ông vào triều ra mắt, để cùng đàm luận về thiền giáo, Chúa trọng kính sự học uyên bác của ông, rất mực yêu quí kính nể..."

Qua một đoạn chính sử trên đây, ta thấy sử gia nhà Nguyễn ca tụng Thạch Liêm hết lời, nào là tài học uyên bác, nào là tài văn chương thi phú và đủ các môn Nho, y, lý, số lại thêm tài vẽ đẹp, chữ tốt nữa... Đúng là một con người tài hoa đương thời vì thế Chúa Nguyễn mới yêu quí, kính nể...

Ở Việt Nam một thời gian, Thạch Liêm có viết một cuốn ký sự (hồi ký) ghi lại những điều mắt thấy tai nghe và những cuộc đàm đạo với Chúa Nguyễn Phúc Chu, lưu lại những bài thơ xướng họa với Chúa.. Từ nhân vật, cảnh vật, cây cỏ thuộc vùng Thuận Hóa (Huế) mà ông đã để tâm tìm hiểu, ông đều ghi chép lại rất cẩn thận. Cuốn hồi ký lấy tên *Hải Ngoại Ký Sự* bị lưu lạc qua tới thư viện Đông Kinh (Nhật Bản), khoảng 1962 đến 1964, Ủy Ban phiên dịch sử liệu thuộc Đại Học Huế đã dịch lại toàn tác phẩm này. Trong phần nghiên cứu lý lịch của Thích Đại Sán, giáo sư Trần Kính Hòa (người Trung Hoa) từ Hồng Kông đến giảng dạy tại Đại Học Sàigon và Huế đã trình bày như sau:

"Xét chữ Thạch Liêm. Sách Hoa Di biến thái chép làm Thạch Liêm, ngoài biệt hiệu Đại Sán và Hán Ông, tục thường lại gọi "Thạch Đầu Đà". Còn thuộc về quê quán, bài tựa của Tăng Sán trong Ly Lục Đường Tập, tư tập của Đại Sán, chép rằng: "Hòa Thượng người Cửu Giang, đồng làng với tôi", cũng trong tập ấy, bài tựa của Đào Huyên chép rằng: "Tôi nghe nói Hòa Thượng nguyên quán ở Giang Hữu và đến Quảng Châu thuyết pháp v.v.." Ngoài ra hoặc bảo ông người Lãnh Nam, hoặc bảo người Ngô, hoặc bảo Giang Nam, hoặc bảo Trì Châu, hoặc bảo Tô Châu, hoặc bảo Nam Kinh, các thuyết phân vân chưa biết thuyết nào đúng. Cứ theo thiển kiến của tôi (Trần Kính Hòa), trong các thuyết ấy nên lấy thuyết Chiết Tây có thể đúng hơn. Xét hai bài tựa của họ Tăng, họ Đào bảo Cửu Giang, bảo Giang Hữu thì cũng đều thuộc Giang Tây,

hình như đều là chữ "Chiết Tây" nói nhầm. Vả lại, Đại Sán năm về già bị bắt giải về nguyên quán, giữa đường mất tại Thường Sơn thuộc Tây Nam tỉnh Chiết Giang... Chiết Tây tức Chiết Tây lộ đời nhà Tống, lấy Hàng Huyện làm lỵ sở, tức một dải Hàng Gia Hồ ngày nay, nơi ấy cũng tiếp liền với Tô Châu (tức Ngô), có lẽ vì thế mà bảo lầm là Giang Nam". (tr 243).

Qua đoạn văn trên đây, giáo sư Trần Kính Hòa cho biết quê hương của Thạch Liêm thuộc tỉnh Chiết Giang (Trung Quốc), ông đã từng bị hoạn nạn, tù tội và chết trên đường bị giải về quê. Thời nhà Thanh có những phong trào phục Minh, phản Thanh hoạt động. Thạch Liêm đã từng đi nhiều nơi, giao thiệp với nhiều người... nên bị vua quan nhà Thanh nghi ngờ và bị kết tội oan... Sử nhà Nguyễn (Liệt Truyện Tiền Biên) và *Hải Ngoại ký sự* của Thạch Liêm có kể lại một chuyện... Ở kinh thành Huế thời Chúa Nguyễn Phúc Chu (thế kỷ 17, 18) hay bị hỏa hoạn về mùa hè, vì nhà cửa trong kinh thành phần nhiều lợp tranh... Mỗi lần có hỏa hoạn, Chúa Nguyễn đích thân đem lính tráng đi chữa cháy. Thạch Liêm thấy như thế thì lo sợ cho Chúa vì ở Trung Quốc, bậc Vua Chúa không bao giờ khinh suất như vậy, nếu có kẻ gian lợi dụng cơ hội ám hại Chúa thì sao? Thạch Liêm đề nghị mỗi khi hữu sự, Chúa nên ban cờ hiệu cho một vị tướng thay mặt Chúa mang cờ hiệu đến. Thấy cờ cũng như Chúa có mặt nơi đó. Ai bất tuân lệnh thì cứ chiếu theo luật mà nghiêm trị. Qua câu chuyện đó, chúng ta thấy người lãnh đạo đời xưa, tuy là thời phong kiến, nhưng tinh thần trách nhiệm của họ, lo cho dân cho nước, không kể nguy hiểm đến mạng sống của mình. Thật là những tấm gương sáng cho đời sau.

Thạch Liêm đến đất Thuận Hóa, kinh đô của Chúa Nguyễn, lúc đầu ở chùa Từ Hiếu, sau ra chùa Bảo Quốc và sau cùng ở chùa Thiên Mụ. Ngài đã tổ chức quy y, thọ tỳ kheo giới cho nhiều đệ tử. Chúa Nguyễn đã chính thức quy y tại chùa Bảo Quốc với Thạch Liêm.

Ở Việt Nam một thời gian, nhà sư trở về Trung Quốc, có dịp vẫn viết thư thăm Chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn cũng nhờ nhà sư vận động vua nhà Thanh thừa nhận Đàng Trong như một quốc gia độc lập và xin phong Vương cho Chúa Nguyễn như đã phong cho Vua Lê ở Hà Nội. Nhưng việc đó bất thành.

Để biết rõ tình cảm giữa nhà sư Thạch Liêm và Chúa Nguyễn Phúc Chu, chúng tôi xin trích một đoạn thư gởi Chúa Nguyễn và bài thơ tứ tuyệt dâng tặng nhà Chúa của Thạch Liêm sau đây:

"Một sông khói sóng, đường cách lớp mây, tám độ xuân về, mái tóc bạc trắng. Đời trải qua bao năm tháng, nhớ nhơn duyên ở ngoài trời. Xa biết phương trượng bồ đoàn, đã có tin mai báo cáo. Bèn khiến một bó lác mà qua sông, những mong rút ngắn đất lại. Trăng đêm dây ngọn triều, tin xa đến chậm. Thơ mới tặng phương xa chỉ e lời quê vấn vỏi:

Thơ rằng:

Đông phong tân lãng mãn giang tần,
Tưởng kiến hồ sơn vũ lộ tân.
Tự thị dương hòa qui thảo mộc,
Thái bình nhân túy hải thiên nhiên.

Tạm dịch:

Gió đông sóng mạnh ngập đôi bờ,
Nhuần đượm hồ sơn hạt móc mưa.
Cây cỏ từ nay bừng sức sống.
Thanh bình trời đất cũng say sưa.

Trước 1975, mỗi năm ở Huế vẫn có giỗ sư tổ Thạch Liêm. Cố Hòa Thượng Thích Thanh Long, chùa Giác Ngạn, quận Phú Nhuận, Sàigòn cho chúng tôi biết như vậy. Dưới triều vua Minh Mạng, Trương Hiếu Hợp có lần cầm đầu phái đoàn đi xứ Trung Quốc, có ghé thăm chùa cũ của Thạch Liêm, các vị trụ trì ở đó hãy còn nhắc những kỷ niệm của Thạch Liêm với chúa Nguyễn.

Nguyễn Lý Tưởng

SỊA,

khu thị tứ vươn lên từ vùng lau sậy

Thuận An

Sịa, một địa danh đặc biệt ở tỉnh Thừa Thiên, và tọa lạc không xa thành phố Huế. Sịa, một khu thị tứ sầm uất giữa chốn thôn dã trải rộng vươn dài. Sịa, cái tên nghe lạ lạ quen quen. Quen tai đối với những ai đã sinh trưởng ở miền núi Ngự sông Hương, ít nhất là qua một câu phương ngôn không biết xuất hiện từ thời nào: *"Nhất Huế nhì Sịa"!* Nhưng lạ lẫm đối với những người có óc tò mò muốn hiểu tại sao vùng đất này lại mang tên ấy, và địa vị của nó chỉ đứng sau Huế mà thôi.

Từ Huế về Sịa không quá cách sông trở đò để thành ra xa ngái đối với chốn Kinh Thành, nhưng cũng chẳng quá gần nhau để khu phố thị nhỏ bé dễ thương này bị chìm lỉm nhạt nhòa bên cạnh chốn phồn hoa đô hội. Một khoảng cách vừa phải để giữ vai trò thương mại nói riêng và nhân văn nói chung của một huyện lớn ở đất Kinh kỳ trong lịch sử: huyện Quảng Điền.

Sịa ở cách Huế chưa đầy 15 km đường chim bay về hướng tây bắc, và cách bờ phá Tam Giang khoảng 3 km về hướng nam. Từ Huế về Sịa có thể đi bằng ba con đường khác nhau. Con đường thứ nhất: Theo quốc lộ 1, ra đến An Lỗ (20 km), vừa qua cầu An Lỗ bắc qua sông Bồ thì rẽ phải ngay, theo tỉnh lộ 11 về phía đông bắc 9 km là đến Sịa. Con đường thứ hai: Đi theo tỉnh lộ 4, từ Huế xuống Bao Vinh — Địa Linh, hướng về Thanh Phước, qua cầu Thanh Hà, vượt chợ Tài Ba ở làng Tây Thành, chuyển hướng tây bắc, đi qua các làng Đồng Xuyên, Mỹ Xá... để đến Chợ Sịa. Đường này chỉ dài 14 km. Con đường thứ ba ngắn hơn nữa, nằm giữa hai đường kia: Từ Huế theo quốc lộ ra đến trường Hương Trà thì rẽ phải, xuống làng Hương Cần, qua cầu Phe Kiền, đi tiếp thì gặp tỉnh lộ 4 để dẫn đến nơi. Cả ba đường đều phải qua cầu bắc ngang sông Bồ. Con đường đầu tiên tuy dài nhất (29 km) nhưng được trải nhựa từ lâu, nên xe cộ đi lại thuận tiện và nhanh chóng hơn.

Đặt chân đến Sịa với chợ búa, phố xá, bến xe, nhà thương, trường học, đình chùa, nhà thờ, cửa hàng ăn, quán giải khát, tiệm thuốc bắc, pharmacie, tiệm may, hiệu ảnh v.v.., người ta thấy toát lên bầu không khí nhộn nhịp đông vui, sau một cuộc hành trình đi qua nhiều làng mạc hẻo lánh, đìu hiu. Đây là nơi giao lưu buôn bán hàng hóa và thổ sản của nhiều làng lân cận, kể cả những xã thôn, cách đó năm bảy cây số.

Sịa là cái tên chứa đầy bí ẩn. Nó đã làm mất khá nhiều công sức tìm hiểu của các nhà nghiên cứu trong nhiều thập niên qua. Chưa hề thấy quyển sách cổ nào ghi chép và giải thích rõ ràng địa danh ấy.

Có người cho rằng Sịa là một trong những địa danh độc âm đặc biệt ở vùng Thừa Thiên Huế, như Sình, Sam, Nong, Truồi... tưởng chừng như vô nghĩa so với các địa danh khác của Việt Nam; đó là những tên đất của các dân tộc thiểu số một thời từng sinh sống ở đây, như người Chàm, người Tà Ôi, Pacoh, Bru, Vân Kiều, rồi sau đó được Việt hóa, chẳng hạn như: Thia (nghĩa là cá), thành ra Sịa, H'Truồi (nghĩa là gà) thành ra Truồi v.v...

Lại có người khác cắt nghĩa chữ Sịa một cách ngộ

nghĩnh rằng ngày trước có một công ty kỹ nghệ của người Pháp đến lập tại đây một cơ sở làm ăn và đã dùng tên Tây để đặt cho nó: Société Industrielle — Annam, viết tắt là S.I.A, sau đó biến thành Sịa!

Sử sách triều Nguyễn trong thế kỷ XIX cũng chẳng cho biết gì về địa danh Sịa cả. Chỉ thấy sách Đại Nam Nhất Thống Chí in vào năm 1909, trong mục *"Phố thị"* ghi rằng ở huyện Quảng Điền có một ngôi chợ tên là An Gia (An Gia thị) với tục danh là chợ Sậy... và tại đây "có phố ngói người Tàu ở đông". Sậy là chữ Nôm, gồm bộ trúc nằm trên chữ sự.

Nhưng, theo nhiều người địa phương cho biết thì ngày xưa chợ này còn được gọi là chợ Ngũ Xã, nghĩa là chợ chung của 5 làng nằm kế cận nhau, là Thủ Lễ, Khuông Phò, Tráng Lực, Thạch Bình và An Gia, chứ không phải là chợ riêng của chỉ một làng An Gia.

Nếu không có đầy đủ sử sách để nghiên cứu thì có thể dựa vào một số tài liệu dân gian để tìm hiểu. Theo một số văn bản Hán Nôm đang bảo lưu được tại các làng xã địa phương thì địa danh Sịa đã được ghi chép từ năm 1690, dưới thời các chúa Nguyễn, nhằm vào niên hiệu Chánh Hòa thời vua Lê Hy Tông. Vào năm 1704, có một người tên là Tham Thạc ở làng Thủ Lễ đã sao chép một văn bản từ Tổng Phò Lê (về sau đổi tên thành Khuông Phò) trong đó ghi rằng vào năm 1690, *"Tiết chế các xứ thủy bộ chư doanh đã tuyển lính thủy ở sáu xã vùng Sịa"*.

Các văn bản trong dân gian tại đây đã viết chữ Sịa bằng hai cách khác nhau: Cách thứ nhất là bộ "thủy" bên trái, chữ "sĩ" bên phải 泗.,
Cách thứ hai là chữ "sĩ" bên trái, chữ "điểu" bên phải 仕鳥.

Cách viết thứ nhất còn đọc được thành âm "Sỉa" (như sỉa lầy) hoặc âm "sẩy" (như sẩy chân). Cách viết thứ hai còn đọc được thành âm "sẻ" (như chim sẻ). Với lối cấu trúc chữ nghĩa nôm na như vậy của cổ nhân, chúng ta có thể nghĩ rằng ngày xưa, xứ Sịa là một vùng đất trũng, người đi đến đó dễ bị sẩy chân, sỉa lầy, hoặc đây là vùng có nhiều ruộng lúa, chim sẻ hay tụ tập lại để ăn thóc gạo. Và cũng có thể hiểu cả hai nghĩa tổng hợp lại, vì cả hai đều bao hàm ý nghĩa đồng ruộng, lúa má.

Thật vậy, một số văn bản Hán Nôm khác tại địa phương được viết vào đầu thế kỷ XIX ghi rằng ngày xưa đây là "Vịnh Sịa", tức là cánh đồng nước lợ từ phá Tam Giang ăn sâu vào đất liền. Tương tự như đầm Sam, đầm Chuồn hiện nay. Vịnh Sịa bấy giờ giáp chân ruộng các làng An Gia, Mạc Da, Thạch Bình, Tráng Lực, Phò Lê và Thủ Lễ. Qua thời gian, đầm nước lợ này khô cạn dần theo cùng một nhịp điệu với phá Tam Giang. Ca dao cho thấy rõ điều đó:

Phá Tam Giang ngày rày đã cạn
Truông Nhà Hồ nội tán dẹp yên...

Mãi đến ngày nay, hiện tượng bồi lắng tự nhiên ở phá Tam Giang vẫn đang tiếp tục diễn ra. Vào năm 1814, nông dân 6 làng ấy đã xin triều đình nhà Nguyễn cho đắp đập ngăn nước mặn để làm ruộng ở vùng đất bồi này. Vua Gia Long chuẩn nhận. Thế là sau 3 năm đắp đê ngăn mặn, vào năm 1817, một cánh đồng mới rộng trên 100 mẫu đã được mở ra và chia thành 6 khoảnh lớn để 6 làng khai thác. Đất ruộng ở đây gồm cát pha bùn. Trong môi trường thổ nhưỡng đó, các loại cây lau, sậy, năn, lát, và cỏ ống được vén lên làm bờ đê, bờ thửa (đường ruộng), và ngâm nước lâu ngày bị thối rữa, mủn ra, làm cho cánh đồng màu xám đen. Do đó, ruộng mới canh tác ở đầm này đã được nông dân bấy giờ gọi là ruộng ô. Chữ *"ô"*, ngoài nghĩa màu đen, còn có nghĩa là con chim quạ. Bởi vậy, trong chữ Nôm, tiếng Sịa được ký âm bằng chữ *"sĩ"* bên trái và chữ *"điểu"* bên phải. Xưa nay, dân ở đây gọi vùng đất ruộng mới hình thành ở phía bờ phá Tam Giang ấy là "ngoài ô ngoài ốn", tức là cánh đồng có nhiều cỏ ống ở phía ngoài kia. Cách lý giải dựa vào tài liệu dân gian này phù hợp với cách ghi chữ "chợ Sậy" trong sách Đại Nam Nhất Thống Chí, vì bên kia nói đến cỏ

ống, bên này nói đến cây sậy. Cả hai đều là cây cỏ mọc hoang ở vùng đầm phá nước lợ đang ở trên quá trình phân hủy và khô cạn dần.

Chánh quyền quân chủ ngày xưa dùng hai chữ Quảng Điền để đặt tên cho huyện này chắc hẳn đã nói lên phần nào thực tế và ý nghĩa ấy. "Quảng" là rộng hoặc mở rộng, "điền" là ruộng. Tiến trình mở rộng đồng ruộng như thế, hiện nay vẫn đang tiếp tục.

Theo bản thống kê về sản lượng lương thực tính ra thành thóc lúa của tỉnh Thừa Thiên Huế trong năm 1993 thì huyện Quảng Điền sản xuất được 27.861 tấn, đứng đầu 8 huyện trong tỉnh.

Quá trình mở rộng diện tích canh tác nói trên phù hợp với hướng di chuyển trung tâm hành chánh của huyện Quảng Điền trong lịch sử. Sách Đại Nam Nhất Thống Chí ghi rằng huyện lỵ của huyện Quảng Điền, từ khi mới thành lập dưới thời nhà Lê, đã được đặt tại làng Phú Ốc, gần mé đường quan lộ (quốc lộ 1 ngày nay). Đến năm 1835 dưới thời Minh Mạng huyện lỵ dời qua đóng tại làng Bác Vọng. Năm 1851 dưới thời Tự Đức, nó được chuyển đến làng Hạ Lang. Năm 1947, huyện lỵ dời về gần chợ Sịa, và năm 1956, xây dựng tại vị trí hiện nay (làng Khuông Phò), cách chợ không xa. Như vậy, huyện lỵ đã được chuyển dần từ phía tây nam (gần quốc lộ) về phía đông bắc (gần phá Tam Giang), theo đà gia tăng diện tích "điền địa" của huyện.

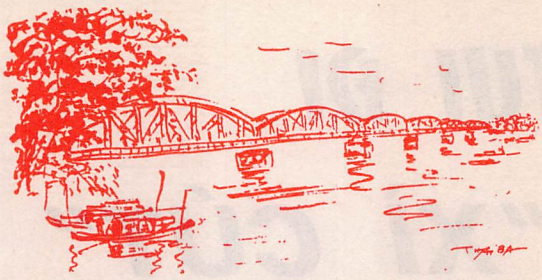

Thế mới biết xứ Sịa nguyên là nơi đầm lầy, rồi trở thành vùng đất trũng. Sau đó trải qua hàng trăm năm, nó đã được bồi đắp cao dần và thành đất thổ cư. Nhân dân địa phương lập ra chợ búa, rồi trở thành một trung tâm buôn bán nhỏ trong vùng. Cuối cùng, theo đà phát triển kinh tế xã hội, nó được xây dựng thành một khu thị tứ, một con phố nhỏ khang trang bên cạnh chợ Sịa khá lớn như chúng ta đang thấy hiện nay. Ngoài ý nghĩa "thị" là chợ, Sịa còn mang tính cách "tứ" là cửa hàng tạp hóa. Như tài liệu nêu trên cho biết, ở đây đã có khá nhiều thương điếm (nhà phố lợp ngói) do người Hoa Kiều thiết lập vào các thế kỷ trước. Nghĩa là Sịa đã mang phong cách "phố xá" rất sớm so với các huyện trong tỉnh Thừa Thiên. Đặc biệt là từ khi mở ra tuyến xe Autobus (xe chợ, chở hàng, chở khách) nối Huế với Sịa ngang qua An Lỗ ở đường quốc lộ dưới thời Pháp thuộc, hầu hết các món hàng mà Huế và chợ Đông Ba có bán, thì Sịa cũng có bán. Đặc biệt là Sịa ở bên đầm phá và gần biển, nên chợ ở đây lắm tôm nhiều cá, các loại thủy sản cung ứng cho các bà nội trợ đủ cả bốn mùa. Các loại nông sản và thịt gia súc gia cầm cũng chẳng thiếu thức gì. Mùa nào thức ấy. Đồ tiểu thủ công nghiệp và hàng hóa ngoại quốc thì từ Huế và các địa phương khác chuyển về. Sịa có sức thu hút, làm cho khách vãng lai ngày càng đông đúc, khách tứ xứ đủ loại sang hèn. Thị tứ này dần dần mở rộng phạm vi ảnh hưởng của nó qua các địa hạt giáo dục, y tế nói riêng và văn hóa nói chung. Vì có được sự quần cư đông vui, trù phú và phồn thịnh như thế, cho nên, người ta nói "Nhất Huế nhì Sịa", nghĩ cũng không sai.

Và như vậy, Sịa là chữ Nôm đã dùng trong văn bản từ xưa (dù được ký âm bằng những cách khác nhau), chứ không phải được Việt hóa từ tiếng Tây hoặc một thứ chữ nào như nhiều người nghi ngờ từ trước đến nay. Chỉ qua việc tìm hiểu ý nghĩa chữ Sịa, cũng đã thấy được phần nào sự phát triển ruộng đất của huyện Quảng Điền về phía phá Tam Giang.

Với những nét thanh tân của mình, Sịa xứng đáng là bộ mặt nhân văn tiêu biểu của huyện sở tại từ lâu về trước.

Thuận An

TUI ĐI "XÌ CÚT"

Vài kỷ niệm về Hướng đạo Huế những năm 1935-1945

Tôn Thất Thiện

Khi rỗi rang, nhớ lại những năm sống ở Việt Nam, và nhứt là ở Huế, trong thời gian 1935-1945, một trong những sự kiện quan trọng nhứt trong đời tui là việc tui "đi xì cút". Phong trào hướng đạo đến Huế vào khoảng năm 1935. Năm đó tui học lớp nhì nhị niên trường tiểu học Paul Bert (sau này là Thượng Tứ). Và thầy tui năm đó là anh Tráng Cử. Anh Cử là người đã kéo tui vô hướng đạo, và cùng với anh Tạ Quang Bửu, đã có một vai trò quyết định trong sự chuyển hướng cuộc đời của tui, từ một "cậu ấm" đủ điều kiện hư hỏng thành một thanh niên, và sau này, một người, đàng hoàng, đủ điều kiện giữ được ba lời hứa hướng đạo và phục vụ xứ sở và xã hội một cách hữu hiệu.

Mới đầu danh từ "hướng đạo" chưa thông dụng. Người ngoài quen gọi hướng đạo là "xì cút" (scout). Vào hướng đạo là "đi xì cút". Có người dùng danh từ "bòi xì cút" (boy scout), và người em họ tui lại nói 'anh Thiện đi "bòi bốt xì cút"'. Danh từ "scout" được dùng ngay trong ngôn ngữ Pháp vì lúc đó phong trào tương đối mới ngay cả ở Pháp, và danh từ "éclaireur", chưa xuất hiện. Tương đương Việt của danh từ này, "hướng đạo sinh", chỉ được dùng khá lâu về sau.

Một trong những người sáng lập hướng đạo ở Huế là anh Cử. Anh là đoàn trưởng đoàn Hùng Vương. Lúc đó anh dạy lớp nhì đệ nhị niên ở trường Paul Bert. Và tui là học trò của anh. Từ đó vô đoàn của anh ấy chỉ có một bước, vì học trò lớp nhì nhị niên thuộc lứa tuổi hướng đạo sinh, và anh Cử muốn mộ quân chỉ cần chọn trong đám học trò của anh.

Một trong những học trò được anh để ý là tui. Và kế hoạch anh Cử dùng để kéo tui vô hướng đạo rất giản dị. Một ngày chủ nhựt anh tổ chức một buổi đi chơi Văn Miếu, vùng trên Kim Long, dọc bờ sông Hương. Nhưng đi đây là đi chung với đoàn hướng đạo mà anh làm đoàn trưởng. Đến nơi, bày trò cắm trại, nấu nướng, chơi, hát. Tôi thấy vui. Thế là khi về tui làm đơn xin gia nhập đoàn "xì cút" ngay. Và quyết định này đã biến tui từ một thanh niên có xu hướng hư hỏng thành một thanh niên mà anh Cử thường đem ra làm ví dụ là học trò kiểu mẫu trong lớp để chứng minh tính chất giáo dục huyền diệu của hướng đạo.

Lúc tui mới nhập đoàn, vô đội "hirondelles" (én) — lúc đó đang còn dùng tiếng Pháp — mà đội trưởng là anh Võ Thủ Tịnh (mà mỗi năm tui gặp lại ở Paris trong những năm qua). Sau không lâu, anh Tịnh chuyển qua ngành sói, và tui thay anh ấy là đội trưởng. Trong hướng đạo thăng chức rất mau! Và cũng không lâu sau đó, anh Cử nhường chức đoàn trưởng cho anh Bửu để lập một đoàn khác. Nếu tui không lầm, đó là đoàn Đinh Bộ Lĩnh. Anh Bửu cũng có một vai trò quyết định trong cuộc đời của tui.

Tôn Thất Thiện

Về thăm Huế có hai ngày

Lệ Vân

Huế đẹp... Huế thơ... Huế đang hiện dần rõ ràng trước mắt tôi. Năm tháng ngày qua, Huế thổn thức trong tôi, giờ đây nhìn qua khung kính xe, tôi bắt đầu thấy Huế với dòng sông êm đềm. Hai bên bờ sông, cây cối xanh ngát, thấp thoáng bóng người qua hàng cau, dẫy mít, cụm chuối... Nhà vườn mến thương còn có rất nhiều ở Huế, khác hẳn với Hà Nội, Saigon, lúc nhúc toàn nhà cửa san sát, chật chội!

Trong phút chốc, này đây là cầu Tràng Tiền mười hai nhịp long lanh; trên cầu đầy người đi xe đạp, xe mô tô loại nhỏ chở những thanh niên gầy gầy, những o con gái không còn mặc chiếc áo dài đưa duyên như xưa, nhưng bóng dáng nhẹ nhàng mảnh khảnh vẫn còn dễ thương lắm.

Tôi chỉ có ít thì giờ nên về thăm Huế có hai ngày, tôi được anh Hoàng, anh nhà tôi, cùng về từ Hà Nội. Vì Phú Bài đang tu bổ lại, nên chúng tôi đi máy bay vào Đà Nẵng, rồi có xe rước ra Huế. Nhờ vậy chúng tôi được ghé Đà Nẵng để được gặp gần mười người bạn cũ Đồng Khánh. Gặp lại nhau mừng quá, vui hơn Tết, ăn uống buổi trưa với nhau, kỷ niệm còn êm ái tràn đầy đến bây giờ. Chúng tôi nhìn nhau mến thương, tin tưởng, rồi bịn rịn chia tay lên xe về Huế. Thế là tôi chỉ được thấy lại Đà Nẵng qua các bạn học xưa mà thôi.

Xe ôtô lái dần leo lên đèo Hải Vân bát ngát nghìn trùng. Hải Vân vẫn đẹp lắm, mây núi, biển cả, gió lộng trời xanh, không khí trong lành thoát tục. Chúng tôi dừng xuống Lăng Cô chụp ảnh tha hồ, rồi được ăn cá tươi, mực ống, tôm he. Còn các loại sò thì ai dè không có qua một thứ nào, chẳng hiểu tại sao, thật tiếc quá.

Đà Nẵng, Huế thật gần, vài giờ sau đã sắp đến nhà anh Cả ở Bàu Vá, gần ga Huế. Đường xe rộng mà toàn ổ gà, bụi mịt mù... Đi ngang qua nhà ngày trước của hai cụ thân sinh xây cất, anh Hoàng chỉ: "Nhà cậu mạ đó tề". Nhà vẫn đồ sộ trang nghiêm, hai bên giờ có xây thêm hai dãy nhà lầu. Tôi vội chụp vài bức hình làm kỷ niệm cái quá khứ xa xưa ấy. Giờ đây là nhà của nhà nước, đất nhà nước, bến sông nhà nước, mấy cây nhãn lồng, vú sữa cũng của nhà nước luôn! Vậy mà nhà anh Cả vẫn còn, nhờ hai ông bà cố thủ bám chặt giữ được gần y nguyên, chỉ mất một ít đất vườn và cũng là nhờ công sức mấy người bà con đi tập kết trở về.

Anh Cả nay đã trên 90 tuổi, tự đẩy xe lăn ra cửa đón chúng tôi. Anh gầy, teo lại còn chút xíu, đầu nghẹo qua một bên, mà nét mặt còn tươi tỉnh, tỉnh táo. Thật tài, qua bao nhiêu tang thương, biến đổi chắc nhờ ông vẫn được ở trong căn nhà vườn yêu thương của ông. Mít, bưởi, nhãn, vải, khế, chuối, dừa và mấy cây vả chi chít quả. Cây

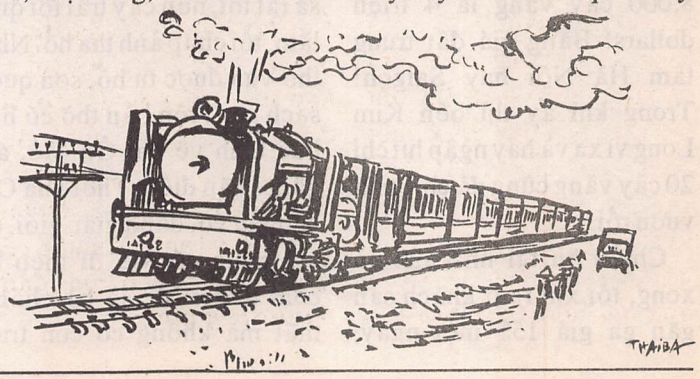

cối cũng già đi nhiều, nhưng vẫn chung sống với ông. Tôi mừng thấy anh chị Cả còn hăng hái trong cuộc sống, tuy chị Cả mới chừng 60 tuổi mà xọm đi nhiều quá. Căn biệt thự ngày xưa được Nam Phương Hoàng hậu đi ngang ghé vào xin được vào xem, nay cũ kỹ buồn bã, phòng khách phòng ăn ố vàng, nham nhở như cả trăm năm không được tu bổ lần nào. Nhưng trên chiếc bàn ăn thì vui quá: bánh bèo, bánh lá, bánh bột lọc, thịt gà bóp rau răm muối tiêu, cháo gà thơm phức nghi ngút lên hơi... Tôi xin được vào phòng thờ thắp nén hương vái các cụ. Phòng thờ nay dọn ra chỗ nhỏ xíu tối tăm. Ôi còn đâu nữa thời vàng son, bên nhà hai cụ có nguyên cả một từng lầu làm nhà thờ, hoành phi câu đối, bàn thờ chạm trổ cẩn xà cừ tráng lệ. Nhà anh Cả cũng như những nhà khác, chẳng ai đủ sức sơn quét sạch sẽ. Nhưng giá nhà đất đang tăng vùn vụt. Với 400m2 đất, nhà anh Cả nay giá 400.000$ US, có người đòi mua để xây khách sạn. Con anh từ bên Pháp chạy về định bán, nhưng sau mấy tuần nghiên cứu anh ta lại đòi bán với giá 8.000 cây vàng là 4 triệu dollars! Bằng giá đất trung tâm Hà Nội hay Saigon! Trong khi ấy thì bên Kim Long vì xa và hay ngập lụt chỉ 20 cây vàng cũng đã có 1 nhà vườn rồi.

Chiều ăn tại nhà anh cả xong, tôi xin ra ở khách sạn gần ga giá 15$ một ngày, khách Hà Nội, Saigon ra vào đông vui. Nhờ có máy lạnh nên đỡ muỗi và phòng sơn quét trắng trẻo sạch sẽ! Đến tối tôi rủ Thu đi ăn bánh khoái cửa Thượng Tứ ngon quá. Sáng mai lại đi ăn cơm hến, rồi Thu cùng tôi thuê xe cyclo về làng.

Làng Lương Quán quá Nguyệt Biều một khúc. Trên đường quê đắp đất, xe cyclo lúc la lúc lắc chạy dưới các vòm tre xanh mướt, đan vào nhau, rọi bóng in xuống đường làng. Chó sủa gâu gâu, từ trong nhà vườn, vọng ra tiếng chị ru em thánh thót êm đềm. Đường mỗi lúc mỗi gồ ghề, xe lắc muốn lật. Tôi đòi xuống xe đi bộ, nhưng anh đạp xe cứ nói: "Các cô đừng sợ". Ở Huế, chừ tuổi mô người ta cũng chỉ gọi bằng cô chớ không gọi bà hay cụ như xưa nữa, còn trẻ thì vẫn gọi là chị hay O nghe cũng dễ thương đặc biệt Huế.

Xe chạy mãi rồi cũng đến nhà thờ họ, Thu đi tìm thím Tư đến mở cổng nhà thờ. Chúng tôi đi ngang qua hai hàng cây chè cắt xén gọn ghẽ xanh mướt rợp bóng cây, hai bên vườn đào tiên, bưởi, mít, dâu da, hoa quả sum suê. Đất làng Lương Quán là đất phù sa rất tốt, nên cây trái tốt quả lắm, tôi chụp ảnh tha hồ. Nhà thờ vừa được tu bổ, sơn quét sạch sẽ. Trên bàn thờ có hai bức hình vẽ hai Ông Mệ, áo gấm khăn điều. Thời xưa Ông là quan võ, đánh giặc giỏi, đi mô cũng có Mệ đi theo lo cơm nước. Mệ là bà chánh thất mà không có con trai, nhưng Mệ có tài quán xuyến, xây dựng nên cơ nghiệp, nên con cháu đều nhớ ơn cúng bái kỹ lưỡng. Nhà Nguyễn vững bền một phần nhờ các vị quan võ dòng Tôn Thất hết lòng hiệp sức lo cho giang sơn nhà Nguyễn được yên ổn. Hôm nay gặp ngày giỗ ngài Hoàng hệ 7 nên bà con đi giỗ làng trên còn lại có anh Sót ở nhà gần nhà thờ. Thu gọi: "Cậu Sót ơi, có mợ Thiện về thăm nì". Anh Sót há há mấy tiếng như nghe không ra, rồi ông giơ tay lên trời chạy vô chạy ra, chạy vòng quanh kêu lên: "Trời ơi là trời, Ôn Mệ ơi, trời ơi", đó là cách tỏ tình cảm vui mừng của anh. Thu nhắc: "Cậu mặc áo vô chụp hình". Anh Sót lính quýnh vừa tròng áo vừa gọi vợ con cháu ơi ới. Anh vui thú kể lể chuyện xưa nay và nhờ có máy thâu thanh, anh được nghe anh Thiện từ nước ngoài gọi về bốn lần trong năm nay hô hào dân chủ hóa. Anh Thiện còn kể chuyện hồi 1944, C.I.A giúp cụ Hồ tranh đấu chống Pháp Nhật như sao nữa. Anh Sót nheo mắt gật gật đầu nói: "Té ra cụ Hồ cũng có khi làm với C.I.A hè..."

Chúng tôi vào vài nhà thăm bà con, nhưng không gặp mấy ai. Rồi chúng tôi trở lại thành phố đi thăm họ ngoại. Cứ nói anh xe cyclo qua Đông Ba, chỗ rạp hát "Bà Tuần" là đến nhà bà ngoại. Ngoài cổng có bảng đề: "Đặng gia trang". Trông nhà cũ kỹ nhưng không khác xưa mấy. Nhà ngang nhà dọc

khít cả, trên lầu còn đủ các bệ thờ tổ tiên cẩn chạm, trên các cột còn có câu đối, giữa nhà còn bình phong. Nhưng nhà chỉ còn có mợ Út vừa lo cúng bái vừa lo nuôi con vất vả. Ông cụ thời trước gốc ở Biên Hòa bị Tây ruồng bắt đi học chữ Pháp, cha mẹ không có tiền chạy chọt cho con ở nhà học chữ Nho, nên cụ đành chịu đi học chữ Pháp, có lương tiền học bổng. Nhưng khi ra làm thông ngôn cho Tòa Khâm Sứ, cụ có dịp xin qua làm việc bên Nam Triều dù đồng lương ít oi, nhưng mát mặt gia đình hơn, khỏi phải làm việc với Tây. May có cụ bà gốc Bình Định nên đem được ban hát bội từ Bình Định ra mở rạp hát để nuôi gia đình. Vì vậy mới có rạp hát "Bà Tuần", và đường Đông Ba cũng được gọi là đường Bà Tuần nữa.

Trưa hôm ấy được lên Kim Long, đến nhà Thu ăn cơm thăm chị Đốc mạ Thu. Bà cụ gần 90 tuổi, gầy teo, nhưng đến bữa cơm bà còn thời được hơn con gái bà. Đủ biết Thu đã trải qua nhiều ngày tháng lo lắng chật vật để cho con cái đủ ăn học. Nhà Thu là nhà thờ bên chồng, rất cổ kính, không to lớn nhưng đầy đủ vườn tược, non bộ, chậu kiểng chưng bày khéo léo. Vườn nhỏ nhỏ sát liền với bờ sông, chúng tôi ngồi ăn cơm dưới gốc cây đào tiên. Vừa ăn cơm vừa nhìn con sông có đò qua lại thì món nào cũng phải ngon, huống chi là có canh cá hanh nấu thơm, nộm vả tôm thịt, mắm tôm điểm thịt luộc v.v... Ăn xong ra võng nằm khỏe quá, võng mắc vào hai cây đào tiên, gió sông Hương đưa vào mát rượi, lòng nhẹ nhõm, không muốn đi đâu nữa...

Nhưng hoàng thành cung điện chưa được thăm. Tôi rời khu vườn ở bến Kim Long mà lòng lưu luyến bùi ngùi khi phải leo lên ngồi chiếc cyclo không nệm, ngồi ngay trên gỗ, nóng nực quá chừng. Nhưng cũng là lần đầu tiên tôi được vào tận trong Nội. Đến nơi chụp bóng thả dàn, chỗ nào cũng đẹp. Cung điện, hồ sen còn đẹp lắm. Tôi đi ngang nghe mấy cô hướng dẫn viên, cô thì đang tả vua Minh Mạng "Nhất dạ sanh ngũ long", cô thì kể chuyện vua Thành Thái chửi Tây như thế nào. Cung điện hoàng thành Huế na ná giống hoàng thành Bắc Kinh bên Tàu, có điều một bên là con cá Ông voi, một bên như là con cá bống kèo xinh xắn! Xem xong tôi đòi đi xem hồ Tịnh Tâm, để rồi thêm thất vọng rầu rĩ trong lòng, vì Tịnh Tâm tan tác hết không còn gì là đẹp, toàn rau muống trong các hồ sen! Không thấy Tịnh Tâm là đâu nữa.

Tối hôm đó tôi nhắn được các bạn cũ Đồng Khánh: Tâm, Cương, Lựu đến gặp nhau, vui mừng quá, bà nào cũng đẹp lão, gọn gàng, trong lành như xưa. Chúng tôi được mời đi thuyền trên sông Hương nghe hát. Ra đến bến đò thì đã có cả một đoàn ca sĩ chờ sẵn. Người nào người nấy xinh xắn nhẹ nhàng trong tà áo trắng nữ sinh. Có nàng ôm đàn tranh, có nàng cầm sáo, xênh phách, mấy nam ca sĩ mang theo đờn bầu, đờn nguyệt. Anh Lý văn Nghiên với gia đình đem sẵn thức ăn thức uống, đãi khách thật nồng hậu lịch sự. Thuyền rộng rãi, chúng tôi ngồi cả trong khoang nghe ca hát thoải mái. Thuyền ra dần giữa dòng sông, các nàng ca sĩ mỗi nàng một vẻ yêu kiều đài các. Các nàng châm đèn hoa sen bằng giấy màu trao cho chúng tôi, để cùng thả xuống sông. Trên trời các vì sao lấp lánh, dưới nước hàng trăm đèn hoa sen nổi trôi lênh đênh, tiếng đàn hát dâng lên tuyệt vời êm ái. Trong đêm thanh gió mát dưới đèn hoa, có chút gì kiều mị liêu trai, khi ngồi bên cạnh những nàng áo trắng ngây thơ mà đôi mắt long lanh sáng dài thăm thẳm. Huế trên sông Hương:

Bến Hương giang đèn sao thấp thoáng
Đờn êm êm thoang thoảng du dương
Bên ai nguyệt thẹn hoa nhường
Tiếng ai réo rắt sầu vương tơ lòng
Hồn bâng khuâng trăng tàn thổn thức
Mối sầu dâng hiu hắt từng khi...

Huế đượm sầu làm đẹp dòng sông và làm du khách bịn rịn vô chừng. Đêm đã tàn, canh khuya đưa khách, thì sáng mai đã có bao nhiêu

việc liên tiếp như đi tảo mộ, đi thăm các lăng tẩm v.v...

Sang ngày hôm sau, cùng với anh chị Cả, anh Hoàng và Thu, chúng tôi đi tảo mộ. Lăng mộ các cụ nằm lưng chừng phía sau núi Ngự, thông reo vi vút, vài mục đồng dắt trâu bò đi gặm cỏ. Mộ các vị quan xưa chen lẫn với mộ các ông nhà giàu dòng cán bộ, kiến trúc mỹ lệ, quan cách mà thanh nhã, đủ các kiểu đẹp, trên có trời xanh, dưới có đất đỏ thông reo. Các cụ nằm nơi đây dù quan văn hay quan võ, nhìn địa thế vùng này ta có cảm giác con cháu các cụ sẽ phát về văn chương chữ nghĩa hết thảy. Chúng tôi thắp hương vái các cụ và cắm hương thêm trên các mộ bà con chung quanh. Ra về lòng bâng khuâng, ở xứ lạnh Canada, rồi mai đây quạnh quẽ riêng nằm nơi nao? Nghìn trùng xa cách quê hương, đâu được như các cụ, con cháu cùng nằm bên, trên núi Ngự tuyệt vời.

Sau đó chúng tôi rủ nhau đi thăm lăng Tự Đức và lăng Khải Định vì gần nhất. Lăng Tự Đức vẫn giữ vẻ đẹp hòa dịu, u trầm. Hoa sen đã nở đầy trên các hồ, Khiêm Lăng dịu dàng tao nhã như còn bóng dáng các cung nữ đâu đây; nhưng mà không, chỉ có vài bóng dáng như anh Hoàng, cao gầy, lưng còng, đi nhẹ nhẹ, phảng phất hồn xưa, nét buồn phiền hằn in trên khuôn mặt phong sương. Tai nghễnh ngãng, mắt lệch đi vì những phát súng đại bác, những địa lôi nổ tung trời ở Điện Biên Phủ, nhưng chân anh Hoàng vẫn phải tiến tới nền văn minh của thế kỷ 21. Anh bước về một nơi mà anh cảm thấy thiếu chất anh hùng nên dù vĩ đại hơn bao nhiêu anh vẫn như đi lạc!

Lúc còn nhỏ tôi thường nghe mọi người chê lăng Khải Định nửa Tây, nửa ta, lòe loẹt, rắc rối, ngày nay mới được đến xem lại thấy khá độc đáo. Lăng xây trên núi cao nhìn xuống bao la ruộng đồng. Trong cung điện, trên ngai vàng có tượng vua ngồi oai vệ. Bàn ghế đồ gỗ cẩn chạm xà cừ hay sơn son thếp vàng; tường cột gắn các mảnh sành sứ thủy tinh rất tráng lệ, thoang thoáng như pha Ấn Độ giáo, Phật giáo, chứ không có vẻ gì là giống cung điện lâu đài bên Pháp cả. Nghệ thuật thủ công rất tinh xảo càng nhìn kỹ càng ngạc nhiên, vậy mà không có thì giờ để ngắm từng nét một thật uổng.

Tối đến họp bà con đông đủ ở nhà anh Cả thật vui. Nhưng anh Tôn Thất Hanh than thở về vụ các lăng mộ của các ông hoàng, bà chúa bị đào xới tìm của cải, đất bị xâm lấn, bia mất, hoang phế điêu tàn. Nhất là những nhà thờ của các ngài Hoàng, quá thiếu phương tiện tu sửa, bà con còn nghèo quá, nhưng cũng đã cố gắng phần nào.

Tôi chỉ được đứng trước cửa trường Khải Định và Đồng Khánh chụp vài tấm hình vì không đủ thì giờ, nhưng nhìn vào thấy sơn phết sạch sẽ lắm và vẫn giữ được tường màu hồng như xưa. Ngày lễ 100 năm Quốc Học đang được soạn sửa long trọng cho tháng 9. Vậy mà vừa mới về đến Canada đã nghe tin một lầu 2 từng ở Khải Định vừa mới sửa xong đã bị sập. Ban xây dựng tiêu tốn cả thảy 1 tỷ 360 triệu đồng (hơn 1 triệu đôla) mà hỡi ơi như vậy đó!

Mong tờ Tuyển Tập Nhớ Huế số tháng 9 này kịp về tới Huế để chúc Huế khá hơn trong tương lai. Sách báo từ nước ngoài gởi về được chuyền tay nhau đọc mê mệt. Radio, Tivi được nghe kỹ hơn đâu hết, và con tim của người Huế cũng đang thổn thức dồn dập theo thế giới tin học, nguồn văn minh của thế kỷ 21 cận kề. Kinh thành Ottawa của Canada đang dần trở thành kinh đô tin học, thì chờ sau này Huế có thêm đại học đào tạo nhiều chất xám, Huế cũng có thể trở thành một kinh đô văn minh tin học. Để rồi một ngày không xa, Huế vừa là quả tim của Việt Nam, vừa là trí óc của Việt Nam như xưa. Giấc mộng đó trong điều kiện nào Huế mới thành tựu được?

Huế nay vẫn còn thoải mái, thoáng khí trong cảnh nghèo nàn, không có công ăn việc làm, chỉ biết đón chào du khách bốn phương về để khoe vẻ đẹp cổ xưa huy hoàng một thuở nào đã xa xôi gì!

Lệ Vân

Thơ Trào Phúng trong Hương Bình Thi Xã

Trần Thị Cẩm Tuyến

Qua các Tuyển tập Nhớ Huế trước, chúng ta đã thưởng thức Thi Thơ của quý cụ Thúc Giạ, Thảo Am, Kỉnh Chỉ và An Đình trong Hương Bình Thi Xã. Chắc hẳn không ai phủ nhận ngoài những văn thể thanh tao tuyệt tác biểu tượng một nền văn chương súc tích đặc thù của đất Thần Kinh, chúng ta còn thấy xen lẫn đó đây nhiều bài thơ trào phúng rất độc đáo ý nhị làm nổi bật tài ứng họa, hài hước, và ... ngẫng đời của quý cụ qua mọi khía cạnh của nếp sống đương thời.

Chúng ta đã thích thú đọc những bài thơ trào phúng về lễ Sanh Điếu Cụ Thúc Giạ, về Tiệc Cửu Tuần Thượng Thọ cho Cụ Thảo Am (mừng thượng thọ 90 tuổi lúc mới 83). Nay xin phép giới thiệu thêm một đề tài trào phúng rất ngẫng của Hội Ngâm Hương Bình Thi Xã vào tháng 6 năm 1951 tại Bích Hiên Trang (chợ Cống).

Đề: Già Mà Còn Rượng.
Vần: Ghen.

Bài của Cụ An Đình Trần Kinh

I. Trót Lỡ:

Tội nghiệp ông mô đó cũng đen
Đã già còn rượng, để bà ghen!
Phải chăng nói được, làm không được!!
Hay bởi ăn quen, nhịn chẳng quen!
Cả vú lấp mồm, đành lúng túng,
Già đòn non lẽ, dám ho hen.
Dại rồi còn nói khôn sao được!
Trót lỡ, xin bà thứ một phen.

II. Xin Thứ

Mụ ơi! Nghĩ lại chớ nên ghen
Diện mạo tuy tra, sức chửa hèn.
Bởi bệnh đa tình còn vướng vít
Xui lòng hiếu sắc cứ mon men!
Gối chăn giữ trọn niềm âu yếm,
Ong bướm chi nề chuyện nhỏ nhen.
Nước đổ trăm khe, nguồn vẫn một
Ghen tương thêm bận mấy ai khen ?!

III. Hựu Thể

Qua chơi rủi gặp phải hồi đen,
Mụ nổi tam bành, giở giọng ghen.
Sao đã tra đời chưa trót thế,
Phải chi trẻ mỏ cứ hư quen.
Nghĩ mình phương diện càng thêm hổ,
Học thói tà dâm, hết nổi khen.
Có lỗi thì nên lo sửa lỗi,
Muộn còn hơn sớm, nhớ đừng quen.

Có lẽ sau đề tài trên, quý cụ càng tăng nhiều hứng thú nên lại ra thêm một đề tài dí dỏm khác để đùa vui.

Đề: Già Mà Còn Duyên.
Vần: Duyên.

I. Duyên là cội phúc của thiên nhiên

Ai bảo rằng già chả có duyên ?

Niên giáp tuy tra, lòng vẫn trẻ
Đức tài tuy kém, sức còn nguyên
Thơ tình gặp bạn, ngâm không chán
Rượu khiển mua vui, uống đã ghiền.
Thử hỏi trăm năm, cười mấy độ ?
Dại gì lúc sống chẳng huyên thuyên !

II. Bài cãi chi nhau lắm chuyện phiền.

Chữ duyên, nghĩa nó vẫn là duyên.
Duyên đâu lại có già mà rượng
Duyên phải, chi làm vợ nổi ghen ?!
Duyên liếc đàn bà, xem cũng ngụy
Duyên ưa gái trẻ, đáng nào khen
Duyên mà như rứa, duyên là nợ.
Duyên nợ cho không, cũng nỏ thèm.

An Đình Trần Kinh

Chúng tôi rất tiếc không sưu tầm được các bài khác của quý cụ trong HBTX mà chúng tôi biết chắc sẽ có nhiều bài độc đáo lý thú hơn. Nhất là với tài trào lộng, "hay đùa hoa cợt liễu", và tính "ưng mó nguyệt" "thích dòm hoa" của cụ Thảo Am, như cụ Kỉnh Chỉ mô tả trong thơ mừng Cửu Tuần, cũng như quý Cụ Mục Tử, Quỳ Ưu là những "cây trào phúng" đương thời, chắc chắn với đề tài trên, thơ phải có nhiều "lời ngông ý ngẫng" hơn nữa.

Mong sao con cháu quý Cụ để tâm truy lục lại, phổ biến để chúng ta cùng thưởng thức và tưởng nhớ lại hình ảnh thân thương của các cụ già của Núi Ngự Sông Hương, mặc áo dài khăn đóng, hay đội mũ "phớt" chống "Ba-toong", râu tóc bạc phơ mà còn thích đùa vui trào lộng chuyện đời.

Phụ Đề:

Chúng ta càng hãnh diện, nhắc nhở đến sự nghiệp văn chương vàng son của các bậc tiền nhân bao nhiêu thì càng lo âu khắc khoải cho tương lai nền văn học cổ truyền của đám hậu thế đang sống lưu lạc tại Hải Ngoại bấy nhiêu. Con cháu chúng ta thừa hưởng đủ mọi tài năng trí tuệ của ông cha truyền lại. Trong trường học, ngoài xã hội, chúng không thua kém ai, nhưng về nhà thì đa số rất yếu tiếng mẹ đẻ. Thậm chí còn có một số mù chữ... Việt nữa! Nghĩa là hoàn toàn không đọc không viết được. Mặc dù có thể còn nghe, hiểu và nói được một ít tiếng Việt với giọng ngọng nghịu lơ lớ... pha âm điệu Anh ngữ, nghĩa là thiếu các dấu Huyền, Nặng, Hỏi, Ngã. Chúng ta hãy dùng giọng lơ lớ đó đọc hai câu "trật duột" sau đây:

"Lúc ơ Viet Nam, nha minh ngheo, ăn cực khổ ma thây ngon. Con chư, minh co tiên ma răng ăn chi cung thây dơ"!! Nên cười hay nên khóc !?

Trách nhiệm của các vị bảo tồn văn hóa, các giáo sư, các nhà lãnh đạo tinh thần và các bậc phụ huynh thật muôn vàn khó khăn. Chúng tôi không dám lạm bàn vì ngoài khả năng và sẽ đi lạc đề. Chỉ xin kể lại một vài chuyện vui buồn trong gia đình với bầy con cháu đang cố lặn hụp, trau dồi, bảo vệ chút vốn liếng Việt Ngữ nghèo nàn qua các sinh hoạt văn nghệ cộng đồng, tập hát Karaoke, tham gia lớp Việt Ngữ bổ túc tại Chùa hay Nhà Thờ.

- **Chuyện Đạo Thơ.**

Tôi có một cháu gái 17 tuổi, rời Việt Nam lúc 8 tuổi nên Việt Ngữ rất kém. Sinh hoạt Phật tử tại chùa, anh huynh trưởng khuyến khích các em làm bích báo, viết bài, làm thơ, kể chuyện... Ai không tự viết được thì có thể tìm chuyện, thơ hay cóp lại cũng được. Mục đích tạo điều kiện cho các em tìm tòi, đọc hay chép được phần nào tốt phần đó. Nhờ vậy cô cháu của tôi mới về nhà lục tìm tập thơ của ông Nội định chép lại một bài, nhưng tập thơ nhiều quá, nhiều bài đọc không hiểu, không biết chọn bài nào, phải đến nhờ Cô giúp. Tôi đã chọn cho cháu bài sau đây:

Đề Ảnh:

Sáu mươi lăm tuổi, ảnh mình đây
Tô điểm dày công mới được vầy
Vừa đó tóc xanh xem mướt mướt
Nay đà đầu bạc ngó hay hay
Hình dung tuy khác, người không khác.

Thời thế tuy thay dạ chẳng thay.
Khăn áo giữ gìn theo nếp cũ.
Cũ mà than đạm, kém gì nay.

Nhưng bàn với cháu là nên "cóp" một phần, sửa đổi lại thành bài đề ảnh cho chính mình thì tốt hơn. Rồi hai cô cháu loay hoay mất cả buổi mới "đạo" được bài thơ mới như sau:

Đúng mười bảy tuổi, ảnh mình đây.
Điểm phấn, tô son mới được vầy.
Vừa đó tóc suông, xem mướt mướt
Nay đà đầu quấn, ngó hay hay.
Thời thế, thế thôi ta phải thế
"Mốt" mới tuy thay dạ chẳng thay
Sách đèn gắng sức lo chăm học
"Job" tốt lo gì chẳng đến tay.

- **Chuyện "Nhà Tranh Vách Đất"**

Trong một bài tập đọc có câu "Nhà Tranh Vách Đất", tôi hỏi một cháu trai 10 tuổi, rời Việt Nam lúc 7 tuổi, thì cháu giải nghĩa: Là nhà có vách làm bằng đất, trên vách có vẽ hay dán hình. Một cháu gái khác thì nói nhà tranh là cái "ngói" làm bằng lá. Hỏi lá gì? Cháu suy nghĩ thật lâu rồi đáp: Lá... chuối. Một cháu khác sửa lại là lá... dừa!

- **Chuyện "Gia Phả"**

Lúc qua đời, thân phụ chúng tôi đang soạn dịch dở dang quyển Trần Tộc Gia Phả từ Hán Văn ra Việt Văn. Ông anh lớn (nay cũng đã qua đời) của chúng tôi tiếp tục công việc soạn dịch đó. Nhưng vốn theo Tây học, không biết chữ Hán, nên phải nhờ một Thầy Nho phụ giúp. Trong phần đề tựa anh chúng tôi đã ghi lại mấy dòng khiêm tốn cho đám hậu thế... *"Bản thân ta không đọc được Hán Văn nên đã phải nhờ một Nho Sĩ, ngồi cùng bàn dịch hộ..."*

Bây giờ đây, đám hậu thế, tất cả đều lưu lạc xứ người, tiếng Pháp tiếng Anh giỏi hơn tiếng Việt. Chúng tôi lo lắng tình huống này nếu không sớm phiên dịch quyển gia phả ra tiếng Anh tiếng Pháp, thì hoặc là quyển Trần Tộc Gia Phả sẽ đứt đoạn, đi vào quên lãng, hoặc may mắn có một hậu duệ biết lo lắng bảo tồn tiếp nối cội nguồn tổ tiên, viết tiếp Hậu Gia Phả thì lại phải ghi thêm vài dòng giải thích cho đám chắt chiu rằng là:... bản thân ta không đọc được tiếng... Việt nên phải nhờ...!! Thật đáng buồn, đáng tiếc thay.

Trần Thị Cẩm Tuyến.

Đôi Mắt Huế

Xa lắm rồi Huế của tôi ơi!
Cách một biển khơi chẳng bến bờ
Cách một khung trời xa lăng lắc...
Biết khi nào trở lại nhà xưa!

*

Xa lắm rồi Sông Hương và Núi Ngự
Một giòng sông đã tắm mát đời tôi
Một giòng sông với biết bao kỷ niệm
Để một đời... xa xứ vẫn... khôn nguôi...

*

Xa lắm rồi mắt huyền em Đồng Khánh
Buổi tan trường hò hẹn bến đò ngang
Những ngày xanh e ấp mộng tình vàng
Có khi nào trở lại bến Sông Xưa?!

*

Cơn gió chiều nay làm người nhớ Huế
Vướng tóc thề và đôi mắt cố nhân
Ôi!... đôi mắt của những ngày xa đó!
Trái tim nào... phải cất tiếng... thở than...

Một chiều gió Cali
Thanh Toàn

MỘT ĐỜI THƯƠNG NHỚ

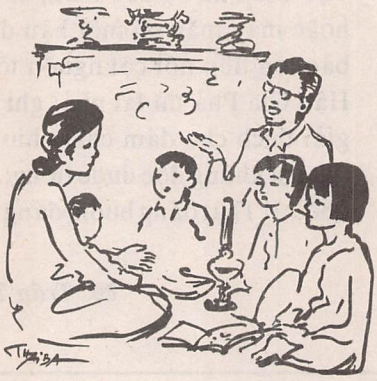

Võ Đình Hữu

Ngày đầu năm trời mưa thật nhiều mới ngày hôm qua trời hãy còn nắng ấm thế mà qua sáng mùng một tết trời bỗng trở lạnh, bầu trời u ám và rồi cơn mưa tầm tã kéo dài cả ngày.

Đưa hai con đi thăm bà con về đến nhà thì trời đã tối mịt. Cho hai đứa đi ngủ xong Pháp trở về phòng. Chàng vặn nhạc lên nghe, tiếng nhạc dương cầm tiếng mưa rơi bên ngoài đêm mùng một tết làm Pháp cảm thấy cô đơn vô cùng. Pháp bèn điện thoại về V.N chúc Tết gia đình. Mấy chị mừng rỡ hỏi thăm Pháp, bà con chúc chàng một năm mới nhiều hạnh phúc và may mắn. Gác ống điện thoại xuống chàng cảm thấy mặn mặn ở đầu môi, tết này chàng không còn có cái cơ hội chúc Tết mẹ hiền, tự nhiên bao nhiêu kỷ niệm của người mẹ thân yêu hiện về trong nỗi nhớ.

***

Khi Pháp ra đời thì mẹ đã trên 40, lại là con út nên chàng được cưng chiều vô cùng và chàng được may mắn gần mẹ nhiều hơn trong khi mấy anh đã ra đời lập nghiệp. Tuổi thơ của Pháp thật êm đềm trong tình thương của cậu mợ và mấy chị ở Huế. Thuở nhỏ ông ngoại mất sớm nên bà ngoại đem mẹ về quê ở Đại Lộc, Quảng Nam sinh sống. Pháp còn nhớ hồi năm 1960 chàng có dịp về thăm quê ngoại. Từ Huế đi vào quê mất cả ngày trời, Pháp không quên được đoạn đường về quê đầy ổ gà chiếc xe chạy lắc lư làm chàng muốn chóng mặt. Sau đó cả nhà đi đò buổi trưa nghe sóng vỗ mạn thuyền Pháp nằm thiêu thiêu ngủ. Đến chiều thì tới, dượng Mười, dì Tám và mấy người bà con đã đứng đón tự hồi nào. Mấy ngày ở quê ngoại thiệt vui và lưu lại cho Pháp nhiều kỷ niệm khó quên ở thôn quê. Đó là lần đầu tiên cũng như lần cuối cùng Pháp về thêm quê với mẹ cho đến ngày mất nước.

Khi bà ngoại tái giá, bên nội đòi mẹ đem về nuôi, mẹ sống với người anh là tri phủ nên được dịp đi nơi này nôi khác. Mẹ thường hay kể chuyện ông ngoại hồi nhỏ khi vào kinh thi hội từ Hà Tĩnh đã có dịp qua một ngôi làng, khi đang còn đợi ở bến đò thì có một đám rước đem chiêng trống đến, họ cho biết có thần báo mộng là ngày mai có vị Thành hoàng sẽ đi ngang bến đò vào kinh ứng thi. Dân làng có xin một số bút nghiên và thủ bút của ông ngoại để thờ. Mạ cho các con biết ông ngoại rất linh thiêng hay phù hộ cho con cháu.

Khi anh của mạ được đổi ra Huế làm việc mạ được mai mối với cậu là cháu một cụ thượng bà và mẹ đã lập gia đình với cậu và chung sống với nhau cho đến ngày cậu qua đời.

Từ nhỏ đến lớn Pháp luôn luôn thấy mạ cười và hòa nhã với mọi người. Đó là lý do giúp mẹ thành công trong việc buôn bán. Từ một cửa

hàng nhỏ bán tạp hóa lúc mới lấy chồng cho đến khi thành một tiệm hàng đồng lớn ngay đầu cầu Gia Hội phần lớn là do công khó của mẹ.

Bạn hàng phường đúc khi có khó khăn về tiền bạc là nhờ đến mẹ. Pháp ít khi thấy mẹ từ chối một ai, và đối với người trên hay kẻ dưới luôn luôn mẹ đối đãi hòa nhã với nụ cười trên môi. Sau ngày đất nước chia đôi một số thương vụ ra ngoài Bắc bị giảm nên cậu mẹ thêm thương vụ về ngư nghiệp. Mạ làm tính nhẩm rất nhanh bà chỉ cần lượng rồi nhẩm tính là nói giá, nhiều khi Pháp lấy giấy ra tính lại không sai một ly.

Cửa hàng buổi xế trưa thì vắng khách, mẹ hay ngồi ở sập nghỉ ngơi, giờ rảnh bà hay ngâm Kiều, giọng mẹ rất hay làm cậu con trai út nghe một lát rồi ngủ lúc nào không hay. Ôi những giây phút êm đềm của buổi trưa hè, gió thổi từ sông Gia Hội lên mát rượi, nằm gối đầu lên đùi mạ nghe giọng ngâm Kiều để rồi thiu thiu ngủ, giây phút thần tiên đó biết khi nào Pháp có lại được... Mạ hay bói Kiều khi nào có chuyện cần cầu xin bà lấy quyển Kiều ra khấn. Những ngày đầu năm mẹ hay đi bói tuồng ở nhà hát bà Tuần ở ngã giữa, mạ thích nhất là tuồng Giang Tả cầu hôn vì tuồng này có nhiều tin vui.

Thuở nhỏ Pháp hay đau vặt, chàng thường nằm ở phòng nhỏ ở sau nhà, chốc chốc mạ chạy từ nhà trước vào xoa trán vỗ về Pháp rồi chạy ra lại nhà trước bán hàng tiếp. Đêm khuya thức giấc thấy cậu và mạ đang rờ trán Pháp, hai gương mặt đượm đầy lo âu làm Pháp cảm động vô cùng. Mạ là người đảm đang cho đến bây giờ Pháp vẫn thương và phục mạ vô cùng. Bà rất thích làm bánh trái. Mùa đông mạ thích làm bánh thuẫn mỡ. Mạ đổ bột và trứng vào một cái nồi to rồi nhờ Pháp hay mấy người trai tráng đánh cho đều, vừa đánh vừa đổ thêm bột đánh cho nhuyễn. Đánh bột rất mỏi tay nhất là càng về sau đổ bột thêm nhiều, đánh cho đến khi bột tan mịn hòa với trứng và kéo vá lên nước bột chảy đều xuống là được. Trên bếp lửa hồng, khuôn đúc bánh bằng gang được đổ bột vào đó đậy lại. Một lát sau bánh chín, mở nắp ra mùi bánh thơm phưng phức. Mùa đông trời lạnh mấy chị em ngồi quây quần trên bếp lửa xem mạ đổ bánh, khung cảnh thiệt ấm cúng và êm đềm biết bao. Bánh thuẫn muốn đẹp phải nở nghĩa là trên mặt phải nứt ra làm 4 mảnh. Bánh nở mẹ cất đi để cúng, bánh không nở mạ cho mấy con ăn ngay. Những lúc bánh không nở mạ có vẻ buồn, "bữa ni đứa mô đánh bột mà vía nặng quá". Hồi đó khi thèm ăn Pháp hay cầu khấn cho bánh đừng nở để được ăn nhưng khi thấy mạ buồn Pháp lại cầu cho bánh nở.

Trời xứ Huế mùa đông mưa liên miên về mùa đông áo quần giặt xong phơi trên những lồng mức to, ở dưới là bếp than. Mạ và chị em Pháp vừa ngồi hơ quần áo vừa hơ ấm nói chuyện buổi tối thiệt vui. Trời lạnh đôi khi mẹ cho đánh bột năng lên xong chấm nước mắm ớt, món ăn tuy đơn giản nhưng sao đối vối Pháp hồi đó thiệt quá ngon. Buổi tối hay có những gánh hàng phở chạy ngang mẹ hay kêu vào cho các con ăn, thỉnh thoảng mẹ mua xương hầm ăn chấm nước mắm ớt. Trong những đêm giá lạnh ngồi ăn những món ăn nóng hổi trong không khí gia đình ấm cúng đã đem lại cho Pháp biết bao nhiêu kỷ niệm không bao giờ quên.

Khu Gia Hội là khu thương mại cho nên các hàng gánh rất đông. Buổi sáng có bún cua mụ Trọc, bún bò o Diệu, cháo heo mệ Nghếch và cơm hến Đồ Cồn (Pháp quên tên o bán cơm hến). Gánh nào cũng ghé vào chào mời mẹ. Tính mẹ vui vẻ hào phóng nên họ tin rằng mở hàng sẽ được mua may bán đắt. Riêng o Diệu thì thích cậu út hơn ngày nào cũng mời Pháp mua trước. Nhiều bữa trời mưa bán ế các người gánh hàng trở về với nồi còn khá đầy. O Diệu hay ghé lại và nhờ mua dùm. Luôn luôn mẹ sẵn lòng mua đứt số còn lại. Trưa hôm đó cả nhà có thêm món bún. Nước bún vì hâm nhiều nên đậm đà hơn và nhìn o Diệu vui vẻ quẩy gánh đã bán hết về Pháp ăn ngon hơn. Buổi chiều lại có những gánh khác bánh canh Nam

Phổ, bánh bột lọc, bánh nậm, bánh bèo, ghé ngang nên những ngày nghỉ học Pháp ăn rất nhiều. Ngày nay ở xa ăn rất nhiều nơi nhưng hương vị ngày xưa của những quán hàng rong chỉ có một thau nước nhỏ rửa lui rửa tới các chén đũa, chỉ có một cái khăn lau lui lau lại các đôi muỗng đũa, nhưng Pháp vẫn thấy những món ăn ngày xưa là ngon nhất.

Mẹ rất tin vào các đấng thiêng liêng và bói toán. Mẹ thường hay đi đến Đức Thánh Thần ở núi Ngự Bình. Mỗi khi Pháp bị bệnh nặng bà đều lên đền thánh xin nước lã có pha tàn nhang cho Pháp uống bà tin tưởng là Đức Thánh

Thần sẽ phù hộ cho con mau lành bệnh, bà rất hay đi chùa. Năm nào cũng có cúng sớ dâng sao giải hạn và còn mời thầy đến nhà để cúng sao giải hạn. Mạ hay đi chùa ở chân cầu Gia Hội và chùa Phước Điền ở cầu Đông Ba. Mùng một Tết năm nào sau khi cúng Phật cúng ông bà, là cả nhà đi chùa sau đó về nhà mừng tuổi cậu mẹ và các bà con.

Rằm mùng một cậu mạ thường mua chim và cá để phóng sanh. Nhìn những con chim bay lên trời và những con cá lội tung tăng khi được thả, tâm hồn cậu bé cũng cảm thấy vui vẻ của sự tự do.

Ở Huế hồi đó có ông giáo Ảnh đượpc người ta rất tin tưởng về tài bói toán. Ông hay ghé nhà chơi và một hôm cũng nói với cậu mẹ, cháu này nên đổi tên là Pháp thì tốt hơn (chắc hồi đó nước Pháp mạnh, hay đổi tên cho có chánh pháp, thuyết pháp, pháp luật) dù sao tên đó cũng đẹp hơn tên ở nhà của Pháp nhiều) và ông đổi tên của chị Pháp thành Duyên. Thế là từ đó nhà có Pháp Duyên.

Gia đình Pháp ở Huế rất tiện lợi cho sự học hành nên bà con bên ngoại vào Huế học rất đông và đa số đều ở nhà Pháp hay ít ra ghé thăm nhà cuối tuần để được mạ Pháp cho ăn uống thỏa thuê. Bà con từ Hà Tĩnh Quảng Trị cho đến Quảng Nam Bình Định ra trọ học ở nhà mạ cho dù thời gian có qua, cho dù có bao nhiêu biến đổi trăm lần của cuộc đời mỗi lần nói đến mạ vẫn dành những cảm tình ưu ái cho người mẹ hiền. Nhờ đó sau này đi đâu gặp bà con ngày cũ tụi Pháp cũng được tiếp đãi ân cần và trong lúc nói chuyện luôn nhắc lại những kỷ niệm về cậu mạ.

Sau một ngày làm việc mệt nhọc buổi tối cả nhà quây quần ở lầu trên sau khi đếm tiền tổng kết tài chánh trong ngày. Cậu đi bộ tập thể dục từ nhà lên cửa Thượng Tứ rồi về nhà. Mạ sửa soạn đi ngủ. Trước khi đi ngủ mẹ hay tập thể dục bà đánh tay đong đưa chừng 10 - 15 phút, xong rồi lấy tay xoa ngực, xoa bụng một lát rồi mới lên giường nằm. Chị Duyên được ngủ chung với mạ còn Pháp lúc nhỏ được nằm với mạ, sau lớn lên nằm với cậu. Mạ có một cái nút ruồi ở cổ, khi nằm ngủ Pháp hay dùng ngón tay bấu vào, mạ có đau mạ cũng không nói nhưng lâu ngày nút ruồi có một rãnh nứt ở giữa.

Mậu Thân 1968 Pháp vào Saigon học y khoa nhưng hè và tết nào chàng cũng về thăm nhà. Mỗi lần về nhà là mỗi lần mẹ vui mừng vô hạn và Pháp được săn sóc nhiều. Buổi chiều khi buôn bán đã rảnh rỗi Pháp hay ngồi với mẹ trên sập nhìn ra đường phố. Mẹ thường khuyên Pháp quen ai thì quen một người thôi, có thương thì tiến tới đừng làm phiền hà người ta. Lời khuyên đó Pháp nhớ mãi nhưng đôi khi không giữ được và lúc đó chàng chợt nhớ đến người mẹ năm xưa mà lòng hối hận không nguôi. Năm 1972 mùa hè đỏ lửa cậu mạ di tản vào Sài Gon đứng đón ở bến tàu nhìn cậu mạ bước xuống tàu Hồng Thập Tự chầm chậm trong ánh nắng chiều, hình ảnh đó dễ gì mà quên được.

Rồi dòng đời trôi đi chiến cuộc trở nên khốc liệt và đến năm 1975 thì tình hình trở nên khẩn trương. Huế mất rồi Đà Nẵng mất, Pháp lo âu ngóng đợi tin nhà, khi được

tin Hồng Thập Tự sắp ra cứu trợ Đà Nẵng Pháp vội vã xin đi theo với tư cách là y sĩ. Chuyến đi bị hủy bỏ. Mấy chị chạy vào được Sài Gòn cho biết cậu mạ quyết định ở lại. Chắc cậu mạ nhớ lại kỷ niệm mùa hè đỏ lửa mà lo ngại chăng? Không muốn ra đi rồi lại trở về để bị mất mát. Những ngày tháng tư - 75 thỉnh thoảng chạy lên Trần Quang Khải thăm mấy chị bàn chuyện gia đình và cậu mạ. Ngày ra đi 29 - 4 là cả một sự tình cờ không bàn tính trước, một tay xách túi áo quần, ống nghe, dụng cụ đo BP, Pháp cùng gia đình anh chị Đắc đi vào trại Cửu Long. Buổi tối leo lên tàu và tàu chạy từ từ qua thành phố Sài Gon trống vắng lạ kỳ. Buổi sáng ra hải phận trời mưa làm con tàu chao động mạnh. Ngoài kia biển khơi nhạt nhòa trong làn mưa, xa xa từng hàng từng lớp tàu nhỏ, tàu lớn, thuyền to, thuyền bé từ từ rời Sài Gòn ra Côn Sơn. Vĩnh biệt Sài Gòn, vĩnh biệt quê hương, vĩnh biệt cậu mạ...

Khi tàu bước vào hải phận của Phi, Subic Bay Pháp thấy những thủy thủ của hạm Phi và Mỹ đứng hai bên thành tàu chào. Chiếc tàu của Pháp nhận thêm thực phẩm và nhiên liệu rồi trực chỉ đến Guam. Pháp đến Guam ngày 15/5/75 sau hai tuần trên biển cả. Ở đây Pháp làm việc cho bệnh viện 423 rd, nhờ đó chàng gặp lại rất nhiều người quen. Tương lai thì vô định nhưng những đêm ở Orote Point với khung cảnh thiên nhiên của rạp chiếu bóng ngoài trời với những kỷ niệm với gió thổi vi vu, sóng vỗ bạc đầu cùng nỗi xa xứ và lo âu cho một tương lai vô định trước mặt.

Qua California Camp.... ngày 15/ 6 và ra trại ngày 25/6/75 Pháp về định cư ở Gardena, California. Nhờ Sponsor là người bạn của anh, Pháp được gởi vào làm ở siêu thị Alpha Beta. Chàng làm ca đêm 11 - 7 giờ sáng. Ban ngày học để sửa soạn thi ECFMG chàng lại lội bộ đi làm ban đêm. Trời Cali lành lạnh nhưng trăng vẫn sáng:

"Ngẩng nhìn trăng sáng một vùng
Cúi đầu tư lự nhớ nhung quê nhà".

Những thùng đồ ăn, thùng bột giặt, thùng nước ngọt hồi đó thiệt nặng đối với Pháp, còn ốm yếu khi mới ra trại, nhưng với ý chí và lòng thương nhớ gia đình Pháp đã vượt qua tất cả. Pháp thi đậu ECFMG tháng 1/76 và được nhận vào training tháng 7/77. Ngày Pháp tốt nghiệp Residency ở Florida tháng 6 1980 lúc lên nhận văn bằng chàng nhìn xuống đại giảng đường nhưng giữa một rừng người không một người thân Pháp vẫn cảm thấy đâu đây có ánh mắt người mẹ ngày nào.

Ngày Pháp lấy vợ chàng rất sung sướng vì chọn được người mình yêu thương không những vậy còn là đồng hương vì mẹ có biết đến gia đình bên vợ, do đó Pháp nghĩ là mạ chắc mừng lắm, chỉ tiếc là cậu vừa qua đời năm trước chưa biết mặt con dâu.

Qua thư từ hình ảnh, những lá thư với giòng chữ ngay ngắn của mạ đã đem lại những niềm vui vẻ đến cho đứa con xa xứ. Nhưng rồi thư của mẹ với những giòng chữ càng ngày càng run rẩy làm Pháp lo âu cho sức khỏe của mẹ. Tuổi già càng ngày càng chồng chất và những buồn phiền mà các con đang gánh chịu đã làm mẹ già suy tư hơn và như muốn gánh lấy tất cả nỗi bất hạnh để con mình hạnh phúc. Trong mấy năm gần đây nhờ nhà bắc điện thoại Pháp có dịp nói chuyện thường xuyên với gia đình. Lần đầu tiên qua điện thoại mẹ đã nghẹn ngào xúc động nói không nên lời và Pháp cũng vậy, nước mắt chảy xuống hồi nào không hay nhưng chàng không cho mẹ biết vì sợ bà buồn. Lần nào mẹ cũng dặn dò như Pháp còn nhỏ, mỗi lần nói chuyện xong là chàng cảm thấy thương mẹ và gia đình vô cùng, và chàng cảm thấy dù bao nhiêu nghịch cảnh ở đời chàng vẫn có thể vượt qua tất cả.

Mấy năm gần đây mẹ hay bệnh ho cảm luôn, mùa đông xứ Huế trời lạnh và mưa gió dầm dề. Đêm mẹ bệnh nặng bên nhà mấy chị em điện thoại qua, Pháp theo dõi bệnh trạng bằng điện thoại và cố gắng khuyên mẹ phấn đấu. Nhưng mẹ đã nói để mẹ

đi cho khỏe và dặn các con nhớ giúp đỡ lẫn nhau, và rồi mẹ ra đi êm thấm... Thế là hết mẹ không còn có dịp để thấy Pháp dẫn hai cháu về thăm nhà và ngày mẹ trông đợi con tìm lại được hạnh phúc gia đình, mẹ cũng không còn có dịp để vui mừng cho Pháp. Mới hơn ba giờ sáng ở Mỹ, Pháp nằm thức trắng đêm và tưởng nhớ đến người mẹ thân yêu mà không bao giờ chàng còn gặp lại nữa.

Kỷ niệm về mẹ viết hoài không hết. Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra, nước trong nguồn thì bao giờ cạn. Lòng mẹ thương con bao la như biển Thái Bình mà con thì làm được gì để đền đáp công ơn của mẹ. Thiếu mẹ là thiếu tất cả, vì chỉ khi nào mình mất đi mình mới biết sự quý giá của tình thương người mẹ hiền.

Đêm nay Pháp thắp nén hương thăm mẹ, hình ảnh của mẹ với nụ cười hiền hậu, tươi rói trên bàn thờ làm Pháp xúc động vô cùng.

Bao nhiêu thăng trầm của cuộc sống, bao nhiêu biến đổi của cuộc đời chàng đã vượt qua tất cả, trong những lúc khó khăn, trong những ngày buồn khổ chàng nhìn vầng trăng trên cao, bên kia nửa vùng trái đất luôn luôn có vòng tay êm ái của mẹ hiền sẵn sàng nâng đỡ, xoa dịu những buồn phiền của cuộc đời...

***

Bên ngoài trời đã tạnh, nắng đã lên chiếu xuyên qua những cành lá, những giọt nước mưa còn đọng lại phản chiếu ánh sáng lung linh như những hạt kim cương, một ngày mới đẹp quá với bầu trời trong xanh và gió thổi nhè nhẹ. Mùa xuân đang trở về với vạn vật đổi mới và Pháp cũng nhớ lại lời nói của mẹ ngày nào "năm mới mọi sự sẽ tốt đẹp hơn".

Võ Đình Hữu

Hương Giang

Để nhớ Linh Giang

Quê hương em chói chang giòng lịch sử
Đã một thời châu về hợp phố
Hương Giang ơi! còn đó một Huế đô
Mắt em xanh như tất cả: Sông, suối, biển, hồ
Nhìn âu yếm cho mùa thu hiền dịu
Ta gặp nhau tơ vương vào dan díu
Bởi mắt xanh hay nũng nịu duyên thầm
Vì lụa tơ chấp chỉ với tri âm
Hay tiền kiếp có nợ nần chi đó
Em ơi! ngoài trời nếu còn giông tố
Thì "oan khiên" chỉ là chuyện bình thường
Không có gì phải lệ nhỏ sầu vương
Sông nổi sóng, biển buồn không hát được
Ta muốn mời em đi vào mộng ước
Xây lầu thơ, trồng hoa nở bốn mùa
Chôn chặt một thời so sánh: hơn thua
Hãy nhận diện đâu là vòng đua: không, sắc
Xích lại gần nhau vui trong khoảng khắc
Sẽ quên đi phiền lụy đã trăm năm
Trang trải yêu thương trong lặng lẽ âm thầm
"Đèn e thẹn, bởi trăng rằm rực sáng"
Đêm sẽ qua bình minh về chiếu rọi
Hương giang ơi! vời vợi niềm tin.

Hà Việt Văn

Thu mong chờ người...

Lê Phước

Tháng 9, mùa Thu lại đến. Buổi sáng trời bắt đầu mù sương trở lạnh, Thảo lái xe đến sở, bâng quơ nhìn những hàng cây phượng tím bên đường, đang sửa soạn thay màu áo khác. Những cơn gió nhẹ lùa vào cửa xe, như những ngón tay đùa cợt trên mái tóc, vuốt ve vùng da trần quanh cổ, làm Thảo nín thở, và bất chợt nghĩ đến một cảm giác lâng lâng đầy yêu thương, tương tự ngày xưa.

Buổi tối Trung thu năm đó, trời bên ngoài mưa tầm tã, khác hẳn với không khí vui vẻ, ồn ào bên trong của buổi tiệc trà Thảo được mời đến tham dự. Đám đông được mời từ một cô bạn học cùng lớp của Thảo, và một chàng "trai Huế". Bố mẹ anh ấy đã gửi anh vào Sàigòn, ở cùng xóm với cô bạn để đi học Luật ở đường Duy Tân. Thành ra họp lại không thiếu gì tài tử giai nhân, thi đua nhau làm dáng. Những đôi mắt tò mò, tinh nghịch, những nụ cười khúc khích, duyên dáng. Người qua kẻ lại, tiếng nhạc và tiếng ly tách hòa lẫn làm Thảo cảm thấy hơi ngột ngạt, choáng váng. Nàng nhìn qua lại, và thấy có vẻ là không ai sẽ biết mình có mặt trong buổi tiệc, nên bèn lẻn vội ra hàng hiên phía trước nhà còn sũng nước mưa. Trời lúc đó, mưa có vẻ nhẹ hột hơn. Cơn gió mát lạnh hắt vào mặt, làm Thảo cảm thấy sảng khoái và dễ chịu hơn. Thảo đảo mắt chung quanh và thầm nghĩ: chắc người chủ nhân này cũng phải có tâm hồn nghệ sĩ, vì chu vi của sân trước nhà, tuy nhỏ nhưng trang trí và vén khéo, trông rất đẹp mắt... Những chậu hoa đủ màu sắc chen lẫn với những chiếc ghế con vòng quanh một bờ ao nhỏ, khiến Thảo tưởng tượng những đêm trăng sáng được ngồi gần cây ngọc lan, tuy nhỏ nhưng đầy hoa, để thưởng thức mùi hương thoang thoảng, đủ để người ta có thể so sánh nó với mùi hương nồng nàn quyến rũ của cây Dạ lý hương, đang rực rỡ tuôn ra bao hương thơm ngào ngạt.

Đang thả hồn lang thang thì "người ta" xuất hiện. Suốt cả cuộc đời của Thảo về sau, Thảo lúc nào cũng cố gắng bào chữa cái khoảng khắc "định mệnh" này: chắc đã đến lúc tâm hồn Thảo đang rạt rào cảm xúc của cơn mưa, và cảnh vật xung quanh, chứ chưa hẳn...

— Nhân vật chính hôm nay sao lại trốn ra đây?

Thảo bàng hoàng trở lại với thực tế. Một câu hỏi sao nhẹ như gió thoảng, mà lại đặc sệt giọng Huế của anh. Thảo quay lại. Anh đứng đó, hiên ngang, rực rỡ. Phải chăng anh là một thiên thần thượng đế đã sai xuống tìm Thảo? Mắt anh sáng long lanh, xua đi những cơn gió lạnh chung quanh.

— Xin lỗi, Thảo không hiểu anh nói gì?

Anh rất tự nhiên mỉm cười giới thiệu tên, và giải thích:

— Sở dĩ anh đồng ý tổ chức buổi tiệc hôm nay chỉ là để có dịp làm quen với Thảo mà thôi.

Thảo cúi đầu, nghĩ mông lung, rồi cảm thấy lòng mình có chút gì xao xuyến, nghĩ thầm:

Người chi mà tự tin thế! Hễ cứ mời người ta đến là xem như tự động quen được liền!!

Anh thân mật nói tiếp:

— Anh cảm thấy thích cái hiên này chi lạ! Có lẽ hình ảnh của Thảo bên cạnh cây Dạ lý trong vườn, ngạt ngào mùi hương làm anh liên tưởng đến một nàng tiên nhỏ trên thiên đàng... Thảo đẹp và dễ thương quá.

Thảo bối rối, chưa biết phải trả lời như thế nào! Lòng thầm nghĩ có lẽ anh đã

nói đúng: Em là nàng tiên bị đọa đày xuống trần gian này vì... đã biết yêu anh.

Hôm đó, tàn buổi tiệc, anh năn nỉ được đưa Thảo về. Thảo viện cớ là đã có cô bạn. Nhưng anh giải thích là cô bạn sẽ về khuya lắm, vả lại, ban đêm, mà về xích lô một mình thì rất nguy hiểm. Thảo xiêu lòng.

Anh dắt xe ra, lòng hớn hở, miệng nói cười thật có duyên. Nụ cười đó thật sự đã in sâu vào trái tim Thảo cho mãi đến hôm nay. Thảo ngoan ngoãn ngồi sau xe anh, lòng sợ người ta trông thấy. Thảo chưa bao giờ có bạn trai, và sung sướng nói thầm với mình: Tình Yêu Đó Ư...!

Từ đó, thành phố có thêm đôi tình nhân... Anh đón, đưa và hay đem quà cho ba mẹ. Anh cũng đã từng cắt lén hoa đẹp ở vườn ông bà chủ nhà trọ để tặng cho Thảo. Chiều cuối tuần nào hai đứa cũng đưa nhau đi ăn quà. Thảo bắt đầu biết được nơi nào bán thức ăn Huế ngon nhất ở Sàigòn. Nào là bánh bèo thì nhất định không nơi nào bằng của bà Ba ở trong chợ Trương Minh Giảng, Bún bò thì phải đến tiệm Dì Chín ở cầu Công Lý... Thảo nhận thấy là từ ngày quen anh, Thảo đã lên cân, và tự trách mình là con gái sao mà ăn hàng quá. Đôi khi Thảo nũng nịu là Thảo yêu anh vì anh có cái nốt ruồi duyên như T.L., người ca sĩ thần tượng của Thảo... Anh đưa Thảo đi thăm những nơi đẹp và lạ. Mặc dầu chưa một lần ra thăm xứ Huế, cô Bắc kỳ nho nhỏ của anh vẫn có thể hình dung ra được những cây phượng vỹ đỏ rực trong sân trường, nơi anh đã đi học trung học. Hay là những mùa mưa ở Nội thành, đều là những đồ trang sức từ trời, làm tăng thêm vẻ đẹp mơ mộng của thành phố. Nhớ lần anh kể cho Thảo nghe bên giòng sông Hương thơ mộng có quán Hương Bình, nơi đã nảy sinh ra biết bao mối tình học trò. Vì đa số khách của quán là những học sinh, sinh viên ra Huế đi học. Chỉ riêng có anh là phải vào Sàigòn để học, và... tìm Thảo. Thảo thật sự đã ngụp lặn trong hạnh phúc tuyệt vời. Những buổi hẹn hò thật là vui, những câu nói yêu thương mãi mãi, sẽ mãi mãi bên nhau... đâu đó còn nhung nhớ như mới hôm qua... Thảo còn nhớ những hôm gần Tết của năm 75, lúc hai đứa đi dạo chợ hoa, nhìn thấy những đứa bé khấu khỉnh đi bên cạnh mẹ, anh cúi xuống thầm thì: Năm tới ra trường, anh sẽ xin ba má làm đám cưới... rồi mình sẽ có thật nhiều con nhá Thảo. Thảo bóp chặt tay anh và cúi đầu vừa thẹn thùng vừa cảm động, vì biết là mình sẽ lấy được người chồng mà mình yêu thương trọn đời.

Qua Tết năm đó... rồi đến những ngày cuối tháng tư... cuộc đời của hai đứa đi vào một khúc rẽ định mệnh. Thảo không làm sao quên được một hình ảnh tiều tụy, lo lắng của anh trưa ngày 27.4 khi đến nhà để báo cho Thảo biết là anh có thể được đi chung với gia đình mà anh ở trọ, rời Việt Nam đêm hôm đó. Thảo suy nghĩ miên man: Có thể nào mình để cho anh đi không? Rồi Thảo bật òa lên khóc, như để trả lời cho bài toán định mệnh là Thảo đã chịu thua. Trời đất như quay cuồng trước mặt. Ngoài trời còn đang nắng mà Thảo bỗng cảm thấy như giông bão tơi bời. Cố gắng ngăn giòng nước mắt nóng, Thảo nói nhỏ cho đủ mình anh nghe:

— Nếu ba má đã có ý dặn anh tìm cách ra đi, mà bây giờ có cơ hội như vậy thì anh chắc chắn nên đi. Đừng lo lắng gì cho em cả... Em vẫn là em của anh. Em sẽ chờ anh...

Anh cố gắng nấn ná thêm vài tiếng để an ủi Thảo. Để thấy được những giòng nước mắt nóng tiễn đưa, lăn trên đôi má ngây thơ mới yêu lần đầu. Đến giờ phút chia tay, anh nắm chặt vai Thảo, lập đi lập lại:

— Yêu anh, xin Thảo hãy chờ anh...

Đêm hôm đó... mỗi tiếng đồng hồ dài như một thế kỷ. Thảo trăn trở, mong trời sáng để hy vọng nhìn thấy anh trở lại... Nhưng anh đã đi rồi, anh đã đi thật rồi, mang theo cả nụ cười và hơi thở của Thảo.

Thảo cũng không thể nào hình dung được những giây phút hạnh phúc bên anh ngày nào, nay đã trở thành những nỗi đau âm thầm vô tận. Đôi mắt Thảo đã trũng sâu vì thương nhớ. Thảo nhìn chung quanh, nơi nào, ở đâu cũng thấy hình bóng của anh. Phố xá vẫn đông người qua lại,

trời vẫn xanh, hoa vẫn nở đẹp, nhưng với Thảo tất cả chỉ là tiếc nhớ xót xa. Từ đó, Thảo héo úa, cô đơn như những cây đèn đường bị mưa bão, vàng võ, nhạt nhòa nước mắt.

Sau hơn năm tháng trôi qua... Thảo như người vừa được hồi sinh, sau cơn khát dài: lá thư đầu tiên của anh gửi về từ tiểu bang Washington DC., USA. Thư đong đầy những yêu thương, và nhớ nhung của anh khiến Thảo cảm thấy lòng ấm lại, và cũng như những câu nói ngày cuối gặp nhau: Yêu anh, xin Thảo hãy chờ anh... Anh ơi, yêu anh, Thảo sẽ chờ anh mà. Thảo xúc động khẽ nói với lòng mình như vậy. Và mỗi lần đọc lại thư anh, Thảo muốn nhờ gió gửi về anh, những lời thề nguyền như thế năm xưa, tự trong đáy lòng mình.

Thảo đã không được phép gia đình hồi âm cho anh. Mẹ Thảo lúc đó rất lo sợ phiền phức, dòm ngó của phường khóm về lá thư gửi về từ ngoại quốc. Lá thư thứ nhì anh gửi về vào lúc gia đình Thảo cũng đang tìm cách ra đi, sau khi hơn nửa năm sống trong chế độ mới, như những người khác còn kẹt lại ở Việt Nam thời đó.

Thư anh ấp đầy những lo lắng, những tình thương. Anh kể là anh đã tìm hiểu được luật di trú Hoa Kỳ, và nhất định sẽ có ngày anh sẽ được phép bảo lãnh cho Thảo.

Đây đây tiếng anh vọng lại: Thảo yêu anh, xin hãy chờ anh... Thảo muốn gào to lên: Hỡi người yêu ơi...! Thảo sẽ đi tìm anh bây giờ mà, mình sẽ gặp nhau rồi đó... anh biết không? Thảo hy vọng, bồn chồn góp nhặt vài giấy tờ tùy thân, và hai lá thư của anh làm hành trang cho chuyến ra đi. Lòng ấp đầy những thương nhớ và hy vọng.

Như định mệnh đã an bài, chuyến ra đi của Thảo đã thất bại, Thảo và gia đình, cùng một số người cùng nhóm bị bắt. Tất cả bị đưa đi lao động, gọi là "cải tạo". Có người cả đến mấy năm.

hoài niệm chiều mưa

Mưa chiều ni, nhớ chiều mưa bên nớ,
Anh ngồi đây mưa ướt cả mùa đông,
Nhớ những chiều xưa mưa bay xứ Huế,
Cánh dù hoa che ấm cả đôi lòng.

Mùi hương tóc giữa lòng anh hoang dại,
Vẫn thơm nồng kỷ niệm những chiều mưa
Ở bên đó chiều ni mưa tê tái,
Em có còn ủ bóng một người xưa ?

Góc phố cũ mùa đông đang bước vội,
Em về đâu trên lối nhỏ đơn côi ?
Cho tôi gởi chút hồn buồn viễn xứ
Theo chân em... mưa trắng một phương trời

Đời mất tiếng cười, anh theo tàu vượt biển
Mang cô đơn về tận chốn trời xa,
Ôi nhớ quá những chiều mưa bên nớ,
Mưa vẫn bay về kỷ niệm mù xa...

Vẫn hoài vọng một chân trời xa lắc,
Trong mưa bay thấm đỏ nụ môi cười,
Giữa hoang vắng bỗng nghe lòng quặn thắt
Bởi chiều ni thăm thẳm tiếng mưa rơi.

Mưa NJ, mình anh ngồi với bóng,
Nghe mưa rơi vào nỗi nhớ mênh mông,
Nghe tan vỡ những ngày xưa hoa mộng,
Còn chi em, tất cả chỉ là không !

NGUYỄN HUY PHƯỚC

Thảo cùng mẹ và ba em được thả về trong đợt người đầu tiên. Thảo thật mừng rỡ khi được thả về Sàigòn. Nhưng về đến phường khóm thì hay tin là nhà cửa của mình đã bị tịch thu. Mẹ Thảo đã không còn việc làm, phải tảo tần ở chợ. Các em thì không có trường học... nhưng quan trọng nhất là hai lá thư ngoại quốc của Thảo cũng bị tịch thu.

Thảo cũng không nhận thêm một lá thư nào từ anh cả. Thảo đã hoàn toàn mất liên lạc với anh. Không một người quen nào mà có thể cho Thảo một tin tức gì về anh. Cuộc sống của Thảo sau đó là những chuỗi ngày triền miên đau khổ. Thảo đã đánh vật với cuộc sống vật chất quá ư mệt nhọc, mà tâm tư vẫn mang một hình bóng của người yêu xa xôi. Thảo hàng ngày vẫn nguyện cầu ơn trên cho duyên số được may mắn.

Rồi chắc Thượng đế cũng đã nghe được lời cầu xin của Thảo. Sau lần vượt biên thứ nhì, Thảo cùng gia đình sang được Hong Kong, rồi vào California đầu năm 1980.

Thảo lại đối phó với bao nhiêu ngỡ ngàng của cuộc sống mới trên xứ người. Và Thảo vẫn chưa biết cách nào để tìm lại gặp anh. Nhưng mỗi khi nghĩ tới giây phút đó, Thảo như muốn gào to một cách sung sướng: Người yêu ơi!... mình sắp gặp nhau rồi phải không anh?... Nhưng năm tháng vẫn trôi nhanh trên phần đất tạm dung, Thảo vẫn quyết tâm tìm kiếm. Chỉ một cái tên, không địa chỉ, không số điện thoại và 50 tiểu bang, Thảo không biết bắt đầu ở đâu. Thảo cũng có nhiều lần muốn bỏ cuộc.

Tất cả những nhớ nhung, mong chờ anh sau bao năm kiếm tìm đã đổi thành một nỗi tuyệt vọng khủng khiếp trong lòng Thảo. Chỉ có một mùa thu mang lại hạnh phúc cho Thảo, nhưng ngược lại Thảo phải đánh đổi lấy bao nhiêu mùa thu cô đơn còn lại. Những cơn mưa nào cũng là giọt nước mắt của Thảo khóc vì nhớ thương anh...

Thảo lao đầu vào sách vở và công việc trong những năm đầu tiên, cố gắng khắc phục niềm đau của mình. Hạnh phúc của Thảo lúc đó là những giấc mơ tìm thấy anh, gặp lại anh, những hạnh phúc rất ư là mong manh.

Cuộc sống vẫn kéo Thảo vào thực tại. Khối óc Thảo không biết bao nhiêu lần mắng mỏ trái tim khờ dại kia. Tất cả những mơ ước bên nhau ngày nào... Tất cả đều đã nhạt phai dần. Thảo tự hỏi: anh ơi bây giờ anh ở đâu? Những giọt máu nóng luân chuyển trong tim anh có còn chứa đựng tình yêu cho Thảo nữa không? Mà sao anh lại không đi tìm Thảo? Và dù bao nhiêu thương nhớ, giận hờn hay trách móc, và dù bao nhiêu thay đổi với thời gian, Thảo vẫn như thế, vẫn mơ ước gặp anh, vẫn sẽ dâng trọn vẹn tình yêu cho anh. Lúc nào Thảo cũng chối bỏ những lời mời, những cơ hội đến với đời mình. Những cơ hội đi qua đời mình và không chờ đợi. Thảo đã chọn 10 năm như cái mốc, và đã dừng lại ở năm 1985. Thảo cho rằng 10 năm cũng đủ cho một tình yêu đầu. Thảo bắt đầu can đảm soi mình trong gương, ngắm nghía mình, để rồi từ giã một khuôn mặt thơ ngây khờ dại, đã yêu anh một lần cuối, để đầu hàng với thời cuộc, với những cám dỗ chung quanh. Thảo quyết định là không đi tìm anh nữa... Thảo đành chấp nhận anh mãi mãi là chiếc bóng trong đời Thảo.

Xe đến sở, Thảo đậu xe vào bãi, mỉm cười với cô ca sĩ, từ máy phát thanh, kể lể tâm sự: *Yêu nhau một lần mà nhớ nhau ngàn đời...*

Cuối tuần này, cũng như mấy năm trước, Thảo cũng sẽ đưa con đi ngày Nhớ Huế... Thảo vẫn chưa định nghĩa được tại sao năm nào mình cũng đi. Có thể trong đáy tim Thảo vẫn muốn tìm anh hay chỉ có thể để Thảo tìm lại chút dư hương hạnh phúc ngày nào... ngày mà Thảo vẫn nghĩ mình sẽ là cô dâu Huế...

Mùa Thu 1996

Lê Phước

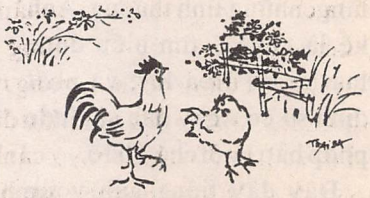

MỘT KỶ NIỆM CỦA CỐ THI HÀO NGUYỄN DU Ở HÀNG CHÂU

Tôn Thất Tùng

Trong lần ghé thăm Tây Hồ ở Hàng Châu Trung Quốc năm 1985 tình cờ tôi được nghe câu chuyện liên quan đến cố đại thi hào Nguyễn Du, nay xin kể ra đây để cống hiến hải ngoại chư quân tử. Nhưng trước hết tôi xin có đôi hàng về lịch sử Hàng Châu:

Thị trấn Hàng Châu là một thị trấn cổ kính của Trung Hoa xây dựng cách đây hơn 2,000 năm và là kinh đô của 15 đời vua Tàu. Chu vi thị trấn là 160 km2, dân số cách đây 700 năm hơn một triệu. Toàn thị trấn có 360 ngôi chùa xây rải rác và 1,200 chiếc cầu xây khum khum như cầu vồng cách mặt nước khá cao để thuyền buồm có thể qua lại được. Tây Hồ thường được người Tàu gọi là "Tây Hồ thập cảnh" vì chung quanh hồ có mười cảnh đẹp, mùa nào cũng là đề tài cho thi nhân sáng tác và là chốn vãng lai của tao nhân mặc khách. Quanh phạm vi Tây Hồ chừng 20 km2 đâu đâu cũng là thông là liễu, trông rất thơ mộng. Khi chúng tôi đến đây mặc dầu đã bị cộng sản cai quản hơn 30 năm nhưng cảnh trí vẫn còn tuyệt đẹp. Nước hồ trong xanh phẳng lặng như tấm gương, tựa như mặt nước sông Hương. Ba mặt là đồi núi lấp ló những mái chùa rêu phong. Những lầu son gác tía của các Vua Chúa thời xưa, nay trở thành nơi nghỉ mát của các ông quan cộng sản. Trên mặt hồ rất nhiều du thuyền chạm trổ hình Long, Lân, Quy, Phụng nhẹ nhàng lướt trên mặt nước. Vào buổi tối hàng ngàn ánh đèn trên các du thuyền chiếu xuống mặt nước như cảnh hoa đăng trên sông Hương vào ngày lễ hội Thánh Mẫu ở Điện Hòn Chén. Thi Hào Tô Đông Pha, một trong "bát đại thi hào" đời Đường, Tống có thời làm quan nơi đây. Ông có làm bài thơ ca tụng cảnh đẹp Tây Hồ và một thi sĩ Việt Nam đã dịch như sau:

Trời tạnh, long lanh hồ đã đẹp,
Mưa phùn lãng đãng núi càng xinh.
Tây Hồ đâu khác nàng Tiên nữ,
Dẫu không trang điểm nét vẫn tình.

Đời nhà Đường khi Bạch Cư Dị làm Thái Thú Hàng Châu, ông cho xây một cái đê ngăn đôi Tây Hồ ra làm hai, giống như đường Cổ Ngư chia hồ Tây và hồ Trúc Bạch ở Hà Nội ra làm hai. Đến khi Tô Đông Pha thay Bạch Cư Dị nhậm chức Thái Thú, thi sĩ họ Tô lại cho xây thêm một cái đê nữa thành ra Tây Hồ lại chia thành ba hồ nhỏ. Hiện nay hai con đê vẫn còn đó mà dân địa phương thường gọi là Bạch

đê và Tô đê. Ngoài ra hiện nay ở Hàng Châu còn có một kỷ niệm của Tô thi sĩ là cái hồ chứa nước xây bằng bêton cốt sắt theo kiểu chateau d'eau.

Trên đây là đôi giòng sơ lược về Tây Hồ ở Hàng Châu tôi được biết qua người hướng dẫn viên du lịch. Tiếp theo tôi xin kể lại câu chuyện kỷ niệm của cố thi hào Nguyễn Du tại Hàng Châu cách đây 173 năm. Nhắc đến thi hào Nguyễn Du thì người Việt Nam không ai mà không biết vì cụ là tác giả cuốn *Đoạn Trường Tân Thanh*, một kiệt tác được sống mãi trong lòng dân tộc. Nguyễn Du của Việt Nam cũng như Lý Bạch của Trung Hoa. Nhưng đối với dân tộc Việt Nam, thi hào Nguyễn Du lại được đặt lên một địa vị tột đỉnh. Bởi lẽ, không một tác phẩm văn chương nào được phổ biến rộng rãi như *Truyện Thúy Kiều* của tiên sinh. Từ vua quan cho đến bình dân lê thứ, ai ai cũng biết truyện Kiều. Những vị Vua yêu mến truyện Kiều là vua Minh Mạng và vua Thiệu Trị. Riêng vua Thiệu Trị có làm một bài thơ ca tụng truyện Kiều với Nguyễn Du.

Trong dân gian, nhiều người thuộc lòng truyện Kiều thường đem những câu ví von lúc trò chuyện. Văn nghệ sĩ lấy truyện Kiều viết tuồng hát, viết chuyện phim v.v... Phía nữ giới dùng truyện Kiều để bói quẻ đầu năm, vì họ tin tưởng Thúy Kiều rất linh thiêng, thường ứng nghiệm những lời cầu xin của họ. Nhiều người biết rằng cuốn ĐTTT được phóng tác theo cuốn *Thanh Tâm Tài Nhân* của Thánh Thán trong lần cụ Nguyễn Du thừa lệnh vua Gia Long đi sứ ở Trung Hoa (cụ ở Trung Hoa một năm) nhưng có lẽ ít người biết câu chuyện cụ Nguyễn Du ghé thăm Tây Hồ cách đây gần 200 năm và đã lưu lại đó một kỷ niệm mà tôi được biết qua lời thuật lại của người Tàu già.

Số là trong một bữa ăn tối tại tiệm cao lâu trước mặt Tây Hồ, bàn chúng tôi ngồi gần bàn của một người Tàu đã già nhưng trông rất quắc thước. Khi biết chúng tôi là người Việt từ Mỹ đi du lịch, ông ta bèn lân la làm quen nói chuyện bằng tiếng Việt, tự giới thiệu tên là Quách Hán, người Tàu lai Việt. Trước năm 1946 Quách Hán ở Hà Nội, khi tướng Lưu Hán đem quân ra Hà Nội giải giới quân Nhật thì Quách Hán móc nối làm ăn với quân đội Trung Hoa, nhờ đó trở nên giàu có, đến khi quân Tàu rút về nước thì Quách Hán cũng đem gia đình về quê cha ở Hàng Châu. Sau một hồi trò chuyện Quách Hán ngỏ ý mời chúng tôi về nhà dùng trà và đàm đạo. Như "tha hương ngộ cố tri" chúng tôi bèn theo người Tàu già lên Taxi về nhà ông ta ở cách đó khoảng 10 phút xe.

Vào nhà Quách Hán tôi để ý thấy treo nhiều tranh thủy mạc và hoành phi, câu đối giống như những nhà phú hộ Việt Nam. Đặc biệt tôi để ý một bức tranh chữ Hán nét bút rất tinh vi lồng kính với khung bằng gỗ cẩm lai khá đẹp treo giữa hai bức tranh sơn thủy. Thấy tôi chăm chú nhìn bức tranh chữ Hán, chủ nhà cho biết đó là bài thơ *"ĐỘC TIỂU THANH KÝ CẢM TÁC"* của cụ Nguyễn Du làm năm 1813 trong dịp cụ thăm Tây Hồ. Theo Quách Hán thì mặc dầu bài thơ nầy không hay bằng những bài thơ của Lý Thái Bạch nhưng ông rất quý, vì từ ngày còn ở tại hàng Buồm Hà Nội ông có đọc truyện Kiều và rất yêu mến văn tài của cụ. Khi hồi hương ông có đem theo một cuốn và hiện còn lưu giữ để làm kỷ niệm món quà quê mẹ. Thấy câu chuyện có vẻ hấp dẫn, tôi vội cất tiếng hỏi về nguồn gốc bài thơ thì được ông Quách Hán kể lại như sau:

"Vào năm 1813 cụ Nguyễn Du được vua Gia Long cử đi Sứ ở Trung Hoa. Khi tới Hàng Châu cụ ở tại nhà quán dịch, một loại nhà của triều đình dành cho quan khách tạm trú. Một chiều nọ cụ giong thuyền hóng mát trên Hồ Tây. Nhân lúc nhàn rỗi cụ đọc cuốn *"Tiểu Thanh Ký"* kể chuyện nàng Tiểu Thanh, một nữ sĩ nổi tiếng đời vua Hiến Tông nhà Minh. Nàng là người tài sắc vẹn toàn nhưng tình duyên lận đận, lấy phải người chồng đã có gia đình, bị vợ lớn ghen tương đánh đập, chồng lại phụ rẫy tình xưa, Tiểu Thanh phải ra ở trong gian nhà cỏ gần Hồ Tây rồi buồn phiền nhuốm bệnh. Một đêm kia, tự nhiên lửa bốc cháy từ gian nhà cỏ của Tiểu Thanh, khi dân

làng tới cứu, dập tắt ngọn lửa thì nàng đã ra người thiên cổ.

Trong đống tro tàn người ta tìm thấy một số văn thơ của nàng mới sáng tác chưa kịp cháy. Sau đó có một văn nhân vì xót thương người tài hoa mệnh bạc bèn thu thập tài liệu, viết một cuốn sách nhan đề *"TIỂU THANH KÝ"* trong đó ghi chép tiểu sử và văn chương của nàng.

Sau khi đọc truyện nàng Tiểu Thanh cụ Nguyễn Du bỗng thấy lòng chạnh mối u hoài liền làm bài thơ khóc người vắn số. Bài thơ này được truyền tụng trong giới thi văn ở Hàng Châu từ ngày ấy đến nay."

Nghe xong câu chuyện ai ai cũng thấy thích thú trong lòng, vì vốn đã khâm phục một thiên tài của đất nước nay lại được nghe câu chuyện liên quan đến cụ lại có vẻ liêu trai nên chúng tôi đồng thanh yêu cầu chủ nhà ngâm và giải nghĩa bài thơ và đã được ông Quách Hán ngâm và dịch thoát ý như sau:

"Cành mai ở Tây Hồ đã biến thành nấm mồ hoang. Trong gió Thu nhỏ lệ khóc người phận mỏng. Trời xanh có thấu cho nỗi lòng này không? Vì nghiệp văn chương mà nàng mang lụy. Tôi và nàng cùng chung một nỗi niềm. Không biết ba trăm năm sau nữa trên trần gian có ai khóc Tố Như không?"

Có lẽ lúc làm thơ khóc Tiểu Thanh, người mà cụ mới được biết qua truyện *Tiểu Thanh Ký* làm cụ nghĩ đến thân phận mình khi bỏ Lê phò Nguyễn làm tôi nhớ tới đoạn Thúy Kiều đi tảo mộ trong tiết Thanh Minh, chỉ trông thấy mả Đạm Tiên *"sè sè nấm đất bên đường"* và sau khi nghe cậu em Vương Quang kể lể sự tình Kiều đã sụt sùi rơi lệ! Phải chăng là "đồng thanh tương ứng"? Thúy Kiều với Nguyễn Du tuy hai mà một. Nguyễn Du với Thúy Kiều tuy một mà hai. Điều nầy cũng có phần đúng, vì cụ Nguyễn Du vốn người nhạy cảm nên mới dễ xúc động khi đọc truyện Tiểu Thanh, cũng như Thúy Kiều khi vừa trông thấy mả Đạm Tiên thì:

Lòng đâu sẵn mối thương tâm
Thoạt nghe nàng đã đầm đầm châu sa
Đớn đau thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.
.....

Để kỷ niệm buổi gặp gỡ bất ngờ, ông Quách Hán lấy bút mực chép tặng tôi bài thơ khóc Tiểu Thanh của cụ Nguyễn Du như dưới đây. Chúng tôi ngỏ lời cảm ơn và từ tạ ra về, mong ngày tái ngộ cùng chủ nhân.

Vì tôi không biết đọc chữ Hán nên không thể phiên âm bài thơ trên đây. Chỉ nhớ hàng đầu kể từ trái là câu "Độc Tiểu Thanh Ký Cảm Tác". Ba hàng cuối là: Cung tặng Tôn thất Tùng tiên sinh Quách Hán tự ký.

Sau nầy tôi đọc thấy bài Tiểu Thanh Ký Cảm Tác trên đây trong tập thơ của thi sĩ Chi Điền Hoàng Duy Từ dịch theo nguyên bản chữ Hán của cụ Nguyễn Du. Mặc dù trong tập thơ dịch của ông Chi Điền không có nguyên bản chữ Hán nhưng điều nầy cũng đủ chứng tỏ bài TTKCT của Nguyễn Du đã được phổ biến ở Việt Nam từ lâu tuy không mấy rộng rãi, ngoại trừ hai câu cuối: *"Bất tri tam bách dư niên hậu, thiên hạ hà nhân khấp Tố Như"* là được phổ biến sâu rộng nhưng hình như nhiều người, trong đó có kẻ viết bài này cũng chưa từng biết câu hỏi của cụ Nguyễn Du trên đây xuất xứ từ bài thơ ĐTTKCT và nhà thơ Chi Điền đã dịch trọn bài như sau:

Hoa uyển Tây Hồ hóa bãi lau,
Biết nàng qua sách mấy nghìn sau.
Phấn son linh hiển e rơi lệ,
Vô mệnh văn chương cũng vướng sầu.
Kim cổ nỗi hờn Trời khó hỏi,
Oan khiên phong nhã khách là ta.
Ba trăm năm nữa nào ai biết,
Thiên hạ, ai người khóc Tố Như.

Tôi viết xong chuyện này vào tối 30. 10. 86, đúng 374 ngày sau khi ghé thăm Tây Hồ. Ngồi đây mà nhớ lại căn phòng xinh xắn trên lầu khách sạn Hoàng Hạc, từ đó tôi nhìn ra mặt hồ qua làn sương mỏng, ngắm những đóa hồng sen lung linh trong gió sớm. Ven hồ, một đôi thiên nga đang âu yếm rỉa lông cho nhau. Một cây cổ thụ nhoài mình trên mặt hồ, những cành liễu xum xuê xanh mướt rủ

xuống mặt hồ, nhẹ nhàng đong đưa như mái tóc giai nhân.

Mắt tôi nhìn như không muốn rời cái phong cảnh thần tiên thơ mộng đó. Chỉ tiếc là sự hiểu biết về vẻ đẹp thiên nhiên của tôi không có được bao nhiêu nên tôi không thể mô tả vẻ đẹp kỳ ảo của Tây Hồ trong buổi sáng mùa Thu sương mờ lãng đãng...

Sự tình cờ đã khiến tôi kết thúc bài này vào tháng 10, âu cũng là một sự ngẫu nhiên số mệnh, vì tháng 10 là tháng húy nhật cố thi hào Nguyễn Du. Hình như vào năm 1971 tôi có tham dự buổi lễ kỷ niệm cụ do Viện Đại Học Vạn Hạnh tổ chức. Quan khách tham dự đa số là nhà văn, nhà báo và một số giáo sư. Tôi tuy không thuộc vào các giới trên nhưng vì lòng vốn ngưỡng mộ cố thi hào nên nhân có anh bạn dạy học ở trường Võ Trường Toản là anh Nguyễn Đình Đàm rủ đi dự tôi liền nhận lời. Hôm đó học giả Đào Đăng Vỹ đăng đàn diễn thuyết về thân thế và sự nghiệp của cố thi hào thật hay và thật cảm động. Ông so sánh cố thi hào Nguyễn Du với các văn hào trên thế giới như Dostoivesky của Nga, như André Malraux của Pháp, Lý Bạch của Trung Hoa v.v....

Trong bài thơ khóc nàng Tiểu Thanh trên đây mà hai câu cuối như một lời than thở, thi hào Nguyễn Du sợ rằng 300 trăm năm sau khi cụ chết không biết có còn ai khóc thương cụ nữa không nhưng theo tôi nghĩ thì không những ba trăm năm mà là ba ngàn, ba triệu năm nữa cũng còn nhiều, rất nhiều người ngưỡng mộ truyện Kiều và khóc thương Tiên Điền Tố Như!

Cali, đầu mùa Đông 1986

Tôn Thất Tùng

Sur La Rivière des Parfums

Tout est bleu comme au flanc d'une porcelaine
Sur le fleuve Enbaumé chanté par tant de Rois...
La lune qui s'allume à l'horizon des plaines
Accroche son fanal aux dragons d'un vieux toit.
La nuit, gondole noire, au sombre effort des rames
Passe, silencieuse, aux moires des eaux d'or.
De la berge, soierie à la fragile trame
Ondule, cristallin, le gong d'un mirador.
Tandis que sur les mont aux lointains coloris,
Un feu de brousse rampe et sertit de rubis
Le bleuâtre manteau des forêts nostalgiques.
Aux chants perdus des eaux et déserts des cigales,
Je vois glisser, sampan irréel et magique,
Mon âme à la dérive, emmi les lotus pâles...

Henri De Rouvroy

Trên Dòng Hương Giang

Sắc xanh ròng, một màu xanh da sứ
Dòng thơm, từng vẫy bút các triều vua...
Vầng trăng rạng từ chân trời đồng nội,
Đèn sáng treo rồng lượn mái đình xưa.
Hắc thuyền đêm khua mái chèo động khẽ
Lững lờ trôi, lặng lẽ, dải vàng phô.
Từ đôi bờ, buông màn tơ lụa mỏng
Một hồi chuông, trong trẻo, vọng lâu đưa. Trên ngàn xa chập chùng non điểm sắc,
Khởi bừng lan ngọn lửa đính hồng châu
Tấm áo xanh rừng hoài hương trầm mặc
Trong lặng im tiếng suối giọng ve sầu,
Thoáng lướt trôi bóng con thuyền hư ảo,
Hồn lênh đênh giữa sen nhạt phai màu

Thùy Việt Lân

Ca Dao và Triều Nguyễn

Tôn Thất Hứa

Cộng Hòa Liên Bang Đức

Dòng họ nhà Nguyễn bắt đầu từ Nguyễn Bậc đến Nguyễn Kim đã được thiên hạ cho là những anh hùng cái thế nhưng phải đợi đến đời con cháu là Nguyễn Uông, Nguyễn Hoàng mới là những tay tuấn kiệt.

- **Vua Đinh Tiên Hoàng (968 - 980).**
  — Khai Quốc Công Thần Định Quốc Công Nguyễn Bậc

- **Triều Nhà Lý (1010 - 1225).**
  — Kiểm Hiệu Nguyễn Đệ.
  — Tả Tướng Quốc Nguyễn Viễn.
  — Đô Đốc Nguyễn Phụng.

- **Triều Nhà Trần (1225 - 1400)**
  — Hoài Đạo Hiếu, Võ Đại Thắng Vương Nguyễn Nộn.
  — Kiểm Hiệu Nguyễn Thế Tứ.
  — Cần Vương Nguyễn Minh Du.

- **Triều Nhà Lê (1428 - 1527).**
  — Chiêu Quang Hầu Nguyễn Sử.
  — Thái Bảo Hoằng Quốc Công Nguyễn Công Chuẩn.
  • Và con Thái Úy Trình Quốc Công Nguyễn Đức Trung
  • Con gái là Lê Thánh Tôn Hoàng Hậu tức là mẹ của Vua Lê Hiến Tôn.
  — Nghĩa Huân Vương Nguyễn Văn Lưu
  • Con là Thái Phó Trừng Quốc Công Nguyễn Hoằng Dụ tức là Nguyễn Văn Lưu.
  — Đức Triệu Tổ Tịnh Hoàng Đế Nguyễn Kim

Anh em Hoàng bấy giờ đang phục vụ dưới cờ Trịnh Kiểm, lập nhiều công lao. Nguyễn Uông được phong làm Lạng Quận Công, Nguyễn Hoàng được tước Đoan Quận Công. Rồi Nguyễn Uông chết. Người ta nghi ông Uông bị độc thủ của ông anh rể Trịnh Kiểm. Ư Ký là Thái Phó của nhà Lê là cậu ruột của Nguyễn Hoàng, thấy thế nguy liền khuyên Nguyễn Hoàng tạm thời giả ngây giả dại để khỏi bị Trịnh Kiểm để ý.

Trong lúc gia thần của Trịnh Kiểm là Nguyễn Hùng Long thúc dục Kiểm trừ Nguyễn Hoàng để tránh hậu hoạn, nhưng Kiểm còn trù trừ chưa quyết.

Nguyễn Hoàng đã có ý lánh xa Kiểm, nên viện cớ đất Thuận Hóa thường hay bị người Chàm quấy nhiễu, Hoàng nhờ chị là Ngọc Bảo vận động với Kiểm để xin vào Thuận Hóa với chức trấn thủ. Trịnh Kiểm liền chấp thuận ý kiến của vợ.

Tương truyền rằng, khi có mưu định đi Thuận Hóa, Nguyễn Hoàng đã cho người ra Hải Dương hỏi ý kiến cụ Trạng Trình. Cụ Trạng đang đứng ngắm hòn giả sơn trước mặt nhà. Thấy đàn kiến đang bò theo chân núi, cụ chỉ vào hòn giả sơn nói rằng:

Hoành Sơn nhất đái
Vạn đại dung thân.

Một dãy Hoành Sơn có thể dung thân cho vạn đời. Ý Cụ khuyên Nguyễn Hoàng nên vào Thuận Hóa để dung thân. Thế là Nguyễn

Hoàng và đoàn tùy tùng lên đường vào cuối năm Mậu Ngọ (1558) đời Lê Anh Tông. Sự nghiệp của triều Nguyễn bắt đầu từ đó. Chúng ta thử sưu tầm những ca dao, tục ngữ có liên quan đến những sự kiện hay các nhân vật lịch sử dưới triều đại này.

Ông Đào Duy Từ là người Thanh Hóa (1), học rất giỏi nhưng là con nhà xướng hát (xướng ca vô loại!) cho nên không được đi thi. Phẫn chí Ông Đào Duy Từ vào Nam và được trọng dụng đã giúp chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên rất đắc lực. Chính ông đã xây những chiến lũy kiên cố ở Quảng Bình (như lũy Trường Dục, lũy Thầy) để đàng Trong chống giữ với đàng Ngoài. Trịnh Tùng thấy ông có tài và hối tiếc đã không biết dùng nhân tài gởi sứ giả vào móc nối về với Trịnh. Ông Đào Duy Từ không đáp, chỉ bế con nhỏ mà hát để bày tỏ lập trường dứt khoát như sau:

Ba đồng một mớ trầu cay,
Sao anh không hỏi những ngày còn không?
Nay em tay bế tay bồng,
Xin đừng lui tới mà chồng em ghen.

Trước đây không ngó ngàng đến nay thì muộn màng quá rồi, "tay bế tay bồng", còn yêu cầu đừng lui tới, sợ chúa Nguyễn khởi nghiky.

Dưới thời Tây Sơn, có câu:

Nực cười châu chấu đá xe,
Tưởng rằng chấu ngã, ai dè xe nghiêng.

Theo "Việt Nam Thi Văn Hợp Tuyển" của ông Dương Quảng Hàm là trích từ Hoài Nam Khúc của Hoàng Quang: lúc mới khởi nghĩa thì quân Tây Sơn còn yếu mà dám chống lại với quân chúa Nguyễn, ai ngờ giống y chang câu chuyện trong Thánh Kinh David thắng Goliath.

Số đâu có số lạ lùng,
Con vua mà lấy hai chồng làm vua.

Bà Ngọc Bình là con út vua Lê Hiển Tông (em của công chúa Ngọc Hân vợ vua Quang Trung) được gả cho Nguyễn Quang Toản tức là vua Cảnh Thịnh. Sau 26 năm lưu lạc ngày 15 tháng 6 năm 1801, Nguyễn Ánh trở lại Phú Xuân. Vua Cảnh Thịnh lúc này bỏ ngai vàng, ấn tín sắc phong của nhà Thanh chạy ra miền Bắc. Người vợ trẻ của ông là công chúa Ngọc Bình (chắc cũng đẹp lắm) cùng một số cung nữ không kịp theo vua đều sa vòng vào tay quan quân nhà Nguyễn.

Năm 1802, Nguyễn Vương lên ngôi và bà Ngọc Bình đứng trong hàng thứ phi mặc dù đã có nhiều đại thần can gián. Phải chăng một trò chơi định mệnh? Hai kẻ cừu địch không đội trời chung Nguyễn Huệ Quang Trung và Nguyễn Ánh Gia Long trở thành anh em cột chèo. Ngoài hai bà Hậu là Thừa Thiên (mẹ hoàng tử Cảnh) và Thuận Thiên (mẹ vua Minh Mạng) vua Gia Long còn sắc phong bà Lê Thị Ngọc Bình làm đệ Tam cung. Bà Ngọc Bình sanh hạ được hai trai là Quảng Oai Công ngày 20. 05. 1809 (con thứ 10) và Thường Tín Quận Vương ngày 20. 10. 1810 (con thứ 11).

Vua Gia Long có tất cả 13 người con trai và 18 người con gái không kể 5 người con trai là Chiêu, Xương, Khải, Đại, Nhật chết sớm. Nếu so với các vua Minh Mạng và Thiệu Trị thì vua Gia Long là ông vua có số con ít nhất.

Lê Văn Khôi con nuôi Lê Văn Duyệt nổi lên chống lại triều đình dưới thời vua Minh Mạng. Lên Văn Khôi chiếm thành Phiên An (Gia Định) rồi lan dần đến các tỉnh kế cận khiến quan quân nhà Nguyễn từ Huế vào đánh dẹp rất vất vả. Các bà có chồng ra đi chỉ mong cho được:

Bao giờ bắt đặng ông Khôi
Lấy thành Gia Định chồng tôi mới về.

Ông Khôi chống giữ thành Phiên An được một năm thì bị bệnh rồi mất, quân của Ông Khôi còn tiếp tục chống giữ non ba năm mới thôi.

Hường Bảo là con đầu của vua Thiệu Trị không được nối nghiệp vua cha cho nên lấy làm phẫn uất, âm mưu chiếm đoạt ngôi vàng bị bại lộ bị em thứ hai là Vua Tự Đức bỏ ngục rồi chết trong đó. Theo cụ Trần Thanh Mại

trong "Tuy Lý Vương" thầy cũ của Hường Bảo là Tưởng An Quận Công có câu than:

Chiều chiều lại nhớ chiều chiều
Nhớ người đẩy gấm khăn điều vắt vai.

Trong cuốn *"Cố Đô Huế"* của Thái Văn Kiểm thì cụ Tùng Lâm Lê Bá Cư (Phó Bảng Cư) cho rằng hai câu trên là của công chúa Đồng Xuân, con vua Thiệu Trị để tưởng nhớ vua Hiệp Hòa. Ông này lúc còn là hoàng tử Lãng Quốc Công hay mang cái đẩy gấm đựng thuốc điếu vấn sẵn móc trên nút áo và cái khăn điều vắt trên vai để lau nước trầu ở miệng, thường hay đi dạo vào buổi chiều nhất là thường đến thăm công chúa Đồng Xuân.

Cũng vì sự phế bỏ con trưởng lập con thứ, cũng vì tranh dành ngôi báu để phải chết trong ngục, cảnh anh em giết nhau lại một lần nữa được Thủ Khoa Nguyễn Hàm Ninh phụ họa trong một bài thơ tứ tuyệt:

Ngã sinh sơ nhữ vị sinh
Nhữ sinh chi hậu ngã vi huynh
Nhứt dưỡng cộng hưởng trấn cam vị
Há nhẫn tương vong cốt nhục tình.

được dịch ra:

Tớ đẻ trước khi chú chưa sinh
Sau sinh chú tớ được làm anh
Ngọt bùi chẳng nghĩ cùng nhau hưởng
Cốt nhục mà sao nỡ dứt tình.

Bài thơ "ác ôn" được làm ra trong bữa tiệc giữa vua tôi triều Nguyễn. Vua Tự Đức vừa ăn vừa nói chuyện văn thơ một cách say sưa nên đã cắn phải lưỡi cũng là đầu đề của bài thơ đã được Thủ Khoa Nguyễn Hàm Ninh làm nhanh nhất. Kết quả là mỗi câu thơ được lãnh một lạng vàng tiền thưởng vì lời thơ hay nhưng ý thơ lại quá ác, đáng bị ghép tội "đại bất kính"; vì Thủ Khoa Nguyễn Hàm Ninh là thầy vua Thiệu Trị cho nên chỉ phải lãnh thêm mỗi câu thơ một roi để phạt. Thấy sự đãi ngộ đối với thầy của vua cha không được thỏa đáng nữa cho nên Thủ Khoa Nguyễn Hàm Ninh đã xin cáo quan về nhà dạy học.

Làm vua lúc 19 tuổi đã có vợ rồi, sau đó còn cưới thêm nhiều bà trong số đó có bà Học Phi mà đến 35 tuổi vẫn chưa có con. Vua Tự Đức đi tìm an ủi trong bốn chữ "sinh ký tử quy" nghĩa là sống trên đời này chỉ là tạm bợ, chết mới thật là về nơi muôn đời. Với tư tưởng đó, Tự Đức quyết định xây một sinh phần nguy nga gọi là Vạn Niên Cơ (tức là Khiêm Lăng ngày nay). Lệnh khai trương công trường tháng 9 năm Giáp Tý (1864) với dự trù kéo dài 6 năm. Biện Lý Nguyễn Văn Chất và Nguyễn Văn Xa để tâng công và trổ tài xin chỉ 3 năm thì xây xong.

Thế là hàng ngàn dân phu, hàng trăm loại thợ dưới sự canh gác của 3000 lính ngày nào cũng nai lưng ra làm từ sáng đến hết canh một. cảnh khổ sai ấy gây ra nhiều tang tóc. Tuy Hường Bảo đã chết, con bị cải ra họ mẹ, nhưng vây cánh vẫn mạnh để có loại vua Tự Đức đưa con của Hường Bảo là Đinh Đạo lên ngôi. Lợi dụng thời cơ này, nhóm Hường Bảo đã tung ra câu hát để kích thích lòng căm phẫn dân chúng đến người chủ trương:

Vạn Niên là Vạn Niên nào?
Thành xây xương lính, hào đào máu dân.

Câu ca dao thật quả không ngoa nhưng cuộc khởi nghĩa chống vua Tự Đức năm 1866 bị thất bại. Nhóm cầm đầu là Đoàn Hữu Trung, con rể của Tùng Thiện Vương, Đoàn Hữu Ái và Đoàn Tư Trực (ba anh em quê quán làng Chuồn, An Truyền, Phú Vang), Trương Trọng Hòa, Nguyễn Văn Quý... đều bị lăng trì, bêu đầu, tịch thu gia sản. Đinh Đạo cùng mẹ, vợ, con cái tất cả 8 người đều bị treo cổ (theo Trần Trọng Kim, Việt Nam Sử Lược).

Nhất giang lưỡng quốc ngôn nan thuyết
Tứ nguyệt tam vương triệu bất tường.

nghĩa là:

Một sông hai nước lời khó nói

Bốn tháng ba vua, điềm chẳng lành.

Một con sông Hương mà bên này (hữu ngạn) là chính phủ Nam triều, phía bên kia (tả ngạn) là chính phủ Bảo Hộ mà tượng trưng là tòa Khâm Sứ (*). Ba vua là Dục Đức, Hiệp Hòa và Kiến Phước chỉ kế tiếp nhau trong vòng 4 tháng. Câu đối này là nói đúng hiện tình đất nước lúc bấy giờ mà cái tài tình của nó là còn ghép được tên hai quan phụ chánh đại thần Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường đương thời ở cuối hai câu.

* Ngày xưa, các sử địa gia định hướng từ phương đông sang phương tây, từ cửa biển, cửa sông hướng về nguồn là Trường Sơn; phía bên mặt là hữu, phía bên trái là tả.

Tự Đức tuy đã lấy 104 vợ mà đến tuổi 35 vẫn không có con nên đành phải nuôi 3 người cháu gọi mình bằng Bác ruột làm con nuôi:

1. Ưng Chân tức là Vua Dục Đức con Thoại Thái Vương.

2. Ưng Đường cũng có tên Ưng Kỳ tức Chánh Mông, vua Đồng Khánh con Kiên Thái Vương.

3. Ưng Đăng tức Dưỡng Thiện, vua Kiến Phước con Kiên Thái Vương Hoàng Tử Hồng Cai (1845 - 1876) là con thứ 26 của vua Thiệu Trị.

Vua Tự Đức đã chọn 3 người cháu vào làm con nuôi, trong 3 người ấy có 2 người con của Hồng Cai. Hai người này là Ưng Kỳ cũng có tên là Đường (1864 - 1889) và Ưng Đăng (1869 - 1884). Ưng Đăng được đưa lên làm vua 7 tháng thì mất, đó là vua Kiến Phước. Vua Kiến Phước mất, hai ông Phụ Chánh Đại Thần Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường không chọn Ưng Kỳ là con nuôi của vua Tự Đức mà lại chọn em ruột của vua Kiến Phước là Ưng Lịch (1871 - 1947) đưa lên ngôi với niên hiệu Hàm Nghi (01. 08. 1884).

Kinh Đô Huế thất thủ vua Hàm Nghi mới 13 tuổi lãnh đạo phong trào Cần Vương (nghĩa là hết sức hết lòng với vua), khi vua Hàm Nghi đi rồi Ưng Đường trở lại đầu hàng Pháp được Pháp đưa lên ngôi. Đó là vua Đồng Khánh.

Hồng Cai là một ông hoàng không làm vua mà có đến 3 người con được lên ngôi vua, dân gian thời Đồng Khánh có câu:

Một nhà sinh đặng ba vua
Vua còn, vua mất, vua thua chạy dài.

Vua còn là Đồng Khánh, vua mất là vua Kiến Phước, vua thua chạy dài là vua Hàm Nghi.

Hồng Cai được phong làm Kiên Thái Vương, vua Đồng Khánh xuất tiền nhà nước xây cho hoàng thúc phụ một cái lăng tráng lệ tại Dương Xuân Thượng. Được thế, bọn đình thần thân Pháp muốn làm theo ý Đồng Khánh bèn dâng sớ xin tấn phong phủ thiếp của Hoàng Tử Hồng Cai (dâu vua Thiệu Trị) lên bậc Kiến Vương Phi. Việc tấn phong này bị nhiều người phản đối, trong đó có Tuân Quốc Công Miên Trữ (hoàng tử thứ 13 của vua Minh Mạng) và Hoàng Thịnh Quận Công Miên Tuấn (theo ĐNTLCB, tập 28). Phủ Tôn Nhơn và Hình Bộ phạt hai ông phải thắt cổ, may mà hai ông đã lớn tuổi nên bản án hoãn việc thi hành. Đến cuối năm 1888 vua Đồng Khánh băng, bản án không còn giá trị.

Phàm ở đời khi có quyền, có lợi lại muốn có danh. Lợi dụng chức quyền để tôn phong cho bản thân, họ hàng, cha mẹ thường không làm vinh hiển thêm mà chỉ làm trò cười cho thiên hạ mà thôi.

Sau khi người Pháp đến Huế dân gian có truyền ca câu hò:

Mưa trên trời mưa sa xuống
Gió ngoài Hà Nội gió thổi vô.
Kể từ ngày thất thủ kinh đô
Ông Tây qua giăng dây thép,
họa địa đồ nước Nam.

Khi vua Hàm Nghi lẩn tránh trong dãy Trường Sơn nơi mạn ngược Quảng Bình và Hà Tĩnh, có nghe câu:

Lần theo dấu thỏ non đoài,
Miễn phò đặng chúa, dám nài chi công.

Ngày thất thủ kinh đô 5/7/1885 tức là ngày 23 tháng 5 năm Ất Dậu, nhóm chủ chiến phò vua Hàm Nghi ra Quảng Trị, lên Tân Sở rồi theo đường núi đến Hà Tĩnh. Tại đây hịch Cần Vương được ban ra khắp nước. Dấu thỏ non đoài là ám chỉ đường mòn trên dãy Trường Sơn rất vất vả.

Phong trào Cần Vương phát động mạnh mẽ ở vùng Nam Nghĩa và Nghệ Tĩnh và những nghĩa sĩ vẫn tiếp tục kháng chiến. Ở Huế có vua Đồng Khánh được Pháp đặt lên ngôi và nhờ có quân đội Pháp nên tạm yên, bởi vậy có câu:

Gẫm xem thế sự thêm rầu,
Ở giữa Đồng Khánh, hai đầu Hàm Nghi.

Theo ông Bửu Kế thì câu này bị cấm dưới thời Đồng Khánh. Cũng một ý như trên, dưới thời Đồng Khánh còn có câu:

Một nhà hai chủ không hòa,
Hai vua một nước, ắt là không yên.

Dưới thời các chúa Nguyễn Phúc Lan, Nguyễn Phúc Tần, Kim Long là nơi đô hội. Sau khi chúa Nguyễn Phúc Trăn (1687) đưa thủ phủ về Phú Xuân, Kim Long được giao lại cho các ông Hoàng bà Chúa. Đặc biệt con gái Kim Long phần đông làm nghề thủ công ở chỗ im mát, lại xuất thân từ các gia đình có nền nếp, có văn hóa cho nên vừa đẹp vừa nết na, duyên dáng rất dễ thương... Sự hấp dẫn, nét diễm kiều của con gái Kim Long nổi tiếng và vang xa... Dân gian đã ghi nhận hiện tượng hấp dẫn đậm đà kia qua câu ca:

Kim Long có gái mỹ miều,
Trẫm yêu trẫm nhớ, trẫm liều trẫm đi!

Câu hát không nói rõ "trẫm" đây là ai, nhưng nhiều người quả quyết là chỉ có "Ngài Thành Thái" mới dám liều như thế.

Chuyện kể rằng: vào một ngày trong tết Nguyễn Đán, vua Thành Thái, cải trang làm một người dân bạch đinh đi "liều" lên Kim Long để tìm chọn một quý phi.

Đến nơi, nhìn khắp đó đây không gặp người vừa ý, thất vọng, bèn thuê một chiếc đò ra về. Đò cặp bến lòng ông bỗng xao xuyến khi thấy cô lái đò trong chiếc áo vá vai, đôi môi ửng hồng rất có duyên, ông hỏi một câu rất đột ngột:

— Nì, o tê! O có muốn lấy vua không?

Cô lái đò tỉnh thiệt, nhìn ông khách lạ đối đáp:

— Đừng nói bậy mà họ lấy đầu chừ!

Điệu bộ và giọng nói thật thà của cô gái thật càng đáng yêu hơn. Vua Thành Thái đổi giọng:

— Tui nói thiệt đó, o muốn lấy vua thì tui làm mối cho!

Nghe rứa cô lái đò làng Kim Long thẹn thùng, cúi mặt nhìn lơ qua chỗ khác. Một khách đi đò lớn tuổi, khăn đen, áo dài chững chạc chừng như mới đi dự lễ về, tủm tỉm cười vui vẻ nói với cô gái:

— Nì, o tê! O cứ nói "ưng" để coi thử nờ!

Cô lái đánh bạo nói nhanh:

— "Ưng".

Vua Thành Thái thích thú đứng dậy đi về phía lái, cầm tay cô kéo ra đầu mui thuyền. Mặc cho cô gái thẹn thùng dùng dằng, ông bảo:

— Rứa thì quí phi ngồi để trẫm chèo cho!

Nói rồi đi ra sau lái cầm chèo đưa đò đi trước ngạc nhiên vui vẻ của mọi người.

Chiếc đò xuôi theo dòng sông Hương êm ả... Cô lái không hiểu chuyện gì sẽ xẩy ra... Đến trước Kinh Thành, vua đưa đò vào đậu ở bến Nghinh Lương (trước Phú Văn Lâu) và bảo mọi người:

— Thôi thiên hạ đứng dậy trả tiền đò cho trẫm và tiễn đưa quý phi vào cung!

Mọi người đều làm theo ý nhà vua, tất cả đứng dậy rời đò và đưa cô lái đò Kim Long vô Nội làm quý phi của vua Thành Thái (theo lời kể của Bảo Hiền, cháu nội vua Thành Thái, trong cuốn *Chuyện các bà trong Cung Nguyễn*).

Có người lại giải thích như sau: Thuở ấy ở Kim Long có nhà Cụ Nguyễn Hữu Độ (nay là nhà thờ Vĩnh Quốc Công). Ông này nguyên làm Kinh Lược Bắc Kỳ, được Pháp đưa về

Huế bàn việc lập vua mới thay vua Hàm Nghi. Ông có ba người con gái rất xinh đẹp, một gả cho vua Đồng Khánh (gọi là Thánh Cung), một gả cho em vua Hàm Nghi (Ưng Quyến), còn lại người con út chưa chồng là Nguyễn Hữu Thị Nga. Vua Thành Thái thấy cô ta mỹ miều nên hay đi xe song mã lên chơi. Sau này 1895 bà này cũng được vào cung phong làm Huyền Phi. Câu hò trên kia, theo một người cháu của... Vĩnh Quốc Công, do chính tự miệng vua Thành Thái nói ra để đùa với cô nàng, rồi lan ra trong dân chúng.

Câu hò sau đây được cụ Ưng Bình Thúc Giạ cho biết là được nhiều người công nhận là có liên hệ với vua Duy Tân:

Chiều chiều trước bến Văn Lâu
Ai ngồi ai câu, ai sầu ai thảm,
Ai thương ai cảm, ai nhớ ai trông ?
Thuyền ai thấp thoáng bên sông
Đưa câu mái đẩy, chạnh lòng nước non.

Trước Phú Văn Lâu có ngôi nhà mát gọi là Lương Tạ, phía trước có Nghinh Lương Đình (nhà đón gió), sau có bến ngày trước dành cho long thuyền đậu, nay để cho các người đến tắm hay câu cá nhất là buổi chiều. Tương truyền vào khoảng đầu tháng 5 năm 1916, Trần Cao Vân giả đến ngồi câu ở đây để chờ vua Duy Tân, chiếc thuyền thấp thoáng bên sông là chờ sẵn để đón vua trốn ra khỏi kinh thành. Âm mưu bại lộ, vua bị bắt và bị đày sang đảo Réunion cùng một nơi với vua Thành Thái; các người chủ mưu như Trần Cao Vân, Thái Phiên, Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu thì bị xử chém tại pháp trường An Hòa. Dân Huế cảm thương và chạnh lòng cho non nước.

Pháp đã mộ lính ở các thuộc địa chở về đánh giặc thuê cho mẫu quốc trong đệ nhất thế chiến (1914 - 1918) và đệ nhị thế chiến (1939 - 1945). Vì kinh tế gia đình khó khăn có nhiều người phải bỏ Huế ra đi, để lại con thơ vợ dại, thật đáng thương tâm:

Anh đi tây bỏ bầy con dại,
Tay dắt tay bồng, thảm hại lắm anh ơi !

Nền bảo hộ mới bắt đầu đã xuất hiện một số vua chúa và quan lại làm tay sai cho thực dân Pháp, chỉ lo vinh thân phì gia, còn quốc sự thì phó mặc cho Bảo hộ, và họ đã làm bẩn lịch sử oai hùng của dân tộc kiêu hùng Việt Nam, nhân dân đã đặt ra câu hỏi và đáp dí dỏm như sau:

hỏi: *Vua bù nhìn, quan tay sai*
Đố ai biết ai đẻ ra ai ?
đáp: *Thằng tây mới thật đại tài*
Bù nhìn khéo nặn, tay sai khéo tìm.

Ngày 20 tháng 7 năm 1954 hiệp định Genève được ký kết giữa Pháp và Việt Minh đưa đến tình trạng chia đôi đất nước Việt Nam ở vĩ tuyến thứ 17.

Miền Bắc thuộc chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Riêng miền Nam, vào ngày 23. 10. 1954 đã tổ chức trưng cầu dân ý theo kiểu "Phiếu xanh bỏ giỏ, phiếu đỏ bỏ bì" thật trơ trẽn. Vào ngày 26. 10. 1954 chính phủ Ngô Đình Diệm đã tuyên bố Việt Nam là một nước Cộng Hòa theo Tổng Thống Chế.

Nghiên cứu Việt Sử, giả sử họ Nguyễn Phước phát sinh từ đời nhà Đinh. Khi Đinh Tiên Hoàng lên ngôi, phong cho một vị đại thần Khai Quốc Công Thần tên Nguyễn Bặc tước hiệu Định Quốc Công, thủy tổ Nguyễn Phước sau này.

Từ Nguyễn Bặc qua 13 đời đến Triệu Tổ Nguyễn Kim (1468 - 1545) Chúa thứ Nhất lập ra hệ Nhất.

Từ Nguyễn Kim đến Nguyễn Phước Thuần (1765 - 1777) chúa thứ 10 trên 200 năm. Thế Tổ Cao Hoàng Đế Nguyễn Phúc Ánh mở đầu nhà Nguyễn vua Bảo Đại, vị vua thứ 13 của triều Nguyễn thoái vị chấm dứt chế độ vua tôi họ Nguyễn, một dòng họ đã mở mang bờ cõi khiến cho nước lớn lên, nhất là chiêu mộ những người nghèo khổ trong nước đưa đi khai hóa những đất phì nhiêu bỏ hoang làm thành ra Nam Việt ngày nay phồn phú hơn cả mọi nơi, ấy là cái công họ Nguyễn với nước Việt Nam thật to lớn vậy.

Tôn Thất Hứa

Tài Liệu Tham Khảo:

1. Ca dao xứ Huế, Ưng Luận. Sở Văn Hóa Thông Tin Thừa Thiên — Huế 1991.

2. Hội Nghị Khoa Học Lịch Sử năm 1991 Trường Cao Đẳng Sư Phạm thành phố Hồ Chí Minh.

3. Kể chuyện vua quan nhà Nguyễn, Phạm Khắc Hòe.

4. Chuyện các Bà trong triều Nguyễn, Nguyễn Đắc Xuân Hội Văn Nghệ thành phố Huế 1988.

5. Chuyện các ông Hoàng triều Nguyễn, Nguyễn Đắc Xuân Sở Văn Hóa, Thông Tin Thừa Thiên — Huế 1991.

6. Việt Nam Sử Lược Trần Trọng Kim.

7. Cố Đô Huế, Thái Văn Kiểm.

8. Việt Nam Thi Văn Hợp Tuyển, Dương Quảng Hàm.

9. Souvenirs de Huế, Chaigneau 1864.

10. Les tombeaux des Nguyễn, R. Orband 1914.

Ghi Chú:

(1) Đào Duy Từ (1572 - 1634). Đệ nhất khai quốc công thần thời Nguyễn sơ, có tài cai trị, giỏi mưu lược. Người làng Hoa Trai, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (Trung Phần). Thông minh, tinh thông kinh sử, sở trường về thơ văn, lại tinh hiểu y lý số và binh thư đồ trận, nhưng vì là con nhà xướng ca (thân phụ là Đào Tá Hán làm Quản Giáp trong nghề ca hát, rồi lên chức Linh quan coi đội nữ nhạc trong Đại Nội dưới triều vua Lê Anh Tôn), nên không được đi thi. Phẫn chí, ông rời Đông Kinh (Hà Nội sau này) đi vào Nam để xây dựng sự nghiệp.

Đến phủ Hoài Nhơn (tức phủ Bồng Sơn tỉnh Bình Định ngày nay), ông vào ở chăn trâu cho một vị điền chủ có tên tuổi ở thôn Tùng Châu. Được quan Khám Lý Trần Đức Hòa ở Quy Nhơn mến tài, trọng đức, đã gả con gái cho và tiến cử lên chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên (1563 - 1635), chúa Sãi dùng làm Nội Tán. Từ đó gặp được thời vận, suốt 8 năm trời ông dốc lòng giúp chúa Nguyễn, bày mưu định kế chống quân Trịnh và có công lớn trong việc xây thành đắp lũy (lũy Trường Dục ở huyện Phong Lộc; lũy Nhật Lệ tức Định Bắc Trường Thành — tên gọi dưới đời Thiệu Trị tục gọi Lũy Thầy, trên sông Nhật Lệ ở Đồng Hới, Quảng Bình). Ông mất ngày 17 tháng 10 năm Giáp Tuất tức là 1634, được phong tặng chức hàm Tán Trị Dực Vận, Kim Tử Vinh Lộc Đại Phu, Đại Lý Tự Khanh tước Lộc Khê Hầu. Sau ông được phong làm Phúc Thần, dân chúng lập đền thờ phụng tự. Đời Gia Long ông được liệt vào hạng Công Thần Thượng Đẳng, thờ trong Thái Miếu. Đến đời Minh Mạng, tặng chức Thái Sư Hoằng Quốc Công. Ở huyện Phong Lộc (Quảng Bình) có đền thờ Đào Duy Từ gọi là đền Hoằng Quốc Công. Lúc còn hàn vi, để tỏ chí hướng mình muốn đem tài trí giúp chúa Nguyễn và tự ví mình như Gia Cát Lượng bên Tàu khi còn ẩn tại núi Ngọa Long, Đào Duy Từ viết bài "Ngọa Long cương vãn" bằng quốc âm theo thể lục bát. Ngoài ra, ông còn để lại bài "Tư Dung Vãn" cũng làm bằng văn quốc âm theo lối lục bát trường thiên, và một bộ binh thư nhan đề "Hổ trướng khu cơ".

Cao Xuân Dục: ĐNNTC

Quốc Sử Quán: Liệt Truyện

Dương Quảng Hàm: VHSY - Nha học chính Đông Pháp, Hà Nội - 1943.

Tưởng cũng nên viết thêm ra đây là mầm mống phân tranh giữa hai họ Trịnh Nguyễn đời Lê Trung Hưng đã có từ ngày Nguyễn Hoàng vào trấn giữ Thuận Hóa (1558), nhưng mãi tới khi con Nguyễn Hoàng là Nguyễn Phúc Nguyên tổ chức xong việc phòng thủ ở phương Nam, họ Nguyễn mới ra mặt chống nhau thực sự với Trịnh. Để có thể diệt trừ âm mưu chống đối của họ Nguyễn, họ Trịnh bày mưu ép vua Lê sắc phong cho Nguyễn Phúc Nguyên chức Thái Phó, tước Thụy Công lãnh Thuận Quảng Tiết Độ Sứ và sau đó sẽ triệu Nguyên về Thăng Long chuẩn bị đi đánh Mạc (vào khoảng năm 1554 - 1561 đất Thuận Hóa và Quảng Nam do Đô Đốc Lập Quận Công của nhà Mạc trấn thủ. Dinh phủ của Đô Đốc Lập đóng tại huyện Khang Lộc tức Lệ Ninh ngày nay. Việc nhà Mạc khai thác nhân

tài vật lực của hai xứ Thuận Quảng để đánh lại nhà Lê Trung Hưng do Trịnh Kiểm phò tá là mối bận tâm lớn chưa có điều kiện giải quyết. Sự việc Trịnh Kiểm tâu với vua Lê xin phong cho Nguyễn Hoàng làm Thái Úy Đoan Quốc Công trấn thủ xứ Thuận Hóa, hàng năm theo lệ dâng nộp thuế cũng là kế mượn tay họ Mạc giết Hoàng. Nếu Nguyên về thì nhân đó bắt mà giết đi, nếu không về là mắc tội phản nghịch, họ Trịnh có cớ đưa đại binh vào đánh Nguyễn.

Nhận được sắc phong, chúa Nguyễn rất bối rối bèn họp triều thần hỏi mưu kế đối phó với Trịnh. Đào Duy Từ đã dâng kế và được chúa Nguyễn chuẩn y. Từ cho làm một mâm đồng hai đáy, khoảng giữa để sắc thư đã nhận lần trước, trên mâm sắp phẩm vật đem ra Thăng Long tạ ơn họ Trịnh. Lại Văn Khuông được cử làm chánh sứ chuyến này. Để giúp cho Khuông hoàn thành nhiệm vụ, Từ nghĩ sẵn mười điều vấn đáp để dặn sứ giả phòng khi ứng đối.

Đến kinh, Văn Khuông vào yết kiến dâng lễ vật, làm ra vẻ cung kính. Trịnh Tráng hỏi câu gì Văn Khuông đều đáp trôi chảy minh bạch, các bộ hạ nhà chúa ai cũng khâm phục. Chúa hậu đãi Khuông lắm, truyền bảo đến dịch xá nghỉ ngơi. Văn Khuông đi thăm kinh thành chờ xem chúa Trịnh có dạy bảo thêm điều gì nữa không. Khuông bỗng nhớ đến cái cẩm nang của Đào Duy Từ trao cho liền mở ra xem và sau đó cả đoàn tùy tùng với Văn Khuông lẻn trốn về Nam bằng đường thủy. Thấy sứ đoàn Đàng Trong đột ngột trốn về, chúa Trịnh hết sức nghi hoặc. Chúa sai soạn phẩm vật, thấy mâm hai đáy liền cho tách mâm thì thấy tờ sắc trước kèm theo một cánh thiếp, trên có viết bốn hàng chữ đen nét bút già dặn, đẹp đẽ:

Mâu nhi vô dịch
Mịch phi kiến tích
Ái lạc tâm trường
Lực lai tương địch.

Dịch nghĩa:

Cái xà mâu không có mấu
Tìm không thấy dấu
Yêu rơi cả lòng ruột
Sức đến thì đánh

Chúa Trịnh Tráng đọc không hiểu và cả triều thần không hiểu ra sao. Sau Trịnh Tráng phải nhờ đến quan Trạng Phùng Khắc Khoan. Phùng Khắc Khoan đọc xong tờ thiếp trợn mắt nói ngay:

— Đây là kiểu chơi chữ nếu không phải của Đào Duy Từ thì không có ai ở Thuận Quảng có thể làm được như thế này!

Trịnh Tráng nóng ruột giục Phùng giải thích, Phùng cầm tờ thiếp ra trước mặt nói:

— Chữ mâu không có nách tức là cái phẩy thì thành chữ dư (ta); chữ mịch mà không có chữ kiến thì còn chữ bất (không); chữ ái mà rơi mất chữ lòng ruột (tức là chữ tâm) thì còn là chữ thụ (nhận); chữ lực với chữ lai địch nhau thành chữ sắc. Cái thiếp có nghĩa là "Ta không nhận sắc".

Nghe xong Trịnh Tráng biết mình bị lừa đùng đùng nổi cơn thịnh nộ ra lệnh tìm bắt Văn Khuông. Nhưng Văn Khuông may thay đã xa chạy cao bay rồi. Để trừng phạt họ Nguyễn, Trịnh Tráng định đưa đại quân vào đánh Thuận Quảng, không ngờ lúc ấy ở Cao Bằng và Hải Dương có loạn, Trịnh Tráng đành ngậm đắng nuốt cay hủy bỏ cuộc Nam chinh ấy.

Đoàn sứ giả hoàn thành nhiệm vụ và về đến Thuận Hóa an toàn được chúa Nguyễn trọng thưởng, "Mưu sĩ" Đào Duy Từ được thăng chức làm Cai Hạp. Từ đó, họ Nguyễn ở Đàng Trong không chịu sắc phong của triều đình Lê Trịnh nữa. Cuộc nội chiến bắt đầu. ●

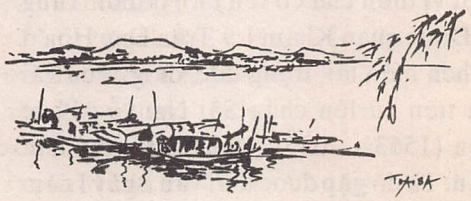

Nam Cát Bửu Hạp

Tết Mậu Thân

Mỗi năm vào dịp hè, nhà Tân lại rộn rịp trong năm sáu tuần lễ liên tiếp vì là mùa làm cau.

Gia đình Tân có một số đất ngoài An Hòa, chừng hơn hai mẫu tây. Đất khô, trồng toàn cau và trồng bưởi mà Huế gọi là Thanh Trà. Cau thật lớn thật thẳng, và bưởi trồng giữa cau cũng xanh tốt và sây trái lắm.

Mùa cau sớm hơn mùa bưởi vài tháng.

Đầu mùa cau, mẹ Tân đã sắp xếp xe chở, người hái và róc, chẻ cau. Cau chở về phải róc, chẻ và phơi ngay.

Tân nhớ nhiều đến chuyện làm cau của gia đình bắt đầu từ năm lên lớp đệ Ngũ tại Khải Định.

Tân nhớ cau được hái xuống và chở về nhà bằng xe bò, mỗi ngày chỉ chở được một chuyến vì đường xa có đến gần mười cây số. Ở nhà Tân thì có dựng lên một mái lợp bằng lá dừa, một nửa thì làm chỗ ăn ngủ cho mấy người đàn bà làm cau, và nửa kia là chỗ làm cau. Cau chở về chất đống ngoài sân, chỗ im mát, và đến ngày hôm sau thì đống đó vừa hết, và cau khác được chở về, và cứ như vậy trong suốt 5, 6 tuần lễ. Cau được róc ra, rồi chẻ làm tư hay làm sáu tùy trái nhỏ lớn, và được xếp vào nhiều cái sề lớn, đường kính có đến ngoài một mét, và được đem phơi ngay giữa sân. Nắng ở Huế thì chai chát, cho nên phơi được ba nắng là cau đủ khô. Phơi cau cũng là một nghệ thuật, quá khô thì mất ký, chưa đủ khô thì cau sẽ bị mốc, hư và lỗ chết. Mẹ Tân rất sành phơi cau, chưa bao giờ bị bạn hàng chê cả.

Bạn làm cau, toàn đàn bà, có đến mười người, và có người đem theo con nhỏ, vì để nhà không ai trông.

Dụng cụ làm cau thì chỉ có một mớ dao thật bén, một số thúng to, nhỏ để đựng vỏ cau, và nhiều sề lớn để phơi. Khi cau đủ khô thì đem vào đổ vào một cái bồ cho rữa nắng, và ngày hôm sau thì cho vào bao chừng 50 ký một.

Những lúc rảnh rỗi, Tân cũng lăng xăng vào giúp mấy người làm cau, đem cau mới ra phơi, đem cau khô vào, hay là khiêng mấy thúng vỏ ra sau vườn đổ vào mấy cái hố làm phân.

Tân cũng nghe nói cau này để xuất cảng, nhưng chưa hiểu xuất cảng là gì cả.

Mỗi năm sau Tết, mẹ Tân gửi thư mời bạn hàng trong Saigon ra để thương lượng giá cả. Hễ ai chịu giá rồi thì phải đặt cọc chừng hai mươi phần trăm và hẹn đến đầu tháng bảy sẽ giao hàng. Nghe nói cau này được gửi đi Hồng Kông hay Tân Gia Ba

cho người Tàu cũng ăn với trầu như người Việt vậy.

Năm Tân lên đệ Ngũ, được 14 tuổi, thì trong đám làm cau có bà đem theo một bé gái chừng 9, 10 tuổi, tên là Phượng. Phượng cũng giúp mẹ đắc lực lắm, và cũng ở cho đến hết mùa cau mới về. Phượng rất vui vẻ, nhanh nhẹn và liếng thoắng. Hễ thấy Tân là chạy lại để nghe Tân kể cho nghe những câu chuyện đang đọc, hay là kể cho nghe những chuyện vui buồn trong lớp học trong năm, Phượng mới lên lớp Nhì trường Tiểu học Nam Phổ.

Mỗi buổi chiều Tân ra sông Đông Ba lội thì Phượng cũng đi theo và Phượng lội rất giỏi.

Tân nhớ dạo đó Tân mới lớn chưa hiểu rõ yêu thương là gì, còn Phượng thì còn bé tí ti, mỗi đêm còn được mẹ ấp cho ngủ kỹ. Tân nhìn Phượng như là đứa em gái mến thương, thế thôi.

*

Thế rồi mùa hè này qua, mùa hè khác lại, chẳng bao lâu Tân đã đỗ Tú Tài II và sửa soạn vào Nam tiếp tục Đại học. Còn Phượng thì lên đệ Tứ ở Đồng Khánh. Phượng đã trở nên một cô gái Huế xinh xắn nõn nà. Phượng đã biết e lệ, biết thẹn thùng, không còn cái tính tự nhiên tinh nghịch của những năm 9, 10 tuổi nữa. Nhưng Phượng vẫn còn cái tính vui đùa, nhanh nhẹn và tháo vát.

Thế rồi mùa hè năm đó mùa cau cũng sắp chấm dứt và hai đứa trẻ cũng sắp phải vĩnh biệt. Nhìn đôi mắt Phượng, những ngày sắp sửa xa Tân, mẹ nàng cũng đoán được những cái nhìn mênh mông, luyến tiếc, hay mấy cái thở dài buồn rười rượi một mình của một cô con gái mới lên 16, mới biết rạo rực.

Trước ngày giã biệt nhau mẹ Phượng cho phép hai đứa đi chơi cả một buổi chiều, tha hồ mà nói chuyện và tán dóc. Tân và Phượng đạp xe đi khắp thành phố, từ Hồ Tịnh Tâm trong Thành Nội, ra Phú Văn Lâu rồi bến Thương Bạc. Nghỉ mệt thì lại kiếm quà bánh ăn, mía, thơm, đậu hũ... Tân đưa Phượng qua thăm trường Khải Định, lên Nam Giao, xuống Phủ Cam, Bến Ngự, mãi đến tối mới về. Đó là những kỷ niệm chẳng bao giờ quên được.

Rồi hai đứa đã chia tay thật buồn và thật nhớ, và hứa sẽ không bao giờ quên nhau.

*

Tết Mậu Thân...

Cuộc chiến đã diễn ra hơn tuần lễ rồi. Bọn giặc cộng từ phía núi đổ xuống đã đánh úp quân ta, những đơn vị nhỏ đang trấn giữ thành phố Huế, trong khi những đại đơn vị thì lại đóng cách xa Huế ở miệt Phong Điền, Quảng Trị là tuyến đầu ngăn chặn địch băng qua Vĩ tuyến 17.

Sau chỉ hai ngày bọn VC đã chiếm gần hết phía hữu ngạn, xóm Tây. Phía tả ngạn chúng chiếm khu vực Gia Hội xuống đến Chùa Bà. Trong khi đó bọn đặc công VC đi theo lính chiến đã đi lùng bắt thường dân, toàn đàn ông, không cần biết gốc gác nghề nghiệp gì cả. Chúng tập trung những người này lại ở các trường học. Khi đầu chúng bắt những trai tráng có nhiều sức khỏe khuân vác lương thực và chiến lợi phẩm chúng cướp được đưa lên phía núi để chúng chở ra Bắc.

Nhưng cuộc chiến đã có chiều thay đổi. Quân Quốc gia bắt đầu phản công. Từ phía Bắc những đơn vị của Sư đoàn I đã đánh vào Thành Nội từ phía An Hòa, trong khi những đơn vị nhỏ từ trong đồn Mang Cá đã tiến chiếm các khu vực chung quanh xuống miệt Bao Vinh. Thủy Quân Lục Chiến Mỹ cũng đổ quân lên trước trường Sư phạm và khu bệnh viện Huế, và một số chiến xa cũng được đổ xuống phía trước Cột Cờ.

Biết rằng không hy vọng giữ được Huế, bọn VC ra lệnh rút lui và chỉ thị cho bọn đặc công phải thanh toán hết số đàn ông chúng đang giam giữ. Chỉ trong chừng tuần lễ chúng đã bắt đám người này phải đào cho chúng hàng mấy chục hầm thật lớn, chúng giết họ một cách thô sơ đến đỗi, qua một trận mưa, nước xái đất để lòi ra chân tay của nhiều nạn nhân. Nhiều năm sau Tết Mậu Thân và cho đến ngày nay, rất nhiều người hiếu kỳ cố đi

tìm sự thật là những ai đã ra lệnh tàn sát dân Huế vô tội này, nhưng vẫn chưa tìm ra sự thật. Thảm trạng này, có đến ngoài năm ngàn nạn nhân đếm được xác, không gia đình nào ở Huế mà không bị tang tóc. Khi nào mới biết được đích danh những tội phạm có thể sánh với những tên lẫy lừng nhất trong lịch sử nhân loại. Và dân Huế hiền hòa như bao giờ, tại sao lại bị tàn sát, triệt hạ tàn nhẫn đến như vậy?

Từ mặt Nam nhiều toán quân từ Đà Nẵng đang di chuyển qua đèo Hải Vân và đang kịch chiến dữ dội tại nút chận này. Muốn giải phóng nhanh Huế Quân đoàn I quyết định đổ 4 Tiểu đoàn quân thiện chiến nhất của ta. 2 Tiểu đoàn quân Dù và 2 Tiểu đoàn quân Biệt kích xuống phi trường Phú Bài. Lệnh ban ra là 2 Đại đội Địa phương quân ở Da Lê và phía Nam phi trường phải quét sạch mấy toán quân VC đang ẩn núp quanh phi trường. Vì khó ẩn tránh cho nên chỉ có mấy ổ đại liên chúng đặt ở hai đầu phi đạo mà thôi, cho nên trong khi hai Đại đội quân ta cầm chân địch thì trực thăng đã nhả đạn lên đầu chúng làm im bặt tiếng súng của mấy cây đại liên này, từng đợt C123 đã đổ quân xối xả xuống Phú Bài.

Ba Tiểu đoàn tiến ra Huế đánh vào 3 khu vực, An Cựu, Bến Ngự và Phủ Cam. Một tiểu đoàn thì tiến về hướng Nam phụ với cánh quân từ Đà Nẵng ra dứt điểm nút chặn ở đèo Hải Vân.

Hai mươi bốn giờ sau, quân và chiến xa từ Đà Nẵng đã bắt đầu tiến ra Huế.

Tại An Cựu, bọn giặc đã dựng lên nhiều pháo đài bằng bao cát, để chống giữ cho nên quân ta phải chờ chiến xa từ Đà Nẵng ra mới qua được cầu. Phía Bến Ngự và Phủ Cam thì quân địch tháo chạy tán loạn. Quân ta tiến lên Nam Giao chặn đường rút quân của chúng và tiến lên phía nhà Ga Huế, hiệp lực với Thủy Quân Lục Chiến Mỹ đánh bật chúng lên hướng núi. Khi nút chặn ở An Cựu đã thông rồi, với thêm 2 tiểu đoàn quân tăng viện từ Đà Nẵng quân ta đã hoàn toàn kiểm soát phía hữu ngạn sông Hương, xóm Tây, và đang chĩa mũi dùi ra hướng Bắc và Đông của Huế. Một cánh quân tiến về phía Vĩ Dạ, Nam Phổ, và không gặp một kháng cự nào, cánh thứ hai băng qua sông chiếm lại khu vực Gia Hội xuống Chùa Bà, và cánh thứ ba băng qua cầu Bạch Hổ, Giả Viên chiếm lại khu Kim Long, bắt tay với cánh quân từ Phong Điền, Quảng Trị vào.

Điểm cuối cùng là Cột Cờ. Bọn VC còn bám ở đó vì không kiếm được đường thối. Sau 2 ngày kịch chiến và phi cơ đã dội rất nhiều bom lên đầu chúng, nhưng Thành Nội Huế đã quá kiên cố, cho nên chúng vẫn còn núp trong nhiều hầm nhỏ ở dưới và chung quanh Cột Cờ. Vị chỉ huy mặt trận này quyết định mở đường máu cho chúng thoát ra khỏi nơi này rồi sẽ bắt chúng hết ở cách xa hơn, vì quân ta đã kiểm soát hoàn toàn mặt trận, tránh phí phạm bom đạn và làm đổ nát thêm cố đô.

Quyết định này đã giúp quân ta bắt sống hết những tên còn sống sót của Đại đội chiếm giữ điểm Cột Cờ mà giặc cho là quan trọng nhất. Trên trăm tên ở đây, chỉ còn 12 tên sống sót và quân ta bắt được, đói khát thê thảm.

Trong khi tái chiếm Huế, một bệnh viện dã chiến đã được thiết lập tại phi trường Phú Bài, với nhiều bác sĩ và y tá với đầy đủ dụng cụ thuốc thang. Tất cả thương binh đều được tải về đó. Đêm thứ ba làm việc tại đây, thình lình một quả mọt-chê rơi ngay vào khu vực nhà ăn và nhà ngủ, một bác sĩ trẻ và hai người khác đã bị thương. Vị bác sĩ này tên Tân vừa được huy động từ Bệnh viện Cộng Hòa đưa ra đây tiếp tay với số đồng nghiệp khác. Tân bị mảnh đạn vào bụng và vào đùi, mất máu rất nhiều.

Mặc dù bệnh tình rất nặng trường hợp của bệnh nhân Tân cũng phải chờ 24 tiếng mới được giải phẫu. Người y tá được chỉ định trông nom Tân là Phượng, một sinh viên năm thứ nhất trường Y Khoa Huế đã tình nguyện làm trợ tá tại đây. Vì Tân lúc tỉnh lúc mê, cho nên Phượng không có dịp hỏi han nói chuyện nhiều với chàng. Tuy nhiên khi thay băng ở bụng,

Phượng thấy Tân có một nút ruồi thật to, mà Phượng nghĩ rằng chỉ có Tân người bạn 5, 6 năm trước của nàng mới có. Hồi trẻ khi đi bơi lội với nhau Phượng hay trêu Tân ở cái nút ruồi to tướng này.

Khi biết đích rằng con bệnh mà Phượng đang chăm sóc là Tân, Phượng quá mừng rỡ, nhưng vẫn chưa cho Tân hay mình là ai và trong thâm tâm Phượng cầu mong cho Tân chóng khỏi, và rồi sẽ nói chuyện này sau thì cũng chưa muộn gì.

Mỗi lần Tân tỉnh dậy vẫn thấy người y tá này ngồi ở chân giường, vui vẻ và âu yếm hỏi han sức khỏe. Tân cũng ngờ ngợ làm như có quen người y tá này ở đâu? Nhưng khi được biết rằng đây là Phượng, Tân quá ư mừng rỡ, sắc mặt chàng đổi hẳn, mặc dù vết thương nặng ở bụng đang làm chàng đau đớn vô cùng.

Vị bác sĩ trưởng nghĩ rằng nên đưa Tân vào Đà Nẵng hay vào Sàigòn giải phẫu thì an toàn hơn. Một giờ sau đó, trực thăng đã chở Tân và một số bệnh nhân khác vào Đà Nẵng. Phượng xin đi theo nhưng không còn chỗ. Vị Thiếu tá phi đoàn trưởng hứa sẽ đến đón Phượng vào chuyến tới, và bảo Phượng cứ chờ tại đây.

Chỉ hơn nửa giờ sau một trực thăng của Thủy Quân Lục Chiến Mỹ đã đến đón Phượng theo lời yêu cầu của vị Thiếu tá này.

Phượng đến Đà Nẵng mấy phút trước giờ Tân lên bàn mổ. Ngoài hành lang Phượng nhận ra bà mẹ Tân đang đứng chờ ở đó. Trông thấy Phượng bà nhận không ra, và sau khi nghe Phượng kể lại cho nghe những giờ phút Tân bị pháo kích và nàng được chỉ định săn sóc, bà lấy làm cảm ơn Phượng rất nhiều.

Bà nói với Phượng: Trước giờ nó lên bàn mổ, trong cơn mê sảng nó có nhắc đến tên Phượng mà bác không nghĩ ra là ai?

Bốn giờ giải phẫu thật là lâu.

Hai người nói không biết bao nhiêu là chuyện, nhưng cả hai chỉ để tâm đến bệnh tình của Tân mà thôi. Phượng chỉ nguyện cầu cho chàng thoát khỏi hiểm nguy, còn mẹ Tân thì đôi khi ứa nước mắt trong khi lẩm bẩm niệm Phật, tránh né không cho Phượng nhìn thấy.

Trong khi hai người đang lim rim ngủ thì một bác sĩ trẻ, bước ra khỏi phòng mổ và tiến gần đến 2 người nói: Thưa bác, cuộc giải phẫu thành công, chừng 2 tiếng nữa thì Tân sẽ tỉnh. Tân sẽ còn phải nằm ở phòng cấp cứu cho đến ngày mai, tuy nhiên bác và cô đây có thể vào thăm được nhưng đừng hỏi han nói chuyện gì nhiều.

Mẹ Tân và Phượng ôm choàng lấy nhau vừa khóc

HỒI TƯỞNG

Bolsa xứ lạnh nhớ Quê Hương,
Cảnh đẹp đâu bằng Huế mến thương,
Núi Ngự, sông Hương tình quyến luyến,
Nắng về phượng nở đỏ sân trường.

Chia tay tan học mùa thi tới,
Khải Định buồn vui lẫn vấn vương,
Thiếu bóng cô em Đồng Khánh nhỏ,
Nép trông, ngóng đợi đứng bên đường.

Ve sầu cất tiếng lòng xao xuyến,
Cảnh cũ người yêu lắm đoạn trường,
Thắm thiết tình nồng đâu còn nữa,
Mến thương, mãi nhớ, nhớ hai trường.

Trường anh còn đó, em còn đó,
Biết ngỏ cùng ai để tỏ tường.

Lê Đức Phú

vừa mừng vui không còn biết nói gì hơn nữa cả.

Mổ được 5 ngày thì Tân đã khỏe hẳn, đã tập đi chung quanh phòng và được ăn tí súp, uống tí sữa và nước cam tươi.

Tân được lệnh sẽ di chuyển vào Sàigòn để tịnh dưỡng cho đến khi lành hẳn. Nhưng Tân đã xin ở lại Đà Nẵng thêm 10 ngày nữa, cốt được gần Phượng.

Mấy ngày vui vẻ gần nhau, Phượng đã dìu Tân đi viếng một vài thắng cảnh của Đà Nẵng, nhờ cái xe Jeep của vị bác sĩ trưởng của bệnh viện. Hai người đã viếng Tiên Chà, bãi bể Bồng Lai, viện Bảo tàng Chàm, v.v...

Tuy chưa nói ra hai người đã thương nhau ngấm ngầm, nhưng ngày chia tay cũng phải tới. Phượng phải trở ra Huế để tiếp tục học, và Tân thì nằm chờ ngày trở vào Sàigòn.

Một điều lạ là Tân rất chóng bình phục trước sự ngạc nhiên của mọi người, và chỉ riêng Tân mới hiểu mình mà thôi. Phượng đã là một kích thích tố giúp Tân yêu đời hơn, can đảm hơn, quyết sống hơn, và đó là liều thuốc quý hơn là thuốc nào khác cả. Đêm đó, trước ngày chia tay, mẹ Tân đã mua nhiều thức ăn để cùng ăn với Phượng tại trong phòng của Tân, trong khi Tân nhìn đắm đuối nàng. Và mẹ Tân cũng thầm mong làm sao cho hai đứa được nên vợ nên chồng.

Sáng hôm sau Phượng giã từ hai mẹ con Tân. Tân nắm chặt lấy tay Phượng, không muốn rứt, còn Phượng thì cúi mình xuống để hôn nhẹ Tân ở má, rồi quay lại đi nhanh ra cửa, không để cho Tân thấy nước mắt đầm đìa ướt cả đôi má của nàng.

Mẹ Tân đứng ở cửa thấy Phượng chạy nhanh ra thì gọi với lại để chào nàng, nhưng Phượng đã nhanh chân chạy thật mau ra cửa bệnh viện.

Phượng trở ra Huế trong sự đổ nát hoang tàn của thành phố mà quân giặc đến với chỉ một mục đích là giết chóc và đốt phá. Trong khu cư xá sinh viên lần lượt đã có một số trở về, nhưng cũng còn vắng hoe. Lớp học thì lớp có lớp chưa, vì còn thiếu nhiều giáo sư, nhất là giáo sư ngoại quốc. Số giáo sư Đức đã bị bắt đi hầu hết, còn giáo sư Mỹ thì chưa thấy ai trở về.

Đối với Phượng, trong sự thiếu vắng hình bóng của một người, Phượng thấy đời không còn thi vị gì nữa cả. Ngày ngày Phượng tự thấy nàng như cái máy không hồn, thức dậy, đánh răng, rửa mặt, rồi thay áo quần, rồi ăn sáng, rồi đến lớp học, trong khi tâm hồn để ở đâu, tinh thần rã rượi, quên trước quên sau, chẳng làm được việc gì ra hồn. Một vài đứa bạn thân cũng để ý thấy, nhưng phần lớn những ai đã sống qua cái trận giặc Tết Mậu Thân ở Huế đều tưởng rằng nhiều đứa mất trí như vậy trong nhiều tháng nhiều năm là thường.

Phượng cố gắng quên Tân đi, như nàng đã quên Tân thật sự sau vài năm xa cách lần trước. Nhưng lần này thì khác lạ, là tình yêu của nàng với Tân như đã được gợi dậy, chứ không phải mới tới, và nó thấm thía, nó sâu đậm, nó thiết tha thế nào? Lại thêm những ngày chăm sóc Tân và những giờ phút cầu nguyện cho chàng chóng khỏi cũng là một chất men kỳ lạ gây thêm mãnh liệt cho tình thương.

Trước đây nhiều khi an ủi các con, mẹ Phượng thường hay nói rằng đàn ông Huế trọng mảnh bằng hơn gì cả, và thường chờ cho đến khi thành đạt mới trở về tìm lại người xưa, và lắm khi cũng đã muộn. Người bạn cũ năm nào đã sang sông.

Lần này Phượng thưa chuyện với mẹ và bà cũng nhớ đến cậu Tân dễ thương, năm nào.

Đã gần hai tuần lễ sau khi ở Đà Nẵng về, Phượng vẫn còn sững sờ nhớ thương Tân, và không làm sao xóa được ý nghĩ đó. Đôi khi nàng tự trách nàng sao lại còn đóng kịch với chính mình? Tại sao không nói ngay với Tân là mình yêu Tân vì Phượng biết Tân rất mê man yêu thương Phượng. Phượng nghe mẹ Tân kể rằng ngay lúc nằm trên giường mổ Tân vẫn ú ớ tên Phượng mà. Con gái Huế có cái kín đáo đó, u mê thật. Nhưng làm sao bây giờ?

Phượng đã lên 22, còn Tân thì 26 tuổi, đâu còn nhỏ dại gì nữa.

Phượng đứng thẳng người dậy, đi tới đi lui trong phòng

một mình và nhất quyết phải trở vào Đà Nẵng thăm lại Tân trước khi chàng trở về Sàigòn.

Chiều hôm đó, thứ Sáu, nàng đi mua vé xe đò để sáng ngày mai đi. Tối lại nàng bỏ ít hành lý nhẹ vào xách tay và đi ngủ sớm mong cho trời mau sáng. Phượng nhẹ nhõm người ra, vui sướng nghĩ đến ngày mai và lần này nàng nhất định phải nói thẳng với Tân tâm sự của nàng: Phượng không còn dấu được nữa.

Rồi nàng thiếp ngủ tự lúc nào.

Thình lình Phượng nghe tiếng xe Jeep từ ngoài vào, nàng nhảy xổm người dậy chạy ra cửa sổ nhìn. Thì ra mẹ Tân và Tân từ xe bước xuống, đang ngơ ngác nhìn chưa biết đi về hướng nào?

Phượng quá ư mừng rỡ, reo lớn lên, anh Tân, anh Tân, rồi thưa bác (mẹ Tân).

Khi Phượng đến gần, mẹ Tân bảo:

Trước khi về Sàigòn, Tân nó đòi ra thăm con trước đã. Nó bảo nó có chuyện rất quan trọng muốn bàn với con.

Phượng thưa: Để con dìu anh Tân vào phòng khách của học xá ngồi và pha trà cho bác xơi, trước đã.

Khi ngồi xuống rồi mẹ Tân chỉ vào Tân nói: Nói gì thì nói đi. Con Phượng ngồi đây, khỏi pha trà làm gì.

Tân bảo Phượng ngồi lại gần, cầm lấy tay Phượng thật chặt và nói: Khi anh bị nạn, thập tử nhất sinh, nhờ thuốc thang tốt, nhờ bác sĩ giỏi mà sống, tuy nhiên anh đã nhờ em rất nhiều.

Anh đã ngu dại là đã quen biết em từ nhiều năm trước mà dửng dưng tình cảm cho đến bây giờ. Lần này anh sẽ không bỏ được dịp may hiếm có và hi hữu nhất trong đời anh.

Không để Tân nói tiếp, Phượng nhìn Tân nói:

Em đã quên anh vài năm sau ngày anh vào Nam học, em cũng nhớ thương và đau khổ, nhưng dạo đó còn bé lo học, rồi cố quên đi và đã quên.

Nay thì em lớn già hơn dạo ấy đến 6 tuổi, em thấy rằng em cần 4 năm nữa để ra trường, 4 năm dài lắm, làm sao tiếp tục học trong sự nhớ nhung đau khổ này? Vì vậy em đang cố quên anh đi một lần nữa. Phượng tự nghĩ tại sao mình lại cứ tìm cách dối mình hoài vậy? Nghĩ đến đó Phượng lại rưng rưng nước mắt, lấy tay che mặt lại.

Tân đỡ lời: Phượng ơi, nếu em bằng lòng, anh sẽ ra đây làm việc ở chờ em. Và bất kỳ ngày giờ nào em muốn thì mẹ anh sẽ ra xin cưới em cho anh.

Phượng ngẩng đầu lên bất ngờ, hỏi: Anh quyết định ra Huế ở gần em sao?

Tân: Trước khi trở ra đây thăm em, anh đã điện thoại vào Sàigòn hỏi ý kiến xếp của anh, và ông ta sẵn sàng giúp anh được phục vụ tại Huế ở Sư đoàn I BB. Chán người muốn thuyên chuyển vào Nam thay anh.

Phượng nghe Tân nói lấy làm cảm động.

Vì Huế còn thiếu phương tiện tịnh dưỡng nên Tân lại phải trở vào Đà Nẵng chờ lệnh thượng cấp.

Cứ chiều thứ bảy mỗi tuần, Phượng lại vào thăm mang theo một vài món quà Huế cho Tân, nhất là đồ ăn ngon mà Tân đã bắt đầu dùng được.

Trong dịp Tết Mậu Thân, gia đình Phượng đã tản cư ra phía Vân Thê, Cầu Ngói, khi về được nghe tin hai đứa Tân Phượng tìm đến với nhau, mẹ Phượng và ai nấy đều bằng lòng vui vẻ.

Tháng sau ngày gặp gỡ này Tân được thuyên chuyển ra Huế, và hai người đã được ở gần nhau cho đến cuối năm thứ III thì Phượng và Tân cưới nhau.

Rồi hai người đã tìm được tình thương chân thật, hạnh phúc bền vững, họ yêu nhau đậm đà và họ cũng thương Huế đậm đà nhiều hơn ai cả.

Xuân Cali 1996.

Nam Cát Bửu Hạp

HUẾ: niềm nhớ không phai

Kim Hà

Suốt bao năm dài lưu lạc ở Sàigòn rồi lưu vong nơi quê người, tôi đã trăn trở, khắc khoải nhớ thương Huế, nơi tôi sống những ngày bình yên và thanh thản. Hình ảnh Huế đẹp thơ đã hiện về thường xuyên như một nhắc nhở trong tâm tưởng, trí nhớ, giấc ngủ và cơn mơ của đời sống tôi.

Ba mươi năm qua, tôi quay cuồng theo cơn lốc của định mệnh, sống khóc cười theo vận mệnh của tổ quốc, tìm sống vất vả nơi xứ lạ. Tôi đã nhớ, quên rất nhiều điều, nhưng trong góc sâu thẳm của trái tim tôi, Huế vẫn mãi mãi là một vùng thánh địa thiêng liêng, bất khả xâm phạm để cho tôi là một kẻ hành hương phải quay trở lại để được hít thở lại bầu không khí trong sạch, ngắm nhìn di tích cũ, lần bước trên con đường tình tự, tắm gội vẫy vùng thỏa thích trong giòng sông Hương lặng lờ trong mát.

Kỷ niệm ngày xưa như một vùng hào quang rực sáng được thần thánh hóa và tô đậm màu bởi trí tưởng tượng, được huyền thoại hóa bởi tình cảm nhớ nhung chất ngất. Kỷ niệm về tuổi trẻ vô tư, người tình đầu đời, bạn bè thân ái, những chốn hò hẹn rong chơi, ngôi nhà cũ, mái trường xưa, những con đường đầy bóng mát từng chứng kiến cảnh gặp gỡ yêu thương... Tất cả như những cuốn phim được quay lại từng đoạn, làm cho tôi bứt rứt nhớ thương hoài.

Mâu thuẫn thay, chính vì hoài vọng thiên đường của tâm tưởng nên tôi lại càng ngần ngại trở về thăm Huế. Tôi sợ thấy Huế chuyển mình đổi mới theo trào lưu của thời cuộc và nếp sống mới, sợ sẽ vỡ mộng nếu về lại mà không còn đứa bạn thân nào nữa. Sợ những đổ vỡ trong tâm tưởng và giấc mộng dài của mình sẽ đổ vỡ nát, sẽ trần trụi vô duyên.

Tuy vậy, tôi cũng đã quyết định trở về thăm Huế bởi một lẽ, lần này, nếu không thăm Huế, tôi cảm thấy mình như mang một món nợ tinh thần với chính mình. Để rồi sau đó, mình sẽ phải trở về quê hương lần nữa hay nhiều lần nữa để thực hiện ước mơ về thăm Huế.

Thay vì đi máy bay, vợ chồng tôi đi xe lửa tốc hành từ Sàigòn ra Huế. Xa cách quê hương cả nửa vòng trái đất và mười sáu năm dài, nay lại được đi dọc theo bờ biển dài của đất nước, tôi sung sướng nhìn ngắm phong cảnh đẹp của quê mẹ: biển rộng mênh mông xanh biếc, núi đồi ngút ngàn trùng điệp, nương vườn um tùm màu xanh, ruộng đồng bát ngát màu rạ xanh trông như những thảm nhung êm ái, trời mây bao la lộng gió.

Trong lộ trình dài hai mươi sáu tiếng đồng hồ, tôi đã bùi ngùi xúc động khi nhìn thấy làn khói bốc lên từ những mái tranh nghèo, những trẻ mục đồng nhàn rỗi ngồi trên lưng trâu, người nông phu kéo cày vất vả, những đứa trẻ lem luốc đứng ngắm chiếc tàu lửa chạy qua. Đâu đâu, tôi cũng thấy gần gũi với mình. Quê nghèo xứ mẹ vẫn làm tôi xao xuyến luyến lưu.

Khi tàu lửa dừng lại ở ga Đà Nẵng, tôi ngập ngừng nói với chồng tôi:

— Anh à, hay mình xuống ga Đà Nẵng đi. Đừng ra Huế nữa nghe!

Chồng tôi mở tròn mắt, ngạc nhiên hỏi:

— Em nói gì đó? Không ra Huế nữa à? Khi ở California, em cứ nằng nặc đòi về Huế. Nay gần đến nơi em lại đổi ý. Tại sao vậy? Em điên thật!

— Chẳng phải em điên mà là sợ vỡ mộng vàng. Lỡ chẳng còn người cũ cảnh xưa, chắc em thất vọng lắm!

Chồng tôi bèn trấn an:

— Này em, em hãy chuẩn bị tinh thần để chấp nhận những thay đổi và đổ vỡ trong hồn. Phải có nhiều ơn phước lắm nên mình còn được an lành về thăm quê cũ. Biết đâu các bạn trông tin em và mừng rỡ đón em về. Em sẽ nuối tiếc nếu bỏ lỡ cơ may trở lại này.

Được chồng củng cố tinh thần, tôi bèn yên lòng nhìn mông lung qua cửa sổ, thả hồn chìm vào giấc mộng xưa. Thế rồi, chúng tôi xuống ga Huế vào buổi trưa mùa hạ nắng gắt. Con đường Lê Lợi, cũng còn là con đường tình muôn thuở vẫn xanh ngắt một màu. Chêm vào là những cánh phượng đỏ rực rỡ khoe sắc thắm, nhưng tiếng ve sầu không còn nữa.

Tôi xúc động nghẹn ngào lẩm bẩm: "Huế ơi, ta đã về rồi đây, ba mươi năm sao nhanh quá!"

Hình như trời Huế cảm động trước tâm tình của đứa con tha phương trở về quê mẹ, nên chỉ một giờ sau, trời đổ mưa suốt buổi chiều hôm ấy.

Tôi mỉm cười nói với chồng:

— Đấy anh thấy không? Huế thương em nên cảm động khóc đó. Huế đang ban ơn phước cho chúng mình đó!

Chồng tôi mỉm cười một cách tinh quái nhưng không nói một lời.

Thuê khách sạn và tắm rửa xong, chúng tôi thuê xe đạp đi lang thang như ngày cũ. Mua áo mưa, ăn bún bò trong quán ăn đường Lý Thường Kiệt, ghé quán cà phê nghe nhạc tránh mưa, ghé chợ An Cựu mua bánh nậm bột lọc của bà Móm, qua Gia Hội, vào Thành nội tìm nhà bạn cũ. Sau bao nhiêu khó khăn, tôi tìm lại được gia đình hai cô bạn thân. Còn các bạn tôi thì phiêu bạt khắp nơi: đứa chết, đứa ra nước ngoài, đứa vào Sàigòn, Đà Nẵng, Ban Mê Thuột..., đứa bặt tin.

Tìm tới Tỳ Bà Trang trong Thành nội, nay đã trở thành quán cà phê, còn chàng thì mất dấu bụi hồng. Tìm về ngôi nhà ấu thơ ở vùng Nam Phổ, nhà đã trở thành một nhà máy chế rượu bia Tiger. Tìm về ngôi nhà cũ ở đường Duy Tân, nhà đã được xây lại, chẳng còn một dấu vết xưa. Tôi lặng người đau xót, lòng nghe quặn đau, một phần đời của tôi đã mất, một phần hồn đã rã rời tả tơi. Huế còn đó nhưng các quán cà phê và khách sạn mọc lên như nấm. Huế còn đó nhưng người thương của tôi chẳng còn lại ai.

Trong cơn mê man của mộng tưởng, tôi lần về đứng ngay trước cửa trường cũ. Đồng Khánh của tôi đã thay tên đổi họ để trở thành trường Hai Bà Trưng. Ngày xưa, trường tôi chỉ có hình ảnh những thiếu nữ mặc quần áo dài trắng, tóc thề buông xõa ngang lưng, đội nón bài thơ quai nhung đen, đi đôi guốc mộc, cùng nhau nhởn nhơ đi về trong gió chiều tung bay. Hình ảnh ấy nay được thay bằng những cô cậu học sinh mặc quần xanh áo sơ mi trắng, đạp xe đứng lổn ngổn trước sân trường.

Ngỡ ngàng trước sự thay đổi, tôi nghe lòng mình mất mát, cứ thế, tôi lần sâu vào trong sân trường mà nghe lòng lạc lõng bơ vơ. Trường tôi vẫn đẹp như ngày nào nhưng người xưa đã trôi giạt phương nào? Trường vẫn sơn màu hồng tím, cây phượng vẫn khoe sắc đỏ, nhưng sao lòng tôi ủ dột. Các cô cậu học sinh chăm chú nhìn người khách lạ. Tôi cũng đưa mắt thờ ơ nhìn lại họ. Tôi ngậm ngùi soi bóng mình để tìm lại hình bóng một cô bé ngây thơ áo trắng, hiền lành dịu dàng như một nữ tu, nhưng thực tế bây giờ tôi đã già, mái tóc đã điểm sương. Trời ơi, mình đã đổi thay quá nhiều, từ tâm linh đến thể xác, thì còn mong gì sự dừng lại của bánh xe thời gian nữa?

Tôi còn lại gì ngoài hào quang chói lọi của kỷ niệm?

Chồng tôi như kính trọng những giây phút thiêng liêng thinh lặng giữa tôi và trường cũ nên chẳng nói một lời. Sau cùng anh đề nghị chụp hình tôi với trường cũ. Có còn gì ngoài kỷ niệm vàng son của tuổi thơ hoa mộng. Tôi nghe đâu đây tiếng nói cười của mình và bạn bè, Huế của thập niên 1960 nay đã hết thật rồi. Vĩnh biệt tuổi trẻ, bạn bè, thầy giáo.

Sáng hôm sau, cùng với gia đình Đào, cô bạn cũ đã theo chồng đi Mỹ, nhưng gia đình còn ở lại, chúng tôi thuê thuyền đi chơi trên sông Hương. Giòng sông vẫn lặng lờ trôi. Tôi nghe lòng lâng lâng một niềm xúc cảm lẫn lộn: Nỗi mừng hội ngộ và mối sầu vạn cổ. Tôi vẫn có thói quen thò tay vọc nước sông. Cảnh vật Huế dọc theo sông Hương vẫn đẹp như xưa. Chúng tôi ghé thăm chùa Thiên Mụ, điện Hòn Chén mà tưởng như đi trong cơn mộng du.

Ba mươi năm trước có một bầy thiếu nữ áo trắng thuê thuyền đi chơi. Họ cười nói ríu rít, tiếng nói cười vang vọng trên sông. Tình bạn thân ái biết bao. Nay một trong những người ấy trở về, đi thuyền trên cùng một giòng sông mà hồn lãng đãng phương nao, bạn ơi, bao giờ mình còn tìm lại được nhau?

Gia đình Đào đón tiếp tôi như một người con trong gia đình. Mẹ Đào vẫn tươi cười như ngày xưa dù cơn biến động của Tết Mậu Thân đã phá hủy hoàn toàn ngôi nhà mới xây mất năm trăm lạng vàng, dù cuộc đổi đời năm 1975 đã làm bà sạt nghiệp, dù con bà đứa còn, đứa mất, đứa lưu lạc quê người.

Mẹ Đào và Thanh Thảo, em gái Đào đã chuẩn bị bữa ăn trưa một cách chu đáo, nào cơm nắm, xôi đậu xanh, đậu phụng muối mè, tôm rang thịt, tôm chấy, bánh ú, trái cây, nước ngọt... để cả nhà cùng ăn trưa trên thuyền.

Chúng tôi vừa ngắm cảnh, vừa nói chuyện. Bữa cơm chan đầy tình nghĩa nên ngon vô cùng. Cả đời tôi, tôi chưa được ăn bữa cơm nào ngon như thế. Chồng tôi cũng có chung nhận xét như tôi. Tôi cảm động cảm ơn bà, nhưng lời nói chỉ vô nghĩa khi sự cảm thông đã làm chúng tôi đến gần nhau. Lòng mẹ hiền bao la như giòng sông Hương. Tình mẹ hiền làm cho đứa con xa nhà cảm kích xao xuyến.

Khi thuyền ghé đến ngã ba chợ Tuần, mẹ Đào lên chợ mua một trái mít chín thì gia đình Thảo và chúng tôi đua nhau nhảy xuống tắm sông. Nước vừa trong lại vừa đủ cạn để ta có thể bơi lội nhởn nhơ. Tôi có cảm tưởng mình đang được tắm trong giòng sông thiêng, y như người Ấn Độ ở mọi nơi trở về tắm gội trong giòng Hằng Hà để xin ơn phước. Hình như tôi đang được nhận lãnh ân sủng của đất trời, của hồn thiêng sông núi. Tôi đang được hưởng thụ những ân phước của giòng sông thánh để gội bỏ những ưu phiền đau đớn của kiếp người. Núi Kim Phụng như mỉm cười nhìn chúng tôi lặn ngụp đùa giỡn như trẻ thơ. Hồn quê hương phảng phất đâu đây như đón chào đứa con đi xa trở về:

Dừng chân đứng lại: trời non nước
Một mảnh tình riêng, ta với ta.

Chuyến đi chơi thuyền trên sông Hương đã để lại dấu ấn sâu đậm trong hồn tôi, để tôi có dịp so sánh với hai cuộc đi chơi trên sông nước Sàigòn và California sau này.

Cách đó không lâu, tôi có dịp đi chơi trên một du thuyền lớn ngay bến Bạch Đằng, Sàigòn. Tàu rời bến vào ban đêm, đèn xanh đỏ nhấp nháy. Trên tàu, người ta ăn uống tưng bừng. Nhạc nhảy đầm ồn ào. Những người khách ngoại quốc lên hát nhạc Tàu, nhạc Mỹ rồi cao hứng nhảy múa. Họ quay cuồng say sưa ôm ấp những cô gái Việt nhỏ đáng tuổi con gái họ. Những người khách khác thì ăn uống nhồm nhoàm, gấu ó to tiếng. Cuộc đi chơi này chỉ đem thêm nỗi buồn cho tôi.

Về lại California, chúng tôi lại có dịp đi chơi trên chiếc du thuyền Champagne Cruise ở Newport Beach. Tàu rời bến vào buổi chiều, mây tím giăng hàng. Trên chiếc tàu sang trọng ấy có các thức ăn nhẹ, có rượu, có nhạc khiêu vũ. Người ta mua đồ đấu giá, xem biểu diễn

thời trang, nhận giải thưởng xổ số. Bên ngoài, dọc theo bờ kênh là những ngôi nhà lộng lẫy bạc triệu và những du thuyền qua lại tấp nập. Người ta trượt nước, đua thuyền, tiếng nhạc bay hòa tiếng gió.

Chúng tôi đang thụ hưởng những thú vui chơi lành mạnh của người Mỹ. Tuy ở chung trong đám người Mỹ nhưng tôi nghe lòng mình lạc lõng bơ vơ. Cho dù tôi nói được tiếng Mỹ, tôi đã ở trên đất nước này mười sáu năm, tôi vẫn cảm thấy lạc loài. Hình như hồn quê hương không có nơi đây. Cho dù tôi có nhảy xuống tắm trong giòng nước trong ấy, tôi cũng chẳng thấy gì thiêng liêng như tôi đã cảm nhận từ giòng sông Hương.

Thì ra, cuối cùng dù ở nơi nào, thời điểm nào, tôi vẫn mãi là một người Việt, tha thiết yêu quê hương. Một thời trong quá khứ, tôi đã hít thở bầu không khí của quê hương để nhận lãnh ân sủng của hồn thiêng sông núi. Vì thế, cho dù nay tôi đã phiêu bạt nơi xa nhưng hồn tôi vẫn lãng đãng trở về quê cũ, vẫn vấn vương lưu luyến, vẫn đau niềm đau của dân tộc, vẫn buồn vui theo vận nước, và vẫn chỉ gắn bó với quê mẹ.

Kim Hà
September 8, 1996

Về Một Tuyển Tập Nhớ Huế

Đã lâu cứ ngỡ lòng quên Huế,
Sương tuyết trời xa — áo bạc màu,
Với nắng NJ, mưa xứ Mỹ
Vùi sâu cơm áo, chạnh lòng đau...

Bỗng Huế bừng lên, trang sách mở,
Những tình cố cựu khắp muôn phương,
Những lòng Huế vẫn từ bao thuở,
Đầy ắp tâm tư — Huế thật buồn.

Đầy ắp tình sông và nghĩa núi,
Nơi từng chôn một nhúm nhau xưa,
Nơi từng tắm mát con sông cũ,
Một thuở đời trai đẹp bốn mùa.

Là thuở hồn thơ chớm biết yêu,
Biết buồn thơ thẩn, biết đăm chiêu,
Ai đâu thả tóc vào thương nhớ,
Tà áo mơ bay chiều lại chiều...

Là những ngày hoa và tháng mộng,
Là lời lưu biệt phút chia tay,
Bao nhiêu chua ngọt từng chia xẻ,
Vinh nhục thăng trầm, vị đắng cay.

Huế có bao giờ quên được đâu,
Như người yêu cũ đã xa nhau,
Tình kia gây mãi mùi hương nhớ,
Nghĩa đó in sâu tới bạc đầu.

Huế của tôi và Huế của anh,
Vài chục năm, đời qua thật nhanh,
Bóng câu dẫu khuất ngoài song cửa,
Góc phượng trường xưa lá vẫn xanh.

Và dấu rêu phong, thành quách cũ,
Lối xưa mờ nhạt gót công hầu,
Những bước đài trang về tứ xứ,
Tấm lòng Huế mãi nhớ thương nhau.

Chiều ni ngoảnh mặt về phương nớ,
Có mẹ già đâu để nhớ mong,
Khói trắng hoàng hôn mờ cổ mộ,
Cồn dâu bãi cát vẫn mênh mông...

Có chi còn lại, anh Tùng nhỉ?
Còn chút quê xa sưởi ấm lòng,
Huế vẫn muôn đời trong nhớ tưởng
Huế còn theo dõi bước lưu vong.

NJ. ngày nhận tuyển tập Nhớ Huế 94
Nguyễn Huy Phước

Thư Tín

❒ *Anh Nguyễn Thảo (Lê Nguyễn)*
Madison, Alabama.

Đã nhận được rất nhiều thư riêng, Thơ và Văn của anh. BBT rất cảm động. Tâm sự của anh là tâm sự chung của chúng mình khi bỏ nước ra đi. Lời anh phê bình về TTNH rất đúng. Vấn đề chọn lựa bài để đăng dựa trên nhiều tiêu chuẩn và cũng bị ảnh hưởng phần nào về vấn đề tình cảm. Bài thơ Lời muôn sau cho Huế đăng trong số này. Bài Vị sứ giả của tình thương rất hay nhưng ban biên tập quyết định sẽ đăng sau, chờ thêm đầy đủ tài liệu. Đa tạ.

❒ *Chị Trần Thị Cẩm Tuyến*
Portland, Oregon.

Đọc thư của chị khi nào cũng mát ruột và cám ơn đã giới thiệu TTNH đến các bạn bè cũ của chị. Vì bài vở quá nhiều nên bài thứ hai của chị đành gác cho số sau.

❒ *Anh Hoàng Đống*
Irvine, California.

Mừng bạn đã dọn về vùng nắng ấm, ít mưa hơn ở Oregon. Bài anh viết về Thiền xin dành đăng số sau. Khi nào đi Bolsa ghé chơi. Đa tạ.

❒ *Anh Tôn Thất Hứa*
Gerbrunn - Wuerzburg, Germany.

Bài Ca Dao và Triều Nguyễn đăng ở số này. Được biết anh đang soạn bài viết về thời các cụ Trần Xuân Soạn, Phạm Thận. Nếu bạn đọc có tài liệu về hai cụ xin gởi về tòa soạn để chuyển cho BS Tôn Thất Hứa. Xin cám ơn.

❒ *Anh Nguyễn Chí Linh*
Chủ tịch Hội Ái Hữu Huế — Quảng Trị tại Chicago, Illinois.

Cám ơn anh rất nhiều đã giúp phổ biến TTNH ở vùng Chicago. Đặc San Huế — Quảng Trị của các anh có nhiều bài rất xuất sắc. Xin cảm phục những hoạt động của anh cho hội nhà. Mong được nhận những Tập San kế tiếp.

❒ *Chị Lê Khắc Ngọc Quỳnh*
Toronto, Canada.

Cám ơn chị đã nhớ gởi bài cho TTNH. Đọc bài Chùa Diệu Viên rất cảm động làm nhớ lại lúc nhỏ hay theo Mẹ lên chùa thắp nhang cho bà Ngoại và bà Dì. Tập Truyện Nét Chân Tâm rất hay, xin được ân cần giới thiệu với bạn đọc. Hẹn gặp ở Đêm hội ngộ và ngày Đại Lễ.

❒ *Anh Ngô Văn Cử*
Coppel, Texas.

Cám ơn anh đã đặt mua Tuyển Tập Nhớ Huế số 7 qua Chị Kim Tri, đại diện của TTNH ở Texas, và lại còn ủng hộ thêm tài chánh cho quỹ nữa. Sẽ gởi TTNH số 8 cho anh như lời yêu cầu.

❒ *Anh Phạm Văn Thoại*
Paris, France.

Đã nhận rất nhều thơ và nhạc from Bồng Paris. Cám ơn lòng sốt sắng của bạn. Nhà thơ có đến hơn một địa

chỉ, xin cho biết địa chỉ nào bạn thích để thư từ liên lạc.

❒ *Anh Lê Khắc Kỷ*
Montclair, California.

Lá thư rất dài của anh làm cho anh em trong BBT rất cảm động. Ai mới qua Mỹ, được đọc TTNH lần đầu tiên, cũng đều có tâm trạng như anh viết "bồi hồi xúc động, đã nhớ quê hương lại càng nhớ hơn với đậm đà tha thiết....."

❒ *Anh Trần Kiêm Đoàn*
Sacramento, California.

Bài viết về Cơm Hến Huế của anh trong Tuyển Tập số 7 được nhiều người "khen tuyệt". Khách du lịch về Huế đã cố tìm ăn cho được cơm hến "thử ra răng" mà nghe tả "ngon rứa". Nhiều bạn đọc xong của anh rồi theo đó làm cơm hến cho gia đình ăn. Quê mình nghèo thật, ăn toàn bột như bánh đúc, bánh bèo, bánh nậm và hến, tép, rạm, măng, chột nưa, mắm ruốc v.v... Bài Bún Bò Huế năm nay xin nhường độc giả phê bình. Cám ơn sự cộng tác quý giá của anh.

❒ *Anh chị Đôn-Thao*
Daly City, California.

Cám ơn anh chị đã liên tục ủng hộ TTNH. Chúng tôi hết sức cố gắng nhưng không dám bảo đảm năm nào cũng phát hành TTNH được vì ấn phí lúc nầy quá cao, khoảng 5-6 ngàn dollars cho mỗi số mà số người ủng hộ như anh chị thì rất ít. Ngày Nhớ Huế năm nay được dời lại để dốc toàn lực cho Ngày Đại Lễ Kỷ Niệm 100 năm Quốc Học.

❒ *Anh Trần Quan Hân*
Victorville, California.

Cám ơn sự ủng hộ quý báu của anh. Rất tiếc anh không tham dự ngày nhớ Huế 94 được. Hẹn gặp anh trong Dạ Tiệc Tất Niên Hội Thân Hữu Huế — Thừa Thiên năm nay tại Seafood World.

❒ *Anh Nguyễn Lủy*
San Francisco, California.

BBT đã nhận được chi phiếu của anh đặt trước để mua TTNH số 8 ngay từ tháng 3, 96. Anh em rất lên tinh thần và sẽ gởi TTNH ngay khi in xong. Đa tạ.

❒ *Chị Nhã Ca Trần Thu Vân*
Westminster, California.

Chân thành cám ơn rất nhiều về sự giúp đỡ của chị cho TTNH về mọi mặt.

❒ *Chị Tôn Lệ Vân*
Ottawa, Canada.

Bài viết của chị "Về thăm Huế có hai ngày" có tính cách riêng tư nhưng BBT chọn đăng và để nguyên văn vì nhận thấy câu chuyện tiêu biểu cho một số gia đình Huế. Xin cám ơn chị và anh Tôn Thất Thiện.

❒ *Ô.B Bửu Bang*
San Gabriel, California.

Từ Tuyển Tập Nhớ Huế số 1 đến số 8, năm nào hai bác cũng nhớ ủng hộ. BBT xin mãi mãi ghi ơn cảm tình sâu đậm đó.

❒ *Chị Dương Thủy Ngân*
Seattle, Washington.

Rất cám ơn chị đã phổ biến TTNH tại Seattle — sẽ nhờ chị tiếp tục giúp đỡ.

**

BBT TTNH đã nhận được thư và bài của các bạn Tạ Văn Vân ở Ottawa, Ton Phan ở Colorado, Song Nguyên ở San Jose, Bạch Văn Hà, Tạ Văn Thân, Nguyễn Kim Thoa ở Vancouver. Xin đa tạ và xin đăng vào số sau.

Ban Biên Tập cũng đã nhận được rất nhiều thư từ và điện thoại hỏi thăm về Tuyển Tập Nhớ Huế số 8.

Xin được trả lời chung là năm nay TTNH được đặc biệt phát hành tại San Jose nhân dịp Đại Lễ 100 năm Quốc Học và 80 năm Đồng Khánh vào ngày 27 tháng 10, 1996 nên chậm hơn thường lệ hai tháng. Mong được bạn đọc tiếp tục ủng hộ và gửi bài về để Tuyển Tập được sống và lớn mạnh trong lòng đồng hương và dân tộc.

BBT

QUÝ BÀ, QUÝ CÔ SẼ HOÀN TOÀN HÀI LÒNG VÌ CHỈ DÙNG MỸ PHẨM BELLE CHRISTINE TRONG HAI TUẦN LÀN DA SẼ TRỞ NÊN MỊN MÀNG, VÀ TIẾP TỤC DÙNG LÂU HƠN NHỮNG VẾT NHĂN , NÁM, MỤN SẼ ĐƯỢC TẨY BỎ.

DƯỢC MỸ PHẨM

Belle CHRISTINE

THE INTELLIGENT CHOICE

THE SCIENCE AND THE BEAUTY

Nữ Hoàng Ai Cập Cléopâtre đã dùng những bí mật cổ truyền nào để gìn giữ, nuôi dưỡng làn da tuyệt mỹ?

Các bà Hầu Tước, Bá Tước trong triều đình Pháp, hơn hai trăm năm trước, đã dùng cách nào để giữ mãi được làn da tươi trẻ lâu dài ?

Những Bác Sĩ thuộc Hàn-Lâm-Viện chuyên khoa về da, những khoa học gia miệt mài trong phòng thí nghiệm với những khám phá nào mới nhất để tẩy bỏ lớp da cằn cỗi và nuôi dưỡng lớp da non, giữ được thế quân bình lý tưởng, chống lại những thay đổi thường xuyên của môi trường sinh sống đầy ô nhiễm và hoá chất?

Tất cả những bí mật cổ truyền Đông Phương trên, cùng với những khám phá mới của khoa học Tây Phương đã được đúc kết lại, và được chọn lọc kỹ càng bởi Bác Sĩ chuyên khoa về da *Katherine Đỗ Như Hồng* sau hơn mười năm trị liệu những vấn đề ngoài da cho hàng vạn phụ nữ Âu Mỹ, và nhất là Á Châu.

Mỹ Phẩm Belle Christine *là tinh hoa của sự kết hợp trên,sẵn sàng cống hiến đến những phụ nữ Á Châu trên khắp thế giới những phương pháp tân kỳ và hữu hiệu nhất để săn sóc làn da giử được nét tươi trẻ lâu dài.*

- **BỘ KEM DƯỠNG DA**
  - *Loại da khô*
  - *Loại da nhờn*
  - *Loại da hổn hợp*
  - *Loại da bình thường*
- **BỘ KEM** LỘT DA MẶT
- **BỘ KEM** TRỊ NÁM TỐI TÂN NHẤT
- **BỘ KEM** CHỐNG VẾT NHĂN VÀ DƯỠNG DA
- **BỘ KEM** TRỊ MỤN CÁM, MỤN ĐEN HỮU HIỆU NHẤT

Đặc Biệt: Có kem làm tan mở hữu hiệu nhất, đã được thử nghiệm trên bệnh nhân tại Đại Học Y Khoa San Diego với kết quả nhanh chóng

1. Kem hồi sinh da mặt	$75.00	12. Hỗn hợp sinh tố	$50.00
2. Kem dưỡng da và trị nám	$65.00	13. Thuốc nuôi tế bào da	$65.00
3. Kem trộn vàng	$45.00	14. Mỹ phẩm lót da trước khi trang điểm	$50.00
4. Kem Collangen elastin	$65.00	15. Phấn nước tinh khiết	$30.00
5. Kem dưỡng da nồng độ cao	$65.00	16. Mỹ phẩm rửa da mặt	$25.00
6. Kem dưỡng da mắt	$45.00	17. Mỹ phẩm lau sạch phấn son	$20.00
7.Thuốc hồi sinh da mặt	$75.00	18. Nước hoa hồng	$25.00
8. Thuốc trị nám	$85.00	19. Nước hoa hồng cho loại da dầu	$25.00
9. Thuốc lột da mặt	$95.00	20. Thuốc tẩy da khô, da chết	$35.00
10. Thuốc Collagen nuôi da	$55.00	21. Kem mặt nạ thiên nhiên	$35.00
11. Thuốc Hyaluronic dưỡng da	$55.00	22. Kem dưỡng da và chống nắng	$20.00

BÁC - SĨ

Katherine **ĐỖ NHƯ HỒNG**

CHUYÊN KHOA VỀ DA & THẨM MỸ DA

ĐIỆN THOẠI:

(408) 223-6644

1692 Tully Rd. Suite 12
San Jose, CA 95122

THANH XUAN SAIGON

Restaurant

13836 Brookhurst St.,
Garden Grove, CA 92843
(Góc Brookhurst & Westminster)
(714) 534-2722

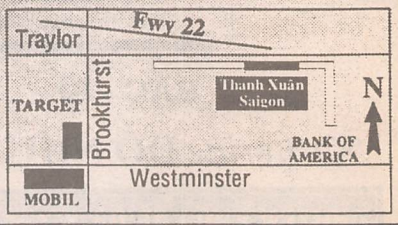

Bác Sĩ Nha Khoa

HỒ VĂN PHÚ, D.D.S.

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa

HỒ NHƯ MAI, D.D.S.

* Nha Khoa Gia Đình.
* Trám, Nhổ, Chữa Tuỷ Răng (Lấy gân máu)
* Khám Răng Định Kỳ.
* Nha Khoa Phòng Ngừa.
* Làm Răng Giả Đủ Loại
* Trị Bịnh Nướu Răng: Nướu sưng, chảy máu, hôi miệng
* Sửa Răng Thẩm Mỹ: Làm khít răng thưa, Vá răng sứt mẻ, đổi màu, Tẩy răng trắng

South Bay Center:.
15024 Prairie Avenue
Hawthorne, CA 90250
(310) 978-8993

Chinatown Center
625 W. College Street #104
Los Angeles, CA 90012
(213) 617-0096

Xin vui lòng lấy hẹn trước. Nhận bảo hiểm và Medical

Bác Sĩ

ĐOÀN YẾN, M.D.

1663 Beverly Blvd., Suite #201 - Los Angeles, CA 90026

TEL: (714) 413-4845

- *Tốt nghiệp Hậu Đại Học Wadsworth, LA.*
- *Nguyên Bác sĩ Trưởng Khu Giải Phẫu và Điều Trị Quân Y Viện Nguyễn Huệ, Nha Trang.*
- *Nguyên Bác sĩ Giải Phẫu và Điều Trị Quân Y Viện Trần Ngọc Minh, Sài Gòn.*
- *Đã hành nghề lâu năm tại Việt nam.*

CHUYÊN TRỊ:

- ☆ *Bệnh về Tai nạn & Nghề nghiệp*
- ☆ *Bệnh Toàn khoa người lớn và trẻ em.*
- ☆ *Bệnh Phụ nữ, Thăm thai.*
- ☆ *Săn sóc sức khỏe gia đình.*
- ☆ *Khám sức khỏe nhập học và chích ngừa.*
- ☆ *Cộng tác với Chương trình Bông sữa WIC.*
- ☆ *Tiểu Giải phẫu.*

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

Giờ khám bệnh:
Thứ Hai - Thứ Sáu:
9:30 AM - 6 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 3:00 PM
Chủ Nhật: 10 AM - 1 PM

BÁC SĨ NHA KHOA

VÕ TRỌNG DI

GENERAL DENTISTRY

4132 University Ave.
San Diego, CA 92105

Tel: (619) 280-3322

Office Hours By Appointment

TIỆM VÀNG HỘT XOÀN

KIM THỌ JEWELRY

TEL: (714) 892-5007

The Jewelry Center

Booth #3 & 2nd Floor

- **HỘT XOÀN, CẨM THẠCH, NỮ TRANG, VÀNG LÁ.**
- **ĐỦ LOẠI, ĐỦ KIỂU.**
- **BẢO ĐẢM ĐẸP VÀ ĐẦY ĐỦ PHẨM CHẤT.**

ASIAN GARDEN MALL
9200 Bolsa Ave. Suite 227 #3 2nd Floor
Westminster, Ca 92683

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

BÁC SĨ LÊ VĂN GIAO, M.D.

10051 Bolsa Ave., #A-2 - Westminster, CA 92683
(Góc Bolsa và Brookhurst)

(714) 839-4311 & 839-4321

CHUYÊN KHOA QUANG TUYẾN, TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC & ĐỒNG VỊ PHÓNG XẠ

- *Tốt nghiệp Y khoa Bác sĩ tại Đại học Y khoa Utah.*
- *Cựu Nội trú Nội thương và Ngoại thương Đại học Y khoa USC*
- *Tốt nghiệp chuyên khoa Quang Tuyến Đại học Y khoa USC.*
- *Nguyên Giảng viên và Bác Sĩ Trưởng các Bác Sĩ thường trú Đại học Y khoa USC.*
- *Hậu Đại học Đồng Vị Phóng Xạ (Nuclear Medicine) tại Đại học Y khoa USC.*
- *Chuyên khoa đặc biệt về Truy Tầm và Trị Liệu Ung Thư Ngực tại UCLA.*
- *Nguyên Bác Sĩ Trưởng khu Quang Tuyến cho CIGNA HEALTH PLAN.*
- *Hiện là Bác Sĩ Quang Tuyến tại nhà thương FHP và Fountain Valley.*

TRUY TẦM VÀ HỢP TÁC VỚI CÁC BÁC SĨ CHUYÊN MÔN ĐỂ TRỊ LIỆU CÁC BỆNH UNG THƯ NGỰC, CỔ, TỬ CUNG, BAO TỬ, RUỘT, PHỔI, V.V...

- **Những máy móc tối tân định các bệnh:** Sản phụ khoa, Trẻ em, Chứng bệnh cấp tính & kinh niên, Người lớn.

- *Có nữ chuyên viên dùng máy Quang Tuyến tối tân bậc nhất, chuyên chỉ để chụp hình ngực vô cùng chính xác và giảm thiểu độ phóng xạ trên cơ thể bệnh nhân đến mức tối thiểu hầu như không đáng kể.*

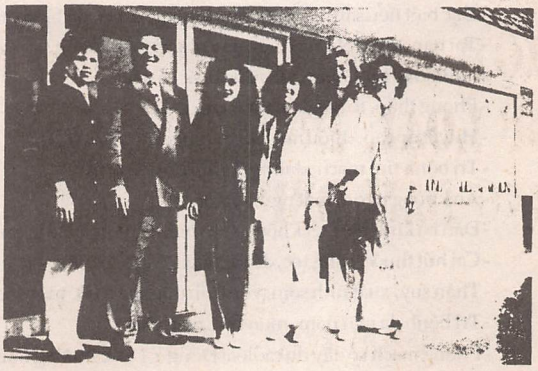

THƯỢNG HẢI BÁ BỔ NGŨ TẠNG THẦN DƯỢC

Lần đầu tiên trong ngành Y Dược Đông Phương, Thượng Hải Bá Bổ Thần Dược được bào chế bằng tinh chất sức ong chúa phối hợp với dược phẩm cực qúy của Đông Y như nhân sâm, yến quế, hà thủ ô, và các dược phẩm thượng hạng khác với phương pháp bào chế gia truyền do Bác Sĩ Thượng Hải kế thừa điều chế và trực tiếp cố vấn.

Thượng Hải Bá Bổ Ngũ Tạng Thần Dược có công dụng như sau:

- Giúp cho cơ thể chống lại bệnh tật, gia tăng sức đề kháng của cơ thể, làm trẻ lại các tế bào thoái hóa vì tuổi già.
- Gia tăng sức chịu đựng của cơ thể, giúp cơ thể chống lại các bệnh tật của tuổi già như đau nhức bắp thịt, gân cốt, đau khớp xương do phong thấp, thận suy, suất tinh sớm, yếu sinh lý, già trước tuổi, tóc bạc sớm, ăn không ngon, mất ngủ, sụt cân.
- Phòng ngừa các bệnh ung thư vì rối loạn cơ thể, kinh mạch do hoàn cảnh đời sống và căng thẳng thần kinh vì công việc.
- Gia tăng trí nhớ cho học sinh, sinh viên cần thức khuya học bài.
- Gia tăng sức khoẻ, tăng cường sức lực cho qúy vị vì hoàn cảnh công việc phải làm việc qúa sức.
- Tăng cường sinh lực giúp cho hạnh phúc gia đình được bền vững.
- Làm mát gan, giúp cho da dẻ mịm màng, phòng ngừa các bệnh nám da, dà mặt sần sui khô khan vì thực phẩm hoặc thời tiết.

Ghi chú: Thượng Hải Bá Bổ Thần Dược là phương dược cổ truyền lưu lại hậu thế, đã được dùng trên 1000 năm do các ngự y cung đình phương Đông và các thiền sư Tây Tạng và Ấn Độ để cứu nhân độ thế.

MỖI CHAI THUỐC GÍA $25 - DÙNG ĐƯỢC TRONG MỘT THÁNG

Nhận gửi thuốc đi khắp nơi bằng U.P.S.

Muốn mua thuốc xin liên lạc với:

PHÒNG MẠCH BÁC SĨ CHÂM CỨU ĐÔNG Y DƯỢC PHÒNG

13878 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92643 * TEL: (714) 636-8166

(Trong khu chợ Kinh Đô và Sea food Đông Lợi)

CHUYÊN TRỊ: CÁC BỆNH NỘI NGOẠI THƯƠNG BẰNG CHÂM CỨU
VÀ CÁC BỆNH KẾT HỢP PHƯƠNG PHÁP ĐÔNG TÂY

Bác sĩ THƯỢNG HẢI, Ph. D., C. A., O.M.D.

** Tốt nghiệp Bác Sĩ Chuyên Khoa Đông Y Châm Cứu Hoa Kỳ.*
** Diplomate in Acupuncture of The N.C.C.A.*
** Hội viên hội Cố Vấn Đông Y Châm Cứu Hoa Kỳ.*
** Hội viên hội Châm Cứu Hoa Kỳ.*
** Nguyên Y Sĩ Đông Y Châm Cứu Trung Tâm Y Tế Phật Giáo.*
** Nguyên Cố Vấn Đông Y các bệnh viện Quảng Đông, Triều Châu, Sùng Chính, Phước Kiến.*
** Đông Y Gia Truyền Ba Đời.*

CHUYÊN TRỊ

- Đặc biệt tiểu sản, hiếm muộn, không có con, dễ bị xảy thai, sau khi sanh nám mặt, yếu người.
- Tai nạn xe cộ, phong thấp, đau nhức khớp xương.
- Nhức đầu kinh niên, nửa đầu hoặc cả đầu.
- Phong thấp, tê bại, bán thân bất toại.
- Huyết áp cao, thiếu máu, sa tử cung, ruột, bao tử, trĩ.
- Trị bệnh tim mạch, đau ngực, hồi hộp, khó thở.
- Ăn không ngon, mất ngủ, sụt cân.
- Đàn bà kinh nguyệt không đều, hiếm muộn, không con, huyết trắng, hành kinh đau bụng.
- Cai hút thuốc, rụng tóc, đái đường.
- Thận suy, xuất tinh sớm, yếu tình dục, già trước tuổi, tóc bạc.
- Trị bệnh da mặt nám, mụn bọc, mật, lưng.
- Phòng mạch có đầy đủ các loại Đông Y Dược thượng hạng bào chế bằng phương pháp gia truyền.
- Thuốc tể cho sinh viên, học sinh cần tăng cường trí nhớ để học thi.
- Nhận gửi thuốc Bắc bằng U.P.S đi khắp thế giới.

bánh mì

THANH NHÀN

DALAT

SANDWICH - FOOD TO GO - ORIENTAL DELI

VỚI CÁC ĐẶC SẢN:

- Bánh Mì Thịt Nguội nổi tiếng.
- Các loại Giò, Chả, Nem, Tré.
- Các loại bánh: Bánh Cuốn, Bánh Bèo, Bột Lọc, Ít, Dày, Giò.
- Cơm, Bún Thịt Nướng, Mì.
- Gỏi Cuốn, Bò Bía.
- Các loại Chè, bánh Mứt Việt Nam.
- Các loại Nước Sinh Tố tươi, bổ dưỡng

ĐẶC BIỆT NƯỚC MÍA NGUYÊN CHẤT

9569 - 9571 Bolsa Ave. - Westminster, CA 92683

Tel: (714) 839-1440

BÚN BÒ HUẾ • MÌ QUẢNG • CÁC LỌ-I CƠM TẤM • CƠM GÀ CON RÔ-TI • BÁNH ƯỚT THỊT NƯỚNG • BÁNH XÈO

ĐÀ NẴNG

R E S T A U R A N T

9607 BOLSA AVE., • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL.: (714) 839-3173

(Trong khu Bolsa Mini Mall gần tiệm sách Tú Quỳnh)

ĐẶC BIỆT: ☛ MÌ QUẢNG ☛ BÚN BÒ HUẾ

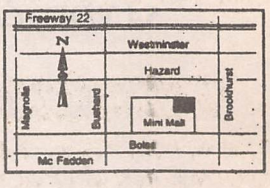

Ngoài ra còn nhiều món ngon khác:

- Bánh bèo chén
- Bánh ướt tôm chấy
- Bánh ướt thịt nướng
- Bánh cuốn nhân thịt
- Các loại cơm tấm bì chả
- Cơm gà con rô-ti
- Mít trộn xúc bánh tráng
- Bánh hỏi nem nướng
- Bánh ướt ném nướng
- Bún thịt nướng
- Bún chả
- Bún nem nướng

ĂN MỘT LẦN, TƯƠNG TƯ MỘT ĐỜI

Mở cửa: 9:30AM-9:00PM

Nghỉ Thứ Hai

Đà Nẵng kính mời

BÁNH KHOÁI (BÁNH XÈO) • BÁNH BÈO CHÉN • BÁNH ƯỚT TÔM CHẤY • BÁNH CUỐN NHÂN THỊT • BÁNH KHỌT

BÚN THỊT NƯỚNG • BÚN CHẢ GIÒ • BÚN SƯỜNG • BÚN GIA CẦY • BÚN GIA CẦY

BÚN SƯỜNG • MÌ • BÚN SƯỜNG • MÌ QUẢNG • CƠM TÔM CÀNG KHO TÀU • BÁNH XÈO

Catinat PHARMACY INC

CATINAT PHARMACY Inc

9549-A Bolsa Ave. Westminster, CA 92683

Tel.: (714) 531-3560

FAX: (714) 531-4601

• Dược Sĩ TRỊNH LÊ HỒNG

Dược Sĩ LÊ THỊ MINH TÂM

□ **Bán thuốc theo toa Bác Sĩ, nhận Medi-Cal, CalOptima và Bảo Hiểm (PCS, PAID, FHP, NPA, MPN, Rx Net, Gold Net, APS, Rx America, EXPRESS SCRIPTS, ALTA Rx, RESTAT, AETNA, etc...**

□ Nhận chuyển FAX, thư nhanh và gửi thuốc Tây về Việt Nam.

□ ***Đại Lý thuốc BỔ SÂM PHARMAX Ga (tăng cường sinh lực tươi vui trẻ đẹp, bổ trí nhớ).***

THUỐC BỔ SÂM

PHARMAX

MAXIMUM STRENGTH GINSENG X8000 & HIGH POTENCY VITAMIN

TĂNG CƯỜNG SINH LỰC TƯƠI VUI TRẺ ĐẸP

MỞ CỬA 6 NGÀY:

Từ Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10:00AM-7:30PM

- Thứ Bảy: 10:00AM - 6:00PM

9549-A Bolsa Ave.
Westminster, Ca 92683
Tel: (714) 531-3560
Fax: (714) 531-4601

PLASTIC SURGERY

Bác Sĩ TRẦN TIẾN SUM, M.D.

GIẢI PHẪU THẨM MỸ và TÁI TẠO

- Tốt nghiệp chuyên khoa Plastic Surgery tại Mt Sinai Hospital New York, Hoa Kỳ (1984)
- Tu nghiệp chuyên khoa thẩm mỹ cho người Á Đông tại Viện Đại Học Showa, Tokyo, Nhật Bản (1983)
- Tốt nghiệp chuyên khoa giải phẫu tổng quát tại Stanford University Santa Clara V.M.C và Fresno V.M.C (1977-1981)

Chuyên Giải Phẫu:

- Mắt hai mí Đông Phương và độn mũi
- Căng da mặt, trán, cổ, lột da, mài da làm mờ sẹo
- Độn ngực, làm nhỏ lại, nâng ngực bị xệ
- Đặc biệt giải phẫu bằng tia Laser: Cắt bỏ các bướu ở mặt, nốt ruồi, vết chàm v.v... (vết sẹo rất nhỏ và mờ)
- Giải phẫu và tái tạo các khuôn mặt bị tai nạn
- Tái tạo bộ ngực sau khi bị cắt bỏ bởi ung thư
- Tái tạo các chức phận của bàn tay: dây thần kinh, gân và xương

Nhận:
Visa, Master Card,
American Express

Tel:
1(805) 253-3755
Toll Free:
1(800) 540-2340
Tel. 24/24:
(805) 253-2211
Cách LA Downtown
30 phút lái xe,
Cách Monterey Park
40 phút lái xe

THAM KHẢO VÀ LẤY HẸN
TẠI ĐỊA CHỈ MỚI:
23861 W. Mc Bean
Parkway #E16
Valencia, CA 91355

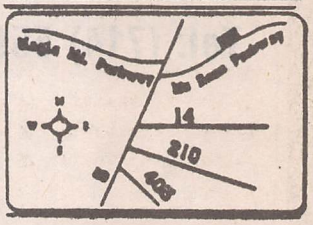

NECESSARY INSURANCE DATA

YOU ARE INTERESTED!... WE ARE INTERESTED!

LE NGUYEN
Insurance Services

8127 Fallbrook Ave. - Westhills, CA 91304
(818) 587-3126 & 1-800-818-6430

Would you mind just completing the information requested below so that we may furnish you with complete facts on a program which may be of interested to you?

Or call 818-703-6430 - TOLL FREE 1-800-818-6430
TO RECEIVE INFORMATION ABOUT OUR LOW-COST INSURANCE

- SIMPLY MAIL THIS CARD - NO OBLIGATION

NAME _____
ADDRESS _____
CITY _____ STATE _____ ZIP _____
HOME PHONE NO. _____ BUSINESS NO. _____
OWNER'S DATE OF BIRTH: MONTH ___ DAY ___ YEAR ___ CO-OWNERS DATE OF BIRTH: MONTH ___ DAY ___ YEAR ___

I would like to have information on the items checked below:

( ) Auto Insurance/Motorcycle Insurance
( ) Homeowners/Rentals Insurance*
( ) Health Care Insurance
( ) Disability Income
( ) Residential Mortgages
( ) IRA and Other Retirement Plans
( ) Nursing Home & Home Care
( ) Personal Catastrophe Liability
( ) Estate Planning
( ) Life Insurance
( ) Family Coverage
( ) Coverage to Help Protect My Mortgage
( ) Worker Compensation
( ) Mutual Fund/Annuities
( ) Commercial Liability

IRVINE DENTAL

QUÂN M. TRẦN, D.M.D.

Family Dentistry

Stone Creek Plaza
4330 Barranca Parkway,
Suite 117
Irvine, CA 92714

Tel: (714) 559-1814

NAM SI DONG, M.D.

Diplomate the American Board of Pediatrics

CHUYÊN TRỊ BỆNH TRẺ SƠ SINH, TRẺ EM, THANH THIẾU NIÊN.

Magnolia Plaza
14082 Magnolia St., Suite 111
Westminster, CA 92683
(Góc Magnolia & Westminster)

Tel: (714) 898-0424

Giờ khám bệnh:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 10:00 am - 6:00 pm
Thứ Năm: 5:00 pm - 7:00 pm
Thứ Bẩy: 9:00 am -2:00 pm

TRUNG TÂM Y NHA KHOA POMONA

Y VIỆN POMONA

945 E. Holt Ave., Suite E - Pomona, CA 91766 - *(Góc Holt & Reservoir)*

(714) 623-6502

Bác Sĩ

VÕ ĐÌNH HỮU, M.D.

- Chief of Staff Bệnh viện Lenterman.
- Bác sĩ Department of Family Practice Pomona Valley Hospital.
- Hội viên American Academy of Pediatrics.
- Tốt nghiệp Chuyên khoa tại University of Florida.
- Cựu Y sĩ Hồng Thập Tự Việt Nam.
- Cựu Nội trú Sản phụ khoa Từ Dũ, Giải phẫu Bình Dân, Bệnh viện Nhi Đồng.

Bác Sĩ

LÊ MINH ĐỨC, M.D.

- Hội viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ.
- Hội viên Hội Y Sĩ California.
- Hội viên Hội Y Sĩ L.A County.
- Bác sĩ Điều trị các Bệnh viện vùng Pomona.
- Cựu Nội trú Sản phụ khoa Bệnh viện Hùng Vương, Nội khoa Nguyễn Văn Học.
- Cựu Nội trú Bệnh viện Huntington Memorial California.

- Chuyên Khám bệnh Trẻ em, Khám bệnh Nhập học, Chích ngừa, Khám bệnh Toàn khoa Người lớn, Bệnh Phụ nữ, Khám thai, Săn sóc sức khỏe gia đình, Khám bệnh định kỳ hàng năm, Thử nghiệm tìm Ung thư Đàn bà.
- **Khi cần nằm Bệnh viện, Bác sĩ sẽ đích thân theo dõi. Trung tâm có Bác sĩ chuyên môn, Bác Sĩ Nha Khoa đầu tiên vùng Pomona và phụ cận.**

NHẬN MEDICAL - MEDICARE VÀ BẢO HIỂM

Ngày giờ làm việc:
Ngày thường: 4 PM - 8 PM
Thứ Bảy, Chủ Nhật: 10 AM - 3 PM

Nhận Làm Bác Sĩ Gia Đình
Khám bệnh theo hẹn
Khi cần gọi 24 giờ (909) 623-8502
Bác Sĩ Võ hay Bác Sĩ Lê

Bác Sĩ

NGUYỄN KHẮC LÂN, M.D. FACS

Y Sĩ Chuyên Khoa Giải Phẫu Tổng Quát

- *Cựu Nội trú các Bệnh viện Saigon.*
- *Cựu Y sĩ Điều trị Tổng Y Viện Duy Tân*
- *Nguyên Y sĩ Thường trú tại Bệnh viện Bình Dân, Saigon.*
- *Nguyên Giảng Sư Đại Học Y Khoa Saigon.*
- *Tốt nghiệp chương trình huấn luyện giải phẫu Hậu Đại Học tại Wilmington Medical Center, Delaware (affiliated to Jefferson University Hospital).*
- *Nguyên Y Sĩ Giải Phẫu tại các Bệnh viện: Kelling Hospital. Lafayette Regional Medical Center, Carrollton Memorial Hospital, Missouri.*
- *Diplomate American Board of Surgery.*
- *Fellow of American College of Surgeons.*
- *Hiện là Bác Sĩ Giải Phẫu Tổng Quát tại FHP Fountain Valley Hospital và Anaheim General Hospital.*

Khám bệnh theo hẹn

CHUYÊN TRỊ: Các bệnh cần giải phẫu

- ***Các loại bướu lành tính và ung thư.***
- ***Các bệnh bao tử, ruột non và ruột già: (Lở bao tử, ung thư bao tử, ruột, sa ruột, ói ra máu, tiêu ra máu,..)***
- ***Các bệnh hậu môn (trĩ, mạch lươn).***
- ***Các bệnh thuộc bộ phận gan, mật (sạn, ung thư,v.v..)***
- ***Các bệnh đau bụng cấp tính (nghẹt ruột, viêm ruột dư, chảy máu, v.v..)***
- ***Có dùng phương pháp Soi bụng Giải phẫu (Laparoscopic surgery) và điều trị tiểu giải phẫu.***

9500 Bolsa Ave., Suite I
Westminster, CA 92683
(Góc Bolsa và Bushard, trong khu chợ Bolsa)
ĐT: (714) 839-7693

Bác Sĩ Sản Phụ Khoa

VƯƠNG ĐỨC HẬU, M.D., F.A.C.O.G.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF OB & GYN.

Địa chỉ mới: 9091 Edinger Ave., Suite #A • Westminster, CA 92683
(gần góc Magnolia & Edinger) ❐ (714) 890-9909

- **Bác Sĩ Chuyên Môn Sản Phụ Khoa Board Certified Việt Nam đầu tiên tại California; Hành nghề tại Orange County từ 1981.**
- **Tốt nghiệp Hậu Đại học Sản Phụ Khoa tại Hollywood Presbyterian Hospital và University of Southern California Women Hospital, Los Angeles.**
- **Nguyên là Assistant Clinical Professor tại UCI Medical Center, khu Sản Phụ Khoa 1987-1994.**

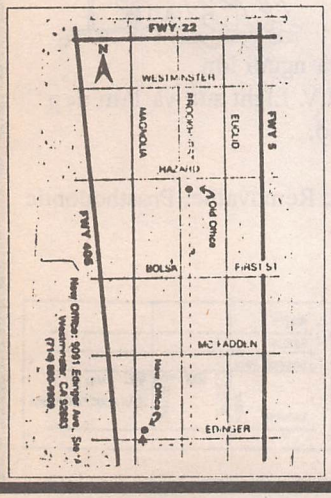

SẢN KHOA:

- Thăm thai, đỡ đẻ và giải phẫu tại nhà thương Fountain Valley Hospital và St. Joseph Hospital, Orange.
- Có thể sanh bình thường nếu lần trước bị mổ đẻ (Cesarean Section).
- Ra máu, đau bụng khi có thai.
- Giải phẫu cột ống dẫn trứng sau khi sanh.
- Chỉ dẫn phương pháp sinh trai hay gái theo ý muốn.
- Văn phòng có trang bị máy Ultrasound, Fetal Monitor, Coloscopy, Cryosurgery v.v... tối tân để theo dõi định bệnh thai nhi và phụ khoa.

PHỤ KHOA:

- Bệnh đàn bà, huyết trắng.
- Cột hoặc đốt ống dẫn trứng.
- Kế hoạch hóa gia đình: NORPLANT, IUD, phương pháp chích ngừa thai v.v...
- Sexual Dysfunction.
- Kinh nguyệt bất thường, chảy máu bất thường, đau khi có kinh nguyệt.
- Bệnh hiếm muộn và giải phẫu chữa trị hiếm muộn: Laser Laparoscopy.
- Giải phẫu bướu tử cung, sa tử cung, bướu buồng trứng, truy tầm ung thư bệnh đàn bà.
- Giải phẫu sửa lại âm đạo theo ý muốn.

XIN VUI LÒNG HẸN TRƯỚC

GIỜ LÀM VIỆC: **Thứ Hai-Thứ Sáu: 9:30AM-6:30PM**
Thứ Bảy: 9:30AM-2:00PM

TRUNG TÂM NHÃN KHOA

Dr. DƯƠNG THÙY TRANG, O.D. / Dr. TÔN NỮ KIỀU TIÊN, O.D.

* Tốt nghiệp bác sĩ Nhãn Khoa tại southern Calironia College of Optometry, Fullerton.
* hội viên California Optometry Association, (COA), American Optometric Association (AOA).

- LÀM ĐỦ LOẠI KÍNH CẬN THỊ, VIỄN THỊ, LOẠN THỊ VÀ LÃO.
- KÍNH MỎNG CHO ĐỘ CAO
- KÍNH HAI TRÒNG, CÓ LÀN HOẶC KHÔNG LÀN.
- CHUYÊN KHÁM MẮT TỔNG QUÁT: KHÁM MẮT HỘT CƯỜM GLAUCOMA, TIỂU ĐƯỜNG, ÁP XUẤT CAO V.V...

- ĐỦ KIỂU KÍNH THỜI TRANG CỦA MỸ, PHÁP, Ý... VÀ KÍNH MÁT.
- ĐỦ LOẠI CONTACT LENSES TRONG HOẶC MÀU.
- LÀM KÍNH LÃO BẰNG CONTACT LENSES
- ĐẶC BIỆT: CHỈNH VÀ SỬA KÍNH MIỄN PHÍ (BẤT KỂ MUA GỌNG TỪ ĐÂU)

OPTOMETRY

9193 Bolsa Ave, #202 Westminster, CA 92683
(trong khu Cathay Bank Center cạnh C+K Optical Co.)
(714) 896-0788

POMONA OPTOMETRY

1101 E Holt Ave, Suite D. Pomona, CA 91767
(trong khu Pomona Square, cạnh Pomona supermarket)
(909) 620-4546

NHẬN MEDICAL (CAL OPTIMA), MEDICARE, INSURANCE, VISA / MASTER CARD

Bác Sĩ Nha Khoa

TRẦN NGỌC TÂM HƯỜNG, D.D.S.

- *Hội viên Americal Dental Association*
- *Hội viên Academy Of General Dentistry*
- *Hội viên California Dental Association*

Giờ làm việc:
Thứ Ba - Thứ Sáu:10am - 7pm
Thứ Bảy - Chủ Nhật:9am - 4pm
Nghỉ Thứ Hai

VÙNG SAN FERNANDO VALLEY
818-708-7280
18554 Sherman Way
Reseda, CA 91335

- ❑ Dùng máy siêu âm (Ultrasonic)
- ❑ Khám răng tổng qúat và định kỳ
- ❑ Lấy gân máu
- ❑ Trị bệnh nướu răng
- ❑ Nha khoa phòng ngừa
- ❑ Chữa, nhổ răng cho trẻ em và người lớn
- ❑ Nha Khoa Thẩm Mỹ dùng U.V. Light sửa và làm đẹp các răng cửa hư, xấu hoặc hở.
- ❑ Tẩy trắng răng (Bleach)
- ❑ Làm đủ loại răng giả (Fixed, Removalbe, Prosthodontic

Nhận bảo hiểm, Medical, trả góp.
Xử dụng máy móc tối tân và kỹ thuật hiện đại để phòng ngừa bệnh truyền nhiễm trong khi điều trị

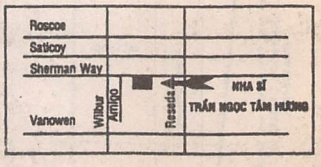

KHÁM BỆNH THEO HẸN, ĐẶC BIỆT VĂN PHÒNG MỞ CỬA NGÀY CHỦ NHẬT.
TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP, XIN ĐẾN THẲNG VĂN PHÒNG

Orange County, California. USA

Thuh Beauty Institute

8181 Bolsa Ave.
Midway City,
CA 92655

TỐT NGHIỆP VÀ KINH NGHIỆM

* State Board Certified in Cosmetics, CA. USA.
* Certified in Make Up + Maquillage, International Forum, Paris, France.
* Certified in Semi Permanent Make Up + Pigmentation, Biology Research, Paris, France.
* Pola Cosmetics, Tokyo, Japan.
* Lan Nomolee Cosmetics, Beijing, China.
* Member of Aestheticians International Association.
* Registered Nurse (R.N.) Cal. State Long Beach, CA, USA.
* Bachelor of Science in Nursing (B.S.N.) Cal. State San Francisco, CA, USA.
* Surgical Head Nurse & Office Manager, Plastic Surgery Clinic, Orange County, CA, USA.
* B.A. in Education (Pedagogy) and B.A. in Psychology, Univ. of Saigon, VietNam.
* Former Teacher at Gia Long High School, Saigon, VietNam.
* International Congress of Beauty 1990, Cannes, France.
* European Festival of Aesthetics 1990, La Baule, France.
* Aesthetics World Expo 1991 + 1992 + 1993 + 1994 + 1995, CA, USA.
* Aesthetics Congress 1991 + 1992 + 1993 + 1994 + 1995, Paris, France
* Cosmetics Expo Kospafu 1992, Zurich, Switzeland.
* Professional Beauty 1992, Olympia 2, West London, England.
* International Congress of Beauty 1992, Ethens, Greece.
* Cosmoprof 1993, Bologna, Italy.
* International Scientific Congress of Aesthetics, 1994 Rio De Janeiro, Brazil.
* Carol Priest Natural Cosmetics 1995, Wellington, New Zealand.
* Red and Earth Product 1995, Sydney, Australia

Bp: (714) 218-6262

THUH ★ BEAUTY

Orange County, California, USA

GIẢI PHẪU THẨM MỸ VÀ TẠO HÌNH

Do Bác sĩ chuyên môn đảm nhận.

GIẢI PHẪU

Mắt, mũi, cằm, ngực, da mặt, da trán, hút mỡ. Lấy da và mỡ bụng. Chữa trị các hình thức Silicone. Giải phẫu bàn tay. Giải phẫu bộ phận sinh dục đã biến dạng sau khi sanh nở.

Do Cô Bạch Thuhà chăm sóc và điều khiển

Tel. & Fax:

(714) 8-949-949

CHUYÊN MÔN:

- ☐ Giải phẫu bằng tia sáng Laser.
- ☐ Chích mỡ.
- ☐ Cấy tóc.

* Facial	* Lột da mặt	* Dầu thơm Pháp
* Dưỡng da	* Xâm Thẩm Mỹ	* Mỹ phẩm & Kem dưỡng da SOTHYS (Pháp)
* Trang điểm cô dâu, dạ hội		

* Chữa trị da nám, tàn nhang, vết sẹo vì mụn
* Lớp dạy Trang điểm và Xâm thẩm mỹ
* Khách ở xa có xe đưa đón và chỗ ăn ở tiện nghi.

BẰNG PHƯƠNG PHÁP ĐẶC BIỆT DO THUH BEAUTY NGHIÊN CỨU VÀ CHĂM SÓC SAU MỘT THỜI GIAN NGẮN SẼ CÓ LÀN DA TƯƠI MÁT VÀ MỊN MÀNG.

PHÒNG MẠCH ĐẦU TIÊN

Về **NHI KHOA**
Tại **VAN NUYS**

6900 Van Nuys Blvd., Suite #7
Van Nuys, CA 91405
Tel: (818) 989-2406
& (818) 989-2407
Beeper: (818) 379-9071
Cạnh Pharmacy of Phan's
cạnh Nha Sĩ Phan Mỹ Hạnh

Bác Sĩ

LÊ PHƯỚC LỘC (Richard Le), M.D.

NHI KHOA & Y KHOA TỔNG QUÁT

- *Tốt nghiệp Michael Reese Hosp. Med Center University of Chicago (Illinois)*
- *Nội trú Tulane Med Center - University of Tulane New Orleans*
- *Nguyên thường trú White Memorial Med Center University of Loma Linda, Los Angeles*
- *Hội viên Y sĩ đoàn Hoa Kỳ từ 1985*
- *Hội viên trung cấp Hàn Lâm Viện Nhi Khoa Hoa Kỳ*
- *Từng hành nghề tại New Orleans từ 1984-1985*

NHI KHOA & Y KHOA TỔNG QUÁT

★ Khám và trị bệnh trẻ em sơ sinh Việt, Miên, Lào, Hoa
★ Chích ngừa & Khám nhập học - Free
★ Khám sức khỏe định kỳ (CHOP) nếu lợi tức thấp - Free
★ Lập giấy sức khỏe tiền Hôn nhân
★ Nhận làm Bác Sĩ gia đình
★ Hợp tác với Chương trình Bông sữa WIC
★ Trực tiếp điều trị liên tục nếu nhập viện tại vùng Van Nuys
★ Giới thiệu chuyên khoa nếu cần

CHUYÊN TRỊ:

★ *Các bệnh trẻ em liên quan đến tăng trưởng - Tiêu bộ - Hô hấp - Xương khớp - Đầu - Đau ngực - Phong thấp - Ho - Suyễn - Táo bón - Hô hấp - Các bệnh ngoài da - Các bệnh dinh dưỡng - Các bệnh phụ khoa - Các bệnh thanh thiếu niên - Các thương tích tai nạn nghề nghiệp.*

Phòng mạch trang bị máy thử nghiệm Vật lý Trị liệu và Quang Tuyến X

ĐẶC ĐIỂM:

- **Phòng mạch có máy điều hòa không khí, trang bị dụng cụ tối tân - Điện tâm đồ**
- **Đo thính lực - Phân tích máu - Nước tiểu - Đo nhãn lực**
- **Bảo đảm không chờ lâu và có thể tham khảo trực tiếp bất cứ lúc nào bằng điện thoại**
- **Bãi đậu xe rộng rãi**

Đặc Biệt: Có máy truy tầm Ung thư và máy Siêu âm để truy tầm các loại Bướu trong bụng và trong các Xoang

Giờ làm việc:
Thứ 2 - Thứ 6: 9 AM - 7 PM
Thứ 7: 9 AM - 5 PM
Chủ Nhật nghỉ

NHẬN MEDICAL & MEDICARE & BẢO HIỂM

Bác Sĩ Y Khoa

THÁI DIỆU MY, M.D.

Diplomate American Board of Physical Medicine & Rehabilitation

10362 Bolsa Ave. - Westminster, CA 92683
Tel: (714) 531-2091 ☎ Fax: (714) 531-7926 & 531-7923
13918 Brookhurst St., #B - Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 638-9119

- *Tốt nghiệp Bác sĩ Y Khoa tại Univ. of California, Davis.*
- *Tốt nghiệp Chuyên khoa tại Univ. of California, Irvine.*
- *Nguyên thường trú Nhà thương V.A Long Beach và Long Beach Memorial.*
- *Hiện là Giám Đốc Điều hành của Orthopedic & Spinal Cord Injury Rehabilitation tại St. Jude Medical Center, Fullerton.*
- *Bác sĩ điều trị tại Western Medical Center và Fountain Valley Regional Center.*

CHUYÊN TRỊ:

- **Tham khảo và phục hồi bệnh liệt thân (Stroke, Spinal Cord Injury, Brain Injury).**
- **Những bệnh đau nhức kinh niên.**
- **Phong thấp, Viêm khớp xương (Arthritis), Đau cổ, Cứng cổ, Bả vai, Cụp xương sống.**
- **Đau khuỷu tay (I.E Tennis Elbow), Khối xương cổ tay (I.E Carpal Tunnel Syndrome), Xương chậu, Đầu gối và Xương bánh chè.**
- **Bệnh mỏng xương (Osteoporosis).**
- **Mệt mỏi tái phát từ bệnh Viêm tủy xám (Post Polio Syndrome).**
- **Các tai nạn thể thao, lưu thông, nghề nghiệp.**
- **Chứng nhận disability (Disability Evaluation).**

Nhận Bảo Hiểm, Medicare, Medical.

XIN VUI LÒNG HẸN TRƯỚC

10362 Bolsa Ave. - Westminster, CA 92683
(714) 531-2091

13918 Brookhurst St., #B Garden Grove, CA 92643
(714) 638-9119

BÁC SĨ

NGUYỄN DUY ÁI

D.C., O.M.D., Ph.D.

TRUNG TÂM CHUYÊN TRỊ ĐAU NHỨC
Y KHOA CHỈNH XƯƠNG VÀ CHÂM CỨU

9302 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683

Đ.T.: (714) 897-7424

- Tốt nghiệp Tiến Sĩ Chuyên Khoa Y Sinh Hóa (Ph.D.) Đại học Y Khoa Nebraska, Hoa Kỳ.
- Tốt nghiệp Bác Sĩ Chuyên Khoa Chỉnh Xương (D.C.) Los Angeles College of Chiropractic, Hoa Kỳ.
- Tốt nghiệp Bác Sĩ Y Khoa Đông Phương (O.M.D.), Đại học Y Khoa Đông Phương S.A.M.R.A. Hoa Kỳ.
- Diplomate National Board of Chiropractic Examiners, Hoa Kỳ.
- Tốt nghiệp Dược Sĩ Quốc Gia, Đại học Dược Khoa Saigon, Việt Nam.
- Tốt nghiệp Nội Trú Dược Khoa & Thử Nghiệm, BV Bình Dân, Saigon, VN.
- Tốt nghiệp Cao Học Dược Khoa, Đại học Dược Khoa, Saigon, Việt Nam.
- Hội viên Hội American Chiropractic Association.
- Hội viên Hội California Chiropractic Association.
- Nguyên Giảng Sư Đại học Y Khoa Saigon, Việt Nam.
- Nguyên Giảng Viên Đại học Y Khoa Kansas, Hoa Kỳ.

CHUYÊN TRỊ:

- **Đau nhức gây ra bởi tai nạn lưu thông, lao động và thể thao.**
- **Đau lưng, đau cổ, cứng lưng, cứng cổ.**
- **Cụp xương sống.**
- **Nhức đầu, nhức mỏi cổ, vai, lưng và tay chân.**
- **Sai trật các khớp xương tay, chân và vọp bẻ.**
- **Mất ngủ, người mỏi mệt, lạnh tay chân.**

TRỊ LIỆU:

- Điều chỉnh các hệ thống xương, thần kinh & bắp thịt.
- Vật lý trị liệu.
- Châm cứu theo phương pháp tối tân.
- Dinh dưỡng và thể dục.
- Phối hợp y lý Đông Phương và Tây Phương.

PHÒNG MẠCH:

Trang bị máy quang tuyến X-Ray và rất nhiều dụng cụ y khoa vật lý trị liệu tối tân khác.

NGÀY GIỜ KHÁM BỆNH:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 10AM - 7PM
Thứ Bảy: 10AM - 6PM

NHẬN BẢO HIỂM

Khi đau nhức, Hãy chữa trị qua Khoa Chỉnh Xương trước khi quyết định giải phẫu.

Trung Tâm

GIÁNG NGỌC

Music Productions

9551 Bolsa Ave. #D-F - Westminster, CA 92683

Tel: (714) 531-2246 & Fax: (714) 531-2748

Hân hạnh giới thiệu đầy đủ các băng CD's và Cassettes tuyển chọn do Trung tâm Giáng Ngọc thực hiện và tổng phát hành.

1- Người yêu dấu (Ngọc Lan)
2- L'Amour (Ngọc Lan)
3- La Amoureux Qui Pass (Nhạc trẻ)
4- Nắng thủy tinh (Hợp tuyển)
5- Còn chút gì để nhớ (Hợp tuyển)
6- Hoa biển (Tuấn Vũ)
7- Mười thương (Hương Lan, Tuấn Vũ, Thanh Tuyền)
8- Về miền Trung (Lệ Thu)
9- Ai cho tôi tình yêu (Giao Linh, Tuấn Vũ, Thiên Trang)
10- Huế mù sương (Hương Lan, Thanh Tuyền, Chế Linh)
11- Tình khúc lính
12- Phù du (hòa tấu Duy Cường)
13- Ngủ đi em (hợp tuyển)
14- Viết thương cuối cùng
15- Tình nhớ (Ngọc Lan, Elvis Phương, Kiều Nga)
16- Đôi mắt người xưa (Giao Linh, Tuấn Vũ)
17- Song ca (Phượng Mai, Tuấn Vũ)
18- Biệt ly (Vũ Khanh, Jo Marcel, Lệ Thu)
19- Thiệp hồng anh viết tên em (Giao Linh, Phượng Mai, Tuấn Vũ)
20- Xin gọi nhau là cố nhân (Hương Lan, Thanh Tuyền, Tuấn Vũ)
21- Nửa đêm ngoài phố (Rumba)
22- Nếu em về bên anh (Tuấn Vũ)
23- Ngày em hai mươi tuổi (Thiên Trang)
24- Điệu buồn đang dở (12 ca sĩ)
25- Ru ta ngậm ngùi (Ngọc Lan, Vũ Khanh, Kiều Nga)
26- Trúc đào (Phượng Mai)
27- Tình ngoại ô (Tuấn Anh, Giao Linh, Tuấn Vũ)
28- Tôi đi giữa hoàng hôn (Kiều Nga, Elvis Phương, Vũ Khanh)
29- Gặp nhau (Tuấn Vũ 3)
30- Vĩ Dạ đò trăng (Duy Khánh, Hương Lan, Thiên Trang)
31- Huế đẹp và thơ
32- Về mái nhà xưa
33- Anh đã quên mùa thu (Kim Anh, Quốc Anh)
34- Top New Wave (Lynda Trang Đài)
35- Hồn trinh nữ (Hương Lan, Thanh Tuyền, Giao Linh)
36- Tình yêu ơi tình yêu (Vũ Khanh, Ngọc Lan, Như Mai)
37- Nhớ nhau hoài (Thanh Tuyền, Tuấn Vũ, Phượng Mai)
38- Niềm thương nhớ (Lệ Thu, Thái Hiền, Ngọc Lan, Carol Kim, Duy Quang, Elvis Phương)
39- Lối về đất mẹ (Thanh Tuyền, Tuấn Vũ, Phượng Mai)
40- Dạ vũ mừng xuân (Hương Lan, Tuấn Vũ, Phượng Mai)
41- Hoa sứ nhà nàng (Tuấn Vũ, Phượng Mai)
42- Bebop, Chachacha (Nhạc trẻ)
43- Trong tầm mắt đời (Hương Lan, Tuấn Vũ, Thanh Tuyền, Giao Linh, Phượng Mai)
44- Top 40 (Nhật Hạ, Tuyết Nhung, Trizzie, Vi Lan, Thúy Vi, Cao Lâm)
45- Mảnh tình thương (Hương Lan, Thanh Tuyền, Tuấn Vũ)
46- Bến đời hiu quạnh (Kiều Nga, Ngọc Lan, Đức Huy)
47- Đường sang nhà em (Thiên Trang, Tuấn Vũ)
48- Hãy yêu nhau đi (Lê Uyên Phương)
49- Khúc hát ân tình (Thanh Tuyền, Tuấn Vũ)
50- Người đi qua đời tôi (Ngọc Lan, Elvis Phương, Kiều Nga)
51- Dấu chân kỷ niệm (Tuấn Vũ)
52- Tình lỡ (Tuấn Vũ, Phượng Mai)
53- Liên khúc tình ta (Ngọc Lan, Cao Lâm, Công Thành và Lyn)
54- Bao giờ biết tương tư (Kiều Nga, Ngọc Lan, Vũ Khanh)
55- Liên khúc New Wave (Lynda, Trizzie, Thanh Tùng)
56- Đại hội liên khúc (Kiều Nga, Tuyết Nhung, Trizzie, Phương Loan)
57- Cơn bão tuyết (Thái Tài, Ngọc Lan, Kiều Nga, Lynda Trang Đài, Thúy Vi
58- Hàn Mạc Tử (Phương Dung, Tuấn Vũ)
59- Một chuyến bay đêm (Ý Lan, Carol Kim, Như Mai)
60- Ca khúc da vàng (Lê Uyên)
61- Khi tình đã xa (Ngọc Lan, Vũ Khanh)
62- Trộm nhìn nhau (Ngọc Lan, Duy Quang, Elvis Phương, Như Mai, Giáng Ngọc)
63- Trăm năm bến cũ (Tuấn Vũ)
64- Lan và Điệp (Tuấn Vũ, Phượng Mai)
65- Samba Mambo (Lynda Trang Đài, Thúy Vi, Thy Thy, Huy Phong)
66- Comme toi (Ngọc Lan, Don Hồ)
67- Tà áo cưới (Anh Vũ)
68- Women in love (Ngọc Lan, Kiều Nga, Don Hồ)
69- Stand by me (Ngọc Lan, Kiều Nga, Lynda Trang Đài, Danny Tuấn)
70- Con đường tình ta đi (Don Hồ, Ngọc Lan)
71- Donna Donna (Don Hồ)
72- Hát cho quê hương Việt Nam (Ngọc Lan)
73- Duyên quê (Phượng Mai, Tuấn Vũ)
74- China Boy (Nhạc trẻ)
75- Liên khúc New Wave (Lynda, Trizzie, Billy Shane)
76- Tình sầu biên giới (Thanh Tuyền, Tuấn Vũ, Giao Linh)
77- Vòng tay giữ trọn ân tình (Thiên Trang, Tuấn Vũ)
78- Hững hờ (Ý Lan, Don Hồ)
79- Tình phụ (Ngọc Lan, Don Hồ 2)
80- Oh! Mon Amour (Thái Tài 3)
81- La Nuit (Ý Lan, Don Hồ 2)
82- Em sắp về chưa (Giao Linh, Tuấn Vũ)
83- Ngày em còn bên tôi (Thanh Tuyền, Chế Linh)
84- Yesterday (Don Hồ, Ngọc Bích)
85- Mộng ước mai sau (Hương Lan, Tuấn Vũ)
86- Kiss me again (Ngọc Lan, Như Mai, Ý Nhi, Danny)
87- Falen for you (Don Hồ, Phi Phi)
88- Cô đa (Vũ Khanh, Ngọc Bích, Elvis Phương)
89- Dancing all night (nhạc trẻ)
90- Giấc ngủ cô đơn (Phượng Mai)
91- Chiều vàng (nhạc tiền chiến)
92- Papa (nhạc trẻ)
93- Tình khúc Vũ Thành An (Tuấn Ngọc, Ngọc Lan, Don Hồ)
94- Cô hàng xóm (Mỹ Huyền, Tuấn Vũ)
95- Tình khúc Ngô Thụy Miên (Tuấn Ngọc, Ngọc Lan, Don Hồ)
96- Tấm ảnh ngày xưa (Hương Lan, Duy Khánh)
97- Chiều cuối tuần (Phương Hồng Quế)
98- Bản tình cuối (Ngọc Lan, Tuấn Ngọc)
99- Tay Ngọc (tình khúc Hoàng Thanh Tâm 2)
100- Commant ca va? (Tuấn Ngọc, Kiều Nga, Don Hồ)
101- Xin còn gọi tên nhau (Ngọc Lan, Don Hồ 4)
102- Đêm hoàng lan (Vũ Khanh)
103- Ru em tròn giấc ngủ (Tứ quý)
104- Một thời để nhớ (hợp tuyển)
105- Cưới cùng cho 1 tình yêu (Don Hồ, Kiều Nga)
106- Bebop, Chachacha (hòa tấu)
107- Đêm buồn tỉnh lẻ (Tuấn Vũ)
108- Mercedes boy (Lynda Trang Đài)
109- Tình say (Phương Hồng Quế)
110- Run for love (New Wave selection 1)
111- Em đi (Thái Tài 4)
112- Tình thắm duyên quê (Thúy Hương, Hoàng Tâm)
113- Thành phố mưa bay (Don Hồ, Ngọc Lan, Elvis Phương, Kiều Nga)
114- Still loving you (New Wave selection 2)
115- To love somebody (Lynda Trang Đài, Don Hồ)
116- Bao giờ em quên (Hương Lan, Duy Khánh 2)
117- Giọng ca dĩ vãng (Phượng Mai)
118- Magic Night (New Wave selection 3)
119- Nắng hạ (Ngọc Lan, Tuấn Ngọc, Julie)
120- Tình khúc Lam Phương
121- Dreaming of love (New Wave selection 4)
122- Chỉ có một người
123- Trên cánh môi hồng
124- Xuân ca
125- Nhà anh nhà em (Thúy Hương, Hoàng Tâm)
126- Đêm chia ly
127- Gạo trắng trăng thanh (Quang Bình, Trang Thanh Lan)
128- Love is a game
129- Tình ca Phạm Duy
130- Shy shy sugarman
131- Thu quyến rũ
132- Anh ở đâu
133- Dân ca ba miền
134- Khúc Tango sầu (Lệ Thu)
135- Baby I Love you (Thái Tài, Lynda Trang Đài) 136- The best of Tuấn Vũ (The best of song ca 2)
137- Stranger by night (New Wave selection 7)
138- Quán nửa khuya (Tân cổ giao duyên)
139- Once again (Thái Tài,Lynda 2)
140- Tiếng hát nửa vời (Phương Hồng Quế, Nhật Trường)
141- Dân ca 3 miền 2
142- Nguyệt Ánh - Việt Dũng
143- Tình ta với mình (Quang Bình - Trang Thanh Lan)
144- Mời anh về quê hương (Thúy Hương, Hoàng Tâm)
145- Lý chim quyên (Tuấn Vũ, Phượng Mai, Giao Linh)
146- Once in a lifetime (Phi Phi, Henry Chúc)
147- Phiên khúc chiều mưa (Thanh Tuyền, Nhật Trường)
148- Khiêu vũ hòa tấu
149- Giọt lệ đài trang (Sơn Tuyền, Giao Linh, Phượng Mai, Thiên Trang)
150- Thành phố buồn (Phượng Mai)
151- Crazy love (Don Hồ, Linda Trang Đài, Thúy Hương, Hoàng Tâm, A. Nguyễn)
152- Con thuyền không bến (Phượng Mai, Tuấn Vũ, Tuấn Anh)
153- Nỗi lòng người đi (độc tấu trumpet Cao Phi Long)
154- Đưa em tìm động hoa vàng (tiếng hát Diệu Hoàng)
155- Việt Nam Hùng Ca Quật Khởi (hợp tuyển)
156- Magic Boulevard (Lynda + Công Hùng)
157- Kỷ niệm (Randy + Phượng Mai)
158- Một khúc (hòa tấu Duy Cường 2)
159- Mong manh (Don Hồ + Linh Thảo)
160- Chachacha (hòa tấu)
161- Tà áo tím (Nhật Trường, Phương Hồng Quế, Anh Khoa)
162- Độc tấu Saxo 2 (Trần Vĩnh 2)
163- Hà Thanh
164- Sàigòn Thứ Bảy (Nhật Trường & Phương Hồng Quế 2)
165- Giòng sông tuổi ngọc (Thiên Trang)
166- Đời bỗng dưng vui (Trang Thanh Lan & Quang Bình)
167- Tiếc nuối (Linda, Nhật Huy, Thúy Vi)
168- Cô Hàng Nước (Vũ Huyền)
169- Vườn địa đàng (Don Hồ, Linh Thảo 2)
170- Bầu tranh sáo nhị: Tình khúc Trúc Phương
171- Danny Tuấn 4: A day without thinking of you
172- Tình khúc Đỗ Lễ: Sang ngang
173- Độc tấu Piano: Ngân Khánh
174- Tình yêu đã chết: Tình khúc Phạm Vũ & Vũ Thành
175- Trên 4 vùng chiến thuật: Sơn Tuyền - Tuấn Vũ
176- Mùa xuân của mẹ (hợp tuyển)
177- Bầu tranh sáo nhị 2: Tình cây và đất
178- Lời tình buồn: Tình khúc Hoàng Thanh Tâm 1
179- Gánh lúa (Quốc Biên - Phượng Lan)
180- Lover's tears (Phi Phi & Don Hồ)
181- Huế đẹp và thơ 2 (hợp tuyển)
182- Thất tình (tình khúc Lê Huy Phong)
183- Yêu và mơ (Don Hồ & Linh Thảo 3)
184- Hoàng hôn mầu tím (Hoàng Tâm 8)
185- Khúc nhạc sầu cho em (tình khúc Hoàng Thanh Tâm 2)
186- Liên khúc Chachacha
187-
188- Nhớ mẹ (tân cổ giao duyên - Phượng Mai, Hữu Phước và Chí Tâm)

BẶC BIỆT COMPACT DISCS

- Đàn ông (Phương Hồng Quế 2)
- Bội bạc (Phương Hồng Quế 5)
- Giòng lệ (Phương Hồng Quế 7)
- Mãi mãi bên em (Jimmii J.C. Nguyễn)
- Người con gái (Jimmi J.C. Nguyễn)

Bác Sĩ Nha Khoa

NGÔ THỊ VĨNH

665 E. Los Angeles St., Suite D
Simi Valley, CA 93065

(805) 584-8875

- Khám răng định kỳ
- Nha khoa phòng ngừa
- Kha khoa thẩm mỹ
- Chữa răng người lớn và trẻ em
- Làm răng giả các loại

NHẬN BẢO HIỂM VÀ MEDICAL

Nhà Thuốc Tây

TAM'S RX PHARMACY

14024 Magnolia, #103 - Westminster, CA 92683
(Khu Shopping Center mới, góc Magnolia và Westminster)

(714) 892-9808 / (714) 895-9044

- *Nhà thuốc Gia đình của Quý vị do Dược Sĩ tốt nghiệp, hành nghề lâu năm tại Việt Nam và Hoa Kỳ, luôn luôn có mặt, đích thân tận tình chỉ dẫn cách xử dụng các loại thuốc đúng theo tiêu chuẩn Hoa Kỳ.*
- *Nhận MEDICAL, THẺ THUỐC PCS, BLUESHIELDS, BLUE CROSS, MEDI-MET và các loại BẢO HIỂM.*
- *Địa điểm thuận tiện, góc Magnolia và Westminster (gần chợ Phát Tài), bãi đậu xe rộng rãi, an toàn.*
- *Tiếp đãi ân cần. Quý khách không phải chờ lâu.*
- *Có máy Photocopy.*

Giờ mở cửa:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 10 AM - 7 PM
Thứ Bảy: 10 AM - 5 PM

Dược sĩ Tôn Nữ Diệu Hoa,
tự Tâm Thường Kính Mời.

DANH'S PHARMACY

Nhà Thuốc Tây đầu tiên tại Hoa Kỳ

9182-9186 Bolsa Ave.,
Westminster, CA 92683

Tel: (714) 892-4407
Fax: (714) 898-9219

LINH'S PHARMACY

Nhà Thuốc Tây Việt Nam Phẩm chất tinh vi, giá rẻ khó ai bì.

9191 Bolsa Ave., Ste.# 102
(Asian Village)
Westminster, Ca 92683

Tel: (714) 891-3644

Geriavit Pharmaton
thuốc bổ có chất sâm của Thụy Sĩ. Từng được dân hơn 60 nước trên thế giới dùng hàng ngày, và rất được người Việt Nam ưa chuộng

- *Bán thuốc theo toa Bác Sĩ*
- *Nhận Medical & các loại bảo hiểm*
- *Nhận gởi qùa & thuốc về Việt Nam*
- *Bán vật dụng Y Khoa*
- *Nhận gởi FAX và Điện Tín về Việt Nam*
- *Nhận đổi check Welfare, SSI*

Designed by VAN Arts 714/ 554-6565

LINH II Pharmacy

9500 Bolsa Ave., Suite #N
Westminster, CA 92683

(Góc Bolsa & Bushard - Trong khu chợ Bolsa Supermarket, cạnh BS Trần Thị Kim Chi, BS Nguyễn Khắc Lân, BS Nguyễn Phúc Vĩnh Khiêm, BS Nguyễn Phúc Diễm Chi, BS Phan Tuyết Mai, BS Nguyễn Sơn Hà...)

Tel: (714) 775-0550

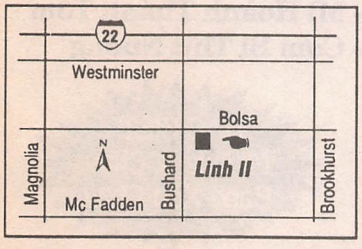

Nhận Medical và Bảo Hiểm

Giờ mở cửa:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 10 am - 7 pm
Thứ Bẩy: 10 am - 4 pm
Chủ Nhật: nghỉ

Tiến sĩ Dược khoa Quách Thùy Linh, Pharm D.
Tốt nghiệp Đại học Dược khoa Hoa Kỳ USC

Kính Mời

QUẢNG ĐÀ

Restaurant

MÓN ĂN ĐẶC BIỆT MIỀN TRUNG

Tại quê người nhà hàng Quảng Đà hãnh diện là nơi bảo tồn các món ăn độc đáo của miền Trung xứ Huế.

QUẢNG ĐÀ Restaurant
820 Franklin St.
Oakland, CA 94607
(Góc đường Số 9, China Town)
(510) 444-1112

QUẢNG ĐÀ Restaurant
348 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95113
(góc đường số 8)
(408) 297-3402

QUẢNG ĐÀ Restaurant
9786 Westminster Ave.
Garden Grove, CA 92644
(Cạnh Chè Hiển Khánh góc Brookhurst)
(714) 636-3016

ĐẶC BIỆT HỦ TIẾU THANH XUÂN CHÍNH GỐC HỦ TIẾU MỸ THO

Ngoài ra nhà hàng chúng tôi rất nổi tiếng món: HỦ TIẾU THANH XUÂN (chợ cũ)

- Mì Quảng
- Bún Bò Huế
- Bánh Bèo Vĩ Dạ
- Bánh Lá (Bánh Nậm)
- Chả Tôm
- Bánh Bột Lọc
- Bánh Xèo (Bánh Khoái)
- Bánh Ướt Tôm Chấy
- Bánh Ướt Thịt Nướng
- Cơm Hến
- Cơm Gà
- Bún Mắm Thịt Heo Quay
- Bánh Bèo Chén Miền Trung
- Mì Cao Lầu Hội An
- Chả Huế
- Gỏi Mít Trộn Xúc Bánh Tráng
- Gỏi Hến Xúc Bánh Tráng
- Bánh Tráng Đập Chấm Mắm Nêm
- Bánh Ít Kẹp Bánh Ram
- Bánh Cuốn Nhân Thịt
- Bánh Canh Tôm Cua
- Mì Hoành Thánh Tôm
- Cơm Bì Thịt Nướng

ĐẶC BIỆT :
Mì Quảng Chay,
Bánh Xèo Chay.

Quảng Đà Restaurant Kính mời.

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
小西貢超級市場

9822 BOLSA AVE. • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy qúi khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn dẫy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén dĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo dầy đủ chỗ dậu xe cho khách hàng đi chợ

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME ATM

California Lottery LOTTO
California Lottery DECCO
Little Lotto

VANCO INC.
DBA DELTA FOOD CO.
IMPORT & PACKAGING OIL

14942 MORAN ST. - WESTMINSTER, CA 92683
TEL. (714) 898-7544 - FAX (714) 891-3536

- Hãng chúng tôi chuyên môn vô chai và thùng đủ loại dầu ăn nguyên chất.
- Nhập cảng trực tiếp các loại gạo, nếp, bún, bánh tráng và đồ khô thượng hạng.
- Chuyên bán sĩ, và cung cấp thẳng đến nhà hàng.
- Đặc biệt có bán đủ loại gia vị, túi nylon, và các đồ đựng "to go" như dĩa giấy, ly, muổng, nĩa, đũa v.v...

Quý vị có cơ sở sản xuất thực phẩm, xin mời đến: DELTA FOOD CO.

MỞ CỬA HÀNG NGÀY: Từ 7:30 AM đến 4:00 PM

TRUNG TÂM SẢN PHỤ

BÁC SĨ VÕ VĂN CẦU, M.D.,FACOG.

- *Tốt Nghiệp Bằng Chuyên Môn Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ*
- *Diplomate American Board of Obstetrics & Gynecology*
- *Fellow American College of Obstetrics & Gynecology*

- *Nguyên Bác Sĩ Sản Phụ Khoa, Giải Phẫu, Trưởng Bảo Sanh Viện Lê Trung Đình, Quảng Ngãi*
- *Nguyên Trưởng Khu Sản Phụ Khoa và Bác Sĩ Giải Phẫu Bệnh Viện Sùng Chính, Sàigòn*
- *Tốt nghiệp Chuyên môn Sản Phụ Khoa, Nguyên Giảng Huấn Viên tại Bệnh Viện John Sealy University Hospital, Texas*

BÁC SĨ NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM VỀ SINH ĐẺ VÀ MỔ XẺ TỪ VIỆT NAM VÀ HOA KỲ.

CHUYÊN TRỊ: SẢN KHOA VÀ TẤT CẢ CÁC BỆNH ĐÀN BÀ

- **SẢN KHOA:** Thăm thai và đích thân đỡ đẻ, kể cả trường hợp khó khăn. Kế hoạch hóa gia đình (OCA,Deproprovera, Norplant). Cột kẹp hoặc đốt ống dẫn trứng. Có thể sinh thường những trường hợp đã mổ (previous C/Section). Hướng dẫn để sinh trai gái theo ý muốn. Hiếm muộn và giải phẫu hiếm muộn.
- **PHỤ KHOA:** Kinh nguyệt bất thường. Nhiễm trùng bộ phận sinh dục. Huyết trắng. Rối loạn sinh lý. Truy tầm Ung thư vú. Ung thư cổ tử cung và điều trị tiền ung thư cổ tử cung. Chẩn đoán và điều trị bướu âm đạo, tử cung và buồng trứng.
- **GIẢI PHẪU:** Bướu tử cung, buồng trứng, ống dẫn trứng. Ngưng sanh. Bệnh sa tử cung và sửa âm đạo. Bệnh không điều khiển nước tiểu. Các bệnh điều trị bằng Laser

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - BẢO HIỂM CÁC LOẠI

Xin Vui Lòng Lấy Hẹn

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10:00AM - 6:30PM

Thứ Bảy: 10:00AM - 3:00PM

14024 Magnolia, Suite #104 - Westminster, CA 92683

(714) 898-1375 (24 Hrs.)

Siêu thị

KINH ĐÔ

13904 Brookhurst Street - Garden Grove, CA 92643

(Góc Brookhurst & Westminster -
Đối diện Target, cạnh Service Merchandise)

(714) 537-4602

- ✦ *Siêu thị lớn và khang trang*
- ✦ *Đầy đủ các loại thịt cá, rau cải tươi.*
- ✦ *Đầy đủ các loại thực phẩm khô.*

GIÁ RẺ, HÀNG SALE THƯỜNG XUYÊN

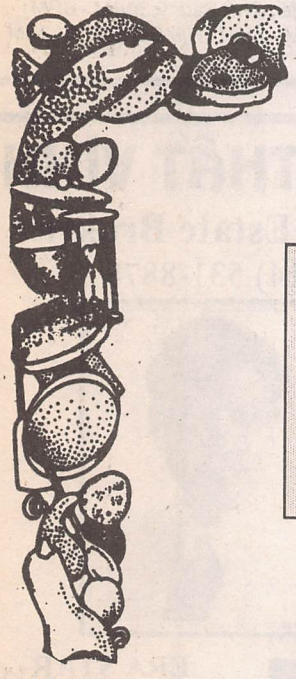

- ☆ Mua $20.00 có quà tặng. Càng mua nhiều càng tặng nhiều.
- ☆ Mua từ $60.00 trở lên được tặng 1 bao gạo thơm.
- ☆ Rau muống 49 cents / 1 pound.

ĐẶC BIỆT:

SIÊU THỊ KINH ĐÔ LÀ NGÔI CHỢ VIỆT NAM DUY NHẤT CÓ RAU CẢI TƯƠI MỖI NGÀY TỪ NÔNG TRƯỜNG ĐEM VỀ.

PARKING RỘNG RÃI, AN TOÀN
CÓ NHÂN VIÊN AN NINH CANH GÁC.

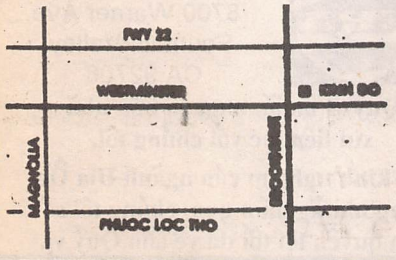

SIÊU THỊ KINH ĐÔ
KÍNH MỜI.

TẠI LONG BEACH

BÁC SĨ Y KHOA

VÕ VĂN PHÁC, M.D.

CHUYÊN MÔN NỘI THƯƠNG NGƯỜI LỚN & TRẺ EM
Y KHOA GIA ĐÌNH

CHUYÊN MÔN:

* Y khoa gia đình.
* Các bệnh nội, ngoại thương tổng quát.
* Bệnh toàn khoa người lớn và trẻ em. (Các bệnh về tim, phổi, thực quản, bao tử, gan, ruột, cao huyết áp, phong thấp, tiểu đường).
* Bệnh ngoài da, hoa liễu, dị ứng (allergy).
* Bệnh phụ nữ, đàn bà, thăm thai, kế hoạch hóa gia đình.
* Chích ngừa, khám bệnh nhập học, theo dõi sức khỏe, định kỳ trẻ em.
* Cộng tác với chương trình WIC cho sản phụ, trẻ em.
* Tiểu giải phẫu các bướu dưới da, mụn cóc, nốt ruồi, cắt da qui đầu.

THỬ NGHIỆM:

* Mỡ trong máu (cholesterol).
* Các loại về máu, nước tiểu.
* Thử máu hôn thú.
* Truy tầm ung thư vú, tử cung.

Trang bị máy đo tim, đo phổi, máy massage.

NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH
NHẬN MEDICAL, MEDICARE
VÀ BẢO HIỂM CÁC LOẠI

Giờ Khám Bệnh:
Mon - Fri: 9:30 AM - 6:30 PM
Sat: 9:00 AM - 3:00 PM

611 E. Anaheim St., Long Beach, CA 90813
(Giữa Atlantic Blvd. & Lime Ave.)
Tel: (310) 591-8982

BÁC SĨ

BÙI ĐỒNG

BỆNH NGOÀI DA VÀ TỔNG QUÁT

9559 BOLSA AVE., SUITE A
WESTMINSTER, CA 92683
(714) 531-4616
(714) 531-4617

- Nguyên ban giảng huấn trường đại học Y Khoa Sàigòn
- Nguyên Y Sĩ Chuyên Môn Bệnh Viện Bình Dân, Nhi Đồng và Sùng Chính
- Hội viên Hội Hàn Lâm Viện Ngoài Da Hoa kỳ.

CHUYÊN TRỊ
BỊNH NGOÀI DA & HOA LIỄU
(Skin Diseases and Veneral Diseases)
BỊNH DỊ ỨNG (Allergy)
GIẢI PHẪU DA (Skin Surgery)

Giờ khám bệnh: (theo hẹn)
Thứ Hai đến Thứ Sáu: 9:30AM - 6PM
Thứ Tư: 1PM - 6PM, Thứ Bảy: 9AM - 3PM

TIM'S AUTO REPAIR

DOMESTIC & IMPORT

1020 Harbor Blvd. (At Hazard)
Santa Ana, CA 92703

(714) 554-9500

- ***BRAKES - A/C - CARBURETOR***
- ***TUNE-UP - ENGINE REBUILT***
- ***SMOG CHECK - NO PASS NO PAY***

Tim Tien Nguyen
Owner

TÔN THẤT VINH

Real Estate Broker

(714) 531-8878

ERA STAR
Real Estate Center
8700 Warner Ave.
Fountain Valley,
CA 92708

Quý vị muốn mua và bán nhà xin liên lạc với chúng tôi.

Với kinh nghiệm của ngành Địa Ốc trong những năm qua, chúng tôi sẽ đem quyền lợi tối đa về cho Quý vị.

BÁC SĨ Y KHOA

VĨNH THỪA, M.D.

- Tốt nghiệp Bác sĩ Toàn khoa tại Catholic University of Louvain, Belgium.
- Tốt nghiệp Bác sĩ Nhi khoa tại Cleveland Clinic's Children's Hospital, Ohio.
- Nguyên Bác sĩ của St. Luke's University Hospital, Brussels.
- Nguyên Bác sĩ Nhi khoa của Bellflower Medical Group, L.A. County.
- Bác sĩ điều trị tại Fountain Valley Regional Hospital, Humana Hospital Westminster và Santa Ana Hospital Medical Center.
- Hội viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (AMA) & Hàn Lâm Viện Nhi Khoa Hoa Kỳ (AAP)

CHUYÊN KHOA NHI ĐỒNG
TOÀN KHOA NGƯỜI LỚN
TIỂU GIẢI PHẪU, CHÍCH NGỪA
THỬ NGHIỆM MÁU, NƯỚC TIỂU, CHIẾU ĐIỆN

Giờ làm việc:
Thứ Hai - Thứ Sáu 9 AM - 1 PM, 2 PM - 6 PM
Thứ Bảy 9 AM - 1 PM
Nhận bảo hiểm & medical

(714) 265-2191
1919 N. Fairview, Suite 309, Santa Ana, CA 92706
(Gần ngã tư Fairview và Westminster, bên cạnh Santa Ana Hospital)

ORANGE Pharmacy & COPY CENTER

9950 Bolsa Ave. - Westminster, CA 92683
(Ngã tư Bolsa & Brookhurst)

Tel: (714) 775-6301 ☎ Fax: (714) 775-0891

- ★ Nhận Bảo Hiểm, Medical, Visa & Master Card.
- ★ Giao thuốc tận nhà miễn phí.
- ★ Nhận gửi quà, đánh điện tín, đánh Fax và thư về Việt Nam nhanh chóng, bảo đảm.

XEROX 3 ¢/copy *Không giới hạn số lượng*

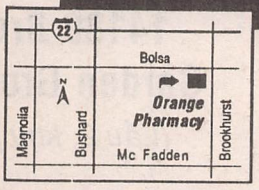

Open:
Monday - Friday:
10 AM - 8 PM
Saturday:
10 AM - 5 PM

Bác Sĩ

VÕ VĂN TÙNG

NHI KHOA & Y KHOA GIA ĐÌNH

- Tốt nghiệp Chuyên môn tại Thụy Sĩ & Hoa Kỳ
- Nguyên Y Sĩ Trưởng trại Binh sĩ & Gia đình Binh Sĩ Tổng Y Viện Duy Tân, Đà Nẵng
- Nguyên Trưởng Khu Nhi Khoa Trung Tâm Y Tế Toàn Khoa Đà Nẵng
- Bác Sĩ điều trị các Bệnh viện Fountain Valley, Children Hospital v.v... Hành nghề trên 20 năm tại Việt Nam & Mỹ

CHUYÊN KHÁM:

- ✦ Bệnh trẻ sơ sinh, Săn sóc trẻ mới sinh tại Bệnh viện Fountain Valley. Tất cả các bệnh liên quan đến trẻ em (cảm, sổ mũi, ho, sưng phổi, tiêu chảy, bệnh tai, mũi, họng, bệnh ngoài da, chậm lớn, kém thông minh, chích ngừa nhập học...)
- ✦ Bệnh nội thương, người lớn. Bệnh biến ứng (Allergy).
- ✦ Bệnh đàn bà - Châm cứu các bệnh đau nhức, phong thấp
- ✦ Cộng tác với Chương trình Bông sữa WIC

Giờ khám bệnh:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 6 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 2 PM

9559 Bolsa Ave., Ste. #D • Westminster, CA 92683
(714) 531-5754
(Trên lầu Thành Mỹ Restaurant, trong khu Bolsa Mini Mall)

LIEN D, NGUYEN, CPA

Hội viên AICPA, California Society of CPA.

- KHAI THUẾ CÁ NHÂN, THƯƠNG MẠI.
- GIỮ SỔ SÁCH KẾ TOÁN.
- CỐ VẤN ĐẦU TƯ.
- ĐẠI DIỆN THÂN CHỦ TRONG TRƯỜNG HỢP BỊ AUDIT.

(714) 530-3602

14180 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
(Lầu 2, khu phố ngói xanh)

Kamala Flowers and Music

(Tiệm Bông Liên - Hoa)

14044 Magnolia St., Ste. 128 - Westminster, CA 92683
(Góc Westminster & Magnolia - Trong khu chợ Phát Tài)

Tel: (714) 891-8130 • Pager: (714) 571-6483
Free: 1-800-700-4443

- ***Phong lan - Cây kiểng - Bàn chông cắm hoa***
- ***Cho mướn thùng hơi thổi bong bóng***
- ***Trang trí bong bóng cho mọi dịp lễ.***
- ***Giao hoa khắp mọi nơi.***
- ***Bán bong bóng có in hình Phật Đản Sanh cho lễ Phật Đản và hình Mục Liên Kiều cho lễ Vu Lan.***
- ***Có hoa hồng cài áo cho lễ Vu Lan.***

VISA & MASTER CARD

DISCOUNT
EXOTIC FRESH & SILK

- Private & Group Piano Lessons
- All Ages & Levels
- Professional Piano Instruction.

- Thủy Rios Certificate Ikenobo Ikenaba Designer
- Robert Rios 30 years exp. Ph.D Pianist

FLOWERS AND MUSIC

- Complete Floral Services.
- Original Quality Design.
- Live Classical Piano Music For Weddings & Parties.

Bác Sĩ PHAN TUYẾT MAI, M.D.

Chuyên Khoa Giải Phẫu Nhãn Khoa (Eye Physician and Surgeon)

Diplomate of The American Board of Opthalmology

- ★ *Tốt nghiệp Bác sĩ Y Khoa Harvard Medical School, Boston, Massachusetts.*
- ★ *Thường trú Nội Khoa Massachusetts General Hospital, Harvard Medical School.*
- ★ *Tốt nghiệp Chuyên Khoa Nhãn Khoa (Giải phẫu và Điều trị Nhãn Khoa) Jules Stein Eye Institute, UCLA.*
- ★ *Tốt nghiệp Hậu Chuyên Khoa Giải Phẫu và Ghép Giác mạc (Fellowship in Cornea and External Disease, Corneal Transplant), Massachusetts Eye and Ear Infirmary, Harvard Medical School.*
- ★ *Hội viên Hội Society Of The Heed Fellow (Hội đoàn Bác sĩ Giải Phẫu Nhãn Khoa Ưu tú).*
- ★ *Giảng huấn viên Khu Nhãn Khoa (Department of Opthalmology) Đại Học Y Khoa UCLA Jules Stein Eye Institute.*

9500 Bolsa Ave. #P
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 775-4400

GIẢI PHẪU VÀ ĐIỀU TRỊ:

- ❒ *Mắt lòa - Mắt cườm (Cataract) - Ghép kính nhân tạo (Lens implant).*
- ❒ *Mộng thịt trên tròng trắng và tròng đen (Pterygium).*
- ❒ *Giải phẫu cận thị - Loạn thị (Radial Keratotomy)*
- ❒ *Đo và làm kính, Contact lens.*
- ❒ *Giải phẫu bằng tia sáng Laser.*
- ❒ *Giải phẫu áp suất mắt cao (Glaucoma) - Mắt lé - Giải phẫu mí mắt.*
- ❒ *Chữa mọi trường hợp viêm mắt, mắt loét, đỏ hoặc khô.*

Khám bệnh theo hẹn

- ❒ *Với sự cộng tác của Nhóm Bác sĩ Giải Phẫu Nhãn Khoa chuyên môn và danh tiếng vùng Southern California.*
- ❒ *Trang bị đủ những máy móc thử nghiệm và Tia sáng Laser tối tân.*

CHUYÊN GIẢI PHẪU VÀ GHÉP GIÁC MẠC MỚI (Corneal Transplant) Để Điều Trị Những Trường Hợp Giác Mạc, Mắt Bị Mờ Trắng, Đục Trắng, Sẹo Gây Ra Bởi Tai nạn, Vi Trùng, Bệnh Ban, Trái Hoặc Sau Khi Giải Phẫu Mắt Bị Hỏng.

Bác Sĩ NGUYỄN PHÚC VĨNH KHIÊM, M.D.

CHUYÊN KHOA BỆNH TIM VÀ HUYẾT QUẢN

- ★ Diplomate American Board Of Internal Medicine.
- ★ Diplomate American Board Of Cardiovascular Disease.
- ★ Tốt nghiệp Bác sĩ Y Khoa, Harvard Medical School, Boston, Massachusetts.
- ★ Thường trú Nội Khoa (Internal Medicine), Massachusetts General Hospital, Harvard Medical School.
- ★ Tốt nghiệp Chuyên khoa Bệnh Tim (Cardiology), Stanford of Medicine, Palo Alto, California.
- ★ Tốt nghiệp Hậu Chuyên khoa Thông Tim (Advanced Fellowship in Angioplasty), Seton Medical Center, San Francisco, dưới sự điều khiển của Bác sĩ Richard Myler và Bác sĩ Simon Stertzer (Hai vị khai sinh của ngành Angioplasty).
- ★ Nguyên Giám Đốc chương trình Soi tim và Thông tim (Interventional Cardiology) cho HMO FHP, Los Angeles (1989-1992).
- ★ Bác sĩ điều trị tại Samaritan, Los Angeles.

Với sự hợp tác của nhóm bác sĩ uy tín bậc nhất tại bệnh viện Good Samaritan, Los Angeles: Bác sĩ Stanley Wishner (Cardiology) và Bác sĩ Gregory Kay (Cardiothoracic Surgery).

1245 Wilshire Blvd., #707
Los Angeles, CA 90017
24 Hrs. Answering Service:
(213) 977-0101
Tiếng Việt: **(818) 787-9377**

CHUYÊN CHẨN VÀ ĐIỀU TRỊ BỆNH TIM VÀ HUYẾT QUẢN
Bằng Phương Pháp Soi và Thông Tim
(Cardiac Catheterization, Coronary Angioplasty, Peripheral and Renal

ĐỊA CHỈ MỚI TẠI LITTLE SAIGON
9500 Bolsa Ave., #P
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 775-4400

- ❒ Ngăn ngừa Bệnh tim (Preventive Cardiology): Bệnh cao mỡ (Cholesterol), Áp huyết cao (Hypertension) và Tiểu đường (Diabetes).
- ❒ Bệnh nghẽn mạch máu tim (Coronary artery disease).
- ❒ Bệnh tim bẩm sinh (Congenital heart disease).
- ❒ Bệnh van tim (Vascular heart disease).
- ❒ Bệnh tim đập thất nhịp (Arrythmia).
- ❒ Bệnh nghẽn mạch máu dưới chân (Peripheral arterial disease): Đau chân khi đi, lạnh chân.
- ❒ Bệnh nghẽn mạch máu trong thận làm áp huyết cao (Renovascular disease).

NHẬN MEDICAL, MEDICARE VÀ BẢO HIỂM.

Xin lấy hẹn trước

Giờ Làm Việc:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:00 AM - 5:30 PM
Thứ Bẩy và Chủ Nhật: Khám theo hẹn

Bác Sĩ Nha Khoa

DƯƠNG ÚT, D.D.S.

(DOCTOR OF DENTAL SURGERY)

Tốt nghiệp Đại Học Đường Loma Linda California USA.

- ❑ Nha sĩ kinh nghiệm hành nghề nhiều nơi.
- ❑ Chuyên trị các trường hợp sai lệch khớp nhai, tái tạo khớp nhai (FULL MOUTH RE-CONSTRUCTION
- ❑ Chữa răng bằng phương pháp và kỹ thuật máy móc mới nhất ở Hoa Kỳ.

- ▼ **NHA KHOA THẨM MỸ:** Bonding, Veneer.
- ▼ **NHA KHOA NHI ĐỒNG:** Kiên nhẫn và nhẹ nhàng với trẻ em.
- ▼ **NHA KHOA TỔNG QUÁT:**
  - *Trám răng, nhổ răng, lấy gân máu.*
  - *Răng giả các loại.*
  - *Bệnh nướu răng (Gum disease).*
  - *Giải phẫu.*

XIN VUI LÒNG LẤY HẸN TRƯỚC
TRỪ TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

Giờ mở cửa:
Thứ Hai - Thứ Bảy: 10:00 sáng đến 6:00 chiều.

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

CHUYÊN SỬA CHỮA CÁC LOẠI RĂNG GIẢ BỊ HƯ HẠI

Tel: (213) 617-2778

807 CESAR E. CHAVEZ AVE.
LOS ANGELES, CA 90012

PHÒNG MẠCH NỘI THƯƠNG TỔNG QUÁT

Bác Sĩ **TRẦN NHƠN, M.D.**

14082 Magnolia Ave., Suite #109 • Westminster, CA 92683

(Góc Magnolia và Westminster, trong khu chợ Phát Tài)

Điện thoại: (714) 895-8583

- Tốt Nghiệp Chuyên Môn Nội Thương Hoa Kỳ (Internal Medicine)
- Nguyên Giảng Viên Đại Học Y Khoa Huế
- Nguyên Bác Sĩ Điều Trị Nội Khoa Các Bệnh Viện
- Nguyên Nội Trú Bệnh Viện Đồn Đất (Gral, Saigon)
- Hội Viên Hội Y Sĩ Hoa Kỳ
- Hội Viên Hội Nội Thương Hoa Kỳ

- **Bệnh Dị Ứng:** Sổ mũi, nghẹt mũi kinh niên, suyễn, mề đay, phong ngứa, thử allergy và dùng tiêm chích miễn dịch trị liệu.
- **Bệnh Tim Mạch:** Tim loạn nhịp, hồi hộp, đau tức ngực, cao máu, suy tim.
- **Bệnh Phổi:** Ho kinh niên, khó thở, viêm phổi, lao phổi, ung thư phổi.
- **Bệnh Tiêu Hóa:** Đau bụng, tiêu chảy, táo bón kinh niên, khó tiêu, ợ chua, loét bao tử, ung thư ruột, bệnh gan mật.
- **Bệnh Thần Kinh:** Nhức đầu, lo âu, mất ngủ, động kinh.
- **Bệnh Tiết Niệu:** Viêm thận, viêm tiết niệu, bệnh hoa liễu.
- **Bệnh Máu:** Thiếu máu, ung thư máu.
- **Bệnh Nội Tiết:** Bướu cổ, đái đường.
- **Bệnh Phong Thấp:** Viêm đau, khớp xương.
- **Bệnh Ngoại Da:** Mụn, ghẻ, Eczema, lang ben.

- Những bệnh liên quan đến tuổi già.
- Khám tổng quát định kỳ, chích ngừa nhập học, thi đua thể thao, cảm cúm, viêm phổi.
- Nhận làm bác sĩ gia đình
- Khám và thử máu cho chứng chỉ hôn nhân.

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10:00AM-6:00PM

Thứ Bảy: 10:00AM-3:00PM

Chủ nhật: Theo hẹn

NHẬN MEDICAL, MEDICARE VÀ BẢO HIỂM

Bác Sĩ BÙI MINH ĐỨC

Chuyên Khoa **TAI - MŨI - HỌNG, GIẢI PHẪU ĐẦU VÀ CỔ**

9131 Bolsa Ave. Suite 201 - Westminster, CA 92683
(Trong khu Cathay Bank)

Tel: (714) 894-5581

- *Hội viên Hội Tai-Mũi-Họng Hoa Kỳ (Fellow, American Academy of Otolaryngology, Head and Neck Surgery).*
- *Hội viên Hội Tai-Mũi-Họng Đức Quốc (Mitglied, Deutsche Gesellschaft fuer Hals-Nasen-Ohren Heilkunde, Kopf und Hals Chirurgie).*
- *Hội viên Hội Mũi Học Hoa Kỳ (Fellow, American Rhinologic Society).*

CHUYÊN TRỊ CÁC BỆNH VỀ TAI - MŨI - HỌNG:

- **TAI:** Tai chảy mủ, Đau tai, Ù tai, Điếc tai, Vá màng nhĩ (Vi phẫu tai). Giúp mang máy điếc.
- **MŨI:** Nghẹt mũi, Chảy mũi, Ngứa mũi, Hôi mũi, Chảy máu cam. Giải phẫu xoang bằng Nội soi (Functional Endoscopic Sinus Surgery).
- **HỌNG:** Vướng họng, Nghẹt họng, Đằng hắng, Khàn giọng, Ngáy ban đêm: Giải phẫu bằng tia Laser.

ĐẶC BIỆT: TRUNG TÂM NỘI SOI TAI - MŨI - HỌNG VỚI VIDEO (Video Fiberoptic Endoscopy).

- Dàn Nội Soi hiện đại, tối tân nhất.
- Định bệnh chính xác. Định bệnh sớm.
- Thấy rõ bệnh mình trên Video. Có hình chụp.
- Tối cần để tìm Ung thư họng.

Giờ khám:
Buổi sáng (Thứ Hai và Thứ Sáu): Từ 10 giờ sáng.
Buổi chiều: Từ 1 đến 6 giờ.
Thứ Bảy: Từ 10 giờ sáng đến 3 giờ chiều.
Chủ Nhật và Ngày Lễ: Nghỉ.

XIN LẤY HẸN TRƯỚC.

Bác Sĩ

LÊ VĂN CẨM, M.D.

J. Fellow Of American Academy Of Pediatrics

9341 Bolsa Ave., - Westminster, CA 92683

Điện thoại: (714) 894-9666

CHUYÊN KHOA NHI KHOA

SƠ SINH, TRẺ EM VÀ CÁC BỆNH THANH THIẾU NIÊN.

Y KHOA TỔNG QUÁT NGƯỜI LỚN

Bác Sĩ điều trị tại Bệnh viện Fountain Valley Regional Hospital

Nhà Thuốc Tây

MAI Pharmacy

11801 Inglewood Ave., Suite 3 - Hawthorne, CA 90250

(310) 676-7581

Dược sĩ Mai Duy Cát, Pharm. D.

- *Bán thuốc theo toa Bác sĩ và Nha sĩ.*
- *Thuốc thông thường, đặc chế và tương đương.*
- *Bán và gửi thuốc về Việt Nam.*
- *Nhận Medical và Bảo Hiểm*

Giờ mở cửa:
Hàng ngày: 9:30 sáng - 6:30 chiều
Thứ Bảy: 9:30 sáng - 2:30 chiều
Chúa Nhật: Nghỉ

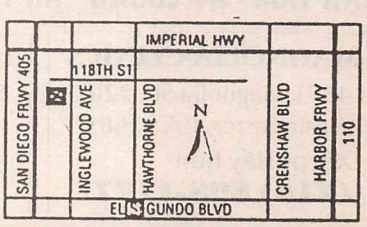

MỜI ĐỌC 3 BĂNG THƠ GIÁ TRỊ

CỦA KIÊM THÊM
VỚI NHỮNG GIỌNG NGÂM HAY NHẤT,
THỰC HIỆN CÔNG PHU.

☆ THƠ VỀ HUẾ

2 CD & Cassette, giá $15.00
Tú Quỳnh sản xuất và phát hành.
Tel: (714) 531-6284

☆ DẤU TÍCH NGÀN NĂM

2 CD & Cassette, giá $15.00
Nhạc Tình Music Center sản xuất và phát hành
Tel: (714) 531-6781

☆ THỜI CHIA BIỆT

2 CD & Cassette, giá $15.00
Biển Productions sản xuất và phát hành
Tel: (714) 537-8614

LIPO SUCTION CENTER & LASER SURGERY

TRẦN TIỄN HUYẾN, M.D., F.A.C.S.

American Board Of Surgery - Member American Academy Of Cosmetic Surgery

AESTHETIC LASER SURGERY
- ❒ Căng da mặt, xóa đường nhăn trên mặt.
- ❒ Chữa mặt rỗ do mụn.
- ❒ Xóa tàn nhang, nốt ruồi.
- ❒ Xóa hình xâm Tattoo.
- ❒ Chữa trị các vết chàm lớn nhỏ bẩm sinh.

LIPO SUCTION & BODY CONTOURING
- ❒ Hút mỡ mông, đùi, tay, chân.
- ❒ Hút mỡ bụng - Căng da bụng.
- ❒ Hút mỡ cằm - Căng da cằm.
- ❒ Chích mỡ vào bàn tay, mặt.

GIẢI PHẪU THẨM MỸ
- ❒ Sửa ngực và nâng ngực với túi Saline.
- ❒ An toàn.
- ❒ Sửa mắt 2 mí.
- ❒ Sửa mũi.
- ❒ Sửa cằm.
- ❒ Cắt nốt ruồi.
- ❒ Sửa âm đạo theo ý muốn.

TẬN TÂM - KỸ LƯỠNG - AN TOÀN - GIÁ PHẢI CHĂNG.

MAGNOLIA CLINIC
14571 Magnolia St., #207
Westminster, CA 92683
Xin gọi lấy hẹn
(714) 898-1177

ALHAMBRA OFFICE
841 E. Valley Blvd., Ste. 103
Alhambra, CA 91803
(818) 308-1122

YAG LASER SURGERY
- ❒ Bệnh Trĩ, Mạch lươn, Bệnh đường ruột.
- ❒ Truy tầm Ung thư ruột.

THÀNH PHẦN BAN TỔ CHỨC

Đại Lễ Kỷ Niệm
100 Năm Ngày Thành Lập Trường Quốc Học
và 80 Năm Ngày Thành Lập Trường Đồng Khánh
Chung cho Hoa Kỳ và Hải Ngoại
tại San Jose - California

Trưởng Ban:	Hà Như Chi
Phó Trưởng Ban:	Trần Sĩ Huân
	Ngô Thị Hoàng Anh
Tổng Thư Ký:	Nguyễn Châu
Phó Tổng Thư Ký:	Hoàng Lệ Chi
Thủ Quỹ:	Đặng Thị Liệu
Đặc Trách Nghi lễ:	Nguyễn Trung Chí
	Hồ Văn Lê
Đặc Trách Tiếp Tân:	Nguyễn Văn Miễn
	Phan Hiệp Thành
	Lê Đình Gia
Đặc Trách Triển Lãm:	Trần Như Hạo
	Phan Mộng Hoàn
Đặc Trách Đặc San:	Nguyễn Châu
	Trần Sĩ Huân
Đặc Trách Văn Nghệ:	Trần Hưng Toàn, Nguyễn Đức Mai,
	Hà Thúc Như Hỷ, và Bửu Thụ
Đại Diện QHĐK - San Francisco:	Ô. Bà Nguyễn Văn Đãi
	& Nguyễn Khoa Diệu Liễu
Đại Diện QHĐK - Sacramento:	Nguyễn Xuân Mộng
Đại Diện QHĐK - Nam California:	Thân Thị Hảo
	Võ Văn Tùng
Đại Diện Washington D.C.:	Trần Đoàn
Đại Diện QHĐK - Texas:	Tôn Nữ Quế Hương
Đại Diện QHĐK - Illinois:	Nguyễn Phước Bửu Tạp
Đại Diện QHĐK - Kentucky:	Nguyễn Văn Hai
Đại Diện QHĐK - Miền Đông HK:	Trương Thị Hoa Diên
Đại Diện QHĐK - Miền TrungTây HK:	Ô. Bà Lê Thanh Minh Châu &
	Tăng Thị Thanh Trai (ĐH Huế)
Đại Diện QHĐK - Canada:	Nguyễn Hữu Thứ
	Lê Khắc Ngọc Quỳnh
Đại Diện QHĐK - Pháp:	Phạm Đăng Sum
Đại Diện QHĐK - Đức:	Hà Ngọc Minh
Đại Diện QHĐK - Áo:	Hà Vĩnh Phương
Đại Diện QHĐK - Úc:	Lê Ngọc Thiều
	Bùi Ngọc Lan

DANH SÁCH ÂN NHÂN ỦNG HỘ

Ngày Nhớ Huế & Tuyển Tập Nhớ Huế 96

- Ô.B BS Nguyễn Duy Ái, Westminster.
- Ô.B Bửu Bang, Los Angeles.
- Ô.B BS Lê Văn Cẩm, Westminster.
- Ô.B DS Mai Duy Cát, Mai Pharmacy.
- DS Nguyễn Kim Chi, Westminster.
- Ô.B BS Võ Văn Cầu, Westminster.
- Ô.B Trần Ngọc Châu, Van Nuys.
- Ô. Lê Bá Chư, TT Giáng Ngọc, Westm.
- Ô.B BS Huỳnh Hữu Cửu, Westminster.
- Ô.B DS Quách Nhứt Danh, Danh & Linh Pharmacy, Westminster.
- Ô.B BSNK Võ Trọng Di, San Diego.
- Ô.B Trần Dũ, Little Saigon Market.
- Quảng Đà Restaurant, Garden Grove.
- Ô.B Lê Phúc Điểm, Westminster.
- KT Furniture, Anaheim — Kim Thọ Jewelry
- Ô.B BS Bùi Đồng, Westminster.
- Ô.B BS Bùi Minh Đức, Westminster.
- Ô.B BS Lê Văn Giao, Westminster.
- Bà Bạch Thu Hà, Thuha Beauty, Midway City.
- Ô.B BS Thượng Hải, Garden Grove.
- Ô.B BS Trần Quang Hân, Victorville
- Ô.B BS Vương Đức Hậu, Westminster.
- Ô.B LS Đỗ Hữu Hòa, CosmetiCare.
- DS Trịnh Lê Hồng, Catinat Pharmacy, Westminster.
- BSNK Trần Ngọc Tâm Hương, Reseda.
- BS Võ Đình Hữu, Pomona.
- Ô.B Vĩnh Huyên, Huntington Beach.
- Ô.B BS Trần Tiễn Huyến, Westm.
- Kamala Flower & Music, Westminster.
- Ô.B DS Trang Kiên DS Tôn Nữ Duy Thạnh, San Diego
- Ô.B BS Thái Doãn Kim, Canoga Park.
- Ô.B BS Nguyễn Phúc Vĩnh Khiêm & BS Phan Tuyết Mai, Westminster
- Ô.B BS Nguyễn Khắc Lân, Westminster.
- Ô.B Nguyễn Đình Liễn, Westminster.
- Ô.B BS Lê Phước Lộc, Van Nuys.
- Ô.B Bửu Lộc, Seafood World, Westm.
- BSNK Hồ Như Mai, Los Angeles.
- BS Thái Diệu My, Santa Ana.
- Ô.B Bửu Ngự, Thanh Nhàn, Westm.
- Ô.B BS Lê Nguyên & DS Đỗ Như Hồng, San Jose.
- Ô.B Lê Nguyễn, Insurance Services West Hills.
- Ô.B BS Trần Nhơn, Westminster.
- Ô.B BS Võ Văn Phác, Long Beach.
- Ô.B BSNK Hồ Văn Phú, Hawthorne.
- Ô.B Ngọc Quán, Khu Phước Lộc Thọ, Westminster.
- BSNK Trần M. Quân, Irvine.
- Ô.B BS Trần Tiễn Sum, Los Angeles.
- BS Vĩnh Thừa, Santa Ana.
- Ô.B BS Nguyễn Văn Thuận, Hawthorne.
- BS Tôn Nữ Kiều Tiên và Dương Thùy Trang, Westminster.
- NS Thái Quỳnh Thư, Canoga Park.
- Ô.B DS Hoàng Ngọc Tuệ, Westminster.
- Ô.B BS Võ Văn Tùng & Tam's Pharmacy, Westminster.
- Ô.B Võ Văn Vạn, Hủ Tiếu Thanh Xuân Sàigòn, Westminster.
- Ô.B BSNK Dương Út, Los Angeles.
- BSNK Ngô Thị Vinh, Simi Valley.
- Ô.B BS Đoàn Yến, Los Angeles.

SEAFOOD WORLD

FINEST CHINESE RESTAURANT

15351 Brookhurst St., Suite #101 - 106 • Westminster, CA 92683

(Giữa Mc Fadden và Bolsa)

Tel: (714) 775-8828 - Fax: (714) 775-2317

- Nhà hàng Seafood nổi tiếng về tiệc cưới, hội đoàn với 600 chỗ ngồi rộng rãi, lịch sự và sang trọng.
- Trang trí độc đáo, khung cảnh tuyệt đẹp, nghệ thuật và tân kỳ khác hẳn các restaurant khác.
- Đầu bếp Hongkong chuyên nghiệp đã từng đoạt nhiều giải thưởng nấu ăn quốc tế đảm trách.

GIẢI PHẪU THẨM MỸ

COSMETICARE

PLASTIC SURGERY SPECIALISTS

TRUNG TÂM GIẢI PHẪU THẨM MỸ UY TÍN VÀ LỚN NHẤT ORANGE COUNTY

CHUYÊN SỬA NHỮNG GÌ VỀ SẮC ĐẸP CHO PHÁI NAM VÀ PHÁI NỮ

Do một nhóm Bác sĩ Chuyên khoa Thẩm mỹ phụ trách dưới sự điều khiển của Bác sĩ:

MICHAEL W. NICCOLE, MD

- *Member American Society of Plastic and Reconstructive Surgeons, Inc.*
- *Board Certified and Qualified Plastic Surgeons*
  (Bác sĩ Chuyên khoa của khoa Giải phẫu Thẩm mỹ)

Phương Hiền

- ☆ Mắt hai mí, cắt thịt dư mí mắt dưới.
- ☆ Mũi cao, thon đẹp, cánh mũi, môi, cằm.
- ☆ Làm ngực căng, tròn mềm mại, đẹp tự nhiên bằng chất nước biển
- ☆ Căng đuôi mắt, căng da mặt, căng da trán, căng da bụng.
- ☆ Hút mỡ mặt, mỡ cổ, mỡ bụng, mỡ hông và mỡ đùi.
- ☆ Sửa nhỏ và làm đẹp lại cơ phận phụ nữ, đã bị biến đổi vì sinh sản.
- ☆ Sửa bộ phận sinh dục đàn ông theo ý muốn (Tham khảo với Michael Nguyễn).
- ☆ Cấy tóc cho nam và nữ.

- ✦ Có Video để Quý vị trông thấy diễn tiến cuộc giải phẫu thẩm mỹ.
- ✦ Hoàn toàn không đau, không hại sức khỏe vì dùng kỹ thuật gây mê.
- ✦ Bảo đảm an toàn vì có Bác sĩ về tim luôn luôn theo dõi sức khỏe của Quý vị.

- FINANCIAL 100%. Nhận Bảo Hiểm (Tùy trường hợp).
- Có nhận VISA - MASTER CARD

3500 S. Bristol St. #200 ❐ Santa Ana, CA 92704

(714) 850-1533 hoặc (714) 476-8538

NGOÀI TIỂU BANG CALIFORNIA, XIN GỌI TOLL FREE 1-800-954-6243 -

Có phương tiện di chuyển và chỗ ở cho khách ở xa